

Sử Ký Tư Mã Thiên

Phần 00

Lời giới thiệu

Đối với văn hóa thế giới, quyển *Sử ký* của Tư Mã Thiên chiếm một địa vị đặc biệt. Nó là công trình sử học lớn nhất của Trung Quốc và là một trong những quyển sử có tiếng nhất của thế giới. Nhưng một điều còn làm chúng ta ngạc nhiên hơn là công trình khoa học lớn lao ấy đồng thời lại là một trong những tác phẩm văn học ưu tú của nhân loại. Người Trung Quốc xem nó là tác phẩm lớn nhất về văn xuôi trong nền văn học cổ Trung Quốc, là tác phẩm cổ điển ngang hàng với thơ của Đỗ Phủ. *Sử ký* là cả một thế giới. Nó làm thỏa mãn tất cả mọi người. Người nghiên cứu tìm thấy ở đây một kho tài liệu vô giá, chính xác, với một giá trị tổng hợp rất cao. Nhà nghiên cứu tư tưởng tìm thấy qua *Sử ký* "một trong những nhà tư tưởng vĩ đại nhất của thời cổ đại". Người bình thường tìm thấy vô số những hình tượng điển hình, những câu chuyện hấp dẫn, những con người đầy sức sống mãnh liệt. Họ thấy quá khứ sống lại. Và không phải chỉ có thế, người nghiên cứu văn học còn tìm thấy ở đây một tác phẩm văn học mãi mãi tươi trẻ như sự sống, họ thấy ở đây một tâm hồn, một tâm sự đau xót đầy sức mạnh của thơ trữ tình, "một tập Ly tao không vãn" như lời đánh giá của Lỗ Tấn.

I-. Con Người

Tư Mã Thiên, tên tự là Tử Trường, sinh năm 145 trước công nguyên, ở Long Môn nay là huyện Hàn Thành, tỉnh Thiểm Tây. Tổ tiên của ông từ đời Chu đã làm thái sử. Đến đời cha của ông là Tư Mã Đàm làm thái sử lệnh của nhà Hán. Đàm là một người học rất rộng, rất thích học thuyết Lão Trang. Chức sử quan ngoài việc chép sử còn coi thiên văn, làm lịch, bói toán. "Nghề viết văn, viết sử, xem sao, xem lịch thì cũng gần với bọn thầy bói, thầy cúng. Chúa thượng vẫn đùa bỡn nuôi như bọn con hát, còn thế tục vẫn coi thường". Tuy vậy, Tư Mã Đàm vẫn thấy cái nghề của mình là cao quý vì ông biết nó có tác dụng to lớn đối với sự thịnh suy, hưng vong của một nước. Trong các sử quan thời trước, cũng có những người dảm hy sinh đời mình để viết sự thật, dù sự thật ấy làm vua chúa tức giận. Chẳng hạn khi Thôi Trữ giết vua Tề thì quan thái sử nước Tề viết: "Thôi Trữ giết vua của mình là Trang Công". Quan thái sử bị giết, người em lên thay vẫn viết như vậy nên bị giết luôn. Ngay lúc đó, người em thứ ba xin lên thay không thêm bớt một chữ. Thôi Trữ sợ không dám giết. Không Tử làm kinh *Xuân Thu* cũng là chép lại nhưng sự thực lịch sử cốt để "chê thiên tử, ức chế chư hầu, phạt tội các đại phu, nêu rõ vương đạo".

Tư Mã Thiên sống thời thơ ấu ở Long Môn, cày ruộng, chăn cừu, làm bạn với những người nông dân bình thường và học các sách sử cổ. Lên mười tuổi, ông đã học *Tả truyện*, *Quốc ngữ*, *Thế bản* và thuộc lòng hầu hết những bài văn nổi tiếng của thời trước.

Tư Mã Đàm hết sức chú ý đến việc giáo dục con. Năm Tư Mã Thiên hai mươi tuổi, ông bảo con lên đường đi du lịch để xem tận mắt những nơi sau này Tư Mã Thiên sẽ phải viết sử. Tư Mã Thiên trước tiên đi về Nam đến Trường Giang, vượt sông Hoài, sông Tứ, thăm mộ mẹ Hàn Tín, đoạn lên núi Cối Kê xem nơi vua Hạ Vũ triệu tập chư hầu, vào hang Vũ Động tìm di tích vua Vũ. Ở Cối Kê ông đã nghe những chuyện kể về vua Việt Câu Tiễn. Ông lên Cô Tô tìm di tích Ngũ Tử Tư, đi thuyền trên Thái Hồ sưu tầm truyền thuyết về Tây Thi, Phạm Lãi. Sau đó ông đi ngược lên Trường Sa, đến bến Mịch La khóc Khuất Nguyên, đến sông Tương trèo lên núi Cửu Nghi nhìn dấu vết mộ vua Thuấn và khảo sát những tục cũ từ thời Hoàng Đế. Ông lên miền Bắc vượt sông Vãn, sông Tứ đến nước Tề, nước Lỗ, bồi hồi nhìn lăng miếu của Khổng Tử, say sưa nghe nhân dân kể chuyện Trần Thiệp, đến đất Tiết thăm hỏi di tích của Mạnh Thường Quân, lên Bành Thành quê hương Lưu Bang để tìm hiểu rõ thời niên thiếu của những con người đã dựng nên nhà Hán. Ông sang nước Sở thăm đất phong của Xuân Thân Quân, đến nước Ngụy hỏi chuyện Tín Lãng Quân rồi trở về TRàng An. Sau chuyến đi kéo dài ba năm ông còn đi những chuyến khác cũng để tìm tài liệu. Trong thời xưa việc đi lại rất khó khăn, trên đường giặc cướp rất nhiều, những nhà du thuyết cổ bốn ba từ nước này sang nước khác cũng chỉ ở trong một địa bàn rất hẹp chớ chưa có ai vì mục đích khoa học lại đi

xa như vậy. Có thể nói trừ miền Quảng Đông, Quảng Tây, còn từ Vân Nam, Tứ Xuyên cho đến Vạn lý trường thành ở đâu cũng có vết chân của ông. Ông là một trong những nhà du lịch lớn nhất của thời cổ.

Những cuộc du lịch ấy đã cung cấp cho ông vô số tài liệu, truyền thuyết, giúp ông thấy được thái độ của nhân dân đối với những nan vật, những biến cố lịch sử và cho ông rất nhiều chi tiết điển hình về đời sống từng người trong lúc còn hàn vi.

Chính những cuộc "đi chơi" như vậy đã làm cho Tư Mã Thiên thấy cái bao la hùng vĩ của đất nước, có được một ý thức sâu sắc về sự vĩ đại của tổ quốc về tất cả mọi mặt để thành sử gia vĩ đại của cả một dân tộc. Mã Tồn, một văn sĩ đời sau nói: "Muốn học cái văn của Tư Mã Trường thì trước tiên phải học cái chơi của Tư Trường". Câu nói đó không phải là quá đáng.

Sau lúc đi du lịch, ông làm lang trung. Lang trung là chức quan nhỏ có trách nhiệm bảo vệ nhà vua khi đi ra ngoài. Trong thời gian ấy ông biết Lý Lăng cũng làm lang trung như ông và thường gặp Lý Quảng.

Năm 110 trước công nguyên, Vũ đế chuẩn bị làm lễ phong thiện ở Thái Sơn. Tư Mã Đàm trên đường đi theo nhà vua, mắc bệnh nặng, cầm tay con khóc mà dặn:

- Tổ ta đời đời làm sử quan. Sau khi ta chết đi, thế nào con cũng nối nghiệp ta làm thái sử. Khi làm thái sử chớ quên những điều ta muốn bàn, muốn viết... Hiện nay bốn biển một nhà, vua sáng tôi hiền, ta làm thái sử mà không chép được rất lấy làm xấu hổ. Con hãy nhớ lấy!

Ông khóc mà vâng lời.

Ba năm mất tang, ông thay cha làm thái sử lệnh (năm 108 trước công nguyên) chuẩn bị viết bộ *Sử ký*, thực hiện cái hoài bão lớn nhất của người cha, đồng thời là điều mong ước duy nhất của mình. Từ năm 106 trước công nguyên ông không giao tiếp với khách khứa, bỏ cả việc nhà ngày đêm miệt mài biên chép. Như thế được ba năm thì xảy ra cái vạ Lý Lăng.

Năm 99 trước công nguyên, Vũ Đế sai Lý Quảng cầm ba vạn quân đánh Hung Nô. Bấy giờ Lý Lăng, cháu của danh tướng Lý Quảng, cầm năm vạn quân vào biên giới Hung Nô. Bị tám vạn quân Hung Nô bao vây, Lăng chỉ huy cuộc chiến đấu suốt mười ngày liền, giết hơn vạn quân địch. Nhưng cuối cùng vì cách xa biên giới, bị chặn mất đường về, quân sĩ chết hầu hết, mệt mỏi không còn sức chiến đấu, Lăng phải đầu hàng. Vũ Đế nổi giận muốn giết cả nhà Lăng, quần thần đều hòa theo ý nhà vua. Thiên biết Lăng từ hồi hai người còn làm lang trung, tuy không đi lại chơi bời, nhưng mến phục Lăng là người can đảm có phong thái của một người quốc sĩ nên tâu:

- Lý Lăng mang năm nghìn quân, tâu hăm nhập vào nước địch đánh nhau với quân địch mạnh luôn mười ngày liền, giết và làm bị thương vô số. Vua tôi Thuyền Vu sợ hãi đem tất cả kỵ binh toàn quốc bao vây. Lăng một mình hăng hái chiến đấu ở ngoài ngàn dặm, tên hết, đường về bị cắt, cứu binh không đến, người chết và bị thương chồng như núi, nhưng nghe Lý Lăng hô hào, binh lính đều phấn chấn vượt máu, chảy nước mắt giờ nắm tay không xông vào mũi nhọn cùng Hung Nô quyết chiến. Thần cho rằng Lý Lăng có thể sánh với những danh tướng ngày xưa. Nay tuy thất bại nhưng xem ông ta còn muốn có cơ hội báo đáp nước nhà.

Ông hy vọng với lời nói của mình có thể giảm nhẹ tội Lý Lăng không ngờ Vũ Đế càng giận, cho ông có ý đề cao Lý Lăng để chê Lý Quảng Lợi nhút nhát không lập nên công lao gì mà Quảng Lợi lại là anh của Lý phu nhân rất được nhà vua yêu quý. Vũ Đế sai bắt giam Tư Mã Thiên giao cho Đỗ Chu xét xử.

Nhân vật Đỗ Chu đã được Thiên nói đến trong *Khóc lại truyện*. Có người trách y: "Ông thay nhà vua coi pháp luật, tại sao không căn cứ vào pháp luật mà xét, trái lại chỉ lo chiều theo ý nhà vua?". Đỗ Chu đáp: "Luật lệ ở đâu mà ra? Chẳng phải do nhà vua mà ra đó sao?". Gặp phải bọn quan lại như vậy, cô nhiên ông không có cách nào khỏi tội. Bấy giờ có phép lấy tiền chuộc tội. Chỉ cần năm mươi vạn đồng tiền là chuộc được tội chết. Trong bức thư ông viết sau này cho Nhâm An, một người bạn cũ sắp bị chém, một người cũng cùng cảnh ngộ. Ông đã kể lại nỗi cay đắng của mình. Nhà ông nghèo, ông mãi mê theo đuổi sự nghiệp của mình quên cả gia sản, nên không sao chuộc được tội. Bạn bè, thân thích không ai nói hộ một lời, không ai giúp cho một đồng. Kết quả con người ngang tàng, hai mươi ba tuổi đầu đã đi khắp TRUNG QUỐC, học giả lớn nhất của thời đại, con người ôm cái hoài bão làm Chu Công, Khổng Tử, cuối cùng bị khép vào tội "coi thường nhà vua" và bị thiến!

Đã mấy lần uất ức quá, ông nghĩ đến việc tự vẫn. Nhưng ông thấy rằng nếu chết đi thì chẳng ai khen mình là tử tiết mà thế tục sẽ bảo đó là vì xấu hổ mà tự sát. Và chẳng, sự nghiệp chưa tròn, *Sử ký* còn dở dang, lời dặn của cha còn đó. Ông gạt nước mắt, nói: "Người ta ai cũng có một lần chết, có cái chết nặng như Thái Sơn, có cái chết nhẹ như lông hồng" và cố gắng gượng sống.

Cái ấn tượng sống nhục nhã, cô độc theo ông cho đến khi chết. mỗi khi nghĩ đến cái nhục bị hình phạt, mồ hôi vẫn cứ ướt đầm lưng áo! Nhưng ông không vì thế mà chán nản, trái lại ông càng tìm thấy ý nghĩa của cuộc sống. Ông thấy rõ hình phạt đó là một thử thách đối với những "người trác việt phi thường". Ông càng thấy cần phải viết "cho hả điều căm giận". Và chính cái hình phạt nhục nhã ấy đã làm cho ông hiểu rõ cái mặt trái của xã hội phong kiến và đứng cảm đứng về phía nhân dân. Ông đã trở thành sử gia vĩ đại của một nhân dân vĩ đại.

Quyển *Sử ký* trước kia là ý nghĩa của đời ông, bây giờ còn là nơi ông giải bày nỗi lòng uất ức. Càng cảm thấy nhục nhã, ông càng thấy thiết tha với công việc, đem tất cả tâm huyết gửi vào cái tác phẩm vĩ đại, hy vọng rằng dù mình tàn phế, bị ô nhục, nhưng quyển sách kia sẽ thay mình nói với cuộc đời.

Ở ngục ra, ông được làm trung thư lệnh. Đó là một chức quan to, ở gần vua, được ra vào cung cấm, xem tất cả các tài liệu mật. Tuy ở chức quan cao như vậy nhưng ông chỉ cảm thấy xấu hổ vì đó là chức quan chỉ dành cho những hoạn quan.

Hiện nay người ta vẫn chưa biết ông mất vào năm nào. Người ta chỉ biết ông viết bức thư trả lời cho Nhâm An năm 53 tuổi (năm 93 trước công nguyên) và sau đó không có những tài liệu gì về ông. Theo Vương Quốc Duy trong *Thái sử công hành niên khảo* có lẽ ông mất năm 60 tuổi (năm 86 trước công nguyên), cùng một năm với Vũ Đế.

Quyển *Sử ký*, như tác giả nói, không phải viết ra để mưu danh tiếng trước mắt. Sau khi ông chết cũng không mấy ai biết đến nó. Quyển này được cất kỹ mãi đến thời cháu ngoại của ông là Dương Vạn, thời Tuyên Đế, mới được công bố. Ngoài *Sử ký*, ông còn làm một công việc khác cũng rất quan trọng. Năm 104 trước công nguyên, ông cùng Công Tôn Khanh, Hồ Toại sửa lại lịch cũ, chế định Hán lịch, Âm lịch còn dùng đến ngày nay, trong đó ông đóng vai trò chủ chốt.

II-. Tác Phẩm

Sử ký là một tác phẩm đồ sộ, tất cả 52 vạn chữ, 130 thiên, gồm năm phần: Bản kỷ, biểu, thư, thế gia, liệt truyện.

1/ *Bản kỷ* chép sự tích của các đế vương, gồm có:

1. Ngũ đế (Hoàng Đế, Chuyên Húc, Cổ, Nghiêu, Thuấn).

2. Hạ, Thương, Chu mỗi thời đại một bản kỷ.

3. Tần hai bản kỷ, một bản kỷ từ khi có nước Tần đến Tần Thủy Hoàng, một bản kỷ về Tần Thủy Hoàng.

4. Hạng Vũ.

5. Các bản kỷ về nhà Hán: Cao Tổ, Lữ Hậu, Hiếu Văn, Hiếu Cảnh, Hiếu Vũ.

Tất cả có 12 bản kỷ nhưng hiện nay thiếu mất bản kỷ Hiếu Cảnh và Hiếu Vũ. Vương Túc đời Ngụy nói: "Vũ Đế nghe nói ông ta viết *Sử ký* bèn lấy bản kỷ của Hiếu Cảnh và cử amình xem, giận lắm vứt đi cho nên phần này chỉ có mục đề thôi không còn gì". Về sau Chử Toại Lương lấy những phần này ở quyển *Hán thư* của Ban Cố để điền vào cho đủ. Điều đó không phải không có lý vì TỬ MÃ THIÊN có thái độ rất nghiêm khắc đối với các vua chúa, cũng không kiêng nể gì ông vua đang sống mà ông đã công kích mãnh liệt trong phần *Phong thiện thư*. Chính vì thế Vương Doãn đời Hậu Hán gọi *Sử ký* là một quyển "báng thư" (một quyển sách phi báng). Mục đích của bản kỷ là chép lại sự việc của những người, những nước có tác dụng chi phối cả thiên hạ. Ngay ở đây, trong cách sắp đặt của ông cũng có những điều đời sau không dám nghĩ đến. Ông chép riêng lịch sử nước Tần, trước Tần Thủy Hoàng thành một bản kỷ vì trong thời Chiến quốc nước Tần là nước chi phối vận mệnh của tất cả các nước. Ông làm bản kỷ Lữ Hậu mặc dầu Lữ Hậu chỉ là thái hậu chứ không trị vì trên danh nghĩa, Huệ Đế vẫn là vua. Đó là vì, tuy Huệ Đế làm vua nhưng tất cả quyền hành đều nằm trong tay Lữ Hậu. Đặt một người đàn bà lên địa vị "kỷ cương một nước" là điều không một sử gia nào đời sau dám làm. Táo bạo hơn, ông dành cho Hạng Vũ những trang đẹp nhất mặc dù Hạng Vũ

chưa hề làm đế, là kẻ thù của nhà Hán. Đó cũng là vì ông tôn trọng sự thực khách quan. Hạng Vũ tuy về danh nghĩa không phải người làm chủ các chư hầu đánh lại nhà Tần (đó là địa vị của Nghĩa Đế) nhưng trong thực tế người có công lớn nhất trong việc tiêu diệt nhà Tần, người phong đất cho chư hầu cai trị thiên hạ trong năm năm chính là Hạng Vũ. Các bản kỷ cung cấp cho người đọc cái nhìn khái quát về từng thời đại để sau đó đi sâu vào từng sự kiện và từng nhân vật.

2/ *Biểu*: để có cái nhìn đối chiếu các sự kiện hoặc căn cứ vào niên đại, hoặc căn cứ vào sự tương quan đồng thời giữa các nước, Tư Mã Thiên lập ra mười biểu gồm có:

1. Thế biểu thời Tam đại.
2. Niên biểu mười hai nước chư hầu.
3. Niên biểu sáu nước thời Chiến quốc.
4. Nguyệt biểu những việc xảy ra thời Hán Sở.
5. Niên biểu các nước chư hầu từ thời Hán.
6. Niên biểu các công thần của Hán Cao Tổ.
7. Niên biểu các nước chư hầu từ thời Huệ Đế và Cảnh Đế.
8. Niên biểu các nước chư hầu từ niên hiệu Kiến Nguyên.
9. Niên biểu các vị vương thời Vũ Đế.
10. Niên biểu các danh thần từ khi nhà Hán lên.

Những bản biểu này là những công trình khoa học rất quý ghi chép năm tháng, biến cố giúp cho các nhà sử học hiểu được vị trí của từng sự kiện và sự tương quan của nó về thời gian cũng như về không gian với các sự kiện khác, đặc biệt ở trong một nước mệnh mông lại chia cắt phân tán như Trung Quốc cổ.

3/ *Thư*: lịch sử một nước chủ yếu là lịch sử của những thiết chế của nó. Tư Mã Thiên nhận thấy điều đó nên viết tám "thư" dành cho tám mặt. Điều này cũng biểu hiện rằng ông có một kiến thức bách khoa. Tám thư ấy là:

1. Lễ thư
2. Nhạc thư
3. Luật thư
4. Lịch thư
5. Thiên quan thư
6. Phong thiên thư
7. Hà cử thư
8. Bình chuẩn thư.

Phần này rất quý về mặt nghiên cứu. Tác giả nêu rõ sự biến đổi, những cống hiến về lễ, nhạc, luật lệ, việc làm lịch, thiên văn v.v... qua các thời đại. Điều này làm chúng ta hết sức ngạc nhiên là ông có những hiểu biết chính xác về mọi mặt và ở đâu ông cũng có những nhận xét tổng quát rất thấu đáo. Thiên "Phong thiên thư" nói về những chuyện mê tín, cúng tế của vua chúa với một giọng châm biếm chua chát. Thiên "Hà cử thư" nói về các con sông đào của Trung Quốc. Thiên "Bình chuẩn thư" nói về kinh tế. Những thiên này chính xác đến nỗi người đời sau thường dựa vào đó để đính chính những sai sót trong các sách cổ nói về những thể chế xã hội. Chúng ta thấy tác giả có một cái nhìn duy vật vào lịch sử và thấy tầm quan trọng của những sự kiện kinh tế, khoa học, văn học đối với lịch sử một nước. Rất tiếc vì phạm vi tuyển tập hạn chế, chỉ có thể giới thiệu được thiên "Bình chuẩn thư" và do đó, không thể nào nêu lên được một cái nhìn toàn diện của một bộ óc vĩ đại.

4/ *Thế gia*: Phần thế gia bao gồm 30 thiên, chủ yếu nói đến lịch sử các chư hầu, chẳng hạn các nước Tề, Lỗ, Triệu, Sở, v.v... Những người có địa vị lớn trong quý tộc như các thái hậu, những người được phong một nước, như Chu Công, Thiệu Công và những người có công lớn như Trương Lương, Trần Bình, v.v... Đáng chú ý nhất là tác giả xếp vào thế gia hai người thường dân không hề có một tác đất phong. Đó là Khổng Tử, một người có địa vị đặc biệt trong lịch sử tư tưởng của Trung Quốc, và Trần Thiệp, anh chàng cố nông đã cầm đầu cuộc nông dân khởi nghĩa đầu tiên của lịch sử dân tộc Hán. Cách nhìn như vậy chứng tỏ một tầm con mắt khác thường.

5/ *Liệt truyện*: Danh từ này do chính tác giả đặt ra. Phần này gồm 70 thiên khác nhau bao gồm những nhân vật khác nhau và những sự việc rất khác nhau. Đáng đề ý là phần liệt truyện dành cho

những nước ở ngoài địa bàn Trung Quốc mà ông là người đầu tiên đưa vào lịch sử với tính cách những bản khái quát đứng đắn và khoa học (Nam Việt, Đông Việt, Triều Tiên, Tây Di, Đại Uyển, Hung Nô). Cố nhiên một phần liệt truyện sẽ được dành cho những người tai mắt trong xã hội cũ như những danh tướng (Mông Điềm, Lý Quảng, Vệ Thanh), những người làm quan to (Trương Thích Chi, Công Tôn Hoàng v.v...) Điều đáng chú ý nhất ở đây là ông đã nhìn thấy vai trò to lớn của những con người bình thường, thường không có chức tước gì nhưng có ảnh hưởng vô cùng sâu rộng với cả dân tộc. Đó là những du hiệp, những thích khách, trọng nghĩa khinh tài mà ông đã ghi lại trong những trang sôi nổi (*Thích khách liệt truyện, Du hiệp liệt truyện*). Đó là những nhà tư tưởng mà tác phẩm của ông đã ghi lại cuộc đời, hàng trạng và đánh giá học thuyết (Lão Tử, Trang Tử, Tuân Khanh v.v...) Đó là những nhà văn như Khuất Nguyên, Tư Mã Tương Như mà ông nêu lên giá trị và nhận xét về nghệ thuật. Đó là những thầy thuốc, thầy bói, thậm chí những anh hề mà trong con mắt của ông lời nói có thể xếp vào *Lục kinh*. Và cố nhiên một con người yêu nhân dân và sự thật như Tư Mã Thiên không thể nào quên những tên sâu mọt, đàn áp bóc lột dân chúng, những bọn "khốc lại" chỉ lo a dua nhà vua, tàn sát dân lành, những bọn ngoại thích lộng quyền và vô số những nhân vật ti tiện mà ông mạt sát bằng những lời phẫn nộ.

Thế giới của Tư Mã Thiên bao la như vậy! Quy mô của tác phẩm làm ta ngợp, bút lực của tác giả làm ta sợ. Đối với những người yêu văn học Trung Quốc, tác phẩm đưa đến một cảm giác lạ. Ở đây có cái biến ảo của *Nam Hoa kinh*, có cái rạch ròi của *Hàn Phi Tử*, có cái hoa lệ của *Tả truyện*, có cái nghiêm khắc của *Xuân Thu*. Nhưng còn một cái nữa mà văn học từ Hán trở về trước (trừ Kinh Thi) không thấy có, đó là ý thức bám chắc vào sự thực, không rời cuộc sống dù chỉ nửa bước. Chúng ta cảm thấy mình đứng cả hai chân trên miếng đất của sự thực.

Ấn tượng ấy đến với chúng ta không phải ngẫu nhiên. Đó là vì *Sử ký* chính là Tư Mã Thiên sống, và con người ấy sống với những tư tưởng lớn.

III-. Tư Tưởng

Tư Mã Thiên tự định nghĩa mình là một con người "bất cơ". "Bất cơ" tức là không chịu trói buộc mình theo tập tục, vượt ra ngoài lễ thói. Chẳng hạn hai mươi tuổi, cha còn sống vẫn cứ "viễn du", đi khắp địa bàn TRung Quốc, đó là một hành động bất cơ. Nhà vua đặt chức sử quan chẳng qua chỉ để ghi chép việc làm của vua, ăn ở đâu, ngồi ở đâu, ngủ ở đâu, nói câu gì v.v... từng ngày một. Và thế là tròn trách nhiệm, nhưng ông lại muốn nói nghiệp Khổng Tử, soi sánh cho đời, chỉnh lý được *Dịch truyện*, tiếp tục được *Kinh Xuân Thu* năm được cái gốc của *Kinh Thi*, *Kinh Thư*, *Kinh Lễ*, *Kinh Nhạc*, tóm lại ông muốn làm Khổng Tử thứ hai ngay trong thời đại chuyên chế cực độ. Đó cũng là một ý nghĩa "bất cơ".

Tư Mã Thiên là con người của một giai đoạn lịch sử rất cụ thể. Lúc ông lên sáu thì Hán Vũ Đế lên ngôi, và ông chết cùng một năm với Vũ Đế. Thời Vũ Đế chính là lúc uy tín nhà Hán đạt đến cực điểm, biểu lộ tất cả cái vĩ đại, huy hoàng làm cho người ta ngợp mắt. Trong *Bình chuẩn thu*, tác giả đã nói đến cái cảnh tượng phồn thịnh ban đầu, kho đụn đầy rẫy, tiền tiêu không thể hết, dân ăn gà, thịt, có ngựa hàng đàn. Uy tín nhà Hán đã đạt đến trình độ xưa nay chưa hề có. Biên giới phía Nam đến Nam Việt, phía Bắc đến Triều Tiên, buôn bán giao thông với Trung Á, Ấn Độ, La Mã, thành phố tấp nập, cung điện nguy nga. Năm 138 trước công nguyên, tRương Khi đi sứ về phía Tây, qua Hung Nô đến tận miền Trung Á (gọi gộp là Tây Vực). Nước nhà thống nhất, chế độ tập quyền cực thịnh tất nhiên đưa đến những sự thay đổi về văn hóa. Vũ Đế nghe lời Đồng Trọng Thư bãi truất bách gia, độc tôn Nho học. thời đại "trăm nhà đua tiếng" đến đây chấm dứt. Văn học chuyển hẳn sang việc ca ngợi lâu đài ngựa xe, vườn tược nhà vua, mà tiêu biểu nhất là những bài phú của Tư Mã Tương Như. Bấy giờ trước mắt những con người học rộng tài cao có hai con đường. Con đường thứ nhất là vứt bỏ cái mộng làm một sự nghiệp to lớn, thừa nhận trong hoàn cảnh này chỉ còn một cách là làm một anh hề, sống qua ngày đoạn tháng ở trước cửa Kim Mã. Đó là con đường sống của Đông Phương Sóc, và của hầu hết tất cả các học giả đương thời. Lại có một con đường khác "xét trong khoảng trời đất, thấu suốt sự biến đổi từ xưa đến nay, làm thành lời nói của một nhà". Đó là con đường làm một Khổng Tử thứ hai, không phải ở trong hoàn cảnh Xuân Thu, Chiến Quốc mà ở trong hoàn cảnh chuyên chế cực thịnh. Tư Mã Thiên đã chọn con đường ấy, và điều đó cắt nghĩa tại

sao con người này sống bơ vơ, lạc lõng, tội nghiệp như vậy.

Cái gì đã khiến ông làm một việc bất cơ như vậy? Đó là vì ông thấy mình gắn liền với số phận của dân chúng. Ông thấy cái vẻ thái bình, phồn thịnh trước mắt chỉ là tạm thời. Bọn vua chúa lợi dụng hoàn cảnh yên ổn càng ra sức bóc lột, đàn áp nhân dân, gây chiến tranh để mở rộng đất đai, xây cung thất, dựng lầu đài, tế phong thiện... Cái cảnh phồn vinh tan đi như một giấc mơ. Nhân dân nhao nhác cùng cực, bọn khốc lại xuất hiện ra sức chém giết, hàng chục vạn người bị ùn ùn, trong ngoài điêu đứng tan hoang, làm cho nhà Hán tưởng chừng sẽ lao theo bánh xe nhà Tần đã mất. Ông không thể làm một anh hề như Đông Phương Sóc tìm cách sống an thân hay một thứ nhà văn như Tư Mã Tương Như lúc chết còn khuyên vua làm lễ phong thiện. Chính cái thời Vũ Đế đã làm cho ông thấy tất cả cái vinh dự được làm con người Trung Quốc. Nó đưa đến cho ông cái ý thức về sự vĩ đại, bao la và thống nhất của tổ quốc mà ông yêu quý. Nhưng càng yêu quý tổ quốc, ông càng gắn bó với nhân dân. Và do đó, bức tranh ông vẽ đương thời không phải là một bức tranh khoa trương tráng lệ như một bài phú của Tương Như, mà nó đầy vẻ bi hùng. Cái mâu thuẫn đau đớn này trong tư tưởng đã đẻ ra cách quan niệm về sử hết sức độc đáo, xứng đáng gọi là một cống hiến về tư tưởng.

Có thể nói Tư Mã Thiên là sử gia đầu tiên trên thế giới viết lịch sử một công quốc hay kể lại một vài biến cố quan trọng như *Xuân Thu*, *Thượng Thư*. Những bộ sử như *Lịch sử* của Hêrôdot (481-425), *Lịch sử chiến tranh ở Pétôpônne* của Thuxidit (460-396) trong văn học Hy Lạp hay *Chiến tranh ở Gôlor* của Xêda trong văn học La Mã chẳng qua chỉ kể lại một trận đánh hay một chiến dịch. Quyển *Lịch sử La Mã* của Titut Livut (66-17) sau *Sử ký* viết toàn bộ lịch sử một đô thị nhưng đó chỉ là lịch sử một đô thị. *Sử ký* thì khác, nó là lịch sử của toàn bộ dân tộc Trung Hoa kéo dài trên ba ngàn năm từ Hoàng Đế đến Vũ Đế và bao gồm một địa bàn mệnh mông. Chính cái ý thức rất rõ về tính chất thống nhất và tiếp tục của lịch sử, nên tác giả mới có hai phần khác nhau là biểu và bản kỷ, lại có phần thế gia nói những điểm chủ yếu trong lịch sử từng công quốc. Không như thế, ông cũng là người đầu tiên nói về những dân tộc mà người ta gọi là "mọi rợ" và ở đây tuyệt nhiên không có thái độ khinh miệt.

Ông cũng là người đầu tiên viết một quyển thông sử bao gồm mọi mặt của xã hội. Ông chú ý đến tất cả, đọc tất cả, biết tất cả kiến thức của thời đại. Những thiên *Hà cửu thư*, *Bình chuẩn thư* viết với nhãn lực của một nhà kinh tế học. Ông tìm thấy sự liên quan giữa kinh tế với luật pháp và chính trị. Ông đặc biệt chú trọng đến những thể chế về văn hóa như lễ, nhạc, văn học. Ông đã làm cái công việc phi thường là xem xét tất cả các học thuyết của bách gia, trình bày và phê phán, làm công việc của một nhà tư tưởng sử. Ông là người đầu tiên cho ta biết về Khuất Nguyên và sự đánh giá của ông về Khuất Nguyên là quyết định. Quả thực là ông đã làm được cái hoài bão to lớn nhất của một con người. Ông đã tổng kết văn hóa Trung Quốc lần thứ hai sau Khổng Tử và xứng đáng với lời khen của Quách Mạt Nhược "công lao của Tư Mã Thiên so với Khổng Tử không hơn không kém".

Phương pháp viết sử của ông rất đáng chú ý. Tư Mã Thiên nói: "Tôi chỉ thuật lại chuyện xưa, sắp đặt lại các chuyện trong đời chứ có phải sáng tác đâu". Câu nói này thể hiện đúng cái quan niệm của tác giả về sử. Ngày nay chúng ta không nắm được tất cả những tài liệu ông đã dùng, nhưng có một điều chắc chắn là ông không giờ thay đổi tài liệu. Những nhân vật thời Ân, Chu chính là những nhân vật của *Thượng Thư*, những nhân vật thời Xuân Thu, Chiến quốc là những nhân vật của *Xuân thu*, *Quốc ngữ*, *Tả truyện*, *Chiến quốc sách*. Lời nói của họ là lời họ nói trong thực tế theo những tài liệu tin cậy nhất. Những bài văn bia của nhà Tần là do chính tay tác giả chép lại. Và ông đã để lại cho chúng ta một kho tàng văn kiện vô giá, nào chế, biểu, nào văn bia, thư, phú, bài hát, lời ca, cả những bài nghị luận dài, tất cả chiếm một phần ba tác phẩm, trong số đó phần lớn còn đến ngày nay vì nó gắn liền với số phận của *Sử ký*. Đành rằng đây đó, có những chi tiết sai lầm vì tài liệu lúc bấy giờ số lớn là tài liệu truyền miệng. Nhưng nói chung, ông hết sức nghiêm túc. Quan niệm viết sử này khác xa quan niệm những nhà viết sử cổ Hy Lạp, La Mã. Các nhà viết sử cổ đại, trừ Thuxidit, thường xem sử là một công trình nghệ thuật. Những nhân vật của họ đọc những bài diễn văn rất hay, nhưng do họ sáng tác ra, những nhân vật ấy tồn tại với những giả thiết tiêu biểu cho chính kiến của họ. Chính vì vậy sử học hiện đại không xem đó là những công trình khoa học, không ai lấy đó làm cơ sở chính cho sự nghiên cứu La Mã, hy Lạp cổ. Trái lại *Sử ký* từ trước đến nay vẫn là uy tín lớn nhất của cổ sử Trung Hoa. Bất kỳ ai muốn nghiên cứu bất kỳ phương diện nào của Trung Quốc

cổ cũng không thể coi thường nó. Trịnh Tiếu nói "Một trăm đời sau, các nhà sử quan không thể thay đổi cái phép tắc của ông, kẻ học giả không thể bỏ quyền sách của ông" chính là vì vậy.

Tư Mã Thiên là người cha của sử học Trung Hoa, nhưng là một người cha khó bắt chước nhất. Đối với sử học Trung Quốc, ông là người duy nhất nói về đương thời. Các sử gia đời sau chỉ viết về một triều đại khi triều đại ấy đã chấm dứt. Họ sợ hiện tại và lẩn tránh nó. Trái lại Tư Mã Thiên đã dành một nửa tác phẩm cho giai đoạn từ Hạng Vũ đến Vũ Đế, và việc càng gần ông càng chép rõ. Ông để lại những trang vô cùng sinh động về Cáp Âm, con người dám nói thẳng sự thực, không kiêng nể gì Vũ Đế. Ông kể tội Lữ Hậu, nêu bản tính lưu manh của Cao Tổ, phơi bày một bức tranh đau thương về xã hội trước mắt. Ông đau xót trước cái cảnh vua chúa mê tín (Phong thiện thư), phung phí tài sản nhân dân (Bình chuân thư), ngoại thích lộng hành (Ngụy Kỳ Vũ An liệt truyện), quan lại tàn khốc (Khốc lại liệt truyện), nhà nho cầu an, giả dối (Công Tôn Hoàng truyện, Thích Tôn Thông truyện). Ông run sợ cho tương lai. Và chính ở đây người ta mới hiểu hết cái tâm sự của ông, lòng yêu nước, yêu nhân dân cũng như sự trung thực của một nhà khoa học.

Nhưng quan trọng hơn hết, ông hiểu tác phẩm của ông là viết cho ai. Ông nói quyền *Sử ký* viết cho "những người của nó". Người của nó đây không phải là một vị ân chủ, một mỹ nhân, mà là nhân dân vĩ đại và bất tử. Ông có ý thức rõ về việc đó nên hai ngàn năm sau đọc *Sử ký* ta thấy nó sinh động, mãnh liệt vô cùng, đồng thời tràn ngập cái hào khí của chính nghĩa. Nhìn vào quyền sách của ông ta thấy hiện lên rõ rệt sự bất bình đẳng trong xã hội, cảnh nghèo khổ của những nông dân mất hết đất đai, sự giàu có phè phỡn của bọn phong kiến, con buôn lớn. Ta thấy bút tranh hiện thực về xã hội mà bọn bồi bút phong kiến cố hết sức che đậy bằng những danh từ trống rỗng. Cố Viêm Vũ nói rất đúng: "Người xưa làm sử không cần bàn luận, nhận xét mà cái ý của tác giả thấy ngay trong việc trình bày thì chỉ có một mình Thái sử công làm được mà thôi". Cái khó ở đây không ở phương pháp mà ở con tim.

Cũng vì Tư Mã Thiên không viết tác phẩm theo những khuôn khổ có sẵn về đạo đức phong kiến nên những nhận xét của ông về lịch sử rất là trác việt. Ông luôn lấy quyền lợi của nhân dân, lấy sự sống của họ để đánh giá nhân vật lịch sử. Đặc biệt khi viết lịch sử nhân vật nào, ông cũng nêu rõ sự gắn bó của nhân vật với số phận của dân chúng. Ông thấy rõ Trần Thiệp "tài năng ở dưới mức trung bình" nhưng đã làm được một việc oanh liệt chỉ vì được dân chúng ủng hộ. Sự phân tích của ông về sự thành công của Lưu Bang và sự thất bại của Hạng Vũ có ý nghĩa to lớn. Dưới con mắt của ông, Hạng Vũ là một con người phi thường "tài năng và chí khí hơn người", "từ cận cổ đến nay chưa có ai được như thế". Về tư cách cá nhân mà nói, thì Lưu Bang kém Hạng Vũ về mọi mặt. Hạng Vũ là viên tướng bách chiến bách thắng, quân chư hầu sợ Hạng Vũ đến nỗi "đi bằng đầu gối không ai dám ngăn gằn nhìn". Hạng Vũ thương người và trọng nghĩa. Trái lại Lưu Bang là một người "không lo làm ăn", "tham thiên và ham gái", ngạo mạn, thô lỗ: "Thấy khách đội mũ nhà nho, Bái Công liền giật lấy mũ đá vào trong". Thế nhưng cuối cùng Lưu Bang lại lấy được thiên hạ. Đó là vì Lưu Bang biết tự kiềm chế mình lắng nghe theo lòng dân, luôn luôn chú ý đến dân chúng cho nên dân tin. Đúng như Hàn Tín nói. Hạng Vũ chỉ có cái nhân của người đàn bà, cái dũng của kẻ thất phu, tiếc tiền, tiếc đất, chỉ tin vào tài năng của cá nhân mình, nghi ngờ tất cả, đã thế lại hiếu sát làm cho nhân dân thất vọng. Lưu Bang đã thắng vì biết dựa vào dân, tận dụng tài năng các tướng. Cách nhìn nhận như vậy rất đúng và khoa học. Nó làm người ta nhớ đến những tác phẩm của Makiaven, ở đây, Tư Mã Thiên có thể sánh với những nhà sử học lớn nhất của thời cổ đại.

IV-. Nghệ Thuật

Tư Mã Thiên đã để lại hàng ngàn nhân vật điển hình sống mãi trong văn học. Riêng về mặt này, ông có thể sánh với những nhà văn lớn nhất của nhân loại. Cả một nhân loại mệnh mông hiện ra trước mắt chúng ta, đủ các thành phần, đủ các nghề nghiệp, đủ các tầng lớp. Hình ảnh những chàng nông dân như Trần Thiệp, Ngô Quảng, những người du thuyết như Tô Tần, Trương Nghi, Phạm Thư, những hiệp khách như Kinh Kha, Nhiếp Chính, những anh hùng thị tộc như Chu Hối, Cao Tiêm Ly, những triết gia như Khổng Khâu, Trang Chu, những danh tướng như Hàn Tín, Lý Quảng, những công tử như Tín Lăng Quân, Mạnh Thường Quân, những bạo chúa như Tần Thủy Hoàng, Nhị Thế v.v... và vô số những hình ảnh khác là những hình ảnh bất tử. Những hình ảnh ấy đã du nhập vào

kho tàng văn học, làm thành nhân vật của những truyện kỳ, thoại bản, hý khúc, kịch, thơ, lời nói và hành động của họ nhờ Tư Mã Thiên nêu lên đã thành tài sản của dân tộc. Đó là một điều lạ. Nhưng điều lạ hơn là đời sau có thể tô điểm thêm bớt nhưng dường như khó lòng dùng năng lực hư cấu của mình để tạo nên một Kinh Kha, một Hàn Tín hay một Hạng Vũ khác hẳn hình tượng Tư Mã Thiên đã tạo nên mà cũng sinh động như vậy. Có thể nói những hình tượng Tư Mã Thiên tạo ra đã được nhân dân tiếp nhận toàn vẹn. Điều đó không phải là một hiện tượng thường thấy trong lịch sử văn học. Nếu ta xét những nhân vật lịch sử Âu Châu thì ta thấy rõ họ được biểu hiện trong văn học một cách rất khác nhau ở từng nhà văn. Hình tượng Catilina của sử gia La Mã Xanlut rất khác hình tượng Catilina của Ben Jonxôn. Hình tượng Catilina của Ipxen lại càng khác hẳn. Tư Mã Thiên đã làm thế nào cho nhân vật của mình sống mãnh liệt đến nỗi họ tồn tại khách quan ở ngoài nhà văn và dân chúng khó lòng chấp nhận sự thay đổi?

Khi miêu tả một nhân vật lịch sử, các sử gia chỉ xét họ trong những giờ phút họ đóng vai trò lịch sử, họ chỉ xét nhân vật trong "tư thế lịch sử" của nó. Nhưng làm như thế tức là cắt xén nhân vật, biểu hiện nó một cách phiến diện và thậm chí có khi xuyên tạc vì trong những lúc cá nhân có ý thức về vai trò lịch sử của mình, họ thường đóng kịch. Tư Mã Thiên không làm như vậy. Ông không chỉ nắm Hàn Tín khi làm thượng tướng quân của Lưu Bang, mà còn nắm Hàn Tín ngay từ khi ăn nhờ, chui qua háng người ta ở ngoài chờ. Nhờ sống trong nhân dân và đến tận nơi điều tra, nên ông thấy Trần Bình từ khi chia thịt, thấy Phàn Khoái từ khi bán thịt chó. Ông chú ý Trương Nghi từ khi anh chàng bị đánh gần chết, gãy hết cả răng, chú ý đến Lưu Bang từ khi ăn quýt tiền rượu. Tư Mã Thiên theo dõi một nhân vật là cốt tìm cho được cái bản chất của nó. Chính vì thế ông không bao giờ bỏ qua những cảnh thiếu thốn, nhục nhã mà nhân vật đã trải qua, vì ông biết bản chất con người thường lộ ra những lúc ấy. Đối với ông, nhân vật lịch sử vĩ đại đến đâu trước hết cũng là một con người bình thường. Khổng Khâu trước khi được tôn sùng như một vị thánh cũng chỉ là một người mong muốn được làm quan, phiêu bạt đi tìm công danh, mấy lần sứt theo những kẻ mà ông gọi là loạn thần, tặc tử. Trong khi theo dõi nhân vật, ông không chạy theo sự kiện mà cốt tìm được cái quyết định tính cách của con người. Ông thấy tính cách con người do nhiều yếu tố quyết định, có khi nó là một thiên hướng từ nhỏ. Nhân vật Trương Thang điển hình cho bọn quan lại tàn ác, lúc nhỏ giữ nhà để chuột ăn mất thịt bị cha đánh đòn. Thang bắt được con chuột làm một bản án kết tội chuột. "Người cha xem thấy lời văn quả là của một tay quan lại coi n gục sành sỏi cả kinh". Có khi nó là kết quả của nghề nghiệp, giáo dục. Lữ Bất Vi, một thương nhân giàu thấy Tử Trương, con vua Tần làm con tin ở Triệu thì nói: "Món hàng này có thể bán được đây". Y xuất tiền bạc quảng cáo cho hàng và cuối cùng được lãi to, làm tể tướng nước Tần. Ông thấy cái điều làm một vĩ nhân khác con người tầm thường là ở chỗ họ có một hoài bão lớn ngay trong những cảnh ngộ khôn khổ nhất. Ông lắng nghe chàng cố nông Trần Thiệp đang cày bống dừng lại nói với các bạn cày: "Sau này phú quý chớ quên nhau"; ông chú ý đến cậu bé Hạng Vũ học kiếm chẳng thành nhưng đòi "học cái đánh lại vạn người". Một khi tìm được tính cách của nhân vật, ông cố gắng tìm những câu nói điển hình và những hành động điển hình để làm cho hình tượng càng nổi bật. Nói đến Hàn Tín là người ta nhớ ngay đến câu "Nhà vua không muốn lấy thiên hạ sao, tại sao lại chém tráng sĩ?". Nói đến Lý Tư, không ai quên được câu: "Người ta ở đời hiền hay bất tiểu cũng như con chuột; chẳng qua do hoàn cảnh cả". Những câu như vậy có hàng ngàn. Có nhiều nhân vật chỉ xuất hiện trong một vài câu nhưng họ được điển hình hóa ngay vì tác giả đã nắm được câu nói điển hình của họ. Chẳng hạn những nhân vật như Cáp Nhiếp, Phàn Ư Kỳ trong *Thích khách liệt truyện* nói không quá hai câu, nhưng đủ làm người ta thấy rõ cái phong thái trọng nghĩa khi nh tài và lòng căm thù chồng chất của họ đối với nhà Tần. Những câu nói điển hình và những hành động điển hình thường không phải là những câu nói và những hành động gì có tầm quan trọng trong lịch sử. Tôi xin trong bài nhận xét về *Chiến tranh và hòa bình* nói nhà văn viết tiêu thuyết lịch sử miêu tả nhân vật lịch sử khi họ mang áo ngũ. Tư Mã Thiên còn đi xa hơn. Để miêu tả thái độ ngạo mạn của Vũ Đế, chỉ cần một chi tiết "Nhà vua có khi ngồi xồm ở bên giường để tiếp đại tướng quân Vệ Thanh". Để miêu tả sự suồng sã của Lưu Bang chỉ cần một chi tiết nhỏ: "Chu Xương có lần vào tàu thấy Cao Tổ đang ngồi ôm con gái. Xương chạy ra, Cao Tổ đuổi theo cười lên cô hỏi: "Ta là vị vua như thế nào? Xương ngẩng đầu lên đáp: Bệ hạ là ông vua Kiệt, Trụ. Nhà vua liền cười ha hả". (*Trương thừa tướng truyện*). Một chi tiết như vậy cũng đủ làm cho ngàn năm sau không ai có thể bênh vực cho Vũ Đế và Cao Tổ về việc

quý trọng kẻ sĩ.

Một khi đã nêu lên tính cách chủ đạo của nhân vật, tác giả không bao giờ dừng lại để bàn bạc, trái lại ông trình bày dồn dập những sự việc điển hình tự bản thân nó có đủ sức thuyết phục hùng hồn hơn mọi lý luận. Đó là then chốt của phương pháp tự sự của ông mà đời sau không ai bắt chước được. *Bản kỷ Hạng Vũ* chẳng hạn, viết với lời văn khô khan của biên niên sử. Ở đây chỉ có sự kiện và năm tháng. Nhưng vì biết rút từ sự kiện ra cái làm thành cá tính của Hạng Vũ và thời đại Hạng Vũ cho nên cái lối trình bày đơn giản khách quan này lại lôi cuốn người đọc hơn mọi thứ từ chương.

Văn của Tư Mã Thiên là lối văn giản dị, chắc nịch của thời Tây Hán. Cách tự sự của ông có cái tính chất rắn chắc, khúc chiết của đương thời, nhưng còn một điều đặc sắc hơn là rất sinh động và đa dạng. Những con người của Tư Mã Thiên đồng thời biểu hiện những đặc sắc chung của thời đại họ, nhưng lại giữ được những nét nổi bật làm thành bản sắc của họ.

Muốn làm nổi bật cá tính của nhân vật cũng như màu sắc chung của thời đại, không bao giờ tác giả xét nhân vật một cách cô lập, mà đặt nó trong sự đối lập với các nhân vật khác. Đọc Lý Tư, người ta nhất định phải thấy Triệu Cao, đọc Bì nh Nguyên Quân người ta thấy ngay Tín Lãng Quân, bên cạnh Lưu Bang luôn luôn có mặt Hạng Vũ. Để làm nổi bật sự đối lập, tác giả chú ý đến sự đánh giá về nhân vật của người đương thời. Mỗi nhân vật như vậy ít nhất cũng được vài ba người đánh giá. Để đánh giá Lưu Bang tác giả nhắc lại những lời đánh giá của Tiêu Hà, Phạm Tăng, Lữ Sinh, Trương Lương, Trần Bình, Hàn Tín v.v...; để đánh giá Tín Lãng Quân tác giả không quên những nhận xét của Hầu Sinh, Mao Công, Tiết Công, Bình Nguyên Quân v.v... Tác giả nhiều khi gộp họ vào một chương để càng làm nổi bật chủ ý của mình. Đó là những lúc đối lập rõ rệt. Những có những lúc đối lập kín đáo hơn thì thật thú vị. Chẳng hạn, không phải ngẫu nhiên mà tất cả những quan lại tốt trong *Khốc liệt truyện* đều là những nhân vật thời Hán. Cũng vậy, ai cũng phải thừa nhận hình tượng về Vũ Đế sao mà giống Tần Thủy Hoàng làm vậy, cũng huênh hoang, tự đắc, thích chiến tranh, thích thần tiên, thích xây dựng, thích xu nịnh.

Chính cái phương pháp tự sự bậc thầy, công phu và chu đáo vô cùng đã làm cho nhân vật sống một cách trọn vẹn, hoàn toàn khách quan, không có sự can thiệp của tác giả, và cũng do đó, đời sau không thể nào thay đổi được. Sự thực vốn hùng hồn hơn lời nói và khi các sự thực đã xếp thành hệ thống ngay nga thì tự nó sẽ nói lên tiếng nói của chân lý.

Phải chăng vì thế mà tác giả vắng mặt? Không, tác giả luôn luôn có mặt. Hình ảnh của Tư Mã Thiên rất rõ ở từng trang, tâm sự của ông hiện lên như một tiếng đàn tuy rất khẽ nhưng rất rền trong bản hợp tấu vĩ đại. Chúng ta biết bản thân sự đối lập là biểu hiện của thái độ. Ngoài ra tác giả còn sử dụng rất thạo phương pháp viết sử của *Kinh Xuân Thu*. Mục đích của nó là trình bày sự thực khách quan, nhưng bằng cách đối lập các việc khác hay thêm bớt một chữ mà tỏ thái độ của mình. Chẳng hạn trong *Hoài Âm Hầu liệt truyện* để nói rằng Hàn Tín chết vô tội chứ không phải làm phản, ông gọi Tín là "Hoài Âm hầu" chứ không gọi Hàn Tín như gọi Kinh Bố trong *Kinh Bố liệt truyện*. Ông kể tỉ mỉ ba lần người ta thuyết phục Hàn Tín làm phản mà Tín không nghe, nhắc đến năm lần cái câu Hán Vương sợ Hàn Tín. Đến lúc Tín chết thì hồi hận không biết trước thái độ lật lọng của Lưu Bang, trái lại Lưu Bang nghe tin vừa giận vừa mừng v.v... Lối bút pháp ấy rất là nghiêm và rất rõ ràng đối với những người quen đọc *Xuân thu*. Ngoài ra mỗi khi hết chương, tác giả thường đưa ra những nhận xét của mình để ký thác tâm sự hay đính chính lại những cách nhìn sai lầm của tập tục. *Sử ký* là một tác phẩm khó nhưng rất hay. Nó làm cho mọi người đọc say mê và giáo dục họ rất nhiều. Nhưng vì nội dung phong phú, cách diễn đạt kín đáo nên phải đọc đi đọc lại nhiều lần mới thấy hết cái hay của nó. Chúng tôi cố gắng dịch những chương tiêu biểu, chương nào dịch thì dịch trọn vẹn, chỉ lược bớt những đoạn ít quan trọng đối với văn học. Vì cách hành văn theo lối *Xuân thu* rất xa lạ đối với chúng ta nên chúng tôi cố gắng chú thích, phân đoạn, tóm tắt để làm sao cho người đọc làm quen với tác phẩm một cách dễ dàng nhất. Tuy vậy chúng tôi cũng biết không thể nào giới thiệu hết cái hay của tác phẩm. Một ngày gần đây, khi Tư Mã Thiên đã quen thuộc với bạn đọc hơn, chắc *Sử ký* sẽ được dịch toàn bộ.

Trong việc dịch, chúng tôi đã đượcj cù Phan Võ xem lại và cù Phan Duy Tiếp giúp đỡ. Chúng tôi biết rằng vì trình độ dịch giả hạn chế, bản dịch thế nào cũng có nhiều thiếu sót. Nhưng chúng tôi tin rằng dù bản dịch có nhiều thiếu sót, các bạn sẽ thấy ở đây một tác phẩm vĩ đại và một con người lỗi

lạc. Chắc chắn bạn đọc Việt Nam sẽ thấy *Sử ký* là quyển sách của mình và dành cho Tư Mã Thiên một mối tình nồng hậu như các bạn đã có đối với Khuất Nguyên và Đỗ Phủ. Suốt đời Tư Mã Thiên không muốn gì hơn là có những người hiểu mình. Chúng tôi tin chắc rằng sau hơn hai ngàn năm, con người vĩ đại ấy sẽ được yêu hơn bao giờ hết vì bạn đọc của ông là những con người của một thời đại huy hoàng và vô cùng vĩ đại.

Phần 01

Thái Sử Công đề tựa

Thái sử công nói:

Cha tôi có nói: "Sau khi Chu Công mất được năm trăm năm thì có Khổng Tử. Khổng Tử mất đến nay đã được năm trăm năm. Nếu có kẻ nổi nghiệp, soi sáng cho đời, chỉnh lý được *Dịch truyện* tiếp tục *Kinh Xuân thu*, nắm được cái gốc của *Kinh Thi*, *Kinh Thư*, *Kinh Lễ*, *Kinh Nhạc*, thì là lúc này đây! Ở lúc này đây!".

Kẻ hèn mọn này dám đâu từ chối việc ấy.

Quan thượng đại phu là Khôn Toại nói:

- Tại sao ngày xưa Khổng Tử lại làm *Kinh Xuân thu*?

Thái sử công nói:

- Tôi nghe Đồng sinh nói: "Đạo nhà Chu bị suy bỏ, Khổng Tử làm tư khấu ở nước Lỗ, bị các nước chư hầu hại, các quan đại phu ngăn cản. Khổng Tử biết lời nói của mình không được dùng, đạo của mình không được thi hành, bèn phê phán những việc xảy ra trong hai trăm bốn mươi hai năm, để làm khuôn phép cho thiên hạ. Người chê thiên tử, ức chế chư hầu, phạt tội các đại phu, để nêu rõ vương đạo nên như thế nào". Khổng Tử nói: "Ta muốn lấy lời nói suông để chép về đạo, không bằng chứng minh ở việc làm thì càng sâu sắc, rõ ràng hơn". *Kinh Xuân thu* trên làm sáng tỏ đạo của Tam vương, dưới phân biệt quy tắc của con người, biện bạch chuyện hiềm nghi, soi sáng điều phải trái, quyết định điều còn do dự, khen điều hay, chê điều dở, tôn người hiền, chê kẻ bất tiết, bảo tồn lấy cái nước đã mất, nối lại cái đời đã đứt, vá lại cái đã rách, dựng lại cái đã bị bỏ, đó là một điều lớn của đạo vương vậy!

Kinh Dịch chép trời đất, âm dương, bốn mùa, ngũ hành, cho nên giỏi về chỗ biến hóa, *Kinh Lễ* chép về luân lý con người cho nên giỏi về đức hạnh. *Kinh Thư* chép về việc làm của các vua đời trước cho nên giỏi về chính trị, *Kinh Thi* chép về núi, sông, hang, suối, chim muông, cây cỏ, trồng, hái, đực, cái cho nên giỏi về nói bóng gió. *Kinh Nhạc* làm cho người ta vui, cho nên giỏi về hòa hợp, *Kinh Xuân thu* phân biệt phải trái, cho nên giỏi về việc trị người.

Vì vậy, *Kinh Lễ* là để giữ gìn con người, *Kinh Nhạc* là để làm cho hòa hợp, *Kinh Thư* để bàn việc, *Kinh Thi* để tỏ ý, *Kinh Dịch* để nói về sự biến hóa, *Kinh Xuân thu* để dạy việc nghĩa. Giúp đời loạn làm cho nó trở lại đường ngay thì không có sách nào cần thiết bằng *Xuân thu*.

Xuân thu chữ có mấy vạn, ý của nó mấy nghìn, vạn vật tan hợp đều ở *Kinh Xuân thu*. Trong *Kinh Xuân thu* ba mươi sáu vua bị giết, năm mươi nước bị mất, các chư hầu ngược xuôi chạy vậy không giữ nổi nước của mình không kể xiết. Xét tại sao như vậy đều là bỏ mất cái căn bản.

Vì vậy, nên *Kinh Dịch* nói: "Sai một ly, lầm đến nghìn dặm!". Cho nên nói: "Tôi giết vua, con giết cha, không phải duyên cớ một sớm một chiều mà ra, cái đó đã ngầm ngầm từ lâu rồi".

Cho nên, kẻ có nước không thể không biết *Kinh Xuân thu*: trước mặt có kẻ gièm pha mà mình không biết, sau lưng có quân giặc mà mình không hay. người làm tôi không thể không biết *Kinh Xuân thu*: nếu không gặp việc thường không biết nên như thế nào, gặp việc biến hóa không biết xoay sở ra sao. Làm vua làm cha mà không thông thạo về nghĩa lý của *Xuân thu* thì hẳn mang lấy cái tiếng gây ra tội. Làm tôi làm con, mà không thông thạo nghĩa lý của *Xuân thu*, thì hẳn hãm vào tội cướp ngôi giết cha, cái tiếng tử tội. Thực ra, họ vẫn cứ cho rằng đó là phải mà làm: vì không biết nghĩa lý, nên bị tai tiếng không sao tránh khỏi. Chỉ vì không hiểu cái thâm thúy của lễ và nghĩa mà đến nỗi vua không ra vua, tôi không ra tôi, cha không ra cha, con không ra con. Vua chẳng ra vua thì phạm tội với lễ nghĩa; tôi chẳng ra tôi thì phải giết; cha chẳng ra cha thì vô đạo; con chẳng ra con thì bất hiếu. Bốn điều ấy là những lỗi lớn ở trong thiên hạ. Buộc cho họ cái lỗi lớn ở trong thiên hạ mà họ không dám từ chối.

Cho nên *Kinh Xuân thu* là gốc lớn của lễ, nghĩa. Lễ là để cấm trước khi việc xảy ra, pháp luật là để trừng trị sau khi việc đã xảy ra. Công dụng của pháp luật dễ thấy, còn công dụng của lễ để ngăn cấm thì khó biết.

Khôn Toại nói:

- Đời Khổng Tử, trên không có vua sáng, dưới không được tin dùng, cho nên người mới làm *Kinh Xuân thu* để lại cái lời suông đăng nổi tiếp lễ, nghĩa, làm phép tắc của một vị vua. Nay ông ở trên

thì gặp đức vua sáng suốt, ở dưới thì được giữ chức quan, muôn việc đều được sắp đặt đúng chỗ, vậy điều ông bàn đó là muốn soi sáng cái gì?

Thái sử công nói:

- Dạ, dạ! Không, không! Đâu phải thế! Tôi nghe cha tôi nói: "Phục Hy hết sức thuần hậu, làm ra tám quẻ kinh dịch: *Thượng thư* chép nền thịnh trị của đời Nghiêu, Thuấn, do đó mà làm ra lễ nhạc; công của Thành Thang, Vũ vương được thi nhân ca tụng; *Kinh Xuân thu* khen điều thiện, chê điều ác, suy diễn cái đức thời Tam đại, khen nhà Chu, chứ nào chỉ có chê bai mà thôi đâu? TỪ khi Hán nổi lên, đến đức vua chúng a nay, được điển lành, làm lễ phong thiện, thay niên hiệu, đổi áo mũ chịu mệnh của cao xanh, ơn đức thấm đến chỗ vô cùng. Những người xa lạ ở ngoài bể hai ba lần dịch tiếng đều đến châu, xin nộp cống, kể không hết. Trăm quan ở dưới ra sức tán tụng thánh đức cũng còn chưa nói hết ý.

Hơn nữa, có kẻ sĩ hiền và có tài mà không dùng là điều sỉ nhục của nước; chúa thượng có đức không được truyền rộng ra, thì đó là lỗi của kẻ bề tôi.

Vả chẳng tôi làm chức ấy mà bỏ thánh đức không chép, hủy bỏ công nghiệp của các công thần, các đại phu hiền đức không thuật lại, bỏ lời cha dạy, thì tội gì nặng hơn? Tôi chỉ thuật lại chuyện xưa, sắp đặt lại các truyện trong đời, chứ có phải là tự làm ra đâu, ông đem sánh với *Xuân thu* thì lầm to. Thế rồi biên chép sắp đặt văn *Sử ký* được bảy năm, thì Thái sử công gặp cái họa Lý Lăng, bị cùm trói trong tù.

Bèn bùi ngùi mà rằng:

- Đó là tội của ta! Đó là tội của ta! Thân tàn không dùng được nữa rồi!

Nhưng rồi lại suy nghĩ kỹ mà rằng: Ôi! Viết sách làm thơ, đó là điều những người trong lúc cùng dùng để truyền đạt cái ý nghĩ của mình. Xưa Tây Bá bị tù ở Dũ Lý nên diễn giải Chu dịch; Khổng Tử gặp nạn ở đất Trần, đất Thát nên viết *Xuân thu*; Khuất Nguyên bị đuổi viết *Ly Tao*; Tả Khâu Minh bị mù làm *Quốc ngữ*; Tôn Tẫn bị cụt chân bàn binh pháp; Lữ Bất Vi bị đày sang Thục, đời truyền lại sách *Lữ lãm*; Hàn Phi bị tù ở Tần làm ra những thiên *Thuyết nan*, *Có phần*; ba trăm bài ở *Kinh Thi* phần lớn đều do thánh hiền làm ra để giải bày các nỗi phần uất. Những người ấy đều vì có những điều uất ức không biểu lộ ra được, cho nên thuật lại việc xưa mà lo truyền lại người sau. Do đó bèn soạn thuật cho xong từ thời Nghiêu cho đến năm được lân thì dừng bút, bắt đầu từ Hoàng Đế.

Phần 02

Thư trả lời Nhâm An

Tôi, hạng trâu ngựa Tư Mã Thiên, Thái sử công, kính thưa Thiếu Khanh túc hạ.

Trước đây ông có hạ có gửi thư dạy phải cẩn thận về việc tiếp người, cốt phải tôn người hiền, tiến cử kẻ sĩ. Ý ông ân cần tha thiết, hình như trách tôi không nghe lời dạy mà lại theo lời bọn thế tục tầm thường. Tôi đâu dám thế.

Tôi tuy hèn nhát, nhưng cũng đã từng trộm nghe lời chỉ giáo của bậc trưởng giả. Vì một nỗi thân hình tàn phế, địa vị hẩm hiu, hễ động là bị chê trách, muốn được ích thì trở lại có hại, cho nên uất ức một mình không biết nói cùng ai.

Tục ngữ có câu: "Làm cho ai biết, nói cho ai nghe?". Chung Tử Kỳ chết rồi, Bá Nha suốt đời không gảy đàn nữa! Tại sao vậy? Vì kẻ sĩ ra sức với người tri kỷ; con gái làm dáng với kẻ yêu mình. Như tôi, thì cái thân này đã hỏng rồi, tuy tài có bằng châu của Tùy hầu, ngọc của Biện Hòa, hạnh có cao bằng Bá Di, Hứa Do, rút cục cũng không có cách gì mà lẻo với ai chẳng qua chỉ để mua cười và tự làm ô nhục mình đó thôi!

Thơ của ông đáng lý phải đáp ngay, nhưng giữa lúc theo hoàng thượng sang đông, lại vì việc riêng cấp bách, ít có dịp gặp nhau. Vội vàng không có lúc nào rảnh có thể tỏ hết nỗi lòng. nay Thiếu Khanh gặp tôi không biết đến thế nào. ngày qua tháng lại, cuối đông sắp tới... Tôi lại sắp phải theo nhà vua đi Ung Châu, sợ có sự chẳng may xảy ra thì tôi rút cục đành chịu không sao bày tỏ nỗi buồn bực để cho ông rõ, mà hồn phách kẻ vĩnh biệt sẽ riêng ân hận không cùng. Tôi xin trình bày qua tác dạ quê mùa. Đề lâu không trả lời, xin đừng bắt lỗi.

Tôi nghe: sửa mình là dấu hiệu của trí; yêu thương giúp đỡ người là đầu mối của nhân; định nên lấy cái gì, cho cái gì là biểu hiện của nghĩa; gặp cảnh sĩ nhục là điều quyết định của dũng; lập danh là cái cao nhất của đức hạnh. Kẻ sĩ có năm điều ấy thì mới có thể sống ở đời mà đứng vào hàng quân tử. Cho nên tai họa tệ nhất là thiếu tiền chuộc tội; đau không có gì thảm hơn là đau lòng; nét xấu nhất là nhục đến cha mẹ; nhục nặng nhất là bị cung hình! Con người bị hình phạt sống thừa không còn đáng đếm xỉa nữa, điều đó không phải chỉ ở đời này, mà đã có từ lâu. Ngày xưa Vệ Linh Công đi cùng với Ung Cừ, Không Tử bỏ sang nước Trần; Thương Ưởng nhờ Cảnh Giám được yết kiến Tần vương, Triệu Lương thấy lạnh cả ruột; Đồng tử ngồi bên xe, Viên Ti biến sắc mặt. Từ xưa đã từng lấy điều đó làm xấu hổ. Đến kẻ tài năng bậc trung, mà gặp việc dính líu đến bọn hoạn quan, còn không ai không mũi lòng, huống gì kẻ sĩ có chí kháng khái lại không biết hay sao?

Nay triều đình tuy thiếu người, nhưng lẽ nào lại để kẻ bị cưa dao sống sót mà còn tiến cử kẻ hào kiệt trong thiên hạ?

Tôi nối nghiệp tiên nhân châu chực dưới xe loan đã hơn hai mươi năm nay. Tôi vẫn thường tự nghĩ: mình trên đã không thể tỏ lòng trung tín, được khen là có tài, có sức, có mưu lược để được bậc minh chủ đoái thương, lại cũng không biết lượng gạt cái bỏ sót, chấp vả cái thiếu thốn, đón người hiền, tiến cử người tài, làm vinh hiển kẻ sĩ ở ẩn trong chốn núi non; ở ngoài không thuộc vào hàng ngũ có công đánh thành xông trận, chém tướng giết cớ; cùng ra nữa cũng không ngày ngày tích lũy công lao, để được quan cao, lộc hậu, làm đẹp mặt họ hàng, bè bạn.

Cả bốn điều đó, tôi không được điều nào. Cho nên tôi đành nương náu qua thì, đó cũng đủ thấy tôi chẳng có gì là hay ho cả.

Tôi cũng đã thường mon men dựa vào hàn ghe đại phu, được dựa ở ngoại đình. Lúc ấy, tôi chẳng biết trình bày mối giương, dâng lên những điều suy nghĩ. Đến nay thì thân hình đã sút mẻ, làm người tôi đòi, ở trong đám ti tiện, lẽ nào còn muốn ngừng đầu, làm xấu hổ cho kẻ sĩ trong đời này lắm sao! T han ôi! Than ôi! Như tôi đây còn nói năng gì nữa, còn nói năng gì nữa!

Vả chẳng, việc của tôi gốc ngọn không dễ thấy rõ. Từ nhỏ, tôi mang cái tài phóng túng, lớn lên không được làng xóm khen ngợi. May chúa thượng vì có cha tôi, cho tôi được trở chút nghề mọn, ra vào nơi cấm vệ. Tôi nghĩ rằng con người đã đội chầu làm sao còn nhìn được trời; vì vậy cho nên không giao tiếp với khách khứa, quên việc sản nghiệp của gia đình. Ngày đêm đem hết cái tài sức kém cỏi của mình, chỉ cốt một lòng làm tròn chức vụ, để mong được chúa thượng thương đến. Thế mà lại gặp cái việc trái hẳn ý của mình:

Tôi và Lý Lăng đều ở dưới môn hạ chúa thượng, vốn cũng không quen thân nhau, chí hướng khác

nhau, chưa từng nâng chén rượu, vui vẻ ân cần. Thế nhưng tôi thấy ông ta là kẻ sĩ kỳ lạ, biết tự giữ mình, thờ cha mẹ có hiếu, đối với kẻ sĩ thì tín, liêm khiết ở chỗ tiền tài, giữ nghĩa trong việc cho và lấy, biết phân biệt, nhường nhịn, khiêm tốn, cung kiệm, chiều người, thường lo hăng hái quên mình để tính việc cần kíp của nước nhà, đó là cái điều chứa chất ở trong lòng ông ta, tôi cho ông ta có cái phong thái của người quốc sĩ.

Ôi! Kẻ làm tôi biết liều trong lúc muôn chết không nghĩ đến sự sống của mình, lao vào nạn nước nhà như thế cũng đã là lạ vậy. Nay chỉ bị một lần hồng việc, thế mà những người tôi lo giữ thân mình, giữ vợ con, cứ thế dặt thêm cái lỗi ông ta, tôi lòng riêng thành thực đau xót về việc đó. Và chẳng, Lý Lăng cầm không đầy năm ngàn bộ binh, tiến sâu vào nơi chiến địa, chân đến nơi sơn vu, như mỗi treo miệng hổ, khiêu khích bọn Hồ mạnh. Ngang đầu đón lấy quân địch ứ ụ, cùng quân Thiên Vu chiến đấu liên tiếp hơn mười ngày, giết được rất nhiều, giặc không kịp cứu người chết, không kẻ bị thương. Các chúa Hung Nô mặc áo cừu run sợ bèn đem tất cả tá, hữu hiền vương, đem tất cả quân cung nỏ trong nước vây lại mà đánh. Lăng chiến đấu ở ngoài ngàn dặm, tên hết, đường cùng, cứu binh không đến, quân sĩ và bị thương chông chết! Nhưng Lăng hô lên một tiếng, tất cả quân sĩ đều vùng dậy! Người đầy nước mắt, lau mặt bằng máu, uống bằng nước mắt, lại giờ nắm tay không xông vào nơi mũi nhọn, quay về hướng bắc tranh nhau liều chết với giặc. Khi Lăng chưa bị thua, có sứ về báo tin, các công, khanh, vương, hầu nhà Hán đều nâng chén rượu chúc thọ thiên tử. Mấy ngày sau, nghe tin Lăng thua trận đưa về, chúa thượng vì vậy ăn không biết ngon, ra triều không vui, quan đại thần lo lắng không biết làm thế nào. Tôi trộm không tự liệu mình ti tiện, thấy chúa thượng đau xót buồn rầu, lòng muốn bày tỏ nỗi niềm ngu dại, cho rằng Lý Lăng vốn cùng cái sĩ, đại phu, chia miếng ngon, chịu phần thiệt, được người ta liều chết hết lòng, tuy danh tướng ngày xưa cũng không hơn được. Thân Lăng tuy hãm vào cảnh thất bại, nhưng xem ý ông ta là muốn có dịp lập công để báo ơn nhà Hán. Việc đã đành như thế rồi nhưng kẻ công đánh bại quân địch của ông ta, cũng đủ tỏ với thiên hạ. Trong lòng tôi muốn trình bày điều đó, nhưng chưa có dịp. Nhân gặp lúc nhà vua hỏi đến, tôi liền đem ý ấy ra, trình bày công lao của Lăng, muốn chúa thượng mở lượng khoan hồng, và ngăn chặn lời lẽ gièm pha. Tôi chưa nói được hết, chúa thượng không rõ, cho rằng tôi biện bạch hộ cho Lý Lăng, để cản trở Nhị sư bèn giao tôi cho pháp quan trị tội.

Nổi lòng truân u uất, rốt cục vẫn không sao tự trình bày được, do đó mang tội dối chúa thượng, phải xử theo lời của hình quan! Nhà tôi nghèo không có đủ tiền để chuộc tội, bạn bè không ai cứu, tả hữu thân cận không ai nói hộ một lời! Thân mình không phải là gỗ đá, một mình phải chung chạ với bọn pháp lại, ở trong nhà giam âm thầm sâu kín, nổi lòng biết tỏ cùng ai? Điều này thì bản thân Thiếu Khanh cũng tự thấy, việc làm của tôi há không đúng sao?

Lý Lăng đã cầu sống đầu hàng, gia thanh bị sụp đổ, và tôi lại bị đưa xuống nhà giam, bị thiên hạ chê cười lần nữa. Than ôi, thương thay! Việc này không thể một hai nói cho bọn tục nhân nghe vậy!

Ông cha tôi không có công được chẻ phù phong tước, viết chữ son để lại. Nghề viết văn, viết sử, xem sao, xem lịch, thì cũng gần với bo jn thầy bói thầy cúng, chúa thượng vẫn đùa bỡi, nuôi như bọn con hát, còn thế tục thì vẫn coi thường. Giả sử tôi có phạm pháp bị giết, thì cũng như chín con trâu mất một sợi lông, có khác gì sâu kiến, mà thế tục lại không thể sánh với việc tử tiết. Họ chẳng qua chỉ cho rằng vì trí cùng, tội quá nặng không thể gỡ nổi cho nên chịu chết đó thôi. Tại sao vậy? Đó là vì danh vị của mình khiến như vậy.

Ai cũng có một lần chết. Cái chết có khi nặng hơn núi Thái Sơn, có khi nhẹ hơn lông chim hồng. Đó là vì chỗ cách dùng nó khác nhau mà ra.

Cao nhất thì không làm nhục đến cha ông; thứ nữa thì không làm nhục đến thân mình; thứ nữa thì không làm nhục đến lý lẽ và đáng mặt; thứ nữa thì không làm nhục đến lời lẽ. Thứ nữa khuất mình chịu nhục; thứ nữa đổi áo chịu nhục; thứ nữa chịu nhục đeo gông cùm, bị roi vọt; thứ nữa chịu nhục bị hủy hoại da thịt chặt chân tay. Hèn nhất là việc bị cung hình. Sách có nói: "Hình phạt không đụng đến bậc đại phu". Đó là nói làm kẻ sĩ phải cố gắng giữ lấy tiết tháo. Con mãnh hổ ở trong núi âu, trăm thú đều sợ hãi; nhưng khi nó đã vào cạm bẫy ve vẫy cái đuôi để xin ăn, thì cái oai mấy lâu nay đã mất hết! Cho nên kẻ sĩ có khi vẽ đất làm nhà ngục, mà cũng không thể vào, đeo gông làm pháp lại, mà cũng không chịu đối đáp với nó, đó là vì phải định liệu từ trước.

Nay tôi đã bị trói tay chân, chịu roi vọt, bị giam trong tường ngục. Lấy bảy giờ thấy viên lại coi ngục thì quý gối dập đầu xuống đất, thấy bọn chúng canh ngục thì lòng lại bồi hồi. Tại sao vậy? Đó

là vì cái uy cũ đã mất, thế đành phải chịu. Đã đến cảnh ấy mà còn nói không nhục, thì thật là hạng mặt dày mày dạn mà thôi! Có gì đáng quý!

Vả chăng, Tây Bá là bá bị giam ở Dũ Lý, Lý Tư là tướng mắc cả năm hình, HOài Âm làm vương, mang gông ở đất Trần; Bành Việt, Trương Ngao quay mặt phỉ anam tự xưng "Cô" đều bị bỏ ngục, chịu tội; Giáng Hầu giết bọn họ Lữ, quyền nghiêng cả ngũ bá, xưa đã từng bị tù ở Thỉnh thất; Ngụy Kỳ là đại tướng, mặc áo tù mang gông; Quý Bố xích tay làm tên nô lệ cho Chu Gia; Quán Phu chịu nhục trong dinh thừa tướng. Những người này thân đều làm đến vương, hầu, tướng quân, thừa tướng, danh tiếng vang lừng đến nước láng giềng, nhưng khi mắc vào tội, không cả quyết tự sát. Ở trong cảnh trần ai xưa nay đều như thế, nói là không nhục có được đâu!

Cứ thế mà xem, đủ thấy rõ đúng cảm hay nhút nhát, là ở cái thế mà ra, mạnh hay yếu là ở tình hình mà ra, chứ có gì đáng lạ? Con người ta không thể sớm giữ mình fờ ngoài quy tắc, dần dần sa sút lâm vào cảnh rơi vọt, khi ấy muốn làm cho ra khí tiết thì sao cho được? Cổ nhân sở dĩ cẩn thận về việc bắt đại phu chịu hình phạt, có lẽ là vì thế. Ôi! Nhân tình ai chẳng thích sống ghét chết, nhớ cha mẹ, thương vợ con, nhưng đến khi bị nghĩa lý khích động nên mới phải làm điều cực chẳng đã. Nay tôi không may sớm mất cha mẹ, không có anh em thân thích, chỉ trở trời một mình. Thiếu Khanh xem tôi đối với vợ con như thế nào. Vả chăng kẻ dưng không cần phải chịu chết để giữ khí tiết, kẻ nhát gan mền nghĩa, cái gì cũng gắng làm được. Tôi tuy hèn nhát, tham sống, nhưng cũng biết cái lẽ nên chăng, có đâu đến nỗi tự dìm mình vào trong cái nhục gông trói thế này! Kia hạng tỳ thiếp, tôi tớ, còn biết tự quyết, huống tôi lại không làm được sao? Sở dĩ tôi chịu nhục sống vợ vắn, nín nhịn cố sống ở nơi dơ bẩn mà không từ chối, là vì lòng riêng có điều chưa làm được hết, cho rằng trọn đời rồi mà vẫn chương không nên cho đời sau thấy là một sự nhục.

Người xưa giàu sang mà danh bị vùi dập kẻ không hết. chỉ có những người trác việt phi thường là được người ta nhắc đến mà thôi. Văn Vương bị giam diển giải *Chu dịch*. Trọng Ni gặp nạn làm *Kinh Xuân Thu*, Khuất Nguyên bị đuổi nên ngâm *Ly Tao*, Tả Khâu bị mù nên có *Quốc ngữ*, Tôn Tẫn bị chặt chân, trình bày binh pháp, Bất Vi bị đầy sang đất Thục, sách *Lữ lãm* còn truyền lại ở đời, Hàn Phi bị tù ở Tần, viết *Thuyết nan*, *Cô phần*, *Kinh Thi* ba trăm thiên phần lớn đều do thánh hiền phát phần mà làm ra. Những người này đều có cái uất ức trong lòng không bày tỏ được đạo của mình, cho nên thuật việc cũ để lại cho người sau này vậy. Kia xem Tả Khâu không có mắt, Tôn Tẫn bị chặt chân, trọn đời không thể làm được việc gì, nên lui về viết sách để hả điều căm giận, mong lấy câu văn suông để cho đời biết đến mình. Tôi trộm không chịu nhún nhường, cũng muốn ký thác mình vào những lời tầm thường, tìm kiếm thu nhặt những chuyện cũ bỏ sót trong thiên hạ, xét qua việc làm, tóm tắt trước sau, xét việc thành, bại, hưng, vong, trên từ Hiên Viên, dưới đến ngày nay, làm mười biểu, mười hai bản kỷ, tám thư, ba mươi thế gia, bảy mươi liệt truyện, công tất cả là một trăm ba mươi thiên. Ý tôi cũng muốn xét trong khoảng trời đất, thấu suốt sự biến đổi từ xưa đến nay, làm thành lời nói của một nhà. Nhưng khởi thảo chưa xong thì gặp phải cái họa này! Tiếc sách chưa xong nên chịu cực hình mà không có vẻ giận. Giá tôi đã làm xong sách ấy rồi, cất giấu nó vào nơi danh sơn, truyền cho con người của nó, phát khắp các ấp lớn, đo thị to, thì tôi cũng xin liêu với cái nhục kia, dù bị giết vạn lần cũng có gì là hối hận?

Thế nhưng điều đó có thể bàn với bạn trí giả chứ khó lòng nói với bọn tục nhân. Vả chăng đã thất bại rồi thì khó ăn nói, ở nơi thấp hèn bị lắm kẻ chê bai. Tôi vì nói năng mà mắc cái vạ này, lại thêm bị làng xóm chê cười, làm nhục cả cha ông, còn m ặt mũi nào mà lại bước đến nắm mồ của cha mẹ nữa! Tuy đến trăm đời cũng chỉ có thêm ô nhục mà thôi.

Cho nên, ruột một ngày chín lần quặn đau, ngồi băng khuâng như mất cái gì, đi ra thì không biết đi đâu, mỗi khi nghĩ đến điều nhục đó thì mồ hôi vẫn cứ đầm lưng ướt áo. thân mình làm quan ở nơi khuê các, muốn ẩn mình vào nơi hang sâu núi thẳm nào được đâu! Cho nên đành nổi chìm theo tục, luôn cúi theo đời để mong thỏa được cái điều điên dại này.

Nay tôi được Thiếu Khanh dạy phải cử người hiền tiến kẻ sĩ chẳng phải ngược với cái lòng riêng của tôi sao? Dù muốn tô vẽ những lời phù phiếm, để tự bào chữa, thì cũng vô ích, thế tục chẳng tin, chỉ thêm nhục nhã! Dầu sao đợi đến ngày chết việc phải trái mới định.

Thơ không thể nói hết ý, chỉ bày qua lời lẽ quê mùa. Kính lạy hai lạy.

Phần 03

Tần Thủy Hoàng Bản Kỷ

1. Tần Thủy Hoàng Đế là con của Trang Tương Vương nước Tần. Trang Tương Vương làm con tin của Tần ở nước Triệu, thấy người thiếp của Lữ Bất Vi, thích, nên lấy, sinh Tần Thủy Hoàng, vào tháng giêng năm thứ 48 đời Tần Chiêu Vương, ở Hàm Đan, đặt tên là Chính, họ Triệu. Khi lên 13 tuổi, Trang Tương Vương chết, Chính thay, được lập làm Tần Vương (năm 247 trước công nguyên). Lúc bấy giờ Tần đã thôn tính các đất BA, T hục, Hán, Trung, Việt, Uyển; lại có đất Sính, ở đây đặt Nam Quận. Miền bắc lấy Thượng Quận trở về phía đông, gồm có các quận Hà Đông, Thái Nguyên, Thượng Đảng; phía đông đến Huỳnh Dương; diệt hai nhà Chu, đặt quận Tam Xuyên, Lữ Bất Vi làm thừa tướng được cấp mười vạn hộ làm đất phong, hiệu là Văn Tín hầu, mời các tân khách, du sĩ để lo việc lấy thiên hạ. Lý Tư là xá nhân của Bất Vi. Bọn Mông, Ngao, Vương, Ý, Biều Công làm tướng...

2. Năm thứ 26 (năm 221 trước công nguyên). Tề Vương là Kiến cùng thừa tướng là Hậu Thắng đem quân giữ biên giới phía tây, đoạn tuyệt với Tần. Tần sai tướng quân Vương Bôn đi qua phía nam nước Yên đánh Tề bắt được vua Tề là Kiến. Tần lần đầu tiên thôn tính được tất cả thiên hạ, ra lệnh cho thừa tướng và ngự sử như sau:

"Trước đây, vua Hàn nộp đất, hiến dâng ấn tín, xin làm bầy tôi ở ngoài rào giậu. Được ít lâu, vua Hàn bội ước, hợp tung với Triệu và Ngụy, phản lại nước Tần. Cho nên đem quân tiêu diệt, cầm tù vua Hàn. Quả nhân cho đó là việc tốt, hy vọng có thể dẹp tắt được binh nhưng. Vua Triệu sai thừa tướng Lý Mục đến giao ước ăn thề, cho nên ta cho con của TRIệu đang làm con tin ở Tần về. Được ít lâu, vua Triệu lại bỏ lời thề, phản lại ta ở Thái Nguyên, cho nên ta đem quân tiêu diệt, bắt vua Triệu. Công tử nước Triệu là Gia lại tự lập làm Đại Vương cho nên ta đem quân đánh và tiêu diệt. Vua Ngụy lúc đầu giao ước phục tùng sáp nhập vào Tần, được ít lâu, lại bàn mưu với các nước Hàn, Triệu đánh úp nước Tần, nhưng bị quan quân của TẦN giết chết và đánh tan. Vua nước Kinh hiến đất đai từ Thanh Dương về phía Tây, được ít lâu, lại phản lời ước, đánh Nam Quận của ta, cho nên ta đem binh tiêu diệt, bắt được vua Kinh, sau đó bình định đất Kinh. Vua nước Yên hôn ám làm loạn, thái tử nước Yên là Đan lại ngầm sai Kinh Kha ám sát ta, tướng sĩ của ta đánh tiêu diệt nước Yên. Vua Tề dùng mưu kế của Hậu T hắng, cắt đứt liên lạc với Tần và muốn làm loạn. Ta sai quân đánh cầm tù vua Tề, bình định đất Tề. Quả nhân, một người nhỏ bé hưng binh trừ khử bọn bạo nghịch làm loạn. Nhờ uy linh của tôn miếu, sáu nước đều chịu tội, thiên hạ bình định. Nay nếu không thay đổi danh hiệu thì không sao xứng với công lao đã làm được và truyền cho đời sau. Các người hãy bàn nên đặt hiệu để thế nào".

Thừa tướng là Vương Quán, ngự sử đại phu Phùng Kiếp, đình úy Lý Tư đều tâu:

- Ngũ Đế ngày xưa chỉ đất vương ngàn dặm, ngoài ra là đất đai của chư hầu và của man di, họ vào châu hay không thiên tử cũng không sao cai quản được. Nay bệ hạ dấy nghĩa binh, giết bọn tàn ác và nghịch tặc, bình định được thiên hạ, bốn biển thành quận và huyện, pháp luật và mệnh lệnh đều thống nhất ở một nơi, từ thượng cổ đến nay chưa hề có, Ngũ Đế đều không bằng. Bọn thần sau khi bàn bạc kỹ lưỡng với các bác sĩ thấy rằng: Ngày xưa có Thiên hoàng, Địa hoàng, Thái hoàng, nhưng Thái hoa nfg là cao quý nhất. Bọn thần liêu chết xin dâng tôn hiệu của nhà vua là Thái hoàng, mệnh ban ra gọi là "chê", lệnh ban ra gọi là "chiêu", thiên tử tự xưng gọi là "trẫm".

Nhà vua nói:

- Ta bỏ chữ "thái", lấy chữ "hoàng", thêm chữ "đế" của những vị đế thời thượng cổ hiệu gọi là Hoàng đế còn những điều khác thì như lời các khanh tâu.

Một đạo "chê" ban ra chấp nhận điều đó. Truy tôn Trang Tương Vương làm Thái thượng hoàng.

Một tờ chế nói:

"Trẫm nghe nói thời thái cổ có hiệu nhưng không có hiệu bụt. Thời trung cổ có hiệu và sau khi chết người ta căn cứ vào việc làm của nhà vua mà đặt hiệu bụt. Làm như thế tức là con bàn bạc về cha, tôi bàn luận về vua, thật là vô nghĩa. Trẫm không chấp nhận điều ấy. Từ nay trở đi, bỏ phép đặt hiệu bụt. Trẫm là Thủy Hoàng đế, các đời sau cứ theo số mà tính: Nhị Thế, Tam Thế đến Vạn Thế truyền mãi mãi".

Thủy Hoàng xét việc năm đức lần lượt thay đổi nhau nên cho nhà Chu được "hòa đức", nhà Tần

thay đức nhà Chu thì phải theo cái đức mà "hòa" không thắng được. Từ nay là "thủy đức" bắt đầu, đổi đầu năm, việc triều cống chúc mừng đều bắt đầu từ mùng một tháng 10. Áo, quần cò tiết, cò mao đều dùng màu đen, lấy số 6 làm đơn vị, các phù và các mũ đều dài sáu tấc, trục xe sáu thước, sáu thước làm một bộ, đi xe sáu ngựa, đổi tên sông Hoàng Hà là Đức Thủy vì cho rằng "thủy đức" bắt đầu. Cai trị thì cứng rắn nghiêm nghị, gay gắt, sâu sắc, mọi việc đều dùng pháp luật để quyết định, khắc bạc, không dùng nhân đức, ân nghĩa. Có thể mới hợp với con số năm đức.

Do đó, nhà Tần chú ý gay gắt về pháp luật, trong một thời gian dài không tha tội cho ai.

Bọn thừa tướng Vương Quán nói:

- Chư hầu vừa bị tiêu diệt. Nay các đất Yên, Tề, Kinh đều ở xa nếu không đặt vua thì không làm sao kiểm chế được họ, xin lập các con trong hoàng tộc làm vua. Xin hoàng thượng lập theo ý của mình. Thủy hoàng đưa lời tâu ấy xuống cho các quan bàn bạc. Các quan đều cho là tiện, nhưng đình úy Lý Tư nói:

- Vua Văn Vương, Vũ vương nhà Chu phong con em cùng họ làm vua rất nhiều, nhưng về sau dòng họ càng ngày càng xa, họ đánh lẫn nhau, xem nhau như thù. Chư hầu càng giết nhau, đánh nhau, thiên tử nhà Chu không làm sao ngăn cấm được. Nay bốn bề đã nhờ thần linh của bệ hạ mà được thống nhất đều làm quận, huyện. Các con và các công thần đã được thu tô và thuế của nhà nước, và được trọng thưởng. Như thế là đủ lắm rồi. Làm thế thì dễ cai trị: thiên hạ không có ý gì khác. Đó là cái thuật trị an, vậy đặt chư hầu không tiện.

Thủy Hoàng nói:

- Thiên hạ đều khổ vì việc chinh chiến liên miên, đó là do có hầu có vương mà ra. Nay nhờ tôn miếu, thiên hạ vừa mới được bình định mà lại lập các nước lên thì cũng như là tự gây ra binh đao mà muốn được thái bình nghỉ ngơi, chẳng phải là khó lắm sao? Điều của đình úy nói là đúng. Bèn chia thiên hạ làm 36 quận, đặt các quan thú, úy, giám, đổi gọi "dân" là "đầu đen". Mở một bữa tiệc lớn, thu tất cả binh khí trong thiên hạ tập hợp ở Hàm Dương, đúc làm chuông, giá chuông và mười hai người bằng kim khí mỗi người nặng 1000 thạch, đặt ở trong cung. Thống nhất pháp luật, các cân, phép đo lường, các thạch, trượng, thước; trục xe đều dài như nhau, chữ viết cùng lối như nhau.

Đất đai chạy dài phía đông đến biển và đất Triều Tiên; phía tây đến Lâm Thao, Khương Trung; phía nam đến miền cửa nhà quay mặt về hướng bắc; phía bắc lấy Hoàng Hà làm biên giới và men theo Âm Sơn đến tận Liêu Đông. Sai dời các nhà hào phú trong thiên hạ đến Hàm Dương tất cả 12 vạn nhà. Các miếu, cũng như điện Chương Đài, vườn Thượng Lâm đều ở phía nam sông Vị. Mỗi khi lấy được chư hầu, Tần thường vẽ lại các cung thất của nước đó rồi dựng lên ở bờ phía bắc Hàm Dương, phía nam các cung điện này nhìn ra sông Vị. Từ cửa Ung Môn về phía đông đến sông Kinh, sông Vị, các điện, các cung thất các đường phức tạp và đường gác liền nhau. Bắt được bao nhiêu người đẹp và chuông trống của chư hầu đều đưa vào đây.

Năm thứ 27, Thủy Hoàng đi tuần Lũng Tây, Bắc Địa, ra khỏi núi Kê Đầu Sơn đi qua Hồi Trung. Sai xây Tín cung ở phía nam sông Vị, sau lại đổi tên Tín cung là Cực miếu để bắt chước sao Thiên cực. Từ Cực miếu có con đường thông lên núi Ly Sơn, sai xây tiền điện Cam Tuyền, đắp đường ống chạy mãi đến Hàm Dương. Năm ấy thường tước một cấp, làm những con đường nhà vua đi.

Năm thứ 28. Thủy Hoàng đi về phía đông đến các quận và các huyện, lên núi Trâu Dịch, dựng đá cùng các nho sinh nước Lỗ bàn việc khắc vào đá để ca tụng công đức nhà Tần và bàn việc phong thiên.

3. Năm thứ 33, Thủy Hoàng đưa những người thường trốn tránh, những người ở rể và những người đi buôn bán đánh lấy đất Lục Lương, lập thành Quế Lâm, Tượng Quận, Nam Hải; cho những người bị đi đày đến đây canh giữ. Ở phía tây bắc, đánh đuổi Hung Nô từ Du Trung dọc theo sông Hoàng Hà đi về đông đến Âm Sơn tất cả 34 huyện, xây thành trên sông Hoàng Hà để làm giới hạn. Lại sai Mông Diêm vượt sông Hoàng Hà lấy đất Cao Khuyết, Đào Sơn, Bắc Giã, xây đình và thanh lũy ở đây để đuổi người Nhung và đưa những người bị đày đến đây để ở và lần đầu những nơi này trở thành huyện. Cấm không được thờ. Sao sáng xuất hiện ở phương tây.

Năm thứ 34, đem đày những quan coi ngục không thanh liêm đi xây trường thành và đi thú ở đất Nam Việt. Thủy Hoàng đặt tiệc rượu ở cung Hàm Dương, bảy mươi vị bác sĩ đến chúc thọ. Quan bộ dịch Chu Thanh Thần tiến lên ca ngợi:

- Ngày xưa đất Tần chẳng qua nghìn dặm, nay nhờ bệ hạ thần linh sáng suốt nên bình định được bốn biển, đuổi được man di, mặt trời mặt trăng chiếu đến đâu thì nơi ấy theo phục, đổi các nước chư hầu thành quận, huyện, mọi người thấy yên vui không phải lo về nạn chiến tranh, truyền đến vạn đời, từ thượng cổ đến nay, không ai uy đức bằng bệ hạ.

Thủy Hoàng bằng lòng, Thuần Vu Việt, người Tề, làm bác sĩ tiến lên nói:

- Tôi nghe nhà Ân và nhà Chu làm vua hơn nghìn năm, phong các con em và công thần làm chi nhánh để giúp đỡ cho mình. Nay bệ hạ có bốn biển nhưng con em vẫn là kẻ thất phu, nếu bỗng chốc có xảy ra việc như Diên Thường hay lục khanh, thì không ai giúp đỡ, làm sao có thể cứu lẫn nhau được. Trong công việc, không bắt chước đời xưa mà có thể lâu dài thì đó là điều chưa hề nghe nói. Nay bọn Thanh Thần lại xiểm nịnh bệ hạ để làm cho điều sai lầm của bệ hạ thêm nặng. Như thế không phải là kẻ trung thần.

Thủy Hoàng đưa lời can của ông ta xuống các quan bàn. Thừa tướng Lý Tư nói:

- Ngũ đế không lập nhau, Tam đại không bắt chước nhau, đời nào trị dân theo cách của đời đó, không phải vì họ phản lại nhau, chính vì thời thế thay đổi cho nên như vậy. Nay bệ hạ lần đầu tiên làm nên nghiệp lớn, dựng lên cái công vạn đời, đó không phải là điều bọn nhà Nho ngu ngốc biết được. Vả chẳng, điều Thuần Vu Việt nói là những việc của thời Tam đại, làm sao có thể đủ cho ta bắt chước? Trước đây, các nước chư hầu tranh nhau, hậu đãi đón mời những người du thuyết. Nhưng bây giờ thiên hạ đã bình định, luật pháp, mệnh lệnh đều từ một nơi ban ra, trăm họ làm ăn ra sức lo về nghề nông, nghề công, kẻ sĩ thì học tập pháp luật, mệnh lệnh, những điều ngăn cấm. Nay các Nho sinh không theo thời nay mà học thời xưa để chê bai thời nay làm cho bọn "đầu đen" rối loạn, thần Tư này là thừa tướng xin liêu chết nói rằng: Ngày xưa thiên hạ phân tán rối loạn không ai thống nhất được. Vì vậy cho nên các chư hầu cùng trị vì một lúc, khi nói thì mọi người đều nói việc xưa làm hại việc nay, trau chuốt những lời nói suông làm loạn việc thực, mọi người đều lấy cái học riêng của mình để chê bai những điều nhà vua làm. Nhưng nay Hoàng đế đã thu tóm cả thiên hạ, phân biệt trắng đen mà định ra điều duy nhất được tôn trọng. Những kẻ học Nho theo cái học riêng củ a mình lại cùng nhau chê cười pháp luật rồi đem dạy cho người ta. Khi nghe lệnh ban xuống thì họ đều lấy cái học riêng của mình để bàn tán. Khi vào triều, thì trong bụng chê bai. Ra đường thì bàn bạc chê vua của mình để lấy danh, làm cho khác người để tỏ là cao, bày cho kẻ ở dưới phỉ báng. Nếu như thế mà không cấm thì ở trên uy thế của nhà vua sẽ bị giảm sút; ở dưới các bè đảng sẽ nổi lên. Nên cấm làm hơn. Thần xin đốt tất cả các sách sử, trừ những sách sử của nhà TẦN. Trừ những người làm chức bác sĩ, ai cất giấu *Kinh Thư*, *Kinh Thi*, sách vở của trăm nhà thì đều đem đến các quan thú, quan úy mà đốt đi, hai người dám bàn nhau về việc *Kinh Thi*, *Kinh Thư* thì chém giữa chợ, lấy y đời xưa mà chê đời nay thì giết cả họ. Quan lại biết mà không tố cáo, thì cũng bị tội. Lệnh ban ra trong ba mươi ngày không đốt sách thì khắc vào mặt cho đi thú để xây và canh giữ trường thành. Những sách không bỏ là sách thuốc, sách bói, sách trồng cây. Ai muốn học pháp luật thì thờ quan lại làm thầy.

Chế của nhà vua nói: "Được".

Năm thứ 35, sai làm con đường thông từ huyện Cửu Nguyên đến đất Vân Dương, đục núi, lấp các khe núi, nhờ vậy đường đi suốt và thẳng. Thủy Hoàng cho rằng ở Hàm Dương người thì đông mà cung đình các vua trước thì nhỏ, nói:

- Ta nghe vua Văn Vương nhà Chu đóng đô ở đất Phong và Vũ vương đóng đô ở đất Cảo, miền giữa Phong và Cảo là đô của đế vương.

Bèn sai xây cung để tiếp các triều thần ở phía nam sông Vị. Trong vườn Thượng Lâm trước tiên sai xây cái điện đằng trước cửa cung A Phòng dài 500 bộ từ đông sang tây, rộng 50 trượng. Xung quanh sai làm đường gác từ dưới điện chạy thẳng cho đến đỉnh núi Nam Sơn. Sai dựng cái cửa ở núi Nam Sơn để ra vào, làm đường phước đạo từ cung A Phòng vượt qua sông Vị đi mãi đến Hàm Dương để bắt chước con đường của sao Thiên cực, sao này qua sông Ngân Hà đến tận sao Dinh Thất. Khi cung A Phòng chưa xây xong, nhà vua muốn tìm một cái tên đẹp mà gọi. Vì cung này gần cung thất nhà vua cho nên thiên hạ gọi nó là cung A Phòng. Đưa những người bị tội thiên ở An Cung hơn 70 vạn người chia nhau xây cung A Phòng hoặc đắp núi Ly Sơn. Lấy cái quách bằng đá ở núi Bắc Sơn, lấy gỗ từ đất Thục, đất kinh chở về đến nơi ấy.

Ở Quan Trung, số cung đến 300 cái, ở ngoài Quan Trung hơn 400 cái. Thủy Hoàng bèn sai dựng đá ở bờ biển Đông Hải thuộc đất Cù để làm cửa phía đông của Tần, nhân đấy dời 3 vạn nhà đến Ly Ấp, 5 vạn nhà đến Vân Dương, những nhà này đều được tha việc công dịch mười năm.

Lư Sinh nói với Tần Thủy Hoàng:

- Bọn thần đi tìm cây "chi" là thứ thuốc lạ, nhưng thường không gặp "tiên", xem ra có vật gì cản trở. Trong pháp thuật có phép vi hành để tránh ác quỷ, tránh được ác quỷ thì "chân nhân" mới đến. Nếu kẻ bày tôi đều biết được nơi nhà vua ở thì có hại đến thần. Bậc "chân nhân" đi vào nước không ướt, đi vào lửa không cháy, bay lên mây, cùng trường thọ với trời đất. nay nhà vua cai trị thiên hạ vẫn chưa nghỉ ngơi được chút gì. Xin nhà vua ở cung nào đừng cho ai biết, thì sau đó mới có thể được thuốc bất tử.

Thủy Hoàng nói:

- Ta rất thích bậc "chân nhân"

Và tự coi là "chân nhân" chứ không gọi là "trẫm".

Thủy Hoàng bèn ra lệnh: "Trong vòng hai trăm dặm xung quanh Hàm Dương, 270 cung điện ở đây có đường phức tạp và đường ống liền nhau; đem màn trướng trống chiêng cùng gái đẹp đưa vào các cung không cho xê dịch. Vua đến đâu nếu có kẻ nào nói nơi nhà vua ở thì bị tội chết".

Thủy Hoàng đến cung Lương Sơn đứng trên núi thấy xe, quân kỵ của thừa tướng rất đông, không bằng lòng. Có kẻ nói với thừa tướng. Sau đó thừa tướng bớt xe và quân kỵ đi.

Thủy Hoàng nổi giận nói:

- Thế nào cũng có kẻ tiết lộ điều ta đã nói.

Khi tra xét thì không ai thú. Nhà vua bèn sai bắt tất cả những người ngồi cạnh lúc nhà vua nói câu đó và giết đi. Từ đó về sau, không ai biết nhà vua đi đâu. Khi nghe công việc thì quần thần chỉ nhận được những điều đã quyết định, mọi việc đều giải quyết ở trong cung Hàm Dương.

Hầu Sinh và Lư Sinh bàn nhau:

- Thủy Hoàng tính khí bướng bỉnh, gàn dở, chỉ nghe theo mình. Xuất thân là chư hầu, thâm tóm cả thiên hạ, ý chí tự đắc, muốn gì được nấy, tự cho rằng từ xưa đến nay không ai bằng mình, chuyên dùng bọn pháp quan. Bọn pháp quan được yêu quý, bác sĩ tuy có 70 người nhưng chỉ cho đủ số chứ không dùng. Thừa tướng và các quan đại thần đều nhận được nhữn gđiều đã quyết định xong còn việc làm là ở nhà vua. Nhà vua thích việc hình phạt chém giết để ra uy. Thiên hạ sợ tội muôn giữ bốn góc không ai dám hết lòng trung. Nhà vua không nghe nói đến sai lầm của mình nên ngày càng kiêu ngạo. Ở dưới thì sợ nép một bề, nói dối để được dung thân. Theo phép nhà Tần không được làm hai nghề, làm sai là chết ngay. Những kẻ xem sao, khí mây có đến 300 người đều là những người giỏi nhưng đều sợ hãi, trốn tránh a dua, không dám nói đến những sai lầm của nhà vua. Công việc trong thiên hạ không kể lớn nhỏ đều do nhà vua quyết đoán. Đến nỗi nhà vua phải lấy thạch mà cân giấy tờ, một ngày một đêm không làm đủ một thạch thì không được nghỉ ngơi. Con người ham quyền thế như vậy không thể nào tìm thuốc tiên cho ông ta được.

Hai người bèn bỏ trốn. Thủy Hoàng nghe nói họ bỏ trốn thì nổi giận nói:

- Trước đây ta thu các sách trong thiên hạ, sách nào không dùng được thì bỏ đi, sai triệu tập tất cả những người có văn học và những phương sĩ, thuật sĩ rất đông, muốn làm cho thiên hạ thái bình. Ta triệu tập bọn thuật sĩ là muốn họ tìm thuốc lạ, nay nghe nói bọn Hàn bỏ đi không báo với ta, bọn Từ Phúc làm ta tốn kém hàng ức vạn, nhưng cuối cùng vẫn không được thuốc, ngày ngày chỉ nghe chúng nói với nhau về việc tham lợi riêng của chúng. Bọn Lư Sinh được ta tôn quý, thương cho rất nhiều nhưng lại phi báng ta để làm nặng điều sai lầm của ta, bọn nhà Nho ở Hàm Dương được ta sai người hỏi thì có kẻ đặt ra những lời nói nhằm để làm loạn bọn "đầu đen".

Bèn sai ngự sử xét tất cả các nhà Nho. Các nhà Nho tố giác lẫn nhau, có hơn 460 người phạm điều đã cấm. Thủy Hoàng sai chôn sống tất cả ở Hàm Dương, báo cho thiên hạ biết điều đó để làm răn. Sau đó lại sai đầy ra biên giới nhiều người bị tội để đi thú.

Con cả của Thủy Hoàng là Phù Tô can:

- Thiên hạ mới được bình định. Những kẻ "đầu đen" ở phương xa vẫn chưa theo ta. Các nho sinh đều học theo Khổng Tử, nay bệ hạ dùng pháp luật nặng để trói buộc họ thì thần sợ thiên hạ không yên, xin bệ hạ nghĩ đến điều đó.

Thủy Hoàng nổi giận sai Phù Tô đi lên miền bắc để giám sát Mông Diêm ở Thượng Quận.

Năm thứ 36, sao Huỳnh Hoắc ở vào khu vực của sao Tâm, có ngôi sao rơi xuống Đông Quận. Khi rơi xuống đất thì thành đá. Có bọn "đầu đen" khắc vào đá: "Thủy Hoàng chết thì đất bị chia". Thủy Hoàng nghe tin ấy, sai ngự sử tra hỏi, nhưng không ai thú, bèn bắt tất cả những người ở gần đấy giết đi và đốt cháy hòn đá. Thủy Hoàng không vui, sai các bác sĩ làm thơ ca ngợi "tiên" và "chân nhân" cùng những nơi trong thiên hạ mà mình đã đi chơi. Sai nhạc công ca và đàn hát những bài ấy. Mùa thu, sứ giả đang đem từ Quan Đông đi qua Hoa Âm trên đường Bình Thư. Có người cầm ngọc bích chặn đường sứ giả mà nói:

- Ông làm ơn đưa viên ngọc này cho vua Hạo Tri. Nhân đấy nói rằng: năm nay thì Tổ Long chết. Sứ giả hỏi:

- Tại sao?

Người ấy biến mất để lại viên ngọc bích ở đấy. Sứ giả cầm ngọc bích kể lại đầu đuôi cho nhà vua nghe. Thủy Hoàng nín lặng hồi lâu nói:

- Quỷ núi chẳng qua chỉ biết việc xảy ra trong một năm mà thôi.

Khi vào cung nói:

- Tổ Long, đó là tổ tiên của người.

Vua sai ngự phủ xem ngọc bích thì đó là viên ngọc nhà vua để chìm khi vượt qua Trường Giang năm thứ 28. Thủy Hoàng sai bói, trong quẻ nói: "Đi chơi thì tốt". Thủy Hoàng bèn sai dời 3 vạn nhà đến Du Trung ở Bắc Hà, thưởng cho các quan thêm một cấp.

4. Tháng mười năm thứ 37 (năm 211 trước công nguyên) ngày quý sửu, Thủy Hoàng đi chơi, tả thừa tướng Lý Tư đi theo, hữu thừa tướng Khứ Tất ở nhà. Hồ Hợi, con nhỏ của Thủy Hoàng, được nhà vua yêu mến xin đi theo, vua bằng lòng. Tháng 11, đi đến Vân Mộng, tể vua Thuấn ở núi Cửu Nghi, đi thuyền qua sông Trường Giang xem Tích Kha vượt qua bãi ngoài biển, qua Đan Dương đến Tiền Đường, đi đến Chiết Giang gặp lúc sóng to nổi lên nên đi về phía tây một trăm hai mươi dặm, qua sông ở nơi dòng hẹp, lên Côi Kê tể vua Vũ, nhìn ra biển Nam Hải dựng đá khắc công đức nhà Tần.

Sau đó trở về, đi qua đất Ngô theo sông Trường Giang qua đồ ở Giang Thặng và đi dọc theo bờ biển lên phía bắc đến đất Lang Gia.

Bọn phương sĩ Từ Phúc ra ngoài biển tìm thuốc thần mấy năm không được, tốn kém rất nhiều.

Chúng sợ bị trừng trị bèn lừa dối nói rằng thuốc của Bồng Lai có thể lấy được, nhưng bị con cá giao lớn làm khổ, cho nên không đến được, xin nhà vua cấp cho người thiện xạ cùng đi, lấy cái nỏ bắn nhiều phát một lúc để bắn. Thủy Hoàng nằm mơ thấy mình đánh nhau với thần biển hình người.

Bèn hỏi người đoán mộng.

Bác sĩ nói:

- Thủy thần không thể trông thấy nên hiện thành con cá giao. Xin nhà vua cầu khẩn, thờ phụng có đủ lễ vật thì mới trừ được thứ thần ác và làm cho thần thiện có thể đến được.

Nhà vua bèn sai người ra biển mang đồ bắt cá lớn, còn tự mình cũng làm nỏ bắn nhiều phát một lúc, chờ khi nào cá lớn xuất hiện thì bắn. Nhà vua đi từ Lang Gia về phía bắc đến núi Huỳnh Thành nhưng không thấy cá. Đến Chi Phù thì thấy cá lớn, giết chết một con. Sau đó đi dọc theo đường biển. Khi đi về phía tây đến bến Bình Nguyên thì bị bệnh.

Thủy Hoàng ghét người ta nói đến việc chết, cho nên quần thần không ai dám nói với nhà vua về việc chết. Khi bệnh càng nặng nhà vua bèn viết thư đóng dấu của vua gửi đến công tử Phù Tô nói: "Con về Hàm Dương với đám tang, và chôn cất ta ở đấy". Bức thư đã niêm phong ở trong phủ trung xa thuộc quyền Triệu Cao. Bức thư có dấu của nhà vua làm tin chưa giao cho sứ giả thì ngày bính dần tháng bảy, Thủy Hoàng chết tại Bình Đài thuộc đất Sa Khâu.

5. Thừa tướng Lý Tư thấy nhà vua chết ở xa kinh đô sợ các công tử và thiên hạ có biến loạn, bèn giấu kín điều đó, không báo tang, chờ quan tài trong một cái xe mát, cho một người hoạn quan được vua yêu ngồi trong xe, đến đâu thì dâng thức ăn, trăm quan vẫn tuân việc như thường. Viên hoạn quan ở trong xe nghe lời tàu liền bảo: "Được!". Chỉ có Hồ Hợi, Triệu Cao và một vài hoạn quan thân tín của nhà vua, tất cả có năm sáu người biết là nhà vua đã chết.

Triệu Cao trước đây đã có lần dạy Hồ Hợi học viết cùng với pháp luật, mệnh lệnh. Hồ Hợi yêu quý Triệu Cao. Triệu Cao bèn cùng công tử Hồ Hợi và thừa tướng Lý Tư âm mưu phá hủy bức thư của Thủy Hoàng gửi cho công tử Phù Tô mà bịa đặt thành ra chuyện thừa tướng Lý Tư đã nhận được tờ

chiếu của Thủy Hoàng ở Sa Khâu trước khi chết bảo lập Hồ Hợi làm thái tử. Lại làm một bức thư khác gửi cho công tử Phù Tô và Mông Diêm kể tội hai người, ra lệnh cho hai người phải chết. Câu chuyện này nói kỹ trong truyện Lý Tư. Xe đi từ Tinh Hình đến Cửu Nguyên. Gặp lúc trời nắng, chiếc xe mát phát ra mùi thối, bèn sai các quan đi theo chở trên xe một thạch cá muông để đánh lẫn mùi thối. Đi theo đường thẳng đến Hàm Dương, báo tang.

Thái tử Hồ Hợi lên nối nghiệp làm Nhị Thế hoàng đế.

Tháng 9, chôn Thủy Hoàng ở Ly Sơn. Khi Thủy Hoàng mới lên ngôi đã sai đào núi Ly Sơn. Đến khi thôn tính được thiên hạ, thì dời hơn 70 vạn người trong thiên hạ đào ba con suối, ở dưới đổ đồng và đưa quách vào. Dem những đồ quý báu của các cung, của trăm quan xuống cất đầy ở dưới. Lại sai thợ làm máy bắn tên có ai đào đến gần thì bắn ra. Sai lấy thủy ngân làm một trăm con sông, sông Trường Giang, sông Hoàng Hà và biển lớn. Cá máy móc làm cho nước sông và biển chảy vào nhau. Ở trên có đủ thiên văn, ở dưới có đủ địa lý, lấy dầu cá nhân ngư để thắp đuốc, trừ tính thế nào để cháy lâu không tắt.

Nhị Thế nói:

- Những người ở hậu cung của tiên đế nếu không có con mà cho ra ngoài thì không tiện.

Sai chôn theo tất cả. Số người chết rất nhiều. Sau khi chôn cất xong, có người nói: những người thợ làm máy và cất giấu đều biết chỗ cất giấu, thế nào họ cũng tiết lộ việc lớn. Cho nên sau khi cất giấu xong, sai đóng đường hầm đi đến huyết, lại sai đóng cửa ngoài đường hầm. Những người thợ và những người cất giấu của cải không làm sao thoát ra được. Rồi sai trồng cây, trồng cỏ lên trên để có vẻ như cái núi.

6. Năm thứ nhất, đời Nhị Thế hoàng đế (năm 209 trước công nguyên). Nhị Thế lên ngôi lúc 21 tuổi. Triệu Cao làm lang trung lệnh được tin dùng. Nhị Thế ra chiếu sai tăng thêm các vật tế ở miếu TẦN Thủy Hoàng cũng như nghi lễ tế các thần núi, thần sông. Ra lệnh cho quần thần bàn việc suy tôn miếu của Thủy Hoàng. Quần thần đều dập đầu nói:

- Ngày xưa thiên tử có bảy miếu, chư hầu có năm miếu, đại phu có ba miếu, tuy đến vạn đời cũng không bỏ cái lệ ấy. Nay Thủy Hoàng glàm cực miếu, trong bốn biển đều hiến cống vật, tặng các vật tế, lễ rất đầy đủ, không còn gì thêm được nữa. Miếu của tiên vương hoặc ở Tây Ung hoặc ở Hàm Dương. Thiên tử theo nghi lễ chỉ nên hiến rượu ở miếu Thủy Hoàng thôi.

Bỏ tất cả nhóm bảy miếu xây từ Trương Công trở xuống. Quần thần đều theo lễ đến cúng để tôn miếu của Thủy Hoàng làm tổ miếu của các vị đế. Nhà vua lại tự xưng là "trẫm".

Nhị Thế bàn với Triệu Cao:

- Trẫm tuổi còn nhỏ mới lên ngôi, bọn "đầu đen" chưa theo. Tiên đế trước đây đi tuần hành các quận và các huyện để tỏ uy thế làm bốn biển phục tùng. Nay nếu trẫm để yên không tuần hành tức là tỏ ra mình yếu không làm cho thiên hạ thần phục.

Mùa xuân, Nhị Thế đi về hướng đông đến các quận các huyện, Lý Tư đi theo đến Kiệt Thạch; Nhị Thế đi theo bờ biển phía nam đến Cối Kê rồi khắc lên tất cả những cái bia Thủy Hoàng đã dựng nên. Bên cạnh những cái bia này, dựng một cái bia viết tên các vị quan to đi theo để nêu cao công lao và đức lớn của tiên đế.

Hoàng đế nói: Những điều khắc trên vàng trên đá đều là những điều Thủy Hoàng đế đã làm, ta nay tuy nổi tiếng hiệu của người, nhưng những lời khắc trên vàng, trên đá đều còn rất xa không thể sánh với công đức của người. Những người làm vua sau này nếu khắc thì chớ sánh ngang với công lao và đạo đức to lớn của người.

Thừa tướng Lý Tư, Khứ Tật, ngự sử đại phu là Đức liêu chết nói:

- Chúng tôi xin khắc chiếu thư này ở khắp nơi và khắc lên đá để cho sáng rõ. Chúng tôi liêu chết xin làm thế.

Chế đưa ra nói: "Được".

Nhị Thế đến Liêu Đông rồi trở về.

Nhị Thế bèn theo mưu mô Triệu Cao tăng thêm nhiều luật lệ mệnh lệnh. Nhị Thế bàn mưu với Triệu Cao:

- Các quan đại thần không phục, quan lại còn mạnh, các công tử thế nào cũng tranh nhau với ta.

Bây giờ nên làm thế nào?

Triệu Cao nói:

- Thần vốn muốn nói điều ấy đã lâu nhưng chưa dám nói. Các quan đại thần của tiên đế, đều là những người có danh tiếng và quyền quý đã mấy đời, công lao chồng chất truyền lại đời đời. Nay Cao vốn là người hèn mọn được bệ hạ thương đến cho làm ở địa vị trên, lo những công việc quan trọng nhất, các quan đại thần đều bực bội chỉ theo thần ngoài mặt chứ trong lòng thực không phục. Nay bệ hạ đi ra, không nhân cơ hội này xét những người làm thú, làm úy trong các quận, các huyện, thấy người nào có tội thì giết đi, trước hết để ra oai với thiên hạ, sau đó để trừ những người bình sinh bệ hạ không thích. Trong lúc này không thể theo văn mà phải dùng võ lực để quyết định, xin bệ hạ theo thời mà làm đừng nghi ngờ gì và quần thần không được bàn bạc. Vị vua sáng thu nhận, cất nhắc những người dân hèn; người nào hèn thì cho họ được sang; người nào nghèo thì cho họ được giàu; người nào xa thì cho họ được đến gần. Làm như thế, trên dưới sẽ theo mà nước được an.

Nhị Thế nói:

- Phải đấy!

Bèn giết các quan đại thần và các công tử, tội lỗi liên lụy đến những viên quan nhỏ hầu hạ nên họ cũng đều bị giết. Các quan tam lang không còn ai sống sót, sáu vị công tử bị giết ở đất Đỗ. Công tử Tương Lư anh em ba người bị tù ở trong nội cung, bị luận tội sau cùng. Sau đó Nhị Thế sai sứ giả báo với Tương Lư:

- Công tử không làm tròn phận sự bầy tôi, tội đáng chết, quan lại đến thi hành pháp luật.

Tương Lư nói:

- Nghi lễ trong triều tôi chưa bao giờ không theo, ngôi thứ ở chốn miếu đường tôi chưa bao giờ dám làm sai, nhận mệnh lệnh và ứng đối tôi chưa bao giờ dám lỡ lời. Bao giờ không làm nhiệm vụ bầy tôi là thế nào xin ông cho biết tội để rồi chịu chết?

Sứ giả nói:

- Tôi không được bàn việc ấy, chỉ mang thư đến đây làm tròn phận sự.

Tương Lư bèn ngẩng đầu lên trời kêu to ba tiếng rồi rút kiếm tự sát.

Cả tôn thất run sợ, quần thần ai ngăn cản thì phạm tội phỉ báng. Các quan đại thần thì lo giữ lộc để được yên thân, những kẻ "đầu đen" thì sợ hãi.

Tháng 4, Nhị Thế về đến Hàm Dương nói:

- Tiên đế cho triều đình ở Hàm Dương nhỏ, nên sai xây cung A Phòng. Nhà cửa chưa xong thì mất.

Người ta bỏ việc ấy lo đắp đất lại lên Ly Sơn. Công việc ở Ly Sơn đã xong. Nay nếu ta bỏ cung A Phòng không làm thì tức là nêu rõ việc làm của tiên đế là sai lầm.

Vì vậy lại làm cung A Phòng, để bên ngoài ra uy với tứ di, như kế của Thủy Hoàng. Sai trưng tập tất cả những kẻ bắn giỏi gồm năm vạn người lập đồn để bảo vệ Hàm Dương. Sai dạy bắn. Lúc bấy giờ phải nuôi chó, ngựa, chim muông rất nhiều, việc cung cấp không đủ. Nhà vua sai các quận và các huyện chuyên chở đỗ, lúa, cỏ, rom, người nào cũng phải thân hành mang lương thực mà ăn, không được ăn gạo trong vòng 300 dặm của thành Hàm Dương. Pháp luật lại càng nghiêm ngặt.

7. Tháng bảy, bọn lính thú là Trần Thắng làm phản ở đất Kinh ngày trước, hiệu là "Trương Sở", Trần Thắng tự lập làm vua Sở. Thắng ở đất Trần sai các tướng đi chiêu hàng các nơi. Những người trai tráng ở các quận, các huyện Sơn Đông bị khổ sở vì bị bọn quan lại nhà Tần đều giết bọn thú, úy, lệnh, thừa làm phản để hưởng ứng Trần Thiệp lập nhau làm hầu vương, liên hợp với nhau đi về hướng tây, lấy danh nghĩa đánh Tần, đông không kể xiết. Quan yết giả từ hướng đông lại báo với Nhị Thế về việc dân làm phản. Nhị Thế nổi giận giao yết giả cho quan lại trừng trị. Sau đó có sứ giả đến, nhà vua hỏi thì họ đều nói:

- Bọn ăn trộm đang bị các thú và các úy ở quận đuổi bắt, bây giờ đã bắt hết không cần phải lo nữa.

Nhà vua b ằng lòng.

Vũ Thần tự lập làm Triệu Vương, Ngụy Cửu làm Ngụy vương, Diêm Đàm làm Tề vương. Bái Công nổi dậy ở đất Bái. Hạng Vũ dấy binh ở quận Cối Kê.

Năm thứ 2 (năm 208 trước công nguyên) mùa đông, Trần Thiệp sai bọn Chu Chương đem binh đi về hướng tây đến đất Hán, binh mấy mươi vạn. Nhị Thế hoảng sợ bàn với quần thần:

- Bây giờ làm thế nào?

Chương Hàm làm thiếu phủ nói:

- Bọn giặc đã đông và mạnh. Nay nếu đem binh ở các huyện đến thì không kịp nữa. Những người bị vây phải làm ở Ly Sơn rất đông, xin tha cho họ, giao cho họ binh khí để đánh giặc.

Nhị Thế liền đại xá thiên hạ, sai Chương Hàm cầm quân phá quân của Chu Chương. Chu Chương bỏ chạy. Sau đó giết Chu C hương ở Tào Dương. Nhị Thế sai thêm trưởng sử là Tư Mã Hân và đồngn Ể giúp Chương Hàm đánh quân giặc, giết trẦN Thắng ở Tahnhf Phụ, phá tan quân của Hạng Lương ở Định Đào, tiêu diệt quân của Ngụy Cửu ở Lâm Tế. Các danh tướng của giặc ở đất Sở đều đã chết rồi. Chương Hàm bèn đem quân đi về hướng bắc vượt Hoàng Hà để đánh vua Triệu là Yết ở Cự Lộc.

Triệu CAO nói với Nhị Thế:

- Tiên đế cai trị thiên hạ đã lâu cho nên quần thần không dám làm bậy. Nhưng bệ hạ bây giờ còn trẻ, mới lên ngôi, lẽ nào lại bàn bạc công việc triều đình với các công khanh, lỡ ra mà có điều sai sót tức là để lộ chỗ kém của mình cho quần thần thấy. Thiên tử tự gọi là "trẫm" nghĩa là người ta không nghe tiếng nói.

Do đó Nhị Thế thường ở cung cấm quyết định mọi việc với Triệu Cao. Về sau các công khanh ít khi được triều kiến.

Giặc cướp ngày càng nhiều, binh của Quan Trung đưa ra hướng đông để đánh gaiực cứ phải đi mãi không thôi. Hữu thừa tướng là Khứ Tật, tả thừa tướng là Lý Tư, tướng quân là Phùng Kiếp can nhà vua nói: "Ồ Quan Đông bọn giặc nhao nhao nổi lên, Tần đem quân trừ khử giết cũng nhiều nhưng vẫn không thôi. Giặc phần lớn là những người đi thú và lo vận chuyển trên cạn dưới nước, họ làm giặc vì việc xây đắp cực khổ vì thuế má nặng. Xin đình việc xây đắp ở cung A Phòng, giảm bớt lính thú ở các biên giới".

Nhị Thế nói:

- Ta nghe Hàn Phi nói, Nghiêu, Thuấn có kèo nhà bằng gỗ, kèo mà không bào, tranh mái nhà không cắt phẳng, uống chén đất, ăn bát bằng sành, một người giữ cửa ăn cũng không đến nỗi kém như thế. Vua Hạ Vũ đục núi Long Môn để cho nước thông với Đại Hạ, khơi dòng cho nước ứ đọng ở sông Hà đi ra biển. Thân mình mang thuổng để đắp đất, chân không còn lông, dù bọn tôi tớ và bọn tù cũng không khổ sở đến thế. Con người có thiên hạ sở dĩ được tôn quý là vì có thể làm thỏa chí, theo sở thích của mình, muốn gì được nấy. Nhà vua cứ làm cho những pháp luật rõ ràng thì ở dưới không ai dám làm điều bậy, và như vậy là khống chế được thiên hạ. Các vua như vua Thuấn, vua Vũ tuy có cái địa vị cao sang là làm thiên tử, nhưng thực ra họ ở nơi cùng khổ để nêu gương cho trẫm họ. Như thế có gì đáng bắt chước? Trẫm được tiếng là Vạn Thắng (vạn cỗ xe) nhưng thực ra không có. Ta muốn làm một đoàn xe nghìn cỗ để đi theo sau là một vạn cỗ, để xứng với tôn hiệu của ta. Và chẳng, tiên đế nổi lên từ địa vị chư hầu rồi thôn tính cả thiên hạ. Thiên hạ đã được bình định rồi lại đuổi tứ di ở bên ngoài để giữ an biên giới, xây cung thất để nêu cao ý thích của mình. Người xem công nghiệp của tiên đế đã được tiếp tục như thế nào. Nay ta lên ngôi trong vòng hai năm, bọn giặc nổi lên, nhà người không cấm được họ lại múôn bỏ điều tiên đế làm, như thế thì trước hết không có gì báo ơn tiên đế, sau nữa không tận trung hết sức với trẫm, còn giữ chức làm gì!

Bèn giao cho quan lại bắt Khứ Tật, Lý Tư, Phùng Kiếp, xét các tội khác. Khứ Tật và Phùng Kiếp nói:

- Kẻ làm đến tướng quân và thừa tướng không chịu nhục.

Bèn tự sát, Lý Tư bị tù và chịu năm hình phạt.

Năm thứ 3 đời Tần Nhị Thế, Chương Hàm cầm quân vây thành Cự Lộc, thượng tướng quân của Sở là Hạng Vũ cầm đầu quân Sở đến cứu Cự Lộc. Mùa đông, Triệu Cao làm thừa tướng, xét án Lý Tư rồi giết Lý Tư. Mùa hạ, bọn Chương Hàm đánh bị thua mấy lần, Nhị Thế cho người đến trách Chương Hàm, Chương Hàm sợ, sai trưởng sử là Tư Mã Hân đến trình việc. Triệu Cao không cho tiếp kiến, lại tỏ ra nghi ngờ. Tư Mã Hân sợ bỏ trốn. Triệu Cao sai người đuổi theo nhưng không bắt được. Tư Mã Hân đến gặp Chương Hàm nói:

- Ở trong triều, Triệu Cao hoành hành, tướng quân có công cũng bị giết, không có công cũng bị giết. Hạng Vũ đánh quân TẦN rất gấp, cầm tù Vương Ly. Bọn Chương Hàm bèn đem binh đầu hàng chư hầu.

8. Tháng tám ngày kỷ hợi, Triệu Cao muốn làm phản nhưng sợ quần thần không nghe, nên trước tiên phải thử. Y dâng Nhị Thế một con hươu và bảo rằng đó là con ngựa.

Nhị Thế cười nói:

- Thừa tướng làm vậy chứ! Sao lại gọi con hươu là con ngựa? Nhị Thế hỏi các quan xung quanh.

Những người xung quanh im lặng, có người nói là "ngựa" để vừa lòng Triệu Cao, cũng có người nói là "hươu". Nhân đây Triệu Cao để ý những người nào nói là "hươu" để dùng pháp luật trị tội. Sau đó quần thần đều sợ Cao.

Trước đây Cao thường nói: "Bọn ăn trộm ở Quan Đông không làm được gì". Nhưng đến khi Hạng Vũ đã cầm tù được tướng Tần là Vương Ly ở chân thành Cự Lộc và đem quân tiến đánh, bọn Chương Hàm bị thua trận rút lui, dâng thư xin tiếp viện, các nước Yên, Triệu, Tề, Sở, Hàn, Ngụy đều lập vua, từ Quan Trung về phía đông phần lớn nhân dân đều chống lại quan lại nhà Tần, hưởng ứng theo chư hầu, chư hầu đều đem tất cả nhân dân đi về hướng tây. Bái Công cầm mấy vạn quân đã làm cỏ thành Vũ Quan, cho người bàn riêng với Triệu Cao, Triệu Cao sợ Nhị Thế giận giết cả mình bèn cáo bệnh không đi châu. Nhị Thế nằm mộng thấy con hổ trắng cắn chết con ngựa bên trái trong cỗ xe của nhà vua, trong lòng không vui. Nhị Thế hỏi người bói mộng.

Người bói mộng nói:

- Nguồn gốc của tai họa là do sông Kinh.

Nhị Thế bèn ăn chay ở "Vọng di cung" muốn cúng sông Kinh, dìm bốn con ngựa trắng xuống sông và sai sứ giả trách Triệu Cao về việc giặc cướp. Triệu Cao sợ bèn bàn mưu với người rể là Diễm Nhạc làm quan lệnh ở Hàm Dương và em Triệu Cao là Triệu Thành, Triệu Cao nói:

- Nhà vua không nghe lời can ngăn. Nay việc đã gấp, nhà vua muốn quy tội cho chúng ta. Ta muốn thay đổi vua lập công tử Anh. Tử Anh là người nhân đức, cần kiệm, trăm họ đều kính trọng lời nói của ông ta.

Triệu Cao liền sai lang trung lệnh làm nội ứng giả vờ báo có giặc lớn, sai Diễm Nhạc triệu tập các tướng đem quân đuổi giặc. Ép mẹ của Diễm Nhạc đưa vào nhà của Cao, sai Diễm Nhạc cầm hơn một nghìn người đến cửa "Vọng di cung". Nhạc trói người vệ binh giữ cửa và các bộc xạ mà nói:

- Quân giặc đã vào thành, tại sao không ngăn cản chúng lại?

Viên quan giữ thành nói:

- Ở những nhà xung quanh thành tôi đã bố trí binh sĩ rất cẩn thận làm sao lại có giặc dám vào cung được?

Diễm Nhạc sai chém quan giữ thành rồi đem quân đi vào, vừa đi vừa bắn. Các quan lang và bọn hoạn quan hoảng hốt, có người bỏ chạy, có người kháng cự. Ai kháng cự thì chết, chết tất cả mấy mươi người. Lang trung lệnh và Diễm Nhạc đều bước vào, bắn vào cái màn Nhị Thế ngồi.

Nhị Thế nổi giận gọi những người hầu đến. Mọi người đều hoảng sợ không dám chống cự, chỉ có một viên hoạn quan hầu ở bên cạnh không dám bỏ đi. Nhị Thế bước vào cuối giường nói:

- Tại sao nhà ngươi không báo với ta từ trước để đến nỗi gặp tình cảnh này?

Viên hoạn quan nói:

- Thần sở dĩ được sống là nhờ không dám nói. Nếu nói trước thì thần đã bị giết rồi, làm sao còn sống đến ngày nay được?

Diễm Nhạc tiến đến trước mặt Nhị Thế mắng:

- Túc hạ kiêu ngạo ngang ngược, giết người vô đạo, thiên hạ đều phản lại túc hạ. Túc hạ tự liệu xem mình nên như thế nào?

Nhị Thế nói:

- Ta có được gặp mặt thừa tướng hay không?

- Không được!

- Ta muốn làm vua một quận.

Diễm Nhạc không cho. Nhị Thế đành nói:

- Muốn làm vạn hộ hầu.

Cũng không cho. Nhị Thế nói:

- Xin làm bọn "đầu đen" với vợ con cũng như các công tử khác.

Diễm Nhạc nói:

- Tôi vâng lệnh thừa tướng vì thiên hạ giết túc hạ. Tuy túc hạ có nhiều lời, tôi cũng không dám báo lại.

Diễm Nhạc vẫy cò cho binh sĩ tiến lên. Nhị Thế tự sát. Diễm Nhạc quay về báo lại với Triệu Cao.

Triệu Cao bèn triệu tập tất cả các công tử và các đại thần, báo việc giết Nhị Thế, nói:

- Nguyên trước Tần là một vương quốc, Thủy Hoàng làm vua cả thiên hạ nên xưng đế. Nay sáu

nước lại tự lập, đất đai của Tần càng nhỏ đi, làm đế là chỉ có cái tên hão mà thôi, như thế không nên, nên làm vương như trước.

Bèn lập con người anh của Nhị Thế là công tử Anh làm Tần Vương, sai chôn Nhị Thế theo lễ một thường dân ở phía nam đất Đỗ trong vườn Nghi Xuân, bảo Tử Anh, trước khi ra miếu để nhận ấn làm vua, phải ăn chay năm ngày.

9. Tử Anh bàn với hai người con:

- Thừa tướng Triệu Cao giết Nhị Thế ở "Vọng di cung" sợ bị quần thần giết nên giả vờ lập ta. Ta nghe nói Triệu Cao đã giao ước với Sở tiêu diệt dòng họ nhà Tần và làm vương ở Quan Trung. Nay ông ta bảo ta ăn chay ra miếu tức là muốn nhân đây giết ta ở trong miếu. Ta cáo bệnh không đi, thừa tướng thế nào cũng thân hành đến, khi đến thì ta sẽ giết.

Triệu Cao sai người mời Tử Anh mấy lần. Tử Anh không đi. Quả nhiên Triệu Cao thân hành đến nói:

- việc tôn miếu là việc quan trọng. Tại sao nhà vua lại không đi?

Tử Anh bèn cầm giáo đâm chết Triệu Cao ở trai cung, giết ba họ Triệu CAO để nêu gương cho dân Hàm Dương.

Tử Anh làm vua Tần được bốn mươi sáu ngày thì tướng Sở là Bái Công đã phá quân Tần vào Quan Trung, sau đó đến Bái Thượng sai người bảo Tử Anh đầu hàng. Tử Anh bèn buộc dây ấn vào cổ, ngồi trên một chiếc xe gỗ không sơn do một con ngựa trắng kéo mang ấn, phù của thiên tử đầu hàng ở gần Chi Đạo. Bái Công bèn vào Hàm Dương niêm phong cung thất, các kho rồi về đóng quân ở Bái Thượng. Được hơn một tháng thì quân chư hầu đến. Hạng Tịch cầm đầu chư hầu giết Tử Anh và các công tử của Tần, diệt dòng họ nhà Tần, làm cỏ thành Hàm Dương, đốt cung thất, bắt con trai con gái làm tù, lấy của cải châu báu cùng chia nhau với chư hầu.

Sau khi diệt Tần, Hạng Vũ chia đất Tần cho ba vua gọi là: Ung Vương, Tắc Vương, Địch Vương hiệu là Tam Tần. Hạng Vũ làm Tây Sở Bá Vương làm chủ việc chia thiên hạ, phong vương cho chư hầu. Thế là nhà Tần bị diệt.

Năm năm sau thiên hạ theo về nhà Hán.

Phần 07

Bình Chuẩn Thư

1. Nhà Hán nổi lên thừa kế những điều tệ hại của nhà Tần. những người mạnh khỏe thì phải phục vụ trong các hàng ngũ quân đội, những người già yếu thì phải lo vận chuyển lương thực. Việc làm khó nhọc mà tiền của thì thiếu thốn. Ngay thiên tử cũng không có cỗ xe tứ mã có bốn ngựa cùng màu, còn tướng quân, thừa tướng thì đôi khi đi xe bò. Dân thường không có của để cất giấu. Nhà vua nhận thấy tiền của nhà Tần quá nặng, khó dùng, nên đổi đi, sai dân đúc tiền: vàng thì một cân là đơn vị. Pháp luật trở thành đơn giản, bỏ bớt những điều cấm đoán, cho nên bọn làm trái phép và tham lợi cất giấu những của cải thừa để bán làm vật giá cao vọt lên: gạo lên đến một vạn đồng tiền một thạch, một con ngựa một trăm cân vàng.

Đến khi thiên hạ đã bình định, Cao Tổ bèn ra lệnh không cho những người đi buôn được mặc đồ tơi, đi xe, đánh thuế nặng để làm khốn nhục họ. Thời Hiếu Huệ và Lữ Hậu, thiên hạ mới bình định, cho nên lại nối luật lệ đối với những người đi buôn bán, nhưng con cháu những người buôn bán vẫn không được làm quan lại. Người ta tính số tiền để nuôi quan lại và số tiền chi dùng, rồi căn cứ vào đó mà đánh thuế thân của dân. Còn những món lợi do việc đánh thuế và lấy tô về núi, sông, vườn, ao, chợ búa, thì từ thiên tử trở xuống đến các vương và những người có đất phong ở các ấp đều được dùng làm của riêng để cung cấp cho mình, chứ không đem tiêu dùng vào việc thiên hạ. Số thóc vận chuyển từ Sơn Đông đến để cung cấp cho các quan ở trong kinh đô mỗi năm không đến vài chục thạch. Đến thời Hiếu Văn, tiền "giáp" quá nhẹ, nhà vua bèn đổi đúc thứ tiền bốn thủ nhưng chữ trên đồng tiền lại đề là nửa lạng và cho phép dân tha hồ đúc tiền. Vì vậy Ngô vương là chư hầu nhờ lấy được đồng ở núi để đúc tiền mà giàu hơn cả thiên tử. Về sau Ngô vương làm phản. Đặng Thông làm đại phu cũng nhờ việc đúc tiền mà nhiều của cải hơn bậc vương giả.

Cho nên lúc bấy giờ tiền của họ Ngô họ Đặng tràn ngập cả thiên hạ. Do đó, có lệnh cấm đúc tiền. Quân Hung Nô mấy lần vào cướp bóc xâm phạm biên giới phía bắc, số người đi đóng đồn và đi thú rất nhiều, số lúa ở biên giới không đủ để cung cấp. Do đó nhà vua mộ dân ai có thể nộp và đưa lúa ra biên giới thì được phong chức tước. Tước được phong đến tả thứ trưởng.

Thời Hiếu Cảnh, từ Thượng Quận về phía tây bị hạn hán, nhà vua lại ra lệnh cho bán chức tước, nhưng lần này hạ giá bớt để lôi kéo dân. Những người bị đầy và có tội nhẹ có thể chuộc tội bằng cách vận tải thóc cho quan địa phương. Nhà vua sai làm thêm vườn, chuồng ngựa, để có nhiều ngựa mà dùng, xây thêm các cung thất và các quán, số xe ngựa cũng tăng thêm.

2. Đến khi kim thượng lên ngôi, mấy năm đầu dùng vào lúc nhà Hán trong vòng bảy mươi năm, nước nhà vô sự trừ phi gặp lụt lội, hạn hán còn thì nhân dân đều no đủ. Các kho lúa ở kinh đô và ở các nơi đều đầy, mà kho dự trữ thừa của cải. Tiền ở kinh đô xếp kể hàng trăm triệu. Lôi râu mục không thể đếm được. Thóc ở kho lớn lớp lớp chồng lên nhau, đầy rẫy, tràn ứa ra ngoài đến nỗi mục nát ăn không được! Dân chúng có ngựa hàng đàn trên các đường ngõ. Kẻ cưỡi ngựa cái bị gạt không được đến đám đông. Kẻ coi các cổng làng cổng xóm bữa ăn thường có gà có thịt. Kẻ làm lại, làm đến lúc con cháu lớn lên; kẻ làm quan lấy chức làm họ. Cho nên ai nấy đều tự yêu mình, sợ phạm pháp luật; ham làm việc nhân nghĩa, lo tránh sĩ nhục.

Lúc bấy giờ lưới pháp luật thưa mà dân giàu. Bọn cậy của kiêu căng có khi gườm, nuốt nhau. Bọn cường hào cậy thế ăn hiếp ở làng xóm. Các tôn thất đều có đất. Công, khanh, đại phu, trở xuống đua nhau xa xỉ: nhà cửa, xiêm áo, xe ngựa lẫn cả bậc trên không chừng mực. Việc đời thịnh rồi suy, lẽ biến đổi cố nhiên phải thế!

3. Từ đó về sau, bọn Nghiêm TRợ, Chu Mãi Thần gọi dân Đông Âu đến và theo đuổi hai nước Việt; vùng giữa sông TRường Giang và sông Hoài xơ xác và phiến phỉ. Đường Mông, Tư Mã Tương Như mở lối sang các rợ miền tây nam, phía núi thông hơn nghìn dặm đường để mở rộng đất Ba, đất Thục. Dân đất Ba, đất Thục vì thế mệt nhọc. Bành Ngô Giả diệt TRiều Tiên đặt ra quận Thượng Hải. Vì vậy miền Yên, Tề nhón nhác rung động. Sau đó Vương Khôi lại bày mưu ở Mã Ấp, Hung Nô bỏ dứt việc hòa thân, xâm lấn miền bắc. Việc binh kéo dài không khi nào hết. thiên hạ khổ về những việc khó nhọc ấy mà cảnh can qua lại ngày càng lan rộng. Người đi trận phải mang xách, kẻ ở lại phải lo vận chuyển lương thực. Trong ngoài xao xuyến về việc phải lo cung đón cho nhau. Trăm họ thì cùng kiệt, tìm cách lẩn trốn. Của cải hao hụt không sao đủ được. Điều đó khiến cho kẻ

quyền tiền thì được làm quan, kẻ nộp bạc thì được miễn tội. Phép tuyển cử dần dần bỏ. Liêm sĩ bị coi thường, võ lực được tiến dụng. Kết quả pháp luật trở nên nghiêm, mệnh lệnh thành khẩn khe và từ đó bọn bầy tôi gây lợi xuất hiện.

Sau đó các tướng nhà Hán mỗi năm đem mấy vạn quân kỵ đánh quân Hồ. Xa kỵ tướng quân là Vệ Thanh lấy đất phía Hà Nam của Hung Nô, xây Sóc Phương.

Bây giờ Hán mở đường giao thông với các rợ di ở tây nam, người làm đường tới mấy vạn. Dân phải gánh gồng mang lương thực từ ngoài ngàn dặm đến, trung bình cứ đem đi hơn mười chung thì đến nơi chỉ còn một thạch. Nhà vua sai đem của cải phát cho những người ở đất Cùng và đất Bắc để chiêu tập họ. Làm mấy năm vẫn chưa mở xong được con đường này. Nhưng các man và di lại thừa cơ ấy mấy lần đánh. Các quan lại phải đem quân đánh dẹp. Nhà vua nhận thấy dù lấy cả và thuế đất Ba và đất Thục cũng không đủ vào việc chi phí, nên sai một số người giàu đến cày ở đất Nam Di. Những người này đưa thóc cho quân địa phương và nhận tiền ở kinh đô. Phía đông, nhà vua lại sai đặt quận Thượng Hải. Phí tổn về việc dời dân đến đây ở cũng tương tự như việc dời dân đến Nam Di. Nhà vua sai hơn mười vạn người xây thành để giữ Sóc Phương, việc chuyên chở đường sông rất xa. Tất cả những người ở phía đông núi đều rất nhọc mệt. Tốn kém đến gần mười tỷ đồng tiền. Kho lại càng trống rỗng. Nhà vua bèn mộ dân, nói những người nào có thể cấp bọn nô tỳ cho nhà nước thì suốt đời không phải nộp thuế thân, nếu họ làm quan lang rồi thì sẽ được thăng trật.

Việc nộp cừ mà được làm quan lang là bắt đầu từ lúc ấy.

Bốn năm sau (năm 124 trước công nguyên), Hán sai đại tướng quân đem hơn mười vạn quân, sáu vị tướng quân, đánh hữu hiên vương bắt được một vạn năm nghìn tù binh. Năm sau, đại tướng quân lại đem sáu vị tước quân đánh quân Hồ bắt được một vạn chín nghìn tù binh, người nào chém hay bắt được quân Hồ thì được thưởng vàng. Tiền thưởng đến hơn hai mươi vạn cân vàng. Mấy vạn tù binh đều được hậu thưởng, cho ăn mặc, tất cả đều do quan địa phương cung cấp. Trái lại quân và ngựa của Hán chết hơn mười vạn; đó là chưa nói đến tiền phí tổn về vũ khí và vận chuyển bằng đường thủy và đường bộ. Vì bao nhiêu tiền tích trữ ở quan đại tư nông đều cứ kiệt dần, tiền thuế dùng hết cũng không đủ để cung cấp cho quân sĩ nên các quan phụ trách mới nói với thiên tử. Thiên tử nói: - Trẫm nghe nói Ngũ Đế dạy dân không lặp lại việc làm của nhau nhưng nước vẫn trị. Các vua Hạ Vũ và Thành Thang pháp luật không giống nhau mà vẫn làm vương, đờng họ đi khác nhau nhưng đức họ lập nên vẫn là một. Biên giới phía bắc chưa yên, trẫm rất lấy làm lo lắng. Gần đây đại tướng quân đánh Hung Nô vừa chém vừa cầm tù một vạn chín nghìn tên. Người giàu cắt của cải thì người nghèo không có mà ăn.

Nhà vua bèn ra lệnh cho dân được mua tước và chuộc những điều cấm đoán không cho làm quan, được lấy tiền xin chuộc và giảm tội. Các quan tâu xin đặt những thưởng quan. Mệnh của nhà vua nói: tước Vũ công thì phải nộp 17 vạn đồng tiền. Tất cả số tiền bán tước lên tới ba mươi vạn cân vàng. Trong những người mua tước Vũ công ai thuộc hàng "quan thủ" thì được thủ cho làm lại và bỏ làm quan trước. Cấp "thiên phu" thì tiền ngang cấp ngũ đại phu. Người có tội thì được giảm hai bậc, có thể mua tước đến nhạc khanh. Làm như thế để nêu rõ quân công, những người có nhiều quân công thì dùng vượt bậc, người có quân công lớn thì phong làm hầu, khanh, đại phu; người có quân công nhỏ thì phong làm lang, làm lại. Con đường đi đến chức quan phức tạp và lắm cách cho nên chức quan mất giá trị.

4. Từ khi Công Tôn Hoảng nhừ việc giải nghĩa *Kinh Xuân thu* gò bó kẻ làm tội mà làm đến thừa tướng nhà Hán; từ khi Trương Thang dùng lời văn án nghiêm khắc, gắt gao mà được làm đình úy thì đạo luật về cái tội "kiến tri" sinh ra, và người ta trừng trị hết sức nặng những người cản trở hay phi báng mệnh lệnh của nhà vua.

Năm sau, âm mưu Hoài Nam vương, Hành Sơn vương, Giang Đô vương làm phản bại lộ. Bọn công khanh bới lông tìm vết để trừng trị và tiêu diệt bè đảng của họ. Số người bị giết đến mấy vạn. Bọn trưởng lại lại càng nghiêm khắc, tàn nhẫn, pháp luật, mệnh lệnh lại càng rạch ròi chi ly. Lúc bấy giờ nhà vua đang đề cao khuyến khích những người tài giỏi, chính trực văn học, có người làm đến công khanh, đại phu. Công Tôn Hoảng làm thừa tướng nhà Hán, mặc áo vải, không ăn hai món, muốn nêu gương cho thiên hạ, nhưng không có ích gì đối với phong tục. Dần dần người ta xô đẩy nhau chạy theo công danh, lợi lộc.

Năm sau, tướng phiêu kỵ lại đem quân đánh quân Hồ bắt được bốn vạn người. Mùa thu năm ấy, vua

Hồn Gia đem mấy vạn người vào hàng. Nhà vua sai đem hai vạn cỗ xe đón rước họ. Khi họ đến, lại được ban thưởng. Năm ấy, số tiền cấp cho những người có công lên đến hơn một vạn triệu đồng tiền.

Trước đây mười năm, sông Hoàng Hà vỡ đê ở huyện Quan; đất Lương và đất Sở đã mấy lần bị khốn khổ, còn các quận ở ven sông trước đây đã đắp đê và giữ nước, mỗi khi đê vỡ lại phí tổn không thể kể xiết. Sau đó, Phiên Hệ muốn giảm bớt việc chuyên chở bằng đường sông qua Đê Trụ, sai đào sông đào xuyên qua sông Phen và sông Hoàng Hà, và lợi dụng con sông đào ấy để tưới ruộng. Số người làm đến mấy vạn. Trịnh Đương Thời cho rằng con sông đào của sông Vị quanh co và xa, nên sai đào một con sông chạy thẳng từ Trảng An đến Hoa Âm; người làm đến mấy vạn. Ở Sóc Phương cũng đào một con sông có mấy vạn người làm. Mỗi việc như thế đều kéo dài hai ba năm nhưng vẫn chưa xong và đều phí tổn gần ngàn triệu.

Thiên tử muốn đánh quân Hồ, nên sai nuôi rất nhiều ngựa, ngựa chẵn ở Trảng An đến mấy vạn con, lính ở Quan Trung không đủ người chăn nuôi bèn điều động những người ở các quận gần đấy.

Lại thêm những người làng Hồ đã đầu hàng đến, việc ăn mặc của họ đều do quan sở tại, quan sở tại cung cấp không đủ. Nhà vua bèn bớt việc ăn uống của mình, tháo xe tứ mã, đem những của cải cất giấu trong kho riêng của mình ra cho để bổ cứu tình trạng này.

Năm sau, phía đông núi bị cạn lức, dân nhiều người bị thiếu ăn. Thiên tử bèn sai sứ giả đốc tất cả kho lúa trong các quận và các nước để phát chẩn cho dân nghèo nhưng vẫn không đủ; lại kêu gọi những người giàu có cho vay, nhưng dân chúng vẫn không cứu được nhau. Nhà vua bèn cho dời dân nghèo đến phía tây Quan Trung và phía nam đất Sóc Phương ở Tân Tần, tất cả bảy mươi vạn miệng ăn, việc ăn mặc đều do quan địa phương cung cấp. Trong mấy năm, người ta cấp cho họ sản nghiệp. Các sứ giả phân họ ra từng bộ phận để coi sóc. Các quan đông đến nỗi mũ lông liền nhau, tiền phí tổn đến hàng ức không sao kể xiết.

5. Do đó, quan địa phương hết sạch tiền, nhưng bọn con buôn giàu và chủ những cửa hiệu lớn thì có kẻ cất giấu của cải để nô dịch người nghèo: chở hàng trăm xe những đồ tích trữ không dùng cất ở ắp. Các vị vua có đất phong đều cúi đầu xin họ cung cấp. Trong việc đúc tiền và nấu muối, có những người có hàng vạn cân vàng nhưng họ vẫn không giúp nước nhà trong lúc nguy cấp và dân nghèo lại càng khổ. Do đó, thiên tử và cửu khanh bàn nhau thay đổi tiền làm ra "tệ" để chỉ dùng đồng thời trừng trị bọn hoang dâm và bọn chiếm đoạt. Lúc bấy giờ trong vườn cấm của nhà vua có con nai trắng, trong kho riêng của nhà vua lại có nhiều thiếc và bạc. Từ thời Hiếu Văn đã nghĩ ra cách đúc thứ tiền bốn thù đến nay đã hơn bốn mươi năm; nhưng từ niên hiệu Kiến Nguyên đến nay, người ta ít dùng thứ tiền ấy. Các quan địa phương có nhiều người đến những núi đồng để đúc tiền, trong nhân dân cũng đúc trộm tiền, cho nên số tiền tính không xuể.

Tiền càng nhiều và mất giá, hàng hóa càng ít và quý. Quan phụ trách nói:

- Đồi xưa có thứ tiền bằng da, chứ hầu dùng thứ tiền ấy để biểu. Có ba loại kim khí. Cao nhất là vàng rồi đến kim khí trắng (bạc) là thứ hai, kém nhất là kim khí đỏ (đồng). Nay tiền danh nghĩa là một nửa lạng nhưng thực ra chỉ nặng bốn thù, thế mà bọn giầy hay bọn ăn trộm còn mài tiền ở phía trong để lấy bớt kim khí mà đúc thêm. Tiền càng nhẹ và mỏng thì vật giá càng quý, như thế ở phương xa dùng tiền tệ rất phiền và tốn kém.

Bèn sai cắt da con nai trắng ra thành từng mảnh vuông mỗi bề một thước, xung quanh viền rong biển, định giá mỗi miếng da như vậy là bốn mươi vạn đồng tiền. Các vương, hầu, tôn thất đến châu, đều phải dâng ngọc bích đặt trên thứ tiền ấy, sau đó mới được đi. Lại làm thứ tiền bằng bạc pha thiếc gọi là kim khí trắng. Người ta cho rằng ở trên trời thì không gì bằng con rồng, ở dưới đất thì không gì bằng con ngựa, vật người ta dùng thì không gì quý bằng con rùa. Cho nên có ba thứ kim khí trắng: loại thứ nhất, nặng tám lạng hình tròn, có khắc rồng tên gọi là bạch tuyến, giá ba nghìn; loại thứ hai, nặng ít hơn, hình vuông, vẽ hình con ngựa, giá năm trăm; loại thứ ba, nhỏ hơn nữa, hình chữ nhật, vẽ hình rùa, giá ba trăm. Sai các quan địa phương đúc tiền nửa lạng thay thứ tiền bốn thù, chữ đề bao nhiêu thì nặng bấy nhiêu. Kẻ nào đúc trộm tiền các loại thì bị tội chết. Nhưng quan lại cũng như nhân dân vẫn đúc trộm "kim khí trắng" không thể kể xiết.

Do đó, nhà vua cho Đông Quách Hàm Dương và Không Cẩn làm đại nông thừa để lo việc muối và tiền, cho Tang Hoàng Dương được làm thị trung để tính toán. Hàm Dương là một người nấu muối lớn ở Tề, Không Cẩn là một người nấu kim khí lớn ở Nam Dương, họ đều có sản nghiệp hàng ngàn

cân vàng cho nên Trịnh Dương Thời tiến cử với nhà vua. Tang Hoảng Dương là con một nhà bán hàng ở Lạc Dương giỏi tính nhẩm, nên năm 13 tuổi làm thị trung. Ba người này khi bàn việc lợi thì phân tích đến chân tơ kẽ tóc.

Vì pháp luật ngày càng nghiêm ngặt, nên quan lại nhiều người bị giáng và bị bãi. Việc chiến tranh lại xảy ra luôn. Nhân dân nhiều người xuất tiền để miễn giao dịch, và mua tước ngũ đại phu. Số người bị trưng dụng đi hành dịch ngày càng ít. Do đó, bỏ những người tước thiên phụ, ngũ đại phu làm lại; những người nào không muốn thì phải nộp ngựa; những người trước đây làm lại đều phải đi cắt cỏ ở Thượng Lâm, đào ao Côn Minh. Năm sau (năm 119 trước công nguyên), đại tướng quân và phiêu kỵ tướng quân đem đại quân ra đánh quân Hồ bắt được tám chín vạn tên, được thưởng năm mươi vạn cân vàng, quân Hán chết hơn mười vạn con ngựa. Đó là chưa nói đến khoản tốn kém về việc vận chuyển bằng xe và bằng đường sông. Lúc bấy giờ của cải thiếu, quân sĩ nhiều người không được lương.

Quan phụ trách nói:

- Tiền bốn thù nhẹ, dễ làm gian, xin các quận và các nước đúc tiền năm thù, xung quanh có vàng tròn để không thể mài lấy đồng đi mà đúc thêm tiền.

Các quan giúp việc đại nông về việc muối và sắt là Không Cản và Hàm Dương nói với nhà vua:

- Núi và biển là nơi cất giấu của cải của trời đất; nên cho nó thuộc vào kho riêng của nhà vua. Bệ hạ không lấy làm của riêng của mình mà cho nó thuộc vào đại nông như thế là đã làm tăng của công. Xin mộ dân tự do lấy phí tổn, dùng các khí mãnh của quan để nấu muối và cho quan mượn chậu. Những người làm nghề tạm bợ muốn lũng đoạn cái lợi của núi và biển để làm giàu bắt dân phải nộp dịch theo mình.

Họ đưa rất nhiều cách cản trở những người này: người nào dám đúc đồ sắt cho mình và nấu muối riêng cho mình thì bị xích chân trái, tịch thu dụng cụ. Ở những quận không sản xuất sắt thì đặt quan "tiểu thiết", những người này phụ thuộc vào huyện của họ. Nhà vua sai Không Cản, Đông Quách Hàm Dương đi xe trạm khắp thiên hạ lo việc muối và sắt, đặt những quan phủ, cho những người trước đây làm nghề muối và sắt mà giàu có được làm quan. Cách làm quan lại càng phức tạp, không đặt vấn đề chọn lọc và có nhiều con buôn trong số quan lại. Những thương nhân và người bán hàng, vì tiền tệ thay đổi luôn nên nhiều người chứa chất hàng hóa để kiếm lời. Do đó các công khanh nói:

- Các quận và các nước nhiều lần bị thiên tai thiệt hại, dân nghèo không có sản nghiệp được mộ đi những nơi béo bở và rộng rãi. Bệ hạ bớt ăn giảm tiêu, đem tiền của mình để giúp cho dân chúng, tha thuế thân và tha nợ; nhưng dân không phải tất cả đều làm ruộng, những người buôn bán rất đông.

Người nghèo không cất giấu được gì đều nhờ ở quan địa phương. Trước kia người ta đánh thuế những xe nhỏ (của những người đi buôn) thì số tiền của những người đi buôn cũng bớt đi; vậy xin đánh thuế như trước. Những người buôn lo cái việc ngon, mua sỉ và cho vay, lo cất giấu ở thành phố, tàng trữ để lấy lời, cũng như những người đi buôn để kiếm lời thì dù cho không ở trong số những người buôn bán ở chợ, cũng đều phải ước lượng của cải của họ. Cứ hai nghìn đồng tiền vốn thì phải nộp một "toán". Còn những thợ thủ công cất giữ những vật liệu sau này làm các đồ dùng để bán thì cứ bốn nghìn đồng vốn lấy một "toán". Những người không phải quan lại, nhưng có thể xem như quan lại là các tam lão hay kỵ sĩ ở biên giới, nếu có một cái xe nhỏ thì phải nộp một "toán", còn người buôn bán thì mỗi xe nhỏ phải nộp hai "toán", thuyền to năm trương trở lên nộp một "toán". Ai giấu giếm không khai hay khai không đủ thì đưa ra biên giới đi thú một năm và lấy tất cả gia sản. Ai tố cáo ra thì thưởng cho một nửa, những người bán hàng có tên trong sổ và những người bà con của họ đều không được có ruộng theo tên của mình, như thế để lợi cho những người cày, ai dám phạm lệnh thì sung công tất cả ruộng và tột tở của họ.

Thiên tử bấy giờ nghĩ đến lời của Bốc Thức nên mời Bốc Thức làm trung lang, tước tả thứ trưởng, thưởng cho mười khoảnh ruộng và báo cáo điều đó với thiên hạ để cho mọi người biết. Bốc Thức là người Hà Nam lo việc chăn nuôi và làm ruộng. Khi cha mẹ chết đi, Thức có một người em nhỏ. Khi người em lớn lên Thức nhường tất cả gia tài cho em chỉ lấy một trăm con cừ, còn ruộng vườn, cửa nhà, của cải, đều cho em hết. Thức vào núi chăn cừu hơn mười năm. Số cừu lên đến hơn nghìn con, Thức mua ruộng vườn nhà cửa, trả lại người em lại phá hết cả sản nghiệp. Thức lại chia gia sản cho em. Làm như thế đến mấy lần. Lúc bấy giờ, nhà Hán đã mấy lần sai tướng quân đánh Hung Nô, Bốc Thức dâng thư xin nộp một nửa gia sản cho quan địa phương để giúp vào việc biên giới. Thiên

tử sai sứ giả hỏi Thức:

- Có muốn làm quan không?

Thức đáp:

- Tôi từ nhỏ chỉ chăn nuôi không quen làm quan nên không muốn.

- Thế trong nhà có điều gì oan ức muốn bày tỏ không?

- Tôi bình sinh không tranh chấp với ai, trong làng xóm có ai nghèo thì tôi cho mượn, có ai hư hỏng thì tôi dạy dỗ, những người ở nơi tôi đều nghe theo tôi, Thức có việc gì mà bị người ta làm oan uổng, tôi không có gì muốn nói.

- Thế thì ông muốn gì?

- Thiên tử giết Hung Nô, tôi là người ngu dại cho rằng người hiền thì nên chết vì bổn phận ở biên giới, người có của cải thì nên đem nộp. Như vậy mới có thể tiêu diệt được Hung Nô.

Sứ giả kể lại đầu đuôi những lời Bộc Thức nói với thiên tử. Thiên tử nói với thừa tướng. Thừa tướng Công Tôn Hoảng nói:

- Đó không phải là tình cảm tự nhiên của con người, như thế là ngược đời. Thần không thể vì ông ta mà thay đổi, làm rối loạn pháp luật, xin bệ hạ đừng nghe lời ông ta.

Do đó, nhà vua lâu không trả lời Thức. Được mấy năm nhà vua lại bãi Thức. Thức trở về nhà, lại lo cày ruộng chăn nuôi được hơn một năm. Nhân lúc quân nhà Hán mấy lần ra đánh, vua Hồn Gia đầu hàng quan địa phương tiêu tốn kém, các kho lúa trống không. Năm sau dân nghèo bị dời đi hàng loạt, tất cả chỉ nhờ quan địa phương cung cấp, nhưng quan địa phương không sao cung cấp đủ. Bộc Thức mang hai mươi vạn đồng tiền cho quan thái thú Hà Nam để cấp cho những người dân bị dời đi. Quan thái thú Hà Nam dâng lên cho nhà vua xem danh sách những người giàu đã giúp đỡ người nghèo. Nhà vua thấy có tên Bộc Thức sức nhớ lại, nói:

- Đây hẳn là con người trước đây muốn nộp nửa gia sản để giúp vào việc biên giới.

Bèn thưởng cho Bộc Thức được hưởng số tiền bốn trăm người nộp để được miễn giao dịch. Thức lại đem tất cả số tiền ấy hoes quan địa phương. Lúc bấy giờ những người giàu có và tai mắt đều đua nhau giấu của cải, chỉ có Thức đem của mình nộp để giúp vào việc chi tiêu, vì vậy nhà vua cho rằng Thức trước, sau là bậc trưởng giả cho nên đề cao Thức để cho trăm họ bắt chước.

Lúc đầu, Thức không muốn làm quan lang, nhà vua nói:

- Trong vườn Thuỵ Lâm ta có cừu, ta muốn sai nhà người chăn. Thức bèn lạy và làm quan lang. Thức mặc áo vải, đi guốc, chăn cừu. Được hơn một năm cừu béo và sinh đẻ nhiều. Nhà vua đến xem cừu của mình thì khen.

Thức nói:

- Không phải chỉ riêng việc nuôi cừu mà thôi đâu, việc cai trị dân cũng như thế. Cho họ dậy làm việc và đi ngủ đúng lúc, người nào xấu thì đuổi đi, đừng cho họ làm hại đến cả đoàn.

Nhà vua cho Thức là người kỳ lạ bèn cho làm quan lệnh ở Hào Thị để xem thử. Dân ở Hào Thị thích Bộc Thức, nhà vua bèn cho Thức làm quan lệnh ở Thành Cao lo việc vận chuyển đường sông - rất có công trạng. Nhà vua cho Bộc Thức là người trung bèn cho làm thái phó của Tề vương.

Sau khi Khổng Cẩn sai thiên hạ đúc và làm đồ bằng sắt được ba năm, ông ta được bổ làm đại nông và thuộc vào hàng cửu khanh. Còn Tang Hoảng Dương thì làm đại nông thừa coi việc tính toán. Hai người dần dần đặt những "quân trâu" để lưu thông hàng hóa. Lần đầu nhà vua ra lệnh cho quan lại nộp lúa để làm quan lang đến chức lương sáu trăm thạch.

Sau khi làm đến thứ kim khí trắng năm thù được năm năm thì tha những quan lại và dân chúng phạm vào tội đúc trộm tiền. Số người chết về việc đúc tiền đến mấy mươi vạn. Những người giết lẫn nhau không bị phát giác thì không kể xiết! Từ khi lệnh ân xá ban ra, những người được tha đến hơn trăm vạn, nhưng con số này chưa đến một nửa những người bị bắt. Hầu hết mọi người trong thiên hạ đều liều lĩnh đúc tiền. Kẻ phạm tội nhiều quá, quan lại bắt và giết không hết.

Do đó vua sai bọn bác sĩ Chủ Đại, Từ Yển chia nhau thành từng toán đi khắp các quận và các nước trừ bỏ những bọn cướp đoạt của cải người khác và các quan ở các nước, các quận có tội. Ngự sử đại phu Trương Thang lúc bấy giờ rất được quý trọng và tin dùng. Bọn Giám Tuyên, Đỗ Chu làm trung thừa, bọn Nghĩa Tung, Doãn Tề, Vương Ôn Thư dùng hình phạt thảm khốc độc ác mà được làm cửu khanh và bọn "trực chỉ" như Hạ Lan lần đầu xuất hiện. Quan đại nông Nhan Dị bị giết. Trước đây Nhan Dị làm đình trưởng ở Tề Nam nhờ liêm khiết chính trực nên được thăng chức đến cửu khanh.

Sau khi nhà vua và Trương Thang làm ra thứ tiền da nai trắng, nhà vua hỏi Nhan Dị, Nhan Dị nói:

- Ngày nay các vua và các hầu cận triều và chúc mừng mang ngọc bích màu xanh giá vài nghìn, nhưng cái da dê lột ở dưới khi dâng lên giá bốn mươi vạn. Như thế là gốc và ngọn không cân đối. Nhà vua không bằng lòng. Trương Thang lại có hiềm khích với Nhan Dị. Có người tố cáo Nhan Dị về việc khác. Nhan Dị nói chuyện với khách, khách nói:

- Lúc đầu lệnh ban ra có chỗ bất tiện.

Dị không đáp hơi nhẹn môi. Trương Thang tâu lên nói:

- Nhan Dị làm đến chức cửu khanh nhưng thấy lệnh không tiện lại không nói mà phỉ báng trong bụng. Dị bị khép vào tội chết. Từ đó về sau mới có đạo luật về tội "phỉ báng trong bụng".

Vì vậy công khang, đại phu phần lớn xiêm ninh, a dua để được yên thân. Nhà vua đã ra lệnh về vấn đề tài sản của những người buôn và thợ thủ công và đề cao Bốc Thức, nhưng trăm họ rất cục cằn chẳng ai chia của cải để giúp quan địa phương. Do đó nhà vua cho phép tố cáo tài sản của những người buôn bán theo như lời tâu của Dương Khả. Trong các quận và các nước nhiều người đúc tiền giả, tiền phần lớn là nhẹ, các công khanh xin để kinh đô đúc thứ tiền "chung quan" có vành đỏ, mỗi đồng giá bằng năm đồng tiền thường, việc thuế và việc công nếu không có thứ tiền vòng đỏ này thì không được. Tiền kim khí trắng dần dần mất giá, dân không cho là quý và không dùng. Quan địa phương ra lệnh cấm nhưng không ăn thua. Được hơn một năm thì tiền kim khí trắng bị bỏ không dùng nữa. Năm ấy (năm 115 trước công nguyên), Trương Thang chết nhưng dân không nghĩ gì đến ông ta.

Hai năm sau, dân đã nghĩ ra cách đúc tiền có vành đỏ cho nên dùng không tiện và thứ tiền này lại bị bỏ. Do đó người ta cấm các quận và các nước không được đúc tiền mà chỉ giao cho ba ông quan ở Thượng Lâm chuyên trách việc đúc tiền. Tiền đúc nhiều nên có lệnh ban ra nói: trong thiên hạ không phải thứ tiền của ba ông quan này thì không được lưu hành, tất cả những thứ tiền đúc trước đây ở các quận và các nước đều bị bỏ và nấu chảy, đem đồng đưa cho ba vị quan. Việc dân đúc tiền cũng ít đi, vì xét ra việc phí tổn nhiều không bỏ công đúc, chỉ có những bọn đại gian và thợ chuyên nghiệp thì mới đúc trộm.

Bốc Thức làm thừa tướng nước Tề trong khi việc tố cáo gia sản của thương nhân do Dương Khả đề xướng phổ biến khắp thiên hạ. Những gia sản trung bình trở lên đều bị tố giác. Đỗ Chu xét xử họ. Những người vào ngục ít người được tha. Nhà vua lại sai ngự sử, đình úy chính giám chia ra từng ban đến xét các quận và các nước về những gia tài của thương nhân, được của cải và tiền bạc của dân kể hàng ức, nô và tỳ hàng ngàn, vạn, ruộng ở huyện lớn vài trăm khoảnh, huyện nhỏ hơn trăm khoảnh, nhà cửa cũng thế. Do đó, bọn buôn bán từ trung bình trở lên nói chung đều phá sản, dân lo ăn ngon mặc đẹp để qua ngày chứ không nghĩ đến việc cất giấu gây dựng gia sản nữa. Các quan địa phương nhờ có muối, sắt và gia sản của thương nhân cho nên của cải tiêu dùng càng nhiều.

Nhà vua mở rộng thêm Quan Trung, đặt thêm hai miền phụ cận bên tả và bên hữu. Lúc đầu quan đại nông cai quản việc muối và sắt, đặt quan nhiều, đặt chức thủy hành để lo việc muối và sắt, đến khi Dương Khả đưa ra việc tố giác gia sản thương nhân thì của cải và sản vật ở Thượng Lâm rất nhiều, bèn cho quân thủy hành coi Thượng Lâm. Thượng Lâm cất của đầy tràn cho nên mở nó thêm rộng.

Lúc bấy giờ quân Việt muốn dùng thuyền để tranh đua với quân Hán, nhà vua bèn sai đào rộng thêm và sửa sang ao Côn Minh, xung quanh là những lầu bao vây để xem, làm những lâu thuyền cao hơn mười trượng ở trên có cờ xí rất là tráng lệ. Nhà vua cảm thấy thích bèn sai làm đài Bá Lương cao mấy mươi trượng, từ đáy cung thất xây càng đẹp. Lại chia số tiền lấy được của thương nhân cho các quan; các quan thủy hành, thiếu phủ, đại nông, thái bộc đều đặt những nông quan luôn luôn đến các quận và các huyện, đến những ruộng đất đã tịch thu được để cày cấy; còn những nô tỳ tịch thu được thì chia ra các vườn để nuôi chó, nuôi ngựa, chim và thú vật cho các quan. Đặt rất nhiều viên quan mới. người ta sai dời nhiều bọn nô tỳ đi để lo việc vận chuyển trên sông, vận chuyển được bốn trăm vạn thạch, các quan tự mua thóc và có đủ thóc.

Sở Trung nói:

- Con em các nhà dòng dõi cùng với những người giàu có, có người chơi chọi gà, cho chó săn chạy, chơi ngựa, săn bắn, đánh bạc, làm rối loạn dân lành.

Nhà vua bèn điều tra những người phạm tội này, họ tố cáo lẫn nhau đến mấy ngàn người. Người ta

gọi họ là "Những người mang tội chọi gà". Những người nào nộp bạc thì được làm quan lang, việc đề cử người làm quan lang càng kém sút. Năm ấy ở phía đông núi bị nước sông Hoàng Hà gây tai họa, lại thêm mất mùa. Như thế mấy năm. Có người ăn thịt lân xnhua ở trong một miền, hai ngàn dặm vuông. Thiên tử thương xót ban chiếu nói:

- Ở Giang Nam người ta đốt rẫy, dùng nước để giết cỏ. Cho phép dân bị đói kém được di cư đến kiếm ăn ở giữa miền Trường Giang và sông HOài, ý muốn cho họ ở đấy.

Nhà vua lại sai các sứ giả để giúp đỡ cho họ, mũ và lông của các sứ giả thấy lỗ nhỏ trên đường. Nhà vua sai đem lúa từ đất Ba và đất Thục xuống để phát chẩn cho họ.

Năm sau (năm 112 trước công nguyên), nhà vua bắt đầu đi tuần các quận và các nước. Nhà vua vượt sông Hoàng Hà ở phía đông, quan thái thú Hà Đông không ngờ nhà vua đến, nên không chuẩn bị trước, do đó tự sát. Nhà vua vượt qua Lũng Tây. Quan thái thú Lũng Tây vì việc nhà vua đi vội vàng, không cung cấp lương thực được cho các quan theo hầu thiên tử, nên cũng tự sát. Nhà vua bèn đi về phía bắc ra khỏi cửa Tiêu Quan, có mấy vạn quân kỵ đi theo, đi sẵn ở đất Tân Tần để khuyến khích binh sĩ đồn thú ở biên giới rồi trở về. Ở Tân Tần có khi đi nghìn dặm không có nơi canh phòng. Nhà vua vì vậy giết thái thú Bắc Địa và các thuộc hạ của ông ta rồi ra lệnh cho dân được phép chăn nuôi ở những huyện ở biên giới. Các quan cho họ mượn ngựa cái, sau ba năm thì trả ngựa lại, cứ được mười con ngựa thì trả lại cho nhà nước một con. Việc tố cáo tài sản thương nhân bị bãi bỏ và việc tiêu dùng ở Tân Tần được đầy đủ.

Sau khi được cái vạc quý, nhà vua lập nhà thờ ở Thái nhất để thờ Hậu thổ và Thái nhất. Các công khanh bàn việc phong thiện. Còn các quận và các nước trong thiên hạ đều chuẩn bị làm đường, làm cầu, tu bổ lại những cung cũ. Ở những huyện xe ngựa nhà vua sẽ đi qua, các quan địa phương chuẩn bị đón tiếp đầy đủ chờ đợi nhà vua đi đến. Năm sau (năm 111 trước công nguyên), nước Nam Việt làm phản, Tây Khương xâm phạm cướp bóc ở biên giới. Nhà vua cho phía đông núi không đầy đủ lương thực, xá tội cho thiên hạ, dùng những thuyền lâu ở phương nam chở hơn mười vạn quân đánh Nam Việt, đem mấy vạn quân kỵ từ TAm Hà qua phía tây đánh Tây Khương, lại sai mấy vạn người vượt qua sông Hoàng Hà xây thành Linh Cư. Lần đầu tiên đặt các quận Trương Dịch, Tử Tuyền; còn ở Thượng Quận, Sóc Phương, Tây Hà, Hà Tây thì đặt quan lo việc khai khẩn ruộng đất; đầy sáu mươi vạn binh lính đến làm ruộng và canh phòng ở đấy. Việc đắp đường vận chuyển cung cấp lương thực nơi xa nhất đến hai ngàn dặm, nơi gần nhất đến hơn ngàn dặm, tất cả đều nhờ quan đại nông cung cấp. Vì không có đủ binh khí đưa ra biên giới, nhà vua bèn sai phát những binh khí ở kho vũ khí do những người thợ nhà vua làm để cung cấp cho họ. Ngựa kéo xe và ngựa cưỡi thiếu thốn, quan địa phương ít tiền khó lòng mua được ngựa, nhà vua bèn ra lệnh từ các vua có đất phong trở xuống đến các quan lương ba trăm thạch lúa trở lên đều theo thứ bậc mà cấp ngựa cái. Trong các đình trong thiên hạ đều nuôi ngựa cái, do đó ngựa mỗi năm mỗi nhiều và tốt.

Thừa tướng nước Tề là Bốc Thức dâng thư nói:

- Tôi nghe nói nhà vua lo thì bấy tôi nhục, nay Nam Việt làm phản, cha con tôi xin tình nguyện đến đây với những người TỀ quen sử dụng thuyền quyết sống chết với họ.

Nhà vua ban chiếu nói:

- Bốc Thức tuy lo cày và chăn nuôi nhưng không phải để mưu lợi cho mình, hễ có cửa thừa là đem giúp cho quan địa phương để tiêu dùng. Nay thiên hạ không may có việc nguy cấp mà cha con Bốc Thức lại hăng hái tình nguyện xin chịu chết vì nạn nước. Tuy ông ta chưa ra đánh trận nhưng có thể thấy lòng trung nghĩa ở những lời yêu cầu. Ban tước Quân nội hầu, thưởng cho sáu mươi cân vàng, mười khoảnh ruộng.

Tờ chiếu được loan báo trong tất cả thiên hạ, nhưng thiên hạ không ai hưởng ứng. Liệt hầu có hàng trăm nhưng không ai muốn theo quân nhà vua để đánh quân Khương và quân Việt. Đến khi làm lễ hiến vàng và lễ tế rượu, quan coi kho của nhà vua xét lại số vàng thì thấy các hầu mắc tội thiếu vàng hơn một trăm người. Nhà vua bèn cho Bốc Thức làm ngự sử đại phu. Sau khi Bốc Thức làm chức này, ông ta nhận thấy các quận và các nước phần lớn không cho quan địa phương quản lý việc làm muối và sắt là tiện; đồ sắt thì xấu, giá lại đắt; lại có người ép dân phải mua và bán muối và sắt; thuyền bị đánh thuế, người buôn ít và vật giá đắt; bèn dựa vào lời của Không Cẩn trình bày về việc đánh thuế thuyền. Do đó nhà vua không thích Bốc Thức.

Nhà Hán đánh nhau trong ba năm liền; diệt Khương tiêu diệt Nam Việt, lần đầu tiên đặt 17 quận từ

Phiên Ngung tới phía tây đến phía nam đất Thục. Lại theo tục cũ của họ mà cai trị, không bắt nộp các thứ thuế. Các quận từ Nam Dương, Hán Trung trở đi cứ theo thứ tự xa gần mà cung cấp cho các quận mới đặt. Các quan lại và binh sĩ có đủ lương ăn, tiền, đồ vật, xe và ngựa đầy đủ. Tuy vậy, các quận mới lập vẫn luôn luôn làm phản giết quan lại. Nhà Hán đem hơn một vạn binh lính và quan lại ở phương nam đến đánh mất một năm, tất cả việc tiêu dùng đều do quan đại nông cung cấp. Quan đại nông cung cấp đầy đủ là nhờ các "quan trâu" và nhờ ở chỗ đánh thuế muối và sắt. Nhưng nơi nào binh sĩ đi qua, các quan địa phương chỉ dám nói làm theo đúng cách đánh thuế như bình thường.

6. Năm sau (năm 110 trước công nguyên), niên hiệu Nguyên Phong năm thứ nhất. Bốc Thức bị giáng làm quan thái phó của thái tử; còn TANG HOẰNG DƯƠNG nhờ việc làm trị túc đô úy, được làm chức đại nông, thay Khổng Cẩn quản lý tất cả muối và sắt trong thiên hạ. Hoảng Dương cho rằng vì các quan tranh nhau buôn bán theo ý mình cho nên vật giá mới nhảy vọt và việc thuế khóa thu nhập trong thiên hạ có khi không đủ bù vào các phí tổn chuyên chở. Bèn xin nhà vua đặt mấy mươi người thuộc hạ của bộ phận đại nông, chia nhau cai quản các quận và các nước. Họ luôn luôn đến các huyện đặt các quan "quan trâu" và các quan lo về muối và sắt, ra lệnh cho các phương xa đều nộp những sản vật của mình và những vật mà các thương nhân chuyên chở lúc giá đắt để thay thuế. Những người này lại chuyên chở sản vật cho nhau. Các quan "bình chuẩn" ở kinh đô có trách nhiệm nhận các hàng hóa trong thiên hạ và đưa đến nơi, gọi những người thợ của nhà nước làm xe và các đồ vật cần cho việc vận chuyển và những người gây đều do đại nông nuôi. Các quan ở bộ phận đại nông nắm tất cả vật sản trong thiên hạ, khi đắt thì bán, khi rẻ thì mua, do đó bọn phú thương và chủ hiệu buôn lớn không thể lấy được nhiều lời mà phải quay trở về nghề nông, vật giá nhờ vậy không nhảy vọt và điều hòa được giá cả trong thiên hạ. Công việc đó gọi là "bình chuẩn". Nhà vua cho là phải, cho phép thi hành. Sau đó nhà vua đi phía bắc đến Sóc Phương, phía đông đến Thái Sơn, đi tuần ven biển đến biên giới phía bắc rồi trở về, đến đâu cũng thương. Đồ thưởng đến hơn một trăm vạn tấm lụa, tiền và vàng đến hàng trăm vạn. Nhưng đều nhờ có quan đại nông cung cấp đầy đủ. TANG HOẰNG DƯƠNG lại xin ra lệnh cho phép các thuộc lại được nộp lúa để làm quan và những người có tội được nộp tiền để chuộc tội. Lệnh ban ra người nào đưa lúa đến đất CAM TUYỀN thì theo thứ tự được miễn giao dịch suốt đời. Người ta không tố cáo tài sản của thương nhân nữa. Các quận và các nước đều chở thóc đến những nơi cần có thóc ngay, và những người cày đều nộp thóc. Ở phía đông núi việc vận tải bằng sông thêm nhiều, mỗi năm đến 600 vạn thạch. Trong một năm, kho Thái Thương và kho CAM TUYỀN đều đầy tràn, ở biên giới thừa thóc và mọi vật, một năm số lụa chuyển vận trên một trăm vạn tấm. DÂN không bị tăng thuế mà thiên hạ dùng được dồi dào. Do đó, TANG HOẰNG DƯƠNG được thưởng chức tả thứ trưởng, lại được thưởng một trăm cân vàng lần hai. Năm ấy có hạn nhỏ. Nhà vua ra lệnh cho các quận cầu mưa. BỐC THỨC nói:

- Các quan địa phương chỉ nên lấy tô và thuế để ăn và mặc thôi, nay TANG HOẰNG DƯƠNG sai bọn thuộc hạ bày hàng ở ngoài chợ, bán các đồ vật để kiếm lời, cứ nầu TANG HOẰNG DƯƠNG đi thì trời sẽ mưa.

7. Thái sử công nói:

- Để giao dịch giữa nông, công, thương xuất hiện các thứ tiền tệ: vỏ rùa, vỏ sò, vàng, tiền, đao, vải, nguồn gốc của tiền tệ đã có từ lâu. Kể từ họ CAO TÂN trở về trước thì đã xa lắm, không biết gì để chép. Cho nên *Kinh Thư* nói đến việc xảy ra trong thời vua Nghiêu vua Thuấn, *Kinh Thi* thuật lại thời Ân thời Chu. Khi trong nước yên ổn thì đưa người lớn vào học các nhà trường, nhà tự; trước kia chú trọng đến gốc là nghề nông, bỏ ngọn là nghề thương; dùng lễ nghĩa để đề phòng cái việc ham lợi. Sự việc biến đổi nhiều cho nên người ta làm trái với điều phải. Khi nào sự vật đã thịnh rồi cũng đến lúc suy, thời thế lên đến cùng cực rồi cũng phải quay trở lại. Thời đại trước chất phác thì thời đại sau văn hoa, đó là sự biến đổi của sự vật. Trong thiên *Vũ cống* thì chín châu đều nộp những sản vật đất mình có và dân có tương đối nhiều. Vua T HÀNH THANG và VŨ VƯƠNG kế tiếp theo những thời đại hưng thịnh nên dễ thay đổi để cho dân khỏi mỏi mệt. Hai người đều lo lắng nên dân được trị an. Nhưng tình hình mỗi ngày một kém. TÊ HOÀN CÔNG dùng mưu của QUẢN TRỌNG hiểu cái phép nặng nhẹ tìm cách lấy cái lợi ở núi và ở sông, làm cho chư hầu phải thần phục, khiến nước TÊ nhỏ bé nổi tiếng làm nên nghiệp bá. Nước NGUY dùng LÝ KHẮC làm hết cái sức của đất, làm nhà vua được mạnh. Từ đó về sau, thiên hạ mắc vào những cuộc tranh giành của thời Chiến quốc, chú trọng đối

trá và võ lực mà coi thường nhân nghĩa, coi trọng của cải mà đánh giá thấp sự khiếm tốn nhún nhường; cho nên có những thương nhân giàu đến hàng trăm triệu mà lại có những người nghèo cứ phải ăn cám không biết chán. Có những nước mạnh thôn tính các nước nhỏ bất chừ hầu phải thần phục. Lại có những nước yếu phải tuyệt tự và bị tiêu diệt. Đến đời Tần, cuối cùng lấy tất cả thiên hạ. Trong thời Ngu và Hạ có ba thứ tiền tệ: có thứ vàng, có thứ trắng, có thứ đỏ. Người ta hoặc dùng tiền hoặc dùng vải, hoặc dùng đao hoặc dùng mai rùa, vỏ sò. Đến đời Tần thì tiền tệ trong nước chia làm ba hạng, hạng tiền tệ cao là vàng tính mỗi dật là một đơn vị, thứ tiền kém là tiền đồng nửa lạng, cũng nặng như chữ ghi trong đồng tiền; còn các loại châu ngọc, mai rùa, vỏ sò, bạc, thiếc v.v... thì dùng làm đồ vật và đồ trang sức được giữ làm của quý chứ không dùng làm tiền tệ. Những thứ này đều theo thời nặng nhẹ khác nhau. Lúc đó bên ngoài thì đánh Di và Địch, bên trong thì lo thương công lao; kẻ sĩ trong thiên hạ ra sức cày không đủ cung cấp lương thực, đàn bà kéo sợi dệt vải không đủ cung cấp áo quần. Không khác gì đời xưa lấy tất cả của cải trong thiên hạ để cung phụng nhà vua mà nhà vua vẫn không cho là đủ. Sự thế như dòng nước trôi đi, sóng thúc vào nhau sinh ra như vậy. Có gì là lạ?

Phần 08

Khổng Tử Thế Gia

1. Khổng Tử sinh ở ấp Trâu, thuộc làng Xương Bình nước Lỗ. Tổ tiên trước kia là người nước Tống, tên là Khổng Phòng Thúc. Phòng Thúc sinh Bá Hạ, Bá Hạ sinh Thúc Lương Ngột, Lương Ngột khi đã quá tuổi, lấy Nhan Thị, hai người cầu tự ở núi Ni Khâu sinh Khổng Tử. Khổng Tử sinh ở nước Lỗ năm 22 đời Lỗ tương công (năm 552 trước công nguyên). Khi sinh ra, trên đầu gối giữa lồm cho nên đặt tên là Khâu (tức là cái gò), tên tự là Trọng Ni, họ Khổng. Khổng Khâu sinh thì Thúc Lương Ngột chết, chôn ở núi Phòng Sơn. Núi Phòng Sơn ở phía đông nước Lỗ. Khổng Tử do đó không biết mộ cha ở đâu, vì mẹ ông kiêng không nói điều đó. Khi con nhỏ, Khổng Tử thích chơi trò bày các khay đồ cúng và chơi trò tế lễ. Đến khi mẹ chết, Khổng Tử chôn tạm mẹ ở con đường Ngũ Phụ, vì ông cẩn thận. Mẹ của Vân Phụ, người đất Trâu, nói cho Khổng Tử biết nơi mộ của cha, cho nên về sau Khổng Tử hợp táng cả cha và mẹ ở núi Phòng Sơn.

Trong khi Khổng Tử còn để tang thì họ Quý thết đãi những kẻ sĩ, Khổng Tử cũng đến đấy. Dương Hồ mắng Khổng Tử:

- họ Quý thết đãi kẻ sĩ chứ không phải thết đãi nhà người đâu.

Khổng Tử bèn rút lui.

Khi Khổng Tử mười bảy tuổi có quan đại phu là Mạnh Ly Tử ốm sắp chết, dặn người con cả sẽ thay mình là Ý Tử: "Khổng Khâu là con cháu của bậc thánh nhân, tổ tiên bị giết ở Tống, người ông sáu đời là Phát Phụ Hà lại được nối ngôi làm vua, nhưng nhường ngôi cho Lệ Công. Đến thời Chính Khảo Phụ giúp Đái Công, Vũ Công và Tuyên Công, ba lần được làm thượng khanh, nhưng lại càng cung kính. Cho nên trên cái vạc của ông ta có khắc mấy chữ "Được bỏ lần thứ nhất thì ta cúi xuống; được bỏ lần thứ hai thì ta khom lưng; được bỏ lần thứ ba thì ta cúi thấp xuống men theo tường mà chạy. Nhưng cũng không ai dám khinh ta. Ta ăn cơm ở vạc này, nấu cháo ở vạc này để nuôi miệng." Ông ta là người cung kính như thế đấy. Ta nghe nói cháu bậc thánh nhân tuy không làm vua, nhưng về sau, thế nào cũng có người sáng suốt. Nay Khổng Khâu ít tuổi, thích lễ, có lẽ là con người sáng suốt như người xưa nói. Khi ta chết rồi thế nào cũng phải thờ ông ta làm thầy.

Đến khi Ly Tử chết, Ý Tử và người nước Lỗ là Nam Cung Kính Thúc đến học lễ với Khổng Tử.

Năm ấy Quý Vũ Tử chết, Bình Tử lên thay.

2. Khổng Tử nghèo hèn, đến khi lớn lên làm lại cho họ Quý. Việc tính toán đo lường đứng đắn, nên được làm chức coi súc vật. Súc vật đông đúc sinh đẻ nhiều, nên được làm tư không. Được ít lâu, Khổng Tử rời khỏi nước Lỗ, bị ruồng bỏ ở nước Tề, bị đuổi ở nước Tống và nước Vệ, bị nguy khốn ở giữa miền nước Trần và nước Thái, cuối cùng lại trở về nước Lỗ.

Khổng Tử người cao chín thước sáu tấc, ai cũng cho là con người cao lớn và lấy làm lạ. Vì nước Lỗ lại đối đãi với ông tử tế nên ông trở về Lỗ. Nam Cung Kính Thúc ở nước Lỗ nói với vua Lỗ:

- Xin nhà vua cho tôi cùng Khổng Tử đến đất Chu.

Vua nước Lỗ cho ông ta một cỗ xe, hai con ngựa, một người đầy tớ, cùng KHổng Tử đến đất Chu hỏi về lễ. Khổng Tử yết kiến Lão Tử ở đấy. Khi Khổng Tử cáo từ ra về, Lão Tử tiễn Khổng Tử và nói:

- Tôi nghe nói "người giàu sang lấy tiền bạc để tiễn nhau, người nhân đức dùng lời nói để tiễn nhau". Tôi không thể làm người giàu sang, nhưng trộm lấy tiếng là người nhân đức, xin có lời này tiễn ông: "Kẻ thông minh và sâu sắc là gần cái chết vì họ khen chê người ta một cách đúng đắn. Kẻ giỏi biện luận, đầu óc sâu rộng làm nguy đến thân mình vì họ nêu lên cái xấu của người khác. Kẻ làm con không có cách gì để giữ mình. Kẻ làm tôi không có cách gì để giữ mình!"

Khi Khổng Tử ở Chu về nước Lỗ, học trò càng nhiều. Lúc bấy giờ Tần Bình công hoang dâm, sáu khanh chuyên quyền, phía đông đánh các nước chư hầu. Quân của Sở Linh vương mạnh lấn át Trung Quốc. Nước Tề lớn, lại ở gần nước Lỗ, Lỗ thì nhỏ và yếu. Nếu theo Sở thì nước Tần nổi giận, theo nước Tần thì nước Sở đến đánh. Nếu không phòng bị nước Tề thì quân Tề xâm chiếm.

Năm thứ hai mươi đời Lỗ Chiêu công, Khổng Tử đã ba mươi tuổi, vua Tề Cảnh công cùng Án Anh đến nước Lỗ. Tề Cảnh Công hỏi Khổng Tử:

- Ngày xưa Tần Mục công nước nhỏ, ở nơi hẻo lánh, nhưng tại sao lại làm được nghiệp bá?

Khổng Tử đáp:

- Nước Tần tuy nhỏ, nhưng chí của nó lớn. Tuy nó ở nơi hẻo lánh, nhưng chính trị của nó đúng đắn. Nhà vua thân hành cử Bách Lý Hề cho làm đại phu dùng ông ta từ chỗ bị trói, nói chuyện với ông ta ba ngày rồi trao chính sự cho ông ta. Nếu làm như thế thì nghiệp vương cũng có thể làm được, chứ nghiệp bá vẫn còn nhỏ đấy.

Cảnh Công bằng lòng.

Khi Khổng Tử ba mươi lăm tuổi, thì Quý Bình tử và Hậu Chiêu bá vì việc chọi gà mà có tội với Lỗ Chiêu công. Lỗ Chiêu công đem binh đánh Quý Bình tử. Quý Bình Tử cùng họ Mạnh và họ Thúc Tôn, cả ba nhà hợp lực đánh Lỗ Chiêu công. Lỗ Chiêu công thua chạy sang nước Tề và Tề cho Lỗ Chiêu công ở ấp CAn Hâu. Sau đó ít lâu nước Lỗ có loạn, Khổng Tử đến nước Tề làm tôi ở nhà họ Cao Chiêu tử để được yết kiến Tề Cảnh Công. Khổng Tử nói chuyện âm nhạc với quan thái sư (chức quan lo về nhạc) nước Tề, nghe nhạc "thiệu" và học nhạc ấy, say mê ba tháng không biết đến mùi thịt. Người Tề khen ngợi.

Cảnh công hỏi Khổng Tử làm chính trị phải như thế nào. Khổng Tử đáp:

- Vua phải theo đúng đạo làm vua, tôi phải theo đúng đạo làm tôi, cha phải theo đúng đạo làm cha, con phải theo đúng đạo làm con.

Tề Cảnh công nói:

- Thật đúng lắm. nếu như vua không theo đúng đạo làm vua, cha không theo đúng đạo làm cha, tôi không theo đúng đạo làm tôi, con không theo đúng đạo làm con thì tuy có thóc đầy, ta có thể ăn được không?

Một hôm khác, Tề Cảnh công lại hỏi Khổng Tử làm chính trị phải như thế nào. Khổng Tử đáp:

- Muốn làm chính trị phải lo tiết kiệm trong việc tiêu dùng.

Tề Cảnh công bằng lòng lấy ruộng Ni Khê phong cho Khổng Tử. Ân Anh tiên lên nói:

- Bọn nhà nho chỉ là kẻ ba hoa mà không thể noi gương theo họ được. Họ kiêu ngạo, tự cho mình là phải nên không thể để cho họ làm tôi. Họ chú trọng việc chôn cất, thương xót, làm mất gia sản để chôn cất cho được đầy đủ, không thể cho điều đó thành phong tục. Họ đi du thuyết hết nơi này đến nơi khác để kiếm ăn, không thể cho họ trị nước được. Sau khi các bậc đại hiền ra đời, nhà Chu đã suy, lễ nhạc thiếu sót. Nay Khổng Tử bày ra nhiều điều hình thức bên ngoài, ông ta làm cho cái lễ đi lên xuống, thành phiền phức, bày chuyện đi rào bước ra đi giờ tay, cứ như thế thì học mấy cũng không biết được lễ. Nếu nhà vua dùng ông ta để thay đổi phong tục nước Tề thì đó không phải là điều lo lắng trước tiên đến dân vậy.

Sau đó, Tề Cảnh công tiếp Khổng Tử một cách kính cẩn, nhưng không hỏi ý kiến của Khổng Tử về lễ. Một hôm khác, cảnh Công giữ Khổng Tử lại nói:

- Tôi không thể tôn quý ông như vua Lỗ tôn quý họ Quý mà chỉ được như giữa họ Quý và họ Mạnh mà thôi.

Các quan đại phu nước Tề muốn giết Khổng Tử, Khổng Tử nghe tin ấy, Tề Cảnh công nói:

- Ta đã già rồi không thể dùng nhà ngươi được.

Khổng Tử bèn ra đi, trở về nước Lỗ. Bấy giờ Khổng Tử bốn mươi hai tuổi. Vua Lỗ Chiêu công chết ở ấp Can Hâu, Lỗ Định công lên ngôi. Năm thứ năm đời Lỗ định công (năm 506 trước công nguyên), mùa hạ, Quý Bình Tử chết, Hoàn Tử nối nghiệp. Quý Hoàn Tử đào giếng được một cái vại bằng đất, trong có con vật giống như con cừu. Quý Hoàn Tử nói với Trọng Ni:

- Tôi bắt được con chó.

Trọng Ni nói:

- Theo như khâu này biết thì đó là con cừu. Khâu này nghe nói: quái vật do gỗ và đá sinh ra là con "quỳ" và con "võng lưỡng", quái vật do nước sinh ra là con "rồng", con "vọng tượng", quái vật do đất sinh ra là con "phần dương".

Khi nước Ngô đánh nước Việt, phá hủy Cối Kê, có lấy được một cái xương, chở đầy một xe. Vua Ngô sai sứ giả hỏi Trọng Ni:

- Tại sao xương lại lớn như vậy?

Trọng Ni nói:

- Vua Hạ Vũ triệu tập những người làm chủ núi sông ở núi Cối Kê. Phòng Phong đến sau bị vua Vũ giết phơi khô, mỗi cái xương của ông ta chở đầy một xe. Xương này là của Phòng Phong cho nên lớn như vậy.

Người khách nước Ngô nói:

- Ai làm thần?

Trọng Ni nói:

- Thần của núi sông có thể làm giường mồi cho thiên hạ, lo việc thờ cúng thần núi thần sông là những người thầy cúng, những người tế thần đất và thần mùa màng là các công hầu. Họ đều lệ thuộc vào nhà vua.

người khác nói:

- Phòng Phong cai quản việc gì?

Trọng Ni đáp:

- Ông ta là vua Ưng Vọng giữ nước Phong Ngụ, họ Ly; trong đời Ngụ, đời Hạ, đời Thương gọi là Ưng Vọng; trong thời Chu gọi là Trường Dịch, ngày nay gọi là Đại Nhân.

Người khác nói:

- Con người ta dài hay cao bao nhiêu?

Trọng Ni đáp:

- Họ Tiêu Nghiêu cao ba thước, đó là hạng người thấp nhất; người lớn nhất cũng không gấp mười lần ba thước.

Người khách bên nói:

- Đúng lắm! Đây là một thánh nhân!

Người tôi yêu của Quý Hoàn Tử là Trọng Lương Hoài có hiềm khích với Dương Hồ. Dương Hồ muốn đuổi Trọng Lương Hoài, nhưng Công Sơn Phát Nữ ngăn lại. Mùa thu năm ấy, Trọng Lương Hoài lại càng kiêu ngạo. Dương Hồ bắt Hoài. Quý Hoàn Tử, Dương Hồ liền bỏ tù Hoàn Tử, ăn thề với ông ta, rồi tha ông ta ra. Dương Hồ do đó càng khinh họ Quý. Họ Quý cũng lần át nhà vua, các bồi thân cầm quyền chính trị trong nước. Do đó, nước Lỗ từ đại phu trở xuống đều vượt quyền và rời khỏi con đường chính đạo. Cho nên Khổng Tử không làm quan mà rút về nhà sửa lại thi, thư, lễ nhạc. Học trò càng nhiều, có cả những người từ phương xa đến. Năm thứ tám đời Lỗ Định công (năm 502 trước công nguyên), Công Sơn Phát Nữ giận họ Quý, bèn theo Dương Hồ làm loạn. Hai người muốn bỏ con trưởng của ba gia đình Hoàn công để lập những người con thứ từ lâu quen thân với Dương Hồ. Công Sơn Phát Nữ bèn bắt Quý Hoàn Tử. Quý Hoàn Tử lừa trốn được. Năm thứ chín đời Định Công, Dương Hồ thua bỏ chạy sang Tề. Lúc bấy giờ, Khổng Tử đã năm mươi tuổi. Công Sơn Phát Nữ sau khi làm chủ thành Phí thì nổi lên chống lại họ Quý. Y sai người mời Khổng Tử. Khổng Tử tuy từ lâu vẫn noi theo đạo, rất am hiểu việc chính trị nhưng vẫn không có dịp thực hành cái học của mình vì không ai biết dùng mình. Khổng Tử nói:

- Văn Vương, Vũ Vương nhà Chu đều nổi lên từ đất Phong, đất Cáo mà làm vua thiên hạ. Nay đất Phí tuy nhỏ, biết đâu cũng sẽ như vậy?

Khổng Tử muốn đi. Tử Lộ không bằng lòng, giữ lại, Khổng Tử nói:

- Người ta mời ta đến có phải là vô cớ đâu? Nếu họ dùng ta, ta sẽ làm cho đất họ thành nhà Đông Chu chăng?

Nhưng rốt cục, Khổng Tử cũng không đi.

3. Sau đó, Lỗ Định công cho Khổng Tử làm quan cai trị thành Trung Đô. Được một năm, cả bốn phương đều noi theo xem là mẫu mực. Từ chức quan cai trị thành Trung Đô, Khổng Tử được thăng làm tư không, rồi được làm đại tư khấu.

Mùa xuân năm thứ mười đời Lỗ Định Công (năm 500 trước công nguyên), Lỗ giảng hòa với Tề.

Mùa hạ, quan đại phu nước Tề là Lê Sừ nói với Tề Cảnh công:

- Nước Lỗ dùng Khổng Khâu thế nào cũng nguy hại cho nước Tề.

Tề Cảnh Công bèn sai sứ giả mời vua Lỗ lại họp ở Giáp Cốc. Lỗ Định công sắp sửa lên xe đến họp thân mật. Khổng Tử bấy giờ quyền giữ chức tướng quốc, nói:

- Tôi nghe nói trong nước làm việc văn thì thế nào cũng phải lo việc vũ, có việc vũ thì thế nào cũng phải lo chuẩn bị việc văn. Ngày xưa chư hầu ra khỏi biên giới thế nào cũng có các quan võ đi theo.

Xin nhà vua mang theo các quan tả tư mã và hữu tư mã.

Định Công nói:

- Phải.

Bèn mang theo tả tư mã và hữu tư mã, họp mặt với Tề Cảnh công ở Giáp Cốc. Ở đấy dựng lên một

cái đàn có ba bậc tam cấp bằng đất và hai người gặp nhau theo nghi lễ. Sau khi chào và nhường bước cho nhau, hai người lên đài rót rượu mời nhau theo đúng lễ gặp gỡ, một viên quan nước Tề rảo bước tiến lên nói:

- Xin tấu nhạc bốn phương.

Cảnh Công nói:

- Được.

Và ngay đó, một người cầm cờ lông thú và lông chim mang lông chim sáo, giáo, kích, kiếm và khiên bước ra trong tiếng trống và tiếng hò la và bước lên đài. Khổng Tử rảo bước tiến ra, bước lên các bậc tam cấp, nhưng không qua bậc trên cùng, giờ ông tay áo lên nói:

- Vua hai nước chúng ta hội họp nhau thân mật, chơi thứ nhạc Di, Địch làm gì? Xin ra lệnh cho quan đương sự để họ đuổi những người kia đi.

Vì những người múa không chịu đi, các quan hầu nhìn Ân Anh và Cảnh Công. Cảnh Công cảm thấy xấu hổ, giờ tay đuổi họ ra.

Một lát sau, có một vị quan nước Tề rảo bước tiến ra, nói:

- Xin tấu nhạc trong cung!

Cảnh Công nói:

- Được!

Bọn con hát và bọn lùn nhún nhảy bước ra. Khổng Tử rảo bước tiến ra trước cái bậc tam cấp, nhưng không qua bậc trên cùng, nói:

- Bọn thất phu chế nhạo chư hầu, tội đáng giết! Xin ra lệnh cho các quan đương sự trị tội.

Họ bèn bị chặt chân tay. Cảnh Công chặt chân tay. Cảnh Công run sợ, biết mình không làm theo nghĩa. Trở về, Cảnh Công lo sợ nói với các quan:

- Người Lỗ dùng đạo của người quân tử để bênh vực cho vua của họ; trái lại, các người chỉ lấy cái đạo của bọn Di, Địch để dạy quả nhân, làm cho quả nhân có lỗi với vua Lỗ. Bây giờ làm thế nào?

Một viên quan tiến ra nói:

- Người quân tử lỗi thì dùng việc làm để xin lỗi, kẻ tiểu nhân có lỗi thì dùng lời nói suông để xin lỗi. Nếu bề hạ buồn vì việc đó thì nên dùng việc làm để xin lỗi.

Tề Cảnh Công bèn trả cho nước Lỗ các thửa ruộng Vân, Vân Dương, Quỷ Âm trước kia đã lấy của Lỗ để xin lỗi.

Mùa hạ năm thứ 13 đời Lỗ Định công, Khổng tử nói với Định công:

- Bầy tôi thì không được tàng trữ binh khí, quan đại phu thì không được có cái thành một trăm trĩ. Khổng Tử sai Trọng Du (tức Tử Lộ, học trò Khổng Tử) làm quan tể của họ Quý, toan phá hủy ba thành lũy của cả ba họ. Vì vậy họ Thúc Tôn trước tiên phá thành Hậu. Họ Quý sắp sửa phá thành Quý. Nhưng Công Sơn Phát Nữ và Thúc Tôn cầm đầu những người thành Phí đánh úp nước Lỗ. Định Công cùng ba người cầm đầu ba họ vào cung Quý Thị, lên đài của Vũ Tử. Người thành Phí đánh họ nhưng không được, tuy có người đã tiến đến gần đài. Khổng Tử sai Thân Câu tướng và Nhạc Kỳ xông xuống đài đánh, người đất Phí thua. Người nước Lỗ đuổi đánh họ thua to ở Cô Miệt. Công Sơn Phát Nữ và họ Thúc Tôn chạy trốn sang Tề. Cuối cùng, thành Phí bị phá. Khi sắp phá thành lũy đất Thành, Công Liêm Xử Phụ nói với Mạnh Tôn:

- Nếu thành bị phá thì quân Tề thế nào cũng đến cửa phía bắc. Và lại, thành này che chở cho họ Mạnh, nếu không có nó tức là họ Mạnh không còn. Tôi sẽ không phá. Tháng 12, Lỗ Định công vây thành, nhưng không lấy được. Năm thứ 14 đời Định công, Khổng Tử 56 tuổi, rời chức tư khấu, quyền giữ chức tướng quốc. Thấy Khổng Tử có vẻ mừng rỡ, một người học trò nói:

- Tôi nghe thầy nói: "Người quân tử khi tai họa đến thì không sợ, khi phúc đến thì không mừng".

Khổng Tử nói:

- Câu nói ấy cũng có đấy. Nhưng chẳng có câu: "Vui vì ở địa vị cao quý mà khiếm tốn đối với mọi người" hay sao?

Khổng Tử bèn giết quan đại phu nước Lỗ làm loạn chính sự là Thiếu Chính Mẫu. Sau khi tham dự chính quyền trong nước ba tháng, những người bán cừ bán lợn không dám bán thach, con trai con gái ở trên đường đi theo hai phía khác nhau, trên đường không nhặt của rơi. Những người khách ở bốn phương đến thành ấp không cần phải nhờ đến các quan, bởi vì người ta đều xem họ như người trong nhà.

Người Tề nghe vậy sợ hãi nói:

- Khổng Tử cầm đầu chính sự thì thế nào cũng làm bá chủ chư hầu. Nếu Lỗ làm bá thì đất nước ta ở gần, sẽ đầu tiên bị thôn tính. Tại sao ta không đem đất nộp cho Lỗ?

Lê Sù nói:

- Trước tiên xin hãy tìm cách cản trở, nếu không được thì nộp đất cũng chưa muộn.

Vua Tề bèn sai chọn tám mươi người con gái đẹp ở trong nước Tề, đều cho mặc quần áo đẹp, tập múa điệu "khang nhạc" và ba mươi cỗ ngựa, mỗi cỗ bốn con rất đẹp để đưa cho vua nước Sở. Vua Tề sai bày bốn con gái và những con ngựa đẹp ở ngoài cửa cao phía nam kinh đô nước Lỗ. Quý Hoàn Tử ăn mặc thường dân đến xem hai ba lần, toàn thu nhận và nói với vua Lỗ đi một vòng để đến xem. Vua Lỗ đến chơi xem đến trọn ngày. Vua Lỗ bỏ chính sự. Tử Lộ nói:

- Thầy nên đi thôi.

Khổng Tử nói:

- Vua Lỗ sắp làm lễ tế giao, nếu nhà vua đem thịt tế đến cho các quan đại phu thì ta còn có thể ở lại. Cuối cùng, Quý Hoàn Tử nhận nữ nhạc của Tề, ba ngày không nghe việc chính sự. Khi làm lễ tế giao cũng không đưa thịt tế đến cho các quan đại phu. Khổng Tử bèn ra đi.

Khổng Tử ở đêm tại đất Đồn. Sư Dĩ tiễn Khổng Tử nói:

- Thầy không có tội gì.

Khổng Tử nói:

- Tôi hát có được không?

Bèn hát:

*Miệng của bọn đàn bà kia có thể làm cho ta phải bỏ chạy
Những người đàn bà kia đến thăm, có thể làm cho nước mất, nhà tan
Ta đi lang thang phiêu bạt cho đến hết đời.*

Khi Sư Dĩ trở về, Quý Hoàn Tử hỏi:

- Khổng Tử có nói gì với ông không?

Dĩ kể lại tất cả. Hoàn Tử thở dài than:

- Phu tử bắt tội ta vì bọn đàn bà hèn hạ kia.

4. Khổng Tử bèn đến nước Vệ ở trọ tại nhà Nhan Trọc Trâu, anh vợ của Tử Lộ. Vệ Linh Công hỏi Khổng Tử:

- Khi ông ở nước Lỗ, ông được hưởng lộc bao nhiêu?

- Tôi được sáu vạn đấu lúa.

Người Vệ cũng cho Khổng Tử sáu vạn đấu.

Khổng Tử ở đây được ít lâu, có người dèm Khổng Tử với Vệ Linh Công. Vệ Linh Công sai Công Tôn Dư Giả luôn luôn đi theo Khổng Tử. Khổng Tử sợ mắc tội. Khổng Tử ở đây mười tháng, đoạn rời khỏi đất Vệ, định đi qua đất Khuông, để đến nước Trần. Nhan Khắc làm người đánh xe cho Khổng Tử, ông ta cầm roi chỉ thành phố này và nói:

- Ngày xưa con đã vào thành này ở chỗ thành bị phá đặng kia!

Người nước Khuông nghe vậy, tưởng Khổng Tử là Dương Hồ người nước Lỗ, vì Dương Hồ đã có lần xâm phạm đến họ. Người đất Khuông bèn giữ Khổng Tử lại, vì Khổng Tử mặt mày giống Dương Hồ. Năm ngày sau, Nhan Uyên đến. Khổng Tử nói:

- Ta tưởng là anh chết rồi!

Nhan Uyên nói:

- Thầy còn sống, con đâu dám chết.

Người đất Khuông càng giữ Khổng Tử cẩn mật hơn trước. Các đệ tử đều sợ. Khổng Tử nói:

- Sau khi Văn vương chết đi cái "văn" không phải ở ta hay sao? Nếu trời muốn làm mất cái "văn" ấy đi thì ta là người sinh sau đã không được biết đến nó. Vì trời chưa muốn mất cái "văn" ấy thì người đất Khuông làm gì được ta?

Khổng Tử sai người đi theo làm tôi của Ninh Vũ Tử ở nước Vệ, sau đó Khổng Tử mới đi lọt. Khổng Tử đi qua đất Bồ, sau hơn một tháng lại trở về nước Vệ, ở trọ tại nhà Cừ Bá Ngọc. Trong số những người vợ của Vệ Linh Công có Nam Tử. Nam Tử sai người nói với Khổng Tử:

- những người quân tử bốn phương nếu không xấu hổ về việc làm anh em với nhà vua thì thế nào cũng đến yết kiến tôi. Tôi muốn gặp mặt Khổng Tử.

Khổng Tử từ chối không được, đành phải vào yết kiến phu nhân ở trong cái màn là. Khổng Tử bước vào cửa ngoảnh mặt về hướng bắc cúi lạy. Phu nhân ở trong màn lạy hai lạy. Các vòng ngọc và những viên ngọc trên người kêu lanh tanh. Khổng Tử nói:

- Trước kia ta định không đến thăm. Nhưng khi đến thăm thấy tiếp đãi theo đúng lễ.

Tử Lộ không bằng lòng. Khổng Tử thề nói:

- Nếu ta làm sai thì trời bỏ ta! Trời bỏ ta!

Khổng Tử ở Vệ hơn một tháng. Vệ Linh công cùng phu nhân ngồi trên xe, viên hoạn quan là Ung Cừ cùng ngồi đi ra, sai Khổng Tử ngồi trên cái xe đằng sau. Mấy người lượn qua chợ trước mặt đông người. Khổng Tử nói:

- Ta chưa hề nghe thấy có người nào yêu đức như yêu sắc đẹp.

Khổng Tử cảm thấy xấu hổ về việc đó và rời khỏi nước Vệ, đi qua nước Tào. Năm ấy, Lỗ Định công chết, Khổng Tử rời khỏi nước Tào đến nước Tống, cùng đệ tử tập lễ ở dưới một gốc cây lớn. Quan tư mã của nước Tống tên là Hoàn Khôi muốn giết Khổng Tử, chặt cây ấy đi. Khổng Tử ra đi các đệ tử nói:

- Phải đi nhanh đi!

Khổng Tử nói:

- Trời sinh đức ở ta, Hoàn Khôi làm gì được ta?

Khổng Tử đến nước Trịnh, thầy trò lạc nhau. Khổng Tử đứng một mình ở phía đông cửa thành. Có người nước Trịnh bảo Tử Cống:

- Ở phía đông có một người trán giống Nghiêu, cổ có vẻ Cao Dao, vai ông ta giống Tử Sản, nhưng từ lưng trở xuống thì kém vua Vũ ba tấc, có vẻ bồn khoăn lo lắng như con chó ở nhà có tang.

Tử Cống nói thực với Khổng Tử. Khổng Tử mừng rỡ cười mà rằng:

- Hình dáng bên ngoài là việc vụn vặt, nhưng nói "giống như con chó của nhà có tang" thì đúng làm sao! Đúng làm sao!

Khổng Tử bèn đến nước Trần, ở trọ tại nhà viên quan giữ thành là Trịnh Tử hơn một năm. Vua Ngô là Phù Sai đánh nước Trần lấy ba ấp, rồi rút lui, Triệu Uổng đánh nước Triệu Ca, quân Sở vây đất Thái. Vua Thái sang Ngô. Nước Ngô đánh bại vua Việt là Câu Tiễn ở Cối Kê.

Có con cắt chết ở cung đình vua Trần, bị một mũi tên bằng gỗ đâm qua mình. Đầu mũi tên bằng đá, dài một thước tám. Trần Mẫn công sai sứ giả hỏi Trọng Ni. Trọng Ni nói:

- Con cắt từ nơi xa đến. Đó là mũi tên của người Túc Thận. Ngày xưa vua Vũ vương đánh nhà Thương, tiếng vang đến cả Cửu Di và Bách Man, họ đều đem sản vật địa phương dâng cống để không quên nhiệm vụ củ a mình. Người Túc Thận bèn cống tên hồ có mũi tên bằng đá, dài mỗi cái một thước tám tấc. Tiên vương muốn nêu tỏ cái đức sáng của mình nên chia những mũi tên cho Đại Cơ. Đại Cơ lấy Hồ Công, Hồ Công được phong ở đất Trần. ngày xưa người ta đưa ngọc quý cho những người cùng họ của mình để tỏ lòng trọng người thân. Người ta chia cho những người khác họ những đồ cống từ nơi xa lạ để cho họ đừng quên phục tùng. Vì vậy cho nên nước Trần được tên của người Túc Thận.

Nhà vua sai thử xem ở trong kho cũ, quả nhiên thấy cái tên ấy...

Khổng Tử ở Trần ba năm. Lúc bấy giờ, các nước Tần và Sở tranh cường với nhau và lần lượt đánh bại Trần; nước Ngô cũng đánh Trần. Trần luôn luôn bị đánh phá. Khổng Tử nói:

- Ta về thôi, ta về thôi! Bọn học trò của ta hăng hái nhưng nông nổi, lo tiến thủ nhưng không quên bản tính của mình.

Khổng Tử bèn rời khỏi đất Trần, đi qua đất Bò. Vừa lúc ấy họ Công Thúc cầm đầu người đất Bò nổi loạn. Người đất Bò giữ Khổng Tử lại. Trong số học trò của Khổng Tử có Công Lương Nhụ đem năm cỗ xe của mình đi theo Khổng Tử. Ông ta là người đứng tuổi, tài giỏi, có sức mạnh. Ông ta nói:

- Xưa kia con theo thầy gặp nạn ở đất Khuông, nay gặp nạn ở đây, đó là mệnh! Con lại cùng thầy gặp nạn, con quyết chiến đấu mà chết.

Ông chiến đấu rất hăng. Người đất Bò sợ hãi, bảo Khổng Tử:

- Nếu ông không đến nước Vệ thì chúng tôi sẽ cho ông đi.

Khổng Tử cùng họ ăn thề. Họ cho Khổng Tử đi ra phía cửa đông. Khổng Tử liền đến đất Vệ. Tử

Cổng hỏi:

- Có thể phụ lời thề được sao?

Khổng Tử nói:

- Đó là vì ta bắt buộc phải thề cho nên quỷ thần không nghe.

Vệ Linh Công nghe Khổng Tử đến, mừng rỡ ra ngoại ô đón hỏi:

- Có thể đánh đất Bò được không?

- Được.

Vệ Linh Công nói:

- Các quan đại phu của ta cho là không được. Nay đất Bò là nơi nước Vệ dùng để chống lại các nước Tần và Sở. Đem nước Vệ mà đánh Bò có lẽ là không nên chăng?

Khổng Tử nói:

- Đàn ông trong thành có chí quyết chết vì nhà vua. Đàn bà có chí bảo vệ Tây Hà. Những người chúng ta phải đánh chẳng qua chỉ bốn năm người.

Vệ Linh Công nói:

- Phải đấy.

Tuy vậy vẫn không đánh Bò, Vệ Linh Công già, lười biếng việc chính sự, không dùng Khổng Tử.

Khổng Tử thở dài than:

- Nếu có người dùng thì sau một tháng đã kha khá, sau ba năm thì tốt.

Khổng Tử ra đi. PHật Bất là quan cai trị đất Trung Mâu, Triệu Giản Tử đánh họ PHạm, họ Trung Hàng, và đánh Trung Mâu. P hật Bất làm phản sai người mời KHổng Tử. Khổng Tử múôn đến. Tử Lộ nói:

- Do này nghe thầy nói: "Người làm việc không phải thì người quân tử không vào nước của họ". Nay chính Phật Bất làm quan cai trị đất Trung Mâu làm phản, tại sao thầy lại múôn đến?

Khổng Tử nói:

- Ta có nói như vậy thật đấy. Nhưng chẳng phải ta có nói rằng "cái mà thật cứng thì mài cũng không mòn; cái mà thật trắng thì bỏ vào thuốc nhuộm cũng không đen. Ta không phải vỏ quả bầu, sao chỉ có thể treo lên mà không thể ăn"?

Khổng Tử gõ khánh. Có người mang sọt đi qua cửa nói:

- Con người gõ khánh kia thực là có lòng suy nghĩ. Người sao mà ương ngạnh! Không ai biết mình cả thì nên bỏ mà đi thôi!

Khổng Tử học đánh đàn cầm với thầy dạy nhạc là Tương Tử. Học mười ngày không tiến. Tương Tử nói:

- Ông có thể tiến nữa.

Khổng tử đáp:

- Khâu đã quen khúc nhạc rồi, nhưng chưa nắm được cái quan hệ về số.

Được ít lâu, Tương Tử nói:

- Ông đã nắm được quan hệ về số rồi đấy! Có thể tiến hơn nữa.

Khổng tử đáp:

- Khâu chưa hiểu được ý nghĩa sâu sắc của nó.

Được ít lâu, Tương Tử nói:

- Ông đã nắm được ý nghĩa sâu sắc rồi đấy. Có thể tiến nữa.

Khổng Tử nói:

- Khâu chưa biết người làm bản nhạc này là ai?

Được ít lâu, Tương Tử nói:

- Ông có vẻ oai nghiêm, suy nghĩ sâu, có hoài bão lớn và cao xa.

Khổng Tử nói:

- Khâu này đã biết người ấy là ai rồi. Ông ta lạng lẽ mặt đen, người cao. Mắt như con cừ nhìn xa, như con người làm vua bốn phương, nếu không phải là Văn vương thì ai có thể như vậy được!

Tương Tử rời khỏi chiếu, lạy hai lạy nói:

- Các vị thầy dạy nhạc vẫn nói điệu này là do Văn vương làm ra.

Vì không được dùng ở nước Vệ, Khổng tử định đi về phía tây yết kiến Triệu Giản Tử, nhưng khi đến sông Hoàng Hà thì nghe tin Đậu Minh Độc và Thuấn Hoa đã chết. Khổng Tử đến bờ Hoàng Hà

than:

- Nước mệnh mông đẹp thay! Khâu không qua được con sông này là do mệnh vậy.

Tử Công rào bước tiến đến nói:

- Xin hỏi tại sao lại nói như vậy?

Không Tử nói:

- Đậu Minh Độc và Thuần Hoa là những quan đại phu tài giỏi ở nước Tấn. Khi Triệu Giản Tử chưa thỏa mãn được ý chí của mình thì cần hai người này để nắm được quyền chính. Nhưng khi đã đạt được ý nguyện của mình thì giết đi và lên cầm quyền chính. Khâu nghe nói khi người ta mổ thai giết đứa trẻ trong bụng thì kỳ lân không đến bờ cõi; khi người ta làm cho nước ao khô để bắt cá thì con giao long không điều hòa âm dương, khi người ta lật đổ tổ chim thì phượng hoàng không bay lượn. Tại sao lại thế? Đó là vì người quân tử tránh những người làm hại đến những kẻ giống mình. Chim chóc thú vật kia còn biết tránh những kẻ bắt nghĩa huống gì Khâu?

Không tử bèn quay lại, nghỉ ở làng Trâu, làm bài ca "Làng Trâu" để tỏ nỗi buồn của mình. Sau đó trở về đất Vệ, ở tại nhà Cừ Bá Ngọc.

Một hôm Vệ Linh công đang ngồi nói chuyện với Không Tử, thấy con ngỗng trời bèn ngẩng đầu lên nhìn, sắc mặt có vẻ không để ý gì đến Không Tử, Không Tử lại đi đến đất Trần.

Mùa hạ năm ấy, Vệ Linh Công mất, lập người cháu tức là Xuất Công của nước Vệ. Tháng sáu, Triệu Uồng đưa thái tử vào thành Thích, Dương Hổ sai thái tử mang mũ trụ và tám người mặc đồ tang giả vờ đi từ nước Vệ đến đón thái tử, khóc, vào thành Thích, rồi ở đấy. Mùa đông vua đất Thái dời đô đến Châu Lai. Năm ấy là năm thứ 3 đời Lỗ Ai Công, Không Tử 60 tuổi. Nước Tề giúp nước Vệ vây đất Thích và thái tử nước Vệ là Khoái Ngoại ở đấy. Mùa hạ, ngôi miếu của Hoàn công và Ly công nước Lỗ bị đốt cháy. Nam Cung Kinh Thúc cứu hỏa. Không Tử lúc ấy đang ở đất TRẦN, nói:

- Hỏa hoạn thế nào cũng xảy ra ở miếu của Hoàn công và Ly công.

Sau đó quả nhiên đúng.

Mùa thu, Quý Hoàn Tử ốm, người ta chở ông ta trên một cái xe đi thăm thành nước Lỗ. Quý Hoàn Tử thở dài than:

- Xưa kia nước này đáng lẽ hưng thịnh ! Vì ta có tội với Không Tử cho nên nước mới suy đồi.

Quý Hoàn Tử quay lại bảo người con nối nghiệp mình là Khang Tử:

- Khi ta chết, thế nào con cũng làm tể tướng nước Lỗ; nếu làm tể tướng thế nào con cũng phải mời Trọng Ni.

Sau đó mấy ngày, Quý Hoàn Tử chết, Khang Tử lên thay. Sau khi chôn cất xong, Khang Tử muốn mời Trọng Ni, nhưng Công Chi Ngư nói:

- ngày xưa tiên quân của ta dùng ông ta không trót cho nên bị chư hầu cười. Ngày nay, nếu ngài lại dùng ông ta không trót thì sẽ bị chư hầu cười lần nữa.

Khang Tử nói:

- Như thế thì nên mời ai?

- Thế nào cũng phải mời Nhiễm Cầu.

Khang Tử bèn sai mời Nhiễm Cầu. Nhiễm Cầu sắp ra đi, Không Tử nói:

- Người Lỗ mời anh Cầu không phải để dùng vào việc nhỏ mà sẽ dùng vào việc lớn.

Ngày hôm ấy Không Tử nói:

- Về thôi! Về thôi! Bọn học trò của ta hăng hái nhưng nông nổi, họ đã khá về mặt đạo đức nhưng chưa biết giữ mình theo đúng đạo.

Tử Công biết Không Tử nghĩ đến việc trở về nước Lỗ, nên khi tiễn Nhiễm Cầu, nhân dặn ông ta:

- Khi anh được dùng thì phải làm thế nào cho nhà vua mời thầy.

Nhiễm Cầu ra đi. Năm sau, Không Tử từ đất TRẦN đến đất Thái. Thái Chiêu công đang định đến đất Ngô vì vua Ngô mời. Trước đây Thái Chiêu công lừa dối bảy tôi dời đô đến Châu Lai. Sau đó ông ta lại định đi. Các quan đại phu sợ ông ta dời đô lần thứ hai. Vì vậy Công Tôn Phiên bắt Chiêu Công chết. Quân Sở xâm chiếm nước Thái.

Mùa thu, vua Tề Cảnh công chết. Năm sau, Không Tử từ đất Thái đi đến đất Diệp. Diệp công hỏi Không Tử về chính sự, Không Tử nói:

- Làm chính cốt ở chỗ làm cho người ở xa đến và người ở gần đi theo mình.

Một hôm Diệp Công hỏi Tử Lộ:

- Khổng Tử là người như thế nào?

Tử Lộ không biết trả lời ra sao. Khổng Tử nghe vậy nói:

- Này anh Do, tạo sao anh không trả lời như thế này: con người ấy học đạo không biết mỏi, dạy người không biết chán. Khi chưa biết đạo thì phát phần đến nỗi quên ăn, khi biết đạo thì vui đến nỗi quên lo, không biết tuổi già sắp đến.

Khổng Tử rời bỏ đất Diệp trở về đất Thái. Trường Thư và Kiệt Nịch đánh đôi cùng cày, Khổng Tử cho họ là những người ở ẩn, bèn sai Tử Lộ đến hỏi họ xem bên dõ ở đâu. Trường Thư nói:

- Con người cầm dây cương là ai thế?

Tử Lộ đáp:

- Khổng Khâu đấy.

Trường Thư hỏi:

- Khổng Khâu nước Lỗ đấy à?

Tử Lộ đáp:

- Phải.

Trường Thư nói:

- Thế thì ông ta biết bên dõ rồi!

Kiệt Nịch bảo Tử Lộ:

- Anh là ai?

Tử Lộ đáp:

- Tôi là Trọng Do.

Kiệt Nịch hỏi:

- Anh là học trò của Khổng Khâu phải không?

- Vâng ạ.

Kiệt Nịch nói:

- Thiên hạ như nước chảy cuồn cuộn đều thế cả, ai mà thay đổi được? Vả lại ông theo một kẻ sĩ lo tránh người chi bằng theo một kẻ sĩ lo tránh đời.

Rồi hai người cứ cày miết mà không nói. Tử Lộ nói lại với Khổng tử. Khổng Tử bùi ngùi nói:

- Ta không thể cùng sống với chim muông. Nếu thiên hạ có đạo thì ta cần sửa nó làm gì?

Một hôm Tử Lộ đi đường gặp một ông già đang mang trên lưng một cái sọt. Tử Lộ hỏi:

- Cụ thấy thầy của tôi không?

Ông già no í:

- Chân tay anh không lo làm lụng, ngũ cốc anh không phân biệt được. Ta biết thầy của anh là ai?

Cụ già cắm gậy xuống đất rồi cắt cỏ. Tử Lộ nói với Khổng tử. Khổng tử nói:

- Đó là một người ở ẩn.

Tử Lộ quay lại thì cụ già đã đi mất.

Khổng Tử dời đến ở đất Thái ba năm. Nước Ngô đánh nước Trần, nước Sở cứu nước Trần, đóng quân ở Thành Phụ. Nghe tin Khổng Tử ở miền đất Trần, đất Thái, vua Sở sai người đem lễ mời Khổng Tử đến nước Sở. Khổng Tử sắp đến chào sứ giả theo đúng lễ. Các quan đại phu đất Trần và đất Thái bàn nhau:

- Khổng Tử là người hiền. Những điều ông ta chê bai đều nhằm đúng vào những chỗ xấu của chư hầu. Nay ông ta ở lâu miền Trần, Thái mà những điều các quan đại phu làm đều sai trái không đúng ý của ông ta. Nước Sở là một nước lớn đem lễ đến mời. Nếu ông ta được dùng ở nước Sở thì các quan đại phu đang được dùng ở đất Trần đất Thái sẽ nguy mất.

Họ bèn bàn nhau cho bọn đầy tớ vây Khổng tử ở ngoài đồng, không cho đi. Khổng Tử hết lương ăn, những người đi theo đều ốm không ai dậy được, nhưng Khổng Tử vẫn giảng giải, ngâm thơ, đánh đàn và ca hát không tỏ ra suy yếu. Tử Lộ có vẻ giận dỗi hỏi:

- Người quân tử cũng có lúc cùng khốn ư?

Khổng Tử nói:

- Người quân tử trong lúc cùng khốn thì giữ vững, còn kẻ tiểu nhân trong lúc cùng khốn thì làm bậy.

Tử Công mặt nổi nóng. Khổng Tử nói:

- Này anh Tử! Anh cho ta học nhiều mà biết phải không?

Tử Công nói:

- Dạ, đúng thế. Không phải thế hay sao?

Không Tử nói:

- Không phải đâu! Ta lấy một điều để quán triệt tất cả.

Không Tử biết học trò có vẻ tức tối, bèn gọi Tử Lộ đến hỏi:

- *Kinh Thi* nói: "Chẳng phải con trụy chẳng phải con hổ ở ngoài đồng vắng". Đạo của ta phải chăng là sai? Tại sao ta lại phải gặp cảnh này?

Tử Lộ nói:

- Theo ý của con, có lẽ vì chúng ta chưa "nhân" chẳng nên người ta c hừa tin chúng ta, có lẽ chúng ta chưa "trí" chẳng nên người ta không cho chúng ta đi?

- Nào phải thế đâu! Này anh Do! Nếu như người nhân thế nào cũng được người ta tin thì làm gì có chuyện Bá Di, Thúc Tề nữa, nếu như người trí gặp việc gì cũng thông suốt thì làm gì có Vương Tử, Tử Can nữa.

Tử Lộ ra đi, Tử Cống vào yết kiến. Không Tử nói:

- Này anh Tử, *Kinh Thi* nói: "Chẳng phải con trụy chẳng phải con hổ ở ngoài đồng vắng". Đạo của ta phải chăng là sai? Tại sao ta gặp phải cảnh này?

Tử Cống nói:

- Đạo của thầy hết sức lớn cho nên thiên hạ không ai dung nạp được. Thầy phải hạ thấp một chút.

- Này anh Tử! Người giỏi nghề nông có thể biết vãi giống nhưng không chắc là gặp được. Người thợ giỏi có thể làm khéo nhưng không thể làm cho người ta vừa lòng. Người quân tử trau dồi đạo đức của mình theo những đường lối chính và giữ nó, điều chỉnh nó mà không thể làm cho nó được người ta theo. Anh không lo trau dồi đạo của anh mà chỉ lo người ta dung nạp mình. Cái chí của anh Tử không phải là xa.

Tử Cống ra đi, Nhan Hôi vào yết kiến. Không tử nói:

- Này anh Hôi, *Kinh Thi* nói: "Chẳng phải con trụy chẳng phải con hổ ở ngoài đồng vắng". Đạo của ta phải chăng là sai? Tại sao ta gặp phải cảnh này?

Nhan Hôi nói:

- Đạo của phu tử hết sức lớn lao nên cả thiên hạ không ai dung nạp được. Nhưng phu tử cứ theo đó mà làm, người ta không dung nạp thì có hại gì? Người ta không dung nạp nhưng sau này người ta sẽ thấy phu tử là người quân tử. Đạo không được trau dồi, đó là cái điều ta lấy làm xấu hổ. Đạo đã trau dồi mà vẫn không được dung nạp thì đó là điều xấu hổ của kẻ làm vua một nước. Người ta không dung nạp phu tử thì có hại gì? Về sau người ta sẽ thấy phu tử là người quân tử.

Không Tử hớn hờ cười:

- Đúng lắm! Hỡi người con họ Nhan, nếu nhà ngươi làm của cải thì ta sẽ làm người quản lý của cải cho nhà ngươi!

Sau đó, Không Tử sai Tử Cống sang Sở. Sở Chiêu Vương đem binh đón không Tử, kết quả Không Tử mới được thoát. Chiêu vương định phong cho Không Tử miếng đất trong sổ sách có 700 lý.

Quan lệnh doãn nước Sở là Tử Tây hỏi:

- Trong sổ các sứ giả nhà vua phái đến các nước chư hầu có ai bằng Tử Cống không?

- Không.

- Trong sổ những người giúp đỡ nhà vua có ai bằng Nhan Hôi không?

- Không.

- Trong sổ các tướng của nhà vua, có ai bằng Tử Lộ không?

- Không.

- Trong sổ các quan của nhà vua, có ai bằng Tề Dư không?

- Không.

- Không những thế, tổ tiên nước Sở cũng chỉ được nhà Chu phong với cái tước hiệu là "tử" và năm mươi dặm đất. Nay không khâu theo phép tắc của Tam vương, làm ságn cả cơ nghiệp của Chu công, Thiện Công. Nếu dùng ông ta thì nước Sở làm thế nào mà được đời đời đường hoàng có đất vuông ngàn dặm? Văn vương ở đất Phong, Vũ vương ở đất Cáo đều chỉ là những ông vua có trăm dặm đất, thế mà rốt cục lại làm vương thiên hạ. Nay Không Khâu có được miếng đất làm cơ sở, lại có bọn họ trò giỏi giúp đỡ thì đó không phải là cái phúc của nước Sở.

Chiêu vương bèn thôi. Mùa thu năm ấy, Sở chiêu vương chết ở Thành Phụ.

Một người cùng nước Sở tên là Tiệp Dư đi qua trước mặt Khổng Tử hát:

*Phượng ơi, chim phượng kia ơi
Đạo đức suy đồi còn biết tính sao?
Việc qua can chẳng được nào.
Việc sau họa biết cách nào lần xoay
Thôi, thôi chim hãy về ngay.
Con đường chính trị rắc đầy chông gai!*

Khổng Tử xuống xe muốn nói chuyện, nhưng Tiệp Dư đã vội bước đi mất, không sao nói chuyện được. Khổng Tử bèn rời nước Sở trở về nước Vệ. Năm ấy, Khổng Tử sáu mươi ba tuổi và là năm thứ sáu đời Lỗ Ai Công. Năm sau vua Ngô và vua Lỗ gặp nhau ở huyện Tăng. Vua Ngô đòi một trăm con bò để tế. Quan thái tử là Phí mời Quý Khang Tử, Quý Khang Tử sai Tử Công đến việc mới thu xếp xong. Khổng Tử nói chính trị hai nước Lỗ và Vệ giống nhau như anh với em. Lúc bấy giờ người cha của Thủ, vua nước Vệ vẫn chưa được làm vua. Học trò Khổng Tử giữ lại có nhiều người làm quan ở Vệ, nên vua Vệ muốn trao chính trị cho Khổng Tử. Tử Lộ nói:

- nếu vua Vệ giao chính trị cho thầy thì thầy sẽ làm cái gì trước?

Khổng Tử nói:

- Chắc chắn phải chính danh trước!

Tử Lộ nói:

- Sao thầy viễn vông thế, chính danh để làm gì?

Khổng Tử nói:

- Anh rõ thực là quê mùa quá! Cái danh mà không chính thì lời nói không đúng với sự thực, lời nói không đúng với sự thực thì việc không thành, việc không thành thì không làm cho lễ, nhạc phồn thịnh, lễ nhạc không phồn thịnh thì hình phạt không đúng, hình phạt không đúng thì dân không biết đặt tay chân vào đâu. Phàm người quân tử đã làm điều gì thì có thể nói tên việc đó, và nhất định làm được việc đó. Người quân tử chớ câu thả trong lời nói của mình.

Năm sau Nhiễm Hữu (tức là Nhiễm Cầu) làm tướng quân của họ Quý mang quân đánh nhau với quân Tề ở đất Lang và đánh bại quân Tề. Quý Khang Tử hỏi:

- Cái tài cầm quân của ông do ông học hay do bản tính mà có?

Nhiễm Cầu nói:

- Tôi học ở Khổng Tử.

Quý Khang Tử hỏi:

- Khổng Tử là người như thế nào?

Nhiễm Cầu nói:

- Nếu dùng ông ta thì có danh, nếu ông ta báo với trăm họ và hỏi quỷ thần về việc ông ta đã làm thì không ai là không bằng lòng. Điều ông ta mong muốn là đạt đến cái đạo của người quân tử. Dù nhà vua có cho ông ta một nghìn xã, ông ta cũng không mưu lợi cho mình.

Quý Khang Tử hỏi:

- Ta muốn mời ông ta có được không?

- Muốn mời thì chớ đãi ông ta chật hẹp như đãi người hèn kém mới được.

Khổng Văn Tử làm quan nước Vệ, sắp đánh Thái Thúc, hỏi Trọng Ni về cách đánh. Trọng Ni từ chối không biết. Khi rút lui, Khổng Tử cho đánh xe ra đi nói:

- Con chim có thể chọn cây, chứ cây kia làm sao mà chọn chim được?

Khổng Văn Tử nài ở lại. Gặp lúc Quý Khang Tử sai Công Hoa, Công Tân, Công Lâm mang lễ vật đến đón Khổng Tử, Khổng Tử trở về nước Lỗ. Khổng Tử đi đã 14 năm, bây giờ mới trở về nước Lỗ.

Lỗ Ai công hỏi Khổng Tử về chính sự, Khổng Tử đáp:

- Làm chính cốt ở chỗ chọn bầy tôi.

Quý Khang Tử hỏi về chính sự, Khổng Tử đáp:

- chính sự cốt ở chỗ cử những người thẳng và gạt bỏ những kẻ gian xảo. Làm như thế thì những kẻ gian xảo cũng sẽ thẳng.

Quý Khang Tử lo lắng về bọn trộm cắp, Khổng Tử nói:

- Nếu ngài không ham muốn thì dù ngài thưởng cho họ, họ cũng không lấy trộm.

Tuy vậy, nước Lỗ chung quy vẫn không dùng Khổng Tử. Khổng Tử cũng không xin làm quan.

5. Trong thời Khổng Tử, nhà Chu đã suy, lễ nhạc bị bỏ, *Kinh Thi*, *Kinh Thư* thiếu sót. Khổng Tử theo dấu vết của lễ thời Tam đại, đề tựa *Kinh Thư*, kinh này chép sự việc tự thời Đường, Ngu cho đến thời Tần Mục Công. Khổng Tử sắp đặt lại các sự việc và nói:

- Ta có thể nói về lễ của nhà Hạ, nhưng nước Kỷ không đủ chứng minh những điều ta nói. Ta có thể nói về Lễ của nhà An, nhưng nước Tống, không đủ để chứng minh những điều ta nói; nếu họ có đủ thì ta đã có thể lấy ra làm dẫn chứng.

Khi xem những điều nhà Ân thêm hay bớt về lễ của nhà Hạ, Khổng Tử nói:

- Tuy một trăm đời sau cũng có thể biết được cứ thời trước chuộng văn hoa thì thời sau chuộng thực chất. Nhà Chu noi gương hai triều đại trước, lễ nghi nhà Chu rực rỡ làm sao! Ta theo nhà Chu.

Vì thế phần truyện trong *Kinh Thư* và *Lễ ký* là do Khổng Tử làm.

Khổng Tử nói chuyện với quan thái sự nước Lỗ:

- Có thể biết phải chơi nhạc như thế nào. Thoạt tiên thì dồn dập; khi đã bắt nhịp thì hòa hợp, rõ ràng, tiếp tục mà đi đến kết thúc.

Khổng Tử nói:

- Ta sau khi rời nước Vệ và nước Lỗ thì mới chính đốn được nhạc, Nhã và Tụng mới được xếp đặt đầu vào đây.

Ngày xưa *Kinh thi* có tất cả hơn ba ngàn thiên. Đến thời KHổng Tử, Khổng Tử bớt những thiên trùng điệp, lấy những thiên có thể có ích cho lễ, nghĩa. Những bài này bắt đầu từ Tiết, Hậu Tắc, giữa thuật lại thời thịnh trị Ân, Chu, cho đến thời U, Lệ kém cỏi. *Kinh Thi* bắt đầu từ nơi giường chiếu cho nên người ta nói "*Quan Thư*" nghiêm chỉnh mở đầu "*Phong*", bài "*Lộc minh*" mở đầu "*Tiểu nhã*", bài "*Văn vương*" mở đầu "*Đại nhã*", bài "*Thanh miếu*" mở đầu "*Tụng*". Tất cả ba trăm linh năm thiên này đều được Khổng Tử đánh đàn và hát để làm cho nó hợp với điệu nhạc Thiệu, Vũ, Nhã, Tụng. Từ đó người ta mới có thể thuật lại lễ nhạc đời trước để làm cho vương đạo đầy đủ và lục nghệ trọn vẹn. Về sau, Khổng Tử thích *Kinh dịch*, thích các phần *tự*, *thoán*, *hệ*, *tượng*, *thuyết quái*, *văn ngôn*. Khổng Tử đọc *Kinh dịch* làm cho cái dây da để buộc các thẻ tre đứt ba lần. Khổng Tử nói:

- Nếu cho ta thêm vài năm nữa thì ta sẽ hiểu *Kinh dịch* một cách toàn vẹn.

Khổng Tử lấy thi, thư, lễ, nhạc dạy học trò. Số học trò đến ba ngàn người. Có 72 người thông thạo cả lục nghệ. Còn những người chỉ học một phần như Nhan Trọc Trâu thì rất nhiều. Khổng Tử dạy bốn điều: văn học, đức hạnh, trung thành, tín nghĩa; bỏ bốn điều: không có định kiến trước, không nhất thiết phải theo một mặt, không cố chấp, không chỉ thiên về mình. Khổng Tử cẩn thận trong việc trai giới, chiến trận, ốm đau: ít nói về lợi, mệnh và nhân. Khi người ta chưa cảm thấy tức tối muốn biết, thì Khổng Tử chưa giảng, khi nêu một góc mà người ta chưa thấy cả ba góc thì Khổng Tử chưa dạy. Lúc ở trong làng xóm thì có vẻ thận trọng như không nói được. Lúc ở tôn miếu, triều đình thì nói năng rõ ràng, nhưng cẩn thận, khi ở triều đình nói với các quan thượng đại phu thì nghiêm trang, nói với các quan dưới thì hòa nhã. Đi vào cửa công thì lom khom rào bước, hai tay giang ra như hai cái cánh. Khi nhà vua gọi đến để tiếp khách thì sắc mặt thay đổi, khi nhà vua mời thì đi không đợi thăng xe. Cá uon thịt hôi, hay cắt không ngay ngắn thì không ăn, chiếu trải không ngay ngắn thì không ngồi. Khi bên cạnh có người có tang thì không bao giờ ăn no. Ngày nào khóc thì không ca hát, thấy người để tang hay người mù thì tuy đó là trẻ em cũng tỏ ra kính trọng.

Khổng Tử nói:

- Trong ba người cùng đi thế nào cũng có người thầy của ta. Những người không lo trau dồi đạo đức, lúc học không bàn bạc, nghe điều nghĩa không hướng về điều nghĩa, nghe điều hay không biết sửa đổi thì đó là điều ta lo.

Khổng Tử sai người ta hát, nếu hát hay thì bảo hát lại và sau đó họa theo. Khổng Tử nghe nói những điều quái đản, việc dùng sức mạnh, những người làm loạn và chuyện quỷ thần. Tử Công nói:

- Văn chương của thầy tôi đã được nghe, nhưng tôi chưa hề nghe thấy nói về đạo trời, bản tính của con người và số mạng.

Nhan Uyên thở dài than:

- Đạo của Phu Tử ngẩng lên nhìn thì nó càng cao; đào sâu thì nó càng chắc. Đang nhìn nó ở đằng trước, chợt thấy nó ở đằng sau. Phu tử khéo dạy người ta một cách tuần tự; lấy văn chương để làm cho đầu óc ta mở rộng; lấy lễ để ước thúc. Ta muốn bỏ không được; nhưng đem hết tài sức mình ra học cũng vẫn còn cái gì vơi vợi, đứng sừng sững trước mặt, dù có muốn vươn tới cũng không sao đạt đến được.

Một đứa trẻ ở trong làng Đạt Hạt nói:

- Khổng Tử thực là to lớn! Khổng Tử học rộng, nhưng không nổi tiếng chuyên về một mặt nào.

Khổng Tử nghe vậy nói:

- Ta biết chuyên về nghề gì? Vào nghề đánh xe chăng? Vào nghề bắn tên chăng? Ta chuyên về nghề đánh xe vậy?

Tử Lao nói:

- Khổng Tử nói, ta không được dùng cho nên lo về lục nghệ.

Năm thứ 14 đời Lỗ Ai Công, mùa xuân sẵn ở ngoài đồng hoang, người đánh xe của Thúc Tôn Thị là Sử Thương bắt được một con thú, anh ta cho đó là điềm không lành. Trọng Ni thấy thế nói:

- Đây là con lân.

Người ta đem nó đi. Khổng Tử nói:

- Sông Hà không thấy xuất hiện Hà đồ, sông Lạc không thấy xuất hiện Lạc thư, ta thế là hết.

Nhan Uyên chết, Khổng Tử nói:

- Trời giết ta!

Đến khi đi săn ở phía tây bắt được con lân, Khổng Tử nói:

- Đạo ta hết rồi!

Thở dài và than:

- Không ai biết ta.

Tử Cống nói:

- Tại sao không ai biết thầy?

Khổng Tử nói:

- Không oán trời, không trách người, học điều thấp mà biết được điều cao, biết ta chỉ có trời chăng?

Những kẻ không hạ thấp cái chí của mình, không làm nhục cái thân của mình do là Bá Di, Thúc Tề, Liễu Hạ Huệ và Thiệu Liên, thì hạ thấp cái chí của mình, làm nhục cái thân của mình. Ngu Trọng, Di Dật ở ẩn, không nói gì về việc đời, khi làm quan thì giữ được sự thuần khiết, khi bị bỏ thì theo đúng hoàn cảnh. Ta thì không phải như họ, ta không chủ trương cứng nhắc phải thế này, hay không thế này.

Khổng Tử nói:

- Không, không! Người quân tử lo rằng mình chết rồi mà cái tên của mình không được nhắc đến, nếu đạo của ta không được dùng thì ta biết lấy gì để làm đời sau thấy ta.

Bền dựa vào Sử ký làm ra *Kinh Xuân thu*, chép từ thời Lỗ Ai Công (năm 722 - 712 trước công nguyên), đến năm thứ 14 đời Lỗ Ai công (năm 481 trước công nguyên), bao gồm 12 đời vua. Căn cứ vào chỗ vua Lỗ là họ với nhà Chu cho nên Khổng Tử đưa vào đây những việc của thời Tam đại. Lời của nó ngắn, nhưng ý rộng: các vua Sở và Ngô tự xưng là "vương", nhưng *Xuân thu* lại hạ thấp gọi là "tử", thực ra thì thiên tử nhà Chu bị gọi đến dự hội nghị ở Tiễn Thỏ, nhưng *Xuân thu* che giấu lại nói là "Thiên vương đi tuần ở Hà Dương". Căn cứ vào những thí dụ như vậy ta thấy một phép tắc để ràng buộc những người làm vua ngày nay. Cái nghĩa của những lời khen chê ở đây sẽ rõ khi có bậc vương giả xuất hiện. Cái nghĩa của *Kinh Xuân thu* được thi hành thì bọn bầy tôi làm loạn và bọn làm giặc trong thiên hạ sợ. Khi Khổng tử làm quan, những điều người nói hay xét các vụ kiện cũng gần như lời nói chung của mọi người chứ không có gì chỉ riêng một mình người mới có. Trái lại, khi làm *Xuân thu* thì viết cái gì phải viết, bỏ cái gì phải bỏ, những người như Tử Hạ không thể có một lời bàn góp. Học trò học *Xuân thu*, Khổng Tử nói:

- Đời sau biết Khâu là căn cứ vào *Xuân thu*, bắt tội Khâu cũng là căn cứ vào *Xuân thu*.

6. Năm sau, Tử Lộ chết ở Vệ. Khổng Tử ốm, Tử Cống đến thăm, thấy Khổng Tử chống gậy đi dạo ở trước cửa nói:

- Anh Tứ, sao anh lại đến muộn thế?

Nhân đây hát:

- *Núi Thái Sơn sắp đổ, cột trụ nhà sắp gãy, kẻ triết nhân sắp tàn.*

Trong khi hát, nước mắt chảy ròng ròng. Khổng Tử bảo Tử Cống:

- Thiên hạ không có đạo đã lâu rồi; không ai biết theo ta. Người đời Hạ đặt cái hòm ở thềm phía đông, người đời Chu đặt cái hòm ở phía tây, người đời Ân đặt nó ở giữa hai cái cột. Đêm qua ta nằm mơ thấy ngôi giữa hai cái cột. Chắc vì ta là con cháu nhà Ân.

Bảy ngày sau Khổng Tử mất. Khổng Tử mất năm 73 tuổi ngày kỷ sửu, năm thứ 16 đời Lỗ Ai công (năm 479 trước công nguyên). Ai công thương viếng nói:

- Trời xanh không thương ta, không để lại cho ta cụ già duy nhất có thể che chở cho con người duy nhất như ta! Ta ở ngôi vua bơ vơ, đau buồn. Ô hô! Thương thay! Mất ông Ni, ta không có ai để noi theo.

Tử Cống nói:

- Nhà vua có lẽ không chết ở nước lỗ chăng? Phu tử nói: "Sai về lễ thì tỏ ra mờ tối, dùng chữ sai tức là lạm dụng. Sai về chí là mờ tối, sai về việc làm là lạm dụng". Lúc phu tử sống thì nhà vua không biết dùng, đến khi chết thì lại thương viếng. Thế là trái lễ thương viếng lại nói "ta con người duy nhất" thế là dùng chữ sai.

Khổng Tử chôn ở phía bắc kinh thành nước Lỗ, trên bờ sông Tứ. Học trò đều để tang ba năm. Sau khi để tang ba năm, họ khóc và từ giã nhau, ai cũng khóc hết sức đau xót. Có người ở lại. Riêng Tử Cống làm nhà bên một sáu năm mới đi. Học trò và những người nước Lỗ đến làm nhà bên mộ hơn một trăm nhà nên người ta gọi là "làng Khổng".

Các vua Lỗ đời đời nối tiếp nhau tế Khổng Tử theo những thời nhất định. Các nhà nho cũng giảng lễ về lễ hương ẩm và lễ bắn tên ở bên mộ Khổng Tử. Mộ Khổng tử rộng một khoảnh, cái nhà trong đó ngày xưa học trò ở, đời sau dùng làm miếu giữ áo mũ, đàn cầm, xe, sách của Khổng Tử. Việc tế tự kéo dài hơn hai trăm năm đến đời Hán không hề dứt. Cao Tổ đi qua đất Lỗ dùng cỗ thái lao để tế Khổng Tử. Chư hầu khanh tướng đến nước Lỗ thường trước tiên đến thăm mộ rồi sau đó mới làm việc chính sự.

Khổng Tử sinh Lý tên tự là Bá Ngự. Bá Ngự thọ năm mươi tuổi chết trước Khổng Tử. Bá Ngự sinh Cấp, tên tự là Tử Thư, thọ 62 tuổi, có lần bị khốn ở đất Tống, làm sách *Trung dung*. Tử Thư sinh Bạch, tên tự là Tử Thượng, thọ 47 tuổi, Tử Thượng sinh Cầu, tên tự là Tử Gia, thọ 45 tuổi. Tử Gia sinh Cơ, tự là Tử Kính, thọ 46 tuổi. Tử Kính sinh Xuyên, tự là Tử Cao, thọ 51 tuổi. Tử Cao sinh Tử Thận, thọ 57 tuổi, làm bác sĩ của Trần vương là Thiệp, chết gần thánh Trần. Con trai của em trai Phụ là Tương Thọ, 57 tuổi, là bác sĩ thời Hiếu Huệ Đế, đổi đi làm Thái thú Trường Sa, người cao chín thước sáu tấc. Tử Tương sinh Trung, thọ 51 tuổi. Trung sinh Vũ, Vũ sinh Diên Niên và An Quốc Quân. An Quốc làm bác sĩ của đức kim thượng làm đến thái thú Lâm Hoài, chết sớm. An Quốc sinh Ngang, Ngang sinh Hoan.

7. Thái sử công nói:

Kinh Thi nói:

Núi cao ta trông, đường rộng ta đi

Tuy đích chưa đến, nhưng lòng hướng về.

Tôi đọc sách của họ Khổng, tưởng tượng như thấy người. Đến khi đến Lỗ xem nhà thờ Trọng Ni, nào xe cộ, nào áo, nào đồ tế lễ, học trò tập về lễ nghi ở nhà Khổng Tử theo đúng từng mùa, tôi bồi hồi nán lại bỏ đi không dứt. Trong thiên hạ các vua chúa và người tài giỏi rất nhiều, khi sống thì vinh hiển, nhưng lúc chết là hết. Khổng Tử là một người áo vải thế mà truyền hơn mười đời, các học giả đều tôn làm thầy, từ thiên tử tới vương hầu ở Trung Quốc hễ nói đến lục nghệ đều lấy Khổng Tử làm tiêu chuẩn. Có thể gọi là bậc chí thánh vậy.

Phần 09

Việt Vương Câu Tiễn Thề Gia

1. Tổ tiên của Việt vương Câu Tiễn là dòng dõi vua Vũ, con thứ hai của vua Thiệu Khang đời nhà Hạ, được phong ở đất Cối Kê để lo việc phụng thờ vua Vũ, xăm mình, cắt tóc, phát cỏ mà lập ấp. Truyền được hai mươi đời đến Doãn Thường. Trong đời Doãn Thường đánh nhau với vua Ngô là Hạp Lư và hai bên căm ghét nhau. Doãn Thường chết, con là Câu Tiễn được lập làm Việt vương.

2. Năm thứ nhất (năm 496 trước công nguyên), vua Ngô là Hạp Lư nghe tin Doãn Thường đã chết, bèn đem quân đánh Việt. Vua Việt là Câu Tiễn sai những kẻ sĩ quyết liều chết ra khiêu chiến, họ đánh thành ba hàng, tiến đến trận tuyến quân Ngô, thét lên rồi tự đâm vào cổ. Quân Ngô đang mãi nhìn thì quân Việt thừa cơ đánh úp. Quân Ngô bị thua ở thành Huê Lý, vua Ngô là Hạp Lư bị tên bắn trúng, Hạp Lư sắp chết, bảo con là Phù Sai:

- Thế nào cũng đừng quên đánh Việt.

Ba năm sau Câu Tiễn được tin vua Ngô là Phù Sai ngày đêm luyện quân sĩ, sắp sửa đánh Việt để trả thù. Vua Việt muốn đến đánh trước khi Ngô xuất trận. Phạm Lãi can:

- Không nên. Tôi nghe nói việc binh là điều gỡ, đánh nhau là việc trái với đức, tranh nhau là việc thấp nhất. Lo âm mưu, làm trái đức, thích dùng điều gỡ, lấy thân mình làm việc thấp hèn nhất, là việc thượng đế cấm. Nếu làm là bất lợi.

Vua Việt nói:

- Ta đã quyết định rồi.

Bèn cất quân. Vua Ngô nghe tin đem tất cả tinh binh đánh quân Việt thua to ở Phù Tiêu. Vua Việt bèn đem năm nghìn quân còn lại giữ và trốn tránh ở núi Cối Kê. Vua Ngô đuổi đến, bao vây Cối Kê. Vua Việt bảo Phạm Lãi:

- Ta vì không nghe lời người cho nên đến nông nỗi này. Bây giờ làm thế nào?

Phạm Lãi nói:

- Kẻ nào giữ gìn được trọn vẹn cái cảnh ngộ của mình khi đầy đủ là tuân theo trời; bình định được tình hình nguy ngập là tuân theo người; sử dụng sự vật tiết kiệm là tuân theo đất. Nhà vua hay dùng lời lẽ khiêm nhượng, lấy lễ hậu để đưa cho người ta. Nếu người ta không nghe thì thân hành đến thờ người ta.

Câu Tiễn nói:

- Được.

Bèn sai đại phu tên là Chủng đến cầu hòa với Ngô. Chủng đi bằng đầu gối, đập đầu nói:

- Kẻ bầy tôi trốn tránh của bộ hạ là Câu Tiễn, sai "bồi thần" là Chủng mạo muội nói với các quan rằng Câu Tiễn xin làm bầy tôi, vợ xin làm thiếp của bộ hạ.

Vua Ngô sắp ưng thuận. Tử Tư nói với vua Ngô:

- Trời đem nước Việt cho nước Ngô, xin bộ hạ đừng nghe.

Chủng trời về báo với Câu Tiễn. Câu Tiễn muốn giết vợ con, đốt của cải châu báu, xông ra đánh để chịu chết. Chủng ngăn Câu Tiễn nói:

- Quan thái tử của Ngô tên là Phi là người tham lam có thể dùng lợi để dụ dỗ. Xin nhà vua cho tôi lên đến để nói với ông ta.

Câu Tiễn bèn sai Chủng đem gái đẹp, của quý lên đến đưa cho thái tử nước Ngô là Phi. Phi nhận rồi giúp cho đại phu Chủng được yết kiến vua Ngô. Chủng đập đầu nói:

- Xin đại vương thứ tội cho Câu Tiễn, mà lấy tất cả của cải châu báu. Nếu đại vương không tha thì Câu Tiễn sẽ giết vợ con, đốt tất cả châu báu, năm nghìn người liều mạng xông ra thì cũng là một sức mạnh đáng kể.

Phi nhân đấy nói với vua Ngô:

- Vua Việt đã xin làm tôi, nếu bộ hạ tha tội cho họ, thì đó là cái lợi cho nước.

Vua Ngô sắp ưng thuận. Tử Tư tiến ra can:

- Nếu nay nhà vua không tiêu diệt nước Việt, thì sau này thế nào cũng sẽ hối hận đấy! Câu Tiễn là ông vua hiền, Văn Chủng và Phạm Lãi là những bầy tôi giỏi. Nếu họ trở về nước thì sẽ làm loạn. Vua Ngô không nghe, cuối cùng tha cho vua Việt, bãi binh và quay về.

3. Khi bị nguy khốn ở Cối Kê, Câu Tiễn thở dài than rằng:

- Ta thế này là hết hay sao!

Chúng nói:

- Vua Thang bị trói ở Hạ Đài, vua Văn vương bị tù ở Dũ Lý, Trùng Nhĩ nước Tấn bỏ chạy đến Dịch, Tiểu Bạch nước Tề bỏ chạy đến Cử nhưng cuối cùng đều làm vương làm bá. Cứ xem như vậy biết đâu thế này chẳng là phúc!

Sau khi nước Ngô đã tha tội cho nước Việt, vua Việt Câu Tiễn trở về nước, khổ mình, nhọc sức, đặt mật ở chỗ ngồi, khi ngồi hay khi nằm đều nhìn mật, khi uống hay khi ăn đều nếm mật. Câu Tiễn nói:

- Mày quên cái nhục ở Cối Kê rồi hay sao?

Câu Tiễn tự mình lo cày bừa, vợ lo dệt vải, ăn uống không thêm thịt, mặc không hai màu, khiêm tốn đối với người hiền, hậu đãi tân khách, cứu giúp người nghèo, thăm viếng người chết, cùng chịu khó nhọc với trăm họ.

Câu Tiễn muốn sai Phạm Lãi cai quản chính trị trong nước. Phạm Lãi đáp:

- Việc chiến tranh thì Chúng không bằng Lãi, nhưng việc cai trị, vỗ về nước nhà khiến cho trăm họ thân và theo mình thì Lãi này không bằng Chúng.

Nhà vua bèn giao chính trị trong nước cho đại phu Chúng, còn sai Phạm Lãi cùng đại phu Giá Kê đi cầu hòa và làm con tin ở nước Ngô. Được hai năm, vua Ngô cho Phạm Lãi trở về.

Từ khi Câu Tiễn trở về Cối Kê, trong bảy năm vỗ về binh sĩ và dân chúng. Binh sĩ muốn đánh để rửa thù đối với nước Ngô. Đại phu Phùng Đồng can:

- Nước ta vừa mới tan tác, nay mới được phồn thịnh no đủ. Nếu mình chuẩn bị và lo việc binh thì thế nào Ngô cũng sợ. Ngô sợ thì tai nạn sẽ đến. Và chẳng, con chim ưng đánh thì nó phải giấu mình. Nay quân Ngô đánh nước Tề và Tấn, bị Sở và Việt cấm thù. Tuy có nổi danh trong thiên hạ, nhưng thực chỉ cốt hại nhà Chu. Đức ít mà công nhiều, thì thế nào cũng tự mãn, khoe khoang. Hiện nay đối với nước Việt thì không gì bằng liên kết với Tề, thân với Sở, theo Tấn để hậu đãi Ngô. Chí của Ngô huyênh hoang thì thế nào cũng khinh suất trong việc chiến đấu. Thế là ta nắm được cơ hội. Ba nước đánh Ngô, Việt nhân lúc Ngô khốn đốn thì có thể đánh thắng được.

Câu Tiễn nói:

- Phải đấy.

Được hai năm, vua Ngô sắp đem quân đánh Tề, Tử Tư can:

- Chưa nên! Tôi nghe Câu Tiễn ăn không hai món cùng vui cùng khổ với trăm họ. Con người này chưa chết là còn mối lo cho nước. Nước Ngô có nước Việt đó là cái bệnh trong tim trong ruột, chứ Tề chẳng qua chỉ là ghẻ lở ở ngoài da. Xin nhà vua bỏ Tề mà trước tiên hãy đánh Việt.

Vua Ngô không nghe cứ đánh Tề, Tề bị thua ở Ngải Lăng, vua Ngô cầm tù Cao Chiêu tử và Quốc Huệ tử của nước Tề rồi trở về trách Tử Tư. Tử Tư nói:

- xin nhà vua chớ mừng.

Nhà vua nổi giận. Tử Tư muốn tự sát, nhà vua nghe tin ấy ngăn lại.

Quan đại phu nước Việt là Chúng nói:

- Tôi thấy chính trị của vua Ngô kiêu căng, xin nhà vua thử vay thóc để bói xem sự tình thế nào?

Vua Việt xin vay thóc. Vua Ngô muôn cho vay. Tử Tư can đừng cho, nhưng nhà vua vẫn cho. Việt bèn mừng thầm. Tử Tư nói:

- nếu nhà vua không nghe lời can thì sau ba năm nước Ngô sẽ biến thành gò mât.

Quan thái tử là Phi nghe nói thế, bèn trách Tử Tư, cãi nhau với Tử Tư về vấn đề Việt. Nhân đấy Phi gièm Tử Tư, nói:

- Ngũ Viên bên ngoài có vẻ trung, nhưng trong thâm tâm là con người tàn nhẫn, con người đã chẳng đoái thương gì đến cha và anh thì còn thương gì đến vua? Trước đây nhà vua muốn đánh nước Tề, Ngũ Viên ra sức can ngăn, kết quả việc đánh thành công. Do đó sinh ra oán hận. Nếu nhà vua không đề phòng thì Ngũ viên sẽ làm loạn.

Phi âm mưu với Phùng Đồ gièm Ngũ Tử Tư với nhà vua. Lúc đầu nhà vua không nghe nên sai Tử Tư sang Tề. Đến khi nghe Tử Tư gửi con ở nhà họ Bão, nhà vua bèn cá giận, nói:

- Quả thực Ngũ Viên lừa dối quả nhân, muốn làm phản.

Bèn sai người trao cho Tử Tư thanh kiếm Chúc Lôu để tự sát. Tử Tư cười mà rằng:

- Ta làm cho nhà ngươi nên nghiệp bá, ta lại lập nhà ngươi lên ngôi, lúc đầu nhà ngươi muốn chia

một nửa nước Ngô cho ta, nhưng ta không nhận. Bây giờ ngươi lại nghe lời gièm pha mà giết ta. Than ôi, con người cô độc một mình, không thể nào đứng được!

Tử Tư nói với sứ giả:

- Thế nào nhà ngươi cũng phải móc mắt ta để ở cửa Đông Môn nước Ngô để xem quân Việt tiến vào.

Vua Ngô giao cho Phi cầm quyền chính trị. Được ba năm, Câu Tiễn mời Phạm Lãi đến nói:

- Vua Ngô đã giết Tử Tư, những kẻ a dua nhà vua rất đông, bây giờ đã đánh được chưa?

Phạm Lãi đáp:

- Chưa được.

Mùa xuân năm sau, vua Ngô đi về hướng Bắc để họp chư hầu ở Hoàng Trì. Tinh binh của nước Ngô đều đi theo, chỉ có những người già yếu cùng với thái tử ở lại giữ thành.

Câu Tiễn lại hỏi Phạm Lãi. Phạm Lãi đáp:

- Được rồi đây.

Nhà vua bèn đem hai nghìn người bị đầy, quân chiến trận, cùng với bốn vạn quân lính thường được huấn luyện, sáu nghìn kẻ sĩ một nghìn người chỉ huy, đánh nước Ngô. Quân Ngô bị thua, quân Việt giết thái tử nước Ngô. Quân Ngô vội vã báo tin với vua Ngô. Bây giờ vua Ngô đang họp chư hầu ở Hoàng Trì, sợ thiên hạ nghe tin, bèn giấu tin ấy. Sau khi đã ăn tiệc ở Hoàng Trì xong, vua Ngô bèn đưa hậu lễ để xin giảng hòa với Việt.

Sau đó bốn năm, Việt lại đánh Ngô. Quân sĩ và dân chúng nước Ngô đã mỏi mệt, những người mạnh khỏe hăng hái thì đã chết ở nước Tề, nước Tấn. Quân Việt phá tan quân Ngô, nhân đây bao vây nước Ngô. Được ba năm, quân Ngô thua to, Việt lại dồn Ngô vương lên núi Cô Tô. Vua Ngô sai Công Tôn Hùng ở trần, đi bằng đầu gối đến xin giảng hòa với vua Việt và nói:

- Kẻ cô thân của bệ hạ là Phụ Sai xin phôi bày gan ruột: trước đây thần có tội ở Cối, Phù Sai không dám trái mệnh trời nên được giảng hòa với nhà vua và về, nay nếu nhà vua giơ gót ngọc mà giết cô thân, cô thân cũng xin vâng theo mệnh, vâng theo nhà vua. Nhưng cũng muốn nhà vua tha tội cho cô thân như việc xảy ra trước đây ở Cối Kê. Không biết có được không?

Câu Tiễn không nỡ, muốn bằng lòng, Phạm Lãi nói:

- Việc xảy ra ở Cối Kê trước kia đó là do trời đem nước Việt trao cho nước Ngô nhưng nước Ngô không lấy. Nay trời lại đem nước Ngô trao cho nước Việt. Nước Việt có nên làm trái mệnh trời không? Vả chẳng nhà vua ra triều sớm, bãi triều muộn chẳng phải để trả thù nước Ngô đó sao? Việc lo lắng hai mươi năm trời nay có nên một sớm bỏ đi không? Trời cho mà không lấy thì trái lại sẽ bị tội. Người đeo cái rìu thì mẩu mực không xa. Nhà vua đã quên tai nạn ở Cối Kê rồi sao?

Câu Tiễn nói:

- Ta muôn nghe lời nhà ngươi, nhưng ta không nỡ từ chối sứ giả.

Phạm Lãi bèn sai đánh trống, cho quân tiến lên nói:

- Nhà vua đã giao quyền cho Lãi này, sứ giả về ngay, nếu không sẽ bị tội.

Sứ giả nước Ngô khóc mà về. Câu Tiễn thương hại bèn cho người nói với vua Ngô:

- Ta cho nhà ngươi làm vương một trăm nhà ở đất Dũng Đông.

Vua Ngô tạ từ, nói:

- Tôi già rồi, không thể thờ nhà vua được nữa.

Bèn tự sát và che mặt nói:

- Ta không còn mặt mũi nào nhìn thấy Tử Tư.

Việt vương chôn Ngô vương và giết thái tử là Phi. Sau khi Câu Tiễn đã bình định được nước Ngô, bèn đem quân về hướng bắc, vượt sông Hoài cùng các nước chư hầu là Tề, Tấn, họp ở Từ Châu, nộp cống cho nhà Chu. Vua Nguyên vương nhà Chu ban thịt đến Câu Tiễn, cho Câu Tiễn làm bá. Sau khi đã vượt qua phía nam sông Hoài, Câu Tiễn bèn lấy đất trên sông Hoài cho nước Sở, trả cho nước Tống đất Ngô đã lấy của nước Tống, trả cho nước Lỗ đất một trăm dặm ở phía đông sông Tứ. Bây giờ quân của Việt làm bá chủ ở phía đông sông Giang, sông Hoài. Chư hầu đều mừng gọi Câu Tiễn là bá vương.

4. Phạm Lãi bèn bỏ đi từ nước Tề, gửi thư về cho đại phu Chung nói: "Chim đã hết thì cung tốt phải cất, cỏ khô đã chết thì cỏ sẵn bị nấu. Vua Việt là người cổ dài, miệng điều hâu có thể cùng lúc lo hoạn nạn, nhưng không thể cùng vui sướng với ông ta. Sao ông lại không bỏ đi?".

Chúng nhận được thư cáo bệnh không vào châu. Có người gièm nói:

- Chúng sắp làm phản.

Vua Việt sai đưa kiếm cho Chúng và nói:

- Nhà ngươi dạy quả nhân bảy thuật để đánh Ngô, quả nhân mới dùng có ba mà nước Ngô đã thua. Còn bốn thuật nữa ở nhà ngươi. Nhà ngươi hãy giúp ta dùng những thuật ấy với tiên vương xem sao.

Chúng bèn tự sát.

Phạm Lãi thờ vua Việt là Câu Tiễn, khổ mình nhọc sức cùng Câu Tiễn mưu toan hơn hai mươi năm, kết quả diệt được nước Ngô, rửa được cái nhục Cối Kê. Phía bắc đem quân qua sông Hoài đến sát các nước Tề, Tấn, ra hiệu lệnh cho Trung Quốc để tôn thờ nhà Chu. Câu Tiễn làm bá, còn PHẠM LÃI làm thượng tướng quân. Khi về nước, Phạm Lãi hợm là danh lớn khó lòng ở được lâu. Và lại, Câu Tiễn là người hoạn nạn thì có nhà, nhưng vui thì khó lòng mà ở được! Lãi bèn viết thư từ biệt Câu Tiễn:

Tôi nghe. "Vua lo thì tôi phải khó nhọc, vua nhọc thì tôi phải chết"! Hồi xưa nhà vua chịu nhục ở Cối Kê, tôi sợ dĩ chưa chết là vì còn phải trả thù. Nay đã rửa được nhục rồi, tôi xin chết theo tội ở Cối Kê!

Câu Tiễn nói:

- Ta đương sắp nước này cùng cai trị với nhà ngươi! Không nữa sẽ giết nhà ngươi!...

Phạm Lãi nói:

- Vua có lệnh vua thì tôi có ý tôi.

Bèn soạn gói châu ngọc và các của cải nhẹ cùng với đầy tớ riêng xuống thuyền ra biển đi suốt đời không trở lại nữa. Thế rồi Câu Tiễn nêu núi Cối Kê để làm bồng lộc cho Phạm Lãi.

Phạm Lãi cùng đi biển sang Tề, đổi họ tên, tự gọi là Chi Di Tử Bì, cày ruộng ở biển, khổ thân cố sức, cha con cùng lo làm ăn. Ở không được bao lâu, của có đến hàng mấy chục triệu. Người nước Tề nghe ông hiền, mời làm tướng quốc, PHẠM LÃI ngâm ngùi than rằng:

- Ở nhà thì hàng nghìn lạng vàng, làm quan thì đến công, khanh, tướng quốc, kẻ áo vải được thế là tốt bậc rồi, giữ mãi cái tiếng tấm lòng lầy là không tốt!

Bèn trả ấn tướng quốc, đem tất cả tài sản cho bạn bè, làng xóm. Chỉ mang những của thật quý, lên đi.

Phạm Lãi dừng lại ở đất Đào, cho nơi đó là ở giữa thiên hạ, tiện đường đổi chác, buôn bán để làm giàu. Phạm Lãi bèn tự gọi mình là Đào Chu Công.

Chu Công ở Đào sinh người con út. Khi người con út đã lớn, người con trai thứ hai của Chu Công giết người, bị tù ở Sở. Chu Công nói:

- Giết người bị chết là đáng rồi! Nhưng ta nghe nói: "Con nhà nghìn vàng không chết ở chợ".

Liên bảo người con út sang xem sự việc ra sao. Ông ta lấy nghìn nén bạc bọc vào trong túi đựng quần áo vải thô chở bằng xe bò, định sai người con út đi. Con trai cả của Chu Công cũng cố xin đi. Chu Công không nghe. Người con cả nói:

- Con cả trong nhà được gọi là kẻ coi sóc việc nhà, nay em có tội, cha chẳng sai con, lại sai em út đi, thế con là đưa con hư!

Người con cả toan tự sát. Người mẹ nói hộ cho anh ta:

- Nay ông sai thằng út đi thì chưa chắc đã cứu sống được thằng thứ hai mà trước tiên vô cớ giết mất thằng cả! Biết làm thế nào?

Chu Công cực chẳng đã phải sai người con cả đi. Ông viết một phong thư đưa cho người bạn cũ là Trang Sinh và dặn rằng:

- Khi con đến thì dâng một nghìn lạng vàng vào nhà Trang Sinh, mặc ông ta làm. Nhất thiết không được tranh cãi với ông ta trong việc này.

Người con cả khi đi cũng tự mang theo riêng vài trăm nén vàng sang Sở...

Trang sinh nhà ở kè ngoại thành. Người con cả phải lách cỏ lau mới tới cửa, thấy nhà có vẻ rất nghèo... Nhưng người con cả cũng đưa thư, dâng nghìn vàng theo lời cha dặn.

Trang Sinh nói:

- Thôi! Anh hãy đi ngay đi! Chớ có ở lại! Dù em anh được ra cũng chớ hỏi tại sao lại được tha.

Người con cả đi rồi, không đến nhà Trang Sinh nữa mà ngấm ở lại, lấy của mình đem dâng cho một

quý nhân có quyền thế ở Sở. Trang Sinh tuy ở một xóm nghèo khổ, nhưng cả nước đều nghe tiếng ông thanh liêm và chính trực. Từ vua Sở trở xuống đều tôn làm bậc thầy. Khi Chu Công đưa vàng, không phải ông ta có ý muốn nhận. Ý ông ta chỉ muốn khi xong việc sẽ lại đưa trả để làm tin mà thôi.

Cho nên khi vàng đưa đến, Trang Sinh bảo vợ:

- Đây là vàng của ông Chu. Nhờ tôi không sống được cách đêm thì thế nào cũng phải đưa trả, chớ có động đến!

nhưng con cả Chu Công không biết ý ông ta, cho ông ta chẳng có thể lực gì.

Trang Sinh thông thả ra mắt vua Sở, nói:

- Có nơi sao... mồ đóng ở chỗ... mồ, cái đó hại cho nước Sở...

Vua Sở vốn tin Trang Sinh liền hỏi:

- Giờ biết làm thế nào?

TRang Sinh nói:

- Chỉ có cách dùng đức mới trị được nó.

- Thầy về nghỉ! Quả nhân sẽ làm theo.

Nhà vua liền sai sứ giả niêm phong ba kho tiền.

Quý nhân nước Sở kinh ngạc bảo người con cả Chu Công.

- Nhà vua sắp đại xá.

Người con cả Chu Công nói:

- Làm sao biết?

- Mỗi lần nhà vua sắp đại xá thường cho niêm phong ba kho tiền. Chiều qua nhà vua sai sứ đi niêm phong.

Người con cả Chu Công nghĩ rằng: "Nếu đại xá thì em mình thế nào cũng được tha. Anh ta tiếc nghìn vàng đem cho lão Trang Sinh, thật là mất toi, bèn lại ra mắt Trang Sinh. Trang Sinh giật mình hỏi:

- Anh chưa về ư?

Người con trưởng nói:

- Thừa vẫn chưa ạ! Trước kia vì việc thằng em, nay thằng em may mắn được hưởng lệnh đại xá, cho nên lại đây chào cụ để về.

Trang Sinh biết ý anh ta muốn lấy lại vàng, liền nói:

- Anh vào nhà t rong mà lấy vàng.

Người con trưởng tự vào nhà lấy vàng ra. Trang Sinh xấu hổ vì bị đứa trẻ con mua chuộc, bèn vào yết kiến vua Sở nói:

- Tôi trước kia có nói về ngôi sao... mồ. Nhà vua nói sẽ sửa đức để bỏ cứu. Nay tôi ra đường đâu cũng thấy đồn rằng: đứa con nhà giàu ở Đào là Chu Công, giết người bị giam ở Sở, nhà nó đem nhiều vàng bạc đút lót cho các quan hầu nhà vua. Nhà vua không phải vì biết thương nước Sở mà xá đâu, chỉ vì chuyện con Chu Công đó thôi.

Vua Sở cả giận, nói:

- Quả nhân tuy có kém đức thật, nhưng lẽ nào lại vì có con Chu Công mà phải ra ơn. Liền làm án giết con Chu Công. Hôm sau bèn ra lệnh đại xá.

Con cả Chu Công rút cục lại đưa đám tang em trở về!...

Người mẹ và người làng đều lấy làm thương xót. Chỉ có Chu Công cười một mình mà rằng:

- Ta biết thế nào nó cũng giết em nó! Không phải nó không yêu em nó đâu, nhưng có một điều nó không thể chịu nổi. Nó từ nhỏ đã từng chịu khổ cùng ta thấy việc làm ăn khó khăn cho nên bỏ của thì tiếc! Trái lại thằng em nó đẻ ra đã thấy ta giàu có. Nó chỉ biết cưỡi xe bèn, giông ngựa tốt, theo đuôi cây cáo, nào biết của cải do đâu mà có, cho nên phung phí tiền một cách dễ dàng, chẳng tiếc rẻ gì. Trước đây, sở dĩ ta sai thằng út đi chỉ là vì nó biết coi thường tiền bạc đó thôi! Thằng cả thì không biết thế, vì vậy mà giết chết em nó. Lẽ đời là thế, có gì đáng thương. Ta ngày đêm vẫn đợi nó đưa đám tang về!

Cho nên PHẠM LÃI ba lần đổi chỗ ở mà vẫn thành danh trong thiên hạ. Không phải ông ta chỉ bỏ đi một cách dễ dàng và thế là hết. Ông ta ở đâu, là nổi danh ở đấy. Sau già chết ở ĐÀO, cho nên đời truyền tụng gọi là Đào Chu Công.

6. Thái sử côngn nói:

Công lao của Vũ thực là to lớn! Dẫn nước cho chín con sông, làm chín châu có thể ở được, đến nay tất cả mọi người đều sống yên ổn. Con cháu của ông là Câu Tiễn nhọc công khổ xác, cuối cùng tiêu diệt được nước Ngô mạnh, phía bắc cho quân đội vào xem Trung Quốc để tôn nhà Chu, được danh hiệu là bá vương. Câu Tiễn chẳng đáng gọi là hiền sao? Đó cũng là cái vinh quang sót lại của vua Vũ vậy. Phạm Lãi ba lần dời chỗ ở, đều nổi tiếng tăm để lại đời sau. Vua và tôi đều như vậy, thế nào mà chẳng vinh hiển?

Phần 10

Trần Thiệp Thế Gia

1. Trần Thắng là người Dương Thành, tên chữ là Thiệp. Ngô Quảng là người Dương Hạ, tên chữ là Thúc. Lúc còn trẻ, Trần Thiệp thường cùng cày thuê với người ta, Thiệp dùng cày trên gò, bụi ngùi một hồi lâu mà rằng:

- Nếu được giàu sang, xin đừng quên nhau!

Bạn cày thuê cười, đáp:

- Đã đi cày thuê còn giàu sang nổi gì?

Trần Thắng thở dài nói:

- Than ôi! Chim én, chim sẻ làm sao biết được chí của chim hộc, chim hồng!

2. Tháng bảy, năm thứ nhất đời Nhị Thế (năm 209 trước công nguyên), chín trăm người binh dân các làng được đưa đi đồn thú ở Ngũ Dương, đóng lại ở làng Đại Trạch. Trần Thắng, Ngô Quảng đều thuộc vào danh sách phải đi và làm đồn trưởng. Gặp mưa to, đường bị nghẽn, tính biết đã quá kỳ hạn. Nếu quá kỳ hạn thì theo pháp luật là đều bị chém. Trần Thắng, Ngô Quảng bàn nhau:

- Nay nếu chúng ta trốn thì chết mà mưu việc lớn cũng chết. Cũng một cái chết cả, vậy chết cho nước có nên không?

Trần Thắng nói:

- thiên hạ khổ vì nhà Tần đã lâu rồi! Tôi nghe nói Nhị Thế là con thứ không đáng được lập làm vua, người đáng được lập là công tử Phù Tô. Phù Tô vì hay can ngăn nên vua sai đi cầm quân ở ngoài. Nay nghe phong thanh ông ta vô tội mà bị Nhị Thế giết. Trăm họ nhiều người nghe nói ông ta hiền, chưa biết ông ta chết. Hạng Yên làm tướng nước Sở, lập được nhiều công, yêu sĩ tốt, người sở đều thương. Có người nói ông ta chết, có người nói ông ta bỏ trốn. Nay nếu chúng ta giả xưng là công tử Phù Tô, Hạng Yên, đứng lên hiệu triệu thiên hạ thì chắc nhiều người hưởng ứng.

Ngô Quảng cho là phải. Bèn đi bói. Người bói biết ý, nói:

- Mọi việc của túc hạ đều thành, sẽ nên việc hết. Nhưng túc hạ thử "bói quẻ" xem sao.

Trần Thắng, Ngô Quảng mừng lắm, nghĩ đến chuyện "bói quẻ" nói:

- Đây, ông áy bảo ta trước tiên phải mượn quẻ thần ra uy với dân chúng đây!

Thắng bèn lấy son viết lên lụa trắng mấy chữ "Trần Thắng vương" bỏ vào bụng con cá. Có người đánh được cá. Quân lính mua cá mổ ra thấy thư ở trong bụng cá cho là quái lạ. Thắng lại ngậm sai Ngô Quảng đến nơi đền, cây cối um tùm, thấp ngọn đèn lồng giả làm tiếng cáo: "Đại Sở hưng! Trần Thắng vương!". Quân lính ban đêm kinh sợ. Đến sáng họ kháo nhau, đưa mắt chỉ cho nhau biết Trần Thắng.

Ngô Quảng tính yêu người, sĩ tốt nhiều người theo giúp. Nhân lúc viên úy say rượu. Quảng có ý mấy lần nói mình muốn bỏ trốn để cho y nổi giận, mắng nhiếc mình làm cho quân lính phần uất. Viên úy nhiên lấy roi đánh Quảng. Viên úy tuốt kiếm, Quảng đứng dậy giết kiếm và giết viên úy. Thắng giúp Quảng giết hai viên úy. Thắng bèn ra lệnh cho những người đi thú.

- Các ông gặp mưa, đều đã sai kỳ hạn. Sai kỳ hạn đều bị tội chém. Dù có khỏi bị chém đi nữa, thì trong số mười người đi thú cũng chết mất sáu, bảy. Và chẳng, kẻ trảng sĩ không chết thì thôi, chứ đã chết thì phải mưu việc lớn, vương, hầu, tướng quân, thừa tướng, há phải có dòng dõi mới làm nên sao!

Những người đi theo đều nói:

- Xin vâng lệnh.

Thắng bèn nói dối là công tử Phù Tô, Hạng Yên để theo ý muốn của dân. Tất cả vén tay áo bên phải lên xưng "Đại Sở", lập đàn thề, lấy đầu viên úy để tế. Trần Thắng tự lập làm tướng quân, Ngô Quảng làm đô úy. Thắng đánh làng Đại Trạch, lấy được Đại Trạch rồi đánh đất Kỳ, lấy được Kỳ. Thắng bèn sai Cát Anh, người ấp Phù Ly đem binh chiêu hàng phía đông đất Kỳ, đánh đất Trần, Toàn, Khô, Giá, Tiều, đều lấy được tất cả. Khi đến đất Trần, thì đã có sáu, bảy trăm cỗ xe, hơn ngàn kỵ binh, quân lính mấy vạn người. Thắng đánh đất Trần, quan quận thú và huyện lệnh của đất Trần đều không có mặt ở đây, chỉ có một viên thủ thừa chiến đấu ở trong cửu lâu, đánh không nổi. Thủ thừa chết. Thắng bèn chiếm cứ đất Trần. Được vài ngày Thắng sai hiệu triệu các tam lão hào kiệt để bàn bạc. Các tam lão và hào kiệt đều nói:

- Tướng quân đã mang giáp dày, cầm giáo nhọn đánh kẻ vô đạo, giết nhà Tần tàn bạo, lập lại xã tắc nước Sở, công lao ấy đáng làm vương.

Trần Thiệp bèn tự lập làm vương, hiệu là Trương Sở.

3. Trong lúc bấy giờ, các quận huyện cực khổ vì quan lại nhà Tần, nên đều phôi bày tội trạng bọn quan cầm đầu ở đây, giết họ để hưởng ứng Trần Thiệp. Trần Thiệp bèn cho Ngô Thúc giả làm vương giám đốc các tướng, đem binh về hướng tây đánh Huỳnh Dương; sai Vũ Thần, Trương Nhĩ, Trần Dư, người đất Trần, chiêu hàng đất Triệu; sai Đặng Tôn, người đất Nhữ Âm, chiêu hàng quận Cửu Giang. Bấy giờ những toán quân Sở họp nhau từng nhóm vài nghìn người tính không xuể.

Cát Anh đến đất Đông thành lập Trương Cương làm Sở vương, sau đó Cát Anh nghe tin đã lập Trần vương nên giết Trương cương quay về báo với Trần Thiệp. Đến đất Trần, Trần vương giết Cát Anh.

Trần vương sai Chu Thị, người nước Ngụy lên miền Bắc chiêu hàng đất Ngụy. Ngô Quảng vây Huỳnh Dương. Lý Do làm thái thú quận Tam Xuyên giữ Huỳnh Dương, Ngô Thúc đánh không lấy được thành.

Trần vương mời những người hào kiệt trong nước để bàn, cho Thái Tử người Thượng Thái, ấp Phòng Quân làm thượng trụ quốc. Chu Văn là người hiền ở đất Trần, thường coi ngày tốt xấu cho quân của Hạng Yên trước tới làm việc với Xuân Thân Quân, tự tiến cử mình với Trần Thiệp, nói rằng mình thông thạo binh pháp. Trần vương cấp cho y ấn tướng quân đem binh về hướng tây đánh Tần, Chu Văn đi tập hợp quân đội đến Hàm Cốc quan, có ngàn cỗ xe, mấy mươi vạn binh, đến đất Hý đóng quân. Tần sai quan thiếu phủ là Chương Hàm tha cho những người làm phu dịch ở Ly Sơn và con cháu nô tỳ, đem tất cả để đánh đại quân của Sở. Quân Sở thua to. Chu Văn thua chạy ra khỏi Hàm Cốc quan, dừng lại đóng quân ở Tào Dương hai ba tháng. Chương Hàm đuổi theo đánh. Chu Văn lại thua bỏ chạy đến đóng ở Dẫn Trì hơn mười ngày. Chương Hàm đánh Chu Văn thua to. Chu Văn tự đâm cổ chết, quân lính không chiến đấu nữa.

Vũ Thần đến Hàm Đan tự lập làm Triệu vương, Trần Dư làm đại tướng quân, Trương Nhĩ, Triệu Tao là tả thừa tướng, hữu thừa tướng. Trần vương giận bắt trói gia quyến bọn Vũ Thần định giết đi. Quan trụ quốc nói:

- Nước Tần chưa mất mà ta đã giết gia quyến vua tôi Triệu vương thì tức là gây ra một nước Tần nữa. Chi bằng nhân đó mà lập họ.

Trần vương bèn sai sứ giả đến mừng Triệu vương, đem gia quyến bọn Vũ Thần vào cung, phong con của Nhĩ là Trương Ngao làm Thành Đô Quân, giục quân Triệu mau mau vào Hàm Cốc quan. Các quan văn võ Triệu vương bàn với nhau:

- Nhà vua được làm vương ở đất Triệu, không phải ý muốn của Sở. Nếu nước Sở diệt xong nước Tần thì nhất định sẽ đem binh đánh Triệu. Không có kế gì hơn là đừng đem binh về hướng tây, sai sứ đi về hướng bắc chiêu hàng đất Yên để mở rộng thêm đất cho nước mình. Nước Triệu phía nam giữ Hoàng Hà, phía bắc lấy được đất Yên, đất Đại thì nước Sở dù có đánh thắng được Tần cũng không sao không chế được Triệu. Nước Triệu nhân lúc Tần suy nhược có thể đắc chí với thiên hạ. Triệu vương cho là phải. Vì vậy Triệu vương không đem binh về hướng tây, mà lại sai Hàn Quảng trước kia làm tốt sứ ở Thượng Cốc đem binh về hướng bắc chiêu hàng đất Yên. Các quan lại và quý tộc cũ cùng hào kiệt ở Yên nói với Hàn Quảng:

- Nước Sở đã lập vương, nước Triệu cũng lại lập vương, nước Yên tuy nhỏ cũng là nước có vạn cỗ xe, xin tướng quân tự lập làm Yên vương.

Hàn Quảng nói:

- Mẹ Quảng ở Triệu, làm thế không được.

Người Yên nói:

- Nước Triệu hiện nay phía tây đang lo về nước Tần, phía nam lo về nước Sở, sức của nó không thể cấm ta được; vả chăng mạnh như nước Sở mà còn không dám hại gia đình vua tôi Triệu vương, nước Triệu làm gì dám hại đến gia quyến tướng quân!

Hàn Quảng cho là phải, tự lập làm Yên vương. Được vài tháng, nước Triệu đưa mẹ và gia quyến của Yên vương về nước Yên. Lúc bấy giờ số các tướng đi chiêu hàng các nơi kẻ không xiết.

Chu Thị đi về hướng bắc chiêu hàng đến đất Dịch. Người đất Dịch là Diên Đàm giết quan huyện lệnh đất Dịch, tự lập làm Tề vương, đánh Chu Thị. Quân của Thị tan rã, Thị trở về đất Ngụy, muốn lập con cháu vua Ngụy là Ninh Lăng Quân tên là Cửu làm Ngụy vương. Lúc bấy giờ Cửu đang ở

nơi Trần vương, kh ông thể về đất Ngụy. Sau khi đã lấy được nước Ngụy, người ta muốn lập Chu Thị làm Ngụy vương. Chu Thị không chịu, sai sứ đi về năm lần. Trần vương mới lập Ninh Lăng Quân làm Ngụy vương, cho Cữu về nước. Chu Thị được làm thừa tướng. Bọn tướng quân Điền Tang bàn với nhau:

- Quân của Chu Dương đã bị phá rồi, quân Tần nay mai sẽ đến, chúng ta vây thành Huỳnh Dương không lấy được, nếu quân Tần đến thì thua to. Chi bằng ta để lại ít binh đủ để giữ Huỳnh Dương thôi, còn đem tất cả tinh binh ra đón đánh quân Tần. Nay giả vương kiêu ngạo, không biết binh quyền, ta không thể cùng mưu toan với ông ta được, nếu không giết ông ta thì nhất định hỏng việc. Họ bèn giả mệnh lệnh của Trần vương giết chết Ngô Thúc, đem đầu dâng cho Trần vương. Trần vương sai sứ cấp cho Điền Tang ấn tín làm lệnh doãn nước Sở, cho Tang làm thượng tướng. Điền Tang bèn sai các tướng là bọn Lý Qui giữ thành Huỳnh Dương, còn mình đem quân tinh nhuệ đi về hướng tây đón đánh quân Tần ở Ngao Thương. Hai bên giao chiến. Điền Tang chết, quân bị phá vỡ. Chương Hàm đem quân đánh bọn Lý Qui ở dưới chân thành Huỳnh Dương phá quân Lý qui. Bọn Lý Qui chết.

Đặng Duyệt, người Dương Thành, đem binh đến đất Đàm, biệt tướng của Chương Hàm đánh và phá quân Đặng Duyệt. Quân của Đặng Duyệt tán loạn chạy vào đất Trần. Ngũ Từ người đất Trần đem binh đến đất Hứa, Chương Hàm đánh phá quân Ngũ Từ, quân của Ngũ Từ bỏ chạy tán loạn vào đất Trần. Trần vương giết Đặng Duyệt. Khi Trần vương mới lập, bọn Tần giả người đất Lăng, Đồng Tiết người đất Trát, Chu Khê Thạch người đất Phù Ly, Trịnh Bố người đất Thủ Lư, Đình Tật người đất Từ đều tự mình nổi lên, đem binh vây thái thú Đông Hải tên là Bạt làm tướng quân, điều khiển các đạo quân vây đất Đàm. Tần Gia không chịu nghe theo, tự lập làm đại tự mã không chịu phụ thuộc vào Vũ Bình quân. Tần gia nói với bọn quan lại:

- Vũ Bình quân ít tuổi, không hiểu việc binh, chớ có nghe ông ta.

Nhân đó Gia giả mệnh lệnh của Trần vương, giết Vũ Bình quân. Chương Hàm sau khi đã đánh bại Ngũ Từ, đem quân đánh Trần. Trụ quốc là Phòng Quân chết. Chương Hàm lại tiến binh đánh quân của Trương Hạ ở phía tây đất Trần. Trần vương thân hành ra đốc suất trận đánh. Quân bị đánh bại, Trương Hạ chết.

Tháng chạp, Trần vương đến huyện Nhữ Âm quay về đến Hạ Thành Phụ. Người đánh xe Trang Giả giết Trần vương để đầu hàng Tần. Trần Thắng được chôn ở đất Đường hiệu bụt là Ân vương.

3. Lữ Thần trước là người hầu cận Trần Vương, quân của ông ta đều đội mũ xanh, khởi binh ở Tân Dương, đánh lấy đất Trần, giết Trang Giả, lại gọi nước Trần là nước Sở. Lúc đầu Trần vương đến đất Trần sai Tổng lưu người đất Trát đem binh đánh lấy Nam Dương, vào đất Vũ Quan. Lưu đã chiêu hàng được Nam dương nhưng nghe tin Trần vương chết, đất Nam Dương lại theo về Tần, nên không thể vào Vũ Quan. Lưu bèn đi về hướng đông vào đất Tân Thái, gặp quân của Tần. Tổng Lưu đem quân đầu hàng Tần. Tần cho giải Lưu bằng xe trạm về đến Hàm Dương, buộc người vào xe xé xác để thị uy. Bọn Tần Gia nghe tin quân của Tần vương bị phá vỡ liền bỏ chạy, lập Cảnh Câu làm Sở vương đem binh đến đất Phụng Dư, muốn đánh quân Tần ở vùng Định Đào. Tần Gia sai Công Tôn Khánh đi sứ sang Tề vương, muốn cùng Tề vương hợp lực tiến quân. Tề vương nói:

- Ta nghe tin Trần vương thua trận, không biết sống chết thế nào, sao nước Sở lại không xin phép ta mà lập vua!

Công Tôn Khánh nói:

- Nước Tề lập vua không xin phép nước Sở, vậy nước Sở có lẽ nào lại xin phép Tề để lập vua! Và chẳng nước Sở đầu tiên khởi xướng việc chống Tần, đáng lý được ra lệnh cho cả thiên hạ!

Điền Đan giết Công Tôn Khánh. Quân tả hiệu úy, hữu hiệu úy của Tần lại đánh Trần, lấy được Trần. Quân của Lữ Thần bỏ chạy, quân lính lại tập hợp. Quân của viên tướng cướp ở đất Ba là Dương Dương quân Kinh Bồ liên hợp với quân của Lữ Thần đánh quân tả, hữu hiệu úy và phá Tần ở đất Thanh BA, lại gọi nước Trần là nước Sở. Bây giờ là lúc Hạng Lương lập cháu của Hoài vương là Tâm làm Sở vương.

4. Trần Thắng làm vương tất cả sáu tháng. Khi đã làm vương đóng ở đất Trần, có người bạn cũ thường cùng cày thuê với Thắng, nghe tin ấy, đến nước Trần gõ vào cửa cung mà nói:

- Ta muốn gặp anh Thiệp!

Quan coi cửa cung muốn bắt trói lại. Anh ta kể lại đầu đuôi, nên được tha. Quan coi cửa không chịu

báo, Trần vương ra, anh ta đón đường mà kêu: "Thiếp!" Trần vương nghe vậy, bèn gọi vào gặp mặt, mang lên xe cùng về. Khi vào cung, anh ta nhìn thấy cung điện, màn trướng, nói:

- "Lỏa di" (ôi chà!) Thiệp làm vương thật oai vệ quá! (Người Sở nói nhiều là "lỏa", vì vậy thiên hạ lưu truyền rằng: "Lỏa Thiệp làm vương" là từ đó).

Người khách ấy ra vào càng ngày càng phóng túng cứ nói đến tình xưa nghĩa cũ của Trần vương. Có kẻ bàn với Trần vương:

- Người khách ngu không biết gì, cứ ăn nói bừa bãi, làm giảm uy tín của ngài.

Trần vương bèn giết đi. Những cố nhân của Trần vương đều kéo nhau đi. Vì vậy không ai thân với Trần vương.

Trần vương cho Chu Phòng làm trugn chính, Hồ Vũ làm tư quá, xem xét những điều sai lầm của quần thần. Các tướng chiêu hàng các nơi xong lại về phục mệnh, ai không theo mệnh lệnh thì họ trói lại và trị tội, lấy việc hà khắc để tỏ ra trung thành. Họ thấy ai không hợp thì không cần giao cho pháp quan tra xét mà tự mình xử lý. Trần vương tin dùng họ. Vì thế các tướng không theo và rốt cục bị thất bại.

Mặc dầu Trần Thắng đã chết, các chư hầu, vương tướng quân, thừa tướng do Thắng lập nên, cuối cùng đã làm cho nhà Tần mất. Như thế, Thiệp là người đầu tiên đã khởi xướng. Thời Cao Tổ, Trần Thiệp được cấp ba mươi nhà để giữ phần mộ ở đất Đường, đến nay vẫn còn tể tự.

5. Chử tiên sinh nói: địa hình hiểm trở dùng để giữ nước, quân lính hình pháp dùng để trị nước, nhưng cũng không đủ cày vào đó được. Tiên vương ngày xưa lấy nhân nghĩa làm cái gốc mà lấy địa hiểm, pháp luật làm ngọn ngành, quả thực là đúng! Tôi nghe Giả sinh nói:

"Tần Hiếu công dựa vào sự kiên cố của núi Hào Sơn và cửa Hàm cốc quan, nắm lấy đất Ung Châu, vua tôi cố giữ để nhằm nhòm ngó nhà Chu, có ý chí muốn lấy cả thiên hạ, tóm cả các nước, bỏ cả bốn biển vào túi, nuốt cả tám cõi. Lúc bấy giờ, Thương Quân giúp ông ta: bên trong thì cải cách pháp chế, đôn đốc việc cày ruộng, dệt lụa, dự bị sẵn sàng để cổ thủ hay tác chiến, bên ngoài thì xui chư hầu liên hoành thờ Tần mà đánh lẫn nhau. Nhờ đó, mà người Tần chỉ vòng tay mà lấy được đất ở bên kia Tây Hà. Sau khi Hiếu công mất đi, Huệ Văn vương, Vũ vương, Chiêu vương nhờ nghiệp cũ, theo cái sách lược cha ông để lại, phía nam lấy đất Hán Trung; phía tây lấy đất Ba, đất Thục, phía đông cắt đất màu mỡ, thu được những quân xung yếu, hiểm trở. Chư hầu hoảng sợ, họp nhau giao ước để làm yếu nước Tần. Họ không tiếc vật quý, của báu, đất đai phì nhiêu, đem ra để mời kẻ sĩ trong thiên hạ. Họ họp tung, liên kết nhau thân thiết để hợp làm một. Trong thời bấy giờ, nước Tề có Mạnh Thường Quân, nước Triệu có Bình Nguyên Quân, nước Sở có Xuân Thân Quân, nước Ngụy có Tín Lăng Quân. Bốn người này đều là những người sáng suốt, khôn ngoan, trung thực, tín nghĩa, rộng lượng, trung hậu, yêu người, tôn quý người hiền và kính trọng kẻ sĩ. Họ lo họp tung các nước, chống lại kẻ liên hoành của Tần, bao gồm dân Hàn, Ngụy, Yên, Triệu, Tống, Vệ, Trung Sơn. Lúc bấy giờ kẻ sĩ của sáu nước có bọn Ninh Việt, Từ Thượng, Tô Tần, Đổng Hách làm mưu sĩ; có bọn Tề Minh, Chu Thú, Trần Chấn, Thiệu HOạt, Lâm Hoãn, Định Cảnh, Tô Lệ, Nhạc Nghị truyền đạt ý ấy; có bọn Ngô Khởi, Tô Tần, Đái Tha, Nghê Lương, Vương Liêu, Điền Ky, Liêm Pha, Triệu Xe cầm quân, thường lấy đất đai rộng gấp mười, quân đội trăm vạn, ngáng mặt lên cửa Hàm Quan mà đánh Tần. Người Tần mở cửa ải đón đánh, quân của chín nước bỏ chạy không dám tiến. Nước Tần không phí một mũi tên hòn đạn nào mà cả thiên hạ đều nguy khốn. Khi bấy giờ kẻ họp tung bị tan, lời giao ước bị bỏ, các nước tranh nhau cắt đất để đút lót cho nước Tần. Nước Tần có thừa sức để nhằm nước nào yếu thế thì đánh đuổi kẻ bỏ trốn, rượt theo kẻ đã bị đánh bại, thấy nằm trăm vạn, máu chảy trôi cả cái khiên, nhân cơ hội tiện lợi, mà chia cắt thiên hạ, xẻ núi, rạch sông, nước mạnh xin phục tùng, nước yếu xin vào châu. Thời Hiếu Văn vương, Trang Tương vương làm vua không được bao lâu, nước nhà vô sự. Đến đời Thủy Hoàng, nhờ cái sự nghiệp sáu đời để lại, cầm roi dài mà chế ngự cả thiên hạ; nuốt hai nhà Chu mà diệt chư hầu, lên ngôi chí tôn mà làm chủ cả sáu cõi, cầm gậy gộc để đánh đập thiên hạ, uy vang bốn biển. Phía nam lấy đất Bách Việt, lập thành Quế Lâm, Tượng Quận. Vua của Bách Việt cúi đầu, buộc cổ nộp tính mạng cho quan coi ngục. Thủy Hoàng bèn sai Mông Diêm xây trường thành phía bắc để giữ gìn phen giậu; đuổi quân Hung Nô lui hơn bảy trăm dặm; người Hồ không dám xuống phía nam chặn ngựa; kẻ sĩ cũng không dám giương cung để báo oán. Tần bèn bỏ đạo tiên vương, đốt sách bách gia, làm ngu dân đen, hủy hoại các danh thành, giết những người hào kiệt, thu binh khí của thiên hạ tập trung ở Hàm Dương, nấu binh khí ấy

đủ để đúc mười hai người bằng đồng, nhằm làm cho nhân dân yếu đi. Đoạn dựa vào núi HỌa Sơn để làm thành, lấy sông Hoàng Hà để làm ao, giữ cái thành cao một ức trượng cạnh cái khe sâu không đáy, lấy thế làm vững chãi. tướng giỏi, nỏ cứng, giữ nơi hiểm yếu, quan trọng, tôi tin cần, lính tinh nhuệ, bày binh khí sắc bén ra, còn ai dám làm gì nữa!

Thiên hạ đã bình định, lòng Thủy Hoàng tự cho rằng Quan Trung hiểm trở kiên cố, thành đồngn ngàn dặm là nghiệp đế vương vạn đời cho con cháu. Thủy Hoàng chết rồi, uy danh để lại còn vang dậy ở nước ngoài. thế nhưng Trần Thiệp, một người vốn xuất thân từ nơi nhà rách vách nát, dân ngu khu đen, trôi sông lạc chợ, tài năng khôgn bằng con người bậc trung, không có cái hiền tài của Trọng Ni, Mặc Dịch, khôgn có cái giàu của Đào Chu, Ý Đồn, chen chân giữa hành lính tráng, lúi húi nơi đồng ruộng, cầm đầu bọn lính tráng mệt mỏi tan tác, đem số người chỉ độ vài trăm quay lại đánh TẦN!

Chặt gỗ làm binh khí, giờ gậy trúc làm cờ! Thiên hạ hưởng ứng như mây hợp, mang lương thực đi theo như bóng theo hình. Hào kiệt đất Sơn Đông nổi lên làm cho nhà Tần bị tiêu diệt. Ôi! Thiên hạ không phải là nhỏ yếu, đất Ứng Châu, Hào Sơn, Hàm Cốc quan vẫn kiên cố như xưa. Địa vị của Trần Thiệp không phải tôn quý hơn vua Tề, Sở, Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tống, Vệ, Trung Sơn. Cán cuộc, gây, không p hải sắc hơn liềm dao. Những người đi thú không đông hơn quân lính của chín nước. Việc mưu lo xa, phép hành quân, dụng binh không bằng các kẻ sĩ ngày xưa.

Thế nhưng thế cục thay đổi, công nghiệp ngược nhau. Nếu thử so sánh các nước Sơn Đông với Trần Thiệp về mặt rộng lớn, quyền lực thì thực là một trời một vực. Nhưng Tần từ một miếng đất nhỏ bé mà nắm được quyền vạn cỗ xe, đè áp tám châu, bắt những nước cùng ngang hàng phải thần phục mình, đã hơn một trăm năm rồi, sau mới tóm cả sáu cõi để làm nhà, lấy Hào Sơn, Hàm Cốc quan để làm cung. Một người xướng xuất phản đối mà bảy miếu đổ, thân chết vì tay người, bị thiên hạ cười. Tại sao? Đó là vì không lo làm điều nhân nghĩa, và cái thế đánh được nước cùng giữ nước khác nhau vậy.

Phần 11

Lưu Hầu Thế Gia

Tổ tiên Lưu Hầu Trương Lương là người nước Hàn. Người ông là Khai Địa làm tướng quốc của Hàn Chiêu hầu, Tuyên Huệ vương. Tương Ai vương; cha là Bình làm tướng quốc của Ly vương, Điều Huệ vương. Năm thứ ba đời Điều Huệ vương, Bình chết (năm 250 trước công nguyên). Lương còn ít tuổi chưa từng làm quan nước Hàn. Khi nước Hàn bị phá tan, Lương có ba trăm người tôi tớ trong nhà. Em Lương chết, Lương không lo chôn cất, đem tất cả gia tài tìm thích khách giết vua Tần để báo thù cho nước Hàn, bởi vì cha và ông làm tướng quốc năm đời vua Hàn. Lương thường học lễ ở đất Hoàng Dương, đi về đông yết kiến Thương Hải quân tìm được một lực sĩ làm một cái chùy sắt nặng một trăm hai mươi cân. Tần Thủy Hoàng đi chơi ở miền đông, Lương và người thích khách rình đánh Tần Thủy Hoàng ở bãi cát Bắc Lăng, đánh nhằm phải xe tỳ tỳ, Tần Thủy Hoàng nổi giận sai lùng khắp thiên hạ tìm người thích khách rất gấp, cốt lòng cho được Trương Lương. Lương bèn đổi tên họ, trốn tránh ở Hạ Bì. Một hôm dạo chơi ở trên cầu Hạ Bì, Lương thấy một cụ già, mặc áo cộc đến chỗ mình, để chiếc giày rơi tõm xuống cầu. Cụ quay lại bảo Lương:

- Thằng bé! Xuống lấy giày!

Lương ngạc nhiên muốn đánh. Nhưng thấy ông cụ già cả nên cố nhịn, xuống lấy giày lên.

Ông cụ nói:

- Xỏ giày cho ta!

Lương đã trót lấy giày, nên cũng luôn tiện quỳ xuống xỏ giày cho ông cụ. Cụ già đút chân vào giày, cười rồi bỏ đi. Lương hết sức kinh ngạc, đưa mắt nhìn theo. Ông cụ đi khỏi một dặm, lại quay lại nói:

- Thằng bé dạy được đấy. Năm ngày sau, sáng tinh mơ, mày sẽ gặp ta ở đây!

Lương lấy làm lạ, quỳ xuống nói:

- Dạ.

Năm hôm sau, sáng tinh mơ, Lương đến thì cụ già đã ở đó từ trước. Cụ giận, nói:

- Đã hẹn với người già cả, lại đến sau là có gì?

Cụ ra đi, nói:

- Năm ngày nữa, sẽ gặp ở đây cho sớm.

Năm ngày sau, vào lúc gà gáy, Lương đến nơi hẹn. Thì cụ già đã đến trước. Cụ lại giận, nói:

- Tại sao lại đến sau?

Cụ ra đi, nói:

- Năm ngày sau, đến cho sớm.

Năm ngày sau, chưa đến nửa đêm, Lương đã đi. Một lát sau, cụ già cũng đến.

Cụ già mừng nói:

- thế mới phải chứ!

Cụ đưa ra một quyển sách nói:

- Đọc quyển sách này thì làm được thầy bậc vương giả. Mười năm sau, sẽ ứng nghiệm. Mười ba năm sau, con đến gặp ta. Hòn đá màu vàng dưới chân núi Cốc Thành ở phía bắc sông Tế là ta đó.

Cụ già liền đi, không nói gì và Lương không gặp lại nữa. Sáng hôm sau, Lương xem quyển sách thì đó là quyển "Thái Công binh pháp". Lương vì vậy rất quý quyển này, thường đem ra học tập nghiền ngẫm. Lương ở Hạ Bì làm người nghĩa hiệp. Hạng Bá giết người được Lương che chở.

2. Mười năm sau (năm 209 trước công nguyên), bọn Trần Thiệp khởi nghĩa. Lương cũng tụ họp hơn trăm trai tráng. Cảnh Câu ở đất Lưu tự lập làm Giả vương nước Sở. Lương muốn đi theo. Giữa đường Lương gặp Bái Công. Bái công đem mấy nghìn người cướp được đất ở phía tây Hạ Bì.

Lương bèn theo Bái Công. Bái Công cho Lương làm tướng coi về việc ngựa của quân. Lương mấy lần đem binh pháp của Thái Công ra trình bày với Bái Công, Bái Công khen thưởng dùng sách lược ấy. Lương nói cho người khác nghe thì họ đều không hiểu. Lương nói:

- Bái Công là người nhà trời chẳng!

Vì vậy, Lương theo Bái Công, không yết kiến Cảnh Câu nữa.

Bái Công đến đất Tiệt, yết kiến Hạng Lương, Hạng Lương lập Sở Hoài vương. Lương bèn nói với Hạng Lương:

- Ngài đã lập con cháu vua Sở: trong các công tử nước Hàn, Hành Dương Quân tên là Thành là người hiền, có thể lập làm vương để tăng thêm vậy cánh.

Hạng Lương sai Trương Lương tìm Hàn Thành, lập làm vua Hàn, cho Lương làm tư đồ nước Hàn, cho Hàn vương cầm hơn nghìn quân đi về hướng tây lấy đất Hàn. Quân Hàn lấy được mấy thành nhưng quân Tần cướp lại ngay. Quân Hàn đi lại đánh quanh quẩn ở miền Dĩnh Xuyên. Khi Bái Công đi từ miền nam Lạc Dương ra khỏi núi Hoàn Viên, Lương dẫn quân theo Bái Công, lấy được hơn mười thành của Hàn, đánh phá quân của Dương Hùng. Bái Công bèn sai Hàn vương Thành ở lại giữ huyện Dương Định, còn mình cùng Trương Lương đi về hướng nam, đánh lấy được đất Uyển, rồi quay sang hướng tây vào Vũ Quan. Bái Công muốn đem hai vạn quân đánh quân Tần ở gần đất Nghiên. Lương nói:

- Quân Tần vẫn còn mạnh, chưa có thể coi thường. Thần nghe nói tướng Tần là con nhà hàng thịt. Là con nhà buôn thì dễ lấy lợi mà lời cuốn họ, xin Bái Công hãy tạm thời ở lại giữ thành, sai người đi trước dự bị lương thực cho năm vạn người ăn, lại cấm thêm cờ xí ở trên núi để làm nghi binh, sai Lịch Tự Cơ mang của quý đút lót cho tướng Tần.

Quả nhiên tướng Tần làm phản, muốn liên kết với Bái Công cùng đem binh về hướng tây đánh úp Hàm Dương. Bái Công nghe theo, Lương nói:

- Đây chỉ có viên tướng của nó là muốn làm phản thôi, sợ bọn quân lính không nghe theo. Nếu họ không nghe theo thì nguy, chỉ bằng ta nhân lúc nó trễ nải mà đánh nó.

Bái Công liền đem quân đánh quân Tần, phá tan quân Tần. Bèn đi về hướng Bắc đến Lam Điền.

Đánh trận thứ hai, quân Tần thua to. Bái Công bèn đến Hàm Dương, vua Tần là Tử Anh ra hàng.

Bái Công vào cung nhà Tần, thấy nhà cửa, màn trướng, chó ngựa, vật quý, đàn bà con gái đến hàng ngàn, ý muốn ở lại đây. Phàn Khoái can Bái Công nên ra ngoài. Bái Công không nghe. Lương nói:

- Tần làm điều vô đạo cho nên Bái Công mới đến được đây. Đã cốt vì thiên hạ giết bọn giặc tàn ác, thì ta nên ăn ở theo lối mộc mạc, để tỏ cái nền nếp của mình. Nay ngài vừa mới vào nước Tần mà đã ham thích cái vui thú của nó thì khác gì người ta đã nói: "Nói giáo cho giặc" vậy. Và chẳng "lời nói ngay nghe chướng tai nhưng có lợi cho việc làm, thuốc đắng, uống khó chịu nhưng chữa bệnh được", xin Bái Công nghe theo lời Phàn Khoái!

Bái Công bèn đem quân về Bá Thượng.

Hạng Vũ về đến hồng Môn, muốn đánh Bái Công. Hạng Bá đang đem ruồi ngựa vào trong quân doanh của Bái Công hội kiến riêng với Trương Lương muốn rủ Lương cùng đi với mình. Lương nói:

- Tôi vì Hàn vương mà tiến Bái Công, nay có việc gấp bỏ trốn đi thì bất nghĩa.

Lương bèn đem tất cả những lời của Hạng Bá nói lại với Bái Công. Bái Công hoảng sợ nói:

- Làm sao bây giờ?

Lương hỏi:

- Bái Công có muốn chống lại Hạng Vũ không?

Bái Công nói:

- Cái thằng khốn nạn kia khuyên ta giữ lấy Hàm Cốc quan không cho quân của chư hầu vào, thì có thể làm vương trên tất cả đất Tần cho nên ta nghe theo!

Lương hỏi:

- Bái Công tự lượng sức xem có thể đánh lui được Hạng Vũ không?

Bái Công yên lặng một lát rồi nói:

- Cố nhiên là không được. Làm sao bây giờ?

Lương bèn cố mời Hạng Bá vào. Hạng Bá yết kiến Bái Công. Bái Công mời Bá uống rượu chúc thọ kết làm thông gia, nhờ Hạng Bá nói lại đầu đuôi rằng Bái Công không dám phản lại Hạng Vũ. Bái Công sợ dĩ giữ lấy cửa ải là để phòng bọn đạo tặc khác. Sau rồi Bái Công gặp Hạng Vũ mới được giải thoát, việc ấy đã nói trong truyện Hạng Vũ.

Tháng giêng, năm thứ nhất nhà Hán (năm 206 trước công nguyên), Bái Công làm Hán vương, cai trị đất Ba, đất Thục. Hán vương cho Lương hai nghìn lạng vàng, hai học châu báu. Lương đem hiến tất cả cho Hạng Bá. Hán vương cũng nhân đó sai Lương đem nhiều của quý cho Hạng Bá nhờ Hạng Bá xin đất Hán Trung cho mình, Hạng Vương ưng thuận, vì vậy Bái Công được đất Hán Trung. Hán vương vào đất Ba, đất Thục, Lương tiến đến đất Bao Trung, Hán vương sai Lương về nước Hán.

Lương nhân đó nói với Hán vương:

- Sao vương không đốt quách các đường sạn đạo đã đi qua, để nói với thiên hạ rằng mình không có ý muốn quay lại, làm Hạng Vương yên lòng!

Hán vương bèn sai Trương Lương quay lại. Hán vương đi qua đốt tất cả đường sạn đạo.

Lương đến nước Hàn. Vì Hán vương Thành đã cho Lương theo Hán, nên Hạng vương không cho Thành về nước Hán, bắt Thành theo mình sang đông. Lương nói với Hạng vương:

- Hán vương đã đốt đường sạn đạo, tức là không muốn quay lại nữa.

Lương bèn lấy thư của Tề vương là Điền Vinh làm phản đưa cho Hạng vương. Vì vậy Hạng vương không lo đến Hán vương đang ở phía tây; trái lại, đem binh về phương bắc đánh Tề. Sau đó Hạng vương không chịu cho Hán vương về, giáng xuống làm hầu, rồi giết ở Bành Thành. Lương bỏ trốn, lên theo về với Hán vương. Hán vương cũng đã lấy được Tam Tần, cho Lương làm Thành Tín hầu, đi về phía đông đánh Sở.

Quân Hán tới Bành Thành, bị đánh bại quay về. Hán vương đến Hạ Ấp xuống ngựa, ngồi xồm trên yên ngựa mà hỏi Trương Lương:

- Ta muốn bỏ tất cả đất đai từ Hàm Cốc quan sang phía đông. Bây giờ giao cho ai thì có thể cùng ta lo việc lớn?

Lương nói:

- Cửu Giang vương Kinh Bồ là viên mãnh tướng của Sở, có hiềm khích với Hạng Vương. Bành Việt theo Tề vương là Điền Vinh làm phản ở đất Lương, hai người này nên dùng ngay. Trong số các tướng của Hán vương chỉ có một mình Hàn Tín là có thể giao được việc lớn, chống giữ được một mặt. Nếu muốn bỏ đất đai cứ giao cho ba người ấy thì có thể phá được nước Sở.

Hán vương bèn sai Tỳ Hà nói với Cửu Giang vương Kinh Bồ, lại sai sứ giả kết liên với Bành Việt. Đến khi Ngụy vương là Báo làm phản, Hán vương sai Hàn Tín đem binh đánh Báo, nhờ vậy lấy được các nước Yên, Đại, Tề, Triệu. Cuối cùng phá được nước Sở là do sức của ba người này.

Trương Lương hay ốm, chưa từng làm tướng một mình, thường làm kẻ bày mưu kế và luôn luôn đi theo Hán vương.

Năm thứ ba nhà Hán (năm 204 trước công nguyên), Hạng Vũ vây Hán vương ở Huỳnh Dương rất gấp. Hán vương lo lắng, cùng Lịch Tự Cơ bàn cách làm yếu lực lượng của Sở. Tự Cơ nói:

- Ngày xưa, vua Thang đánh Kiệt, phong con cháu Kiệt ở đất Kỷ. Vua Vũ vương đánh Trụ phong con cháu Trụ ở đất Tống. Nay nhà Tần bỏ điều đức nghĩa, lần đánh các nước chư hầu, tiêu diệt con cháu sáu nước, khiến cho họ không có tác đất cắm dùi. Nếu bệ hạ quả thực lập lại được con cháu sáu nước, họ nhận được ân rồi thì vuotôi, trăm họ tất cả đều mang ơn đức không ai không nô nức hâm mộ đạo nghĩa của bệ hạ, tình nguyện làm thần thiếp. Nếu đã thi hành đức nghĩa, thì bệ hạ quay mặt về hướng nam xưng bá, nước Sở nhất định phải khép áo đến chầu.

Hán vương nói:

- Phải! Mau mau khắc ấn! Tiên sinh nhân tiện đi mang theo luôn.

Tự Cơ chưa đi, Trương Lương ở ngoài vào yết kiến. Hán vương đang ăn, nói:

- Tử Phòng lại đây! Có người khách bàn giúp ta cách làm giảm quyền lực nước Sở.

Hán vương đem lời Lịch Sinh kể lại đầu đuôi, và hỏi:

- Tử Phòng thấy thế nào?

Trương Lương nói:

- Ai bày cho bệ hạ kế này? Công việc của bệ hạ thế là hỏng rồi.

Hán vương nói:

- Tại sao thế?

Lương nói:

- Thần xin mượn nắm đũa trước mâm mà trừ tính cho đại vương nghe. Xưa, vua Thang đánh Kiệt nhưng phong con cháu Kiệt ở đất Kỷ là biết chắc mình có thể nắm được cái chết của Kiệt. Nay bệ hạ có thể nắm được tính mạng của Hạng Tịch không?

- Chưa nắm được.

Lương nói:

- Đó là điều thứ nhất chứng tỏ không thể làm thế. Vũ vương đánh Trụ, phong con cháu nhà Thương ở Tống, là chắc lấy được đầu Trụ, nay bệ hạ có thể lấy được đầu Hạng Tịch không?

Hán vương nói:

- Chưa thể được.

Lương nói:

- Đó là điều thứ hai chúng tỏ không thể làm như thế. Vũ vương vào đất Ân nêu tỏ quê hương của Thương Du, tha tù cho Cơ Tử, đắp mộ cho Tỷ Can. Nay bệ hạ có thể đắp được mộ cho thánh nhân, nêu tỏ quê hương của bậc hiền nhân, cúi đầu trước cửa người trí giả không?

Hán vương nói:

- Chưa làm được.

Lương nói:

- Đó là điều thứ ba chúng tỏ không thể làm thế. Vũ vương phát thóc ở kho Cự Kiều, tung tiền ở nhà Lộc Đài cấp cho dân nghèo. Nay bệ hạ có thể lấy của kho ra phân phát cho người nghèo không?

Hán vương nói:

- Chưa làm được.

Lương nói:

- Đó là điều thứ tư chúng tỏ không thể làm thế. Sau khi đánh nhà Ân xong, Vũ vương đổi xe trận làm xe thường, đặt ngược giáo mác, lấy da hổ bọc bên ngoài, để báo cho thiên hạ rằng không dùng binh nữa. Nay bệ hạ có thể xếp việc vũ để lo việc văn, không dụng binh nữa không?

Hán vương nói:

- Chưa làm được.

Lương nói:

- Đó là điều thứ năm chúng tỏ không thể làm thế. Vũ vương cho ngựa nghỉ ở phía nam núi Họa Sơn để chúng tỏ rằng không dùng ngựa chiến nữa. Nay bệ hạ có thể cho chiến mã nghỉ ngơi không dùng nó nữa không?

Hán vương nói:

- Chưa làm được như vậy.

Lương nói:

- Đó là điều thứ sáu chúng tỏ không thể làm như thế. Vua Vũ vương thả trâu ở phía bắc cánh đồng Đào Lâm để chúng tỏ rằng không dùng nó vào việc chuyên chở nữa. Nay bệ hạ có thể thả trâu nghỉ ngơi không dùng nó vào việc chuyên chở nữa không?

Hán vương nói:

- Chưa có thể làm được.

Lương nói:

- Đó là điều thứ bảy chúng tỏ không thể làm thế. Những kẻ du sĩ trong thiên hạ bỏ thân thích, xa lìa mồ mả cha ông, rời những người quen thuộc đi theo bệ hạ chỉ là ngày đêm mong được một thuốc, một tấc đất đai. Nay bệ hạ lại khôi phục sáu nước, lập lại con cháu Hàn, Ngụy, Yên, Triệu, Tề, Sở thì những kẻ du sĩ trong thiên hạ đều trở về thờ vua của họ, theo thân thích của họ, quay về với những người quen thuộc của họ, với mồ mả ông cha của họ, vậy bệ hạ còn nhờ ai mà lấy được thiên hạ nữa? Đó là điều thứ tám chúng tỏ không thể làm thế. Và chẳng, nếu nước Sở mà mạnh nhất thì sáu nước được lập nên sẽ lại chịu khuất mà theo Sở. Như vậy bệ hạ làm sao mà bắt họ thần phục mình được? Nếu bệ hạ dùng mưu của người khách thì sự nghiệp của bệ hạ hỏng mất.

Hán vương liền dừng, nhả cơm ra mà mắng:

- Cái thằng hủ nho! Suýt nữa mày làm hỏng cả việc của ông!

Liền sai tiêu hủy ngay các ấn.

Năm thứ tư nhà Hán (năm 203 trước công nguyên), Hàn Tín phá quân nước Tề muốn tự lập làm Tề vương. Hán vương giận, Trương Lương bàn với Hán vương, Hán vương sai Lương trao ấn Tề vương cho Tín. Việc này chép trong truyện Hoài Âm hầu. Mùa thu năm ấy, Hán vương đuổi theo Sở đến miền nam Dương Hạ, đánh không lợi, phải đóng lại giữ Cổ Lăng. Chư hầu hẹn nhưng không đến, Lương bàn với Hán vương, Hán vương dùng mưu kế của Lương, chư hầu đều đến, việc này chép trong truyện Hạng Tịch.

T háng giêng, năm thứ bảy nhà Hán (năm 200 trước công nguyên), Hán vương phong cho các công thần, Lương chưa hề có công về chiến trận. Cao Đế nói:

- Bàn mưu ở trong màn trướng, quyết định sự thắng lợi ở ngoài ngàn dặm, đó là công của Tử

Phòng! Cho tự chọn lấy ba vạn hộ ở đất Tề.

Lương nói:

- Xưa kia thần khởi nghĩa ở Hà Bì, tới đất Lưu thì gặp bệ hạ. Đó là trời đem thần giao cho bệ hạ! Bệ hạ dùng mưu kế của thần may mà có lúc trúng, thần xin được phong ở Lưu là đủ rồi, không dám nhận ba vạn hộ.

Cao Đế bèn phong Trương Lương làm Lưu Hầu, cùng được phong với bọn Tiêu Hà. Năm thứ sáu, vua đã phong hơn hai mươi người đại công thần, còn những người khác thì ngày đêm tranh công nhau không quyết định được, cho nên chưa làm việc phong tước. Vua ở cung Nam thành Lạc Dương, từ con đường trên gác nhìn các tướng, thấy họ cùng nhau ngồi trên bãi cát nói chuyện với nhau. Vua nói:

- Họ nói gì thế?

Lưu Hầu nói:

- Bệ hạ không biết sao? Đó là họ bàn việc làm phản đấy thôi!

Vua nói:

- Thiên hạ đã gần được yên rồi! Vì có gì họ lại làm phản?

Lương nói:

- Bệ hạ vốn từ áo vải xuất thân, nhờ bọn họ mà lấy được thiên hạ. Nay bệ hạ làm thiên tử, mà người được phong lại là những người bạn cũ hoặc người thân yêu như là Tiêu Hà, Tào Tham, còn những người bị giết lại là những người sinh bình bệ hạ thù oán. Nay quân lại tính công trạng cho rằng lấy tất cả thiên hạ cũng không đủ để phong cho khắp cả mọi người, bọn này sợ bệ hạ không thể phong cho tất cả, lại ngờ rằng mình sẽ bị giết vì những lỗi lầm ngày trước, cho nên họp nhau mưu làm phản đấy thôi.

Vua lo lắng hỏi:

- Bây giờ làm thế nào?

- Trong số những người ngày thường bệ hạ vẫn ghét mà cá quan đều biết thì ai là bị ghét hơn cả?

Nhà vua nói:

- Ung Xỉ với ta là chỗ quen biết cũ, thường làm ta khốn khổ, nhục nhã. Ta muốn giết hắn nhưng vì hắn lập được nhiều công cho nên không nỡ.

Lương nói:

- Nay mau mau phong cho Ung Xỉ trước, để tỏ cho các quan biết. Các quan thấy Ung Xỉ được phong thì người nào cũng yên tâm.

Vua bèn đặt tiệc rượu, phong Ung Xỉ làm Thập phương hầu và giục gấp thừa tướng, ngự sử phải lo việc định công lao, phong đất đai. Tiệc rượu tan, các quan đều mừng rỡ nói:

- Ung Xỉ mà còn được phong hầu, thì bọn ta chẳng phải lo nữa.

Lưu Kinh nói với Cao Đế:

- Nên đóng đô ở Quan Trung.

Vua đang phân vân. Các quan đại thần đều là người Sơn Đông, phần nhiều khuyên nhà vua đóng đô ở Lạc Dương, nói:

- Lạc Dương phía đông có Thành Cao, phía tây có Hào Sơn, Dấn Trì, sau lưng là Hoàng Hà, quay mặt sang các sông Y, sông Lạc. Có thể tin cậy vào sự hiểm trở của nó.

Lưu hầu nói:

- Tuy Lạc Dương có những hiểm trở ấy, nhưng đất hẹp không quá vài trăm dặm, ruộng đất xấu lại phải đương đầu với kẻ địch cả bốn mặt, đó không phải là nước dụng vũ. Trái lại, Quan Trung bên trái có Hào Sơn, Hàm Cốc quan; bên phải có đá Lũng, đất Thục, đồng ruộng phì nhiêu ngàn dặm; phía nam có cửa cái của đất Ba, đất Thục; phía bắc có cái lợi đồng cỏ đất Hồ, cả ba mặt đều có thiên nhiên hiểm trở phòng giữ, chỉ dùng một mặt đông để không chế chư hầu. Khi chư hầu yên ổn, thì sông Hoàng Hà, Vị thủy có thể dùng để chuyên chở của cải thiên hạ đem về cấp cho Kinh đô. Nếu chư hầu có biến, thì cứ thuận dòng sông đi xuống, có thể tiện việc chuyên chở. Đó mới là thành vàng ngàn dặm, một kho báu trời cho vậy. Lời của Lưu Kinh là phải đấy.

Cao Đế liền chuẩn bị xe ngựa ngay hôm ấy sang hướng tây đóng đô ở Quan Trung. Lưu Hầu theo vua vào Quan Trung. Lưu Hầu vốn hay ốm, thường học pháp "đạo dẫn" không ăn cơm, đóng cửa không ra ngoài hơn một năm.

3. Vua muốn bỏ thái tử, lập con của Thích phu nhân là Triệu vương Như Ý lên làm thái tử, các quan đại thần phần nhiều đều can ngăn, nhưng không thấy vua quyết định hẳn. Lữ Hậu sợ, không biết làm thế nào. Có người nói với Lữ Hậu:

- Lữ Hậu khéo bày mưu kế, vua tin dùng ông ta!

Lữ Hậu bèn sai Kiến Thành hầu là Lữ Trạch ép Lữ Hậu:

- Ngài thường làm mưu thần cho hoàng thượng, nay hoàng thượng muốn đổi thái tử, ngài nằm khênh diềm nhiên thế sao được?

Lữ Hậu nói:

- Xưa kia hoàng thượng thường ở trong cảnh nguy khốn cấp bách, nhờ đó mà có dùng mưu kế của tôi. Nay thiên hạ đã yên ổn rồi, hoàng thượng vì có yêu thương, muốn thay đổi thái tử, đó là việc ở trong gia đình, cốt nhục, tuy có hơn trăm người như tôi cũng không ăn thua.

Lữ Trạch cố nài:

- Thì ngài bày kế hộ tôi.

- Việc này khó lòng lấy miệng lưỡi mà can ngăn. Thế nhưng trong thiên hạ có bốn người, hoàng thượng không sao mời nổi. Bốn người này đã già, họ đều cho rằng nhà vua khinh người, nên bỏ trốn vào ở ẩn trong núi, giữ nghĩa không làm tôi nhà Hán, nhưng hoàng thượng rất tôn trọng bốn người này. Nay nếu ông không tiếc vàng, ngọc, lụa là; bảo thái tử viết thư, dùng lời lẽ nhã nhặn, sắp xe êm, sai người biện sĩ cố mời, thì họ sẽ đến. Họ đến cho họ làm khách, thường cho vào triều để cho hoàng thượng trông thấy thì thế nào hoàng thượng cũng thấy làm lạ và hỏi. Khi hoàng thượng hỏi, biết bốn người kia là người hiền, thì chính là một cách giúp đỡ đó!

Lữ Hậu liền sai Lữ Trạch cho người mang thư của thái tử, dùng lời lẽ khiêm nhường, lấy lễ lạt hậu, để đón bốn người kia. Bốn người đều làm khách ở nhà Kiến Thành hầu.

Năm thứ mười một nhà Hán (năm 196 trước công nguyên), Kinh Bô làm phản. Vua ốm muốn sai thái tử cầm quân đi đánh. Bốn người kia bàn nhau:

- Chúng ta đến đây là cốt để bảo hộ địa vị của thái tử. Thái tử cầm quân thì việc nguy mất!

Bèn nói với Kiến Thành hầu:

- Nếu thái tử cầm quân, có công thì địa vị cũng không thêm được hơn nữa, nhưng nếu không có công quay về thì sẽ vì đó mà mang vạ. Và chẳng, các tướng cùng đi với thái tử, đều là những mãnh tướng thường cùng hoàng thượng bình định thiên hạ cả. Nay cho thái tử điều khiển họ, thì chẳng khác gì sai dê điều khiển sói, chẳng ai chịu ra sức, nhất định sẽ không có kết quả. Tôi nghe nói "Mẹ được yêu thì con được bế", nay Thích phu nhân ngày đêm châu chực, Triệu vương Như Ý thường được bế ở trước mặt, hoàng thượng nói "Thế nào cũng không để đưa con hư ở trên đũa con yêu", như thế thì rõ ràng định thay thế thái tử. Tại sao ông không nói với Lữ Thần mau mau tìm cơ hội khác mà can vua rằng: "Kinh Bô là một mãnh tướng trong thiên hạ, giỏi về việc dùng binh. Nay các tướng đều là hạng ngang vai vế với hoàng thượng, thế mà lại sai thái tử điều khiển bọn họ thì khác nào dê điều khiển sói, chẳng ai chịu ra sức. Và lại, nếu Kinh Bô nghe điều đó, thì hẳn sẽ giống trống kéo quân sang hướng tây mất! Hoàng thượng tuy bệnh, cũng xin gượng trở lên xe, để nằm mà điều khiển. Như vậy các tướng sẽ không ai không dám hết sức. Hoàng thượng tuy khổ, nhưng xin vì vợ con mà gắng gượng.

Lữ Trạch ngay đêm ấy vào yết kiến Lữ Hậu. Lữ Hậu nhân lúc rảnh khóc lóc với nhà vua theo như ý bốn người nói. Vua nói:

- Ông thấy có sai thẳng bé cũng chẳng làm nên gì, thôi ông phải làm lấy thôi!

Vua liền thân hành cầm quân đi về hướng đông, các quan ở lại đều tiễn đến Bái Thượng. Lữ Hậu ốm cũng gắng gượng dậy đi đến Khúc Bưu, ra mắt nhà vua và nói:

- Đáng lý thần phải theo, nhưng thần ốm nặng. Quân Sở hung tợn, xin bệ hạ chớ có giao chiến với chúng.

Nhân lại nói với nhà vua:

- Nên cho thái tử làm tướng quân coi quân ở Quan Trung.

Vua nói:

- Tử Phòng tuy ốm, hãy cố gắng nằm mà giúp thái tử.

Bấy giờ Thúc Tôn Thông làm thái phó, Lữ Hậu làm thiếu phó.

Năm thứ mười hai nhà Hán (năm 195 trước công nguyên), sau khi đánh phá quân Kinh Bô về, vua

càng ốm nặng, muốn thay thái tử. Lưu Hân can, vua không nghe, mượn cớ ốm xin nghỉ việc. Thúc Tôn Thông dẫn chuyện xưa nay, cố chết bảo toàn ngôi cho thái tử, vua giả vờ nhận lời, nhưng vẫn muốn thay thái tử. Đến khi ăn tiệc, rót rượu thái tử đứng chào. Bốn người theo thái tử tuổi ngoài tám mươi, mày râu bạc phơ, áo mũ rất đẹp. Vua lấy làm lạ hỏi:

- Họ làm gì thế?

Bốn người tiến đến thưa, kể họ tên là Đông Viên Công, Giác Lý tiên sinh, Ý Lý tiên sinh, Hạ Thạch Công. Nhà vua hoảng kinh:

- Ta tìm các ông mấy năm nay, các ông trốn tránh ta. Nay tại sao các ông lại từ đâu đến chơi với con ta như vậy?

- Bệ hạ khinh rẻ kẻ sĩ hay mắng người, bọn thần nghĩa không chịu nhục, cho nên sợ mà trốn tránh. Nay trộm nghe thái tử là người nhân đức hiếu thảo, cung kính, yêu thương kẻ sĩ, trong thiên hạ không ai không muốn vươt cổ vì thái tử mà chết, vì vậy chúng tôi đến đây.

Vua nói:

- Phiền các ông giúp đỡ thái tử cho trót.

Bốn người chúc thọ xong, đứng dậy đi ra. Vua đưa mắt tiễn, cho gọi Thích phu nhân vào, chỉ bốn người kia bảo rằng:

- Ta muốn đổi nó, nhưng bốn người kia giúp nó. Long cánh nó đã thành, khó mà lay chuyển được. Lữ Hậu là chủ của người rồi đấy!

Thích phu nhân khóc, vua nói:

- Nàng hãy múa lối Sở, cho ta xem! Ta sẽ hát lối Sở cho nàng nghe.

Rồi hát:

Chim hồng học bay cao,

một cất cánh ngàn dặm.

Long cánh đã đầy đủ,

Bốn bề bay xa thẳm.

Bây giờ biết làm sao?

Tên đây tuy có đó,

Biết đặt ở nơi nào?

Hát mấy lần, Thích phu nhân nước mắt chảy. Vua đứng dậy, quay đi, bãi tiệc rượu. Cuối cùng vua không thay đổi thái tử, đó là nhờ công Lưu Hân mời bốn người kia.

Lưu Hân theo nhà vua đánh đất Đại, bày kế lạ ở miền Mã Ấp, và lập Tiêu Hà làm tướng quốc,

Lương thung dung bàn việc thiên hạ với vua rất nhiều, nhưng không liên quan đến việc mất còn của thiên hạ, cho nên không chép.

Khi bấy giờ Lưu Hân nói:

- Gia đình tôi đời đời làm tướng quốc nước Hàn. Đến khi Hàn mất, tôi chẳng tiếc số tiền vạn lạng vàng, đối phó với nước Tần mạnh, để báo thù cho nước Hàn, làm cho thiên hạ đều rung động. Nay tôi lấy ba tác lược mà làm thầy bậc đế vương, được phong vạn hộ, ở ngôi chư hầu, kẻ áo vải được thế là tốt bậc, đối với Lương thế là đủ rồi. Vậy xin bỏ việc nhân gian, chỉ muốn đi giao du với Xích Tùng Tử mà thôi.

Bèn học cách nhịn cơm, học lối đạo dẫn cho nhẹ mình. Gặp lúc Cao Đế băng hà, Lưu Hân cảm ơn đức của Lưu Hân ép ông ta phải ăn, nói:

- Người ta sinh ra trong đời như bóng bạch câu đi qua cửa sổ; cần gì phải làm khổ mình như thế?

Lưu Hân bắt đắc dĩ phải gượng nghe mà ăn.

4. Tám năm sau, Lương chết, tên thụy là Văn Thành hầu. Con là Bất Nghi thay cha làm hầu. Lúc đầu Tử Phòng gặp ông già ở Hạ Bì trao cho quyển "Thái Công binh pháp". Mười ba năm sau, Tử Phòng theo Cao đế qua phía bắc sông Tế quả nhiên thấy viên đá màu vàng ở dưới chân núi Cốc Thành, bèn lấy về mà thờ. Khi Lưu Hân chết, người ta chôn luôn viên đá vàng. Mỗi khi tảo mộ và lễ lại cúng viên đá vàng. Bất Nghi lập tước Lưu Hân, năm thứ năm đời Hiếu Văn Đế (năm 175 trước công nguyên) phạm tội bất kính, nước bị tước bỏ.

5. Thái sử công nói:

Các học giả phần nhiều nói rằng không có quỷ thần. Nhưng lại nói rằng có tinh quái, đến như cụ già cho sách mà Lưu Hàu gặp thì cũng thực lạ. Cao Tổ nhiều lần bị nguy khốn, thường nhờ ở công sức của Lưu Hàu, có thể nói không có trời sao! Nhà vua nói: Bày mưu kế ở trong màn trướng, quyết định sự thắng lợi ở ngoài ngàn dặm, ta không bằng Tử Phòng.

Tôi cho ông ta phải là người khôi ngô, lạ lùng lắm! Đến khi nhìn tranh, thấy ông ta mặt mũi như một người con gái đẹp! Khổng Tử nói: "Xét người bằng nét mặt thì sẽ lầm Tử Vũ". Lưu hàu cũng thế.

Phần 12

Trần Thừa Tướng Thế Gia

Trần thừa tướng tên là Bình, người làng Hội Dũ, huyện Dương Vũ. Lúc nhỏ, Bình nhà nghèo ham đọc sách, có ba mươi mẫu ruộng, chỉ có một mình với anh là Bá. Bá thường cày ruộng, cho Bình tha hồ đi học ở xa. Bình người cao lớn đẹp trai. Có người nói với Bình:

- Anh nhà nghèo ăn gì mà béo thế?

Người chị dâu ghét Bình không lo làm ăn, nói:

- Ăn cám thôi. Có ông chú như vậy chẳng bằng không có còn hơn.

Bá nghe vậy đuổi và bỏ vợ.

Bình lớn, muốn lấy vợ nhưng các nhà giàu chẳng ai chịu gả con cho, còn lấy người nghèo thì Bình lại cho là xấu hổ. Mãi về sau, Trương Phụ, một người nhà giàu có ở Hội Dũ, có người cháu gái, gả chồng năm lần nhưng chồng chết ngay, không ai dám lấy. Bình muốn lấy cô ta. Ở trong ấp có lễ tang, Bình nghèo, đến sớm về muộn, để giúp việc. Riêng Trương Phụ thấy Bình ở nơi đám tang, có ý kính trọng Bình. Bình cũng vì thế nên về muộn, Phụ theo Bình về đến nhà: nhà Bình ở một xóm nhỏ hẻo lánh ở gần thành, lấy chiếu làm cửa, nhưng ở ngoài cửa có nhiều dấu xe của những bậc trưởng giả. Trương Phụ về bảo con là Trọng:

- Ta muốn gả cháu gái cho Trần Bình!

Trương Trọng nói:

- Bình nghèo không lo làm ăn, người trong huyện ai cũng cười nhẽ điều anh ta làm, tại sao cha lại gả cháu gái cho anh ta?

Phụ nói:

- Có ai đẹp trai như Trần Bình mà nghèo mãi không? Rồi Phụ gả cháu gái cho Bình. Vì Bình nghèo, nên Phụ cho mượn tiền và lụa để làm đám cưới, cho rượu thịt để đưa vợ về nhà. Phụ dặn cháu:

- Chớ thấy nó nghèo mà không phụng sự cẩn thận! Phải thờ anh là Bá như thờ cha, thờ chị dâu như thờ mẹ.

Sau khi lấy vợ là con gái họ Trương, việc tiêu dùng của Bình cũng khá hơn, việc giao du mỗi ngày một rộng.

Trong làng có lễ tế thần xã, Bình làm người chia thịt, chia rất cân. Các bô lão nói:

- Bé con họ Trần làm anh chia thịt giỏi đấy.

Bình nói:

- Chà chà ! Nếu cho Bình này làm tể tướng cả thiên hạ, thì cũng làm giỏi như chia thịt vậy.

2. Trần Thiệp khởi nghĩa rồi làm vương ở đất Trần, sai Chu Thị bình định đất Ngụy, lập Ngụy Cữu làm Ngụy Vương, đánh nhau với quân TẦN ở Lâm Tế. Trần Bình trước đây đã từ biệt người anh là Bá, cùng đám thanh niên đến theo Ngụy vương nhưng Ngụy vương không nghe lại có người gièm pha, nên Bình bỏ trốn. Mãi về sau, Hạng vương cướp đất đến Hoàng Hà, Bình theo Hạng vương, cùng Hạng vương vào đánh phá nhà Tần được phong tước khanh. Hạng vũ về đông làm vua ở Bành Tân. Hán vương quay lại bình định được Tam Tần, rồi đem quân về hướng đông. Ân vương phản lại nước Sở. Hạng Vũ bèn cho Bình làm Tín Vũ Quân đem những người khách của Ngụy vương Cữu ở Sở đi đánh Ân vương, rồi quay về Hạng vương sai Hạng Hãn phong Bình là đô úy, cho hai ngàn lạng vàng. Không được bao lâu, Hán vương đánh bắt được Ân vương, Hạng vương giận, muốn tra xét các tướng tá quan lại đi đánh Ân vương ngày trước. Trần Bình sợ bị giết, bèn niêm phong vàng và ẩn lại, sai sứ đưa về cho Hạng vương, một mình cải trang chống kiếm chạy trốn. Bình đi qua Hoàng Hà. Người chèo thuyền thấy Bình người đẹp lại đi một mình, ngỡ là một viên tướng bỏ trốn, chắc trong người thế nào cũng có vàng ngọc, châu báu, nên trở mắt nhìn, muốn giết Bình, Bình sợ cởi áo ở trần, chèo thuyền giúp. Người chèo thuyền thấy y không có gì nên thôi. Bèn bèn đến Tu Vũ đầu hàng Hán, nhờ Ngụy Vô Tri cho được yết kiến Hán vương, Hán vương mời vào.

Lúc bấy giờ Vọng Thạch quân tên là Phấn làm hầu cận cho Hán vương tiếp danh thiếp của Bình, đưa Bình vào yết kiến. Bọn Bình bảy người đều vào. Hán vương cho ăn, nói:

- Thôi, cứ về nhà trọ.

Bình nói:

- Thần có việc nên mới đến đây, điều thần sẽ nói ra, không thể quá ngày hôm nay.

Hán vương bèn nói chuyện với Bình và lấy làm thích. Hán vương nói:

- Ở nước Sở người làm chức quan gì?

Bình nói:

- Làm đô úy.

Trong ngày hôm đó Hán vương cho Bình làm đô úy, được ngồi cùng xe với vua, cai quản các tướng. Các tướng nhao nhao lên, nói:

- Đại vương vừa mới được một thằng lính đào ngũ của nước Sở không biết nó hay dở thế nào, mà đã cùng ngồi ngay một xe với nó, lại cho nó cai quản bọn chúng ta là bậc đàn anh nó.

Hán vương nghe vậy lại càng thân cận với Bình. Và cùng Bình đi về đông đánh Hạng vương. Đến Bành Thành Hán vương bị Sở đánh bại, dẫn quân về, thu thập binh sĩ tan tác đến Huỳnh Dương cho Bình làm á tướng ở dưới quyền Hán vương Tín, đóng quân ở Quảng Vũ. Bọn Giăng Hâu Quán Anh gièm pha Trần Bình, nói:

- Bình tuy đẹp trai nhưng cũng như hạt ngọc trên mũ thôi, bên trong chưa chắc đã có gì. Thần nghe nói Bình lúc ở nhà thông dâm với chị dâu, thờ nước Ngụy không được người ta dung nạp, nên bỏ trốn sang Sở; theo Sở cũng không hợp, nên lại trốn sang Hán. Nay đại vương lại cho y làm quan cao, sai cai quản các tướng. Thần nghe Bình lấy vàng các tướng, ai đưa nhiều vàng thì được địa vị tốt, ai đưa ít thì phải địa vị xấu. Bình là hạng bầy tôi lật lọng, làm loạn, xin đại vương xét.

Hán vương nghi ngờ Bình, gọi Ngụy Vô Tri đến trách. Vô Tri nói:

- Điều thần nói là nói về tài năng, điều bệ hạ hỏi là hỏi về đức hạnh. Nay nếu có người đức hạnh như Vĩ Sinh, Hiếu Kỷ nhưng không dùng được việc gì trong việc quyết định thắng phụ, thì bệ hạ có hơi sức nào dùng đến làm gì? Sở, Hán đang chống nhau, thần tiến kẻ sĩ có mưu lạ, chỉ nên xem mưu kế của ông ta thực lợi cho quốc gia hay không mà thôi. Còn về việc thông dâm với chị dâu và lấy vàng thì hơi đâu mà ngờ vực!

Hán vương gọi Bình đến trách:

- Tiên sinh thờ nước Ngụy không hợp bèn qua thờ nước Sở, rồi lại bỏ Sở mà đi, nay lại cùng giao du với ta; người tín nghĩa lại hay thay lòng đổi dạ thế sao?

Bình nói:

- Thần thờ Ngụy vương, Ngụy vương không thể dùng mưu của thần, cho nên thần bỏ đi thờ Hạng Vương. Hạng vương không biết tin người, những người ông ta yêu dùng nếu không phải là họ Hạng, thì là anh em bên vợ, tuy có kẻ sĩ kỳ tài cũng không thể dùng được, cho nên thần bỏ Sở. Thần nghe Hán vương biết dùng người, cho nên về thao đại vương. Thần mình trần đến đây, nếu không lấy vàng thì không có gì dùng, nếu như mưu kế của thần có cái gì có thể dùng được, thì xin đại vương dùng; nếu không dùng được thì số vàng vẫn còn ở đây cả, thần xin gói lại nộp vào của công, xin được từ chức mà về.

Hán vương bèn xin lỗi, thưởng cho nhiều của, phong làm hộ quân trung úy cai quản tất cả các tướng, các tướng không dám nói năng gì nữa.

Về sau Sở đánh gấp, cắt đứt đường ống, vây quân Hán vương ở thành Huỳnh Dương. Quân Sở vây mãi, Hán vương lo sợ, xin cắt đất từ Huỳnh Dương về phía tây để giảng hòa. Hạng vương không nghe, Hán vương nói với Trần Bình:

- Thiên hạ rối loạn, khi nào thời định?

Trần Bình đáp:

- Hạng vương là người cung kính, yêu người, những kẻ sĩ thanh liêm, khí tiết, ưa lẽ, thường theo ông ta. Nhưng về việc luận bàn công lao, phong tước, cấp đất, thì ông ta tiếc không muốn cho, nên kẻ sĩ cũng vì vậy mà không theo. Nay đại vương khinh người, ít để ý đến lễ, những kẻ sĩ thanh liêm, khí tiết không đến, nhưng đại vương có thể rộng rãi đối với người ta về mặt phong tước và cấp đất; cho nên những kẻ sĩ, vô sỉ, ham lợi, phần nhiều theo Hán. Nếu như bỏ hai điều sở đoản, lấy hai điều sở trường của nhau thì bình định thiên hạ không khó gì. Vì đại vương tự thị, khinh người nên không thể thu được những kẻ sĩ thanh liêm, khí tiết, nhưng có thể gây rối loạn ở nước Sở. Kia Hạng vương chẳng qua chỉ có mấy người tôi ngay thẳng là bọn Á Phụ, Chung Ly Muội, Long Thư, Chu Ân mà thôi. Nếu đại vương có thể tung ra mấy vạn cân vàng, làm kẻ phản gián, ly gián vua tôi họ, để cho Hạng vương nghi ngờ, Hạng vương vốn là người đa nghi, hay tin lời gièm pha thì bên trong thế nào

họ cũng sẽ giết nhau. Hán nhân đó đem quân đánh, thì chắc chắn phá được Sở.

Hán vương cho là phải, bèn đem ra bốn vạn cân vàng cho Trần Bình, mặc tùy ý tiêu dùng, không hỏi đến việc phân phát thế nào.

Sau khi Trần Bình đã xuất nhiều tiền, tung phản gián vào quân Sở, phao tin rằng bọn Chung Ly Muội làm tướng của Hạng Vương, tuy lập được nhiều công, nhưng rốt cục vẫn không được cất đất, phong vương, cho nên họ muốn hợp làm một với quân Hán để tiêu diệt họ Hạng mà chia đất đai nước Sở. Quả nhiên Hạng Vũ không tin bọn Chung Ly Muội, Hạng vương vốn đa nghi, sai sứ đến Hán, Hán vương sai làm cỗ thái lao đưa lên. Thấy sứ giả của Sở, Hán vương liền giả vờ kinh ngạc nói:

- Ta tưởng glà sứ giả của Á Phụ, hóa ra sứ giả của Hạng vương!

Bèn sai đem cất đi, sai lấy cơm rau đưa cho sứ giả nước Sở về báo lại với Hạng vương tất cả. Quả nhiên Hạng vương rất ngờ vực Á Phụ. Á Phụ muốn đánh gấp để hạ thành Huỳnh Dương, Hạng vương không tin, không chịu nghe theo. Á Phụ nghe tin Hạng vương ngờ vực mình, liền nổi giận nói:

- Việc thiên hạ đã xong xuôi cả rồi đấy, quân vương hãy tự làm lấy! Xin cho tôi mang nắm xương tàn trở về.

Á Phụ trở về, chưa đến Bành Thành, ung phất ở lưng mà chết. Đang đêm Trần Bình bèn cho hai nghìn người con gái ra cửa đông thành Huỳnh Dương, quân Sở đánh vào đấy. Trần Bình bèn cùng Hán vương chạy ra cửa thành phía tây. Rồi vào Quan Trung tập hợp binh sĩ bị tan trước đây, kéo về hướng đông.

Năm sau, Hoài Âm hầu phá được nước Tề, tự lập làm Tề vương, sai sứ giả tâu với Hán vương. Hán vương cả giận mắg. Trần Bình giẫm vào gót chân của Hán vương, Hán vương tỉnh ngộ, nên hậu đãi sứ giả nước Tề, sai Trương Tử Phòng lập Tín làm Tề vương. Hán vương lấy làng Hộ Dũ phong cho Bình, dùng những mưu kế kỳ lạ của Bình. Cuối cùng diệt được nước Sở. Bình thường làm chức hộ quân truân úy đi theo Hán vương bình định Yên vương là Tang Đồ.

Năm thứ sáu nhà Hán (năm 201 trước công nguyên), có người dâng thư nói Sở vương Hàn Tín làm phản. Cao Đế hỏi. Các tướng nói:

- Hãy mau mau đem quân chôn sống thằng nhãi ấy đi thôi!

Cao Đế im lặng. Hỏi Trần Bình, Bình cố ý từ tạ nói:

- Các tướng nói thế nào?

Vua kể đầu đuôi. Trần Bình nói:

- Có ai biết con người dâng thư lên nói rằng Tín làm phản không?

- Chưa.

Trần Bình hỏi:

- Tín có biết điều đó không?

- Không biết.

Bình nói:

- Về mặt tình nhuệ thì quân của bệ hạ có hơn quân của Sở không?

- Không thể hơn.

Bình nói:

- Trong các tướng cầm quân của bệ hạ có ai có thể hơn Hàn Tín không?

- Không ai bằng.

Bình nói:

- Nay quân đã không tình nhuệ bằng quân Sở, tướng cũng không bằng, mà lại đem binh đánh thì tức là thúc giục nó phải đánh. Thần trộm nghĩ đó là nguy cho bệ hạ.

Nhà vua nói:

- Bây giờ làm thế nào?

Bình nói:

- thiên tử ngày xưa đi tuần thú họp chư hầu. Phương nam có đầm Vân Mộng. Bệ hạ hãy giả vờ đi chơi đến đầm Vân Mộng, họp chư hầu ở đất Trần. Đất Trần là giáp giới phía tây của đất Sở, Tín nghe thiên tử đi chơi họp họp thường, thì thế nào cũng cho là vô sự và ra khỏi bờ cõi dễ dàng tiếp. Bệ hạ nhân đó bắt lấy. Việc này chỉ cần đến sức của một lực sĩ mà thôi.

Cao Đế cho là phải, bèn sai sứ giả báo với chư hầu sẽ họp ở Trần "Ta sẽ đi chơi về phương nam đến đầm Vân Mộng". Ngay liền đó, vua cũng đi. Đến Trần, Sở vương Hàn Tín quả nhiên ra ngoài bờ cõi đón ở dọc đường. Cao Đế đã phòng bị sẵn võ sĩ. Thấy Hàn Tín đến, võ sĩ liền bắt trói ngay lại, chõ vào xe sau. Tín kêu lên:

- Thiên hạ đã bình định rồi! Ta bị nấu là đáng lắm.

Cao Đế quay lại bảo Hàn Tín:

- mày đừng có kêu! Mày làm phản đã rõ ràng rành ra đấy!

Võ sĩ trói hai tay Tín. Hán vương họp chư hầu ở Trần, bình định tất cả đất Sở. Khi quay về đến Lạc Dương, Hán vương tha cho Tín, cho Tín làm Hoài Âm hầu và chế phụ định phong tước cho các công thần.

Nhà vua bèn chẻ phù, phong cho Bình đời đời làm Hộ Dũ hầu. Bình từ chối nói:

- Đó không phải là công của thần.

Nhà vua nói:

- Ta dùng mưu kế của tiên sinh nên chiến thắng được quân didjch, thế không phải công tiên sinh là gì.

Bình nói:

- Nếu không có Ngụy Vô Tri thì thần làm sao được tiến cử?

Vua nói:

- Nhà ngươi có thể gọi là người không quên gốc vậy.

Vua bèn thưởng cho Ngụy Vô Tri rất hậu.

Năm sau, Bình làm hộ quân trung úy theo Hán vương đánh Hàn vương Tín làm phản ở đất Đại.

Đột nhiên đến Bành Thành bị quân Hung Nô vây, bảy ngày không được ăn. Cao đế bèn dùng kế lạ của Trần Bình, cho người đi sứ đến Yên Chi của Thiên Vu. Do đó được giải vây. Cao Đế được ra, kế này bí mật trong đời không ai biết.

Cao Đế đi về hướng nam qua Khúc Nghịch, vua lên thành nhìn thấy nhà cửa rất lớn, nói:

- Huyện này hùng tráng lắm sao! Ta đi khắp thiên hạ chỉ thấy có Lạc Dương và nơi này thôi.

Vua quay lại hỏi ngự sử:

- Số hộ khẩu Khúc Nghịch là bao nhiêu?

- Thời Tần có hơn ba vạn hộ, gần đây hay xảy ra việc chiến tranh, nhiều người trốn tránh, hiện nay chỉ có năm nghìn hộ.

Vua bèn ra lệnh cho ngự sử đổi Trần Bình làm Khúc Nghịch hầu, cấp cho tất cả các huyện, bỏ đất phong cũ là Hộ Dũ. Sau đó Bình thường làm Hộ quân trung úy theo vua đánh Trần Hy, Kinh Bồ, sáu lần bảy kế lạ tất cả, liền được phong thêm đất sáu lần tất cả. Những kế lạ của Trần Bình có lẽ rất bí mật, trong đời không ai nghe nói là những kế gì.

Sau khi đánh phá tan của Kinh Bồ về, Cao Đế bị thương, đi chậm rãi đến Trường An. Yên vương là Lữ Quán làm phản, vua sai tướng quốc Phàn Khoái đem binh đánh. Sau khi đi, có người gièm pha Phàn Khoái, Cao Đế nổi giận nói:

- Khoái thấy ta mắc bệnh lại mong cho ta chết!

Vua dùng mưu của Trần Bình, gọi Giáng Hầu Chu Bột nhận chiếu chỉ ở trên giường, nói:

- Trần Bình phải mau mau đi ngựa trạm đưa Chu Bột đến làm tướng thay Phàn Khoái; khi Bình vào trong quân doanh thì phải lập tức chém đầu Phàn Khoái.

Hai người nhận chiếu chỉ rồi ruổi ngựa trạm đi, chưa đến quân doanh giữa đường bàn với nhau:

- Phàn Khoái là người cũ của nhà vua, lập được nhiều công, lại lấy em gái Lữ Hậu là Lữ Tu, đã thân lại sang, vua giận dữ nên muốn chém, nhưng sợ sau sẽ hối hận. Ta chỉ nên bỏ tù rồi đưa đến cho nhà vua, tùy ý nhà vua tự giết lấy.

Bình chưa đến quân doanh, lập đàn, lấy cờ tiết gọi Phàn Khoái đến, Phàn Khoái vâng theo chiếu, Bình liền trở mặt đối đãi, bỏ vào xe tù chở trạm đưa về Trường An, sai Giáng Hầu Chu Bột cầm quân thay Khoái, và bình định những huyện làm phản ở đất Yên.

3. Bình đang đi, nghe tin Cao Đế chết. Bình sợ Lữ thái hậu và Lữ Tu giận, bèn phi ngựa trạm đi trước, Bình gặp sứ giả mang chiếu ra lệnh cho Bình và Quán Anh đóng binh ở Huỳnh Dương, Bình nhận chiếu chỉ, lập tức lại phi ngựa về cung khóc lóc rất thảm thiết, nhân tiện trình sự việc trước đám tang. Lữ thái hậu thương hại nói:

- Ông mệt nhọc, hãy nghỉ đã!

Bình sợ bị gièm, cố xin ở châu chực ở trong cung, thái hậu bèn cho Bình làm lang trung lệnh, nói:

- Ông hãy giúp đỡ, dạy dỗ Hiếu Huệ.

Vì vậy, về sau việc gièm pha của Lữ Tu không có kết quả. Phàn Khoái về, được tha và phục tước ấp.

Năm thứ sáu đời Hiếu Huệ (năm 189 trước công nguyên), tướng quốc Tào Tham chết, An Quốc hầu là Vương Lăng được phong làm hữu thừa tướng, Trần Bình làm tả thừa tướng. Vương Lăng vốn là người đất Bái. Lúc đầu, Lăng làm một người quyền hào trong huyện, khi còn hàn vi, Cao Tổ coi Lăng như anh. Lăng ít văn hoa, chuộgn khí phách, thích nói thẳng. Đến khi Cao Tổ nổi dậy ở Bái, vào đến Hàm Dương, Lăng cũng tự mình họp bè đảng mấy nghìn người ở Nam Dương không chịu theo Bái Công. Đến khi Hán vương quay về đánh Hạng Tịch, bấy giờ Lăng mới đem binh theo Hán, Hạng Vũ bắt mẹ của Lăng ở ở trong quân doanh, sứ giả của Lăng đến, Hạng Vũ sai đặt mẹ Lăng ngồi quay mặt về hướng đông, muốn để vờ Lăng. Khi mẹ của Lăng tiễn riêng sứ giả, bà khóc mà nói:

- Xin vì mẹ già này nói với Lăng hãy chăm chỉ thờ Hán vương, Hán vương là bậc trưởng giả, chớ vì già mà có hai lòng. Tôi xin lấy cái chết để tiễn sứ giả.

Rồi đâm kiếm mà chết. Hạng Vũ giận nấu mẹ Lăng. Lăng vẫn theo Hán vương bình định được thiên hạ. Vì Lăng chơi thân với Ung Xi, Ung Xi là kẻ thù của Cao Đế, và lại Lăng hồi trước không có chú ý theo Cao Đế, nên mãi về sau mới được phong là An Quốc hầu. An Quốc hầu làm hữu thừa tướng, được hai năm thì Hiếu Huệ đế chết, Cao hậu muốn lập họ Lữ làm vương, hỏi Vương Lăng, Vương Lăng nói:

- Không được.

Hỏi Trần Bình, Trần Bình nói:

- Được.

Lữ thái hậu giận Lăng, cho Lăng làm thái phó của vua nhưng thực ra thì không dùng Lăng. Lăng giận mượn cớ cáo bệnh xin từ chức, đóng cửa không vào triều, được bảy năm thì chết.

Sau khi Lăng không được làm thừa tướng. Lữ thái hậu bèn đổi Bình làm hữu thừa tướng, cho Tịch Dương hầu Thẩm Tự Cơ làm tả thừa tướng. Tả thừa tướng không việc, thường lo việc ở trong cung. Tự Cơ cũng là người đất Bái. Khi Hán vương bị hại ở Bành Thành thì Sở bắt thái thượng hoàng và Lữ Hậu làm con tin. Tự Cơ làm người xá nhân hầu hạ Lữ Hậu. Sau đó theo Hán vương đánh phá Hạng Tịch, làm chức hầu được Lữ thái hậu yêu. Đến khi làm thừa tướng ở trong cung, trăm quan muốn quyết định việc gì đều phải do ý. Vì trước kia Trần Bình đã bàn mưu với Cao Tổ bắt Phàn Khoái cho nên Lữ Tu nhiều lần gièm pha Trần Bình:

- Trần Bình làm thừa tướng không lo công việc, ngày uống rượu ngon, thích chơi gái.

Trần Bình nghe nói, lại càng làm quá hơn trước. Lữ thái hậu nghe vậy riêng lấy làm mừng, nói với Trần Bình trước mặt Lữ Tu:

- Tục ngữ có câu "Miệng đàn bà, con trẻ nói không dùng được". Chỉ cần ông với ta thôi, chớ sợ Lữ Tu gièm pha.

Lữ thái hậu lập bọn họ Lữ làm vương, Trần Bình giả vờ nghe theo. Đến khi Lữ Hậu chết, Bình và thái úy là Chu Bột cùng bàn mưu, cuối cùng giết tất cả bọn Lữ, lập Hiếu Văn hoàng đế. Đó vốn là mưu của Trần Bình. Thẩm Tự Cơ bị thái không được làm thừa tướng.

Hiếu Văn đế được lập, Bình thấy rằng thái úy Bột thân hành đem quân giết họ Lữ, lập được nhiều công nên muốn nhường địa vị tôn quý cho Bột, bèn cáo bệnh, Hiếu Văn đế mới lên ngôi, thấy Bình cáo ốm lấy làm lạ hỏi, Bình nói:

- Trong thời Cao Đế, công của Bột không bằng công của thần, nhưng đến khi giết bọn Lữ thì công của thần không bằng Bột. Xin nhường chức hữu thừa tướng cho Bột.

Vì vậy, Hiếu Văn đế bèn cho giáng hầu Chu Bột làm hữu thừa tướng ngôi thứ nhất, Bình dời chức làm tả thừa tướng, ngôi thứ nhì, cho Bình một nghìn cân vàng lại phong thêm ba ngàn hộ. Được ít lâu, Hiếu Văn hoàng đế sau khi đã quen việc nước, triều hội hỏi hữu thừa tướng:

- Trong thiên hạ, một năm xét xử ngục hình bao nhiêu người?

Bột tạ lỗi, nói:

- Thần không biết.

Nhà vua hỏi:

- Trong thiên hạ một năm tiền và thóc xuất nhập bao nhiêu?

Bột lại tạ lỗi, nói:

- Thần không biết!

Bột mồ hôi ra ướt đầm cả lưng vì thẹn không biết trả lời như thế nào. Vua bèn hỏi tả thừa tướng Bình.

Bình nói:

- Đã có người lo việc ấy.

Vua hỏi:

- Ai lo việc ấy?

Bình nói:

- Bệ hạ nếu hỏi về việc xử ngục hình, thì hỏi quan đình úy, nếu hỏi về tiền và thóc thì hỏi quan trị túc nội sử.

Vua hỏi:

- Nếu việc gì cũng có người lo, thì ông còn phải lo việc gì?

Bình tạ và nói:

- Muôn tâu bệ hạ! Bệ hạ không kể thần tài hèn sức mọn, cho thần lạm giữ chức thừa tướng. Chức vụ thừa tướng trên thì giúp thiên tử chỉnh lý âm dương, làm cho bốn mùa thuận; dưới thì nuôi vạn vật đều được thỏa thích; bên ngoài thì trấn áp, vỗ về tứ di, chư hầu, bên trong thì thân với trăm họ, làm cho các quan và đại phu ai cũng đảm nhiệm tốt chức vụ của mình.

Hiếu Văn để khen phải. Hữu thừa tướng rất thẹn, đi ra trách Trần Bình:

- Sao ông không bày trước cho tôi biết để trả lời!

Trần Bình cười:

- Ông ở địa vị của mình mà là không biết chức trách của mình sao? Nếu bệ hạ hỏi số người ăn trộm ăn cướp ở Tràng An thì ông định nói liệu sao?

Do đó Giáng hầu tự biết mình kém xa Trần Bình. Sau một thời gian Giáng hầu cáo bệnh xin miễn, chuyên để một mình Trần Bình làm thừa tướng.

Năm thứ hai đời Hiếu Văn đế (năm 178 trước công nguyên), thừa tướng Trần Bình mất, hiệu bệ là Hiến Hầu. Con là Mai tập tước làm Cung hầu, được hai năm thì mất. Con là Khôi tập tước làm Gián hầu được hai mươi ba năm thì mất, con Khôi là Hà tập tước làm hầu, được hai mươi ba năm, Hà phạm tội cướp vợ người ta bị chém vớt ở chợ. Tước bị xóa bỏ.

Xưa, Trần Bình nói:

- Ta nhiều âm mưu, đó là diệu Đạo gia cấm, hết đời ta là thôi, đời sau không thể hưng khởi được nữa. Đó là vì ta nhiều âm báo. Sau đó người chết là Trần Chương nhờ bên họ ngoại nhà vua là họ Vệ, muốn họ Trần được phong lại, nhưng cuối cùng cũng không được.

4. Thái sử công nói: Khi Trần thừa tướng còn nhỏ, vốn ham học thuật của Hoàng đế, Lão tử. Trong khi chia thịt ở trên thớt, ông ta cũng đã có chí khí lớn! Len lỏi giữa nơi Sở, Ngụy rối loạn, cuối cùng về với Cao đế. Thường đưa kế lạ, cứu nạn rồi ren, trừ được cái lo của nước nhà. Đến thời Lữ hậu là lúc biến cố nhiều nhưng Bình rốt cục vẫn tự thoát nạn, yên định được tôn miếu, khi chết được danh thơm, gọi là tướng hiền, há không phải trước sau toàn vẹn đó sao? Nếu không phải là bậc có mưu trí thì làm sao lại được vậy?

Phần 13

Tôn Tử, Ngô Khởi Liệt Truyện

1. Tôn Tử tên là Vũ, người nước Tề, đem sách binh pháp yết kiến vua Ngô là Hạp Lư. Hạp Lư nói:
- Ta đã đọc cả mười ba thiên của ông rồi, nay ông thử áp dụng binh pháp điều khiển quân đội một cách tiêu qui mô được không?

Tôn Tử đáp:

- Được ạ.

Hạp Lư nói:

- Đem đàn bà ra thí nghiệm có được không?

Tôn Tử đáp:

- Được ạ.

Vua bèn bằng lòng cho gái đẹp trong cung ra, tất cả một trăm tám mươi người. Tôn Tử chia ra làm hai đội lấy hai người quý phi vua nuông chiều làm đội trưởng, sai tất cả đều cầm giáo.

Tôn Tử ra lệnh nói:

- Các người có biết quả tim, tay phải, tay trái và lưng không?

Bọn con gái nói:

- Có.

Tôn Tử nói:

- Khi ta nói "đăng trước" thì các người nhìn vào quả tim, nói "bên trái" thì nhìn tay trái, nói "bên phải" thì nhìn tay phải, "đăng sau" thì nhìn đằng sau lưng.

Bọn đàn bà đều nói:

- Dạ.

Sau khi đã đưa ra kỷ luật, Tôn Tử bèn đặt phủ việt, ban lệnh ba lần, nhắc nhở năm lượt. Sau đó đánh trống ra lệnh nhìn về phía bên phải. Bọn con gái cười rộ. Tôn Tử nói:

- Kỷ luật không rõ ràng, nhắc nhở hiệu lệnh không kỷ cang, đó là tội của tướng.

Lại ra lệnh và nhắc lại ba lần năm lượt; rồi đánh trống ra lệnh nhìn về bên trái. Bọn con gái lại cười rộ. Tôn Tử nói:

- Kỷ luật không rõ ràng, nhắc nhở hiệu lệnh không kỷ lưỡng là tội của tướng; nay đã hiểu rõ kỷ luật rồi mà lại không theo kỷ luật là tội của đội trưởng.

Tôn Tử muốn chém hai người đội trưởng. Ngô vương đứng trên đài xem, thấy ông ta sắp chém hai người ái cơ, hoảng sợ, vội vàng sai sứ giả truyền lệnh nói:

- Quả nhân đã biết cách dùng binh của tướng quân rồi! Không có hai ái cơ ấy thì quả nhân ăn không ngon, xin đừng chém!

Tôn Tử nói:

- Thần đã vâng lệnh bệ hạ làm tướng, tướng đã ở trong quân thì có khi không theo lệnh vua.

Bèn sai chém hai người đội trưởng để thị uy, đem người kế tiếp làm đội trưởng. Sau đó lại đánh trống chỉ huy. Bọn con gái nhìn bên trái, nhìn bên phải, trước, sau, quí, đứng dậy đều nghiêm chỉnh đứng đắn, không ai dám ho he. Tôn Tử sai sứ giả báo với nhà vua:

- Binh đã chỉnh tề, bệ hạ có thể xuống xem. Bệ hạ có thể dùng nó thế nào cũng được, dù có sai nó nhảy vào lửa, nước cũng được.

Ngô vương nói:

- Tướng quân ra quán trọ mà nghỉ, quả nhân không muốn xuống xem.

Tôn Tử nói:

- Đại vương thích nói suông, mà không thể dùng trong việc thực.

Do đó Hạp Lư biết Tôn Tử có tài dùng binh và cho Tôn Tử làm tướng. Phía tây quân Ngô phá nước Sở mạnh, đi vào đất Sinh; phía bắc uy hiếp nước Tề, nước Tấn, nổi tiếng ở chư hầu, Tôn Tử có công ở đây.

2. Sau khi Tôn Vũ mất được hơn một trăm năm, có Tôn Tẫn.

Tẫn sinh ở giữa đất A và đất Quyển. Tẫn là con cháu của Tôn Tử. Tôn Tẫn xưa cùng Bàng Quyên học binh pháp. Sau đó, Bàng Quyên làm quan nước Ngụy, được làm tướng quân của Huệ Vương, nhưng vẫn tự cho rằng mình không tài giỏi bằng Tôn Tẫn, ngầm sai người mời Tôn Tẫn đến. Khi

Tần đến, BÀNG QUYÊN sợ Tần hơn mình, bèn mượn pháp luật mà trị tội chặt hai chân và chạm vào mặt để cho ông ta giấu mình không xuất đầu lộ diện. Sứ giả nước Tề qua đất Lương, Tôn Tần mang thân đã bị hình phạt lên gặp thuyết phục sứ giả. Sứ giả nước Tề cho là kỳ lạ mang trộm lên xe cùng về nước Tề. Tướng nước Tề là Điền Kỵ phục tài, đối đãi như là khách.

Kỵ nhiều lần đưa ngựa đánh cuộc nhiều tiền với các công tử nước Tề. Tôn Tần thấy chân ngựa không hơn nhau lắm, ngựa có ba thứ giỏi, vừa và kém. Do đó, Tôn Tần nói với Điền Kỵ:

- Ngài cứ đặt cọc thật nhiều tiền đi, tôi có thể làm cho ngài thắng.

Điền Kỵ tin theo đặt cọc với các công tử nghìn vàng. Đến khi ra trường đua, Tôn Tần nói:

- Nay ngài lấy con ngựa kém của ngài thi với con ngựa giỏi của họ, lấy con ngựa giỏi của ngài thi với con ngựa vừa của họ, lấy con ngựa vừa của ngài thi với con ngựa kém của họ.

Sau khi đã đua ngựa ba lần, Điền Kỵ thua một, mà thắng hai, cuối cùng được nghìn vàng. Vì vậy, Kỵ tiến Tôn Tần với uy vương. Uy vương hỏi về binh pháp, rồi tôn làm bậc thầy.

Sau đó Ngụy đánh Triệu, Triệu bị nguy cấp, cầu cứu với Tề. Tề Uy vương muốn phong Tôn Tần làm tướng. Tần từ tạ nói:

- Người đã bị hình phạt không thể làm tướng.

Vua bèn cho Điền Kỵ làm tướng. Tôn Tần làm quân sư chờ ở trong xe kín, ngồi bàn mưu kế. Điền Kỵ muốn đem quân đến Triệu, Tôn Tần nói:

- Muốn gỡ mối rối ren thì phải làm từ từ không được căng thẳng, muốn cứu những người đang đánh nhau thì không nên xông vào đánh giùm, tránh chỗ thực, đánh vào chỗ hư; hình thế chống nhau, ở ngoài binh khí nhẹ và quân lính tinh nhuệ kiệt sức, ở trong người già người yếu mỏi mệt. Chi bằng ngài cứ đem quân đi nhanh về Đại Lương, cắt đứt đường giao thông, đánh vào nơi trống của Ngụy, thì Ngụy nhất định phải bỏ Triệu để tự cứu lấy mình. Như thế là đánh một nơi mà giải vây cho nước Triệu lại đồng thời làm cho quân Ngụy kiệt quệ.

Điền Kỵ nghe theo, quả nhiên quân Ngụy rời bỏ Hàm Đan, đánh nhau với quân Tề ở Quế Lăng.

Điền Kỵ phá tan quân Lương.

Mười ba năm sau (năm 353 trước công nguyên), Ngụy và Triệu đánh Hàn, Hàn cáo cấp với Tề, Tề sai Điền Kỵ làm tướng xuất quân đi thẳng đến Đại Lương. Tướng Ngụy là Bàng Quyên nghe vậy rời bỏ Hàn quay về, bấy giờ quân Tề đã đi khỏi biên giới về phía tây. Tôn Tần nói với Điền Kỵ:

- Quân của Tam Tấn vốn hung và tợn khinh quân Tề, quân Tề mang tiếng khiếp nhược. Người thiên chiến thì nhân cái thế của mình mà lợi dụng. Theo binh pháp, nếu chạy đi tìm lợi một ngày trăm dặm thì viên thượng tướng sẽ què; nếu chạy theo lợi một ngày năm mươi dặm thì quân sĩ chỉ đến một nửa. Ngài hãy sai quân Tề vào đất Ngụy làm mười vạn cái bếp, ngày hôm sau làm năm vạn cái, lại ngày hôm sau nữa làm ba vạn cái.

Bàng Quyên đi được ba ngày cả mừng, nói:

- Ta vốn biết quân Tề nhát gan, mới vào đất ta ba ngày mà quân sĩ bỏ trốn đã quá nửa.

Bàng Quyên bèn rời bỏ bộ binh mang khinh binh, cùng lính tinh nhuệ một ngày đi gấp đôi đường để đuổi theo.

Tôn Tần trừ tính họ đi đến đêm thì tới Mã Lăng. Đường Mã Lăng hẹp, hai bên hiểm trở, có thể phục binh bèn sai chặt cây to bôi trắng và viết: "Bàng Quyên chết ở dưới cây này!". Lại sai một vạn quân Tề giỏi bắn tên nấp ở bên đường, hẹn: "Ban đêm thấy lửa đốt lên thì đều bắn ra".

Bàng Quyên quả nhiên đêm ấy đến dưới gốc cây bị lừa, thấy có chữ viết trên gỗ bôi trắng bèn sai xoi gỗ lấy lửa thấp đuốc. Đọc hàng chữ chưa xong thì một vạn nỏ của quân Tề đều bắn ra, quân Ngụy trốn chạy tán loạn. Bàng Quyên tự biết mình trí cung, binh bại, bèn tự đâm cổ chết, nói:

- Thế là ta làm cái thằng ấy nổi danh!

Quân Tề thừa thắng phá tan tất cả quân Ngụy, bắt Ngụy thái tử là Thân đem về. Do đó, Tôn Tần nổi danh ở thiên hạ, đời truyền binh pháp của ông ta.

3. Ngô Khởi là người nước Vệ, thích dùng binh. Khởi thường học với Tăng Tử, thờ vua Lỗ. Người Tề đánh nước Lỗ, nước Lỗ muốn dùng Ngô Khởi làm tướng nhưng vì Ngô Khởi lấy con gái Tề làm vợ nên người Lỗ ngờ vực. Ngô Khởi muốn lập danh, bèn giết vợ để tỏ rằng mình không liên hệ gì với Tề. Về sau nước Lỗ cho Ngô Khởi làm tướng, cầm quân đánh tan quân Tề. Có người nước Lỗ ghét Ngô Khởi nói:

- Khởi là người tính nghi kỵ và tàn nhẫn. Lúc còn nhỏ, nhà cửa ông ta có hàng ngàn lạng vàng, đi

du t huyết tìm công danh không được. Khởi bèn phá hết cửa nhà. Người hàng xóm chê cười, Ngô Khởi giết hơn ba mươi người chê cười mình, rồi đi ra ngoài thành về hướng đông, từ biệt mẹ cần vào cánh tay mà thề: "Khởi này không làm khanh, tướng thì nhất định không quay lại nước Vệ nữa". Khởi bèn đi học Tăng Tử. Được ít lâu, mẹ Khởi chết, Khởi cũng không về. Tăng Tử khinh bỉ và tuyệt giao với Khởi. Khởi bèn đến nước Lỗ, học binh pháp để thờ vua Lỗ, vua Lỗ nghi ngờ. Khởi giết vợ để làm tướng. Lỗ là nước nhỏ, lại mang danh chiến thắng, thì chư hầu sẽ mưu đánh Lỗ mất. Vả lại, nước Lỗ và nước Vệ là hai nước anh em, nay vua dùng Khởi, thì tức là bỏ nước Vệ.

Vua Lỗ nghi ngờ, từ tạ Ngô Khởi không tin dùng.

Ngô Khởi nghe tin Ngụy Văn Hầu hiềm, muốn theo. Văn Hầu hỏi Lý Khắc:

- Ngô Khởi là người như thế nào?

Lý Khắc đáp:

- Khởi tham lam và hiếu sắc, nhưng về mặt dùng binh thì Tư Mã Nương T hư cũng không thể hơn được.

Vì vậy Ngụy Văn hầu cho Khởi làm tướng, đánh Tần, lấy năm thành.

Khi Khởi làm tướng thì cùng ăn mặc như người lính bậc thấp nhất, lúc ngủ không trải chiếu, đi không ngồi xe, thân hành mang lương thực, cùng chia khó nhọc với quân sĩ. Có người lính mắc bệnh ung thư, Khởi hút mủ cho anh ta. Mẹ người lính nghe vậy khóc. Có người hỏi:

- Con bà là lính, thế mà tướng quân thân hành hút mủ cho, bà còn khóc gì nữa?

Bà mẹ nói:

- Không phải thế. Năm xưa Ngô công hút mủ cha nó; cha nó chiến đấu không được bao lâu rồi bị địch giết. Nay Ngô công lại hút mủ cho công tôi không biết lúc nào hay nơi nào nó sẽ chết. Vì vậy cho nên khóc.

Văn hầu cho Ngô Khởi giỏi dùng binh, thanh liêm công bình, được lòng quân sĩ, nên cho Khởi làm quan thú Tây Hà, để chống lại quân các nước Tần và Hàn.

Sau khi Ngụy Văn hầu mất, Khởi thờ con Văn hầu là Vũ hầu. Vũ hầu thả thuyền xuôi theo dòng sông Tây Hà, ở giữa dòng sông, quay nhìn nói với Ngô Khởi:

- Đẹp thay! Núi sông hiểm trở! Quả là cửa quý của nước Ngụy!

Khởi thưa:

- Giữ nước cốt ở đức chứ không ở chỗ đất đai hiểm yếu. Ngày xưa, Tam m iêu bên trái là hồ Động Đình, bên phải là hồ Bành Lãi, nhưng vì không trau giồi đức nghĩa, nên bị vua Vũ diệt. Đô thành vua Kiệt nhà Hạ, bên trái là Hoàng Hà, bên phải là Thái Sơn, Hoa Sơn, núi Y K huyết ở phía nam, núi Dương Trường ở phía bắc nhưng vì chính sự bất nhân, nên bị vua Thang diệt. Nước của vua Trụ nhà Ân, bên trái là núi Mạnh Môn, bên phải là núi Thái Hàng, núi Trường Sơn ở phía bắc, sông Đại Hà chạy dọc phía nam, nhưng vì chính sự không có đức cho nên bị Vũ vương diệt. Do đó mà xem, thì giữ nước ở đức chứ không ở chỗ hiểm. Nếu mà vua không lo tu đức, thì người trong thuyền đều là nước địch vậy.

Vũ hầu nói:

- Phải.

Liên phong Ngô Khởi làm Tây Hà thú, rất nổi tiếng.

Ngụy đặt tể tướng, cho Điền Văn làm tể tướng. Ngô Khởi không bằng lòng, bảo điền Văn:

- Tôi muốn so sánh công lao với ông có được không?

Điền văn nói:

- Được.

Ngô Khởi nói:

- Làm tướng ba quân khiến sĩ tốt vui lòng chết, nước địch không dám dòm ngó, ông có bằng Khởi không?

Điền Văn đáp:

- Tôi không bằng ông.

Ngô Khởi nói:

- Coi trăm quan, thân với vạn dân, làm cho kho tàng đầy đủ, ông có bằng Khởi không?

Điền Văn nói:

- Tôi không bằng ông.

Ngô Khởi nói:

- Giữ Tây Hà mà quân Tần không dám xâm phạm ở phía đông. Hàn, Ngụy theo, ông có bằng Khởi không?

Điền Văn nói:

- Tôi không bằng ông.

Ngô Khởi nói:

- Cả ba việc này ông đều thua tôi mà địa vị ông lại ở trên tôi là tại làm sao?

Điền Văn nói:

- Khi vua còn nhỏ, nước rối ren, các quan đại thần chưa thâm, trăm họ không tin, trong lúc ấy thì giao nước cho ông hay cho tôi?

Khởi im lặng hồi lâu rồi nói:

- Giao cho ông.

Điền Văn nói:

- Vì thế cho nên địa vị tôi ở trên ông đấy!

Ngô Khởi tự biết mình không bằng Điền Văn.

Sau khi Điền Văn chết, Công Thúc làm tể tướng, lấy Ngụy công chúa, muốn hại Ngô Khởi. Người đầy tớ của công chúa nói:

- Làm cho Ngô Khởi đi thi dễ thôi.

Công Thúc nói:

- Làm thế nào?

Người kia nói:

- Ngô Khởi là người khí tiết, liêm khiết lại thích danh. Ngài hãy nói với Vũ hầu trước: "Ngô Khởi là người hiền mà nước Ngụy nhỏ lại ở sát biên giới nước Tần mạnh, thần trộm cho rằng Khởi không có bụng muốn ở lại". Như thế, thế nào Vũ Hầu cũng hỏi "làm sao bây giờ". Ngài nhân thế nói với Vũ Hầu: "Hãy gả công chúa cho Khởi để xem thử, nếu bụng Khởi muốn ở lại thì Khởi sẽ nhận, nếu không thì ông ta nhất định sẽ từ chối. Do đó mà đoán được". Ngài nhân mời Ngô Khởi cùng về nhà, khiến công chúa giận mắng ngài, Ngô Khởi thấy công chúa khinh ngài thì thế nào cũng từ chối. Quả nhiên Ngô Khởi thấy công chúa khinh Ngụy tể tướng nên từ chối Ngụy Vũ Hầu. Ngụy Vũ Hầu nghi và không tin Khởi. Ngô Khởi sợ bị tội nên bỏ đi, liền sang Sở.

Vua Sở là Huệ Vương vốn nghe tiếng Ngô Khởi hiền, nên Khởi đến Sở liền được làm tể tướng. Khởi nêu rõ pháp luật, lệnh ra thì thi hành bỏ những chức quan không cần thiết, bỏ không chu cấp cho những người họ nhà vua đã xa đời để hậu đãi nuôi dưỡng những người chiến đấu, cốt làm cho quân mạnh, phá tan những bọn chỉ đi nói suông về việc "hợp tung" hay "liên hoành". Kết quả: phía nam bình định Bách Việt, phía bắc lấy đất Trần, đất Thái, cự tuyệt Tam Tấn, phía tây đánh Tần. Chư hầu lo Sở mạnh, những người quý tộc Sở ngày trước đều muốn hại Ngô Khởi. Đến khi Huệ Vương mất, các đại thần, tôn thất làm loạn đánh Ngô Khởi. Ngô Khởi chạy đến nấp bên thây vua. Những người nổi loạn bắn và đâm chết Ngô Khởi, nhưng cũng bắn phải thi thể Huệ vương. Sau khi Huệ vương được chôn cất, thái tử được lập bèn sai lệnh doãn giết tất cả những người bắn Ngô Khởi những lại trúng cả thi thể nhà vua. Hơn bảy mươi người vì mắc vào tội bắn Khởi mà bị giết cả họ.

4. Thái sử công nói: Thế tục khi khen tài năng quân sự đều nói đến mười ba thiên của Tôn Tử. Sách binh pháp của Ngô Khởi thế gian nhiều người có, nên không bàn, chỉ bàn những sự việc các ông ấy làm. Tục ngữ nói: "Người làm được chưa chắc đã nói được; người nói được chưa chắc đã làm được". Tôn Tần trù tính đối phó với Bàng Quyên thật rõ ràng. Thế nhưng vẫn không thể tự lo cứu mình khỏi bị hình phạt. Ngô Khởi bàn với Vũ Hầu rằng tình thế không quan trọng bằng đức nhưng khi thi hành ở Sở thì lại vì khắc bạc, ít ân đức mà bỏ thân mình. Thương thay!

Phần 14

Truyện Lão Tử

Lão Tử người làng Khúc Nhân, Hưng Lệ huyện Khô, nước Sở, họ Lý, tên Nhĩ, tên tự là Bá Dương, tên thụy là Đàm. Ông làm quan sử giữ nhà chứa sách của nhà C hu. Khổng Tử đến Chu, muốn hỏi Lão Tử về lễ, Lão Tử nói:

- Những người ông nói đều tan xương nát thịt cả rồi, chỉ còn lời nói của họ thôi. Vả lại, người quân tử gặp thời thì xe ngựa nghênh ngang; không gặp thời thì như cỏ bông xoay chuyển. Tôi nghe nói: "Người buôn giỏi thì biết giấu của báu, khiến người ta thấy dường như không có hàng, người quân tử có đức tốt thì diện mạo dường như ngu si. Ông nên bỏ cái khí kiêu ngạo cùng cái lòng ham muốn nhiều, cái vẻ hăm hờ cùng cái chí tham lam đi. Những cái ấy không có ích gì cho ông. Tôi chỉ bảo ông có thể thôi.

Khổng Tử đi ra, bảo học trò:

- Con chim, ta biết nó bay; con cá ta biết nó lội; con thú ta biết nó chạy. Đối với loài chạy thì ta có thể dùng lưới để săn; đối với loài lội thì ta có thể dùng câu để bắt; đối với loài bay thì ta có thể dùng tên để bắn; đến như con rồng cưỡi mây cưỡi gió trên trời, ta không sao biết được! Hôm nay gặp Lão Tử, ông ta có lẽ là con rồng chăng?

Lão Tử trau dồi đạo đức, học thuyết của ông cốt ở chỗ giấu mình, kín tiếng. Ông ở nhà Chu đã lâu, thấy nhà Chu suy bèn bỏ đi. Đến cửa quan, quan coi cửa quan là Doãn Hỷ nói:

- Ông sắp đi ẩn rồi, hãy gắng vì ta mà làm sách.

Rồi Lão Tử bèn làm sách, gồm hai thiên thượng, hạ nói về ý nghĩa của "đạo" và "đức" hơn năm nghìn chữ. Đoạn ra đi, không ai biết chết như thế nào.

Có người nói:

- Lão Lai Tử cũng là người nước Sở, làm mười lăm thiên sách nói về công dụng của Đạo gia. Ông ta cũng sống một thời với Khổng Tử. Đạo khái Lão Tử sống hơn một trăm sáu mươi tuổi, có người nói ông hơn hai trăm tuổi, vì ông tu đạo để kéo dài tuổi thọ.

Sau khi Khổng Tử mất 129 năm, sử kí chép thái sử nhà Chu tên là Đàm yết kiến Tàn Hiến Công, có nói:

- Lúc trước Tàn hợp với C hu rồi lại tách, tách trăm năm rồi lại hợp, hợp bảy mươi năm rồi đấng bá vương sẽ xuất hiện.

Có người bảo đàm tức là Lão Tử, có người bảo là không phải. Đời không biết ai nói phải, ai nói không phải.

Lão Tử là người quân tử đi ở ẩn. Con của Lão Tử tên là Tông làm tướng nước Ngụy được phong ở đất Đoạn Can. Con của Tông là C hứ, con của Chú là Cu ng, chú của Cung là Hà, Hà làm quan thời Hán Văn đế, con của Hà là Giải làm thái phó của Giao Tây Vương tên là Ngang, nhân đây cư trú ở Tề. Người đời theo thuyết của Lão Tử thì bài bác Nho học, theo Nho học thì bài bác thuyết của Lão Tử. Phải chăng câu: "Đạo khác nhau không giúp cho nhau" là nghĩa như vậy? Lý Nhĩ chủ trương "vô vi" mà dân tự cảm hóa, "thanh tĩnh" mà dân tự quay về đường phải.

Phần 15

Truyện Trang Tử

Trang Tử người huyện Mông tên là Chu. Chu có lần làm lại ở thành Tất Viên thuộc huyện Mông, đồng thời với Lương Huệ vương và Tề Tuyên vương. Học thuyết của ông không có việc gì là không xét đến. Nhưng gốc là theo thuyết của Lão Tử. Ông làm sách có hơn mười vạn chữ, đại để đều theo lối ngụ ngôn. Ông làm những thiên "Ngư phủ", "Đạo chích", "Khư kíp", để chê cười khổng Tử và làm sáng học thuyết của Lão Tử. những thiên "Ồi Hỷ Tử", "Canh Tang tử" đều là lời bịa đặt, chẳng có việc thực, nhưng ông khéo ghét các đoạn sách, tách ra từng lời để nêu sự việc, xét rành mạch sự tình, nhằm công kích đạo Nho, đạo Mặc, dầu có những bậc túc học cũng không tài nào biện bạch được. Lời của ông mông lung phóng túng để thỏa ý mình, cho nên từ bậc vương công, đại nhân trở xuống đều không ai biết quý trọng tài năng của ông. Uy vương nước Sở nghe Trang Chu là người hiền, sai sứ mang hậu lễ đón ông để cho ông làm tể tướng. Trang Chu cười bảo sứ giả nước Sở:

- Nghìn vàng là lợi to, khanh tướng là ngôi quý đấy. nhưng ông không con bò lúc tế giao hay sao? Nó được ăn mấy năm, được mặc đồ vóc thêu để đưa vào nhà thái miếu. Lúc bấy giờ, muốn làm con lợi nhỏ có được không? Ông đi ngay cho, đừng làm bẩn đến ta. TA chỉ chơi đùa trong ngòi vũng để tự vui, không để cho kẻ có nước trời buộc, trọn đời không ra làm quan để thỏa chí ta.

Phần 16

Thân Bất Hại, Hàn Phi Liệt Truyện

1. Thân Bất Hại là người đất Kinh, vốn là một viên quan nhỏ ở nước Trịnh, nhờ có học thuật nên thành thân cận với Chiêu Hầu. Chiêu hầu dùng Thân Bất Hại làm tướng quốc. Thân Bất Hại bên trong lo sửa đổi chính sự, lễ giáo, bên ngoài lo đối phó với chư hầu. Suốt trong mười lăm năm, cho đến khi Thân Tử mất, nước được bình yên, binh mạnh, không nước nào xâm lấn nước hàn.

Học thuyết của Thân Tử gốc ở Hoàng Đế. Lão Tử nhưng lấy việc "hình danh" làm chủ. Thân Bất Hại có viết quyển sách gồm hai thiên gọi là *Thân Tử*.

2. Hàn Phi là công tử nước Hàn, thích cái học "hình danh", "pháp thuật". Gốc của học thuyết này là ở Hoàng Đế, Lão Tử. Phi là người nói ngọng, không thể biện luận nhưng giỏi về mặt viết sách. Hàn Phi và Lý Tư đều học với Tuân Khanh. Tư tự cho mình kém Phi. Phi thấy nước Hàn bị suy yếu, mấy lần viết thư dâng lên can vua Hàn, nhưng vua Hàn không dùng. Hàn Phi ghét những người trị nước không trau dồi làm cho pháp chế sáng rõ, mà muốn dùng cái thế của mình để chế ngự bầy tôi, không lo việc làm cho nước giàu, binh mạnh bằng cách tìm người xứng đáng, dùng người hiền, trái lại dùng những bọn tham nhũng, dâm loạn, sâu mọt, đặt chúng ở địa vị cao hơn những người có công lao và có thực tài. Phi cho rằng bọn nhà Nho dùng lời văn làm rối loạn luật pháp, bọn du hiệp dùng võ lực phạm đến điều nguy cấp thì lại dùng kẻ sĩ mang giáp trụ.

Như thế thành ra ngày nay người nhà vua nuôi lại không phải là những người nhà vua cần dùng, những người nhà vua cần dùng đều lại không phải những người nhà vua nuôi. Phi thương xót những người thanh liêm, chính trực, không được bọn tôi gian tà dung tha, nhìn những sự biến đổi tồn vong của các nước ngày xưa, viết "Cô phần" (sự phần nộ của con người cô độc), "Ngũ đồ" (năm thứ sâu mọt). "Nội ngoạn trừ thuyết" (sưu tập những lời bàn về việc trong và ngoài), "Thuyết lâm", "Thuyết nan" (cái khó trong việc du thuyết) tất cả hơn mười vạn chữ.

Hàn Phi biết cái khó trong việc du thuyết nên viết chương "Thuyết nan" rất đầy đủ. Cuối cùng thì Phi chết ở Tần, không thể thoát nạn.

3. "Thuyết nan" nói:

Cái khó trong việc du thuyết không phải là ở chỗ biết những điều cần phải đưa ra nói. Nó cũng không phải ở chỗ mình không biết biện luận. Cũng không phải ở chỗ trình bày không được rõ ràng ý nghĩ của mình. Cũng không phải ở chỗ không dám nói ngang nói dọc cho hết cái ý của mình. Phàm cái khó trong việc du thuyết chính là ở chỗ làm thế nào biết được cái tim của con người mình muốn thuyết phục để dùng cái thuyết của mình mà đối phó.

Nếu con người mình muốn du thuyết chỉ nghĩ đến cái danh cho cao, mà mình lại đem cái lợi lớn ra thuyết với họ, thì họ sẽ cho mình là bọn hèn hạ, và đối xử như bọn ty tiện. Thế là thế nào họ cũng vứt bỏ ta thật xa. Nếu con người mình muốn du thuyết chỉ nghĩ đến cái lợi cho lớn, mà mình lại đem cái danh cao ra thuyết với họ thì họ sẽ cho ta không chú ý gì đến thế sự, nói chuyện viển vông, và thế nào họ cũng không dùng. Nếu con người mình muốn du thuyết trong bụng nghĩ đến cái lợi cho lớn nhưng bên ngoài làm ra vẻ muốn cái danh cho cao mà ta đem chuyện danh cao ra thuyết thì bên ngoài họ làm ra vẻ dung nạp cái thân ta, nhưng thực ra thì bỏ rơi ta. Nhưng nếu ta đem chuyện lợi lớn ra nói với họ, thì trong bụng họ dùng lời nói của ta. Nhưng nếu ta đem chuyện lợi lớn ra nói với họ, thì trong bụng họ dùng lời nói của ta, nhưng bên ngoài họ sẽ vứt bỏ cái thân của ta.

Đó là những điều không biết không được.

Phàm việc làm mà thành là do chỗ bí mật; lời nói mà thất bại là do chỗ bị tiết lộ. Bản thân mình chưa chắc đã tiết lộ ra, nhưng chỉ cần nói đến cái mà người ta giấu thì đã nguy đến thân rồi. Nhà vua có điều sai mà người du thuyết lại dùng những lời sáng tỏ, dùng cái nghĩa lý hay để suy luận ra sai lầm của nhà vua thì nguy đến thân.

Nếu ta chưa được ân huệ nhà vua tưới đến mà lại đem hết những điều ta biết ra nói thì hoặc là cái thuyết của ta sẽ được dùng đem đến kết quả nhưng ta chẳng được ơn đức; hoặc là cái thuyết không được dùng xảy ra thất bại, thế là ta bị nghi ngờ ừ. Như thế thì nguy đến thân.

Phàm nhà vua được cái kế của ta, nhưng muốn xem đó là công lao của mình, mà người du thuyết lại muốn cùng biết, thế thì nguy đến thân. Nếu nhà vua rõ ràng muốn làm một việc gì và cho đó là công lao của mình mà kẻ du thuyết lại cùng biết điều đó thì nguy đến thân. Nếu mình cưỡng ép nhà

vua bắt làm những điều nhà vua quyết không làm, bắt bỏ những điều nhà vua quyết không bỏ, thì nguy đến thân.

Cho nên nói: Nếu ta đem những người tôn quý trong triều ra nói với nhà vua, thì nhà vua sẽ cho ta ly gián; nếu ta đem những người thấp hèn ra nói với nhà vua thì nhà vua sẽ cho ta muốn bán quyền. Ta bàn đến cái nhà vua thích, thì nhà vua sẽ cho là nịnh nọt. TA bàn đến cái nhà vua ghét, thì nhà vua sẽ cho ta thăm dò nhà vua.

Nếu ta nói tóm tắt, ít lời, thì nhà vua sẽ cho ta không có kiến thức gì và khinh ta. Nếu ta nói mênh mông, lời lẽ phù phiếm, thì nhà vua sẽ thấy là nhiều quá và chán. Nếu ta cứ trình bày sự việc theo ý muốn nhà vua, thì nhà vua sẽ bảo ta "nhút nhát không dám nói hết sự lý". Nếu ta suy nghĩ sự việc và nói rộng, thì nhà vua sẽ bảo ta "thô lỗ và ngạo mạn".

Tất cả những điều khó này trong việc du thuyết không thể không biết đến.

Phạm việc thuyết phục là cốt ở chỗ biết tô điểm cho cái mà nhà vua quý trọng, từ bỏ cái mà nhà vua ghét. Hễ nhà vua tự cho cái kế mình là sai, thì ta chớ nêu chỗ sai lầm mà bắt bẻ đến cùng. Nếu nhà vua tự cho mình đúng mãi ở chỗ quyết đoán một việc gì, thì ta chớ đưa ý của ta ra chống lại để làm cho nhà vua nổi giận. nếu nhà vua cho sức lực mình đủ để làm một việc gì thì cùng với một người khác, hay khen một người mà nhà vua cùng bàn mưu với họ, thì ta nên tô điểm cho họ và chớ nói gì có hại cho họ. Nếu nhà vua và người ấy thất bại, thì hãy cố gắng tô điểm làm như họ không sai lầm.

Kẻ đại trung không dùng lời lẽ làm phật ý nhà vua, lời can gián cũng không cốt để kích bài bác gì ai. Sau đó mới đem cái tài biện luận và cái khôn của mình ra. Như thế cho nên gần gũi với nhà vua, không bị nhà vua ngờ vực.

Biết hết cái đạo thờ vua là khó. Phải chờ đến khi nào quen biết đã lâu, đã được ân huệ nhiều, bày mưu kế sâu mà không bị nghi, cãi lại ý nhà vua mà không bị tội, lúc bấy giờ mới bày rõ điều lợi hại, để lập được công, nói thẳng điều phải điều trái để cho cái thân mình được sung sướng. Khi nào vua và tôi đối với nhau được như vậy lúc đó là lúc việc du thuyết thành công.

Y Doãn làm người nấu bếp. Bách Lý Hề làm người nô lệ đều do con đường hèn hạ mà gặp nhà vua. Cho nên họ đều thành đạt từ chỗ được nhà vua dùng. Hai người này đều là những bậc thánh nhân mà còn không thể không lấy thân mình ra làm tội tở, để bước vào đường đời một cách nhục nhã như vậy. Như thế đủ biết đó không phải là điều làm cho những bày tôi tài giỏi phải xấu hổ.

Nước Tống có người nhà giàu. Trời mưa, tường hư hỏng. Người con nói: "Nếu không xây tường thì sẽ bị kẻ trộm ăn trộm". Cha của người hàng xóm cũng khuyên như vậy.

Đêm ấy, quả nhiên trong nhà mất cửa. Nhà ấy khen người con là khôn mà nghi cha của người hàng xóm.

Ngày xưa Trịnh Vũ Công muốn đánh Hồ, bèn gả con gái cho người Hồ. Nhân đấy, nhà vua hỏi quần thần:

- Ta muốn dùng binh, nên đánh ai?

Quan Kỳ Tư nói:

- Nên đánh Hồ.

Nhà vua bèn giết Quan Kỳ Tư, nói:

- Hồ là nước anh em của ta, tại sao nhà ngươi lại nói nên đánh?

Vua nước Hồ nghe tin ấy, cho nước Trịnh là chỗ thân thiết với mình nên không đề phòng. Nước Trịnh đánh úp và lấy Hồ.

Hai điều nói trên chứng tỏ hai người đều biết đúng sự thực nhưng người rủi nhất thì bị giết, người bị thiệt hại ít nhất, cũng bị nghi. Như thế đủ biết cái khó không phải ở chỗ biết, cái khó là ở chỗ dùng cái biết của mình. Ngày xưa, Di Tử Hà được vua nước Vệ yêu, theo pháp luật của nước Vệ, ai tự tiện đi xe của nhà vua là bị tội chặt chân. Được ít lâu mẹ Di Tử Hà mắc bệnh. Có người nghe tin đang đêm đến báo với Di Tử Hà. Di Tử Hà trái lệnh, đi ra bằng xe ngựa của vua.

Nhà vua nghe tin cho là người hiền, nói:

- Thực là người có hiếu! Vì mẹ mà phạm tội bị chặt chân.

Di Tử Hà đi chơi với nhà vua trong vườn quả. Di Tử Hà ăn quả đào thấy ngon, không ăn hết, dâng nhà vua. nhà vua nói:

- Anh ta thật yêu ta! Quên cái miệng của mình mà nhớ đến ta. Đến khi Di Tử Hà nhan sắc kém, lòng

vua yêu bớt đi, lại phạm tội. Nhà vua nói:

- Nó đã có lần tự tiện đi xe ngựa của ta, lại có lần bắt ta ăn quả đào thừa của nó.

Cho nên việc làm của Di Tử không khác, nhưng lần trước được khen là hiền, lần sau lại phạm tội.

Đó là vì lòng yêu ghét hết sức thay đổi. Cho nên được nhà vua yêu thì cái khôn của mình càng làm cho mình được thân, bị nhà vua ghét thì cái tội của mình càng làm cho mình bị ruồng bỏ. Những kẻ sĩ đi du thuyết không thể không xét đến chỗ nhà vua yêu và ghét cái gì, rồi sau đó mới thuyết phục. Rồng là một vật có thể đùa bỡn, thậm chí có thể cười. Nhưng ở dưới cái cổ của nó có cái vảy ngược dài một thước. Ai động đến thì bị nó giết ngay. Các vị vua chúa cũng có cái vảy ngược, kẻ du thuyết không sờ phải cái vảy ngược của vua chúa thì ngỗ hầu mới là người giỏi.

4. Có người đem sách của Hàn Phi đến nước Tần. Vua Tần đọc "Cô phần", "Ngũ đồ", nói:

- Than ôi! Quả nhân mà được chơi bời với con người này thì có chết cũng không ăn năn.

Lý Tư nói:

- Đó là sách của Hàn Phi làm đấy!

Vua Tần bèn vội vàng đánh Hàn. Lúc đầu vua Hàn không dùng Phi, đến khi nguy cấp bèn sai Phi đi sứ sang Tần. Vua Tần mừng rỡ, nhưng chưa tin dùng. Lý Tư và Diêu Gải ganh ghét Hàn Phi, gièm Hàn Phi, nói:

- Hàn Phi là công tử nước Hàn. Nay nhà vua muốn thôn tính tất cả nước chư hầu, nhưng Phi thì rất cục cựa chỉ lo cho Hàn chứ không lo cho Tần, thường tình con người ta vẫn thế. Nay nhà vua không dùng, giữ lại đây lâu rồi cho về, thế là gây cho mình một mối lo. Không bằng lấy cớ làm trái pháp luật mà giết đi.

Vua Tần cho là phải, giao cho quan lại trị tội Phi. Lý Tư sai người đưa thuốc độc để cho Phi tự sát, Phi muốn bày tỏ trước mặt nhà vua nhưng không được nhà vua tiếp. Sau đó nhà vua hối tiếc sai người tha Phi thì Phi đã chết rồi.

5. Thân Tử, Hàn Tử đều làm sách, truyền đến đời sau những người học giả nhiều người có. Riêng tôi chỉ tiếc cho Hàn Phi viết "Thuyết nan" mà vẫn không thể thoát khỏi chết.

Thái sử công nói:

- Lão Tử chủ trương "đạo" thì "hư" không có nguồn gốc, biến hóa từ chỗ "vô vi" cho nên sách lời vi diệu, khó hiểu. Trang Tử nói rộng về "đạo" và "đức" nhưng điều chủ yếu trong học thuyết cũng quay về tự nhiên. Thân Tử chăm chú trình bày về cái "danh" và cái "thực". Hàn Tử đưa ra tiêu chuẩn để xét sự viện phân biệt điều phải điều trái. Học thuyết ông ta hết sức thâm khắc, ít dùng ân đức. Tất cả điều đó đều do học thuyết về "đạo" và "đức" mà ra. Chỉ có Lão Tử thực là sâu sắc và xa rộng vậy!

Phần 17

Tư Mã Nương Thư Liệt Truyện

1. Tư Mã Nương Thư là con cháu Điền Hoàn. Trong thời Tề Cảnh công, nước Tần đánh các đất A Chân; nước Yên xâm phạm đất hà Thượng. Quân Tề bị đánh bại. Cảnh Công lo lắng. Ánh Anh bèn tiến cử Điền Nương Thư, nói:

- Nương Thư tuy là đứa con vợ mọn của họ Điền nhưng người này về mặt văn thì có thể làm cho dân chúng theo mình; về mặt võ thì có thể làm cho quân địch sợ uy. Xin nhà vua thử dùng xem.

Cảnh Công cho mời Nương Thư, cùng bàn việc binh. Cảnh Công rất thích Nương Thư, cho làm tướng quân cầm binh chống lại quân Yên và quân Tấn. Nương Thư nói:

- Thân vốn là kẻ thấp hèn được nhà vua cất nhắc từ nơi làng xóm lên giữ địa vị ở trên các đại phu. Sĩ tốt chưa theo, trăm họ không tin; người không có tiếng tăm, uy quyền ít. Xin nhà vua cho một người tôi yêu của nhà vua, được cả nước quý trọng để làm giám quân như thế mới được.

Cảnh Công bèn nghe lời cho Trang Giả đến. Sau khi từ giả nhà vua, Nương Thư hẹn với Trang Giả:

- Sáng ngày mai vào lúc mặt trời đứng bóng thì họp ở cửa quân doanh.

2. Nương Thư ruổi ngựa đến quân doanh trước, sai đặt một cái đồng hồ nước và dựng dưới một cái cột gỗ để làm nêu nhìn bóng mặt trời, đợi Giả. Giả vốn là người kiêu ngạo xuất thân nơi quyền quý, cho rằng mình cầm đầu quân lại làm giám quân cho nên không vội vã. Thân thích bạn bè tiền đưa ông ta, giữ ông ta ở lại uống rượu. Mặt trời đã đứng bóng mà Giả vẫn chưa đến. Nương Thư bèn vật ngã cây gỗ làm nêu, đổ nước trong đồng hồ ra đoan vào duyệt hàng ngũ điều khiển quân đội, nêu cao kỷ luật. Sau khi ban bố kỷ luật xong, đến chiều Trang Giả mới đến. Nương Thư hỏi:

- Tại sao đến muộn?

Giả xin lỗi đáp:

- Thân thích bà con tiền đưa tôi, cho nên đến chậm.

Nương Thư nói:

- Làm tướng, một khi đã nhận mệnh lệnh là quên nhà, khi coi kỷ luật của quân ngũ thì quên cha mẹ, khi nghe tiếng trống đánh gấp thì quên thân mình. nay quân địch xâm nhập sâu, trong nước nhốn nháo, sĩ tốt phơi bày ở nơi biên giới, nhà vua nằm không ấm chiếu, ăn không biết ngon, tính mệnh trăm họ đều treo ở ông, tại sao lại nói chuyện tiền đưa nhau?

Bèn gọi người coi việc pháp luật trong quân ngũ, hỏi:

- Theo phép quân, hẹn mà đến muộn thì thế nào?

Người kia nói:

- Bị tội chém.

Trang Giả hoảng sợ, sai người ruổi ngựa báo với Cảnh Công, xin nhà vua cứu cho. Người kia ra đi, chưa về kịp thì Trang Giả đã bị chém để nêu gương cho ba quân. Tướng sĩ trong ba quân đều run sợ.

3. Mã về sau, Cảnh Công sai sứ giả cầm cờ tiết đến tha cho Giả. Sứ giả phi ngựa vào trong quân doanh. Nương Thư nói:

- Viên tướng đã ở trong quân ngũ thì có khi không nghe theo lệnh nhà vua.

Và hỏi người coi việc pháp luật trong quân ngũ:

- Ở trong quân doanh không được phi ngựa! Nay sứ giả phi ngựa thì thế nào?

- Đáng chém.

Sứ giả hoảng sợ. Nương Thư nói:

- Sứ giả nhà vua không thể giết.

Bèn chém cái cây gỗ ở bên trái thành xe và con ngựa đi bên trái trong số ba con ngựa để nêu gương cho ba quân. Nương Thư bảo sứ giả trở về báo, sau đó mới cho quân ra đi.

Quân sĩ dừng lại nghỉ, lấy nước nấu cơm, ăn uống. Nương Thư thân hành thăm hỏi sức khỏe, cho thuốc, vỗ về thăm hỏi họ, đem tất cả tiền lương của vị tướng quân chia cho sĩ tốt, cùng sĩ tốt nhận phần lương thực như nhau, hết sức giúp đỡ người yếu đuối mệt mỏi.

Sau ba ngày cầm quân ra trận, binh sĩ người nào ốm cũng xin đi, tranh nhau xông ra giao chiến.

Quân Tấn nghe vậy bãi binh về. Quân Yên nghe vậy vượt sông bỏ chạy và giải vây. Nương Thư

đuổi đánh lấy lại được tất cả đất đai ở biên giới cũ đã bị mất. Nhưong Thư đem quân về. Trước khi về kinh đô, Nhưong Thư cho binh sĩ về, bỏ những điều ràng buộc, ăn thề rồi mới vào thành. Cảnh Công cùng các quan đại phu ra ngoài thành đón tiếp, ủy lạo quân sĩ, làm lễ xong mới trở về nghỉ. Tề Cảnh Công bèn tôn Nhưong Thư làm đại tư mã.

Họ Điền ngày càng được tôn quý ở nước TỀ. Được ít lâu các đại phu Bào thị, bọn Cao và Quốc định hại Nhưong Thư, nói xấu Nhưong Thư với Cảnh Công. Cảnh Công bỏ Nhưong Thư. Thư phát bệnh mà chết. Bọn Điền Khuất, Điền Bảo oán bọn Cao và Quốc. Về sau Điền Thường giết Giản Công, giết tất cả họ của Cao và Quốc. Chắt của Điền Thường là Điền Hòa bèn tự lập làm Tề Uy vương, Uy vương dùng binh và ra uy điều theo phép tắc của Nhưong Thư. Các chư hầu triều cống nước Tề, Tề Uy vương sai các quan đại phu khảo sát binh pháp của Tư Mã ngày xưa trong đó có thêm Nhưong Thư, do đó gọi quyển sách ấy là *Tư Mã Nhưong Thư binh pháp*.

Thái sử công nói:

Tôi đọc *Tư Mã Nhưong Thư binh pháp* thấy bao la, sâu sắc, tuy việc chinh phạt trong thời Tam đại cũng chưa nói hết cái nghĩa của nó. Cái văn ấy khó lòng thêm được gì. Nhưng nếu Nhưong thư cầm đầu đạo quân của một nước nhỏ bé thì còn ai công hơi đâu nói đến sách *Tư Mã Nhưong Thư binh pháp* nữa! Trong đời nhiều người khen sách binh pháp của Tư Mã Nhưong Thư, cho nên tôi không nói đến sách ấy mà viết liệt truyện về Nhưong Thư.

Phần 18

Ngũ Tử Tư Liệt Truyện

1. Ngũ Tử Tư là người nước Sở, tên là Viên. Cha của Viên là Ngũ Xa, anh của Viên là Ngũ Thượng, tổ tiên là Ngũ Cừ thờ vua Sở Trang Vương, hay can thẳng, có danh vọng cho nên đời sau nổi tiếng ở Sở.

2. Sở Bình Vương có thái tử tên là Kiến, Bình Vương sai Ngũ Xa làm thái phó, Phí Vô Kỵ làm thiếu phó. Vô Kỵ không trung với thái tử Kiến. Bình vương sai Vô Kỵ cưới vợ cho thái tử ở Tần. Người con gái ở Tần đẹp, Vô Kỵ ruồi ngựa về báo với Bình vương:

- Người con gái ở nước Tần rất đẹp, nhà vua có thể lấy cho mình mà cưới một người vợ khác cho thái tử.

Bình vương bèn lấy người con gái nước Tần, rất yêu quý nàng, sinh con là Chấn và cưới một người vợ khác cho thái tử. Vô Kỵ sau khi đã đem người con gái nước Tần dâng vua Bình vương để lấy lòng nhà vua, bèn bỏ thái tử mà thờ Bình vương. Vô Kỵ sợ một ngày kia Bình vương mất đi, thái tử lên ngôi sẽ giết mình nên gièm thái tử Kiến. Mẹ của Kiến là người đất Thái, không được Bình vương yêu. Bình vương càng bỏ xa Kiến, sai Kiến giữ huyện T hành Phụ, để phòng bị ở biên giới. Được ít lâu, Vô Kỵ lại ngày đêm nói xấu thái tử với vua:

- Thái tử không thể không oán giận về chuyện người con gái nước Tần. Xin nhà vua cẩn thận đề phòng. Từ khi cầm quân ở Thành Phụ. Thái tử giao tiếp với chư hầu xem ra có ý muốn làm loạn. Bình vương bèn mời thái phó của thái tử là Ngũ Xa vào xét hỏi. Ngũ Xa biết Vô Kỵ gièm thái tử với Bình vương, nhân nói:

- Tại sao nhà vua lại vì một kẻ bầy tôi nhỏ bé siểm nịnh, tàn tặc mà làm hại đến tình cốt nhục?

Vô Kỵ nói:

- Nếu ngày nay nhà vua không lo ngăn cản đi thì việc sẽ xảy ra, nhà vua sẽ bị bắt.

Bình vương nổi giận bỏ tù Ngũ Xa rồi sai Tư Mã Phần Dương đến Thành Phụ giết thái tử. Đi chưa đến nơi. Phần Dương sai người báo trước với thái tử, nói thái tử trốn đi ngay, nếu không sẽ bị giết. Thái tử Kiến trốn sang nước Tống.

Vô Kỵ nói với Bình vương:

- Ngũ Xa có hai người con, đều là những người tài giỏi, nếu không giết thì sẽ là mối lo cho nước Sở. Ta có thể lấy cha họ làm con tin mà gọi họ đến. Nếu không, họ sẽ là mối lo cho nước Sở.

Nhà vua sai sứ giả nói với Ngũ Xa:

- Nếu nhà ngươi có thể gọi hai người con đến thì sẽ được sống, nếu không gọi được thì nhà ngươi sẽ bị giết.

Ngũ Xa nói:

- Thượng là người nhân hậu, nếu gọi thế nào cũng đến. Còn Viên là người cứng rắn, ngang bướng, có thể nhẫn nhục làm được việc lớn. Nó thấy đến sẽ bị bắt, thì thế nào cũng không đến.

Nhà vua không nghe, sai người gọi hai người con. Sứ giả nói:

- Các người đến thì ta sẽ tha cho cha các người được sống; các người không đến thì ta sẽ giết Xa.

Ngũ Thượng muốn đi. Viên nói:

- Vua Sở gọi hai anh em ta đến không phải là muốn cho cha chúng ta sống đau. Ông ta sợ có người trốn thoát sau này sẽ gây mối lo cho nên lấy cha chúng ta làm con tin, lừa gọi hai anh em ta đến.

Hai anh em ta đến thì cha con đều chết chứ chẳng có ích lợi gì hết. Cha chúng ta chết, chúng ta đến chỉ làm cho sau này không có ai mà trả thù mà thôi. Không bằng trốn sang nước khác, mượn sức mạnh của nó mà rửa cái nhục của cha. Nếu tất cả đều chết thật không làm được việc gì hết.

Ngũ Thượng nói:

- Ta biết đến thì cuối cùng cũng không thể bảo toàn được tính mạng của cha. Nhưng chỉ tiếc một điều cha gọi ta đến để mong được sống mà ta không đến, sau này không thể rửa được điều nhục, rốt cục bị thiên hạ cười mà thôi.

Thượng bảo Viên:

- Em trốn đi! Em có thể trả thù cho cha. Anh sẽ về chịu chết.

Thượng để cho người ta bắt. Sứ giả bắt Ngũ Tử Tư những Ngũ Tử Tư trương thẳng cung lấp tên vào nhằm sứ giả dọ bắn, sứ giả không dám tiến. Ngũ Viên bèn bỏ trốn.

Nghe nói thái tử Kiến ở Tống, Ngũ Viên đến đây theo thái tử. Xa nghe tin con mình là Tử Tư đã trốn thoát, nói:

- Vua tôi nước Sở rồi sẽ khổ cực về việc binh đao đây!

3. Ngũ Thượng đến Sở, Sở giết cả Xa lẫn Thượng. Ngũ Tử Tư đến Tống, Tống gặp cái loạn họ Hoa. Tử Tư bèn cùng thái tử Kiến trốn sang nước Trịnh. Người Trịnh rất quý họ. Thái tử Kiến lại sang Tấn. Tấn khoản công nói:

- Thái tử đã quen nước Trịnh, nước Trịnh tin thái tử, nếu thái tử có thể làm nội ứng cho ta, còn ta đánh bên ngoài thì thế nào cũng diệt được Trịnh. Nếu diệt được Trịnh, ta sẽ phong đất cho thái tử. Thái tử bèn trở về Trịnh. Việc này chưa xảy ra thì gặp lúc thái tử muốn giết một người đi theo mình. Người này biết mưu ấy bèn nói với Trịnh. Trịnh Định Công cùng Tử Sản giết thái tử Kiến.

Kiến có người con tên là Thắng. Ngũ Viên sợ, bèn cùng Thắng bỏ trốn sang Ngô. Đến cửa ải Chiêu Quan. Người Chiêu Quan muốn bắt Ngũ Viên bèn cùng Thắng đi bộ bỏ chạy, suýt nữa thì không thoát được. Người đuổi theo ở đằng sau. Khi qua sông Giang, trên sông có một người đánh cá đang chèo. Ông ta biết Ngũ Tử Tư nguy cấp bèn chèo thuyền cho Tử Tư. Sau khi qua sông, Ngũ Tử Tư cởi thanh kiếm nói:

- Thanh kiếm này đáng giá trăm lạng vàng, tôi xin biếu cụ.

Cụ già nói:

- Theo phép nước Sở, ai bắt được Ngũ Tử Tư thì thưởng năm vạn thạch lúa, tước đến bậc cầm ngọc khuê, chứ có phải chỉ thưởng cái kiếm giá trăm lạng vàng đâu?

Ông cụ không nhận. Ngũ Tử Tư hứa đến đất Ngô thì bị bệnh, dừng lại giữa đường ăn xin.

Khi Tử Tư đến Ngô, vua Ngô là Liêu vừa mới dùng công tử Quang làm thừa tướng. Ngũ Tử Tư bèn nhờ công tử Quang để xin yết kiến vua Ngô.

Sau đó ít lâu, Sở Bình vương vì việc cái ấp ở biên giới nước Sở là Chung Ly cùng ấp Ty Lương ở biên giới nước Ngô đều làm nghề nuôi tằm, con gái hai bên tranh nhau đất trồng dâu, đi đến đánh nhau, nên nổi giận, đến nỗi hai nước đem binh đánh nhau. Ngô sai công tử Quang đánh Sở, lấy đất Chung Ly và Cư Sào của Sở rồi đem quân về. Ngũ Tử Tư nói với vua Ngô là Liêu:

- Có thể đánh bại được nước Sở, xin nhà vua sai công tử Quang đi đánh lần nữa.

Công tử Quang nói với vua Ngô:

- Anh chàng ngũ Tử Tư kia vì có cha và anh đều bị giết ở Sở nên khuyên nhà vua đánh Sở. Chẳng qua anh ta muốn báo cái thù riêng mà thôi. Nếu ta đánh Sở thì cũng chưa thể đánh bại được nó.

Ngũ Tử Tư biết đối với việc trong, công tử Quang đang ôm ấp chí riêng, công tử Quang muốn giết vua để tự lập làm vua nên không thể đem việc ngoài ra thuyết ông ta được. Tử Tư bèn tiến cử Chuyên Chư với công tử Quang, còn mình rút lui cùng con của thái tử Kiến là Thắng cày ở đồng nội.

Sau năm năm, Sở Bình vương mất. Trước kia Bình vương cướp người con gái nước Tấn của thái tử Kiến, lấy nàng và sinh con là Chân. Đến khi Bình vương chết, Chân được lập để nối ngôi tức là Chiêu vương. Ngô Vương là Liêu nhân lúc nước Sở có tang, sai hai công tử đem binh đánh úp nước Sở. Nước Sở đem binh chặn mất đường về của quân Ngô, quân Ngô không thể về. Nước Ngô bấy giờ trong nước trống rỗng.

Công tử Quang bèn sai Chuyên Chư bắt ngờ đâm chết Ngô vương là Liêu và tự lập làm vua. Đó là vua Hạp Lư của nước Ngô. Sau khi được lập, thỏa được chí nguyện của mình. Hạp Lư bèn gọi Ngũ Viên cho làm hành nhân để cùng mưu việc nước. Nước Sở giết quan đại thần của mình là Khước Uyển và Bá Châu Lê, cháu của Bá Châu Lê là Phi chạy trốn sang Ngô, Ngô cũng cho Phi làm đại phu.

4. Trước đây, vua Ngô sai hai công tử cầm quân đánh Sở, bị chặn đường không về được. Sau đó hai người đầu hàng Sở. Sở phong cho họ ở Thụ.

Hạp Lư lên ngôi được ba năm, bèn đem quân cùng Ngũ Tử Tư và Bá Phi đánh Sở, lấy đất Thụ bắt hai vị tướng quân của Ngô đã làm phản. Nhân đây Hạp Lư muốn đánh đến Sinh. Tướng quân Tôn Vũ can:

- Dân mệt nhọc, chưa có thể đánh, hãy chờ.

Hạp Lư bèn quay về.

Năm thứ tư, Ngô đánh Sở lấy hai huyện Lục và Tiềm.

Năm thứ năm, Ngô đánh Việt thua.

Năm thứ sáu, Sở Chiêu vương sai công tử Nang Ngõa cầm quân đánh Ngô. Ngô sai Ngũ Viên đón đánh, phá tan quân Sở ở Dục Chương, lấy đất Cư Sào của Sở.

Năm thứ chín, vua Ngô là Hạp Lư bảo Tử Tư và Tôn Vũ:

- Trước đây các ông nói chưa có thể vào được thành Sính, bây giờ thì thế nào?

Hai người đều nói:

- Tướng Sở Nang Ngõa tham lam. Dân đất Đường đất Thái đều oán giận hắn. Nếu nhà vua muốn đánh Sở một trận lớn thì trước tiên phải làm cho dân Đường và Thái theo mới được.

Hạp Lư nghe lời, đem tất cả quân sĩ cùng dân Đường và Thái đánh Sở. Quân Ngô và quân Sở dàn trận sát sông Hán Thủy. Em của vua Ngô là Phù Khái cầm quân xin theo, nhà vua không nghe, Khái bèn đem bộ hạ của mình năm nghìn người đánh tướng Sở Tử Thường. Tử Thường thua, chạy sang đất Sính. Ngày kỷ mao, Sở Chiêu vương bỏ chạy. Ngày canh thìn Ngô vương vào thành Sính. Chiêu vương bỏ trốn vào thành Vân Mộng, bọn ăn trộm đánh nhà vua, nhà vua chạy vào nước Vân. Em của Vân công là Hoài nói:

- Bình vương giết cha ta, ta giết con hắn cũng được chứ sao?

Vân Công sợ em mình giết nhà vua nên cùng nhà vua chạy trốn sang đất Tỳ.

Quân Ngô vây thành Tỳ, bảo người Tỳ:

- Con cháu của họ Chủ ở Hán Xuyên đều sẽ bị quân Sở giết hết.

Người Tỳ muốn giết nhà vua, nhưng người con cháu nhà vua là Cơ giầu vua đi và tự xưng làm vua để thay thế. Dân thành Tỳ bói xem có nên nộp nhà vua cho quân Ngô không. Quẻ bói không tốt, họ bèn từ chối không trao nhà vua cho quân Ngô.

Trước đây, Ngũ Viên chơi với Thân Bao Tư. Khi trốn đi, Viên có bảo Bao Tư:

- Tôi thế nào cũng lật đổ nước Sở.

Bao Tư nói:

- Tôi thế nào cũng bảo tồn được nước Sở.

Đến khi quân Ngô vào đánh thành Sính, Ngũ Tử Tư tìm Chiêu vương không được, bèn sai đào mả Sở Bình vương lên, đem thây ra quất ba trăm roi. Thân Bao Tư lúc này đã bỏ trốn vào trong núi, sai người báo Tử Tư:

- Nhà ngươi báo thù sao mà quá thế? Ta nghe nói người mà đông thì thắng trời, trời định cũng có thể phá người. Nhà ngươi là tôi của Bình vương, đã từng quay mặt về hướng Bắc mà thờ nhà vua, nay làm gì đến nỗi trừng phạt cả thây người chết như vậy? Như thế chẳng phải là vô đạo hết sức sao?

Ngũ Tử Tư nói:

- Ông xin lỗi Thân Bao Tư hộ tôi, bảo: "Tôi trời chiều, đường xa cho nên gặp việc trái với đạo lý cũng cứ làm".

Thân Bao Tư bèn chạy sang Tần cầu cứu trong cảnh nguy cấp. Vua Tần không nghe. Bao Tư đứng trước sân vua Tần khóc bảy ngày đêm không dứt tiếng. Tần Ai công thương nói:

- Nước Sở tuy vô đạo nhưng có bầy tôi như thế lẽ nào không bảo tồn nó!

Bèn sai năm trăm cỗ xe đi cứu Sở, đánh Ngô. Tháng sáu đánh quân Ngô thua ở Tắc. Gặp lúc vua Ngô ở lâu tại đất Sở để tìm Chiêu vương. Phù Khái em của Hạp Lư bèn trốn về tự lập làm vua. Hạp Lư nghe tin ấy liền bỏ Sở trở về đánh Phù Khái, Phù Khái thua chạy sang Sở, Sở Chiêu vương thấy nước Ngô có nội loạn lại về thành Sính, phong Phù Khái ở Dương Khê, làm thành họ Dương Khê. Sở lại giao chiến với Ngô, đánh bại Ngô. Vua Ngô bèn rút về.

Hai năm sau, Hạp Lư sai thái tử Phù Sai cầm quân đánh Sở lấy đất Bàn. Sở sợ Ngô lại đem đại quân đến, bèn dời đô từ Sính đến Nhục. Lúc bấy giờ nước Ngô nhờ mưu của Ngũ Tử Tư và Tôn Vũ, phía tây đánh bại nước Sở mạnh, phía bắc uy hiếp các nước Tề, Tấn, phía nam chinh phục người Việt. Sau đó bốn năm, Khổng Tử làm tướng quốc nước Lỗ. Năm năm Ngô đánh Việt. Vua Việt là Câu Tiễn đón đánh bại quân Ngô ở Cô Tô, làm Hạp Lư bị thương ở ngón tay. Quân Ngô phải rút lui, Hạp Lư bị bệnh vì vết thương, sắp chết bảo thái tử Phù Sai:

- Con có quên Câu Tiễn giết cha con không?

Phù Sai đáp:

- Con không dám quên.

Đêm ấy Hạp Lư chết. Khi được lập làm vua (năm 494 trước công nguyên), Phù Sai cho Bá Phi làm thái tử, tập được việc chiến trận và bắn tên trong hai năm. Sau đó quân Ngô đánh bại quân Việt ở Phù Tiêu. Vua Việt Câu Tiễn bèn đem số quân còn lại năm nghìn người lên núi Cối Kê, sai quan đại phu là Chung đem lễ vật hậu đến đưa cho quan thái tử của Ngô là Phi để xin giảng hòa, nộp nước xưng là thần. Ngô Vương toan bằng lòng. Ngũ Tử Tư nói:

- Vua Việt là con người có thể chịu đựng cảnh khổ cực đắng cay, nếu ngày nay nhà vua không diệt đi thì sau này nhất định sẽ hối hận.

Vua Ngô không nghe, dùng kế của thái tử là Phi, cùng giảng hòa với Việt.

Sau đó năm năm, vua Ngô nghe tin Tề Cảnh Công chết, các quan đại thần tranh nhau để được nhà vua yêu, vị vua mới nhu nhược, bèn cất quân đi về hướng bắc đánh Tề, Ngũ Tử Tư can:

- Câu Tiễn ăn không hai món, viếng người chết, thăm hỏi người ốm, ý muốn có lúc dùng đến dân. Con người ấy không chết thì còn là mối lo cho nước Ngô. Nay Ngô có Việt cũng như con người có cái bệnh trong gan ruột, thế mà nhà vua lại không lo đánh Việt trước, mà lo đánh Tề, chẳng phải là sai lầm sao?

Vua Ngô không nghe, đánh Tề, quân Tề bị thua to ở Ngải Lăng, quân Ngô thị uy với các vua nước Trâu và nước Lỗ rồi trở về, lại càng bỏ lỡ mưu kế của Tử Tư.

Sau đó bốn năm, vua Ngô đem quân về hướng bắc đánh Tề. Vua Việt Câu Tiễn dùng mưu của Tử Công đem quân giúp Ngô, lại đem của quý đưa cho thái tử là Phi. Quan thái tử là Phi đã mấy lần nhận lễ vật của Việt, lại càng yêu quý và tin nước Việt. Ngày đêm Phi bày đặt lời nói với vua Ngô. Vua Ngô tin dùng kế của Phi. Ngũ Tử Tư can:

- Nước Việt là cái bệnh trong gan trong ruột của ta. Nay nhà vua nghe những lời phù phiếm, dối trá của nó mà tham đất Tề, đem quân đánh Tề. Tề cũng ví như ruộng đá không dùng được vào việc gì. Và lại trong bài báo cáo của Bàn Canh có nói: "Có bọn cuồng loạn lảo xược phải giết hết đi khiến cho chúng không còn có con cháu gì nữa, không cho chúng làm hại cái giống tốt ở ấp này". Đó là điều đã làm cho nhà Thương hưng thịnh. Xin nhà vua bỏ nước Tề mà đánh nước Việt trước. Nếu không làm thế thì sau này có hối cũng không kịp nữa.

Nhưng vua Ngô không nghe, sai Tử Tư đi sứ sang Tề. Lúc ra đi Tử Tư dặn con:

- Ta đã mấy lần can nhà vua nhưng nhà vua không nghe. Lần này ta sẽ thấy nước Ngô mất đây!

Mày cũng chết với nước Ngô thì vô ích.

Bèn gửi người con cho Bão Mục ở Tề mà trở về báo với vua Ngô. Quan thái tử nước Ngô là Phi vốn đã có hiềm khích sẵn với Tử Tư, nhân đây nói dèm:

- Tử Tư là người cứng rắn, tàn bạo, ít ân đức, hay nghi ngờ. Ông ta oán trách, tôi sợ sẽ xảy ra tai họa lớn. Trước đây, nhà vua muốn đánh nước Tề, Tử Tư cho là không thể được. Nhà vua cuối cùng đánh Tề và có công lớn. Tử Tư xấu hổ về chỗ mưu kế của mình không được dùng, nên quay ra oán trách. Ngày nay nhà vua lại đánh nước Tề, Tử Tư chỉ chuyên ra sức can ngăn, mắng nhiếc những người làm quan, chỉ trông nước Ngô thua để cho cái mưu của mình được thắng mà thôi. Nay nhà vua đem tất cả vũ lực trong nước để đánh Tề, Tử Tư can, nhà vua không nghe bèn cáo bệnh không đi theo. Và lại, Phi sai người rình mò xem thì khi ông ta đi sứ sang Tề, ông ta giao con cho họ Bão ở Tề. Phàm con người làm bày tôi người ta mà bên trong không được vừa lòng, bên ngoài dựa vào chur hầu, tự cho mình là mưu thần của tiên vương, nay không được dùng, thường uất ức oán trách, vậy xin nhà vua phải lo liệu sớm đi.

Vua Ngô nói:

- Nếu không có lời nói của nhà ngươi thì ta cũng đã nghi hấn.

Bèn sai sứ giả trao cho Ngũ Tử Tư thanh kiếm Chúc Lôu, nói:

- Nhà ngươi hãy chết bằng cái này!

Ngũ Tử Tư ngẩng lên trời than:

- Than ôi, tên sàm thần Phi làm loạn rồi! Nhà vua quay lại giết ta. Ta làm cho cha nhà ngươi thành "bá". Từ khi ngươi chưa được lập làm vua, các công tử tranh giành nhau, nếu ta không liều chết can ngăn tiên vương, thì ngươi cơ hồ không được lập. Khi được lập làm vua, ngươi muốn chia nước Ngô cho ta, nhưng ta không dám mong như vậy. Thế mà nay ngươi nghe lời bọn tôi siểm nịnh, giết bậc trưởng giả.

Bèn nói với người xá nhân:

- Thế nào cũng phải trồng trên mộ ta một cây tử đề có thể làm quan tài. Hãy móc mắt ta treo trên cửa phía đông của nước Ngô để cho nó thấy giặc Việt vào tiêu diệt nước Ngô.

Bèn tự đâm cổ chết.

Vua Ngô nghe tin nổi giận bèn đem thây Tử Tư nhét vào túi da ngựa, thả trôi trên sông Giang.

Người nước Ngô thương Tử Tư lập đền thờ trên sông Giang, nhân gọi nó là Tư Sơn.

Sau khi đã giết Ngũ Tử Tư, vua Ngô bèn đánh Tề. Họ Bão ở nước Tề giết vua của mình là Điền Công mà lập Dương Si nh. Vua Ngô muốn trừng trị những người giết vua Tề nhưng đánh không thắng, phải quay về.

Sau đấy hai năm, vua Ngô mời các vua nước Lỗ và nước Vệ họp ở Thác Cao. Năm sau nhân lúc nhà vua đi về phía bắc họp các chư hầu ở Hoảng Trì để tôn nhà Chu, vua Việt Câu Tiễn đánh úp, giết thái tử nước Ngô, phá quân Ngô. Vua Ngô nghe tin quay về sai sứ giả đem lễ vật rất hậu đưa cho vua Việt để giảng hòa. Chín năm sau (năm 473 trước công nguyên), vua Việt là Câu Tiễn tiêu diệt nước Ngô, giết vua Phù Sai, chém thái tử là Phi về tội không trung với vua, bên ngoài nhận của đút, ngầm giao kết với mình.

Lúc đầu Ngũ Tử Tư cùng trốn với Thắng, cho nên Thắng con của thái tử nước Sở là Kiến ở Ngô.

Thời vua Ngô Phù Sai, Sở Huệ vương muốn mời Thắng về nước Sở. Diệp Công can:

- Thắng là người dũng mãnh lại ngầm tìm những người liều chết vì mình, phải chăng có ý riêng gì?

Huệ vương không nghe, bèn mời Thắng về, cho ở Yên là biên giới nước Sở, hiệu là Bạch Công.

BẠch công về Sở oán hận vua Trịnh đã giết cha mình, bèn ngầm nuôi những người dũng sĩ liều chết để báo thù nước Trịnh.

Về Sở được năm nă, Bạch Công xin quan lệnh doãn nước Sở là Tử Tây đánh Trịnh. Tử Tây hứa sẽ đánh. Quân chưa đi thì quân Tấn đánh Trịnh. Trịnh xin Sở cứu. Nước Sở sai Tử Tây đến cừ, ăn thề với Trịnh rồi trở về, Bạch Công là Thắng giận nói:

- Người thù của ta không phải là nước Trịnh mà là Tử Tây.

Thắng tự mài kiếm. Có người hỏi:

- Để làm gì thế?

Thắng nói:

- Muốn giết Tử Tây.

Tử Tây nghe vậy cười, nói:

- Thắng chỉ như quả trứng thôi, làm được gì?

Bốn năm sau, Bạch Công là Thắng và Thạch Ngật đánh úp, giết quan lệnh doãn nước Sở là Tử Tây và quan tư mã nước Sở là Tử Cơ ở đại triều.

Thạch Ngật nói:

- Không giết vua không được.

Bèn dắt nhà vua đi điện Cao Phủ. Người đi theo Thạch Ngật là Khuất Cố cũng Sở Huệ vương trốn chạy vào cung Chiêu phu nhân. Diệp Công nghe tin BẠch công làm loạn, đem tất cả những người trong nước ra đánh BẠch Công. Bọn BẠch công thua chạy trốn vào núi. BẠch công tự sát.

Diệp Công bắt được Thạch Ngật hỏi:

- Thây của Bạch Công ở đâu? Không nói thì ta sẽ nấu.

Thạch Ngật nói:

- Việc thành thì làm khanh tướng, không thành thì bị nấu nướng, cái đó vốn là phận sự của tôi.

Cuối cùng vẫn không chịu nói xác Bạch Công ở đâu. Diệp Công bèn sai nấu Thạch Ngật và tìm Huệ vương về, lập lại làm vua.

Thái sử công nói:

Oán thù đối với người ta thực là thâm độc làm sao. Bậc vua chúa còn không thể làm điều đó đối với bầy tôi, huống gì những người cùng hàng với nhau? Giả sử trước đây Ngũ Tử Tư cùng chết với Ngũ Xa thì có khác gì con sâu cái kiến? Vì bỏ cái nghĩa nhỏ nên rửa được cái nhục lớn, để danh tiếng lại đời sau. Than ôi! Khi Tử Tư bị khốn quẫn trên sông, ăn xin trên đường cái, cái chí ông ta há phải trong giây phút nào quên thành Sính đâu! Nhịn nhục lập nên công danh, nếu không phải kẻ liệt sĩ thì ai có thể làm việc như vậy? Nếu BẠch Công không tự lập làm vua thì cái công và cái mưu của ông ta cũng không thể nói hết.

Phần 19

Thương Quân Liệt Truyện

Thương Quân là con người hầu của một quý tộc nước Vệ, tên là Ưởng, họ Công Tôn, tổ tiên vốn là họ Cơ. Ưởng lúc nhỏ thích học hình danh, thờ tể tướng nước Ngụy là Công Thúc Toa là trung thứ tử. Công Thúc Toa biết Ưởng hiền, nhưng chưa có dịp tiến cử. Khi Toa mắc bệnh, Ngụy Huệ Vương thân hành đến thăm bệnh hỏi:

- Nếu bệnh của Công Thúc đưa đến việc chẳng may thì ai lo việc nước nhà?

Công Thúc Toa nói:

- Trung thứ tử của Toa là Công Tôn Ưởng, tuy trẻ tuổi, nhưng có tài cao xin nhà vua giao phó việc nước cho ông ta.

Nhà vua im lặng. Vua sắp đi. Toa đuổi mọi người ra nói:

- Nếu nhà vua không nghe tôi, không dùng Ưởng thì phải giết y đi chớ để cho y ra khỏi biên giới.

Nhà vua nhận lời mà ra đi. Công Thúc Toa gọi Ưởng đến từ tạ nói:

- Hôm nay, nhà vua hỏi tôi, ai có thể làm tể tướng, tôi nói anh. Sắc mặt nhà vua có vẻ không tin lời tôi. Tôi trước tiên phải lo đến vua sau mới nghĩ đến bày tôi, cho nên tôi nói với nhà vua "nếu nhà vua không dùng Ưởng thì phải giết anh ta đi". Nhà vua đã hứa. Vậy anh phải mau mau trốn đi, nếu không sẽ bị bắt đấy.

Ưởng nói:

- Nhà vua đã chẳng nghe lời của ông cho tôi làm tể tướng, lẽ nào có thể nghe lời nói của ông mà giết tôi.

Rốt cục Ưởng không đi. Sau khi ra đi Huệ vương nói với các quan hầu:

- Công Thúc bệnh nặng, thực đáng thương! Ông ta muốn quả nhân nghe theo Công Tôn ưởng để trị nước, há chẳng quá sai lầm sao?

Sau khi Công Thúc Toa chết, Công Tôn Ưởng nghe tin Tần Hiếu Công ra lệnh trong nước tìm người hiền để nối nghiệp Tần Mục Công đem quân sang hướng đông lấy lại đất đai bị cướp, bèn đi sang hướng tây vào đất Tần. Ưởng nhờ một người tôi yêu của Hiếu Công là Cảnh Giám đề xin yết kiến Hiếu Công. Khi đã gặp Vệ Ưởng, Hiếu Công nói chuyện một hồi lâu, nhiều khi buồn ngủ, không nghe. Sau đó Hiếu công giận, quở Cảnh Giám:

- Người khách của người là người lão, dùng làm sao được!

Cảnh Giám trách Vệ Ưởng, Ưởng nói:

- Tôi đem "đế đạo" ra nói với nhà vua, nhưng chỉ nhà vua không hiểu rõ đó thôi.

Năm ngày sau, Cảnh Giám lại xin nhà vua cho Ưởng được yết kiến. Ưởng lại yết kiến Hiếu Công, nhà vua tỏ ra vui vẻ hơn, nhưng vẫn chưa trúng ý nhà vua. Sau đó, Hiếu Công lại trách Cảnh Giám, Cảnh Giám cũng lại trách Vệ Ưởng, Ưởng nói:

- Tôi đem "vương đạo" ra nói nhưng chưa lọt vào đó thôi. Xin cho Ưởng được yết kiến lần nữa.

Ưởng lại yết kiến Hiếu Công, Hiếu Công khen nhưng vẫn chưa dùng. Sau khi hội kiến đi ra, Hiếu Công nói với Cảnh Giám:

- Người khách của nhà người giỏi đấy, có thể nói chuyện được!

Vệ Ưởng nói:

- Tôi đem "bá đạo" ra nói với nhà vua, ý nhà vua là muốn dùng đấy. Nếu nhà vua còn gọi tôi đến yết kiến thì tôi đã biết phải nói những gì rồi!

Vệ Ưởng lại yết kiến Hiếu Công. Hiếu Công cùng y nói chuyện không biết đầu gối của mình đã lê đến trước chiếu của y. Nói mấy ngày không chán. Cảnh Giám nói:

- Ông làm sao nói đúng ý nhà vua đến nỗi nhà vua vui thích đến thế?

- Tôi đem đạo đế vương ra nói với nhà vua, muốn nhà vua sánh với thời Tam đạo; nhưng nhà vua nói "điều đó viển vông, ta không thể chờ được, vả chăng những vị vua hiền, đều được nổi danh trong thiên hạ ngay trong đời mình, lẽ nào ngồi búi ngồi đợi mấy trăm năm mới thành đế vương sao?". Vì vậy, tôi đem cái thuật làm cho nước mạnh nói với nhà vua, nhà vua rất thích. Nhưng cũng khó mà sánh đức với đời Thương, đời Chu được!

Sau khi Hiếu Công dùng Vệ Ưởng, Ưởng muốn thay đổi pháp độ, nhưng sợ thiên hạ bàn tán. Vệ Ưởng nói:

- Hành động không kiên quyết thì không nổi tiếng được, sự việc không xác định thì không nên công cán gì! Và chẳng, những kẻ làm việc cao hơn người, thường bị thế tục chê bai. Những kẻ có ý nghĩ lỗi lạc thế nào cũng bị dân chúng trách móc. Người ngu thì việc đã thành vẫn còn mờ ám không biết; người khôn thì việc chưa tỏ mào mống đã thấy rồi. Dân chúng không thể cùng ta lo liệu buổi đầu mà chỉ có thể cùng ta yên vui khi công việc đã xong. Bàn cái "chí đức" không thể hòa đồng với thế tục; làm nên công lớn không cần hỏi ở dân chúng. Vì vậy cho nên bậc thành nhân nếu có thể tìm cách làm cho nước mạnh thì khi không bắt chước phép cũ, nếu có thể làm cho dân lợi thì không câu nệ ở lễ thói ngày xưa.

Hiếu Công nói:

- Phải.

Cam Long nói:

- Không phải thế! Thánh nhân không dối dân để dạy, kẻ trí giả không thay đổi pháp độ để trị. Thuận dân tục mà dạy thì không khó nhọc mà lại thành công; theo phép mà trị thì quan lại làm đã quen mà dân cũng thích.

Vệ Ưởng nói:

- Lời của ông Long là lời của thế tục! Người thường thì thuận theo tục cũ; kẻ học giả say đắm vào những điều mình đã nghe, hai hạng người ấy làm quan giữ phép thì được, chứ không thể cùng bàn đến việc ở ngoài phép tắc. Đời Tam đại đều làm vương, nhưng lễ khác nhau, Ngũ Bá đều làm bá, nhưng phép tắc khác nhau. Kẻ trí giả làm ra pháp chế, người ngu lại lo ngăn cản người hiền thay đổi lễ, kẻ bất tiểu lại câu nệ.

Đỗ Chí nói:

- Nếu không có lợi gấp trăm lần thì không thay đổi pháp chế, nếu không có công hiệu gấp mười lần thì không thay đổi đồ dùng. Bắt chước xưa thì không sai lầm, theo lễ thì không lệch lạc.

Vệ Ưởng nói:

- Trị đời không phải chỉ có một cách, trị nước không bắt chước xưa. Vì vậy Thành Thang, Vũ Vương không theo xưa mà làm vương; vua Kiệt nhà Hạ, vua Trụ nhà Ân không thay đổi lễ mà nát. Không nên chê người làm trái xưa, không nên khen người chỉ theo lễ.

Hiếu Công nói:

- Phải.

Bèn cho Vệ Ưởng làm tả thứ trưởng rồi ra lệnh thay đổi pháp chế.

Ưởng sai chia dân thành từng nhóm, năm hộ, mười hộ, phải củ soát nhau và bị ràng buộc vào nhau. Ai không tố cáo kẻ gian thì bị chém ngang lưng; ai tố cáo kẻ gian thì cũng được thưởng ngang với người chém đầu quân địch; người che giấu quân gian bị phạt ngang với người đầu hàng quân địch, gia đình có hai người con trai trở lên mà không chia của ở riêng thì bắt đánh thuế gấp đôi. Ai có quân công thì cứ theo thứ bậc mà được thưởng, ai đánh nhau vì việc riêng thì đều bị hình phạt lớn hay nhỏ, tùy theo nặng hay nhẹ mà trị. Ai ra sức vào nghề nghiệp gốc, cày cấy, dệt vải, cung cấp nhiều lúa thì được tha khỏi sưu dịch; trái lại ai theo cái lợi trên ngọn cùng những người lười mà nghèo thì đều bắt cùng với vợ con làm nô; người tôn thất mà không có quân công, thì không được ghi vào sổ sách họ nhà vua định cấp bậc tước trật cao thấp rõ ràng; ghi tên các ruộng vườn, thần thiếp, áo quần theo số hiệu từng nhà. Ai có công thì hiển vinh, ai không có công thì tuy giàu có cũng không được vinh hoa.

Pháp lệnh đã đủ, Ưởng vẫn chưa ban bố vì sợ dân không tin mình. Ưởng bèn dựng một cây gỗ dài ba trượng ở phía nam chợ của kinh đô, quảng cáo rằng, ai có thể mang nó đến cái cửa phía bắc thì có mười lạng vàng. Dân lấy làm lạ, không ai dám mang đi. Ưởng lại nói:

- Ai có thể mang đi, thì cho năm mươi lạng!

Có một người mang, Ưởng liền cho năm mươi lạng để chứng tỏ mình không lừa dối. Rồi ban bố pháp lệnh.

Lệnh thi hành trogn dân gian được chấn năm. Lúc đầu người trong kinh đô nước Tần nói không tiện có hàng ngàn. Bây giờ thái tử phạm pháp, Vệ ưởng nói:

- Pháp lệnh mà không thi hành được, là do người trên phạm.

Vệ Ưởng muốn lấy pháp luật trị thái tử, nhưng thái tử là người sẽ nối ngôi cho nên không thể trừng trị. Ưởng trừng trị thái phó của thái tử là Công tử Kiên, chạm vào mặt thầy thái tử là Công Tôn Giả.

Ngày hôm sau, người Tần đều theo lệnh. Pháp lệnh thi hành được mười năm, dân Tần rất vui mừng, ngoài đường không nhặt của rơi, trong núi không có trộm cướp, nhà đủ người no, dân dũng cảm trong lúc chiến đấu vì việc công, khiếp sợ không dám đánh nhau vì việc riêng, làng xóm đều được trị an. Trong số những người xưa kia nói lệnh không tiện, có người đến nói lệnh tiện.

Vệ Ưởng nói:

- Đó đều là bọn dân làm cho việc giáo hóa rối loạn.

Bèn dời tất cả những người ấy ra biên giới. Sau đó dân không ai dám bàn bạc gì về pháp lệnh nữa. Vua bèn cho Ưởng làm đại lương tạo, đem binh vây đất An Ấp của nước Ngụy, bắt ấy này phải đầu hàng.

Được ba năm, Ưởng sai xây đắp cung điện và cửa khuyết ở Hàm Dương. Tần dời đô ở Ung đến đây.

Ưởng ra lệnh cấm cha, con, anh em cùng ở chung một nhà; phân cư và hợp các làng, xóm nhỏ lại thành huyện, đặt chức quan lệnh và thừa. Được tất cả ba mươi một huyện. Bỏ bờ ruộng, đường thiên đường mạch, nhờ đó việc đánh thuế được tăng. Thống nhất hộ, thùng, quả cân, thước, tắc. Lệnh thi hành được bốn năm, công tử Kiên lại phạm pháp bị cắt mũi. Được năm năm người Tần giàu mạnh. Thiên tử biểu Hiếu Công thết tế, chư hầu đều đến mừng. Năm sau, quân Tề đánh bại quân Ngụy ở Mã Lăng, bắt bỏ tù thái tử Ngụy là Thân, giết tướng quân Bàng Quyên.

Năm sau (năm 310 trước công nguyên), Vệ Ưởng nói với Hiếu Công:

- Nước Tần với nước Ngụy cũng giống như con người có bệnh trong tim gan vậy. Nếu nước Ngụy không thôn tính nước Tần, thì nước Tần cũng phải thôn tính nước Ngụy. Tại sao? Vì nước Ngụy ở phía tây dãy núi hiểm đóng đô ở An Ấp cách Tần con sông Hoàng Hà và một mình thu tất cả nguồn lợi miền Sơn Đông. Gặp điều kiện thuận lợi thì Ngụy đem quân về hướng Tây đánh Tần, Ngụy gặp điều kiện không có lợi thì ta có thể qua phía đông để mở đất. Nay Tần được lúc nhà vua hiền thánh, nước nhờ vậy cường thịnh; trái lại nước Ngụy năm ngoái bị Tề đánh thua to, chư hầu làm phản. Ta có thể nhân lúc này mà đánh Ngụy. Ngụy không chống cự nổi Tần, thì thế nào cũng phải dời về đông. Ngụy dời về đông, Tần nhờ sự hiểm trở của núi sông quay mặt về đông để không chế chư hầu, đó là cái nghiệp đế vương vậy.

Hiếu Công cho là phải, sai Vệ Ưởng làm tướng đánh Ngụy. Nước Ngụy sai công tử Ngang đưa quân đón đánh. Khi hai quân gần nhau, Vệ Ưởng đưa thư cho tướng Ngụy là công tử Ngang, nói:

"Tôi trước đây chơi thân với công tử, nay cả hai đều làm tướng của hai nước, không nỡ đánh nhau.

Tôi muốn gặp công tử ăn thề, uống rượu mừng và bãi binh để cho Tần và Ngụy được yên".

Công tử Ngang cho là phải. Hội họp ăn thề xong, uống rượu, Vệ Ưởng phục võ sĩ bắt công tử Ngang bỏ tù, nhân đó đánh quân Ngang, đem Ngang về Tần. Binh của Ngụy Huệ vương mấy lần bị quân Tề, quân Tần đánh phá, trong nước trống rỗng, ngày càng hao mòn nên lo sợ. Ngụy Huệ vương bèn sai sứ cắt đất Tây Hà dâng cho Tần để giảng hòa. Rồi Ngụy bỏ An Ấp dời đô đến Đại Lương. Lương Huệ vương nói:

- Quả nhân hối hận không nghe lời của Công Thúc Toa!

Sau khi đánh phá quân Ngụy trở về, Tần phong cho Vệ Ưởng mười lăm ấp ở đất U, đất Thương hiệu là Thương Q uân.

Thương Quân làm tể tướng nước Tần mười năm, tôn thất và gia đình quyền quý nhiều người oán.

Triệu Lương ra mắt T hương Quân. Thương Quân hỏi:

- Ưởng được gặp ông là nhờ Mạnh Lan Cao tiến cử, nay Ưởng muốn được kết bạn với ông có được không?

Triệu Lương nói:

- Tôi không dám mong được thế. Khổng Khâu có nói: "Nếu tiến cử người hiền thì những người yên dân tự tiến cử mình; nếu tụ họp bọn bất tiểu thì những người theo vương đạo tự rút lui". Tôi là kẻ bất tiểu, cho nên không dám vâng mệnh. Tôi nghe nói: "không phải địa vị của mình mà lại giữ lấy là tham địa vị; không phải cái danh tiếng của mình mà cứ chiếm lấy là tham danh". Tôi nếu chịu cái ơn của ngài, sợ là tham địa vị, tham danh, cho nên không dám vâng mệnh.

Thương Quân nói:

- Người không vừa ý về việc ta cai trị nước Tần sao?

Triệu Lương nói:

- Tự nghe mình là thông, nhìn vào mình là minh, thắng được mình là cường. Vua Thuấn có nói: "Kẻ

tự cho mình là thấp thì đáng tôn quý vậy", ngài có lẽ nên làm như vua Thuấn, không nên hỏi tôi.

Thương Ưởng nói:

- Trước kia tập tục ở Tần bắt chước theo bọn Nhung, Địch; cha con không phân biệt, cùng ở chung một nhà. Nay ta thay đổi cách dạy dỗ làm cho con trai con gái phân biệt, xây dựng cung điện to lớn cũng như ở nước Lô, nước Vệ. Người xem ta cai trị nước Tần với Ngũ Cổ đại phu thì ai giỏi hơn?

Triệu Lương nói:

- Một nghìn tấm da dê không quý bằng cái nách của một con cáo, một nghìn người vâng dạ, không bằng một người nói thẳng. Vua Vũ nhờ bầy tôi nói thẳng nên thịnh vượng, vua Trụ nhà Ân vì bầy tôi a dua nên mất. Nếu ngài không cho Vũ vương là không phải, thì tôi xin nói thẳng suốt ngày mà ngài đừng trị tội tôi. Như thế có được không?

Thương Quân nói:

- Tục ngữ có câu: "Lời nói trau chuốt là phù hoa, lời nói ngay là thành thật, nói khó nghe là thuốc, nói ngọt là bệnh tật". Nếu ông quả thực chịu suốt ngày nói điều thẳng, thì đó là thuốc cho Ưởng này, Ưởng phải thờ ông làm thầy, lẽ nào ông lại chối từ?

Triệu Lương nói:

- Ngũ Cổ đại phu là người nhà quê ở đất Kinh, nghe tin Tần Mục công hiền, được yết kiến, đi không có tiền, tự bán mình cho người khách ở Tần, mặc áo cộc chân dê. Được chẵn một năm, Tần Mục công biết đến, cất nhắc từ dưới miệng trâu mà đặt trên đầu trăm họ, nước Tần không ai dám oán trách. Làm tể tướng nhà Tần sáu bảy năm, phía đông đánh Trịnh, ba lần lập vua nước Tấn, một lần cứu họa nước Sở, thi hành giáo hóa ở trong bờ cõi, làm cho người đất Ba đến nộp đồ cống, đức ban ra các chư hầu và các rợ Nhung đều theo phục. Do Dư nghe vậy, đến cửa thuyết xin yết kiến. Ngũ Cổ đại phu làm tể tướng nước Tần, lúc mệt không ngồi xe, lúc nắng không che lọng, đi ở trong nước không có xe tùy tùng, không có người mang giáo mác hộ vệ, công lao ghi vào sử sách, đức hạnh lưu lại đời sau. Khi Ngũ Cổ đại phu chết, trai gái nước Tần chảy nước mắt, trẻ con không ca hát, người già gạo không hò, đức của Ngũ Cổ đại phu là như thế. Nay ngài yết kiến vua Tần nhờ người tôi yêu là Cảnh Giám tiến cử, đó không phải là cách để có danh dự. Ngài làm tể tướng không lo đến trăm họ mà lại ra sức xây cung khuyết, không phải là cách lập công. Về mặt hình phạt thì chạm vào mặt sư phó của thái tử, dùng hình phạt nặng nề để tàn hại nhân dân, như vậy là cách nuôi oán chất họa. Tự mình tu đức để giáo hóa dân, thì sâu hơn mệnh lệnh, dân bắt chước người trên, thì nhanh hơn pháp luật. Nay ngài lập uy quyền một cách trái, biến pháp một cách sai đã tám năm nay; ngài lại giết Chúc Hoan và chạm vào mặt Công Tôn Giả. *Kinh Thi* nói: "Ai được nhân tâm thì hưng thịnh, ai mất nhân tâm thì tan vỡ". Mấy việc trên đây không phải là việc thu được nhân tâm. Khi ngài đi ra xe tùy tùng có hàng chục xe đi theo mang áo giáp, người khỏe mạnh xương sườn liên nhau cùng ngồi tham thặng, kẻ cầm giáo mác chạy hộ vệ bên xe. Nếu thiếu một trong những điều này là ngài không đi. *Kinh Thư* nói: "Ai cậy vào đức thì sẽ hưng thịnh, ai cậy vào sức thì sẽ mất". Ngài đang nguy như hạt móc buổi sáng, thế mà lại còn muốn sống lâu sao được? Tại sao ngài không trả lại mười lăm ấp, vui làm vườn ở nơi xa, khuyên vua Tần cất nhắc kẻ sĩ ở ẩn trong núi sâu, nuôi người già, hỏi thăm người cô. Kính bậc cha anh, sắp xếp những người có công, tôn những người có đức, như thế may ra có thể an được chút ít. Nếu ngài còn tham cái giàu có ở ấp Thượng, ấp Ứ, chất chứa điều oán giận của trăm họ thì một khi vua Tần rời bỏ tân khách mà không ra triều, người nước Tần bắt ngài là sự hiển nhiên, điều nguy vong có thể đứng nhón chân mà đợi!

Thương Quân không nghe theo.

Năm tháng sau, Tần Hiếu Công mất, thái tử lên ngôi. Bọn công tử Kiên báo Thương Quân muốn làm phản. Vua sai người bắt Thương Quân. Thương Quân bỏ trốn, đến cửa quan muốn vào ở nhà trọ. Người nhà trọ không biết đó là Thương Quân, nói:

- Theo phép của Thương Quân, cho người ở trọ không có giấy chứng nhận thì bị liên lụy.

Thương Quân thở dài mà rằng:

- Than ôi! Cái tệ hại của kẻ làm pháp lệnh đến như thế ư!

Thương Quân trốn sang Ngụy. Người Ngụy giận y lừa công tử Ngang và đánh phá quân Ngụy nên không nhận. Thương Quân muốn đi sang nước khác. Người Ngụy nói:

- Thương Quân là thằng giặc của Tần. Nước Tần mạnh, ta không tống cổ tên giặc đã vào đất Ngụy về thì không được.

Bèn đuổi về Tần. Thương Quân sau khi trở về Tần, chạy về ấp Thương cùng bọn tôi tớ đem binh về hướng bắc đánh đất Trịnh. Tần đem binh đánh Thương Quân, giết y ở Dẫn Trì thuộc đất Trịnh. Tần Huệ vương lấy xe xé xác Thương Quân để thị uy, nói:

- Chớ có làm phản như Thương Quân.

Thái sử công nói:

Thương Quân là người thiên tư khắc bạc. Xét việc y muốn nói thuật đế vương với Hiếu Công, đem lý thuyết viễn vông ra nói không phải là thực tâm của ông ta. Ông ta nhờ người tôi tớ vua yêu mà được tiến cử, rồi khi được dùng, lại trị công tử Kiên, lừa tướng Ngụy là Ngang, không nghe theo lời Triệu Lương, như thế cũng đủ thấy Thương Quân ít làm ân đức. Tôi thường đọc sách nói về việc mở mang bờ cõi, cày ruộng, đánh trận của Thương Quân, thấy giống như việc ông làm. Cuối cùng ông ta mang cái tiếng xấu ở Tần cũng là đáng lắm!

Phần 21

Truyện Trương Nghi

1. Trương Nghi là người nước Ngụy. Trước cùng Tô Tần theo học Quỷ Cốc tiên sinh. Tô Tần tự cho mình kém Trương Nghi về học thuật. Trương Nghi học xong đi du thuyết các chư hầu. Nghi có lần theo tướng quốc nước Sở uống rượu, sau đó tướng quốc nước Sở mất ngọc bích. Môn hạ ngờ cho Trương Nghi, nói:

- Nghi nghèo không có nghề ngỗng gì, nhất định hẳn lấy trộm ngọc bích của tướng quân.

Họ bắt Trương Nghi đánh vài trăm roi, Nghi không nhận tội. Họ tha cho. Vợ Nghi nói:

- Hừ! Nếu chàng không đọc sách đi du thuyết thì sao đến nỗi phải cái nhục này?

Trương Nghi bảo vợ:

- Nhìn xem lưỡi ta còn không?

Vợ cười:

- Lưỡi còn.

Nghi nói:

- Được rồi?(1)

Tô Tần phong bao lâu thuyết phục được Triệu Vương theo hợp tung và cầm đầu việc hợp tung với các nước. Song ông ta sợ nước Tần đánh chư hầu, sẽ hỏng mất ước tung. Nghĩ không ai có thể cầm quyền ở Tần ngoài Trương Nghi, Tô Tần bèn sai người gợi ý cho Trương Nghi nói:

- Ông trước quen Tô Tần, nay Tần đã cầm quyền, sao ông không đến chơi nhờ giúp để đạt chí nguyện của mình.

Thế là Trương Nghi sang Triệu, đưa danh thiếp xin yết kiến Tô Tần, Tô Tần bèn dặn bọn môn hạ đừng thông báo và không có đi đâu trong vài hôm. Sau đó, Tần tiếp kiến Nghi, để Nghi ngồi dưới thềm, cho Nghi ăn cơm của hạng đầy tớ nàng hầu, nhân nhiên Nghi:

- Tài năng như người mà lại để khốn nhục thế à? Ta không phải là không thể nói để người được giàu sang, nhưng người không đáng được dùng.

Bèn từ tạ đuổi đi.

Trương Nghi tự cho mình là bạn cũ đến nhờ giúp đỡ, không ngờ lại bị sỉ nhục nên tức giận. Nghĩ chư hầu không đâu có thể nhờ được, chỉ có nước Tần mới làm khổ được Triệu, Nghi bèn đi vào Tần.

Sau đó, Tô Tần bảo môn hạ:

- Trương Nghi là hiền sĩ trong thiên hạ, ta không thể bằng. Nay ta may được dùng trước, mà chỉ có một mình Trương Nghi là có thể cầm quyền binh ở Tần. Song anh ta nghèo, không có cách gì để tiến thân. Ta sợ anh ta ham cái lợi nhỏ mà không thành đạt, cho nên mời đến làm nhục để trêu tức.

Người hãy vì ta giúp ngầm ông ta.

Đoạn, Tô Tần nói với Triệu Vương phát cho tiền của xe ngựa cho người lên lút theo Trương Nghi ở cùng nhà trọ, dần dần thân mật, đưa cho Nghi tiền bạc, xe ngựa, Nghi muốn gì thì chu cấp cho ngay, nhưng không nói. Trương Nghi nhờ vậy được yết kiến Tần Huệ Vương. Huệ Vương cho làm khách khanh, cùng mưu đánh chư hầu. Người môn hạ của Tô Tần bèn từ giã ra đi. Trương Nghi nói:

- Nhờ ông mới được hiển đạt, tôi sắp báo ơn sao ông lại đi?

Người kia nói:

- Không phải tôi biết ngài đâu, biết ngài là Tô Quân. Tô Quân lo Tần đánh Triệu, hỏng mất điều ước hợp tung. Lại cho rằng ngoài ngài ra, không ai có thể nắm được quyền binh nước Tần, cho nên trêu tức ngài rồi ngầm sai tôi theo hầu hạ tư cấp cho ngài làm trọn mưu kế của Tô Quân. Nay ngài đã được dùng, tôi xin về báo.

Trương Nghi nói:

- Than ôi? Thế là ta mắc mưu Tô Quân mà không biết, rõ ràng ta không bằng Tô Quân. Ta lại mới được dùng làm sao nghĩ đến việc đánh Triệu được? Ông tạ ơn Tô Quân hộ ta. Trong thời còn Tô Quân, Nghi đâu dám nói chuyện đánh Triệu? Và lại, Tô Quân còn đây, Nghi dám làm trò gì được?

Sau khi làm thừa tướng nước Tần, Trương Nghi bèn viết tờ hịch bảo tướng quốc nước Sở: “Trước ta theo người uống rượu, ta không lấy trộm ngọc bích của người, người đánh đòn ta. Người hãy lo giữ

nước cho khéo, ta sẽ có ngày lấy trộm thành của ngươi đấy”.

Đất Ba và đất Thục đánh nhau, đều đến cầu cứu Tần. Tần Huệ Vương muốn đem quân đánh Thục, nhưng ngại đường xá hiểm trở, nhỏ hẹp khó đi. Hàn lại đến xâm lấn; muốn đánh Hàn trước, sau sẽ đánh Thục, nhưng sợ không lợi; muốn đánh Thục trước nhưng lại sợ Hàn đánh úp Tần. Huệ Vương do dự chưa quyết. Tư Mã Thác cùng Trương Nghi tranh luận ở nước mặt Huệ Vương. Tư Mã Thác(2) muốn đánh Thục. Trương Nghi nói:

- Chẳng bằng đánh Hàn.

Huệ Vương nói:

- Xin nói tại sao?

Nghi nói:

- Thân với Ngụy, làm bạn với Sở, đem quân xuống Tam Xuyên, ngăn chặn cửa Thập Cốc, làm chủ đường Đồn Lưu. Ngụy cắt đứt Nam Dương, Sở đến gần Nam Trịnh, Tần đánh Tân Thành, Nghi Dương để đến gần ngoại đồng của hai Chư(3), trách tội Chu Vương xâm lấn đất của Sở, Ngụy. Chu tự biết không thể cứu được tất phải đem đồ báu và chín vạc(4) ra. Giữ lấy chín vạc, cầm lấy địa đồ, sổ sách, lấy thế thiên tử để ra lệnh cho thiên hạ, thiên hạ ai dám không nghe theo! Ấy là nghiệp vương đấy. Nay Thục là nước xa tít về phía Tây, và thuộc hạng Nhung, Địch. Ta làm lính mệt, dân chúng vất vả nhưng không đủ để nổi danh: được đất của nó không đủ để làm lợi. Thần nghe nói “tranh danh ở triều, tranh lợi ở chợ”. Nay Tam Xuyên, Chu Thất tức là triều và chợ của thiên hạ, mà đại vương không tranh, lại tranh Nhung, Địch, thế là còn cách xa vương nghiệp lắm.

Tư Mã Thác nói:

- Không phải. Thần nghe nói: vị vua muốn nước giàu thì cốt được ruộng đất; vị vua muốn binh mạnh thì cốt được dân giàu; vị vua muốn làm vương thì cốt được đức rộng lớn. Có ba điều ấy thì nghiệp vương sẽ theo sau. Nay nhà vua đất nhỏ, dân nghèo, cho nên thần muốn làm việc dễ trước. Nay Thục là nước xa tít về phía Tây và là trưởng các dân Nhung, Địch, đang có loạn Kiệt, Trụ. Lấy binh Tần đánh nước ấy khác nào khiến sài lang đuổi đàn dê? Được đất nước ấy đủ để mở rộng nước, lấy của nước ấy đủ để làm dân giàu, nuôi binh sĩ không thiệt đến dân chúng mà họ đã theo phục. Đánh đổ một nước mà thiên hạ không cho là bạo; được hết lợi vùng Tây Hải mà thiên hạ không cho là tham. Thế là ta làm một việc mà có cả danh lẫn thực, lại còn có cái tiếng là trừ bạo, ngăn loạn nữa. Nay ta đánh Hàn tất sẽ uy bức thiên tử, là danh không tốt, mà vị tất đã có lợi, lại mang cái tiếng bất nghĩa. Đánh nước thiên hạ không muốn đánh, thật là nguy vậy. Thần xin bày rõ tại sao. Chu là tôn thất trong thiên hạ, Tề là nước thân thiện với Hàn. Chu tự biết mất chín vạc, Hàn tự biết mất đất Tam Xuyên. Hai nước ấy chung sức hợp mưu, để dựa vào Tề, Triệu mà cầu hòa với Sở, Ngụy. Bệ hạ không thể ngăn họ lấy chín vạc cho Sở, lấy đất cho Ngụy. Thần bảo nguy là thế đấy. Không bằng đánh Thục là kế vạn toàn.

Huệ Vương nói:

- Phải, quả nhân xin nghe nhà ngươi.

Rồi đem binh đánh Thục. Đến tháng mười lấy được Thục. Bèn bình định nước Thục, truất Thục Vương đổi hiệu làm hầu, rồi khiến Trần Trang làm thừa tướng nước Thục.

Thục đã thuộc Tần, Tần vì thế càng giàu mạnh khinh chư hầu. Năm thứ 10 thời Tần Huệ Vương, vua Tần sai công tử Hoa cùng Trương Nghi vây Bồ Dương, Bồ Dương phải hàng. Nghi nhân nói với Tần lại thân thiện với Ngụy, rồi sai công tử Do làm con tin ở Ngụy.

Nghi nhân nói với Ngụy Vương:

- Tần Vương đãi Ngụy rất hậu, Ngụy không thể vô lễ được.

Ngụy nhân nộp đất Thượng Quận, đất Thiệu Dương để tạ Tần Huệ Vương. Tần Vương bèn cho Trương Nghi làm thừa tướng, đổi tên Thiệu Dương gọi là Hạ Dương. Nghi làm thừa tướng nước Tần được bốn năm, lập Huệ Vương làm “vương”. Một năm sau khi Nghi làm thừa tướng, nước Tần đánh lấy đất Thiểm, đắp ải Thượng Quận; hai năm sau Tần sai Nghi đi hội với tướng các nước Tề, Sở tại Khiết Tang. Khi từ phương Đông trở về, Nghi thôi không làm thừa tướng.

Nghi sang làm tướng quốc nước Ngụy, bảo Ngụy Vương: “Tần muốn Ngụy thờ Tần trước để chư hầu bắt chước”. Ngụy Vương không chịu nghe Nghi. Tần Vương giận, đánh lấy đất Khúc ốc, Bình Chu của Ngụy lại ngầm đãi Trương Nghi càng hậu. Trương Nghi thẹn không có gì để về báo đáp Tần lưu ở lại Ngụy bốn năm. Ngụy Tương Vương chết. Ai Vương lên ngôi, Trương Nghi lại nói với

Ai Vương, Ai vương không nghe. Trương Nghi ngầm bảo Tần đánh Ngụy. Ngụy đánh nhau với Tần bị thua. Năm sau Tề lại đánh bại Ngụy ở bến Quán Tân. Tần lại muốn đánh Ngụy, trước tiên đánh bại quân của Thân Sai nước Hàn, chém tám vạn thủ cấp. Chư hầu khiếp sợ. Trương Nghi lại bảo với Ngụy Vương:

- Đất của nước Ngụy vuông không đầy nghìn dặm, quân không quá ba mươi vạn người, bốn bề bằng phẳng, các phía thông với chư hầu, không có núi cao sông lớn ngăn trở. Đi từ Trịnh đến Lương(5) hơn hai trăm dặm xe chạy người đi không phải vất vả mà đến được. Nước Lương ở phía Nam, giáp giới nước Sở; phía Tây giáp giới nước Hàn; phía Bắc giáp giới nước Triệu; phía Đông giáp giới nước Tề; binh sĩ đi thú giữ nơi đồn lũy ở bốn phía không đến mười vạn. Địa thế nước Lương rõ ràng là bãi chiến trường. Nước Lương phía Nam thân với Sở, không thân với Tề, thì Tề đánh ở mặt Đông; phía Đông thân với Tề không thân với Triệu, thì Triệu đánh ở mặt Bắc không hòa hợp với Hàn thì Hàn đánh ở mặt Tây; không thân với Sở thì Sở đánh ở mặt Nam. Nói ở cái cảnh chia năm xẻ bảy là như thế. Vả lại chư hầu hợp tung là để yên xã tắc, làm cho vua được tôn quý, quân được mạnh và nổi tiếng vậy. Nay những kẻ hợp tung chủ trương thống nhất thiên hạ ước làm anh em, giết ngựa trắng ăn thề trên sông Hoàn Thủy để giữ vững cho nhau. Nhưng anh em thân cùng một cha mẹ còn tranh nhau tiền tài, muốn dùng lối lừa dối để lật nhau. Rõ ràng cái mưu thừa của Tô Tần không thể thành được. Nếu đại vương không chịu theo Tần, Tần sẽ đem quân xuống đánh miền Hà Ngoại, chiếm cứ Quyển Diển, Toan Tảo, uy bức nước Vệ, lấy Dương Tân thì Triệu sẽ không đi xuống phía Nam được; Triệu không đi xuống phía Nam thì Lương không lên Bắc được; Lương không đi lên miền Bắc thì con đường hợp tung đứt; con đường hợp tung đứt thì không thể nào nước của đại vương không nguy. Tần dọa Hàn để đánh Lương. Hàn bị Tần ép, Hàn với Tần làm một, Lương có thể đứng đợi mất nước được, thần thấy lo cho đại vương về chỗ ấy. Đối với đại vương chẳng có kế gì bằng thờ Tần. Thờ Tần thì Sở, Hàn không dám cự quấy. Đại vương không lo về Sở, Hàn thì cứ việc nằm khểnh, nước chắc chắn không phải lo ngại gì. Vả lại nước mà Tần muốn làm yếu nhất là Sở; mà nước làm Sở yếu thì không nước nào bằng Lương, Sở tuy có danh là giàu lớn, nhưng thực ra thì trống rỗng. Quân nước ấy tuy nhiều, nhưng dễ chạy hay trốn. không chiến đấu bền bỉ được. Nay đem tất cả quân của Lương quay về phía Nam để đánh Sở thì nhất định thắng Sở. Cắt nước Sở để mở rộng Lương, bớt xén Sở để vừa lòng Tần; gây họa cho nước khác để nước mình được yên, đó là việc hay. Nếu đại vương không nghe thần, Tần cho binh sĩ mặc áo giáp đi đánh miền Đông, bấy giờ dầu muốn thờ Tần cũng không thể được. Vả lại, kẻ theo chước hợp tung chỉ nói hăng, nhưng ít đáng tin. Thuyết phục được một chư hầu là được phong hầu, cho nên kẻ sĩ dù thuyết trong thiên hạ không ai không ngày đêm nắm tay trợn mắt nghiên răng để thuyết phục các vị vua về sự tiện lợi của hợp tung; các vị vua khen lời bàn luận là hay, rồi cứ bám riết lấy lời nói của họ, làm sao khỏi lầm được. Thần nghe nói “chất lông chim sẽ làm chìm thuyền; chở nhiều vật nhẹ sẽ làm gãy trục xe, miệng người ta làm chảy loài kim, nhiều lời gièm pha làm tan cốt nhục!”. Xin đại vương xét kỹ kế bàn và cho xin hài cốt(6) để rời khỏi nước Ngụy.

Ai Vương bèn bỏ hợp tung rồi nhờ Nghi, xin hòa với Tần.

Trương Nghi về lại làm thừa tướng nước Tần. Được ba năm, Ngụy lại chống Tần, lo hợp tung. Tần đánh Ngụy lấy đất Khúc Ốc. Năm sau Ngụy lại thờ Tần. Tần muốn đánh Tề. Tề, Sở hợp tung với nhau. Vì thế, Trương Nghi sang làm thừa tướng nước Sở. Sở Hoài Vương nghe Trương Nghi đến, để dành cái nhà to cho Nghi ở, nói:

- Nước tôi là nước xa xôi hủ lậu, ông có gì dạy bảo không?

Nghi nói với Sở Vương:

- Đại vương nếu nghe thần, đóng cửa quan tuyệt giao ước với Tề thì thần xin dâng đất Thượng Ư sáu trăm dặm, khiến con gái Tần được làm thiếp hầu hạ quét tước cho đại vương. Hai nước Tần, Sở lấy vợ gã chồng với nhau thành nước anh em mãi mãi. Thế là phía Bắc thì làm yếu nước Tề mà phía Tây làm ích nước Tần đây. Không kể gì tiện bằng thế.

Sở Vương thích lắm nên nghe theo. Quân thần đều chúc mừng, chỉ một mình Trần Chấn chia buồn với nhà vua. Sở Vương giận nói:

- Quả nhân không phải cử binh xuất quân mà được sáu trăm dặm đất, quân thần đều mừng, một mình người chia buồn là tại làm sao?

Trần Chấn thưa:

- Không phải. Theo điều thần thấy thì không thể lấy được đất Thượng Ư mà trái lại Tề với Tần sẽ hòa hợp. Tần với Tề hòa hợp thì điều lo ngại nhất định sẽ đến.

Sở Vương nói:

- Ông lấy gì làm căn cứ để nói thế.

Trần Chân thưa:

- Tần trọng Sở chẳng qua là vì có Tề. Nay Sở đóng cửa quan, tuyệt giao với Tề thì Sở lại bị cô lập. Tần mong chờ gì ở cái nước bị cô lập mà cho sáu trăm dặm đất Thượng Ư? Trương Nghi về Tần, thế nào cũng phụ bệ hạ, thế là phía Bắc ta tuyệt giao với Tề; phía Tây phải lo lắng với Tần vậy. Rồi quân lai nước ấy thế nào cũng đều đến. Đối với bệ hạ, không kể gì bằng bề trong ngầm hợp với Tề mà bề ngoài thì tuyệt giao với Tề. Sai người theo Trương Nghi. Họ cho ta đất, ta sẽ tuyệt giao với Tề cũng chưa muộn. Họ không cho ta đất thì ta cứ ngầm hợp với Tề để mưu tính.

Sở Vương nói:

- Xin ông Chân cầm miệng đừng nói nữa để đợi quả nhân được đất đã.

Bèn trao ấn tướng quốc cho Trương Nghi và cho Nghi nhiều cửa. Rồi đóng cửa tuyệt giao với Tề. Lại sai một viên tướng quân đi theo Trương Nghi. Trương Nghi đến Tần, giả vờ làm bị đứt dây vịn ghế xe, ba tháng không vào châu. Sở Vương nghe tin nói:

- Nghi cho quả nhân chưa kiên quyết tuyệt giao với Tề ư?

Bèn sai dâng sĩ sang Tống, mượn phù tiết của Tống, sang Bắc mắng Tề Vương, Tề Vương giận lắm, nên lòng chịu phục tùng Tần. Tình giao hảo của Tần với Tề lại nối lại, Trương Nghi mới vào châu, bảo sứ giả của Sở:

- Thần có sáu trăm dặm đất ăn lộc xin hiến để dâng tả hữu của đại vương(7).

Sứ giả của Sở nói:

- Thần được lệnh của vương là lấy sáu trăm dặm đất của Thượng Ư, chứ không thấy nói sáu dặm.

Sứ giả về báo với Sở Vương, Sở Vương giận lắm, đem quân đánh Tần. Trần Chân nói:

- Chân có thể mở miệng nói được chăng? Đánh Tần chẳng bằng cắt đất để cho Tần, cùng Tần hợp quân để đánh Tề. Thế là ta bỏ đất ra cho Tần mà được bù lại ở Tề vậy. Như thế nước của vương ngõ hầu có thể còn.

Sở Vương không nghe. Cuối cùng đem quân đi và sai tướng quân Khuất Cái đánh Tần. Tần, Tề cùng đánh Sở, chém tám vạn thủ cấp, giết Khuất Cái, lấy đất Đan Dương, Hán Trung. Sở lại đem thêm quân để đánh úp Tần. Đến Lam Điền đánh nhau ở đó. Sở thua to. Sở bèn cắt hai thành để hòa với Tần. Tần đòi Sở cho đất Kiềm Trung, muốn lấy đất ngoài Vũ Quan để đổi. Sở Vương nói:

- Không muốn đổi đất, muốn được Trương Nghi rồi sẽ dâng đất Kiềm Trung.

Tần Vương muốn cho Nghi đi, nhưng miệng không nở nói. Trương Nghi bèn xin đi. Huệ Vương nói:

- Sở Vương giận ông nói dối về việc hiến đất Thượng Ư, tức là sẽ giết ông cho hả giận.

Trương Nghi nói:

- Tần mạnh, Sở yếu. Thần quen Cận Thượng. Thượng được hầu hạ Sở phu nhân là Trịnh Tụ. Tụ nói gì Sở Vương cũng nghe. Và lại, thần mang phù tiết của vương sang sứ nước Sở, Sở sao dám giết? Dù cho họ giết thân mà Tần được đất Kiềm Trung thì đó là điều thần mong muốn nhất.

Nghi bèn đi sứ sang Sở. Sở Hoài Vương được Nghi, liền bỏ tù, toan giết đi. Cận Thượng bảo Trịnh Tụ:

- Phu nhân có biết phu nhân sẽ không được nhà vua yêu quý không?

Trịnh Tụ nói:

- Sao vậy? .

Cận thần nói:

- Tần Vương yêu Trương Nghi lắm, nhất định sẽ làm cho ông ta thoát nạn. Nay Tần sẽ lấy sáu huyện đất Thượng Dung biếu Sở, lấy mỹ nhân dâng Sở, lấy người hát hay ở trong cung đưa sang Sở. Vương trọng đất, tôn Tần, con gái nước Tần thế nào cũng được yêu quý, phu nhân sẽ bị đuổi. Chỉ bằng phu nhân nói để tha Nghi ra.

Trịnh Tụ ngày đêm nói với Hoài Vương:

- Bầy tôi ai cũng làm việc cho vua của mình. Nay đất của Sở chưa nhập vào Tần, Tần đã sai Trương Nghi đến, là trọng bệ hạ. Bệ hạ chưa có lễ đáp lại mà lại giết Trương Nghi, Tần tất giận mà đánh

Sở. Thiếp xin cho mẹ con dời đi Giang Nam, để không bị Tần giết chết.

Hoài Vương sau đó hối rồi tha Trương Nghi, hậu đãi Nghi như trước, Trương Nghi đã được ra, chưa đi thì nghe thấy tin Tô Tần chết. Bèn nói với Sở Vương:

- Đất Tần chiếm một nửa thiên hạ, binh đánh lại được bốn nước(8) Quân dũng sĩ mạnh như hổ có hơn trăm vạn người, xe nghìn cỗ, ngựa vạn con, thóc chất như gò núi. Pháp lệnh đã rõ ràng, sĩ tốt đều không sợ khó khăn, vui với cái chết. Vua sáng và nghiêm, tướng quân nhiều mưu trí lại vũ dũng. Tuy không xuất quân, nhưng nếu thu lấy nơi hiểm vùng núi Thường Sơn như cuốn chiếu thì thế nào cũng làm gãy xương sống của thiên hạ. Thiên hạ nước nào thần phục sau thì sẽ mất trước, và lại theo kế hợp tung, không khác gì xua đàn dê để đánh mãnh hổ; dê không địch lại hổ, điều đó rõ ràng lắm. Nay đại vương không theo mãnh hổ mà lại theo đàn dê, thần trộm cho kế của đại vương là nhầm. Tóm lại nước mạnh trong thiên hạ không Tần thì Sở, không Sở thì Tần. Hai nước tranh giành nhau, ta không thể cùng đứng được Đại vương không theo Tần, Tần đem quân xuống giữ Nghi Dương, đất phía trên của Hàn không giao thông được, đem quân xuống Hà Đông lấy Thành Cao, Hàn thế nào cũng phải vào thần phục Tần; Lương cũng cúi rạp theo gió. Tần đánh phía Tây của Sở, Hàn, Lương đánh phía Bắc của Sở, xã tắc của Sở làm sao khỏi nguy được? Vả lại những kẻ theo kế hợp tung hợp các nước yếu để đánh nước hết sức mạnh, không lượng kẻ địch mà đánh liều; nước nghèo mà dấy binh luôn, ấy là con đường nguy vong đấy. Thần nghe nói “quân không bằng người ta thì chớ khiêu chiến với họ, thóc không bằng người ta thì chớ cầm cự lâu với họ”. Nay bọn theo kế hợp tung, dùng lý luận suông, dùng lời trống rỗng, tán dương tiết hạnh của các vị vua, nói cái lợi mà không nói cái hại, nếu đột nhiên bị Tần gây họa thì không kịp lo đến mình. Thế cho nên thần muốn đại vương tính việc đó cho chín. Tần ở phía Tây có đất Ba, đất Thục, thuyền to chứa thóc, đi đường sông từ Ván Sơn, xuống đến Sở hơn ba nghìn dặm, dùng thuyền đôi chở quân, mỗi thuyền trở được năm mươi người với lương ăn ba tháng, thuyền đi một ngày hơn ba trăm dặm. Số dặm dài nhiều, nhưng không phí sức trâu ngựa. Không đến mười ngày mà đến Hãn Quan, Hãn Quan hoảng kinh, thì từ biên giới về phía Đông, đều giữ lấy thành tất cả. Thế là Kiểm Trung, Vu Quận không phải là đất của đại vương nữa. Tần cử binh ra cửa Vũ Quan, hướng về phía Nam để đánh, thì đất miền Bắc của Sở bị cắt đứt. Quân Tần đánh Sở, điều nguy nan xảy ra chỉ trong vòng ba tháng, mà Sở e hờ cứu viện của chư hầu phải hơn nửa năm, ấy là thế không kịp nhau vậy. Đợi nước yếu cứu, quên cái vạ của Tần mạnh, đó là điều thần lo cho đại vương đấy. Đại vương đã cùng quân Ngô đánh nhau, đánh năm trận thắng ba. Quân đi chiến trận hết cả, chỉ riêng việc giữ thành mới lấy được, giữ gìn dân cư, đã là khổ sở rồi. Thần nghe nói: “Công to thì dễ nguy, dân khổ thì oán người trên”. Nay giữ lấy cái công dễ nguy để làm hài lòng nước Tần mạnh, thần trộm cho thế là nguy cho đại vương. Vả lại Tần sở dĩ không đem quân ra cửa Hàm Cốc trong mười lăm năm nay để đánh Tề, Triệu là vì có âm mưu thôn tính cả thiên hạ. Sở đã gây hấn với Tần, đánh nhau ở Hán Trung, người Sở bị thua, hạng tước hầu cầm khuê(9), chết hơn bảy mươi người, kết quả mất Hán Trung. Sở Vương cả giận, cử binh đánh úp Tần ở Lam Điền. Thế nghĩa là như người ta nói “hai hổ đánh nhau” đấy. Nay Tần, Sở đánh nhau mỗi một mà Hàn, Ngụy còn nguyên vẹn lại không chế ở phía sau, thật không có kẻ nào nguy hơn thế nữa? Xin đại vương tính kỹ cho. Tần đem quân đánh Vệ và Dương Tấn, tức là mởtoang lòng ngực của thiên hạ. Đại vương đem tất cả quân để đánh Tống, không đầy vài tháng có thể lấy được Tống. Tống đã bị lấy, bèn đi về phía Đông, thì mười hai nước chư hầu ở trên sông Tứ sẽ là của đại vương hết. Người trong thiên hạ chủ trương hợp tung để các nước bảo vệ cho nhau được bền vững là Tô Tần. Tần được phong làm Vũ An Quân rồi làm tướng quốc nước Yên. Tô Tần ngầm mưu với Yên Vương, đánh phá Tề mà chia đất Tề. Rồi vờ làm có tội, chạy sang nước Tề. Tề Vương nhân đấy nhận mà cho làm tướng quốc. Tô Tần ở Tề hai năm Tề Vương mới hiểu, giận lắm, dùng xe ngựa xé xác Tô Tần ở chợ, anh chàng Tô Tần muốn dùng lời dối trá để kinh doanh thiên hạ, thống nhất chư hầu, rõ ràng không thể thành công được. Nay Tần với Sở bờ côi tiếp nhau, cố nhiên là nước hình thế gần gũi. Đại vương nếu quả nghe thần, thần xin bảo thái tử của Tần vào làm con tin ở Sở, thái tử của Sở làm con tin ở Tần. Xin đem con gái của Tần để làm người thiếp quét dọn cho đại vương, dâng đô thị muôn nhà để làm ấp của đại vương. Hai nước làm anh em mãi mãi, suốt đời không đánh nhau. Thần cho không gì tiện bằng kế ấy.

Bấy giờ Sở Vương đã được Trương Nghi, nhưng lại không muốn đem đất Kiểm Trung cho Tần. Sở Vương định nghe theo Trương Nghi, Khuất Nguyên nói:

- Trước đại vương đã bị Trương Nghi lừa dối. Trương Nghi đến, thần tướng đại vương giết hắn. Nay đã không nỡ giết mà lại nghe các tà thuyết của hắn là không nên.

Hoài Vương nói:

- Nghe Trương Nghi mà vẫn giữ đất Kiềm Trung là lợi to đấy Ta sẽ được lợi gấp đôi.

Sở Vương rút cục vẫn nghe theo Trương Nghi thân thiện với Tần.

Trương Nghi ở Sở ra đi, nhân tiện sang Hàn, nói với Hàn Vương:

- Đất nước Hàn hiểm trở, ở nơi đồi núi. Ngũ cốc ở đây chẳng qua chỉ có đỗ và lúa mạch. Thức ăn của dân chẳng qua đại để chỉ có đỗ và canh rau hoắc. Hễ một năm mất mùa không thu hoạch được là dân ăn tằm, cám không no. Đất chẳng qua có chín trăm dặm, không đủ thức ăn trong hai năm. Tất cả quân của đại vương, chẳng quá ba mươi vạn người, kể cả những người sai phái, khuôn vác, trừ số quân canh ở biên cương, giữ nơi hiểm yếu, thì số quân chẳng quá hai mươi vạn mà thôi. Nước Tần quân mặc áo giáp hơn trăm vạn người, xe nghìn cỗ, ngựa vạn con. Hạng người dũng mãnh như hổ, đầu không đội mũ trụ, hai tay ôm má, cầm giáo hăng hái xông vào giữa quân địch đông không thể kể xiết. Ngựa của Tần hay, quân lính đông. Ngựa chạy chân trước cước, chân sau đạp, khoảng chân trước chân sau cách nhau đến ba tầm. Số ngựa chạy nhanh không biết bao mà kể. Quân sĩ của Sơn Đông, mặc áo giáp, đội mũ trụ để đánh. Quân của Tần, bỏ áo giáp, xắn tay áo xông vào giữa quân địch đông, tay trái xách đầu giặc, tay phải cắp tù binh. Quân sĩ của Tần so với quân sĩ Đông Sơn cũng như Mạnh Bôn so với kẻ nhát; lấy sức mạnh đè ép nhau, cũng như Ô Hoạch với đứa con thơ. Đem quân sĩ như Mạnh Bôn, Ô Hoạch đi đánh nước yếu không phục, thì có khác gì buông sức nặng nghìn quân(10) lên trên quả trứng chim, tất nhiên là không thể sống sót vậy. Nay quân thần các nước chư hầu không hiểu đất nước mình nhỏ và ít, lại theo lời ngon ngọt, khéo léo của kẻ theo hợp tung, a dua để tô vẽ cho nhau. Họ đều hăm hở nói rằng: “Nghe kẻ của ta, có thể làm cho nước mạnh, làm bá thiên hạ”. Ôi? Họ không nghĩ đến cái lợi lâu dài của xã tắc mà lại nghe theo lời nói trong chốc lát, không có gì lừa dối nhà vua hơn thế. Đại vương không thờ Tần, Tần đem quân xuống chiếm giữ Nghi Dương, cắt đứt đất miền trên của Hàn. ở phía Đông, Tần lấy Thành Cao, Huỳnh Dương thì cung Hồng Đài, vườn Tang Lâm không phải là đất đại vương có nữa. Nếu họ chặn Thành Cao, cắt đứt Thượng Địa thì nước của đại vương sẽ bị chia xẻ. Thờ Tần trước thì được yên, không thờ Tần thì bị nguy; nếu gây ra họa để cần được báo phúc, tính kế nông nổi để kết oán sâu, thì ai Tần để thuận Sở, thì dù muốn không mất nước cũng không thể được. Cho nên đối với đại vương không có gì bằng thờ Tần. Tần chẳng muốn gì hơn là làm cho Sở yếu. Không nước nào làm cho Sở yếu bằng nước Hàn. Đó không phải là vì Hàn mạnh hơn Sở đâu; mà vì địa thế khiến như vậy. Nay đại vương về Tây mà thờ Tần để đánh Sở thì Tần Vương chắc chắn sẽ mừng. Đánh Sở để lấy lợi cho đất mình, chuyển họa làm vui lòng Tần, không kể gì tiện hơn thế!

Hàn Vương nghe theo kế của Trương Nghi.

Trương Nghi về báo với Tần Huệ Vương. Tần Huệ Vương phong cho Nghi năm ấp gọi là Vũ Tín Quân. Rồi sai Trương Nghi đi sang Đông, nói về Tề Mẫn Vương:

- Trong thiên hạ không nước nào mạnh hơn Tề. Đại thần phụ huynh giàu thịnh đông vui. Thế mà những người bày kế cho đại vương đều nói chuyện nhất thời, không nghĩ cái lợi trăm đời. Những kẻ theo hợp tung chắc chắn nói với đại vương: “Nước Tề ở phía Tây có nước Triệu mạnh, ở phía Nam có nước Hàn, nước Lương. Tề là nước nhờ cậy có bề. Đất rộng dân nhiều, quân mạnh, tướng dũng cảm. Dầu có trăm nước Tần cũng không làm gì được Tề Đại vương cho lời nói của họ là hay, mà không tính đến sự thực. Những kẻ theo hợp tung bè đảng a dua, ai cũng cho hợp tung là phải. Thần nghe Tề với Lỗ ba lần đánh nhau. Lỗ ba lần thắng, rồi sau đó nước diệt vong. Tuy có cái tiếng là thắng, nhưng thực ra là mất nước, thế là có làm sao? Vì Tề lớn mà Lỗ nhỏ. Nay Tần với Tề cũng như Tề với Lỗ vậy. Tần và Triệu đánh nhau ở sông Chương, hai lần đánh thì hai lần Triệu thắng Tần; đánh nhau ở gần Bàn Ngô, hai lần đánh thì hai lần Triệu thắng Tần: Sau bốn trận đánh nhau, Triệu mất vài chục vạn quân. Hàm Đan mới còn, tuy được cái tiếng thắng Tần, nhưng nước đã bị tan nát. Vì sao thế Vì Tần mạnh mà Triệu yếu. Nay nước Tần, nước Sở gả con cho nhau, làm nước anh em. Hàn dâng đất Nghi Dương, Ngụy hiến đất Hà Ngoại, Triệu vào châu ở Dẫn Trì, cắt đất Hạ Gian để thờ Tần. Đại vương không thờ Tần, Tần sẽ xui Hàn, Lương đánh đất phía Nam của Tề, đem tất cả quân của Triệu vượt sông Thanh Hà, hướng tới Bắc Quan thì Lâm Trì, Tức Mặc sẽ không phải là đất của đại vương nữa. Một khi nước đã bị đánh, dầu đại vương

muốn thờ Tần cũng không thể được. Thế cho nên xin đại vương tính việc đó cho kỹ.

Tề Vương nói:

- Nước Tề ở xa xôi hẻo lánh trên bề Đông Hải, chưa hề được nghe điều lợi lâu dài của xã tắc.

Bèn nghe lời Trương Nghi.

Trương Nghi đi sang phía Tây, nói với Triệu Vương:

- Tần Vương của tề áp sai thần dâng kế ngu muội lên đại vương. Đại vương cầm đầu thiên hạ để bài xích Tần. Quân của Tần không dám ra cửa Hàm Cốc đã mười năm nay. Uy thanh của đại vương lan ra vùng Sơn Đông. Tề áp sợ hãi thế áo giáp, mài binh khí, sắm xe ngựa, tập ruổi ngựa bắn tên, ra sức làm ruộng, tích trữ thóc, giữ bờ cõi bốn bề, buồn sầu lo sợ không dám ho he, đó là vì đại vương có ý trách lỗi tề áp sâu sắc. Nay với lực lượng của đại vương lại muốn lấy đất Ba; đất Thục, chiếm Hán Trung thôn tính hai Chu, dời chín vạn giữ bến Bạch Mã; Tần tuy ở xa xôi, nhưng trong lòng tức giận nung nấu đã lâu. Nay Tần có binh sĩ mặc áo giáp mỗi yếu đóng ở Dẫn Trì, vượt sông Hà, qua sông Chương chiếm giữ Bàn Ngô, hội ở dưới Hàm Đan, xin định ngày giáp tí hợp chiêu để sửa lại cái việc của chúa Trụ nhà Ân(11). Kính sai thần đến nói trước để tỏ hữu của đại vương biết. Đại vương tin những kẻ theo chước hợp tung là cậy có Tô Tần. Tô Tần đánh lừa chư hầu lấy phải làm trái, lấy trái làm phải. Muốn phản nước Tề, lại sai xé xác mình ở chợ. Rõ ràng là thiên hạ không thể thống nhất được. Nay Sở với Tần là nước anh em, mà Hàn, Lương xưng thần làm hàng rào phía Đông; Tề dâng đất sản xuất ra cá muối, thế là chặt một cánh tay phải của Triệu. Mất cánh tay phải mà cùng người chiến đấu mất bề cánh, bị cô lập, làm sao khỏi nguy được? Nay Tần đem ba đạo quân: một đạo chặn Ngộ Đạo, bảo Tề cử quân sang dò sông Thanh Hà, đóng ở phía Đông Hàm Đan; một đạo đóng ở Thành Cao, xua quân của Hàn, Lương ra Hà Thủy; một đạo đóng ở Dẫn Trì, ước với bốn nước cùng nhau hợp nhất để đánh Triệu. Triệu hàng phục thì đất của Triệu sẽ bị chia tư. Vì thế cho nên thần không dám giấu ý, ẩn tình, xin nói trước để tỏ hữu của đại vương biết. Thần trộm nghĩ đối với đại vương chẳng gì bằng gặp Tần Vương ở Dẫn Trì, mặt trông thấy nhau và miệng giao kết với nhau, xin đóng quân lại, không đánh nhau. Mong đại vương quyết định kế cho. Triệu Vương nói:

- Thời tiên vương, Phụng Dương Quân chuyên quyền cậy thế, che giấu tiên vương, một mình cai quản công việc. Quả nhân ở trong cung, dựa vào các quan Sư, Phó, không dự bàn việc nước. Tiên vương mất đi, quả nhân tuổi còn ít, ngày phụng tự còn mới, trong lòng vẫn trộm nghi ngờ về việc ấy cho là theo phe hợp tung không thờ Tần không phải là cái lợi lâu dài cho nước, nên muốn thay lòng đổi ý, cắt đứt tạ lỗi trước để thờ Tần. Đang định ruổi xe đi mau, chợt được nghe lời bảo sáng rõ của sứ giả.

Triệu Vương nghe theo Trương Nghi.

Trương Nghi bèn đi về phía Bắc, đến nước Yên, nói với Yên Chiêu Vương:

- Nước mà đại vương thân thiện, không đâu bằng Triệu. Xưa Triệu Tương Tử đã gả chị cho vua nước Đại. Triệu Tương Tử thôn tính nước Đại bèn hẹn với vua nước Đại gặp nhau ở ải Câu Chú. Tương Tử sai thợ làm cái môi múc bằng kim khí có cán dài, có thể dùng để đánh người. Tương Tử cùng vua nước Đại uống rượu ngăm dạn người nhà bếp: “Khi chén đã vui say thì bùng ngay canh nóng lên, quay môi múc để đánh nó”. Bấy giờ uống rượu vui say, đến lúc dâng canh nóng, nhà bếp bùng canh lên, nhân quay môi đánh vua nước Đại chết. óc ở đầu vua nước Đại nhảy nhả ra đất. Chị của Tương Tử nghe tin ấy, bèn mài trâm để tự đâm mình, cho nên đến nay có núi tên là Ma Trâm (mài trâm). Chuyện vua nước Đại bị bại vong, thiên hạ ai cũng nghe. Nay Triệu Vương tham lam, tàn bạo, đại vương đã thấy rõ điều đó. Và lại đại vương cho Triệu Vương là đáng thân chăng? Triệu cử quân đánh Yên hai lần vây quốc đô nước Yên để uy hiếp, đại vương cắt mười thành để tạ Triệu. Nay Triệu Vương đã vào châu ở Dẫn Trì, dâng đất Hà Gian để thờ Tần. Nếu đại vương không thờ Tần, Tần sẽ đem quân xuống Vân Trung, Cửu Nguyên, xua quân Triệu để đánh Yên, thì Dịch Thủy, Trường Thành không phải là đất của đại vương nữa. Và lại ngày nay, Triệu đối với Tần cũng như là quận, huyện của Tần vậy, không dám cử quân cản bậy để đánh. Nay đại vương thờ Tần, Tần Vương tất mừng, Triệu không dám hành động bậy. Thế là ở phía Tây đại vương có nước Tần mạnh giúp đỡ, mà ở phía Nam không có tai vạ Tề, Triệu. Vì thế, nên mong đại vương tính toán kỹ điều đó cho.

Yên Vương nói:

- Quả nhân là man di ở xa, tuy là người lớn, nhưng chỉ như đứa trẻ con, không có đủ trí khôn để theo một mưu kế gì. Nay may được thượng khách chỉ bảo cho xin hướng về phía Tây để thờ Tần, dâng cho Tần năm thành ở cuối núi Hằng Sơn.

Yên Vương nghe Nghi. Nghi về báo, chưa đến Hàm Dương thì Tần Huệ Vương đã chết. Vũ Vương lên ngôi. Vũ Vương từ khi còn là thái tử đã không ưa Trương Nghi. Đến khi lên ngôi, quần thần phần nhiều gièm pha Trương Nghi,

nói:

- Chớ tin hắn, hắn chỉ xoay xở bán nước để được người ưa. Nếu Tần còn dùng hắn nữa e làm thiên hạ cười.

Chư hầu biết Trương Nghi thôi không được Vũ Vương dùng, đều bỏ liên hoành, lại hợp tung.

Năm đầu thời Tần Vũ Vương, quần thần ngày đêm ghét Trương Nghi chưa thôi, thì những lời trách móc của Tề lại dồn đến. Trương Nghi sợ bị giết, bèn nói với Tần Vũ Vương:

- Nghi có cái kế vụng về, xin hiến đại vương.

Vũ Vương nói:

- Thế nào?

Nghi nói:

- Muốn mưu tính cho xã tắc nước Tần, thì phương Đông phải có biến cố to, đại vương mới có thể cất lấy được nhiều đất. Nay nghe nói Tề Vương rất ghét Nghi, Nghi ở đâu, Tề tất cử quân đánh đấy. Cho nên Nghi xin đại vương cho mang cái thân ngu dân này đi sang Lương. Tề thế nào cũng đem quân đánh Lương. Quân của Lương, Tề cầm cự mãi ở dưới thành không dám rời nhau, đại vương nhân dịp ấy đánh Hàn, vào Tam Xuyên, đem quân ra cửa Hàm Cốc, kéo đến kinh đô Chu, không đánh chắc gì mà đồ tế tự của Chu tất phải đem ra. Mượn uy thế thiên tử, cầm những đồ tịch. ấy là vương nghiệp đấy.

Tần Vương lấy làm phải, mới sắp đủ ba mươi cỗ binh xa để đưa Trương Nghi vào Lương. Tề quả nhiên đưa quân đánh Lương. Lương Ai Vương sợ lắm. Trương Nghi nói:

- Đại vương chớ lo. Tôi xin bắt Tề bãi binh.

Nghi bèn sai môn hạ là Phùng Hỷ sang Sở, nhân tiện sai ông ta sang Tề, bảo Tề Vương:

- Đại vương rất ghét Trương Nghi. Tuy nhiên đại vương giữ Nghi ở Tần cũng là hậu đây.

Tề Vương nói:

- Quả nhân ghét Nghi, Nghi ở đâu ta tất cử binh đánh đấy. Sao lại cho là giữ hắn?

Sứ giả thưa:

- Thế là vương giữ Nghi đấy. Khi Nghi ra đi, vốn đã dặn Tần Vương: “Muốn mưu tính cho nhà vua thì phương Đông phải có biến lớn, nhà vua mới có thể cất lấy được nhiều đất. Nay Tề Vương rất ghét Nghi, Nghi ở đâu tất cử binh đánh đấy. Cho nên Nghi xin cho lại cái thân ngu dân để đi sang Lương. Tề tất cử quân đánh Lương. Quân của Tề, Lương cầm cự nhau mãi ở dưới thành không dám rời nhau. Nhân dịp ấy đại vương đánh Hàn, vào Tam Xuyên, kéo quân ra cửa Hàm Cốc, rồi kéo đến kinh đô nhà Chu, không đánh chắc gì mà đồ tế tự của Chu tất phải đem ra, rồi mượn uy thế thiên tử, cầm những đồ tịch của Chu. ấy là vương nghiệp đấy”, Tần Vương lấy làm phải, mới sắp đủ ba mươi cỗ binh xa để đưa Nghi vào Lương. Thế là Lương ở trong, tự làm mọi việc nước mình; mà ở ngoài đi đánh nước giao hiếu với mình. Mở rộng kẻ thù địch, ở bên láng giềng để tự làm nguy mình, và làm cho Nghi được Tần Vương tin cậy. Thần bảo giữ Nghi.

là thế đấy.

Tề Vương nói:

- Phải.

Bèn sai bãi binh. Trương Nghi làm tướng ở nước Ngụy một năm, chết ở nước Ngụy.

2. Trần Chấn là kẻ sĩ du thuyết, cùng với Trương Nghi thờ Tần Huệ Vương đều được quý trọng và tranh nhau được nhà vua yêu. Trương Nghi nói xấu Trần Chấn với Tần Vương:

- Chấn trọng của, khinh sứ giả. Tần, Sở sẽ là hai nước giao hiếu với nhau. Nay Sở không thân thêm với Tần mà lại thân với Chấn, thế mà Chấn lo cho mình nhiều mà lo cho đại vương thì ít đấy. Vả lại Chấn muốn bỏ Tần để sang Sở, sao đại vương không cho đi?

Nhà vua bảo Trần Chấn:

- Ta nghe nói người muốn bỏ Tần sang Sở, việc ấy có không?

Trần Chấn nói:

- Có

Tần Vương nói:

- Lời của Nghi quả đúng thật.

Trần Chấn nói:

- Không những một Nghi biết mà những kẻ sĩ thi thố học thuyết của mình đều biết việc ấy. Ngày xưa Tử Tư trung với vua mà thiên hạ tranh nhau mời ông ta ra làm quan; Tăng Sâm hiếu với cha mẹ mà thiên hạ xin để làm con. Cho nên bán con hầu mà không phải đưa ra khỏi làng xóm, chứng tỏ là con hầu tốt. Bị chồng bỏ mà lại lấy được chồng ở trong làng xóm là người đàn bà giỏi. Nay nếu Chấn bất trung với vua sao Sở lại cho là trung được? Trung mà lại bị bỏ rơi Chấn không đi Sở thì đi đâu?

Nhà vua cho là phải, bèn đãi Chấn tử tế. Chấn ở Tần được một năm, Tần Huệ Vương vẫn dùng Trương Nghi làm thừa tướng. Cuối cùng Trần Chấn chạy sang Sở, Sở chưa trọng dụng Chấn, nhưng sai Chấn đi sứ sang Tần. Khi đi qua Lương, Chấn muốn vào yết kiến Tê Thủ. Tê Thủ từ tạ không tiếp. Chấn nói:

- Tôi đến là vì có việc muốn hỏi ông. Ông không tiếp Chấn. Chấn sắp đi, không đợi được.

Ngày khác Tê Thủ tiếp Chấn, Chấn nói:

- Sao ông thích uống rượu thế?

Tê Thủ nói:

- Vì không có việc.

Trần Chấn nói:

- Tôi xin làm cho ông có nhiều việc được không?

Tê Thủ nói:

- Thế nào?

Trần Chấn nói:

- Điền Nhu (tướng quốc nước Ngụy) ước với chư hầu hợp tung, Sở Vương nghi ngờ chưa tin. ông hãy nói với nhà vua: Thần với Yên Vương, Triệu Vương là chỗ quen biết cũ, họ mấy lần sai người đến nói, không có việc gì sao không gặp nhau? Ông nói với Sở Vương xin đi, Sở Vương cho ông đi, ông đừng xin nhiều xe, chỉ lấy ba chệt cỗ bày ra ở trước sân, rồi nói rõ là đi sang Yên, Triệu.

Thuyết khách của Yên, Triệu nghe biết, ruổi xe về báo với vua họ. Yên, Triệu sai người đón Tê Thủ. Sở Vương nghe vậy giận lắm, nói:

- Điền Nhu cùng quả nhân giao ước, mà Tê Thủ đi sang Yên, Triệu; thế là Điền Nhu lừa dối ta. Vua Sở không nghe theo việc hợp tung của Nhu. Tê nghe tin Tê Thủ đi sang miền Bắc, sai người đem công việc ủy thác cho Tê Thủ, Tê Thủ làm tướng cả ba nước. Công việc đều do Tê Thủ quyết định. Chấn bèn đến Tần. Hàn, Ngụy đánh nhau một năm trời không xong. Tần Huệ Vương muốn cứu họ, hỏi các quan hầu. Có người nói cứu là hơn, có người nói đừng cứu. Huệ Vương chưa quyết định được việc ấy. Chợt Trần Chấn đến Tần, Tần Huệ Vương nói:

- Người bỏ quả nhân đi sang Sở, vậy có nhớ quả nhân không?

Trần Chấn nói:

- Đại vương đã nghe chuyện Trang Tích nước Việt rồi chứ?

Vua nói:

- Chưa nghe.

Trần Chấn nói:

- Trang Tích là người Việt làm quan nước Sở đến tước cầm ngọc khuê. Được ít lâu bị bệnh. Sở Vương nói: “Tích là kẻ hèn mọn ở nước Việt, nay làm quan ở nước Sở đến tước cầm ngọc khuê, thật là phú quý, vậy còn nhớ Việt chăng?”. Quan Trung tả thừa rằng: “Phàm người ta nhớ nhưng thì tất ở lúc có bệnh đau ốm. Hễ nhớ Việt thì nói tiếng Việt, không nhớ Việt thì nói tiếng Sở”. Sai người đến nghe thì ông ta vẫn còn chuộng tiếng Việt. Nay thần tuy bị bỏ đuổi sang Sở, há không nói được tiếng Tần sao?

Huệ Vương bảo:

- Phải. Nay Hàn, Ngụy đánh nhau một năm không xong, có người bảo quả nhân cứu họ là hơn, có người bảo đừng cứu họ. Quả nhân không quyết định được, mong người ngoài việc vì vua của người,

còn vì quả nhân mưu tính việc ấy.

Trần Chấn nói:

- Đã có ai đem chuyện Biện Trang Tử đâm hổ nói với đại vương chưa? Biện Trang muốn đâm hổ, đưa trẻ ở quán trọ ngăn nói rằng: “Hai con hổ sắp ăn thịt con trâu, ăn ngon miệng thế nào chúng cũng tranh nhau, tranh nhau thì phải đánh nhau. Khi đánh nhau thì con hổ lớn bị thương, con hổ nhỏ chết. Nhắm con bị thương mà đâm thì làm một việc mà được cả hai”. Biện Trang Tử cho là phải, đứng chờ. Được một lát hai con hổ quả đánh nhau thật, con lớn bị thương, con nhỏ chết, Biện Trang Tử nhắm con bị thương mà đâm, làm một việc mà quả được cả hai con hổ. Nay Hàn, Ngụy đánh nhau một năm trời không xong, thế nào nước lớn cũng bị thương, nước nhỏ cũng bị mất. Nhắm nước bị thương mà đánh, làm một mà được hai, cũng như chuyện Biện Trang Tử đâm hổ vậy. Vua của thần cũng như đại vương chẳng lo việc gì khác.

Huệ Vương nói:

- Phải

Rồi không cứu ai, nước lớn quả bị thương, nước nhỏ bị mất. Tàn dấy quân đánh được nước lớn. Đó là mưu kế của Trần Chấn.

3. Tê Thủ (tên quan nước Ngụy) là người đất âm Tấn nước Ngụy, tên là Diễn, họ là Công Tôn, Tê Thủ không chơi với Trương Nghi. Trương Nghi vì Tàn sang Ngụy, Ngụy Vương dùng Trương Nghi làm tướng quốc. Tê Thủ bức bội sai người báo Hàn Công Thúc:

- Trương Nghi đã làm cho Tàn, Ngụy giao hiếu với nhau. Hần nói rằng: “Ngụy đánh Nam Dương, Tàn đánh Tam Xuyên”. Ngụy Vương sở dĩ quý Trương Nghi là vì muốn được đất của Hàn và muốn lấy Nam Dương. Tại sao ông không mời ông Công Tôn Diễn đến cho ông ta làm quan to? Nếu làm thế thì có thể cản trở được sự giao hiếu của Tàn và Ngụy. Ngụy tất lo đánh Tàn mà bỏ Nghi, thu nạp Hàn mà dùng Diễn làm tướng quốc.

Công Thúc cho là tiện, nhân giao đất của Hàn cho Tê Thủ để làm công. Quả nhiên Diễn làm tướng quốc nước Ngụy.

Trương Nghi đi. Vua nước Nghĩa Cừ sang triều nước Ngụy. Tê Thủ nghe tin Trương Nghi lại làm thừa tướng nước Tàn, ghét Nghi, bèn nói với vua nước Nghĩa Cừ:

- Đường xa sau này lại không được gặp nhau nữa. Xin bày tỏ sự tình.

Rồi nói:

- Các nước ở Sơn Đông không làm gì thì Tàn được dịp đốt phá, cướp bóc đất nước ngài. Nếu các nước đánh Tàn, Tàn sẽ nhẹ phần sứ giả, nặng phần lễ vật để phụng sự nước ngài.

Đến sau, năm trước đánh Tàn, Trần Chấn báo Tàn Vương:

- Vua nước Nghĩa Cừ là vua hiền trong các nước Man Di. Chẳng bằng dứt lốt họ để làm yên tâm họ.

Tàn Vương nói:

- Phải.

Bèn lấy nghìn tấm gấm thêu, trăm người đàn bà đưa cho vua nước Nghĩa Cừ. Vua nước Nghĩa Cừ mời quần thần đến bàn:

- Công Tôn Diễn nói là thế chẳng(12)?

Bèn cử quân đánh úp Tàn, quân Tàn bị thua to ở gần ấp Lý Bá. sau khi Trương Nghi chết, Tê Thủ vào làm tướng nước Tàn, có lần đã mang ấn tướng quốc năm nước làm ước trưởng.

4. Thái sử công nói: Đất Tam Tấn có nhiều kẻ sĩ quyền biến. Những kẻ chủ trương hợp tung, liên hoành để làm cho Tàn mạnh, nói chung đều là người của Tam Tấn. Việc làm của Trương Nghi tệ hại hơn việc làm của Tô Tần. Song người đời ghét Tô Tần, vì Tô Tần chết trước, Nghi lại nêu bày chỗ kém của Tô Tần để bênh vực cái thuyết của mình, làm cho thuyết liên hoành của mình thành công. Tóm lại, cả hai người ấy đều là những kẻ gian trá nguy hiểm làm sao!

Chú thích:

(1). Một chi tiết hết sức điển hình.

(2). Tổ của Tư Mã Thiên.

(3). Nhị Chu: Đông Chu và Tây Chu.

(4). Chín vạc: Vua Hạ Vũ đúc chín cái vạc để tượng trưng cho chín châu trong thiên hạ. Thời tam

đại coi chín vạc ấy là bảo vật khi truyền nước. Thành Thang thiên chín vạc ấy ra Thương ấp. Chu Vũ Vương lại thiên ra Lạc ấp.

(5). Lương: Đại Lương là nơi Ngụy Huệ Vương đóng đô.

(6). Xin hài cốt: xin từ chức, ý nói để cho hài cốt được đem về chôn ở quê hương.

(7). Tả hữu của đại vương nghĩa đen là các quân hầu, ở đây là chỉ nhà vua.

(8). Đất hiểm trở, sông Hoàng Hà vắt ngang, bốn bề biên giới che ngăn làm cho nước vững chắc.

(9). Khuê là thứ ngọc mà vương hầu được cầm khi triều hội tế tự, thời phong kiến dùng ngọc làm con tin. Ngọc khuê tùy theo tước vị có khác nhau.

(10). Quân: quả cân nặng 30 cân.

(11). Ý nói đánh Triệu. Ngày giáp tí là ngày Vũ Vương đánh và tiêu diệt Trụ.

(12). Ý Diễn nói Tần chẳng thương gì vua nước Nghĩa Cừ muốn được yên ổn thì chỉ có một cách là đánh Tần thôi.

Phần 22

Mạnh Tử, Tuấn Khanh liệt truyện

1. Thái Sử Công nói :

- Tôi đọc sách Mạnh Tử đến chỗ Huệ Vương nước Lương hỏi, “Lấy gì làm lợi cho nước tôi”, không lúc nào không bỏ sách mà than : Than ôi! Lợi quả thực là đầu mối loạn vậy! Khổng Tử ít nói “lợi” là thường đề phòng cái gốc của “loạn”. Cho nên nói “theo lợi mà làm thì nhiều sự oán”. Từ thiên tử đến người thường, cái tệ tham lợi có khác gì nhau!

2. Mạnh Kha, người huyện Trâu, thụ nghiệp ở học trò của Tử Tư. Khi đã thông đạo lý, Mạnh Kha sang thờ Tề Tuyên Vương. Tề Tuyên Vương không biết dùng, ông đi sang Lương. Lương Huệ Vương cũng do dự, thấy những lời Mạnh Kha nói, cho là viển vông không sát sự tình. Lúc bấy giờ Tần dùng Thương Quân mà nước giàu binh mạnh; Sở, Ngụy dùng Ngô Khởi mà đánh thắng làm yếu địch; Tề Uy Vương, Tề Tuyên Vương dùng bọn Tôn Tử, Điền Kỵ mà chư hầu hướng về đông châu Tề. Thiên hạ đang lo hợp tung, liên hoành, lấy việc đánh nhau làm giỏi. Thế mà Mạnh Kha lại nói đạo đức của các đời Đường, Ngu, Tam Đại. Vì thế, ông đi đến đâu cũng không được vừa ý. Ông lui về cùng bọn Vạn Chương xếp đặt thứ tự trong Kinh Thi, Kinh Thư, thuật cái ý của Trọng Ni, làm ra bảy thiên sách Mạnh Tử.

Sau Mạnh Kha có bọn Trâu Tử, Tề có ba Trâu Tử. Trước tiên có Trâu Kỵ lấy việc đánh đàn cầm can Uy Vương, nhân đây được dự chính sự, phong làm Thành Hầu mà nhận ấn tướng quốc. Ông ta sống trước Mạnh Tử. Thứ đến Trâu Diễn, sống sau Mạnh Tử. Trâu Diễn thấy những vị vua các nước càng hoang dâm, xa xỉ, không hay chuộng đức như các bậc đại hiền, trước sửa đức ở thân mình, rồi sau ban bố đức ấy đến kẻ dân hèn. Trâu Diễn bèn xem xét kỹ sự tiêu diệt, sinh trưởng của âm dương mà viết ra việc biến chuyển lạ lùng, viển vông. Đầu đuôi thiên Đại Thánh hơn mười vạn chữ, lời lẽ mông mênh rộng lớn không giống lời thường thấy. Phải trước nghiệm vật nhỏ rồi cứ suy rộng ra đến chỗ vô bờ bến. Trước kể từ đời này rồi đi ngược lên đến thời Hoàng Đế. Các học giả cũng theo đại thể và đời thịnh suy, rồi nhân thể chép những điều lành điều dữ, và các chế độ, suy xa ra đến khi trời đất chưa sinh, mờ mịt không thể khảo cứu mà xét đến cùng được. Trước tiên ông ta kể những danh sơn, rộng lớn, hang hốc, cầm thú, các sản vật quý do các thủy thổ sinh ra ở Trung quốc. Nhân thế, ông ta suy ra đến những cái ở ngoài bể, mà người ta không trông thấy được. Trâu Diễn nói, “từ khi khai thiên lập địa đến giờ, năm đức chuyển vận, việc chính trị mỗi thời mỗi khác nhưng đều phù hợp với sự chuyển vận ấy. Cái mà bọn nhà nho gọi là Trung quốc, chỉ chiếm một phần tám mươi một của thiên hạ. Trung quốc tên là Xích Huyện Thần Châu. Bản thân Xích Huyện thần châu có chín châu. Nhưng chín châu của vua Vũ không được kể vào số châu này. Ngoài Trung quốc có chín chỗ như Xích Huyện Thần Châu, tức là Cửu Châu. Rồi ở ngoài Cửu Châu ấy lại có bể nhỏ bao quanh, nhân dân cầm thú không thể giao thông với nhau như ở trong một khu, thế mới là một châu. Có chín châu như thế lại có bể cả bao bọc ở ngoài là chỗ trời đất giáp nhau. Học thuật của ông đều đại loại như thế. Song tóm lại, đều cốt ở nhân, nghĩa, tiết kiệm, những điều thi hành ở giữa vua tôi trên dưới, sáu bậc thân, đây mới là bắt đầu thôi. Các bậc Vương công, đại nhân, thoát tiên thấy thuyết của ông ta đều kính sợ lo lắng muốn thay đổi theo, nhưng sau không thể làm được. Vì thế Trâu Tử được trọng ở nước Tề. Trâu Tử đến nước Lương, Lương Huệ Vương ra tận ngoài đồng đón, giữ lễ khách chủ. Trâu Tử đến nước Triệu, Bình Nguyên Quân đi nghiêng người, áo quệt chiếu. Trâu Tử sang nước Yên, Chiêu Vương cầm chổi quét đất đi trước, xin ngồi vào chỗ các đệ tử để thụ nghiệp, dựng cung Kệ Thạch, thân hành thờ Trâu Tử làm thầy. Trâu Tử làm ra thiên Chủ Vận. Trâu Tử đi chơi các nước chư hầu được tôn kính như thế, đâu giống như Trọng Ni bị đói ở nước Trần, nước Thái; Mạnh Kha bị khốn ở nước Tề, nước Lương? Cho nên Vũ Vương lấy nhân nghĩa đánh Trụ mà nên nghiệp vương; Bá Di đói không ăn thóc nhà Chu; Vệ Linh Công hỏi việc chiến trận mà Khổng Tử không đáp; Lương Huệ Vương mưu đánh Triệu, Mạnh Kha nói việc Thái Vương bỏ đất Mân. Họ đâu phải chỉ biết đua theo đời. Cầm cái cốt vuông muốn tra vào cái lỗ tròn, thì lọt sao được? Có người nói Y Doãn đội vạc mà giúp vua Thang, lập được nghiệp vương; Bách Lý Hề cho trâu ăn ở dưới xe mà giúp Mục Công nên nghiệp bá. Trước được hợp ý rồi sau mới đưa các vua ấy đến đạo lớn. Trâu Diễn nói tuy không theo khuôn phép, nhưng nếu đem dùng cũng có cái ý như đem vạc nấu trâu mà nấu gà chẳng?

Trâu Diễn cùng các thầy ở dưới núi Tắc Môn nước Tề như bọn Thuần Vu Khôn, Thận Đáo, Hoàn Uyên, Tiếp Tử, Điền Biên, Trâu Thích đều làm sách nói việc trị loạn để cầu hợp ý các vua đương thời, nào có thể kể hết được!

3. Thuần Vu Khôn, người nước Tề, nghe rộng, nhớ nhiều, học không chuyên chú vào cái gì. Về việc can gián và du thuyết, Khôn hâm mộ tư cách của Ân Anh, nhưng lại cốt ở chỗ đón ý nhà vua, nhìn xem sắc mặt. Có người khách đưa Khôn vào yết kiến Lương Huệ Vương. Huệ Vương đuổi các người tả hữu ra, ngồi một mình để tiếp kiến Khôn. Lần thứ hai, Khôn vẫn không nói gì. Huệ Vương lấy làm lạ, trách người khách :

- Người khen Quản Trọng, Ân Anh không bằng Thuần Vu tiên sinh. Nhưng lúc yết kiến quả nhân, quả nhân vẫn không được nghe gì. Có lẽ nào quả nhân không đáng để ông ta nói chuyện ư? Tại sao thế?

Người khách nói lại với Khôn. Khôn nói :

- Đúng thế! Tôi lần trước yết kiến nhà vua, thấy nhà vua đang nghĩ đến việc rong ruổi; lần sau lại yết kiến, thấy nhà vua để ý đến thanh âm. Vì thế, tôi im lặng không nói gì.

Người khách về báo lại đầu đuôi với Huệ Vương. Nhà vua cả sợ, nói :

- Ôi! Thuần Vu tiên sinh thật là thánh nhân vậy! Lần trước Thuần Vu tiên sinh đến thì có người dâng ta con ngựa hay, ta chưa kịp coi thì gặp tiên sinh đến. Lần sau, có người dâng ta người hát hay, ta chưa kịp thử cũng lại gặp tiên sinh đến. Quả nhân tuy đã đuổi người chung quanh ra ngoài, song lòng riêng quả thực đang nghĩ đến những cái đó.

Sau đó Thuần Vu Khôn lại đến yết kiến, nói chuyện suốt ba ngày ba đêm không mỏi. Huệ Vương muốn cho Khôn làm địa vị khanh tướng, Khôn bèn từ tạ để đi. Bấy giờ Huệ Vương lấy xe êm, thắt bốn ngựa, bó lúa, thêm ngọc bích và một trăm nén vàng tiễn Khôn. Khôn suốt đời không ra làm quan.

4. Thận Đáo là người nước Triệu. Điền Biên, Tiếp Tử là người nước Tề. Hoàn Uyên là người nước Sở, đều theo học thuyết về đạo đức của hoàng đế, Lão Tử, nhân mở rộng ra, xếp đặt ý nghĩa có thứ tự. Cho nên Thận Đáo làm Thập Nhị Luận, Hoàn Uyên làm Thượng Hạ Thiên, còn Điền Biên, Tiếp Tử đều có lời bàn luận.

5. Trâu Thích là người trong bọn môn đồ Trâu Diễn nước Tề, cũng chọn lọc lấy nhiều điều trong học thuật của Trâu Diễn để chép thành văn. Vì thế, Tề Vương khen ngợi Thích. Từ hạng Thuần Vu Khôn trở xuống đều được gọi là “Liệt đại phu”. Nhà vua sai làm cho toà nhà ở chỗ đường ngã năm ngã sáu có cửa cao nhà lớn, tỏ sự tôn trọng yêu quý, đón tiếp các tân khách của chư hầu trong thiên hạ để nói rằng nước Tề mời được các hiền sĩ trong thiên hạ.

6. Tuân Khanh người nước Triệu, năm mươi tuổi mới đi học ở nước Tề. Học thuyết của Trâu Diễn thì vu khoát, huênh hoang, chỉ nói suông. Trâu Thích thì văn hoa đầy đủ nhưng khó thi hành. Thuần Vu Khôn thì ở lâu mới có được điều hay. Cho nên người Tề có câu ca, “Nói trời nói đất là Diễn; vẽ rồng vẽ phượng là Thích, hơ bầu dầu xe (1) là Khôn”. Bọn Điền Biên đều đã chết trong thời Tề Tuyên Vương. Tuân Khanh là bậc thầy già nhất. Nước Tề tôn kính là “Liệt đại phu”, và Khanh ba lần làm tể tử. Có người Tề gièm Tuân Khanh. Tuân Khanh bèn sang Sở. Xuân Thân Quân cho Tuân Khanh làm huyện lệnh Lan Lăng. Xuân Thân Quân chết rồi, Tuân Khanh lui về, nhân làm nhà ở Lan Lăng. Lý Tư có lần đến theo học và sau làm thừa tướng nước Tần.

Tuân Khanh ghét chính sự thời dơ đục, nước mất, vua hồng luôn luôn nổi nhau. Các vua không theo được đạo lớn mà lo cúng tế, bói toán, tin điều may, điều rủi. Bọn nho bi lậu, câu nệ, nhỏ nhen như bọn Trang Chu lại dùng lối khôi hài làm rối loạn phong tục. Tuân Khanh bèn xét những hành vi đạo đức của đạo Nho, đạo Mặc, xét nguồn gốc của việc hưng thịnh, bại vong, liệt thành thứ tự, làm ra sách vài vạn chữ, rồi chết, chôn ở huyện Lan Lăng.

7. Ở nước Triệu cũng có Công Tôn Long chủ trương thuyết “cứng” và “trắng” giống nhau và khác nhau và có lời nói của Kịch Tử.

8. Ở nước Ngụy có thuyết của Lý Khôi về việc dùng hết cái sức của đất. Ở nước Sở có sách Thi Tử, Trường Lô. Ở Châu A nước Tề có sách Hu Tử. Từ Mạnh Tử đến Hu Tử, đời có nhiều sách, cho nên không bàn chuyện của những người ấy.

9. Mặc Dịch là đại phu nước Tống, giỏi việc chống giữ, chủ trương tiết kiệm trong việc dùng. Có người bảo Mặc Dịch đồng thời với Khổng Tử. Có người bảo sống sau Khổng Tử (Tư Mã Thiên rất

chú trọng đến những nhà tư tưởng gia. Không những ông dành một thiên cho Khổng Tử, mà còn nói đến tất cả các nhà tư tưởng của Trung quốc cổ. Ngoài những thiên nói về Khổng Tử, Lão Tử, v... v..., tác giả còn viết thiên Trọng Ni đệ tử truyện, nói về các học trò của Khổng Tử như Tử Du, Tử Hạ, Nhan Hồi, v...v... và thiên Nho Lâm liệt truyện nói về các nhà Nho đời Tần và đời Hán).

Chú thích:

(1). Bầu đựng dầu của xe tuy hết dầu, nhưng hơi nóng thì còn có dầu chảy ra. Ý nói Thuần Vu Khôn có nhiều trí thức khó mà hết được.

Phần 23

Bình Nguyên Quân, Ngu Khanh liệt truyện

1. Bình Nguyên Quân Triệu Thắng là công tử nước Triệu. Trong hàng công tử, Thắng là người hiền hơn cả. Thắng thích tân khách, tân khách đến độ mấy nghìn người. Bình Nguyên Quân làm tể tướng cho Triệu, Huệ Văn Vương và Hiếu Thành Vương, ba lần thôi không làm tể tướng, ba lần trở lại địa vị, được phong ở Đông Vũ Thành.

Lầu nhà Bình Nguyên Quân nhìn xuống nhà dân. Nhà dân có người què khập khiễng ra mức nước. Mỹ nhân của Bình Nguyên Quân ở trên lầu trông thấy thế cười rộ. Hôm sau, người què đến cửa nhà Bình Nguyên Quân, nói :

- Tôi nghe nói ngài yêu kẻ sĩ, sở dĩ kẻ sĩ không ngại xa ngàn dặm mà đến là vì ngài biết quý kẻ sĩ mà khinh thường bọn tỳ thiếp. Tôi không may bị tàn tật, thế mà hậu cung của ngài lại cười. Tôi xin cái đầu con người đã cười chế nhạo tôi.

Bình Nguyên Quân cười đáp :

- Vâng.

Người què ra đi. Bình Nguyên Quân cười mà rằng :

- Thằng kia lại muốn lấy cớ một nụ cười mà đòi giết mỹ nhân của ta. Thật là quá đáng!

Rốt cuộc, Bình Nguyên Quân không giết.

Được hơn một năm, tân khách, môn hạ, xá nhân dần dần bỏ đi quá nửa. Bình Nguyên Quân lấy làm lạ, nói :

- Thắng đổi dời các vị chưa hề dám thất lễ. Tại sao nhiều người lại bỏ đi như thế?

Một người môn hạ bước ra, nói :

- Vì ngài không giết mỹ nhân đã cười chế nhạo con người què kia, vì ngài yêu sắc đẹp mà khinh thường kẻ sĩ cho nên kẻ sĩ bỏ đi đó thôi.

Bình Nguyên Quân bèn chém đầu mỹ nhân đã cười chế nhạo người què, đoạn thân hành đến nhà người què tạ lỗi. Sau đó, các môn hạ dần dần trở lại.

Thời bấy giờ ở nước Tề có Mạnh Thường Quân, ở nước Ngụy có Tín Lăng Quân, ở nước Sở có Xuân Thân Quân đều ra sức đua nhau về mặt tiếp đãi kẻ sĩ.

2. Quân Tần vây Hàm Đan (Năm - 260 - tướng Tần Bạch Khởi đánh thắng quân Triệu ở Trường Bình. Năm - 258, vây hãm thủ đô của Triệu là Hàm Đan.) Vua Triệu sai Bình Nguyên Quân đi cầu cứu, tôn Sở làm minh chủ, hợp tung đánh Tần. Bình Nguyên Quân định đem hai mươi người thực khách, môn hạ có dũng lực và đủ tài văn võ để cùng đi. Bình Nguyên Quân nói :

- Nếu dùng văn mà xong xuôi thì tốt. Dùng văn không xong thì bất luận thế nào, cũng phải uống máu ăn thề ở nơi miếu đường, phải định xong hợp tung rồi mới về (1). Không tìm kẻ sĩ ở ngoài, chỉ lấy trong số thực khách, môn hạ cũng đủ.

Bình Nguyên Quân chỉ chọn được mười chín người, còn ra không đáng lấy, nên không làm sao đủ con số hai mươi. Có người môn hạ là Mao Toại bước ra, tự tiến cử mình với Bình Nguyên Quân :

- Toại nghe nói ngài sắp hợp tung với Sở, định cùng đi với hai chục người thực khách môn hạ mà không tìm ở ngoài. Nay còn thiếu một người, vậy xin ngài lấy ngay Toại này cho đủ số mà đi.

Bình Nguyên Quân nói :

- Tiên sinh làm môn hạ ở nhà Thắng đến nay đã mấy năm rồi?

Mao Toại đáp :

- Đến nay đã ba năm.

Bình Nguyên Quân nói :

- Phàm kẻ sĩ tài giỏi ở trên đời, cũng như cái dùi ở trong túi, mũi dùi phải lòi ngay ra chứ! Tiên sinh ở nhà Thắng đến nay đã ba năm, xung quanh không thấy ai khen ngợi, tiến cử. Thắng vẫn chưa nghe gì, thế tức là tiên sinh không có tài năng, tiên sinh không đi được đâu, tiên sinh ở lại thôi (2). Mao Toại nói :

- Tôi mãi hôm nay mới xin vào ở trong túi đấy thôi (3). Nếu Toại tôi sớm ở trong túi thì tất cả cái dùi đều lộ ra ngoài, chứ thềm để lộ cái mũi dùi mà thôi đâu.

Bình Nguyên Quân bèn cùng Toại ra đi. Mười chín người kia đưa mắt nhìn tỏ ý cười Toại, nhưng không nói ra.

Khi đến nước Sở, Mao Toại cùng mười chín người kia bàn bạc. Cả mười chín người đều phục. Bình Nguyên Quân bàn với nước Sở về việc hợp tung, nói sự lợi hại như thế nào, suốt từ khi mặt trời mọc cho đến lúc đứng bóng vẫn chưa vào đâu. Mười chín người bảo Mao Toại :

- Ông lên đi.

Mao Toại chống kiếm thoăn thoắt bước lên các bậc thềm, bảo Bình Nguyên Quân :

- Việc hợp tung lợi hay hại thì chỉ hai tiếng là đủ quyết định. Nay ngài bàn việc hợp tung từ lúc mặt trời mọc, đến khi mặt trời đứng bóng còn chưa xong là có làm sao?

Vua Sở hỏi Bình Nguyên Quân :

- Khách làm gì thế?

Bình Nguyên Quân nói :

- Đó là xá nhân của Thắng đây.

Vua Sở quát :

- Xuống ngay đi! Ta nói chuyện với chủ nhà ngươi, nhà ngươi làm cái trò gì thế?

Mao Toại chống kiếm tiến lên :

- Nhà vua sở dĩ quát mắng Toại là vì nhà vua cho rằng nước Sở đông người! Nay trong vòng mười bước thì nhà vua không thể cạy vào chỗ nước Sở đông người được! Tính mạng của nhà vua đang nằm trong tay Toại. Chủ tôi ngồi đây, tại sao lại nhểch mắng tôi? Vả chẳng Toại nghe : vua Thang chỉ có bảy mươi dặm đất mà làm vương thiên hạ, vua Văn Vương chỉ có một trăm dặm đất mà chư hầu thần phục. Họ được như vậy đâu phải vì binh sĩ họ đông? Trái lại đó chẳng qua vì họ khéo giữ lấy thế, nhờ đó, trở cái oai của họ mà thôi. Nay nước Sở, đất vuông năm ngàn dặm, kẻ cầm kích một trăm vạn người ; đó là chỗ dựa để dựng lên cơ nghiệp bá vương. Nước Sở mạnh như vậy, thiên hạ ai địch nổi. Bạch Khởi chẳng qua chỉ là một thằng nhãi mà thôi! Nhưng hắn đem mấy vạn quân gây chiến với Sở, đánh một trận thì lấy được đất Yên, đất Sính, đánh hai trận đốt cháy Di Lăng, đánh ba trận làm nhục đến tiên nhân nhà vua (4). Đó là cái oán trăm đời, nước Triệu lấy thế làm xấu hổ, thế mà nhà vua không biết xấu. Kế hợp tung là vì lợi ích của nước Sở chứ đâu phải vì lợi ích của nước Triệu! Chủ tôi ngồi đây mà quát mắng tôi là lại làm sao?

Vua Sở nói :

- Vâng, vâng! Quả thật đúng như lời tiên sinh dạy. Tôi xin đem nước nhà theo kế hợp tung.

Mao Toại nói :

- Việc hợp tung đã quyết định chưa?

Vua Sở nói :

- Quyết định rồi.

Mao Toại bảo những người hầu cận vua Sở :

- Lấy máu gà, chó, ngựa đem lại đây!

Mao Toại bung chiếc mâm đồng, quỳ dâng vua Sở, nói :

- Xin nhà vua uống máu định việc hợp tung; rồi đến chủ tôi, sau nữa đến Toại!

Bèn định việc hợp tung ở ngay trên điện (5). Mao Toại tay trái bung mâm huyết, tay phải vẫy mười chín người kia, nói :

- Các anh đem huyết này uống với nhau ở dưới thềm, các anh xoàng lắm, thật là nhờ người ta mà nên việc vậy.

Khi định hợp tung xong, về đến nước Triệu, Bình Nguyên Quân nói :

- Thắng từ nay không dám xem xét kẻ sĩ nữa. Thắng xem xét kẻ sĩ, nhiều kẻ có nghìn người, ít ra cũng có vài trăm, đã tự cho là mình không bỏ sót nhân tài trong thiên hạ, thế mà nay bỏ sót Mao tiên sinh đây. Mao tiên sinh đến Sở một phen, làm cho thanh thế nước Triệu được tôn trọng hơn chín vạn, hơn chuông Đại Lữ (6). Ba tác lược của Mao tiên sinh mạnh hơn đạo quân trăm vạn.

Thắng này không dám xem xét kẻ sĩ nữa!

Bèn tôn Toại làm thượng khách.

3. Sau khi Bình Nguyên Quân về Triệu, vua Sở sai Xuân Thân Quân đến cứu Triệu. Tín Lăng Quân cũng giả mệnh vua Ngụy danh lấy quân của Tần Bì đến cứu Triệu (7). Nhưng đều chưa đến. Quân Tần vây Hàm Đan gấp. Hàm Đan nguy ngập sắp đầu hàng. Bình Nguyên Quân rất lo lắng.

Con người coi trạm ở Hàm Đan là Lý Đồng nói với Bình Nguyên Quân :

- Ngài không lo nước Triệu mất hay sao?

Bình Nguyên Quân nói :

- Nước Triệu mất thì Thắng bị bắt làm tù, không lo sao được?

Lý Đồng nói :

- Dân thành Hàm Đan lấy xương người chết mà nấu củi, đổi con cho nhau để ăn, tình thế nguy ngập lắm rồi, thế mà hậu cung của ngài có đến hàng trăm người, tỳ thiếp thì mặc lụa là, gạo thịt thì thừa mứa. Trái lại, dân áo ngắn không được lành, tấm cám không có đủ mà ăn. Dân nguy khốn, binh khí hết : có người đeo gỗ làm đao, làm tên. Trái lại, đồ dùng chuông khánh của ngài vẫn như xưa. Nếu Tần phá nước Triệu thì ngài làm sao có được những đồ ấy? Nếu nước Triệu còn, ngài lo gì không có? Nay ngài có thể khiến tỳ phu nhân trở xuống đều ghi tên vào hàng ngũ sĩ tốt, chia việc mà làm, đem tất cả của cải trong nhà ra phân tán để nuôi quân sĩ. Quân sĩ đang trong lúc nguy khốn thì họ dễ cảm thấy ân đức của ngài.

Bình Nguyên Quân nghe theo, kết quả có ba nghìn người cảm tử. Lý Đồng bèn cùng ba nghìn người xông vào đánh quân Tần. Quân Tần vì vậy phải lui ba mươi dặm. Lại gặp lúc cứu binh của nước Sở, nước Ngụy đến, quân Tần bèn rút lui. Hàm Đan được bảo toàn, Lý Đồng chết trận, người cha được phong làm Lý Hầu.

4. Ngu Khanh muốn xin vua Triệu phong thêm đất cho Bình Nguyên Quân, vì Bình Nguyên Quân đã cầu được Tín Lăng Quân đến cứu thành Hàm Đan (8).

Công Tôn Long nghe vậy đang đêm đi xe ngựa đến yết kiến Bình Nguyên Quân, nói :

- Long tôi nghe nói Ngu Khanh muốn xin phong thêm đất cho ngài, vì có Tín Lăng Quân đã cứu được thành Hàm Đan, điều đó có hay không?

Bình Nguyên Quân nói :

- Có.

Long nói :

- Việc này rất không nên. Nhà vua cho ngài làm tể tướng nước Triệu, không phải vì trong nước Triệu không có ai tài năng và mưu trí như ngài. Nhà vua cất đất Đông Vũ Thành để phong cho ngài, không phải vì ngài có công, còn người trong nước thì không có công, mà chỉ vì ngài là thân thích đó thôi. Ngài sở dĩ nhận ấn tể tướng không từ chối vì có mình bất tài, được cất đất không từ chối vì có mình không có công, đó cũng vì ngài tự cho mình là thân thích. Nay nếu nhân việc cầu được Tín Lăng Quân cứu Hàm Đan mà xin đất phong, thế tức là ngài một mặt được phong ấp vì có là thân thích, lại một mặt kể công để được phong như mọi người thường trong nước, thực là không hợp lý chút nào. Và chẳng Ngu Khanh nắm cả hai mặt. Nếu việc thành thì ông ta nắm cái khế đòi nợ ấy để đòi ngài báo ơn; nếu việc không thành thì ông ta vẫn được cái hư danh khiến ngài phải chịu ơn ông ta. Ngài nhất định đừng nghe.

Bình Nguyên Quân bèn không nghe lời Ngu Khanh.

Bình Nguyên Quân chết năm thứ mười lăm đời Hiếu Thành Vương nước Triệu (-251 trước công nguyên). Con cháu nối nối đời đời, mãi đến khi nước Triệu mất mới hết. Bình Nguyên Quân hậu đãi Công Tôn Long. Công Tôn Long giỏi lối bàn kiện, bạch (cứng, trắng) (9) đến khi Trâu Diễn (10) sang Triệu nói đạo lớn, Bình Nguyên Quân bèn truất Công Tôn Long.

5. Ngu Khanh là một kẻ sĩ du thuyết. Ngu Khanh mang dép mo, áo tơi đến du thuyết Hiếu Thành Vương nước Triệu. Ngu Khanh yết kiến lần thứ nhất được nhà vua cho trăm dật vàng (11), một đôi ngọc bạch bích. Ngu Khanh yết kiến lần thứ hai được làm thượng khanh (12) nước Triệu, cho nên hiệu là Ngu Khanh. Nước Tần và nước Triệu đánh nhau ở Trường Bình (13), nước Triệu không thắng, mất một đô úy. Vua Triệu cho mời Lâu Xương và Ngu Khanh vào nói :

- Quân đánh không thắng, đô úy lại chết, bây giờ quả nhân có nên sai quân cuốn giáp xông vào quân địch (14) không?

Lâu Xương nói :

- Vô ích, không bằng sai đại sứ đi cầu hoà.

Ngu Khanh nói :

- Ông Xương sở dĩ nói cầu hoà, vì cho rằng nếu không cầu hoà thế nào quân cũng thua to. Nhưng việc muốn hoà hay không là tùy ở nước Tần. Bây giờ nhà vua hãy nhìn tình thế nước Tần xem nó có muốn đánh bại quân Triệu không?

Nhà vua nói :

- Nước Tần đã dốc toàn lực, nhất định nó chỉ muốn đánh bại quân Triệu mà thôi.

Ngư Khanh nói :

- Xin nhà vua nghe tôi, sai sứ đem của quý cầu thân với nước Sở, nước Ngụy; nước Sở, nước Ngụy muốn nhận của quý của nhà vua thì thế nào cũng phải nhận sứ của ta. Một khi sứ của Triệu đã vào nước Sở, nước Ngụy thì Tần cho rằng thiên hạ đã hợp tung, và thế nào cũng lo sợ. Có như thế mới có thể cầu hôn được.

Triệu Vương không nghe, cùng với Bình Nguyên quân quyết định cầu hoà, sai Trịnh Chu vào Tần.

Tần nhận Trịnh Chu. Triệu Vương gọi Ngư Khanh đến nói :

- Quả nhân đã khiến Bình Dương Quân cầu hoà với Tần, Tần đã nhận Trịnh Chu rồi, ông thấy thế nào?

Ngư Khanh đáp :

- Nhà vua không cầu hoà được đâu, quân nhất định bị đánh bại. Thiên hạ mừng chiến thắng đều đến Tần cả rồi. Trịnh Chu là người sang vào Tần, Tần Vương và Ứng Hầu (15), thế nào cũng tôn trọng ông ta để loè với thiên hạ. Nước Sở và nước Ngụy cho rằng nước Triệu đã cầu hoà rồi, nên không đến cứu nhà vua, Tần biết thiên hạ không đến cứu nhà vua thì thế nào việc giảng hoà cũng không thể thành.

Quả nhiên Ứng hầu tôn trọng Trịnh Chu để khoe với những người thiên hạ đến mừng chiến thắng, và cuối cùng không chịu giảng hoà. Quân Triệu thua to ở Trường Bình. Quân Tần bèn vây Hàm Đan, nước Triệu bị thiên hạ cười.

6. Sau khi Tần đã giải vây Hàm Đan, Triệu Vương cho người vào châu nước Tần, sai Triệu Hách phụng mệnh đi sứ ở Tần, cắt sáu huyện để giảng hoà.

Ngư Khanh nói với Triệu Vương :

- Quân Tần tấn công nhà vua mỗi một rồi trở về, hay là theo ý nhà vua, họ còn đủ sức tiến đánh, nhưng vì thương nhà vua cho nên không đánh (16)?

Nhà vua nói :

- Quân Tần tấn công ta là dốc toàn lực ra mà đánh, chắc chắn vì mệt mỏi cho nên mới về.

Ngư Khanh nói :

- Quân Tần đã không dốc toàn lực ra đánh cái mà họ không lấy được, mệt mỏi trở về. Nay nhà vua lại cho họ cái mà sức họ không lấy được, như thế là giúp nước Tần để tự đánh mình. Sang năm quân Tần lại đánh nhà vua, nhà vua sẽ không còn cách nào cứu được mình nữa.

Nhà vua đem lời của Ngư Khanh nói lại với Triệu Hách. Triệu Hách nói :

- Ngư Khanh có thể biết hết được tình hình binh lực Tần không? Dù rằng quân Tần không đủ sức tiến đánh đi nữa, nếu ta không cho họ miếng đất nhỏ như hòn đạn kia, nhưng nếu sang năm Tần lại đến đánh, liệu nhà vua có khỏi phải cắt đất của mình trong sáu thành để giảng hoà không?

Nhà vua hỏi :

- Nếu ta nghe lời người mà cắt đất thì người làm thế nào cho sang năm Tần không đến đánh ta nữa không?

Triệu Hách đáp :

- Việc ấy quả thực thần không dám chắc. Ngày xưa, Tam Tấn giao kết với Tần rất là thân thiết. Nay sở dĩ Tần hoà hiếu với Hàn, Ngụy mà đánh nhà vua, là vì nhà vua thờ Tần không bằng Hàn, Ngụy. Thần xin vì nhà vua trừ bỏ cái việc bị đánh vì bội bạc với người thân, mở cửa ải đem lễ vật cũng hoà thân như nước Hàn, nước Ngụy. Nếu làm như vậy rồi mà sang năm lại chỉ một mình vua bị nước Tần đánh thì đó là vì nhà vua thờ Tần không bằng Hán, Ngụy. Việc đó quả thực thần không dám chắc.

Nhà vua đem điều ấy nói lại với Ngư Khanh. Ngư Khanh đáp :

- Hách nói nhà vua không cầu hoà nếu sang năm Tần lại đánh nhà vua, nhà vua có khỏi cắt đất trong sáu thành kia để cầu hoà được không? Trái lại, nếu nhà vua cầu hoà thì Hách lại không dám chắc thế nào Tần cũng không đánh nữa. Đã thế thì nay tuy nhà vua có cắt sáu thành cũng không có ích gì. Sang năm Tần lại đánh, ta lại cắt cái đất mà nó không có đủ sức đánh lấy, nộp cho nó để cầu hoà, đó là cái thuật tự tiêu diệt vậy. Chỉ bằng đừng cầu hoà. Tần có giỏi tấn công đi nữa cũng không thể lấy được sáu huyện; Triệu có chống giữ kém đi nữa, cũng không mất sáu thành. Tần đánh chán trở về, thế nào quân cũng mệt mỏi, ta lấy sáu thành gọi thiên hạ cùng đánh quân Tần mệt mỏi, tức là

ta mất thành cho thiên hạ, nhưng được bù lại ở Tần. Như thế nước ta vẫn còn có lợi, chẳng hơn cứ ngồi mà chịu cắt đất, tự làm yếu mình để cho Tần mạnh lên hay sao? Nay Hách nói Tần thân với Hàn, Ngụy, mà lại đánh Triệu, là cho rằng Hàn, Ngụy không cứu Triệu mà quân của nhà vua thế nào cũng bị cô lập. Đó là do nhà vua thờ Tần không bằng Hàn, Ngụy. Như vậy khiến nhà vua mỗi năm cắt sáu thành để thờ Tần. Làm thế tức là ngồi đầy mà nhìn người ta lấy hết cả thành. Sang năm Tần lại đòi cắt đất thì nhà vua có cho họ không? Nếu không cho thì thế là bỏ tất cả cái công cắt đất ngày trước, lại gây nên cái tai họa bị Tần đánh, nếu cho thì không còn đất nữa để mà cho. Tục ngữ có câu, “Kẻ mạnh giỏi tấn công, kẻ yếu không thể chống đỡ”. Nếu nhà vua cứ ngồi yên mà nghe theo Tần thì quân nước Tần không khó nhọc gì lại lấy được nhiều đất. Đó là cách làm cho Tần mạnh thêm và Triệu yếu đi vậy. Lấy nước Tần càng ngày càng mạnh, mà cắt xé nước Triệu càng ngày càng yếu, kẻ đó chắc chắn còn kéo dài mãi không thôi. Và chẳng đất của nhà vua có hạn, mà đòi hỏi của Tần thì không cùng. Cứ làm theo lối lấy cái đất có hạn để cung phụng cho sự đòi hỏi không cùng, theo tình thế ấy chắc sẽ đi tới chỗ không còn nước Triệu nữa.

Vua Triệu bàn bạc chưa quyết định, thì Lâu Hoãn từ Tần đến.

Triệu Vương bàn mưu kế với Lâu Hoãn, nói :

- Cho Tần đất với không cho Tần đất, đằng nào hơn?

Hoãn thoái thác nói :

- Điều đó, thần không biết được.

Nhà vua nói :

- Tuy vậy, ông cứ thử nói ý riêng của ông xem.

Lâu Hoãn nói :

- Nhà vua có nghe chuyện bà mẹ của Công Phủ Văn Bá không? Công Phủ Văn Bá làm quan ở Lỗ, mắc bệnh mà chết, có hai người đàn bà vì ông ta mà tự sát ở trong phòng. Người mẹ nghe vậy không khóc. Người bảo mẫu hỏi, “Sao con bà chết mà bà không khóc?”. Người mẹ đáp, “Khổng Tử là người hiền, bị đuổi ở đất Lỗ mà nó không đi theo, nay nó chết, đàn bà lại vì nó mà tự sát đến hai người, thế đủ biết nó tệ bạc với bậc trưởng giả mà hậu với đàn bà.” Đứng về người mẹ mà nói như vậy, thì đó là bà mẹ hiền, nhưng đứng về người vợ mà nói thế thì không khỏi bị xem là người vợ ghen; cho nên lời nói thì vẫn là một, nhưng tùy ở địa vị người nói ra; cách hiểu của người nghe sẽ thay đổi. Nay thần mới ở Tần về, thần nói là không cho, thì không phải là mưu kế; thần nói là cho, thì sợ nhà vua cho rằng thần vì nước Tần cho nên không dám đáp. Giá thần được bày mưu kế cho đại vương thì không bằng cho là hơn (17).

Nhà vua nói :

- Vâng.

Ngu Khanh nghe tin vào yết kiến nhà vua, nói :

- Đó là lời trau chuốt bên ngoài, xin nhà vua chớ nghe.

Lâu Hoãn nghe vậy lại vào yết kiến nhà vua.

Nhà vua lại đem lời nói của Ngu Khanh nói lại với Lâu Hoãn. Lâu Hoãn đáp :

- Không phải thế! Ngu Khanh chỉ biết một mà không biết hai. Tại sao Tần, Triệu đánh lẫn nhau mà thiên hạ đều mừng? Là vì họ nghĩ rằng, “Ta hãy dựa vào cái thế của kẻ mạnh mà lợi dụng cái thế của kẻ yếu vậy.” Nay quân Triệu bị quân Tần làm nguy khốn, những người thiên hạ mừng chiến thắng, chắc chắn đều ở Tần. Cho nên không gì bằng cắt đất ngay mà cầu hoà để cho thiên hạ nghỉ và làm thoả lòng Tần. Nếu không, thiên hạ sẽ nhân lúc nước Tần đang nổi giận, lợi dụng lúc nước Triệu đang mệt mỏi để chia xẻ Triệu. Nước Triệu sẽ mất, còn gì mà đối phó với Tần nữa. Cho nên thần nói Ngu Khanh chỉ biết một mà không biết hai, xin nhà vua quyết định ngay đi, chứ đừng bàn bạc nữa.

Ngu Khanh nghe tin vào yết kiến nhà vua, nói :

- Nguy quá! Ông Lâu làm cho Tần, như thế chỉ khiến thiên hạ thêm nghi, chứ có làm nước Tần được vừa lòng đâu! Tại sao ông ta lại không nói cách làm của ông là chỉ để cho thiên hạ thấy chỗ yếu của mình. Và chẳng thần nói đừng cho, không phải là nhất quyết đừng cho. Tần đòi nhà vua sáu thành, mà nhà vua lại đem sáu thành dứt cho nước Tề. Nước Tề vốn là kẻ thù sâu sắc của Tần (18), nếu được sáu thành của nhà vua thì sẽ đem tất cả quân lực về hướng tây đánh Tần. Nước Tề sẽ nghe nhà vua, chắc không đợi nói hết lời. Như thế, tức là nhà vua mất đất cho Tề, nhưng sẽ được bù lại ở

Tần. Thế là có thể trả cái thù sâu sắc của Tề và Triệu đối với Tần, và tỏ cho thiên hạ thấy ta có sức mạnh dám làm. Nếu nhà vua ban bố điều ấy ra thì binh chưa ra tới biên giới, thần cũng đã thấy Tần đem của cải quý báu đến Triệu và trái lại, chính Tần phải cầu hoà với nhà vua. Hàn, Ngụy, nghe nhà vua hoà với Tần, thế nào cũng trọng nhà vua. Họ trọng nhà vua tất sẽ mang vật tin đến cầu thân với nhà vua. Như vậy nhà vua làm một việc mà kết được tình hoà hảo của ba nước, đồng thời địa vị của mình đối với Tần cũng do đó mà thay đổi (19).

Triệu Vương nói :

- Phải.

Bèn sai Ngụ Khanh sang đông yết kiến Tề Vương, cùng bàn về việc Tần. Ngụ Khanh chưa trở về thì sứ của Tần đã đến Triệu (20). Lâu Hoãn nghe vậy bỏ trốn. Do đó, Triệu lấy một thành phong cho Ngụ Khanh.

7. Được ít lâu, Ngụy xin hợp tung, Hiếu Thành Vương nước Triệu cho mời Ngụ Khanh đến bàn.

Ngụ Khanh qua nhà Bình Nguyên Quân, Bình Nguyên Quân nói.

- Tôi muốn ông theo kế hợp tung!

Ngụ Khanh vào yết kiến nhà vua, nhà vua nói :

- Nước Ngụy xin hợp tung.

Ngụ Khanh đáp :

- Ngụy sai rồi!

Nhà vua nói :

- Vì vậy mà quả nhân vẫn chưa thuận.

Ngụ Khanh đáp :

- Sai rồi.

Nhà vua hỏi :

- Ngụy xin hợp tung, người nói Ngụy sai, quả nhân chưa nhận, người lại nói quả nhân sai, như thế thì việc hợp tung không làm được hay sao?

Ngụ Khanh đáp :

- Thần nghe nói nếu nước nhỏ hợp tung với nước lớn, thì khi gặp điều lợi, nước lớn sẽ hưởng cái phúc, khi gặp việc thất bại thì nước nhỏ chịu lấy cái vạ. Nay Ngụy là nước nhỏ xin lấy cái vạ, mà nhà vua là nước lớn lại từ chối lấy cái phúc, cho nên thần nói nhà vua sai, nước Ngụy cũng sai, thần trộm nghĩ việc hợp tung là có lợi.

Vua nói :

- Phải.

Bèn bàn hợp tung với Ngụy.

8. Ngụ Khanh vì việc Ngụy Tề (21) không coi trọng chức vạn hộ hầu và ấn khanh tướng, cùng bỏ trốn với Ngụy Tề. Rốt cuộc Ngụ Khanh rời khỏi nước Triệu, bị khốn ở Lương. Sau khi Ngụy Tề chết, Ngụ Khanh bất đắc ý, bèn làm sách, trên góp nhặt sự việc đời Xuân Thu, dưới xem đời gần đây. Sách gồm tất cả tám thiên, là các thiên “kết nghĩa”, “xung hiếu”, “suỷ ma”, “chính mưu”, v... v... bình phẩm những điều hay dở của nước nhà lúc bấy giờ, đời truyền gọi là sách “Ngụ Thị Xuân Thu”.

9. Thái Sử Công nói :

- Bình Nguyên Quân là một trang công tử tuyệt vời ở trong đời ô trọc. Nhưng ông ta chưa biết cái đạo lớn. Tục ngữ nói, “Lợi làm cho trí mờ”. Bình Nguyên Quân tham nghe lời tà thuyết của Phùng Đình (22), khiến cho quân Triệu bị vây hãm ở Trường Bình, bị chôn sống mất hơn bốn mươi vạn, suýt nữa mất Hàm Đan. Ngụ Khanh xét tình thế, liệu sự việc, bày mưu cho nước Triệu sao mà khéo thế! Đến như việc Ngụ Khanh không nỡ để cho Ngụy Tề phải chết, rốt cuộc bị khốn ở đất Đại Lương, người tầm thường cũng biết là không nên, hưởng bậc hiền tài! Thế nhưng Ngụ Khanh nếu không gặp cái cảnh buồn bã cùng cực thì không thể viết sách để cho đời sau biết đến mình vậy (23).

Chú thích:

(1). Ý nói dùng cách thương thuyết êm đềm mà xong xuôi thì tốt nhất ; nếu không, phải dùng võ lực mà ép buộc đối phương, chính vì vậy nên Bình Nguyên Quân mới mang theo người giỏi cả văn lẫn

võ.

(2). Lặp lại mấy lần chữ tiên sinh để tỏ ý mỉa mai và kiên quyết cự tuyệt.

(3). Ý nói từ trước đến nay chưa muốn trở tài.

(4). Mao Toại nhắc lại chuyện cũ, việc thứ nhất xảy ra năm 279 trước công nguyên. Năm 279, tướng Tần Bạch Khởi đánh lấy hai quận Yển, Sính của Sở; năm 278 trước công nguyên, Bạch Khởi đốt Di Lăng là nơi có lăng tẩm của các vua nước Sở. Nước Sở phải dời đô đến đất Trần. Đoạn này nói Mao Toại giỏi cả văn lẫn võ.

(5). Đoạn này để đáp ứng câu nói của Bình Nguyên Quân, “nếu dùng vẫn không được thì phải dùng võ lực. Nhất thiết phải hợp tung ở ngay trên điện mới nghe”.

(6). Chín vật của vua Hạ Vũ đúc. Đại Lữ là cái chuông lớn đời nhà Chu, hai vật này đều là những vật quý.

(7). Xem Tín Lăng Quân liệt truyện.

(8). Xem Tín Lăng Quân liệt truyện.

(9). Công Tôn Long là một nhà “danh gia”, cốt phân tích rõ danh nghĩa. Trong thiên “Kiên Bạch” ở sách Công Tôn Long tử có nói : Kiên (cứng), bạch (trắng), thạch (đá), cho là ba có được không? - Không được. Cho là hai có được không? - Được. Nghĩa là : mắt xem đá thấy trắng mà thôi, không biết nó cứng thì gọi là đá trắng; tay sờ đá thì biết là nó cứng mà không biết là nó trắng nên bảo là đá cứng vậy. Kiên (cứng), bạch (trắng), không thể hợp làm một được. Lý luận của ông nhằm mục đích rút ra những khái niệm trừu tượng từ thực tế và chứng minh những khái niệm này độc lập đối với nhau, “con ngựa trắng” và “con ngựa nói chung” là hai khái niệm khác nhau, cho nên con ngựa trắng không phải là con ngựa. Cũng vậy, khái niệm “người thân thích của nhà vua” và “khái niệm người đáng thưởng” khác nhau, cho nên không thể dùng cách khen thưởng như nhau. Lập luận của ông rất gần lập luận phái Ngụy biện ở Hy Lạp.

(10). Trâu Diễn người nước Tề nói với Bình Nguyên Quân cho rằng cái thuyết của Công Tôn Long là ngụy biện, chỉ khiến người ta mê hoặc, đã vô ích lại hại đến đạo lớn.

(11). Một dật là 20 lạng, 100 dật là 2000 lạng.

(12). Một địa vị tương đương với tể tướng.

(13). Xem Liêm Pha, Lạn Tương Như liệt truyện.

(14). Ý nói quyết liều chết đánh địch.

(15). Tức Phạm Thù – xem Phạm Thù liệt truyện.

(16). Chủ ý phương pháp nghị luận của Ngụ Khanh. Đó là một cách áp dụng phương pháp “thăm dò” (xem chú thích ở Tô Tân liệt truyện), tìm cho ra chỗ hở để mà nói. Mục đích của nó là không nói thẳng ý kiến của mình, vì có thể làm nhà vua tự ái không chấp nhận, mà dùng những câu hỏi hay những giả thuyết trái ngược với điều mình nói đưa ra trước và làm sao cho nhà vua tự thấy nó mâu thuẫn với lẽ phải, rồi cuối cùng đưa nhà vua đến ý của mình và tấn công vào đấy.

(17). Cách nói này cũng là cách “thăm dò”. Thí dụ Công Phủ Văn Bá đưa ra chẳng qua chỉ là một cách rào trước. Lâu Hoãn đưa ra cả hai ý có vẻ khách quan, khiến nhà vua có thể nhìn thấy tình trạng khó xử của Hoãn mà tìm được cách giải quyết. Phương pháp dùng ngụ ngôn để mở đầu ý kiến của mình là một phương pháp thông thường ở thời Chiến quốc, Trang Tử và Mạnh Tử rất hay dùng.

(18). Lúc bấy giờ hai nước Tề và Tần đang tranh nhau làm bá chủ chư hầu. Mạnh Thường Quân nước Tề đã tập hợp quân của Hàn, Ngụy đánh bại quân Tần ở Hàm Cốc quan, Tần phải cắt ba thành để giảng hoà.

(19). Đó là then chốt của câu “được bù đắp lại ở Tần”.

(20). Ứng với câu “binh chưa xuất hiện ... Tần đã đem của cải quý báu đến.”

(21). Ngụy Tề là tể tướng nước Ngụy làm nhục Phạm Thù. Khi Phạm Thù làm thừa tướng Tần, Ngụy Tề sợ chạy sang Triệu, ở nhà Bình Nguyên Quân. Quân Tần bức bách, Triệu Vương cho quân vây, Ngụy Tề yết kiến tể tướng nước Triệu là Ngụ Khanh. Ngụ Khanh liền bỏ ấn tể tướng, cùng Ngụy Tề trốn đến Đại Lương, muốn nhờ Tín Lăng Quân giúp để chạy về phía nam vào nước Sở. Tín Lăng Quân do dự, Ngụy Tề tự sát.

(22). Năm 262 trước công nguyên, quân Tần đánh Hàn, tướng Hàn là Phùng Đình đem đất Thương dâng Triệu. Bình Nguyên Quân khuyên nhà vua nhận đất ấy. Tần đem quân đến Trường Bình đánh

*Triệu, thua to, bốn mươi vạn quân bị chôn sống. Thủ đô Triệu là Hàm Đan suýt bị mất.
(23). Nhân chuyện Ngụ Khanh, tác giả bộc lộ tâm sự của mình.*

Phần 24

Ngụy Công Tử liệt truyện

1. Công tử nước Ngụy, Vô Kỵ là con út của Ngụy Chiêu Vương, và là em cùng cha khác mẹ với An Ly Vương nước Ngụy. Chiêu Vương chết, An Ly Vương lên ngôi phong công tử làm Tín Lăng Quân. Bấy giờ phạm Thử bỏ nước Ngụy trốn sang Tần làm thừa tướng, vì thù oán Ngụy Tề(1) nên quân Tần vây thành Đại Lương, phá quân Ngụy ở gần núi Hoa Dương, đánh Mang Mão(2) bỏ chạy. Vua Ngụy và công tử lo sợ.

Công tử là người nhân hậu, biết khiêm tốn đối với kẻ sĩ. Kẻ sĩ không kể người hiền hay người dở, công tử đều khiêm tốn, lấy lễ đối đãi, không dám cậy mình giàu sang mà kiêu ngạo đối với họ. Vì vậy kẻ sĩ trong vòng mấy ngàn dặm đều tranh nhau theo. Khách ăn đến ba nghìn người. Lúc bấy giờ chur hầu cho công tử là người hiền, có nhiều khách, đã hơn mười năm không dám đem binh đánh Ngụy.

Công tử đang cùng vua Ngụy đánh cờ, bỗng ở biên giới phía Bắc khói đốt lên(3) để báo hiệu, vua nói:

- Giặc Triệu đến, sắp vào bờ cõi.

Vua Ngụy thôi đánh cờ, muốn triệu tập các quan đại thần để bàn công việc. Công tử can nhà vua, nói:

- Không phải có giặc đâu. Đó là vua Triệu đi săn đấy thôi.

Rồi lại đánh cờ như cũ. Vua lo sợ không còn bụng dạ nào nghĩ đến việc đánh cờ. Lát sau, có người từ phương Bắc đem tin về nói:

- Đó là vua Triệu đi săn đấy thôi chứ không phải có giặc cướp.

Vua Ngụy cả kinh, hỏi:

- Tại sao công tử lại biết điều đó?

Công tử nói:

- Khách của thần có người dò biết được những việc bí mật của vua Triệu. Vua Triệu làm gì thì người khách ấy báo ngay với thần, cho nên thần biết.

Sau đó vua Ngụy sợ công tử hiền và có tài nên không dám giao việc chính sự trong nước cho công tử.

Nước Ngụy có người ẩn sĩ tên là Hầu Doanh, bảy mươi tuổi nhà nghèo, làm người giữ cửa thành Di Môn ở Đại Lương. Công tử nghe tin đến mời, muốn đem hậu lễ để biếu.

Hầu Doanh không chịu nhận nói:

- Thần tu thân, giữ tiết trong sạch mấy mươi năm nay, quyết không vì làm chức giữ cửa thành khổ sở mà nhận tiền bạc của công tử.

Công tử bèn đặt tiệc rượu, hội họp tân khách đông đủ. Khách ngồi xong đâu vào đấy, công tử mang xe ngựa đi theo, để chỗ ngồi bên trái bỏ trống(4), thân hành đi đón người giữ cửa Di Môn là Hầu Sinh. Hầu Sinh sửa qua áo mũ bước thẳng lên xe, ngồi chỗ ngồi phía trên, không từ chối, muốn để dò ý công tử. Công tử lại càng cảm thấy cương một cách cung kính. Hầu Sinh lại nói với công tử:

- Tôi có người khách làm nghề hàng thịt ở ngoài chợ, xin ngài chịu khó cho xe ngựa đến để ghé thăm ông ta.

Công tử đánh xe vào chợ. Hầu Sinh xuống xe, thăm người khách Chu Hối, nhìn ngang nhìn ngửa, cố ý dùng dằng, nói chuyện với người khách một hồi lâu, trong khi nói chuyện lại liếc nhìn công tử.

Về mặt công tử lại càng ôn hòa(5). Lúc bấy giờ tướng quốc, tướng quân, tôn thất, khách khứa nước Ngụy đầy cả nhà, chờ đợi công tử nâng cốc. Người ngoài chợ đều xem công tử cầm dây cương, các quân kỵ đi theo đều chú ý thăm Hầu Sinh. Hầu Sinh thấy sắc mặt công tử trước sau không thay đổi, bèn từ tạ người khách mà lên xe. Khi đến thà, công tử dẫn Hầu Sinh lên ngồi ở ghế trên, giới thiệu và khen ngợi Hầu Sinh với các tân khách. Tân khách đều kính sợ. Uống rượu say, công tử đến trước mặt Hầu Sinh chúc thọ. Hầu Sinh bèn nói với công tử:

- Hôm nay Doanh này làm cho công tử thực khó nhọc! Doanh là người giữ cửa thành Di Môn mà được công tử thân hành chịu khó đem xe đến đón Doanh ở trước đông đảo mọi người. Đáng lý tôi không nên ghé vào nhà người ta. Nay công tử lại chịu khó đưa tôi đến. Doanh này muốn công tử

được tiếng; cô ý giữ xe và quân kỵ của công tử ở giữa chợ, công tử lại càng cung kính, người ngoài chợ đều cho Doanh là đứa tiểu nhân, công tử là bậc trưởng giả, biết nhún mình trước kẻ sĩ.

Công tử bèn đãi tiệc, Hầu Sinh được làm thượng khách. Hầu Sinh nói với công tử:

- Người hàng thịt Chu Hối mà tôi đến nhà là một người hiền trong đời không ai biết đến, cho nên ở ẩn cùng với những người hàng thịt đó thôi.

Công tử mấy lần đến thăm, Chu Hối cố ý không đáp lễ. Công tử lấy làm lạ(6).

2. Năm thứ hai mươi, đời vua An Ly Vương nước Ngụy (năm 237 trước Công nguyên), Tần Chiêu Vương sau khi phá quân Triệu ở Trường Đình, lại tiến binh vây Hàm Đan. Chị của công tử là vợ Bình Nguyên Quân, em trai vua Huệ Văn Vương nước Triệu, đã mấy lần đưa thư cho Ngụy Vương và công tử xin nước Ngụy cứu viện. Vua Ngụy sai tướng quân Tần Bỉ cầm mười vạn quân đi cứu Triệu. Vua Tần sai sứ giả nói với vua Ngụy:

- Ta đánh Triệu, sớm chiều thế nào cũng phá Triệu, chớ hầu ai dám cứu thì sau khi phá Triệu, thế nào ta cũng đem binh đến đánh trước.

Vua Ngụy sai người ngăn Tần Bỉ, giữ quân lại đóng dinh ở đất Nghiệp, tiếng là cứu Triệu, nhưng thực ra là đi nước đôi để chờ xem hình thế. Sứ giả của Bình Nguyên Quân liên tiếp kéo sang Ngụy, trách Ngụy công tử:

- Thắng sở dĩ tự phụ về chỗ kết nghĩa hôn nhân là vì cho rằng công tử là người có nghĩa khí cao, có thể giải cứu người ta lúc nguy khốn. Nay Hàm Đan sớm chiều sẽ phải đầu hàng nước Tần mà cứu binh của Ngụy không đến, thế thì công tử cứu nguy khốn cho người khác ở chỗ nào? Và chẳng, nếu công tử khinh Thắng này, bỏ Thắng phải đầu hàng nước Tần, thế thì công tử không thương hại chị của công tử sao?

Công tử lo lắng, mấy lần xin Ngụy Vương, và giục các tân khách biện sĩ tìm đủ mọi cách nói với Ngụy Vương. Nhưng Ngụy Vương sợ Tần, rốt cuộc không nghe lời công tử. Công tử tự nghĩ mình không thể nào thuyết phục được nhà vua, thì không nên sống một mình để nước Triệu mất, định tụ tập các tân khách, quân kỵ và hơn một trăm cỗ xe, muốn cùng những người khách qua đánh quân Tần, rồi cùng chết với nước Triệu.

Công tử đi qua cửa Di Môn ghé thăm Hầu Sinh, kể lại đầu đuôi tại sao mình liệu chết với quân Tần và từ biệt ra đi. Hầu Sinh nói:

- Công tử cố gắng đi nhé? Tôi già yếu rồi, không thể đi theo được.

Công tử đi được mấy dặm, trong lòng không vui nói:

- Ta đối đãi Hầu Sinh chu tất, thiên hạ không ai không biết. Nay ta sắp chết, thế mà Hầu Sinh không có nửa lời tiễn ta, phải chăng ta có điều gì không phải?

Bèn quay xe về, hỏi Hầu Sinh. Hầu Sinh cười và nói:

- Tôi đã biết thế nào công tử cũng quay lại(8).

Lại nói:

- Công tử yêu kẻ sĩ nổi tiếng khắp thiên hạ, nay gặp nạn không có phương kế nào khác mà lại muốn lao vào quân Tần, thế cũng như là ném thịt cho hổ đói chứ có ích gì đâu! Như thế thì dùng tân khách làm cái gì? Nhưng công tử đối đãi với tôi rất hậu, công tử ra đi mà tôi không tiễn, vì vậy biết công tử sẽ hồi hận mà trở lại.

Công tử lạy hai lạy và hỏi. Hầu Sinh bèn đuổi người ra rồi nói riêng:

- Doanh này nghe nói “Bình phù”(9) của Tần Bỉ thường để ở trong phòng ngủ của nhà vua mà nàng Như Cơ được nhà vua rất yêu, ra vào nơi phòng ngủ của nhà vua, có thể ăn trộm được. Doanh nghe nói cha của Như Cơ bị người ta giết. Như Cơ chứa giận ba năm, muốn tìm người báo thù cho cha, nhưng từ nhà vua trở xuống, không được một người nào. Như Cơ khóc với công tử. Công tử sai người khách chém đầu kẻ thù kính dâng lên Như Cơ. Như Cơ muốn báo ơn công tử, chết cũng không từ chối, nhưng vẫn chưa có dịp đấy thôi. Nay nếu công tử mở miệng nói với Như Cơ một lời thì thế nào Như Cơ cũng bằng lòng. Một khi đã có được “hồ phù”, giành lấy quân đội của Tần Bỉ, đem quân về phía Bắc, cứu nước Triệu, đuổi nước Tần về phía Tây, đó là công lao của Ngũ bá đời xưa.

Công tử nghe theo kế của Hầu Sinh, nói với Như Cơ. Như Cơ quả nhiên trộm được bình phù của Tần Bỉ đưa cho công tử.

Công tử ra đi, Hầu Sinh nói:

- “Tướng quân đã ở ngoài biên giới thì có những lúc không nghe theo lệnh của nhà vua, để tiện lợi cho việc quốc gia”(10). Công tử đến ghép phù, nếu như Tấn Bì không trao quân cho công tử mà lại muốn hỏi lại nhà vua thì công việc thế nào cũng hỏng mất. Người khách của tôi là anh hàng thịt Chu Hối có thể cùng đi với công tử, anh ta là một lực sĩ. Nếu như Tấn Bì nghe theo thì tốt lắm. Nếu không thì sẽ sai lầm chết.

Công tử liền khóc. Hầu Sinh nói:

- Công tử sợ chết hay sao? Tại sao lại khóc?

Công tử nói:

- Tấn Bì là một vị lão tướng oai vệ. Tôi đến sợ ông ta không nghe, phải giết ông ta cho nên khóc đó thôi(11).

Công tử bèn mời Chu Hối, Chu Hối cười mà rằng:

- Tôi là anh hàng thịt, múa đao ở nơi chợ búa, mà công tử lại thân hành mấy lần đến thăm hỏi. Tôi sợ dĩ nhiên không đáp lễ là vì nghĩ rằng không cần gì cái trò lễ nghi vặt vãnh ấy. Nay công tử có việc nguy cấp, đó là lúc tôi hiến tính mạng cho công tử.

Bèn cùng công tử ra đi.

Công tử đi qua tạ ơn Hầu Sinh, Hầu Sinh nói:

- Tôi đáng lý phải đi theo, nhưng đã già đi không được, xin tính ngày công tử đến quân đội Tấn Bì, tôi sẽ quay đầu về hướng Bắc, tự đâm vào cổ để tiễn công tử.

Công tử bèn ra đi.

Đến đất Nghiệp công tử giả lệnh của vua Ngụy thay Tấn Bì, Tấn Bì ghép phù lấy làm ngờ, giờ tay, nhìn công tử nói:

- Nay tôi cầm binh mười vạn, đóng đồn ở nơi biên giới là một công việc nặng nề của nước. Ông đi một chiếc xe đến đây thay tôi, là nghĩa thế nào?

Tấn Bì ý không chịu nghe theo. Chu Hối giấu ở trong ống áo cái chùy sắt bốn mươi cân, đánh Tấn Bì chết, công tử bèn chỉ huy quân của Tấn Bì, chinh đồn lại đội ngũ, ra lệnh trong quân:

- Nếu cả cha và con đều ở trong quân, thì cha trở về; nếu cả anh và em ở trong quân thì anh trở về; nếu là con một không có anh em thì trở về mà nuôi cha mẹ(12).

Chọn được tám vạn quân, tiến đánh quân Tần. Quân Tần giải vây rút lui, công tử bèn cứu được Hàm Đan, bảo tồn nước Triệu.

Vua Triệu và Bình Nguyên Quân thân hành đón công tử ở biên giới. Bình Nguyên Quân mang cung, túi tên đi trước dẫn đường. Vua Triệu lạy hai lạy nói:

- Người hiền từ xưa đến nay, chưa có ai bằng công tử.

Lúc bấy giờ Bình Nguyên Quân không dám so sánh với công tử. Kể từ khi công tử cùng Hầu Sinh từ biệt, đến khi đến quân doanh thì quả nhiên Hầu Sinh đã quay mặt về phía Bắc mà tự đâm cổ chết(13).

3. Vua Ngụy giận công tử ăn trộm binh phù của mình, lừa giết Tấn Bì, công tử cũng tự biết điều đó. Sau khi đã đuổi quân Tần, cứu được nước Triệu, công tử sai các tướng đem quân trở về nước Ngụy, còn mình cùng với những người khách ở lại nước Triệu.

Hiếu Thành Vương nước Triệu cho công tử có ơn với mình, đã giả lệnh của nhà vua giành binh của Tấn Bì mà còn cứu được nước Triệu nên bàn với Bình Nguyên Quân phong cho công tử năm thành. Công tử nghe vậy sắc mặt có ý kiêu căng, tỏ vẻ tự khoe công trạng của mình. Có người khách nói với công tử:

- Có việc không có thể quên, lại có việc không thể không quên. Hễ người ta có ân đức đối với công tử thì công tử chớ quên; hễ công tử có ân đức đối với người ta, xin công tử hãy quên đi. Vả chăng, giả lệnh vua Ngụy, giành lấy quân của Tấn Bì để cứu Triệu, đối với Triệu thì có công đấy nhưng đối với Ngụy thì vẫn chưa phải là kẻ trung thần. Công tử lại tự kiêu lấy đó làm công lao của mình, tôi trộm nghĩ công tử làm như thế là không phải.

Công tử lập tức tự trách mình như là con người không có chỗ dung thân. Vua Triệu tưới nước quét đường đi thân hành đón tiếp, giữ lễ của người chủ, đưa công tử lên cái thềm phía Tây. Công tử khấp nép từ tạ, bước đi theo cái thềm phía Đông mà lên, tự nói rằng mình là người có tội, phụ bạc với nước Ngụy, không có công lao gì với nước Triệu. Vua Triệu tiếp rượu mãi đến chiều miệng vẫn không nói việc biểu năm thành vì biết công tử sẽ từ chối. Công tử vẫn cứ ở Triệu. Vua Triệu cho

công tử đất Hoắc để làm ấp tằm gôi. Nước Ngụy cũng lại cho công tử hưởng lộc đất Tín Lăng, nhưng công tử vẫn ở lại nước Triệu.

Công tử nghe nói ở nước Triệu có Mao Công ẩn mình giữa những người đánh bạc, Tiết Công ẩn mình giữa những người bán tương. Công tử muốn gặp hai người ấy. Hai người ấy trốn tránh không chịu ra tiếp công tử. Công tử biết chỗ họ ở bèn đi bộ một mình đến nhà, từ đó hai người kia chơi với công tử rất là tương đắc. Bình Nguyên Quân nghe vậy nói với vợ:

- Lúc đầu ta nghe nói người em của phu nhân là người có một không hai trong thiên hạ; nay ta xem ra thì ông ta lại chơi bời với bọn đánh bạc và bọn bán tương, công tử chỉ là người gàn thôi.

Phu nhân nói với công tử. Công tử bèn từ tạ phu nhân ra đi mà rằng:

- Lúc đầu tôi nghe nói Bình Nguyên Quân là người hiền, cho nên tôi phụ bạc vua Ngụy mà cứu nước Triệu để xứng đáng với Bình Nguyên Quân. Cách giao du của Bình Nguyên Quân chỉ cất tân khách cho nhiều để tự khoe khoang mà thôi, chứ không tìm kẻ hiền sĩ. Vô Kỵ từ khi ở Đại Lương vẫn thường nghe nói hai người này là người hiền, khi đến Triệu, sợ không gặp mặt. Vô Kỵ chơi với họ, còn sợ họ không muốn chơi với mình nữa kia. Nay Bình Nguyên Quân lại thấy thế làm thẹn, như vậy Bình Nguyên Quân không phải là người đáng cùng giao du. Có lẽ không hơi đâu mà giao du với ông ta nữa.

Bèn chuẩn bị hành lý để đi. Phu nhân đem tất cả nói lại với Bình Nguyên Quân. Bình Nguyên Quân bèn cất mũ để xin lỗi, cố ý giữ công tử lại. Môn hạ của Bình Nguyên quân nghe vậy, một nửa bỏ Bình Nguyên Quân mà theo công tử. Kẻ sĩ trong thiên hạ lại đến theo công tử. Công tử làm cho khách của Bình Nguyên Quân đổ về công tử.

Công tử ở lại Triệu mười năm không về, nước Tần nghe tin công tử ở Triệu, ngày đêm đem binh về hướng Đông đánh Ngụy. Vua Ngụy lo lắng, sai sứ đến mời công tử về. Công tử sợ vua giận mình nên ngăn cấm các môn hạ:

- Ai dám làm người truyền đạt cho sứ giả vua Ngụy thì sẽ bị giết.

Các tân khách đều đã bỏ Ngụy sang Triệu, không ai dám khuyên công tử trở về. Mao Công và Tiết Công đến yết kiến công tử, nói:

- Sở dĩ công tử được trọng ở Triệu, nổi danh khắp chư hầu, là vì có nước Ngụy. Nay Tần đánh Ngụy, Ngụy nguy cấp mà công tử không lo đến. Nếu nước Tần phá thành Đại Lương, san phẳng tôn miếu của tiên vương thì công tử còn mặt mũi nào mà đứng trong thiên hạ?

Nói chưa dứt lời, công tử liền thay đổi sắc mặt, giục người đánh xe về để cứu Ngụy.

Vua Ngụy thấy công tử, hai người cùng khóc, trao cho công tử ấn thượng tướng quân. Công tử bèn làm tướng. Năm ba mươi đời vua An Ly Vương nước Ngụy (năm 247 trước Công nguyên) công tử sai sứ báo khắp các chư hầu, chư hầu nghe công tử làm tướng, đều sai tướng đem quân cứu Ngụy. Công tử cầm quân cả năm nước đánh tan quân Tần ở Hà Ngoại. Mông Ngao bỏ chạy. Công tử bèn thừa thắng đuổi quân Tần đến ải Hàm Cốc, chặn đường quân Tần, quân Tần không dám ra. Lúc bấy giờ uy thế của công tử làm rung động cả thiên hạ. Khách các nước chư hầu dâng binh pháp, công tử đều chiếm lấy làm của mình, cho nên thế tục gọi là Ngụy công tử binh pháp? Vua Tần lo lắng bèn cho người đem một vạn cân vàng sang gục, tìm người khách của Tần Bì, khiến y gièm công tử với Ngụy Vương rằng: “Công tử trốn ra nước ngoài đã mười năm nay làm tướng nước Ngụy, chư hầu đều theo. Chư hầu chỉ nghe nói Ngụy công tử không nghe nói đến vua Ngụy. Công tử nhân lúc này muốn quay mặt về hướng Nam làm vua. Chư hầu sợ uy công tử cũng muốn cùng nhau lập công tử”. Nước Tần mấy lần sai phản gián, giả vờ mừng công tử được lập làm Ngụy Vương. Ngụy Vương ngày nào cũng nghe lời gièm pha không thể không tin, về sau quả nhiên sai người thay công tử làm tướng.

Công tử tự biết mình lại vì gièm pha mà bị phế truất bèn cáo bệnh không ra châu, cùng tân khách uống rượu suốt đêm, lại gàn đàn bà. Ngày đêm vui chơi, bốn năm sau mắc bệnh vì rượu mà chết.

Năm ấy An Ly Vương nước Ngụy cũng

mất. Tần nghe tin công tử đã chết, bèn sai Mông Ngao đánh Ngụy lấy hai mươi thành, bắt đầu đặt Đông Quận. Sau đó Tần dần dần nuốt Ngụy như tằm ăn lá dâu, được mười tám năm thì bắt Ngụy Vương, làm cỏ dân thành Đại Lương.

Lúc Hán Cao Tổ còn nhỏ, thường nghe nói công tử là người hiền, đến khi lên ngôi vua, mỗi lần đi qua thành Đại Lương, Cao Tổ thường tế công tử. Năm thứ mười hai đời Cao Tổ (năm 195 trước

Công nguyên), sau khi đánh Kinh Bồ trở về, nhà vua cho đặt năm nhà để giữ mồ mả tế công tử, đòi hàng năm bốn mùa tế tự công tử(14).

4. Thái sử công nói:

- Tôi qua thành Đại Lương cũ, tìm hỏi nơi mà người ta gọi là Di môn. Di Môn là cửa phía Đông thành. Các công tử trong thiên hạ cũng có người yêu kẻ sĩ, nhưng Tín Lăng Quân tiếp người ẩn sĩ ở nơi núi khuất hang cùng, không thẹn trong việc giao thiệp với người dưới, điều đó cũng ít có. Danh tiếng nhất chú hầu, không phải là hư danh vậy. Cao Tổ mỗi lần qua đây, khiến dân phụng thờ không dứt.

Chú thích:

(1). *Ngụy Tề* xem *Phạm Thù*, *Thái Trach* liệt truyện.

(2). *Mang Mãi*: tướng *Ngụy*.

(3). Ngày xưa ở biên giới khi nào có giặc thì đốt lửa, khói bốc lên. Đó là một cách báo hiệu.

(4). Ngày xưa khi ngồi trên xe thì chỗ ngồi bên trái chỗ ngồi tôn quý

(5). Đoạn này giải thích *Ngụy Vô Kỵ* khiêm tốn đối với kẻ sĩ.

(6). Đoạn 1: thái độ cung kính khiêm tốn đối với kẻ sĩ của *Ngụy Vô Kỵ*.

(7). Xem *Bình Nguyên Quân* liệt truyện.

(8). Chỉ cần hai câu, nhân vật *Hầu Sinh* đã hiện ra rất rõ nét.

(9). Ngày xưa, tướng ra đi cầm quân được nhà vua giao cho cái “hổ phù”, còn gọi là “binh phù”. *Bình phù* làm bằng đồng, khắc hình con hổ, chia làm hai, vua giữ một nửa tướng quân giữ một nửa. Khi nào vua sai người đến thay thế để cầm quân thì cầm nửa kia đi, đến nơi đóng quân. Nếu ghép phù “thấy khớp”, tức nhà vua đã sai đến thay thế.

(10). Đây là một câu trong binh pháp của *Tôn Tử*. *Hầu Sinh* đoán trước *Tấn Bỉ* có thể vin theo đó mà không nghe theo *Ngụy công tử*.

(11). Chi tiết rất nhỏ nhặt nhưng nêu rõ lòng yêu quý kẻ sĩ của *Ngụy công tử*.

(12). Ý kiên quyết đánh *Tần* đến cùng.

(13). Đoạn 2: *Ngụy Vô Kỵ* dùng kế của *Hầu Doanh* cứu được nước *Triệu*.

(14). Đoạn 3: Hành trạng của *Ngụy công tử* khi ở *Triệu* và việc công tử cứu *Ngụy*.

Phần 27

Liêm Pha, Lạn Tương Như liệt truyện

1. Liêm Pha là viên tướng giỏi nước Triệu. Năm thứ mười sáu đời Huệ Văn Vương nước Triệu (283 trước Công nguyên), Liêm Pha làm tướng nước Triệu, đánh Tề, phá tan quân Tề lấy ấp Dương Tân, được làm thượng khanh, nổi tiếng dũng khí ở các nước chư hầu. Lạn Tương Như là người nước Triệu, làm môn hạ của người cầm đầu các hoạn quan nước Triệu là Mỵ Hiên.

2. Đời vua Huệ Văn Vương, nước Triệu được viên ngọc bích của họ Hoà(1) ở nước Sở, vua Chiêu Vương nước Tần nghe tin, sai người đưa thư cho vua Triệu, xin đem mười lăm thành để đổi lấy viên ngọc bích. Vua Triệu cùng đại tướng quân Liêm Pha và các vị đại thần bàn: Nếu cho Tần ngọc bích thì sợ không được thành của Tần, chỉ bị lừa thôi, nếu không cho thì lại lo binh Tần đến đánh. Kế chưa quyết định, tìm người có thể sang trả lời Tần, tìm mãi chưa được.

Viên hoạn quan Mỵ Hiên nói:

- Môn hạ của thần là Lạn Tương Như có thể đi được.

Nhà vua hỏi:

- Tại sao nhà ngươi lại biết?

Mỵ Hiên đáp:

- Thần đã từng có tội, trộm nghĩ muốn chạy trốn sang đất Yên, môn hạ của thần là Tương Như cản lại mà rằng: “Ngài làm sao mà biết vua Yên?”. Thần nói: “Tôi từng theo đại vương hợp với vua Yên ở biên giới, vua Yên nắm tay tôi mà nói: “Xin kết làm bạn ! Vì vậy tôi biết ,nên muốn trốn sang. Tương Như bảo thần: “ Vì nước Triệu mạnh, nước Yên yếu, cho nên vua Yên muốn kết bạn với ngài. Nay ngài bỏ Triệu trốn sang Yên thì Yên sợ Triệu, nhất định không dám giữ ngài mà sẽ trói ngài nộp cho Triệu. Chi bằng ngài hãy cớ trần, phục bên lườn riu mà xin tha tội, may ra được thoát thân!”. Thần nghe theo kế ấy, may sao đại vương tha tội. Thần trộm nghĩ người ấy là bậc dũng sĩ, có mưu trí, có thể sai đi được.

Nhà vua liền cho mời đến, hỏi Lạn Tương Như:

- Vua Tần đem mười lăm thành đổi lấy viên ngọc của quả nhân, nên cho hay không?

Tương Như nói:

- Tần mạnh, Triệu yếu, không cho không được.

Vua Triệu nói:

- Họ lấy ngọc ta mà không cho ta thành thì làm thế nào?

Lạn Tương Như nói:

- Tần đem thành đổi lấy ngọc mà Triệu không cho, thì điều trái là ở Triệu. Triệu cho ngọc mà Tần chẳng cho thành thì điều trái là ở Tần. Xét lại kế đó thì thà cho ngọc để Tần chịu phần trái.

Nhà vua hỏi:

- Ai có thể sai đi sứ?

Lạn Tương Như nói:

- Nếu nhà vua thiếu người, thần xin mang ngọc bích đi sứ. Thành có về tay nước Triệu thì ngọc mới ở lại đất Tần. Nếu thành không về, thần xin giữ nguyên vẹn viên ngọc đem về Triệu. Triệu Vương bèn sai Tương Như mang ngọc sang hướng Tây vào đất Tần.

2. Vua Tần ngồi ở “Chương đài” tiếp kiến Tương Như. Tương Như mang ngọc bích dâng vua Tần.

Vua Tần mừng rỡ trao cho các mỹ nhân và các quan hầu xem, các quan hầu đều hô:

- Vạn tuế!

Tương Như thấy vua Tần không có ý trả thành cho Triệu, bèn tiến lên nói:

- Ngọc bích có vết, tôi xin chỉ cho bệ hạ xem.

Vua trao ngọc bích, Tương Như nhân cầm ấy ngọc, đứng lùi tựa vào cột, nổi giận, tóc dựng ngược, nói với vua Tần:

- Đại vương muốn được ngọc, sai người đem thư đến vua Triệu. Vua Triệu cho mời quần thần bàn bạc, tất cả đều nói: nước Tần tham, cậy mình mạnh, đem lời nói suông để cầu lấy ngọc, chưa chắc đã trả thành cho ta". Họ bàn không muốn đưa ngọc bích cho Tần. Thần cho rằng kẻ áo vải chơi với nhau còn không dối nhau, huống nữa là nước lớn. Và chẳng vì một viên ngọc mà làm nước Tần mất vui thì không nên. Vì vậy nên vua Triệu trai giới năm ngày, sai thần mang ngọc bích đi, vả mà đưa

ở giữa triều đình. Tại sao thế. Vì trọng cái uy của nước lớn để tỏ lòng tôn kính vậy. Nay thần đến đại vương tiếp thần ở một nơi tâm thường, lễ tiết rất khinh mạn. Được ngọc, đại vương đưa cho các mỹ nhân để đùa bỡn thần. Thần xem đại vương không có ý trả thành ấp cho vua Triệu, cho nên thần lấy ngọc về. Nếu đại vương cứ muốn bức bách thần, thì đầu thần và viên ngọc đều vỡ ở cái cột này. Tương Như cầm viên ngọc, lượm cái cột, muốn đập đầu vào cột. Vua Tần sợ ông ta đập vỡ viên ngọc nên từ tạ cố xin, gọi quan đương sự cầm địa đồ đến chỉ cắt mười lăm thành từ chỗ này trở đi để cho Triệu. Tương Như đoán vua Tần chỉ lừa dối mà thôi, tuy giả vờ cho Triệu thành, nhưng thực ra thì không thể được thành, bèn bảo vua Tần:

- Ngọc bích họ Hoà thiên hạ đều nhận là của báu, vua Triệu sợ không dám không dâng. Khi đưa ngọc, vua Triệu trai giới năm ngày, nay đại vương cũng nên trai giới năm ngày, đặt lễ cử tân(2) ở sân thì thần mới dám dâng ngọc.

Vua Tần xem chừng không có cách gì ép được, bèn hứa trai giới năm ngày, cho Tương Như ở lại quán tân khách Quảng Thành. Tương Như xem chừng vua Tần tuy trai giới, nhưng thế nào cũng bội ước không trả thành, nên sai kẻ đi theo mình mặc áo ngắn, mang viên ngọc đi theo đường tắt, trốn về nộp trả ngọc bích cho Triệu. Vua Tần sau khi trai giới năm ngày bèn đặt lễ cử tân ở triều đình để tiếp sứ nước Triệu là Lạn Tương Như. Tương Như đến, nói với vua Tần:

- Nước Tần từ đời Mục Công đến nay, hơn hai mươi đời vua, chưa từng có ai giữ trọn lời hứa. Quả thực, thần sợ bị nhà vua lừa, lại phụ lòng nước Triệu, nên đã sai người cầm ngọc lên về đến nước Triệu rồi. Vả lại, Tần mạnh mà Triệu yếu, đại vương sai một người sứ giả đến Triệu thì Triệu lập tức đem ngọc sang dâng. Nay mạnh như nước Tần mà lại cắt trước mười lăm thành để cho Triệu thì Triệu đâu dám giữ ngọc bích để mắc tội với đại vương. Thần biết rằng lừa dối đại vương tội đáng chết. Thần xin vào vạc nước sôi. Xin đại vương và quần thần bàn bạc kỹ cho.

Vua Tần và quần thần nhìn nhau cùng hậm hực. Các quần thần muốn kéo cổ Tương Như đi. Vua Tần nhân đó nói:

-Bây giờ giết Tương Như cũng không lấy được ngọc, mà chỉ làm tuyệt tình giao hảo giữa Tần và Triệu. Chi bằng nhân việc này mà hậu đãi ông ta, cho ông ta về Triệu. Vua Triệu há vì một viên ngọc bích mà lừa dối Tần sao?

Do đó, vua Tần vẫn tiếp Tương Như ở triều đình, lễ xong cho về. Sau khi Tương Như về, vua Triệu khen Tương Như là một quan đại phu giỏi, đi sứ không khuất nhục với chư hầu, bèn phong Tương Như làm thượng đại phu. Kết quả Tần cũng không đổi thành cho Triệu. Triệu cũng không đem ngọc bích cho Tần.

3. Về sau, Tần đánh Triệu, lấy Thạch Thành (năm 282 trước Công nguyên). Năm sau lại đánh Triệu, giết hai vạn người. Vua Tần sai sứ giả nói với Triệu Vương muốn họp nhau ở Dẫn Trì, ngoài Tây Hà để giảng hoà. Vua Triệu sợ

Tần, định không đi. Liêm Pha, Lạn Tương Như bàn mưu:

- Nhà vua không đi thì tỏ ra nước Triệu yếu và nhát.

Vua Triệu bèn đi, Tương Như đi theo, Liêm Pha tiễn đến biên giới, từ biệt nhà vua nói:

- Nhà vua đi, tính đường đi về cùng hội họp, chẳng quá ba mươi ngày, nếu ba mươi ngày không về, xin lập thái tử làm vua để cho Tần hết hy vọng(3).

Nhà vua nghe theo. Bèn họp với vua Tần ở Dẫn Trì. Vua Tần uống rượu say, nói:

- Quả nhân trộm nghĩ Triệu Vương giỏi nhạc, xin gảy đàn sắt cho nghe.

Vua Triệu gảy đàn sắt. Ngự sử nước Tần tiến lên chép:

- Ngày... tháng... năm... vua Tần cùng vua Triệu hội họp uống rượu, khiến vua Triệu gảy đàn sắt.

Tương Như tiến lên nói:

- Vua Triệu trộm nghe nói vua Tần giỏi về âm nhạc nước Tần, xin bưng cái vò sành đến vua Tần gõ để cùng vui với nhau(4). Vua Tần giận không chịu. Nhưng Tương Như cứ tiến lên dâng cái vò. Nhân quý xuống mời vua Tần, vua Tần không chịu gõ, Tương Như nói:

- Ở trong năm bước, thần xin được phép lấy máu ở cổ làm bắn người đại vương.

Tả hữu muốn chém Tương Như. Tương Như trốn mất quất tả hữu đều dạt ra. Vua Tần không vui, đánh gõ vò một cái. Tương Như quay lại gọi ngự sử nước Triệu viết:

- Năm . . . tháng . . . ngày . . . vua Tần gõ vò cho vua Triệu nghe.

Quần thần nước Tần nói:

- Xin đem mười lăm thành nước Triệu để chúc thọ vua Tần.

Lạng Tương Như cũng nói:

- Xin lấy Hàm Dương của Tần để chúc thọ vua Triệu.

Vua Tần xong tiệc rượu, chẳng tranh hơn được với vua Triệu. Nước Triệu cũng đặt sẵn nhiều quân lính để đợi Tần. Tần không dám động. Tần hỏi về nước, vua Triệu cho rằng Tương Như có công to, phong làm thượng khanh, địa vị ở trên Liêm Pha.

Liêm Pha nói:

- Ta là tướng nước Triệu, phá thành đánh trận có công to, trái lại Tương Như chỉ nhờ miệng lưỡi lập công mà địa vị ở trên ta. Hơn nữa, Tương Như vốn người thấp hèn, ta xấu hổ không mặt mũi nào ngồi ở dưới ông ta.

Và rêu rao:

- Ta gặp Tương Như, quyết làm nhục ông ta.

Tương Như nghe vậy, không chịu hội họp với Liêm Pha. Mỗi lần có buổi chầu, Tương Như thường cáo bệnh không muốn tranh ngôi thứ với Liêm Pha. Một hôm, Tương Như đi ra trông thấy Liêm Pha, Tương Như quay xe trốn tránh. Những người môn hạ bèn cùng nhau can:

- Chúng tôi sợ dĩ bỏ thân thích đến thờ ngài chỉ vì mến cao nghĩa của ngài. Nay ngài và Liêm Pha cũng ngang hàng. Liêm Pha rêu rao nói xấu mà ngài lại sợ trốn tránh ông ta, sợ sệt quá đáng, người thường còn lấy làm xấu hổ, huống hồ là bậc tướng quốc, tướng quân! Bọn thần bắt tãi, xin từ giả về. Tương Như cố cản lại, nói:

- Các ông xem Liêm tướng quân có bằng vua Tần không?

- Không bằng.

Tương Như nói:

- Oai như vua Tần mà Tương Như dám gào thét ở giữa triều đình, làm nhục cả quần thần. Tương Như tuy hèn nhát há sơi Liêm tướng quân sao. Nhưng ta nghĩ rằng nước Tần sợ dĩ mạnh, không đem binh lính đánh Triệu vì có ta cùng Liêm tướng quân. Nay hai con hổ đánh nhau, thế nào cũng không sống được cả, cho nên ta phải làm như thế, vì nghĩ đến việc cấp bách của nước nhà trước mà gác việc thù riêng đó thôi.

Liêm Pha nghe vậy, cười trần mang roi nhờ tân khách đưa đến cửa nhà Lạng Tương Như tạ tội, nói:

- Kẻ hèn mọn này không biết tướng quân rộng lượng đến thế !

Rồi cùng nhau vui vẻ làm bạn sống chết có nhau!

4. Năm ấy Liêm Pha đem quân về Đông đánh Tề, phá một đạo quân của Tề. Hai năm sau (276), Liêm Pha lại đánh thành Kỳ của Tề, lấy được thành. Ba năm sau, Liêm Pha đánh đất Phòng Lăng, An Dương của Ngụy, lấy được. Bốn năm sau, Lạng Tương Như làm tướng đánh Tề đến Bình ấp rồi về. Năm sau nữa, Triệu Xa phá quân Tần ở vùng Úc Dự.

5. Triệu Xa là một viên lại thu thuế ruộng ở Triệu. Xa thu tô thuế, nhưng nhà Bình Nguyên Quân không chịu nộp. Xa lấy phép trị, giết người quản lý của Bình Nguyên Quân. Bình Nguyên Quân giận toan giết Xa. Xa nhân nói với Bình Nguyên Quân:

- Ngài là vị quý công tử ở Triệu, nay ngài lại dung túng người nhà không theo phép công, thì pháp luật mất hiệu lực, pháp luật mất hiệu lực thì nước yếu, nước yếu thì chư hầu đem quân đến đánh, thế là không còn nước Triệu nữa. Ngài làm sao giữ được giàu có này, ngài là người quý mà theo lẽ công, tuân pháp luật thì trên dưới được công bình. Trên dưới công bình thì nước mạnh. Nước mạnh thì nước Triệu vững, ngài lại là quý thích, có phải kẻ tầm thường trong thiên hạ đâu?

Bình Nguyên Quân cho là người hiền, nói với nhà vua, dùng Xa coi việc thuế má trong nước. Thuế má rất công bình, dân giàu và kho tàng đầy đủ.

6. Tần đánh Hàn, đóng quân ở Úc Dự. Vua cho mời Liêm Pha đến hỏi:

- Có thể cứu không?

Liêm Pha nói:

- Đường xa hiểm trở và hẹp, khó cứu.

Vua lại cho gọi Nhạc Thừa đến hỏi. Nhạc Thừa cũng đáp như Liêm Pha. Lại cho gọi Triệu Xa, Xa đáp:

- Đường xa hiểm trở và hẹp, cũng như hai con chuột đánh nhau trong hang, bên nào dũng cảm sẽ thắng.

Vua bèn sai Triệu Xa làm tướng cứu Hàn. Binh đi cách Hàm Đan ba mươi dặm. Xa ra lệnh trong quân:

- Kẻ nào dám lấy việc quân sự can ngăn thì xử tử.

Quan Tàn đóng ở phía Tây Vũ An. Quan Tàn reo hò tiến, tất cả các ngôi nhà ở thành Vũ An đều rung động. Trong quân có một người nói phải cứu gấp Vũ An. Triệu Xa liền chém ngay. Cứ cố thủ giữ thành đứng lại hai mươi tám ngày không đi. Lại xây thêm thành lũy. Một tên thám thính của Tàn trà trộn vào, Triệu Xa cho ăn ngon và thả cho về. Y lên về báo với tướng Tàn, tướng Tàn mừng rỡ nói:

- Rời khỏi nước ba mươi dặm mà quân lại không đi, còn xây thêm thành lũy thì Ứ Dữ không phải là đất của Triệu rồi.

Sau khi đã cho tên thám thính của Tàn đi, Triệu Xa bèn đem quân cướp giáp rào chạy, hai ngày một đêm đến nơi, sai những người bắn giỏi đi cách Ứ Dữ năm mươi dặm mà đóng quân. Thành lũy của quân đã đắp xong, quân Tàn nghe tin đem cả toán quân đến. Binh sĩ là Hứa Lịch xin can về việc quân sự. Triệu Xa nói:

- Cho vào.

Hứa Lịch nói:

- Quân Tàn không ngờ quân Triệu đã đến đây. Nó đến đây khí thế hùng mạnh, tướng quân phải tập trung đội ngũ lại mà đợi, nếu không thì chắc sẽ thua.

Triệu Xa nói:

- Xin vâng lệnh!

Hứa Lịch nói:

- Xin chịu tội chết.

Triệu Xa nói:

- Hãy đợi lệnh sau xem.

Khi lâm trận, Hứa Lịch lại nói:

- Ai chiếm được đỉnh núi phía Bắc sẽ thắng, ai đến sau sẽ thua.

Triệu Xa cho là phải, liền cho một vạn người rào bước lên trên núi. Quân Tàn đến sau, tranh ngon núi nhưng không lên được. Triệu Xa thả quân đánh, phá tan quân Tàn.

Quân Tàn bị đánh tan bỏ chạy, bèn giải vây Ứ Dữ mà trở về. Huệ Văn Vương nước Triệu phong cho Xa hiệu là Mã Phục Quân, cho Hứa Lịch làm quốc úy(5). Do đó, Triệu Xa cũng ngang hàng với Liêm Pha, Lạn Tương Như.

7. Bốn năm sau, Huệ Văn Vương nước Triệu chết. Con là Hiếu Thành Vương lên ngôi (270 trước Công nguyên). Bảy năm sau, quân Tần và quân Triệu chống nhau ở Trường Bình. Bấy giờ Triệu Xa đã chết. Lạn Tương Như lại mắc bệnh nặng, Triệu sai Liêm Pha cầm quân đánh Tần, quân Tần mấy lần đánh bại quân Triệu, quân Triệu cố thủ giữ thành không đánh. Quân Tần mấy lần khiêu chiến, Liêm Pha vẫn không chịu đánh. Vua Triệu nghe lời bọn tay chân của Tần nói: "Tần chỉ sợ một mình Triệu Quát, con Mã Phục Quân Triệu Xa mà thôi". Vua Triệu bèn cho Quát làm tướng thay Liêm Pha, Lạn Tương Như nói:

- Nhà vua dùng Quát cũng chỉ vì nghe danh ông ta cũng như gấn trục đàn mà gảy đàn thôi. Quát chỉ biết đọc sách của cha để lại, không biết ứng biến.

Vua Triệu không nghe, bèn cho Quát làm tướng.

8. Triệu Quát từ lúc nhỏ học binh pháp, nói việc binh cho thiên hạ không ai bằng mình. Y thường cùng cha là Xa bàn việc binh, Xa không thể bắt bẻ được, nhưng vẫn không cho là phải. Mẹ Quát hỏi Xa tại sao thế, Xa nói:

- Việc binh là nơi chết người mà Quát nói một cách khinh thường quá, nước Triệu không cho Quát làm tướng thì thôi, chứ nếu cho nó làm tướng, thì người phá vỡ quân Triệu nhất định là Quát.

Khi Quát sắp đi, người mẹ dâng thư nói với nhà vua:

- Không để cho Quát làm tướng được.

Vua hỏi:

- Tại sao?

Người mẹ thưa:

- Xưa kia thiếp thờ cha nó. Trong thời cha nó làm tướng, hạng người ông ta thân hành bưng com

nước, cho ăn có đến hàng chục, hạng ông ta xem là bạn có đến hàng trăm. Đại vương và tôn thất thưởng cho cái gì thì đưa tất cả cho các quân lại và sĩ phu. Ngày được nhận mệnh lệnh làm tướng, không hỏi đến việc nhà. Nay Quát mới làm tướng mà ngồi ngoảnh mặt về hướng Đông để tiếp khách(6), quân lại không ai dám ngẩng lên nhìn, vàng lụa nhà vua cho đều đem về cất ở nhà, hàng ngày xem có nhà cửa ruộng vườn gì có lợi, nên mua thì mua. Nhà vua xem nó có bằng cha nó không? Cha con bụng dạ khác nhau, xin nhà vua chớ sai đi.

Nhà vua nói:

- Bà đừng nói nữa, ta đã quyết định rồi.

Mẹ Triệu Quát nói:

- Nếu nhà vua vẫn sai nó đi, nhưng làm không nổi việc, thiếp có thể khỏi tội không?

Nhà vua nói:

- Được.

9. Sau khi Triệu Quát đã thay thế Liêm Pha, bèn thay đổi tất cả những luật lệnh, thay đổi nhiều người quân lại. Tướng Tần là Bạch Khởi nghe vậy, thả kỳ binh, giả vờ thua chạy cắt đứt đường vận lương của Triệu, chia cắt quân Quát làm hai, quân sĩ rời rạc. Được hơn bốn mươi ngày, quân sĩ đói khổ, Triệu Quát đem quân tinh nhuệ ra đánh quân địch. Quân Tần bắn chết Triệu Quát. Binh của Quát bị bại, mấy chục vạn người đầu hàng Tần, Tần đều chôn sống hết. Triệu trước sau mất bốn mươi lăm vạn quân. Năm sau quân Tần vây Hàm Đan hơn một năm, suốt nửa thì nước Triệu không khỏi bị tiêu diệt. Nhờ có các chư hầu Sở, Ngụy đến cứu nên mới giải được vây ở Hàm Đan. Vua Triệu cũng vì mẹ Quát trước kia đã nói nên không giết.

10. Sau khi giải vây Hàm Đan được năm năm, nước Yên dùng mưu của Lật Phúc, nói:

- Những người trai tráng của Triệu đều chết ở Trường Bình, bọn con mồ côi chưa lớn...

Bèn đem quân đánh Triệu. Triệu sai Liêm Pha làm tướng đánh tan quân Yên ở Hạo, giết Lật Phúc, bèn vây Yên. Yên cắt năm thành để cầu hoà, Triệu mới nghe. Triệu lấy đất úy Văn, phong cho Liêm Pha làm Trú Bình Quân, làm quyền tướng quốc(7).

Sau khi Liêm Pha không được cầm quân ở Trường Bình phải về, ở vào lúc thất thế, khách khứa đều bỏ đi hết. Đến khi lại làm tướng quân thì khách khứa lại đến, Liêm Pha nói:

- Các vị hãy rút lui cho !

Khách nói:

- Ô ! Sao ngài thấy việc muộn thế, Đạo bạn bè trong thiên hạ, kết bạn với nhau như lồi con buôn, trò giao dịch ngoài chợ. Khi ngài có thế thì chúng tôi theo, ngài không có thế thì chúng tôi đi, cái đó là lẽ dĩ nhiên chứ có gì đáng giận!

Được sáu năm (năm 245 trước Công Nguyên), Triệu sai Liêm Pha đánh đất Phồn Dương của Ngụy, lấy được Phồn Dương.

Vua Hiếu Thành Vương nước Triệu mất, con là Điều Tương Vương lên ngôi (năm 244 đến năm 236 trước Công nguyên), sai Nhạc Thừa thay Liêm Pha, Liêm Pha giận đánh Nhạc Thừa. Nhạc Thừa bỏ chạy. Liêm Pha bèn chạy sang đất Đại Lương của Ngụy. Sang năm sau, Triệu bèn sai Lý Mục làm tướng đánh Yên, lấy được Vũ Toại, Phương Thành. Liêm Pha ở Lương một thời gian lâu, Ngụy không tin dùng. Nước Triệu thường bị khốn về quân Tần. Vua Triệu lại nghĩ đến việc dùng Liêm Pha. Liêm Pha cũng muốn lại đắc dụng ở Triệu. Vua Triệu sai sứ giả xem Liêm Pha còn dùng được nữa hay không. Kẻ thù của Liêm Pha là Quách Khai cho sứ giả nhiều vàng bảo nói xấu ông ta. Sứ giả của Triệu ra mắt Liêm Pha. Liêm Pha vì vậy ăn một đấu gạo, mười cân thịt trong một bữa cơm, mặc áo giáp lên ngựa để tỏ rằng mình còn dùng được. Sứ giả nước Triệu về báo với nhà vua:

- Liêm tướng quân tuy già, ăn còn khoẻ, nhưng khi cùng thần ngồi trong khoảnh khắc thì ba lần đi đại tiện.

Vua Triệu cho rằng ông ta già cho nên không triệu về. Nước Sở nghe tin Liêm Pha ở Ngụy, ngầm cho sứ đón về. Liêm Pha làm tướng nước Sở không lập được công lao, nói:

- Ta ước được dùng người Triệu?(8).

Liêm Pha chết ở Thọ Xuân(9).

11. Lý Mục là viên tướng giỏi ở biên giới phía Bắc nước Triệu. Mục thường ở Nhạn Môn, đất Đại, phòng bị Hung Nô. Mục được phép tiện nghi đặt quan lại, tất cả tô thuế ở thành thị đều đưa vào trong dinh, để chi tiêu quân phí. Mỗi ngày giết mấy con bò để nuôi quân tập bắn cung, cưỡi ngựa,

canh gác cẩn thận, dùng nhiều người thám thính, hậu đãi chiến sĩ. Ra hiệu lệnh:

- Hung Nô mà vào cướp thì phải lập tức thu thập, bảo vệ ai dám bắt quân giặc thì chém?

Hung Nô mỗi lần vào, canh gác cẩn thận, mọi người lập tức thu thập gìn giữ không dám chiến đấu. Như vậy mấy năm cũng không mất mát gì, nhưng Hung Nô cho Lý Mục là nhất, đến cả binh sĩ ở biên giới cũng cho vị tướng của mình là nhất. Vua Triệu trách Lý Mục, Lý Mục vẫn thề. Vua Triệu giận, đòi về, sai người khác làm tướng thay.

Được hơn một năm, Hung Nô mỗi lần đến là ra đánh. Đánh nhiều lần không lợi, tổn thất nhiều, ở biên giới không thể làm ruộng chăn nuôi. Vua lại mời Lý Mục, Lý Mục đóng cửa không ra, cố xưng bệnh, vua Triệu bèn ép nài ông ta dậy để cầm quân, Mục nói:

- Nếu nhà vua nhất định dùng thần, thì thần có được làm như trước mới dám vâng lệnh.

Nhà vua bằng lòng.

12. Lý mục vẫn theo lối làm như cũ. Hung Nô mấy năm không được gì, kết quả cho ông ta nhất gan. Quân sĩ ở biên giới được thưởng nhiều mà không được dùng, muốn đánh một trận. Bấy giờ Lý Mục mới chọn đủ một nghìn ba trăm cỗ xe, chọn được ba ngàn con ngựa, năm vạn tráng sĩ đáng thưởng mỗi người là năm lạng vàng(10), mười vạn người thiện xạ, tất cả đều học tập chiến đấu, cho súc vật ăn cỏ khắp nơi, nhân dân ở đây đông. Hung Nô vào ít, giả chạy không đánh thắng, vất cho nó mấy ngàn người. Thiên Vu nghe thấy vậy đem tất cả quân đến. Lý Mục bày ra nhiều trận đánh úp, đem hai cánh tả hữu đánh vào, phá, giết hơn mười vạn kỵ binh của Hung Nô; diệt Đan Lam(11), phá Đông Hồ(12), bắt Lâm Hồ đầu hàng(13), Thiên Vu bỏ chạy. Sau đó hơn mười năm, Hung Nô không dám đến gần biên giới nước Triệu.

13. Năm thứ nhất thời Diêu Tương Vương nước Triệu (năm 244 trước Công nguyên) sau khi Liêm Pha đã trốn vào Ngụy, Triệu sai Lý Mục đánh Yên, lấy Vũ Toại, Phương Thành. Được hai năm, Bàng Noãn phá quân Yên, giết Kịch Tân(14). Bấy năm sau, Tần phá Triệu, giết tướng Hồ Thiếp ở Vũ Toại, chém mười vạn người. Triệu bèn cho Lý Mục làm đại tướng quân, đánh quân Tần ở Nghi An, phá tan quân Tần, tướng Tần là Hoài Nghị phải bỏ chạy. Vua Triệu phong cho Lý Mục làm Vũ An Quân. Được ba năm, Tần đánh Bân Ngô. Lý Mục đánh phá quân Tần, phía Nam chống lại Hàn, Ngụy.

Năm thứ bảy, đời vua Triệu tên là Thiên (Năm 235 đến năm 238 trước Công nguyên) Tần sai Vương Tiễn đánh Triệu, Triệu sai Lý Mục, Tư Mã Thượng chống lại, Tần cho người tôi yêu của vua Triệu là Quách Khai nhiều tiền làm phản gián, nói Lý Mục, Tư Mã Thượng muốn làm phản. Vua Triệu bèn sai Triệu Thông và tướng Tề là Nhan Tu thay Lý Mục. Lý Mục không vâng mệnh. Vua Triệu sai người tìm bắt được Lý Mục, giết ông ta, bỏ Tư Mã Thượng. Ba tháng sau, Vương Tiễn nhân đánh Triệu gấp, phá tan quân Triệu, giết Triệu Thông, bắt Triệu Vương là Thiên cùng với tướng của vua Triệu là Nhan Tu, bèn diệt nước Triệu.

Thái sử công nói:

- Biết chịu chết tất phải là dũng cảm, cái chết không phải là khó, cái khó là ở chỗ xử trí cái chết. Khi Lạn Tương Như giờ ngọc bích mắt liếc nhìn cột trụ, tình thế chẳng qua chỉ bị giết là cùng. Những kẻ sĩ hoặc vì nhất gan mà không dám làm. Tương Như chỉ một lần biểu lộ dũng khí của mình mà nước địch sợ uy, sau đó, rút lui, nhường Liêm Pha mà danh tiếng trọng như thái sơn, có thể gọi là người khéo sử dụng cả trí lẫn dũng vậy.

Chú thích:

(1). Biện Hòa nước Sở được hòn đá có ngọc ở trong núi, đem dâng Lê Vương. Vua sai thợ ngọc xem, thợ ngọc nói: “Đó là đá”. Vua cho Biện Hòa nói dối, chặt một chân Hòa. Vũ Vương lên, họ Hòa lại dâng, kết quả bị chặt thêm một chân nữa. Biện Hòa ôm hòn đá mà khóc. Vua sai xem lại, biết hòn đá có viên ngọc bích rất quý. Vì vậy viên ngọc này được gọi là “ngọc bích họ Hòa”.

(2). Cửu tân là cái lễ ngoại giao rất long trọng, trong buổi lễ có đến chín người chiêu đãi, kế tiếp nhau phục dịch.

(3). Đề phòng nhà Tần giữ Triệu Vương lại để hòng yêu sách này nọ.

(4). Nguyên là chữ bốn phần, một thứ đồ sành để đựng rượu.

(5). Chức quan võ ở dưới chức tướng quân.

(6). Ngày xưa vua ngồi hướng Bắc quay mặt hướng Nam, tướng quân và tể tướng ngồi hướng Tây

quay mặt về hướng Đông.

(7). Bảy giờ tướng quốc Lạn Tương Như đã chết. Liêm Pha làm tạm để thay Tương Như.

(8). Ý nói không lập được công vì quân Sở không theo.

(9). Thuộc đất Sở.

(10). Quân Trọng có câu “Kẻ nào có thể phá quân địch, bắt tướng địch thì thưởng một trăm lạng vàng”.

(11). Tên nước Hồ ở phía Bắc đất Đại.

(12). Tên nước còn gọi là Tiên Ty.

(13). Một chi nhánh của Hung Nô.

(14). Tướng Yên.

Phần 28

Diễn Đan liệt truyện

1. Diễn Đan là họ hàng xa họ Diễn tôn thất nước Tề. Thời Tề Dấn Vương, Diễn Đan làm người coi chợ ở Lâm Tri, không được ai biết đến.

Nước Yên sai Nhạc Nghị (1) đánh phá nước Tề (năm 285 trước Công nguyên). Vua Tề Dấn Vương trốn chạy, rút về giữ thành Cự. Quân Yên thừa thế ruổi dài đuổi đánh, bình định nước Tề. Diễn Đan bỏ chạy vào thành An Bình, sai họ hàng cưa tất cả hai đầu trục xe, lấy sắt lấp vào để làm trục. Quân Yên tấn công An Bình. Thành vỡ, người Tề bỏ chạy, tranh nhau đường, đầu trục xe gãy, xe đổ nên bị quân Yên bắt làm tù binh. Chỉ có họ hàng Diễn Đan nhờ có đầu trục xe bịt sắt cho nên trốn thoát, đi về hướng Đông giữ đất Tức Mặc. Quân Yên chiêu hàng tất cả các thành của nước Tề, chỉ còn Cự và Tức Mặc là chưa bị hạ.

Quân Yên nghe tin vua Tề ở thành Cự nên dồn tất cả binh lực đánh thành Cự. Sau khi đã giết Dấn Vương ở thành Cự, Trác Xi cố giữ thành chống lại quân Yên. Quân Yên đánh một năm không lấy được, bèn đem quân về hướng Đông vây Tức Mặc. Quan đại phu ở Tức Mặc ra giao chiến bị thua và chết. Người trong thành cùng nhau tiến cử Diễn Đan làm quan giữ thành. Họ nói:

- Trong lúc đánh nhau ở An Bình, họ hàng Diễn Đan nhờ có trục xe bằng sắt nên được sống cả. Ông ta thông thạo binh pháp.

Cho nên họ lập Diễn Đan làm tướng quân, coi thành Tức Mặc để chống lại quân Yên.

2. Ít lâu sau, Yên Chiêu Vương chết (năm 279 trước Công nguyên), Huệ Vương lên ngôi, có hiềm khích với Nhạc Nghị. Diễn Đan nghe tin ấy bèn tung phản gián vào nước Yên, phao lên: “ Vua Tề đã chết, nước Tề chỉ còn hai thành nữa không lấy được mà thôi. Nhạc Nghị sợ bị giết nên không dám về, ông ta mượn tiếng đánh Tề, nhưng thực ra là muốn kết hợp binh lực, ngoảnh mặt về hướng Nam làm vua đất Tề. Người Tề chưa theo, vì vậy, ông ta đánh Tức Mặc không ráo riết để cho họ theo mình. Người Tề chỉ sợ viên tướng khác đến thì thành Tức Mặc sẽ bị tiêu diệt mất ”.

Vua Yên cho là phải, sai Kỵ Nhiếp thay Nhạc Nghị.

Nhạc Nghị vì vậy trở về Triệu (2). Sĩ tốt nước Yên phần uất. Diễn Đan bèn sai người ở trong thành, khi ăn thì phải cúng tổ tiên ở ngoài sân. Chim chóc ở ngoài đều bay vào thành lượn xuống ăn. Nước Yên cho là quái lạ. Nhân đó, Diễn Đan phao tin rằng: “ Có thần đến dạy bảo ta ”. Bèn nói với người dân trong thành:

- Sẽ có thần nhân làm thầy cho ta.

Có một tên lính nói:

- Tôi làm thầy có được không?

Nói xong, liền bỏ chạy, Diễn Đan đứng dậy kéo anh ta lại, đặt ngai hướng về Đông, thờ làm thầy.

Người lính nói:

- Tôi nói dối ông đấy, tôi thật không có tài cán gì !

Diễn Đan nói:

- Ông chớ nói thế.

Bèn thờ ông ta làm thầy, mỗi khi ra hiệu lệnh đều gọi là “ thần sư ”. Nhân đó, Diễn Đan phao lên:

- Ta chỉ sợ quân Yên xẻo mũi lính Tề, đặt họ ra hàng đầu để cùng ta giao chiến, nếu họ làm thế thì Tức Mặc sẽ bị thua.

Quân Yên nghe vậy làm đúng lời Diễn Đan nói. Người trong thành thấy tất cả những người Tề đầu hàng đều bị xẻo mũi nên nổi giận kiên quyết giữ thành, chỉ sợ bị quân Yên tóm được. Diễn Đan lại tung bọn phản gián nói:

- Ta sợ người Yên đào mồ mả tổ tiên của ta ở ngoài thành làm nhục tổ tiên ta, nếu họ làm thế thì thật đáng sợ.

Quân Yên đào tất cả mồ mả của người Tề lên, thiêu xác chết. Người Tức Mặc ở trên thành nhìn ra thấy thế đều khóc, muốn ra đánh, giận gấp mười lần trước.

Diễn Đan biết quân sĩ đã dùng được, bèn thân hành mang bai, thưởng, cùng sĩ tốt phân công, biên tên vợ và nàng hầu vào quân đội, phân tán tất cả thức ăn thức uống để nuôi quân sĩ. Diễn Đan sai tất cả quân sĩ mang áo giáp nấp một nơi, còn người già yếu, đàn bà con gái đều lên thành cho sứ thần giao ước sẽ đầu hàng Yên, quân Yên đều hô “ vạn tuế ” ! Diễn Đan lại sai thu vàng của dân được

một ngàn dật, bảo những người giàu có ở Tức Mặc đưa cho tướng sĩ Yên mà nói:

- Thành Tức Mặc sắp đầu hàng, xin các ông chớ bắt bớ, cướp bóc vợ con của gia đình họ hàng chúng tôi để cho họ được sống yên ổn như trước.

Tướng Yên cả mừng, bằng lòng. Quân Yên vì thế lại càng trễ nải.

3. Điền Đan bèn thu trong thành được hơn một nghìn con trâu, lấy vải quuyền mặc cho nó, vẽ văn rồng ngũ sắc, buộc mũi nhọn ở đầu sừng, buộc lau vào đuôi đồ mỡ vào đầy rồi đốt những bó lau.

Lại sai đục mấy mươi hang ở thành, ban đêm tung trâu ra, năm ngàn trảng sĩ tiếp theo sau. Đuôi trâu nóng, trâu nổi giận, xông vào quân Yên, quân Yên đang đêm cả sợ. Đuôi trâu bốc lửa, ánh sáng chói lòa. Quân Yên nhìn vào thì thấy toàn là văn rồng, trâu húc vào ai thì người ấy đều bị thương và chết. Năm ngàn người theo đó ngậm tăm xông vào đánh, trong thành lại đánh trống reo hò trợ lực, người già cả, yếu đuối đều đánh đồ đồng, tiếng vang động trời đất. Quân Yên hoảng sợ thua chạy. Người Tề đuổi theo giết tướng Yên là Kỵ Khiếp, quân Yên chạy toán loạn, người Tề đuổi theo quân Yên. Quân Tề đi qua thành ấp nào thì thành ấy đều phản lại nước Yên mà trở về với Tề.

Quân của Điền Đan mỗi ngày một nhiều, thừa thắng đuổi theo. Quân Yên ngày càng thua trận, bỏ chạy. Cuối cùng, quân Yên rút về trên sông Hoàng Hà, hơn bảy mươi thành của Tề đều trở về nước Tề như cũ. Điền Đan bèn đón Tương Vương ở thành Cử vào thành Lâm Tri để cai trị. Tương Vương phong Điền Đan làm An Bình Quân.

4. Thái sử công nói:

- Theo phép dùng binh thì cốt lấy chính binh (3) để đánh địch, lấy kỳ binh để thắng địch, người khéo dùng binh thì có nhiều cách dùng kỳ binh, nói không thể hết được. Kỳ binh và chính binh sinh ra nhau như cái vòng, không có đầu là đầu mối. Lúc mới dùng binh, phải tỏ vẻ sợ sệt như cô gái trinh khiến kẻ địch khinh thường mở cửa không đề phòng, sau đó thì phải hăng hái như con thỏ thoát lưới làm cho quân địch không kịp chống cự (4). Điền Đan có thể nói là người như thế.

Lúc đầu Trác Xi giết Dẫn Vương, người thành Cử đi tìm người con của Dẫn Vương là Pháp Chương, bắt gặp ông ta đang làm người tưới vườn ở tại nhà thái sử tên là Hiệu. Con gái của Hiệu thương hại nên dối dãi với ông ta một cách tử tế Về sau Pháp Chương nói thật tình cảnh của mình với người con gái. Người con gái bèn đi lại với ông ta. Đến khi người thành Cử cùng nhau lập Pháp Chương làm vua Tề, lấy thành Cử để chống lại nước Yên thì người con gái của thái sử được làm vương hậu, người ta gọi là “ quân vương hậu ”.

Lúc mới vào đất Tề, quân Yên nghe nói Vương Xúc người ở đất Hoạch là người hiền bèn ra lệnh trong quân: “ Xung quanh đất Hoạch ba mươi dặm không ai được vào ”. Làm thế là vì có Vương Xúc. Sau đó họ sai người nói với Xúc:

- Người Tề phần lớn quý trọng phẩm hạnh của ông, ta cho ông làm tướng, phong cho ấp vạn nhà. Xúc cố từ. Người Yên nói:

- Ông không nghe, ta sẽ đem quân giết sạch cả ấp Hoạch.

Vương Xúc nói:

- “ Trung thần không thờ hai vua, gái trinh không lấy hai chồng ”. Vua Tề không nghe lời can ngăn của ta, cho nên ta rút lui mà cày ở nơi đồng nội. Nay nước đã mất, ta không thể còn. Các người lại lấy binh lực ép ta làm tướng, thế là giúp Kiệt làm việc bạo ngược. Sống mà không có nghĩa, không bằng chết bị nấu.

Bèn buộc cổ vào cây, ra sức kéo cổ mà chết.

Các quan đại phu nước Tề nghe tin ấy, nói:

- Vương Xúc là kẻ áo vải mà còn theo nghĩa không quay mặt về hướng Bắc thờ Yên, huống những người làm quan ăn lộc sao !

Bèn họp lại đến thành Cử tìm người con của vua lập làm Tương Vương.

Chú thích:

(1). Xem Nhạc Nghị liệt truyện.

(2). Nhạc Nghị bị đoạt binh quyền không dám trở về Yên, nên đầu hàng nước Triệu. Nhạc Nghị là người Triệu nên tác giả nói “ về ”.

(3). Chính binh: cánh quân chính thức giao chiến.

(4). Tác giả lấy lời của binh pháp Tôn Vũ Tử (thiên Cửu Địa) để đánh giá tài năng của Điền Đan.

Phần 29

Khuất Nguyên liệt truyện

1. Khuất Nguyên tên là Bình cùng họ với vua nước Sở. Bình làm chức tả đô đời Sở Hoài Vương, học rộng, nhớ lâu, thấy rõ lẽ trị loạn, thạo việc giấy tờ. Vào cung thì cùng vua bàn tính việc nước, ban bố các mệnh lệnh, ra thì tiếp đãi khách khứa, ứng đối với chư hầu. Nhà vua rất tin dùng. Đại phu Thượng Quan (l) cùng ông ngang hàng, tranh được vua yêu trong bụng ghen ghét tài năng. Hoài Vương sai Khuất Nguyên làm pháp lệnh, Khuất Nguyên nháp bản thảo chưa xong, đại phu Thượng Quan trông thấy muốn cướp lấy, Khuất Nguyên không cho, ông ta bèn gièm với vua:
- Bệ hạ sai Khuất Bình làm pháp lệnh, không ai là không biết. Mỗi khi lệnh ban ra, Bình lại khoe công của mình, nói: “Ngoài ta ra, chẳng ai làm nổi”.

Nhà vua giận, bỏ rơi Khuất Bình.

2. Khuất Bình giận về nỗi nhà vua nghe không phân biệt phải trái, để lời gièm pha che mắt óc sáng suốt, để kẻ gian ác làm hại người trung thành, khiến cho người ngay không có chỗ dung thân, cho nên lo buồn nghĩ ngợi mà làm ra “Ly Tao”.

“Ly Tao” cũng như là buồn trong chia ly. Trời là khởi thủy của loài người. Cha, mẹ là gốc của con người. Người ta gặp lúc khốn cùng thì quay về gốc. Cho nên hề khó khóc mỗi một, ốm đau, không ai không kêu trời ! Khi đau xót, thương cảm, không ai không kêu cha mẹ. Khuất Bình theo đạo ngay đi đường thẳng, dốc hết lòng trung, đưa hết trí khôn ra thờ vua, nhưng lại bị kẻ gièm pha ly gián, có thể gọi là ở vào cảnh khốn cùng vậy ! Minh tín mà bị ngờ vực, mình trung mà bị chỉ trích, làm sao khỏi oán thán ! Khuất Bình viết Ly Tao là do oán thán mà ra vậy ! Thơ Quốc Phong mê sắc mà không dâm, thơ Tiểu Nhã oán trách mà không loạn. Như Ly Tao thực là gồm được cả hai. Trên kể từ Đê Cốc, dưới nói đến Tề Hoàn, giữa thuật truyện vua Thang và Vũ, chỉ trích việc đời. Nó nêu rõ tầm quan trọng của đạo đức, nguyên nhân làm nước nhà trị hay loạn, không có chuyện gì là không nói đến. Văn ông ngắn gọn, kín đáo, chỉ ông trong sạch, nét ông thanh cao; tuy nói những điều vụn vặt, nhưng ý nghĩa rất rộng; việc nhắc đến tuy gần, nhưng nghĩa thì xa. Chỉ ông trong sạch nên hay nói đến cái hoa thơm. Nét ông cao cho nên dù chết cũng không được dung nạp. Ông thoát khỏi cái thế giới bùn lầy như con ve bỏ lột ở nơi dơ đục, để cất mình ra khỏi đám bụi trần chẳng để cho đời làm dơ bẩn. Thật là ở bùn mà trong trắng chẳng lầy đen. Suy cái chí ấy thì ông có thể thi sáng với mặt trăng, mặt trời vậy! (3).

3. Sau khi Khuất Nguyên bị truất, nước Tần muốn đánh Tề, nhưng Tề hợp tung với Sở. Tần Huệ Vương lo ngại bèn sai Trương Nghi giả vờ bỏ Tần, mang nhiều tiền của tình nguyện thờ nước Sở. Trương Nghi nói:

- Tần ghét Tề, nhưng Tề lại hợp tung, thân với Sở. Nếu Sở tuyệt giao với Tề thì Tần sẽ xin dâng sáu trăm dặm đất ở Thượng Ư.

Sở Hoài Vương tham đất, lại tin lời Trương Nghi, bèn tuyệt giao với Tề, sai sứ sang Tần nhận đất. Trương Nghi nói dối sứ giả:

- Nghi hẹn cho nhà vua sáu dặm, chứ có phải làm sáu trăm dặm đâu.

Sứ thần Sở giận, ra về, nói lại với Hoài Vương. Hoài Vương giận, đem đại quân đánh Tần. Tần đem quân đánh lại phá tan quân Sở ở sông Đan, sông Tinh, chém tám vạn đầu bắt tướng Sở là Khuất Cái, lấy đất Hán Trung của Sở. Hoài Vương bèn đem tất cả quân trong nước Sở đánh sâu vào nước Tần. Hai bên đánh nhau ở Lam Điền. Nước Ngụy nghe tin, đánh úp Sở, đem quân đến đất Đặng. Quân Sở lo sợ từ nước Tần trở về, còn quân Tề thì giận không cứu Sở. Sở khốn to.

Năm sau, Tần cắt đất Hán Trung để giảng hoà với Sở. Vua Sở nói:

- Không cần được đất ! Xin được Trương Nghi là hủ dạ.

Trương Nghi nghe vậy liền nói:

- Lấy một mình Nghi mà đổi được đất Hán Trung vậy thần xin đi sang Sở.

Khi sang Sở, Nghi lại dùng nhiều của đút lót cho viên quan cầm quyền là Cận Thượng bày cách nói với người vợ yêu của Hoài Vương là Trịnh Tụ. Kết quả, Hoài Vương nghe lời Trịnh Tụ lại tha cho Trương Nghi về.

Khi ấy Bình đã bị nhà vua bỏ rơi không còn ở lại địa vị cũ. Bình đi sứ ở Tề, quay về can Hoài Vương:

- Sao không giết Trương Nghi đi?

Hoài Vương hối hận cho người đuổi theo Trương Nghi, nhưng không kịp nữa.

Về sau, chư hầu cùng nhau đánh Sở, phá tan quân Sở, giết tướng Sở là Đường Muội. Bấy giờ Chiêu Vương nước Tần thông gia với Sở, muốn hợp mặt với Hoài Vương. Hoài Vương toan đi, Khuất Bình can:

- Tần là nước hùng sói, không thể tin ? Đừng đi là hơn.

Con nhỏ của Hoài Vương là Tử Lan, khuyên nhà vua nên đi:

- Sao lại để mất lòng vua Tần ?

Hoài Vương bèn ra đi. Khi vào đất Vũ Quan, Tần sai phục binh cắt đứt đường về, nhân giữ Hoài Vương lại để đòi cắt đất. Hoài Vương giận, không chịu, bỏ trốn sang Triệu, Triệu không chứa, Hoài Vương lại về Tần, rốt cục chết ở Tần, rồi đưa về chôn ở Sở.

Con cả của Hoài Vương lên ngôi tức là Khoảnh Tương Vương. Khoảnh Tương Vương cho em là Tử Lan làm lệnh doãn. Người nước Sở vẫn cho việc khuyên Hoài Vương sang Tần không về là tha tội của Tử Lan (4).

4. Khuất Bình cũng ghét chuyện ấy. Tuy bị ruồng bỏ, xua đuổi, ông vẫn lo toan nước Sở, lòng vẫn nghĩ đến Hoài Vương, cứ mong trở về, mong có một ngày nào nhà vua tỉnh ngộ, tập tực sẽ thay đổi. Lòng ông chỉ mong sao cho nhà vua được còn, nước được mạnh, trong một bài, ông nhắc đi nhắc lại điều ấy đến ba lần. Nhưng rốt cục vẫn không làm sao được ! Điều đó, chứng tỏ Hoài Vương suốt đời không tỉnh ngộ.

Người làm vua, không kẻ đại hay khôn, hiền hay dở đều muốn tìm kẻ trung thần để trị nước, cất nhắc kẻ giỏi để giúp mình. Vậy mà chuyện nước mất nhà tan thì cứ kể tiếp nhau diễn ra, trái lại cái cảnh vua thánh nước trị thì mấy đời cũng không thấy có. Đó là vì cái bọn gọi là trung kia không phải là trung, và cái bọn giỏi kia không phải là giỏi vậy. Hoài Vương vì không biết phân biệt kẻ trung thần cho nên ở trong thì bị Trịnh Tự làm mê hoặc, ở ngoài bị Trương Nghi lừa dối, rốt cục ruồng bỏ Khuất Bình mà tin đại phu Thượng Quan, lệnh doãn Tử Lan. Rốt cục quân thua, đất bị cắt, mất đứt sáu quận, chết bỏ xác ở đất Tần, làm trò cười cho thiên hạ. Đó đều do không biết người mà mắc vạ, Kinh Dịch nói: “ Giếng sạch chẳng ăn, lòng ta băn khoăn ! Đạo ta có thể đem ra dùng, vua sáng dùng đạo ta, mọi người đều nhờ phúc ”. Vua không sáng thì thực là vô phúc vậy !

Lệnh doãn Tử Lan biết chuyện cả giận, kết quả đại phu Thượng Quan gièm Khuất Nguyên với Khoảnh Tương Vương. Khoảnh Tương Vương giận đày ông (5).

5. Khuất Nguyên đến bờ sông, xõa tóc đi, ngâm nga trên bờ đầm, sắc mặt tiêu tụy, hình dung khô héo. Một ông cụ đánh cá, thấy hỏi ông ta:

- Ông là quan tam lư đại phu (6) đây phải không ? Vì sao ông đến nỗi này.

Khuất Nguyên nói:

- Tất cả đời đều như đục, chỉ một mình ta trong, tất cả mọi người đều say, riêng một mình ta tỉnh, cho nên bị đuổi.

Cụ đánh cá nói:

- Người thánh nhân không khư khư ở một vật, mà biết thay đổi theo đời. Tất cả đều như đục sao ông không xuôi theo dòng làm cho sóng lên cao ? Tất cả mọi người đều say, sao ông không nhai bã rượu và húp rượu ? Vì có gì lại ôm ngọc cần, giữ ngọc du trong người để đến nỗi bị đuổi !

Khuất Nguyên nói:

- Tôi nghe nói, khi vua gội đầu xong thì người ta phủi mũ, khi vua tắm xong thì người ta giữ áo, lẽ nào để cái thân trong trắng bị vật làm như bẩn đi. Ta thà gieo mình xuống sông Tương, chôn mình trong bụng cá, lẽ nào để cái bản chất trắng ngần của ta chịu bụi bặm của đời ?

Bèn làm bài phú Hoài sa, đoạn ôm đá gieo mình xuống sông Mịch La mà chết (7).

6. Sau khi Khuất Nguyên đã chết, nước Sở có bọn Tống Ngọc, Đường Lạc, Cảnh sai đều thích văn chương và nổi tiếng về lối phú. Song họ chỉ biết bắt chước Khuất Nguyên về chỗ lời lẽ điệu dàng chứ không ai dám nói thẳng. Nước Sở ngày càng hao mòn, sau mấy chục năm cuối cùng bị nước Tần tiêu diệt.

Sau khi Khuất Nguyên chết đuối ở Mịch La hơn trăm năm, đến đời Hán, có Giả Nghị (8) làm thái thú của Trường Sa Vương, qua sông Tương ném thư xuống sông để điệu Khuất Nguyên (9).

7. Thái sử công nói:

- Tôi đọc Ly Tao, Thiên Vấn, Chiêu Hồn, Ai Sinh thương chí ông. Tôi sang Trường Sa xem quãng sông Khuất Nguyên trầm mình, không lần nào không khóc. Khi thấy Giả Sinh viếng ông, tôi lấy làm lạ về chỗ tài giỏi như Khuất Nguyên nếu đi sang chư hầu thì nước nào mà chẳng dùng, tại sao lại làm khổ mình như thế ? Đến khi đọc bài phú “ Phục Diều ” thấy nói đến việc coi sống chết như nhau, coi thường việc đi hay ở, bấy giờ lòng luống bâng khuâng tự biết là làm !

Chú thích:

- (1). Có sách chú Thượng Quan là họ, có sách chú Thượng Quan đại phu là chức quan.
- (2). Đoạn 1: Khuất Nguyên bị nhà vua bỏ rơi.
- (3) Đoạn 2: Giá trị của Ly Tao. Bài này có một ý nghĩa rất lớn. ở âu châu, trong lịch sử, người ta không nói đến các nhà văn. Mãi đến thế kỷ XVIII, Voltaire trong “ Lịch sử thế kỷ Lu-i XIV ” mới có một chương dành cho văn học. Tư Mã Thiên dành cả một chương cho Khuất Nguyên với những lời lẽ đanh thép, quyết định. Ngoài Khuất Nguyên, Tư Mã Thiên còn nói đến những nhà làm phú như Giả Nghị, Tư Mã Tương Như v.v..., cùng với tất cả các nhà tư tưởng gia. Trước ông không ai nhắc đến Khuất Nguyên, sau ông không ai đánh giá Khuất Nguyên đúng bằng. Ở Trung Quốc cổ chưa có phê bình văn học, chỉ có sự phê bình qua ý nghĩa chính trị chứ không nói đến sự thống nhất giữa nội dung và hình thức. Đoạn này là một thứ ngoại lệ.
- (4). Tình hình nước Sở sau khi Khuất Nguyên bị đuổi.
- (5). Tâm sự u uất của Khuất Nguyên.
- (6). Chức quan coi ba họ tôn thất của Sở.
- (7). Đoạn 5: Trích bài Ngự Phủ Tì của Khuất Nguyên. Bài này tác giả dùng lối vấn đáp để bày tỏ lòng mình. Nhân vật ông lão đánh cá là một nhân vật tượng trưng.
- (8). Giả Nghị, một nhà chính trị, nhà văn có tiếng đời Hán Văn Đế chết năm 33 tuổi được Tư Mã Thiên chép chung vào một thiên với Khuất Nguyên. Ở đây không dịch phần nói về Giả Nghị. Giả Nghị có tài nhưng không được nhà vua dùng cho đi làm thái phó của Trường Sa Vương, đến Trường Sa cảm thông cảnh ngộ của Khuất Nguyên làm bài Diếu Khuất Nguyên trong đó có câu “ Nhìn chín châu mà tìm vua chừ ! Có gì mà phải nhớ mong kinh đô ấy ? ”. Ý hỏi tại sao Khuất Nguyên không sang nước khác. Nhưng ở bài Phục Diều Phú (bài phú con cú) thì Giả Nghị nói “ Sống kia như trôi chừ, chết kia như nghỉ ”. Ý nói mình lắm chưa hiểu nổi Khuất Nguyên. Khuất Nguyên không phải là hạng Tô Tần lo mưu lợi cho mình mà là người yêu nước cho nên coi thường sống chết.
- (9). Đoạn 6: Nước Lỗ sau khi Khuất Nguyên chết.

Phần 30

Truyện Lã Bất Vi

1. Lã Bất Vi là một nhà buôn lớn ở Dương Định, đi lại mua rẻ, bán đắt, trong nhà có hàng nghìn cân vàng. Năm thứ bốn mươi đời Chiêu Vương nước Tần, thái tử mất. Năm thứ bốn mươi hai, nhà vua cho con thứ là An Quốc Quân làm thái tử.

An Quốc Quân có hơn hai mươi người con; lại có người yêu nhất được lập làm chính phu nhân, gọi là Hoa Dương phu nhân. Phu nhân không có con. Tử Sở là con giữa của An Quốc Quân. Mẹ Tử Sở là Hạ Cơ không được vua yêu nên Tử Sở phải làm con tin của Tần ở nước Triệu. Tần mấy lần đánh Triệu, nên Triệu bạc đãi Tử Sở. Tử Sở là cháu của vua Tần, làm con tin ở chư hầu, xe ngựa, vật tiêu dùng chẳng được sẵn, ở cảnh cùng khổn có vẻ bức bối. Lã Bất Vi ở Hàm Đan trông thấy Tử Sở thương hại, nói:

- Món hàng này lạ, có thể buôn được đây ? (1)

Bất Vi bèn đến nói với Tử Sở:

- Tôi có thể làm cửa nhà ngài lớn lên.

Tử Sở cười:

- Ông hãy tự làm cho cửa nhà ông lớn lên đã rồi hãy làm đến cửa nhà tôi.

Lã Bất Vi nói:

- Thế thì ngài không biết: cửa nhà tôi phải đợi cửa nhà ngài mới lớn được.

Tử Sở hiểu ý, bèn ngồi nói chuyện. Lã Bất Vi nói:

- Vua Tần già rồi mà An Quốc Quân lại là thái tử. Tôi trộm nghe An Quốc Quân rất yêu Hoa Dương phu nhân. Phu nhân không có con, nhưng chỉ có phu nhân mới lập nối con thừa tự mà thôi ! Nay anh em ngài hơn hai mươi người, ngài lại ở hàng giữa không được yêu lắm, cứ làm con tin mãi ở nước ngoài thì dù nhà vua mất đi, An Quốc Quân lên ngôi ngài cũng đừng hòng làm thái tử.

Tử Sở nói:

- Phải ! Nhưng làm thế nào được?

Bất Vi nói:

- Ngài nghèo, làm người khách ở đây chẳng có gì mà dâng biểu cha mẹ cùng giao kết với bạn bè !

Bất Vi tuy nghèo xin bỏ nghìn vàng sang Tây nói với An Quốc Quân cùng Hoa Dương phu nhân, lập ngài làm con thừa tự.

Tử Sở đập đầu lạy mà nói:

- Nếu được như mưu của ông thì xin cùng ông hưởng nước Tần ?

Bất Vi liền cho Tử Sở năm trăm cân vàng tiêu dùng và đãi tân khách; lại lấy năm trăm cân vàng mua của báu vật lạ, thân hành đem sang Tần, xin ra mắt người chị Hoa Dương phu nhân để dâng những vật ấy cho Hoa Dương Phu nhân. Nhân đó, Bất Vi kể Tử Sở tài giỏi, khôn ngoan, chơi bời với người các nước, bạn hữu khắp thiên hạ. Bất Vi nói:

- Tử Sở cho phu nhân là trời. Ngày đêm khóc nhớ thái tử và phu nhân.

Phu nhân mừng lắm.

Bất Vi xui người chị phu nhân nói với phu nhân:

- Tôi nghe: “ Nếu lấy nhan sắc thờ người thì khi nhan sắc suy là tình yêu phai nhạt ”. Nay phu nhân thờ thái tử rất được yêu nhưng chưa có con. Sao chẳng nhân lúc này lựa một người hiền và có hiếu ở trong các con cho làm thừa tự và nhận làm con. Như thế chồng còn, mình được tôn quý, đến khi chồng trăm tuổi, con mình làm vua, mình vẫn không thất thế. Thật là nói một câu lợi đến muôn đời. Nay lúc đang thịnh mà không chăm đến gốc, thì khi nhan sắc suy, yêu thương nhạt, dù muốn mở miệng nói một lời cũng khó lòng nói được. Tử Sở là người hiền lại tự biết mình là con hàng giữa, kể thứ tự không sao làm được con thừa tự. Mẹ ông ta lại không được thái tử yêu nên đem mình nương nhờ phu nhân. Nếu lúc này phu nhân cho anh ta làm con thừa tự, thì suốt đời phu nhân sẽ có quyền thế ở Tần.

Hoa Dương phu nhân cho là phải. Nhân dịp thông thả, phu nhân nói với thái tử:

- Tử Sở hiện làm con tin ở nước Triệu là người rất giỏi, kẻ qua lại đều khen...

Đoạn sụt sùi khóc, mà nói:

- Thiếp đội ơn được sung vào hậu cung nhưng không may không có con. Vậy xin cho nhận Tử Sở

làm con, lập thừa tự để gửi thân thiếp.

An Quốc Quân hứa cho, bèn cùng phu nhân khắc con dấu bằng ngọc hẹn sẽ lập Tử Sở làm con thừa tự. An Quốc Quân cùng phu nhân bèn cho Tử Sở nhiều của và xin Bất Vi giúp đỡ cho.

2. Danh tiếng Tử Sở từ đó càng nổi với chư hầu. Lã Bất Vi kén trong số vợ mình ở Hàm Đan một người tuyệt đẹp và múa khéo, lại biết người này đã có mang. Tử Sở sang nhà Bất Vi, trông thấy, đem lòng mê, nhân đứng dậy chúc thọ mà xin. Bất Vi nghĩ giận mình đã vì Tử Sở phá hết nhà cửa, muốn dùng món lạ để câu, bèn dâng vợ. Người vợ giấu chuyện mình đã có mang, đến đủ tháng sinh con là Chính. Tử Sở bèn lập nàng làm phu nhân. Năm thứ năm mươi, đời vua Chiêu Vương nước Tần, Tần sai Vương Ý vây Hàm Đan rất gấp. Nước Triệu muốn giết Tử Sở. Tử Sở cùng Lã Bất Vi mưu đưa sáu trăm cân vàng cho kẻ coi giữ nên trốn thoát về với quân Tần... Triệu muốn giết vợ con Tử Sở, nhưng vợ của Tử Sở là con nhà tai mắt ở Triệu, lẫn trốn được vì thế mẹ con đều sống. Năm thứ năm mươi sáu, Tần Chiêu Vương mất, thái tử An Quốc Quân lên làm vua, lập Hoa Dương phu nhân làm hoàng hậu. Tử Sở làm thái tử. Vua Triệu cũng cho đưa vợ của Tử Sở cùng con là Chính về Tần. Vua Tần lên ngôi được một năm thì mất, hiệu bụt là Hiếu Văn Vương. Thái tử Tử Sở lên thay, tức là Trang Tương Vương, tôn mẹ nuôi là Hoa Dương hậu làm Hoa Dương thái hậu, mẹ là Hạ Cơ là Hạ thái hậu.

3. Năm đầu, Trang Tương Vương cho Bất Vi làm thừa tướng, phong là Văn Tín Hầu, được ăn thuế mười vạn hộ ở Hà Nam, Lạc Dương. Trang Tương Vương làm vua được ba năm thì mất, thái tử tên là Chính lên ngôi tôn Lã Bất Vi làm tướng quốc, gọi là trọng phụ. Vua Tần tuổi nhỏ, thái hậu thường lên lút tư thông với Lã Bất Vi. Trong nhà Lã Bất Vi có đến vạn người. Bấy giờ ở Ngụy có Tín Lăng Quân, ở Sở có Xuân Thân Quân, ở Triệu có Bình Nguyên Quân, ở Tề có Mạnh Thường Quân, đều đua nhau quý kẻ sĩ, chiêu tân khách. Bất Vi thấy Tần mạnh mà mình không bằng họ nên xấu hổ cũng đón mời các kẻ sĩ đãi rất hậu, khách ăn trong nhà có đến ba nghìn. Khi ấy chư hầu có nhiều biện sĩ, như bọn Tuân Khanh làm sách truyền bá ra thiên hạ. Bất Vi bèn sai các khách soạn ra những điều mình biết, họp lại làm tám Lãm, sáu Luận, mười Kỷ gồm hơn hai mươi vạn chữ, cho là đủ hết những việc trời, đất, muôn vật, xưa nay; đặt tên sách là Lã Thị Xuân Thu bày ở cửa chợ Hàm Dương, đặt nghìn lạng vàng lên trên, mời các du sĩ của chư hầu ai có thể thêm bớt một chữ thì xin biểu một nghìn lạng vàng (2).

Khi ấy Thủy Hoàng Đế đã lớn mà thái hậu cứ dâm loạn mãi. Bất Vi sợ lộ, mang vợ, bèn ngầm tìm kẻ dương vật lớn là Giao Ái, dùng làm người nhà. Thường làm trò vui, sai Ái lấy vật của mình tra vào bánh xe gỗ đồng mà đi, khiến thái hậu nghe biết chuyện để nhử thái hậu. Quả nhiên thái hậu nghe chuyện rồi, muốn được riêng Giao Ái. Lã Bất Vi bèn dâng Giao Ái. Bất Vi vờ sai người tố cáo y phạm tội đáng chết. Bất Vi lại báo với thái hậu: Nên có kẻ giả bị thiên này làm chức Cấp Sự Trung. Thái hậu bèn ngầm cho kẻ coi việc thiên nhiều tiền. Viên quan coi án lại luận tội vờ, nhờ râu mày làm cho hoạn quan Giao Ái nhờ vậy được vào hầu thái hậu. Thái hậu cùng y gian dâm, rất yêu rồi chữa, sợ người ta biết chuyện, bèn vờ xem bói nói nên tránh mùa dời cung sang đất Ung. Giao Ái thường đi theo được thưởng rất hậu, việc gì cũng do Giao Ái quyết định. Nhà Giao Ái tới tấp vài nghìn người, các khách cầu làm quan, làm môn hạ cho y đến hơn nghìn người.

Năm thứ bảy đời Thủy Hoàng, mẹ Trang Tương Vương là Hạ thái hậu mất. Vợ Hiếu Văn là Hoa Dương thái hậu được chôn một nơi với Hiếu Văn ở Thọ Lăng. Con Hạ thái hậu là Trang Tương Vương chôn ở Chi Dương. Cho nên Hạ thái hậu bảo chôn riêng mình ở Đỗ Đông, nói rằng: ở đó ngoảnh sang Đông nhìn được con ta, ngoảnh sang Tây nhìn được chồng ta, trăm năm sau chắc ở đây có ấp vạn nhà.

Năm thứ chín đời Thủy Hoàng, có kẻ phát giác Giao Ái thực không phải là hoạn quan, thường tư thông với thái hậu, sinh hai con đều dấu đi, hấn mưu với thái hậu: hễ vua chết thì dùng con hấn làm vua. Vua Tần liền giao cho pháp đình xét, biết rõ sự tình. Việc liên quan đến tướng quốc là Lã Bất Vi. Tháng chín giết ba họ nhà Giao Ái, lại giết hai con do thái hậu đẻ ra và đầy thái hậu sang đất Ung. Nhà cửa các môn hạ của Giao Ái đều bị tịch thu và họ bị đầy sang đất Thục. Nhà vua muốn giết cả tướng quốc, nhưng vì Bất Vi thờ vua trước có công lớn, lại được các tân khách, biện sĩ nói giúp khá đông nên không nỡ làm tội.

Tháng mười năm thứ mười, cách chức tướng quốc của Lã Bất Vi. Đến khi người Tề là Mao Tiều thuyết vua Tần, vua Tần mới sang Ung đón thái hậu về Hàm Dương như cũ và phong ấp cho Văn

Tín Hầu ở Hà Nam. Được hơn một năm, các tân khách cùng sứ giả của chư hầu đến thăm Văn Tín Hầu lũ lượt ở trên đường. Vua Tần sợ Văn Tín Hầu làm loạn, bèn viết thư nói:

“ Ông có công gì với Tần, mà Tần phong ông ở Hà Nam, ăn thuế của mười vạn hộ. Ông thân thích gì với Tần mà hiệu là Trọng Phụ ? ”

Rồi bắt đem cả nhà dời sang Thục. Lã Bất Vi tự liệu sẽ bị giết bèn uống thuốc độc tự tử. Những người vua Tần giận là Lã Bất Vi và Giao Ái đều đã chết. Nhà vua bèn cho những người nhà của Giao Ái bị đày vào Thục được trở về. Năm thứ mười chín đời Thủy Hoàng, thái hậu mất, tên thụy là Đế thái hậu; chôn một chỗ với Trang Tương Vương ở Chi Dương.

4. Thái sử công nói:

Lã Bất Vi và Giao Ái đều thành những người sang, được phong làm Văn Tín Hầu, Trường Tín Hầu. Có kẻ tố giác Giao Ái. Giao Ái nghe tin vua Tần sai tìm chứng cứ. Trong khi các quan hầu chưa tìm ra chứng cứ thì nhà vua ra ngoài thành Ung. Giao Ái sợ mang vạ bèn cùng đồ đảng bày mưu lấy ấn của thái hậu, đem quân làm phản ở cung Kỳ Niên. Nhà vua sai quân đánh Giao Ái. Giao Ái bỏ chạy. Binh sĩ đuổi theo chém y ở Hảo Chi, sau đó giết cả họ Ái. Lã Bất Vi vì thế mà bị truất. Họ Lã phải chăng là người “ có tiếng ” như Khổng Tử nói (3)?

Chú thích:

(1). *Miêu tả tâm lý thương nhân rất sinh động.*

(2). *Một cách quảng cáo đặc biệt của thương nhân.*

(3). *Luận ngữ thiên “ Nhan Uyên ”. Khổng Tử nói “ ... Con người (mà người ta gọi là) có tiếng bên ngoài có vẻ theo nhân, nhưng việc làm thì trái... ”. Ý nói là kẻ nịnh hót.*

Phần 31

Thích khách liệt truyện

1. Tào Mạt là người nước Lỗ, lấy sức mạnh được thờ Lỗ Trang Công (năm 693 - năm 662 trước Công nguyên). Lỗ Trang Công chuộng sức mạnh, Tào Mạt làm tướng nước Lỗ đánh nước Tề ba lần đều bị thua. Lỗ Trang Công sợ, bèn hiến đất Toại ấp để cầu hoà, sau đó lại cho làm tướng như cũ. Tề Hoàn Công hứa cùng hợp với vua Lỗ ở ấp Kha để ăn thề. Hoàn Công và Trang Công đã thề ở trên đàn. Tào Mạt cầm chùy thủ đe dọa(1) thị uy với Tề Hoàn Công. Các quan hầu cận của Hoàn Công không ai dám động. Hoàn Công hỏi:

- Nhà ngươi muốn gì?

Tào Mạt nói:

- Tề mạnh, Lỗ yếu, nước lớn xâm phạm nước Lỗ đã quá lắm. Nay thành nước Lỗ nếu sụp đổ thì đe cả đất Tề(2), nhà vua liệu đấy?

Hoàn Công bèn hứa trả tất cả đất đai đã chiếm đoạt trước cho Lỗ. Nói xong, Tào Mạt ném chùy thủ xuống đàn, ngoảnh mặt về hướng Bắc đến chỗ đứng của bầy tôi, sắc mặt không thay đổi, nói năng vẫn ôn hoà như thường.

Hoàn Công giận, muốn bỏ điều hứa. Quản Trọng nói:

- Không nên, nếu tham cái lợi nhỏ để cho thỏa thích mình, bỏ tín nghĩa đối với chư hầu, thì mất sự giúp đỡ của thiên hạ. Chi bằng cứ cho là hơn.

Hoàn Công bèn trả lại những đất Lỗ đã bị Tề xâm chiếm, các đất đai đã mất sau ba lần Tào Mạt đánh thua đều được trao lại cho nước Lỗ.

Sau đó một trăm sáu mươi bảy năm thì nước Ngô xảy ra việc của Chuyên Chư.

2. Chuyên Chư là người đất Đường ấp, thuộc nước Ngô, Ngũ Tử Tư trốn khỏi nước Sở chạy sang Ngô, biết tài năng của Chuyên Chư. Sau khi ra mắt Ngô Vương tên là Liêu, Ngũ Tử Tư bàn việc đánh Sở lợi như thế nào. Công tử Quang nước Ngô nói:

- Gã Ngũ Viên này cha anh đều bị Sở giết, nay Viên nói việc đánh Sở, là muốn báo thù riêng của mình, chứ không phải vì nước Ngô.

Vua Ngô bèn thôi. Ngũ Tử Tư biết công tử Quang muốn giết Ngô Vương Liêu bèn nói:

- Ông Quang này sắp nghĩ đến việc bên trong cho nên chưa thể nói việc bên ngoài(3).

Bèn tiến cử Chuyên Chư cho công tử Quang. Cha của Quang là Chư Phàn làm vua nước Ngô, Chư Phàn có ba người em. Thứ hai là Dư Thái, đến Di Mạt, rồi đến Quý Tử Trát. Chư Phàn biết Quý Tử Trát là người hiền nên không lập thái tử làm vua, cứ theo thứ tự truyền cho ba người em, chủ ý cuối cùng muốn truyền nước cho Quý Tử Trát. Sau khi Chư Phàn chết, truyền ngôi cho Dư Thái. Dư Thái chết truyền ngôi cho Di Mạt. Di Mạt chết đáng lý phải truyền ngôi cho Quý Tử Trát, nhưng Quý Tử Trát bỏ trốn không chịu làm vua. Người nước Ngô bèn lập con của Di Mạt là Liêu làm vua. Công tử Quang nói:

- Nếu như cứ truyền theo thứ tự anh em thì Quý Tử đáng được lập làm vua, còn nếu truyền cho con thì Quang này mới thực là người con cả chân chính đáng lập làm vua.

Vì vậy, Quang thường nuôi ngầm các mưu thần để tìm cách tự lập làm vua.

Sau khi được Chuyên Chư, Quang đãi Chuyên Chư như bậc thượng khách. Được chín năm vua Bình Vương nước Sở chết. Mùa xuân, vua Ngô là Liêu muốn nhân lúc nước Sở có tang phái công tử Cáp Dư, Chúc Dung đem quân vây đất Tiềm của nước Sở, sai Diên Lăng Quý Tử sang nước Tần để xem chư hầu động tĩnh như thế nào.

Nước Sở đem binh chặn đường của tướng Ngô là Cáp Dư, Chúc Dung; quân Ngô không về được.

Công tử Quang bèn nói với Chuyên Chư:

- Cơ hội này không thể bỏ lỡ, nếu mình không tìm thì làm sao mà gặp được? Vả chăng, Quang này thực là người nối dõi nhà vua đáng được lập, Quý Tử có về cũng không phé truất ta đâu.

Chuyên Chư nói:

- Vương Liêu đáng chết? Mẹ thì giá, con thì đại, hai em đem binh đánh Sở bị quân Sở cắt đứt đường về. Ngày nay nước Ngô bên ngoài bị khốn về nước Sở, bên trong không người tôi chính trực, tức là không làm gì được ta.

Công tử Quang cúi đầu nói:

- Thân của Quang này là thân của ông(4).

Tháng tư, ngày Bính Tý, Quang cho binh sĩ mặc áo giáp nắp ở trong nhà hầm, làm tiệc rượu để mời Vương Liêu đến. Vương Liêu sai dàn binh từ cung đến nhà của Quang, ở ngoài cửa và hai bên thềm đều là thân thích của Vương Liêu. Những người đứng hai bên đường để châu đều cầm giáo dài. Sau khi uống rượu say, công tử Quang giả đau chân vào trong nhà hầm, sai Chuyên Chư nhét chủy thủ vào trong bụng con cá rún rồi đem lên dâng. Khi đến trước mặt vua, Chuyên Chư mổ bụng cá, nhân đó lấy chủy thủ đâm Vương Liêu. Vương Liêu chết ngay. Tả hữu cũng giết Chuyên Chư, người của nhà vua rối loạn... Công tử Quang cho quân sĩ đã phục sẵn xông ra đánh bộ hạ của Vương Liêu, giết chết tất cả, rồi tự lập làm vua, tức là Thập Lư, Thập Lư bèn phong con của Chuyên Chư làm thượng khanh.

Sau đó hơn bảy mươi năm ở Tần xảy ra việc của Dự Nhượng(5).

3. Dự Nhượng là người nước Tần, trước kia đã thờ họ Phạm và họ Trung Hàng, nhưng không ai biết đến. Dự Nhượng bỏ sang thờ Trí Bá: Trí Bá rất yêu quý và tôn trọng. Đến khi Trí Bá đánh Triệu Tương Tử, Triệu Tương Tử cùng mưu với các nước Hàn, Ngụy, giết Trí Bá. Sau khi đã giết Trí Bá, họ chia đất Trí Bá làm ba phần. Triệu Tương Tử rất oán Trí Bá, nên sơn đầu lâu của Bá làm đồ đựng rượu.

Dự Nhượng trốn vào trong núi nói:

- Than ôi! Kẻ sĩ chết vì người tri kỷ! Người con gái làm đáng vì kẻ yêu mình. Nay Trí Bá biết ta, ta phải liều chết báo thù để đền ơn, có thể hồn phách của ta mới khỏi xấu hổ !

Dự Nhượng bèn đổi họ tên làm người bị khổ dịch lên vào cung dọn nhà xí, trong người giấu cái chủy thủ muốn để đâm Tương Tử. Tương Tử vào nhà xí thấy chột dạ, bắt hỏi người khổ dịch đang dọn nhà xí, thì ra đó là Dự Nhượng, khám trong người có binh khí. Dự Nhượng nói:

- Ta muốn báo thù cho Trí Bá.

Tả hữu muốn giết, Tương Tử nói:

- Hắn là người có nghĩa, ta chỉ cần thận trách hắn là đủ. Và chẳng, Trí Bá chết không có con cái gì, mà người làm tội của nó lại muốn báo thù, vậy người này là một người hiền trong thiên hạ.

Cuối cùng tha cho đi ít lâu sau, Dự Nhượng lại sơn mình làm người hủi, nuốt than làm người câm, khiến không ai nhận ra hình dạng. Nhượng đi hành khất ở ngoài chợ, người vợ không nhận ra. Đi gặp người bạn, người bạn nhận được nói:

- Anh có phải Dự Nhượng đấy không?

- Chính tôi.

Người bạn khóc và nói:

- Có tài như anh nếu gửi mình làm tôi thờ Tương Tử, thì Tương Tử thế nào cũng yêu mến gần gũi anh. Khi Tương Tử đã yêu mến gần gũi anh thì anh làm điều anh muốn, thế chẳng dễ hơn sao? Bây giờ làm hủy hoại thân thể thế này muốn để báo thù Tương Tử, chẳng phải khó khăn sao?

Dự Nhượng nói:

- Mình đã đi mình làm tôi người ta, rồi lại tìm cách giết họ, như thế là mang hai lòng để thờ vua. Và chẳng điều tôi muốn làm là hết sức khó nhưng tôi muốn làm thế này là để cho hạng tôi thờ vua mang hai lòng ở trong thiên hạ sau này phải hổ thẹn?

Sau khi đi rồi, được ít lâu Tương Tử sắp ra đi, Dự Nhượng nắp ở chỗ cầu Tương Tử phải đi qua.

Tương Tử đến cầu con ngựa sợ hãi, Tương Tử nói:

- Đây chắc là Dự Nhượng rồi?

Sai người hỏi thì quả là Dự Nhượng. Tương Tử bèn trách Dự Nhượng:

- Nhà ngươi chẳng phải đã từng thờ họ Phạm và họ Trung Hàng đó sao? Trí Bá diệt họ, thế mà ngươi chẳng báo thù cho họ lại còn gửi mình làm tôi Trí Bá. Nay Trí Bá đã chết rồi sao nhà ngươi lại một mình vì hắn báo thù sâu sắc như vậy?

Dự Nhượng đáp:

- Tôi thờ họ Phạm và họ Trung Hàng, họ Phạm và họ Trung Hàng đều xem tôi là hạng người thường, cho nên tôi báo đáp theo lối hạng người thường. Còn như Trí Bá đối đãi với tôi xem như người quốc sĩ, cho nên tôi phải báo thù theo lối người quốc sĩ.

Tương Tử thở dài, ngâm ngùi khóc mà rằng:

- Than ôi Dự Nhượng! Nhà ngươi vì Trí Bá báo thù, nay danh cũng đã thành rồi. Quả nhân tha cho

nhà ngươi thế cũng đã đủ rồi? Nhà ngươi hãy tự liệu lấy; quả nhân không tha cho nhà ngươi nữa. Bèn sai lính vây bắt. Dữ Nhượng nói:

- Tôi nghe “bậc vua sáng không che cái tốt đẹp của người, kẻ trung thần có cái nghĩa phải chết theo danh”. Trước đây nhà vua đã tha cho tôi, thiên hạ không ai không khen nhà vua hiền. Việc ngày hôm nay tôi cố nhiên xin chịu chết; nhưng xin nhà vua cho tôi cái áo của ngài để tôi được thỏa ý định báo thù, tuy chết cũng không ân hận. Đó không phải là điều tôi dám mong mỏi, nhưng cũng xin bày gan ruột như vậy.

Tương Tử bèn khen là người có nghĩa và sai người cầm áo đưa cho Dữ Nhượng. Dữ Nhượng tuốt kiếm nhảy lên đâm ba lần và nói:

- Ta có thể chết để báo ơn Trí Bá được rồi?

Rồi phục gươm mà tự sát. Hôm Dữ Nhượng chết, các chí sĩ nước Triệu nghe tin đều sụt sùi.

Sau đó hơn bốn mươi năm ở đất Chỉ có việc của Nhiếp Chính.

4. Nhiếp Chính là người làng Thâm Tình, ấp Chỉ. Chính giết người, trốn kẻ thù, cùng mẹ và chị sang nước Tề làm nghề hàng thịt. Được ít lâu, Nghiêm Trọng Tử người đất Bộc Dương thờ Ai Hầu nước Hàn, có hiềm khích với tướng quốc nước Hàn là Hiệp Lũy. Nghiêm Trọng Tử sợ bị giết, bỏ trốn tìm người có thể giết Hiệp Lũy để trả thù. Ông ta đến nước Tề, có người nước Tề nói Nhiếp Chính là người dũng cảm, vì trốn kẻ thù nên nương nấu ở trong bọn bán thịt.

Nghiêm Trọng Tử đến cửa mời, đi về mấy lần. Sau đó đem rượu đến dâng cho mẹ của Nhiếp Chính. Uống rượu say, Nghiêm Trọng Tử bưng ra một trăm dật vàng dâng cho mẹ Nhiếp Chính để chúc thọ. Nhiếp Chính lấy làm quái lạ vì quá nhiều, cố hết sức từ tạ Nghiêm Trọng Tử. Nghiêm Trọng Tử cố dâng. Nhiếp Chính từ tạ mà rằng:

- Tôi may có mẹ già, nhà nghèo đến nơi đất khách làm nghề bán thịt để hôm mai kiếm được chút ngọt bùi phụng dưỡng mẹ. Việc phụng dưỡng mẹ đã đầy đủ rồi, không dám nhận của Trọng Tử cho.

Nghiêm Trọng Tử bảo người xung quanh đi ra, nhân đây nói với Nhiếp Chính:

- Tôi có người thù nên đi khắp chư hầu. Đến nước Tề trộm nghe tức hạ nghĩa khí rất cao, cho nên dâng một trăm dật vàng muốn dùng làm tiền chi dùng qua loa cho bà cụ, để được cùng vui chơi với tức hạ, chứ nào có dám mong mỏi gì...

Nhiếp Chính nói:

- Tôi sở dĩ chịu khuất thân lẫn lút ở nơi chợ búa làm nghề hàng thịt, chỉ là muốn nuôi mẹ già. Mẹ tôi còn sống. Chính này không dám lấy thân giao cho ai.

Nghiêm Trọng Tử cố hết sức van nài, rốt cuộc Nhiếp Chính vẫn không chịu nhận. Nhưng Nghiêm Trọng Tử vẫn làm đủ nghi lễ khách đối với chủ rồi ra đi.

Được một thời gian lâu, mẹ Nhiếp Chính chết. Sau khi đã chôn cất xong, hết tang ba năm, Nhiếp Chính nói:

-Than ôi! Chính này người ở nơi chợ búa, múa dao làm nghề hàng thịt, thế mà Nghiêm Trọng Tử là bậc khanh tướng của chư hầu, lại không ngại đường xa nghìn dặm, hạ cố đến kết giao. Ta đãi ông như thế, quả là đậm bạc. Ta chưa có công gì lớn đáng được tôn kính như thế, nhưng Nghiêm Trọng Tử lại dâng trăm lạng vàng để làm lễ chúc thọ mẹ ta. Ta tuy không nhận nhưng riêng điều đó cũng đủ chứng tỏ ông đánh giá Chính cao như thế nào. Người hiền vì muốn báo thù, đến chơi thân với một kẻ khôn cùng xa lạ, Chính này lẽ nào lại im lặng mãi hay sao? Vả chăng, ngày trước ông ta cố nài Chính, Chính còn lấy có mẹ già; nay mẹ già đã trọn tuổi trời, Chính này sẽ hy sinh vì người tri kỷ.

Nhiếp Chính bèn đi sang hướng Tây đến Bộc Dương ra mắt Nghiêm Trọng Tử nói:

- Ngày trước sở dĩ tôi không dám nhận lời Trọng Tử, chỉ vì mẹ tôi còn sống; nay không may mẹ tôi đã hưởng trọn tuổi trời, vậy người Trọng Tử muốn báo thù là ai? Xin cho tôi đi làm việc đó!

Nghiêm Trọng Tử bèn kể rõ đầu đuôi:

- Kẻ thù của tôi là Hiệp Lũy làm tướng quốc nước Hàn. Hiệp Lũy lại là chú của vua Hàn, họ hàng đông và thịnh, nơi ở canh phòng rất nghiêm mật. Tôi muốn sai người đi ám sát nhiều lần, nhưng không ai làm được. Nay tức hạ may mà không bỏ tôi, vậy xin đem nhiều xe ngựa và tráng sĩ để có thể trợ lực cho tức hạ.

Nhiếp Chính nói:

- Nước Hàn và nước Vệ cách nhau không xa lắm. Nay muốn giết tướng quốc của người ta, tướng

quốc lại là thân thích của nhà vua, thì tình thế này không thể dùng nhiều người được. Nếu dùng nhiều người thì không thể không bàn trước chuyện lợi hại, bàn chuyện lợi hại thì lời tiết lộ. Lời tiết lộ thì nước Hàn sẽ đem tất cả nước ra đối phó với Trọng Tử, như thế chẳng hóa nguy sao!

Nhiếp Chính bèn từ tạ không nhận xe ngựa, người tùy tùng, chống kiếm đi một mình đến đất Hàn. Tướng quốc nước Hàn là Hiệp Lũy ngồi trong phủ, những người cảm kích để bảo vệ rất đông.

Nhiếp Chính xông thẳng vào, lên thêm đâm chết Hiệp Lũy. Tả hữu rối loạn? Nhiếp Chính hô lớn đâm giết mấy chục người rồi tất bóc da mặt, móc mắt, tự kéo ruột ra mà chết.

Nước Hàn phơi thây Nhiếp Chính ở ngoài chợ, treo giải thưởng để hỏi, nhưng không người nào biết. Nước Hàn bèn treo trọng thưởng để tìm hung thủ: "Ai biết được người giết tướng quốc Hiệp Lũy thì thưởng ngàn vàng". Mãi về sau cũng không ai biết. Chị của Nhiếp Chính là Vinh nghe tin có người giết tướng quốc nước Hàn nhưng không biết hung thủ, trong nước không biết họ tên anh ta là gì, phơi thây treo giải nghìn vàng bèn ghen ngào nói:

- Đó là em của ta chẳng? Than ôi! Nghiêm Trọng Tử giết em ta? .

Liền đứng dậy đi đến nước Hàn, thì người chết quả là Chính. Nàng nằm bên thây khóc rất thảm thiết nói:

- Đây là Nhiếp Chính. Người làng Thâm Tỉnh, ấp Chi.

Những người ở trong chợ đều nói:

- Người này hành hung giết tướng quốc nước ta, nhà vua treo giải ai biết được tên họ nó thì thưởng nghìn vàng, bà không nghe hay sao, lại dám đến đây nhận mặt nó?

Vinh đáp lại rằng:

-Tôi có nghe. Nhưng sợ dĩ Chính chịu Ô nhục, mai một ở nơi chợ búa là vì mẹ già còn khỏe, thiếp chưa lấy chồng. Nay mẹ già đã hưởng trọn tuổi trời, thiếp đã đi lấy chồng. Nghiêm Trọng Tử lại biết tìm thấy em tôi trong nơi khốn cùng, hèn hạ, mà kết bạn, đối đãi rất hậu. Bây giờ làm thế nào? Kẽ sĩ vốn chết vì người tri kỷ, nay chỉ vì thiếp vẫn còn sống cho nên Nhiếp Chính mới cố tự hủy hoại thân thể để làm mất tung tích. Lẽ nào thiếp lại sợ thân mình phải chết để cho hủy diệt mất danh tiếng của người em hiền hay sao?

Điều đó làm cho người ở chợ nước Hàn cả sợ. Người chị bèn kêu trời ba lần rồi sứt sùi thảm thiết, chết bên cạnh Nhiếp Chính. Các nước Tấn, Sở, Tề, Vệ nghe vậy đều nói:

- Không phải chỉ một mình Nhiếp Chính là giỏi mà cả người chị anh ta cũng là liệt nữ. Giá trước đây Nhiếp Chính biết rằng người chị của mình không có tính nhân nhục, không sợ cái nguy bị phơi thây, quyết vượt qua nghìn dặm để làm nổi bật cái danh của em, cả chị cùng em đều chết ở chợ nước Hàn, thì vị tất Nhiếp Chính đã dám trao thân cho Nghiêm Trọng Tử. Nghiêm Trọng Tử cũng có thể gọi là kẻ biết người vậy.

Sau đó hơn hai trăm hai mươi năm, ở nước Tần có việc của Kinh Kha.

5. Kinh Kha là người nước Vệ, tổ tiên là người nước Tề. Kinh Kha di cư sang Vệ, người Vệ gọi là Khánh Khanh(6). Sau đó sang nước Yên, người nước Yên gọi là Kinh Khanh. Kinh Khanh thích đọc sách, đánh gươm, đem kiếm thuật nói với Vệ Nguyên Quân. Vệ Nguyên Quân không dùng.

Sau đó Tần đánh Ngụy (năm 242 trước Công nguyên) đặt Đông Quận, dời họ hàng Vệ Nguyên Quân đến đất Dã Vương. Kinh Kha có lần qua chơi đất Du Thử, bàn kiếm thuật với Cáp Nhiếp. Cáp Nhiếp giận, trợn mắt nhìn Kinh Kha đi ra. Có người nói muốn mời Kinh Kha, Cáp Nhiếp nói:

- Lúc này ta bàn kiếm thuật với hấn. Có chỗ không vừa ý ta trợn mắt nhìn hấn. Thử đi mà xem, chắc hấn đi rồi không dám ở lại nữa.

Sai người đến nhà trọ thì Kinh Khanh đã đi xe ngựa rời khỏi đất Du Thử rồi. Người này về báo, Cáp Nhiếp nói:

- Cố nhiên là hấn đi? Lúc này ta vừa lấy mắt dọa hấn.

Kinh Kha đi chơi đến Hàm Đan. Lỗ Câu Tiễn cùng Kinh Kha đánh cờ, tranh nhau nước cờ. Lỗ Câu Tiễn giận mắng, Kinh Kha im lặng trốn đi, sau đó không gặp nhau nữa (7)

Sau khi Kinh Kha đã đến Yên, làm bạn với người bán thịt chó và người giỏi gảy đàn trúc(8) tên là Cao Tiệm Ly. Kinh Kha thích uống rượu, ngày ngày cùng anh bán thịt chó và Cao Tiệm Ly uống rượu ở chợ nước Yên. Sau khi chén rượu dở say, Cao Tiệm Ly gảy đàn trúc, Kinh Kha họa theo mà hát vui với nhau ở giữa chợ. Sau đó lại cùng nhau khóc, xem như bên cạnh không có người(9), Kinh Kha tuy ở trong bọn bợm rượu, nhưng tính tình thâm trầm, thích đọc sách, khi du lịch các nước chư

hầu, đến đâu cũng kết bạn với tất cả những người hiền, trưởng giả ở đấy. Khi sang nước Yên, xử sĩ nước Yên là Điền Quang tiên sinh cũng trọng đãi vì biết rằng Kha không phải là người tầm thường.Được ít lâu gặp lúc thái tử nước Yên là Đan làm con tin ở Tần trốn về. Thái tử Đan nước Yên đã có lần làm con tin ở Triệu mà vua Tần tên là Chính lại sinh ở Triệu, lúc nhỏ vẫn chơi thân với Đan. Đến khi Chính được lập làm vua, Đan làm con tin ở Tần, vì vua Tần đối đãi với thái tử Đan không tử tế cho nên Đan giận trốn về. Đan về tìm cách báo thù vua Tần, nhưng nước nhỏ, sức không làm nổi. Sau đó ngày ngày Tần đem binh ra miền Sơn Đông để đánh các nước Tề, Sở, Tam Tấn, dần dần tiêu diệt chur hầu như tằm ăn lá dâu, sắp đến nước Yên. Vua tôi nước Yên đều sợ họa sắp đến nơi. Thái tử Đan lo lắng hỏi thầy học là Cúc Võ. Cúc Võ nói:

- Đất nước Tần bao khắp thiên hạ, uy hiếp các nước Hàn, Ngụy , Triệu, phía Bắc có Cam Tuyền, Cốc Khẩu là nơi hiểm trở, phía Nam có đất bên sông Kinh, sông Vị là nơi màu mỡ, chiếm nguồn lợi đất Ba, đất Hán, bên phải có dãy núi đất Lũng, đất Thục, bên trái có nơi hiểm trở như Hàm Cốc quan, Hào Sơn. Dân đã đông, quân lại mạnh, khí giới có thừa. Nếu họ muốn đem quân ra thì từ Trường Thành xuống phía Nam, từ Dịch Thủy lên phía Bắc (lo) chưa biết ra sao! Tại sao chỉ vì cái oán bị khinh rẻ mà thái tử lại muốn động chạm đến cái vẩy ngược của con rồng(11) như thế?

Đan nói:

- Vậy thì làm sao?

- Việc ấy xin suy nghĩ cho sâu.

Được ít lâu tướng Tần là Phàn Ư Kỳ có tội với vua Tần, chạy trốn sang Yên, thái tử dung nạp cho ở. Cúc Võ can:

- Không được! Nước Tần đã mạnh lại căm giận nước Yên, như thế cũng đủ đáng sợ lắm rồi. Huống chi nó lại nghe Phàn tướng quân ở đây. Như thế tức là “Ném thịt ra giữa lối đi của hùm đói”, cái tai vạ ấy không thể cứu được đâu! Tuy có Quản Trọng, án Anh(12) cũng không thể bày mưu cho ta. Thái tử phải mau mau cho Phàn tướng quân vào đất Hung Nô để khỏi tai tiếng, xin phía Tây ước hẹn với Tam Tần, phía Nam liên kết với nước Tề, nước Sở, phía Bắc hòa với Thiên Vu sau đó mới có thể lo toan được. .

Thái tử nói:

- Kế của thái phó tổn mất nhiều ngày giờ quá. Lòng tôi lo lắng ưu phiền, sợ không đợi được giây lát. Vả chăng, không phải như thế mà thôi, Phàn tướng quân là người cùng khổn, thiên hạ không ai dung, gửi thân ở Đan, dù sao Đan cũng không thể vì bị nước Tần mạnh bức bách mà bỏ rơi người bạn đáng thương, đưa ông ta sang Hung Nô, như thế thì Đan chết mất. Xin thái phó nghĩ cho cách khác.

Cúc Võ nói:

- Làm việc nguy mà muốn cầu được yên, gây họa mà muốn cầu được phúc; mưu kế thì cạn mà kết oán thì sâu; hèn kết với một người mà không nghĩ đến cái hại lớn của nước nhà, tức là như người ta nói, thêm oán mà gieo họa vậy. Điều đó cũng như lấy nắm lông chim hồng mà đốt trên lò than, nhất định chẳng còn gì nữa. Nước Tần đã hung ác lại muốn làm hã con giận dữ thì chưa biết đến thế nào mà nói? Nước Yên có Điền Quang tiên sinh là người trí sâu mà dũng cảm thâm trầm, có thể bàn với ông ta được(14)

Thái tử nói:

- Muốn xin thái phó cho tôi được làm quen với Điền tiên sinh, có được không?

Cúc Võ nói:

- Xin vâng.

Cúc Võ bèn đi tìm Điền Quang nói:

-Thái tử muốn mưu việc nước với tiên sinh đây.

Điền Quang nói:

-Xin vâng lời dạy.

Bèn đến, thái tử ra đón, đi giật lùi để dẫn đường, quỳ xuống để trải chiếu.

Điền Quang ngồi yên, xung quanh không có ai, thái tử dời khỏi chiếu nói:

- Nước Yên và nước Tần không cùng sống, xin tiên sinh lưu ý cho.

Điền Quang nói:

- Tôi nghe nói ngựa kỳ, ngựa ký lúc đang mạnh thì ngày ruổi ngàn dặm, đến khi già rồi ngựa hèn

vượt lên trước. Nay thái tử chỉ nghe thời Quang còn trai trẻ chứ không biết rằng tinh lực tôi đã hao mòn hết rồi. Nhưng mặc dù Quang không dám bàn việc nước, người bạn của tôi là Kinh Khanh có thể dùng được.

Thái tử nói:

-Tôi muốn nhờ tiên sinh cho tôi kết bạn với Kinh Khanh có được không?.

-Thưa vâng.

Điền Quang liền đứng dậy bước ra ngoài. Thái tử tiễn đến cửa căn dặn:

- Điền Đan trình bày, tiên sinh chỉ giáo, đều là việc lớn của nước, xin tiên sinh chớ tiết lộ.

Điền Quang cúi đầu mỉm cười nói:

- Vâng

Điền Quang lom khom đến gặp Kinh Khanh(15) nói:

- Quang và ông quen nhau, nước Yên ai cũng biết. Thái tử chỉ nghe Quang lúc còn khỏe mạnh không biết Quang này đã kém cỏi rồi. Thái tử lại dạy tôi rằng: “Nước Yên và nước Tần không cùng chung sống, xin tiên sinh lưu ý cho”. Quang trộm nghĩ rằng mình không nên đứng ra ngoài, nên tiên cứ túc hạ với thái tử. Xin túc hạ quá bộ đến cung thái tử.

Kinh Kha nói:

- Xin vâng lời dạy.

Điền Quang nói:

- Tôi nghe nói kẻ trưởng giả làm việc không để cho người ta ngờ mình. Nay thái tử nói với Quang rằng: “Điều nói đó là việc lớn của nước, xin tiên sinh chớ tiết lộ”, như vậy là thái tử ngờ Quang. Phạm làm người để cho người ta ngờ mình, thì không phải là người nghĩa hiệp.

Điền Quang muốn tự sát để khích lệ Kinh Kha, nói:

- Xin túc hạ đến gặp thái tử ngay, nói rằng Quang đã chết để chứng tỏ quang không nói với ai.

Bèn tự đâm cổ mà chết.

Kinh Kha vào yết kiến thái tử nói việc Điền Quang đã chết và kể lại lời của Quang. Thái tử lạy hai lạy, đi bằng đầu gối, nước mắt ròng ròng. Một lúc sau mới nói:

-Đan này sở dĩ dặn Điền tiên sinh đừng nói là muốn mưu việc lớn thành công. Nay Điền tiên sinh lại lấy cái chết để chứng tỏ rằng mình không nói, thực có phải là bụng của Đan này đâu.

Kinh Kha ngồi yên, thái tử đứng dậy cúi đầu nói:

- Điền tiên sinh không biết rằng Đan này ngu dại cho Đan được đến trước mặt túc hạ mà bày tỏ. Đó là trời thương nước Yên mà không vứt bỏ đứa con mồ côi của nó. Nay nước Tần có bụng tham lợi, lòng tham không vừa, nếu không lấy tất cả đất đai trong thiên hạ nộp cho nó, bắt tất cả các vua trong thiên hạ làm tôi nó, thì ý nó chưa thỏa mãn. Nay Tần đã bắt vua Hàn, lấy hết đất Hàn, lại đem binh về phía Nam đánh Sở, phía Bắc đánh Triệu. Vương Tiễn đem quân mấy mươi vạn chặn lấy đất Chương, đất Nghiệp, Lý Tín lại đem quân ra Thái Nguyên, Vân Trung. Nước Triệu không thể chống nổi Tần, thế nào cũng phải vào xưng thần; vào xưng thần thì tai họa đến nước Yên. Nước Yên nhỏ yếu, nhiều lần khổ vì chiến tranh, tính dốc cả sức trong nước cũng không đủ để chống cự với Tần, chớ hầu sợ nước Tần, không ai dám hợp tung. Theo kế riêng của Đan, thì ngu này cho rằng nếu có một kẻ dũng sĩ trong thiên hạ đi sứ sang Tần, dùng lợi to để nhử nó. Tần Vương tham lam, thế nào ta cũng làm được điều mong muốn. Nếu có thể bắt tiếp được vua Tần buộc nó phải trả cho chớ hầu những đất mà nó đã xâm chiếm, như Tào Mạt đã làm đối với Tề Hoàn Công thì thực là hay lắm, không được thế thì nhân đó đâm chết hấn đi. Đại tướng của nước Tần cầm quân ở ngoài mà trong nước lại có loạn thì vua tôi ngờ vực nhau, nhân thời cơ ấy chớ hầu có thể hợp tung, thế nào cũng phá được nước Tần. Đó là điều mong mỏi nhất của Đan nhưng không biết ừy thác cho ai, xin Kinh Khanh lưu ý cho.

Một hồi lâu, Kinh Kha đáp:

- Đó là việc của nước lớn, thần hèn kém sợ không đáng sai khiến.

Thái tử bước đến trước cúi đầu, khấn khoản xin đừng từ chối, sau đó Kinh Kha mới nhận lời.

Thái tử bèn tôn Kinh Kha làm thượng khanh ở nhà sang nhất. Thái tử ngày ngày đến trước cửa dâng cỗ thái lao, các vật lạ xe ngựa, gái đẹp tha hồ Kinh Kha muốn gì được nấy để làm chàng vừa lòng.

Sau một thời gian, Kinh Kha vẫn chưa có ý đi. Tướng Tần là Vương Tiễn đã phá nước Triệu, cầm tù vua Triệu, lấy tất cả đất Triệu tiến quân về phía Bắc, cướp đất đến biên giới phía Nam nước Yên.

Thái tử Đan lo sợ, cầu khẩn Kinh Kha:

- Quân Tần nay mai sẽ vượt qua sông Dịch Thủy thì dù tôi muốn hầu tước hạ mã cũng chẳng dễ mà được đâu?

Kinh Kha nói:

-Thái tử không nói, thì tôi cũng muốn yết kiến để bàn việc ấy. Nay đi mà không có gì làm tin thì khó lòng đến gần vua Tần. Vua Tần treo giải nghìn cân vàng, áp muôn nhà để bắt Phàn tướng quân. Nếu quả được cái đầu của Phàn tướng quân và địa đồ đất Đốc Cánh của nước Yên để dâng lên vua Tần, thì vua Tần thế nào cũng vui lòng cho tôi yết kiến, bấy giờ tôi mới có cách để báo đáp thái tử. Thái tử nói:

- Phàn tướng quân cùng khốn về với Đan, Đan này không nỡ vì việc riêng của mình làm hại đến người trưởng giả, xin tước hạ nghị cho cách khác.

Kinh Kha biết thái tử không nỡ, bèn thân hành đến gặp Phàn Ư Kỳ nói:

- Nước Tần đối đãi với tướng quân có thể gọi là quá thâm độc. Cha mẹ họ hàng đều bị giết, nay nghe nói họ mua cái đầu của tướng quân nghìn cân vàng, áp vạn nhà, tướng quân nghĩ sao?

Ư Kỳ ngửa mặt lên trời thở dài, sa nước mắt mà rằng:

- Ư Kỳ mỗi khi nghĩ đến điều đó, thường đau đến tận xương tủy, nhưng không nghĩ ra kế gì. Kinh Kha nói:

-Nay có một lời, có thể cứu nguy cho nước Yên, báo thù cho tướng quân. Tướng quân nghĩ thế nào?

Ư Kỳ bèn tiến lên nói:

- Làm thế nào bây giờ?

Kinh Kha nói:

- Tôi muốn xin cái đầu của tướng quân để hiến vua Tần, vua Tần thế nào cũng mừng rỡ tiếp kiến tôi. Tôi tay trái nắm lấy tay áo nó, tay phải đâm vào bụng nó như thế thì trả được thù cho tướng quân lại rửa được cái nhục bị khinh rẻ của nước Yên. Tướng quân có nghĩ như thế không?

Phàn Ư Kỳ xắn ống tay áo tiến lên nói:

- Đó là điều ngày đêm tôi nghiền răng nát ruột, đến nay mới được nghe chỉ giáo.

Bèn tự đâm cổ chết(15).

Thái tử biết vậy ruồi ngựa đến, nấp bên thây mà khóc hết sức thảm thương. Nhưng việc đã không làm sao được, nên bỏ đầu Phàn Ư Kỳ vào hòm và niêm phong lại.

Thái tử sai tìm trong thiên hạ được cái chùy thủ sắc của Từ phu nhân nước Triệu, mua mất trăm lạng vàng, sai thợ tẩm thuốc độc thử đâm vào người hễ máu chảy ra như sợi tơ là người chết ngay. Bèn chuẩn bị hành lý để cho Kinh Kha đi. Nước Yên có người dũng sĩ là Tần Vũ Dương, mười ba tuổi, giết người không ai dám trừng mắt nhìn. Bèn sai Tần Vũ Dương làm phó. Kinh Kha muốn đợi một người để cùng đi. Người ấy ở xa chưa tới, đã sắp sẵn hành lý cho anh ta. Đợi một thời gian chưa lên đường. Thái tử cho rằng quá chậm, ngờ Kinh Kha có đôi dạ chẳng, bèn lại giục:

- Ngày đã hết rồi. Kinh Kha có bằng lòng đi không, Đan xin cho Tần Vũ Dương đi trước.

Kinh Kha giận mắng thái tử:

-Tại sao thái tử lại làm thế? Đi mà không nên việc đó là phường con trẻ(17). cầm một cây chùy thủ, lọt vào nước Tần mạnh bất trắc, tôi sở dĩ ở lại là vì còn đợi người khách của tôi cùng đi. Nay thái tử cho là trễ, vậy xin chia tay ngay.

Bèn ra đi.

Thái tử và tân khách biết chuyện ấy đều mặc áo mũ trắng để tiễn. Đến trên sông Dịch Thủy, sau khi làm lễ tiễn hành, lên đường, Cao Tiệp Ly gảy đàn trúc, Kinh Kha theo nhịp mà hát theo điệu biến chùy(18), kẻ sĩ đều sụt sùi nước mắt.

Kinh Kha lại tiến lên hát:

Gió hiu hắt, chừ, Dịch Thủy lạnh ghê!

Tráng sĩ ra đi chừ không bao giờ về!

Lại hát theo điệu vũ khảng khái, mọi người trợn mắt, tóc đều dựng đứng xiên lên mũ.

Sau đó Kinh Kha lên xe đi, không hề nhìn ngoái lại(19).

Kinh Kha đến Tần, đem lễ vật giá nghìn vàng đút cho viên quan trung thứ sử là Mộng Gia bấy tôi yêu của vua Tần.

Gia nói trước với vua Tần:

- Vua Yên thực sự sợ hãi uy thế của đại vương, không dám đem binh để đón đánh các tướng, muốn xin đem cả nước làm tôi nước Tần, đứng ở hàng chư hầu, chịu nộp cống, chịu nhận chức như một quận một huyện để được giữ tôn miếu của tiên vương. Họ sợ hãi không dám tự bày tỏ, đã chém đầu Phàn Ư Kỳ mềm phong bỏ vào hòm và dâng địa đồ xứ Đốc Càng. Vua Yên lạy trước sân sai sứ sang tâu với đại vương, xin đại vương phán cho như thế nào!

Vua Tần nghe nói cả mừng bèn mặc áo châu, đặt lễ cử tân(20), tiếp kiến sứ giả nước Yên ở cung Hàm Dương. Kinh Kha bung đầu Phàn ư Kỳ, còn Tần Vũ Dương bung tráp đựng địa đồ, lần lượt dâng lên. Đến bệ, Tần Vũ Dương run sợ biến sắc mặt, các quan lấy làm lạ. Kinh Kha quay lại cười. Tần Vũ Dương, tiến lên xin lỗi, nói:

- Nó là kẻ mọi rợ ở phương Bắc, chưa hề trông thấy thiên tử, cho nên run sợ. Xin đại vương tha thứ cho, để cho nó được làm tròn phận sự một sứ thần trước mặt thiên tử.

Vua Tần bảo Kinh Kha:

- Đưa địa đồ Vũ Dương cầm đó lên đây.

Kinh Kha liền cầm địa đồ dâng lên. Vua Tần mở địa đồ. Giở hết địa đồ thì cái chủy thủ hiện ra.

Kinh Kha liền tay trái nắm lấy tay áo vua Tần, tay phải cầm chủy thủ chia vào người. Dao chưa đến người, vua Tần sợ hãi vùng đứng dậy. Ông áo đứt, Vua Tần tuốt kiếm, kiếm dài, vua nắm lấy bao kiếm. Lúc bấy giờ hoảng hốt, kiếm lại chặt nên không tuốt được ngay. Kinh Kha đuổi theo vua Tần, vua Tần chạy quanh cột trụ, các quan luống cuống, gặp lúc hoảng hốt, đều mất cả vẻ mặt lúc bình thường. Theo phép của nước Tần các quan châu chực ở trên điện không được cầm một tác binh khí. Các lang trung cầm binh khí đều đứng sắp hàng ở dưới điện, nếu không có chiếu chỉ gọi thì không được lên. Bấy giờ đang lúc gấp, không kịp gọi những người cầm binh khí ở dưới. Vì vậy Kinh Kha đuổi vua Tần, các quan vẫn cuống quýt không có gì để đánh trả lại chỉ lấy tay mà đánh Kinh Kha. Lúc bấy giờ viên thầy thuốc đứng hầu tên là Hạ Vô Thư lấy túi thuốc cầm trong tay ném Kinh Kha. Vua Tần đang chạy quanh cột vẫn cuống quýt chưa biết làm thế nào. Tả hữu kêu lên:

- Nhà vua mang kiếm sau lưng.

Vua Tần đưa tay ra sau lưng, tuốt kiếm đánh Kinh Kha, chặt đứt bắp vế bên trái. Kinh Kha què bèn cầm chủy thủ ném vua Tần. Ném không trúng, trúng cái cột đồng. Vua Tần lại đánh Kinh Kha, Kinh Kha bị tám vết thương tự biết công việc không xong bèn tựa vào cột mà cười, ngời xồm mà mắng:

- Việc này không xong chỉ vì ta muốn để cho nó sống mà uy hiếp nó lấy cho được giấy cam kết để đưa cho thái tử(21).

Lúc bấy giờ tả hữu tiến lên giết Kinh Kha. Vua Tần hoảng hốt một hồi lâu, sau đó bàn công lao thưởng các quan và trị tội theo thứ bậc, cấp cho Hạ Vô Thư hai trăm cân vàng, nói:

- Vô Thư yêu ta nên cầm túi thuốc ném Kinh Kha.

Vua Tần bèn cả giận cho thêm quân sang Triệu, ra lệnh cho Vương Tiễn đem quân đánh Yên. Tháng mười, lấy được thành Kế, vua Yên là Hỷ, thái tử Đan đều đem tất cả tinh binh sang phía Đông cầm cự ở Liêu Đông. Tướng Tần là Lý Tín đuổi đánh vua Yên gấp, vua nước Đại là Gia bèn đưa cho vua Yên là Hỷ bức thư nói:

“Nước Tần sở dĩ đuổi đánh nước Yên ráo riết hơn cả là vì thái tử Đan. Nếu nhà vua giết Đan dâng cho vua Tần thì vua Tần có thể giải hòa, còn có hy vọng nền xã tắc được củng cố lâu dài ”.

Sau đó Lý Tín đuổi Đan. Đan nấp ở vùng sông Diễn Thủy. Vua Yên bèn sai người chém thái tử Đan, dâng đầu cho vua Tần. Tần lại đem binh đánh. Năm năm sau (năm 222 trước Công nguyên) nước Tần diệt nước Yên, bắt vua Yên là Hỷ. Sang năm sau, Tần lấy tất cả thiên hạ xưng hiệu là hoàng đế.

Tần bèn lòng bắt bạn bè của thái tử Đan và Kinh Kha. Họ đều bỏ trốn. Cao Tiệm Ly đổi họ tên làm thuê cho người ta, nương nấu ở huyện Tống Tử. Được ít lâu, làm việc khó nhọc, nghe ở trên thềm có khách chơi đàn trúc, bàng hoàng không sao bỏ đi được. Thường nói: người này gầy khá, người kia gầy kém. Bọn đầy tớ nói với chủ: .

- Người làm thuê kia biết âm nhạc, bàn trộm người hay kẻ dở.

Chủ nhà gọi đến gầy đàn trúc, mọi người đều khen hay, cho rượu uống. Cao Tiệm Ly nghĩ mình cứ lén lút rụt rè mãi bao giờ cho cùng, bèn trở lui, lấy cái đàn trúc và quần áo đẹp trong hòm ra thay đổi dung mạo bước lên. Tất cả khách ngồi ở đấy đều kinh ngạc bước xuống làm lễ, tôn làm thượng khách bảo gầy đàn trúc và hát. Mọi người đều sa nước mắt mà bỏ về. Trong vùng Tống Tử, các nhà

lần lượt mời Cao Tiệm Ly đến làm khách. Việc đến tại Tần Thủy Hoàng. Thủy Hoàng gọi vào châu. Có người biết, nói:

- Đó là Cao Tiệm Ly.

Tần Thủy Hoàng tiếc chàng giỏi gảy đàn trúc, nên đặc cách tha chết, làm cho vui cả hai con mắt của Ly. Sai gảy đàn trúc: lần nào cũng khen hay. Dần dần vua Tần lại ngồi gần, Cao Tiệm Ly đổ chỉ vào ống đàn trúc, vua lại gần hơn, Cao Tiệm Ly gảy đàn đánh Tần Thủy Hoàng. Đánh không trúng, nhà vua bèn giết Cao Tiệm Ly, suốt đời không gần gũi người các nước chư hầu nữa.

Lỗ Câu Tiễn sau khi nghe tin Kinh Kha đâm vua Tần, nói riêng một mình:

- Than ôi! Tiếc thay hân không thạo về phép đánh gươm! Ta thật không biết người quá nổi! Xưa kia ta quá thẩn, chắc hẳn không cho ta là người cùng chí(22).

6. Thái sử công nói: .

- Người đời nói đến chuyện Kinh Kha, lại khen thái tử Đan có thiên mạng "trời mưa lúa, ngựa mọc sừng(23), như thế là quá đáng!. Lại nói Kinh Kha đâm vua Tần bị thương, cũng đều sai. Trước đây Công Tôn Quý Công, Đồng sinh giao du với Hạ Vô Thư biết kỹ việc đó lại nói với tôi như thế(24)? Từ Tào Mạt đến Kinh Kha, năm người, chí nguyện của họ hoặc thành, hoặc không thành, nhưng lập ý rõ ràng, không trái với chí mình, danh tiếng để lại đời sau có phải là vớ vẩn đâu!

Chú thích:

(1). *Chùy thủ: thứ kiếm ngắn đầu mũi như cái chùy (cái thìa).*

(2). *Câu này ngụ ý dọa Hoàn Công, ý nói sẽ liều mình mà hại đến thân thể Hoàn Công.*

(3). *ý nói: nghĩ đến việc tranh ngôi vua ở trong nước nên không nghĩ đến việc đánh nước ngoài.*

(4). *Ý nói mình sẽ lo đến con của Chuyên Chư sau khi Chuyên Chư chết.*

(5). *Cuối mỗi đoạn nhắc lại: "Sau đó... mười năm...". Để nêu cao tầm quan trọng của sự kiện nên dùng lối văn của biên niên sử.*

(6). *Khánh có lẽ là họ của Kinh Kha. Khanh danh từ dùng để gọi những người mình tôn trọng.*

(7). *Tác giả dùng phép ức dương: trước khi nói đến sự dũng cảm của Kinh Kha thì kể một chuyện làm người đọc tưởng rằng Kinh Kha lần đầu hèn nhát, rồi lần thứ hai cũng lại hèn nhát.*

(8). *Đàn trúc cũng giống đàn cầm, nhưng lấy trúc mà gảy.*

(9). *Chi tiết này chứng tỏ Kinh Kha và Cao Tiệm Ly có tâm sự u uất không thể thổ lộ cùng ai. Tư Mã Thiên có một phương pháp tự sự độc đáo làm thành một phong cách riêng: khi kể chuyện về một nhân vật thường đưa ra những giai thoại rất ngắn chỉ 4, 5 câu có thể vụn vặt, nhưng những chi tiết ấy lại rất điển hình làm cho nhân vật rất sống.*

(10). *Đây chỉ địa phận nước Yên.*

(11). *Hàn Phi nói, dưới cổ con rồng có cái vẩy ngược ai động đến thì nó giết ngay.*

(12). *Những nhà chính trị giỏi thời Xuân Thu.*

(13). *ý muốn hợp tung chống Tần.*

(14). *ý Cúc Vô đã muốn nói đến kể dùng thích khách cho nên nói đến chữ dũng cảm thâm trầm.*

(15). *Hai chữ lom khom đủ để lột tả Điền Quang là ngựa ký về già.*

(16). *Phản Ư Kỳ lại là một hiệp sĩ. Người thứ hai chết mong giục Kinh Kha báo thù.*

(17). *ý Kinh Kha muốn đợi người cùng đi cho chắc chắn. Chỉ có bọn trẻ con ngu ngốc mới làm việc xốc nổi không xem xét trước sau sao cho nên việc.*

(18). *Nhạc cổ theo âm luật cao thấp chia ra cung, thương, giốc, chủy, vũ gọi là năm cung.*

(19). *Chỉ thêm mấy chữ "Không hề nhìn ngoài lại" mà khí phách anh hùng của Kinh Kha nổi bật.*

(20). *Xem chú thích ở Liêm Pha, Lạn Tương Như liệt truyện.*

(21). *Tất cả đoạn này không nhắc một chữ đến Tần Vũ Dương càng làm người ta nhớ đến "người bạn Kinh Kha chờ để cùng đi".*

(22). *Kết luận sinh động. Lỗ Câu Tiễn hỏi tiếc không dạy cho Kinh Kha cách đánh gươm đến nỗi việc lớn thất bại và tự thẹn về chỗ Kinh Kha bỏ mình ra đi: Câu này cất nghĩa Kinh Kha muốn chơi với người cùng chí hướng, thấy ai không cùng chí nguyện thì bỏ đi chứ không phải hèn nhát. Nhân vật Kinh Kha lôi cuốn người ta không chỉ vì là hiệp sĩ mà là một người có tâm sự kín đáo, không mấy người hiểu. Trong những con người không hiểu đó có cả thái tử Đan.*

(23). *Sách Yên Đan tử nói: Thái tử Đan xin về, vua Tần không cho, hẹn khi nào đầu quạ trắng,*

ngựa mọc sừng mới cho về. Đan ngựa mặt lên trời than vãn, trời làm cho đầu quạ bạc, ngựa mọc sừng ngay. Vua Tần bắt đắc dĩ phải cho Đan về. Sách Phong tục thông nói: Trời vì thái tử Đan mưa lúa xuống, đầu quạ bạc, ngựa mọc sừng. ó đây Thái sử công dẫn những lời trong truyền ngôn đó. (24). Bác lại những truyền ngôn vu vơ và nêu phương pháp viết sử của mình là căn cứ vào lời nói những người biết rõ sự thực.

Phần 32

Lý Tư liệt truyện

1. Lý Tư người đất Thương Sái thuộc nước Sở. Lúc còn ít tuổi, Tư làm viên lại nhỏ ở quận, thấy con chuột trong nhà xí nơi mình làm việc ăn đồ bẩn thỉu, luôn luôn lo sợ gặp người và chó. Đến khi Tư vào trong kho, nhìn con chuột ở đấy, thấy nó ăn lúa no nê, ở dưới mái nhà lớn, không hề lo gặp phải người hay chó gì hết. Lý Tư bèn than:

- Người ta hiền tài hay kém cỏi chẳng qua cũng như con chuột kia, đều là nhờ ở hoàn cảnh đấy thôi! Bèn theo Tuân Khanh học thuật làm đế vương(1).

Khi học thành tài. Tư nhận thấy mình có theo vua Sở cũng không làm nên sự nghiệp gì, mà sáu nước đều yếu không có nước nào có thể giúp để lập công danh, nên muốn sang tây vào nước Tần. Tư đến từ biệt Tuân Khanh, nói:

- Tư nghe nói gặp thời cơ không thể bỏ phí. Lúc này các nước chư hầu đang tranh giành nhau, thực quyền ở trong tay những người du thuyết. Nay vua Tần muốn nuốt thiên hạ, lên ngôi hoàng đế để cai trị, đó là thời bay nhảy của kẻ áo vải thời trở tài của kẻ du thuyết. Nếu ở địa vị thấp hèn, ai bỏ lỡ cơ hội, không làm thì cũng như cầm thú nhìn thấy thịt là ăn, mang cái mặt người tro trên đi ngoài đường đó thôi(2). Cho nên không có gì nhục bằng ở địa vị hèn hạ, không có gì buồn hơn gặp cảnh khốn cùng. Nếu ở mãi địa vị hèn hạ, chịu mãi cảnh khốn khổ lại còn chê cười thế tục, căm ghét danh lợi rồi tự phụ mình có những điều không thêm làm thì đó không phải là chí nguyện của kẻ du thuyết. Vì vậy Tư đi về hướng Tây để du thuyết vua Tần. Khi đến nước Tần, gặp lúc Trang Tương Vương chết, Lý Tư bèn cầu xin làm môn hạ của Văn Tín Hầu Lã Bất Vi làm thừa tướng nước Tần. Bất Vi cho là người hiền dùng làm lang. Lý Tư nhờ vậy có cơ hội du thuyết. Tư nói với vua Tần như sau:

- Cứ ngôi chờ đợi nay lần mai nữa thì sẽ bỏ mất thời cơ. Làm nên công lớn là ở chỗ biết lợi dụng chỗ sơ hở rồi mạnh dạn làm. Ngày xưa Tần Mục Công làm bá nhưng cuối cùng cũng không đi về đông thôn tóm cả sáu nước là tại làm sao? Bởi vì lúc bấy giờ chư hầu còn đông, đức của nhà Chu chưa suy; cho nên Ngũ bá kế tiếp nhau nổi lên nhưng cũng đều tôn nhà Chu. Từ thời Tần Hiếu Công trở đi nhà Chu suy dần, chư hầu thôn tính lẫn nhau, ở phía Đông Hàm Cốc quan là sáu nước; nước Tần thừa thắng nô dịch chư hầu đã sáu đời nay. Nay chư hầu phục tùng cũng như quận huyện nước Tần vậy. Nước Tần mạnh, nhà vua tài giỏi thì việc tiêu diệt chư hầu, dựng nên nghiệp đế, thống nhất thiên hạ cũng dễ như quét bụi trong bếp. Đó là thời cơ muôn đời mới có! Nay nếu nhà vua bỏ qua thời cơ này không vội tóm lấy nó thì chư hầu sẽ mạnh lên, hợp tung với nhau, lúc bấy giờ dù có giỏi như vua Hoàng Đế cũng không sao thôn tính được nữa.

Vua Tần bèn cho Tư làm trưởng sử, nghe theo kế của Tư, ngầm sai mưu sĩ mang vàng bạc châu ngọc, đi du thuyết chư hầu. Xem các danh sĩ ở chư hầu người nào có thể mua chuộc bằng tiền thì cho tiền để liên kết với họ, còn người nào không nghe thì dùng kiếm sắc đâm chết, cốt để ly gián vua tôi của họ. Sau đó vua Tần mới phái tướng giỏi đem quân đến đánh.

Vua Tần cho Tư làm khách khanh(3).

2. Gặp lúc Trịnh Quốc người nước Hàn đến để can vua Tần đừng đào sông tưới ruộng(4), sau đó việc vỡ lở ra, các tôn thất và các quan đại thần đều nói với vua Tần:- Người các nước chư hầu đến thờ Tần nói chung đều vì vua của họ mà du thuyết, cốt làm cho Tần ly gián, xin đuổi tất cả những người khách đi.

Lý Tư cũng ở trong số khách bị đuổi, bèn dâng thư nói:

“Thần nghe nói quan lại bàn đến việc đuổi khách, thần trộm cho là sai.

Ngày xưa Mục Công tìm kẻ sĩ, ở phía Tây lấy Do Dư ở đất Nhung, ở phía Đông lấy Bách Lý Hề ở đất Uyển, đón Kiên Thúc ở đất Tống, Cầu Phi Báo, Công Tôn Chi ở đất Tấn. Năm người này đều không sinh ở đất Tần nhưng Mục Công vẫn dùng nên thôn tính được hai mươi nước, rốt cục làm bá ở Tây Nhung. Hiếu Công dùng phép trị nước của Thương Ương, thay đổi phong tục, nhờ đó dân đông, nước giàu, trăm họ vui vẻ vâng theo, chư hầu về hàng phục, bắt được tướng của các nước Sở, Ngụy, cướp đất ngàn dặm, đến nay nước yên và mạnh, Huệ Vương dùng kế của Trương Nghi, cướp đất Tam Xuyên; phía Tây thôn tính đất Ba, đất Thục, phía Bắc thu đất Thương Quận, phía Nam thu đất Hán Trung, lấy được chín Di, không chế các đất Yên, Sính, phía Đông dựa vào địa thế hiểm yếu

của Thành Cao, cắt các đất màu mỡ; cho nên phá tan được kế hợp tung của sáu nước, khiến họ ngoảnh mặt về hướng Tây mà thờ nước Tần, công lao còn mãi đến ngày nay. Chiêu Vương được Phạm Thư, phé truất Nhưong Hầu, đuổi Hoa Dương làm cho công thết được mạnh, quyền môn bị lấp, xâm chiếm chư hầu như tầm ăn lá dâu, khiến cho nước Tần lập nên nghiệp đế. Bốn vị vua kia đều nhờ công lao của những người khách. Xem thế đủ biết những người khách có phụ bạc gì với nước Tần đâu?

Giả sử bốn vị vua kia đều đuổi những người khách đi mà không nhận, xa lìa kẻ sĩ mà không dùng, thì thế là khiến cho nước nhà thực ra không được giàu có, mà nước Tần lại không được cái danh là lớn, và mạnh. Nay bệ hạ lấy ngọc Côn Sơn, có của báu Tùy Hầu, Biện Hòa(5) có châu Minh Nguyệt, đeo kiếm Thái A, cưỡi ngựa Tiêm Ly, cầm cờ Thúc Phụng, dựng trống Linh Đà. Những của báu này nước Tần không sản sinh ra một thứ nào. Nhưng bệ hạ lại thích là tại làm sao?

Nếu như cái gì cũng phải sinh ra ở nước Tần mới được thì ngọc bích dạ quang sẽ không trang sức ở triều đình, sừng tê ngà voi sẽ không làm trò chơi, và con gái nước Triệu sẽ không đưa vào hậu cung. Ngựa tuần mã, ngựa quyết đề sẽ không ở lại chuồng ngựa; không dùng vàng, thiếc Giang Nam, không nhuộm bằng màu đỏ màu xanh Tây Thục. Nếu những trang sức ở hậu cung, những tỷ thiếp đứng đằng sau làm vui lòng đẹp ý, thích mắt khoái tai, đều phải của nước Tần mới được, thì trăm Uyển Châu, hoa tai Phụ Cơ, áo lụa Đông A, các thứ gấm vóc sẽ không được dâng trước mặt nhà vua mà những người con gái nước Triệu hình dung yếu điệu theo tục trở lên trang nhã, sẽ không đứng bên cạnh nhà vua. Gõ vại, khua vò, đánh đàn tranh, vỗ đùi mà ca hò “ồ ồ” vui tai sướng mắt, đó chính là nhạc của nước Tần. Còn các nhạc Tang Gian của Trịnh, Vệ, nhạc Thiệu Ngu, nhạc Vũ Tượng đều là nhạc của nước ngoài. Nay bỏ việc gõ vại, khua vò mà theo lối nhạc Trịnh, Vệ; bỏ việc đánh đàn tranh mà theo nhạc Thiệu Ngu là tại làm sao? Chẳng qua là âm thanh này làm vừa ý ngẫu nhiên xem nó thì thích, thế thôi?

Nay lấy người thì lại không như thế, không hỏi nên chăng, không kể ngay gian; nếu không phải là người Tần thì bỏ, nếu ai là khách thì đuổi. Như vậy tức là nhà vua quý trọng sắc đẹp, âm nhạc, châu báu, ngọc ngà còn khinh rẻ người. Làm như thế không phải là cái thuật để cưới cô thiên hạ, không chế chư hầu vậy.

Thần nghe nói: đất rộng thì lúa nhiều, nước lớn thì người đông, quân mạnh thì tướng sĩ dũng cảm. Núi Thái Sơn không từ một hòn đất cho nên mới lớn như vậy; sông Hoàng Hà và biển Đông không từ những dòng nước nhỏ cho nên mới sâu như vậy. Bậc vương giả không đuổi dân chúng thấp hèn mới có thể làm sáng cái đức của mình. Cho nên đất không có bốn phương, người không ai là người nước ngoài(6), bốn mùa đều đẹp quý thần đưa phúc đến. Ngũ đế, Tam vương sở dĩ vô địch là vì vậy. Nay nhà vua lại bỏ bọn đầu đen để giúp cho nước địch, đuổi tân khách để giúp chư hầu lập nên cơ nghiệp, khiến kẻ sĩ trong thiên hạ không dám quay mặt về hướng Tây, dùng chân không vào nước Tần. Như thế tức là, như người ta nói, giúp binh khí cho giặc và đem lương thực cho bọn ăn trộm vậy: Những vật không sản xuất ở nước Tần mà đáng quý trọng cũng nhiều; kẻ sĩ không sinh ở nước Tần nhưng muốn trung với nước Tần cũng lắm. Nay nhà vua đuổi khách đi để giúp cho nước địch, bỏ dân đi để thêm cho kẻ thù; như thế là ở bên trong tự làm cho mình yếu và bên ngoài gây oán với chư hầu, muốn cho nước khỏi nguy cũng không thể nào được”.

Vua Tần bèn bỏ lệnh đuổi khách, cho Lý Tư làm quan như cũ.

3. Cuối cùng nhà vua dùng kế của Tư. Tư làm quan đến đình úy. Được hơn 20 năm, nước Tần rất cực thôn tính thiên hạ. Vua làm hoàng đế, cho Tư làm thừa tướng. Nhà Tần san phẳng thành quách, các quận các huyện nấu chảy binh khí để biểu lộ không dùng đến nó nữa. Tư khiến nước Tần không phong cho ai một thước, một tấc đất nào, không lập con em làm vương, các công thần làm chư hầu để đời sau khỏi lo việc các nước đánh nhau.

Năm thứ ba mươi tư đời Thủy Hoàng (năm 213 trước Công nguyên), nhà vua sai đặt tiệc rượu ở cung Hàm Dương. Bọn bác sĩ Chu Thanh Thần làm bộc xạ ca tụng uy thanh và công đức của Thủy Hoàng. Thuần Vu Việt người nước Tề tiến lên can:

- Thần nghe: nhà Ân, nhà Chu làm vua hơn nghìn năm, phong các con em, các công thần để cho họ làm phen dậu giúp đỡ mình. Nay bệ hạ giàu có bốn biển nhưng con em vẫn là kẻ thất phụ; nếu đột nhiên xảy ra việc như bọn Điền Thường hay bọn lục khanh(7) thì không ai giúp đỡ, làm sao có thể cứu nhau được. Trong công việc không bắt chước đời xưa mà có thể lâu dài là điều chưa hề nghe

nói. Nay bọn Thanh Thần lại xiểm nịnh bệ hạ để làm cho điều sai lầm của bệ hạ thêm nặng, như vậy không phải là kẻ trung thần. Thủy Hoàng đưa lời bàn của ông ta xuống thừa tướng. Thừa tướng cho thuyết ấy là sai, loại bỏ ý kiến của ông ta. Bèn dâng thư nói:

“Ngày xưa thiên hạ rối loạn và phân tán, không ai thống nhất được. Do đó chư hầu tranh nhau; khi nói, mọi người đều đem huyện đời xưa làm hại việc nay bày đặt nói những lời nói suông để làm loạn việc thực. Mọi người đều lấy cái học riêng của mình để chê bai những điều nhà vua làm. Nhưng nay hoàng đế đã thu tóm cả thiên hạ, phân biệt trắng đen mà định ra điều duy nhất được tôn trọng. Trái lại, những kẻ học theo cái học riêng của mình cùng nhau chê cười pháp luật rồi đem dạy cho người ta. Khi nghe lệnh ban xuống tức thì họ đều lấy cái học riêng của mình để bàn tán. Khi vào triều thì trong bụng chê bai. Ra ngoài đường thì xúm bàn trong ngõ, chê vua để lấy tiếng, làm khác người để tỏ là cao, bày cho kẻ dưới phỉ báng. Nếu cứ như thế mà không cấm thì ở trên uy thế của nhà vua sẽ bị giảm sút; ở dưới các bè đảng sẽ nổi lên. Nên cấm là hơn. Thần xin tâu: ai có sách văn học, Kinh thi, Kinh thư sách vở của trăm nhà thì đều hủy bỏ đi. Lệnh này ban ra ba mươi ngày mà ai không hủy bỏ thì khắc vào mặt dày đi giữ thành. Những sách không hủy bỏ là sách thuốc, sách bói, sách trồng cây. Người nào muốn học thì phải lấy kẻ lại làm thầy”. Vua Tần Thủy Hoàng chuẩn ý lời tâu ấy, thu các sách Kinh thi, Kinh thư, bách gia để làm trăm họ ngu tối khiến cho thiên hạ không được lấy điều xưa mà chê ngày nay. Việc định ra pháp độ rõ ràng, đặt luật lệ bắt đầu từ Thủy Hoàng. Thống nhất văn tự, xây các lý cung và các biệt quán khắp trong thiên hạ. Năm sau lại đi tuần thú, bên ngoài thì đánh dẹp từ di. Trong những việc này đều có công của Tư. Con trai đầu của Tư là Do làm thái thú Tam Xuyên. Mấy người con trai đều lấy công chúa nước Tần, con gái thì lấy công tử các nước Tần. Thái thú Tam Xuyên Lý Do xin nghỉ về Hàm Dương, Lý Tư đặt tiệc rượu ở nhà, trăm quan đều đến trước mặt chúc thọ; ở ngoài sân, ngoài cửa, xe ngựa kẻ có hàng nghìn. Lý Tư thở dài than rằng:

- Than ôi! Ta nghe Tân Khanh nói: “Sự vật không nên đi đến chỗ quá thịnh. Tư này là kẻ áo vải đất Thượng Sái, một tên đầu đen ở nơi làng xóm, nhà vua không biết ta hèn kém, cất nhắc lên đến thế này. Nay ta ở địa vị bầy tôi không thua kém ai, có thể nói là giàu sang cùng cực rồi vậy. Phàm sự vật đến cùng cực rồi thì sẽ suy, ta chưa biết sau này kết cục ra sao(8).

4. Tháng 10 năm thứ ba mươi bảy đời Thủy Hoàng (năm 210 trước Công nguyên) nhà vua đi chơi Cối Kê, và dọc bờ bể, phía Bắc đến Lang Gia. Thừa tướng Lý Tư, trung xa phủ lệnh kiêm chức giữ phủ, ấn nhà vua là Triệu Cao cùng đi theo. Thủy Hoàng có hơn hai mươi người con. Con cả là Phù Tô vì mấy lần can thẳng nên nhà vua sai coi binh ở Thượng Quận, Mông Diêm làm tướng ở đấy. Con nhỏ là Hồ Hợi được nhà vua yêu, xin đi theo. Nhà vua bằng lòng. Những người con khác không ai được theo.

Tháng 7 năm ấy, Thủy Hoàng đến Sa Khâu bị bệnh nặng, sai Triệu Cao viết thư gửi cho công tử Phù Tô nói:

“Giao binh cho Mông Diêm, mau về lo việc tang đưa về Hàm Dương để chôn”. Bức thư đã dán rồi nhưng chưa trao cho sứ giả thì Thủy Hoàng mất. Thư và ấn đều ở chỗ Triệu Cao. Chỉ có con là Hồ Hợi, thừa tướng là Lý Tư, Triệu Cao và năm sáu viên hoạn quan được nhà vua yêu biết là Thủy Hoàng đã chết; còn quần thần không ai biết. Lý Tư cho là vua mất ở ngoài, không có thái tử chân chính, nên giấu kín việc ấy. Sai đặt Thủy Hoàng trong cái xe mát, trăm quan vẫn tâu trình, việc dâng đồ ăn như mọi ngày. Một viên hoạn quan ngồi trong xe chuẩn ý lời tâu. Triệu Cao(9) nhân đây giữ lại bức thư gửi cho Phù Tô và nói với công tử Hồ Hợi:

- Nhà vua mất, không có chiếu phong các con làm vương mà chỉ gửi thư cho con cả: nếu con cả đến thì lập tức được lập làm hoàng đế. Còn ông không có một tác đất, bây giờ làm thế nào?

Hồ Hợi đáp:

- Cái đó đã đành! Ta nghe nói vị vua sáng suốt biết bày tôi, người cha sáng suốt biết con mình. Cha mất không phong các con, còn nói gì được nữa?

Triệu Cao nói:

- Không phải. Lúc này quyền thế trong thiên hạ, việc mất hay còn là ở ông, Cao và thừa tướng mà thôi: Xin ông nghĩ cho! Vả lại, việc bắt người ta làm bầy tôi với việc làm bầy tôi người ta; chế ngự người ta với việc bị người ta chế ngự là khác nhau một vực một trời.

Hồ Hợi nói:

- Bỏ anh lập em là bất nghĩa; không theo lời chiếu của cha mà sợ chết là bất hiếu; sức kém, tài mỏng, nhờ sức người khác là không tài năng. Cả ba cái này đều trái với đức thì thiên hạ không phục; làm thế thân mình sẽ gặp tai nạn, xã tắc không được cúng tế.

Triệu Cao nói:

- Tôi nghe vua Thang, vua Vũ giết vua của mình mà thiên hạ khen họ là nghĩa, không cho họ là không trung, vua Vệ giết cha mà nước Vệ khen ông ta là có đức, Khổng Tử chép việc ấy, không cho là không hiếu. Phàm làm việc lớn thì không kể đến những điều vật vãnh; đức dày thì không nhường nhụt. Việc vật ở nơi xóm làng thì xóm làng bàn, trăm quan công việc mỗi người một khác. Cho nên, nếu để ý đến việc nhỏ mà bỏ quên việc lớn thì thế nào sau này cũng gặp hại, cứ dùng dằng nghi ngờ mãi thì thế nào sau này cũng hối hận, người quyết đoán và dám làm, quỷ thần phải tránh, thì về sau sẽ thành công. Xin ông nghe theo lời tôi.

Hồ Hợi thở dài than:

- Nay việc vua mất còn giấu, việc tang lễ chưa xong, lẽ nào lại đem việc này bàn với thừa tướng sao?

Triệu Cao nói:

- Thời cơ, thời cơ gấp rút, nếu trì hoãn thì không trừ tính gì được. Phải mang lương khô ruổi ngựa còn sợ lỡ cơ hội(10)

Sau khi Hồ Hợi đã nghe lời Cao, Cao nói:

- Nếu chúng ta không bàn mưu với thừa tướng thì sợ công việc không thành. Thần xin vì ngài bàn mưu ấy với thừa tướng.

Cao bèn nói với thừa tướng Lý Tư(11):

- Nhà vua băng hà, đưa thư cho con đầu bảo làm lễ an táng ở Hàm Dương và lập thái tử nối ngôi. Thư vẫn chưa gửi đi. Nay nhà vua mất chưa ai biết cả. Bức thư gửi cho người con đầu và phò, ẩn dấu ở chỗ Hồ Hợi. Việc lập thái tử là do ở miệng ngài và Cao thôi. Bây giờ nên làm thế nào(12)?

Lý Tư nói:

- Sao lại nói lời “mất nước” như vậy? Việc đó không phải việc bọn bầy tôi bàn(13).

Triệu Cao nói:

- Ngài hãy tự liệu xem, tài năng của ngài so với Mông Diêm ai giỏi hơn? Công lao của ngài so với Mông Diêm ai hơn? Về mặt không gây oán với thiên hạ thì ngài với Mông Diêm ai lớn hơn? Về mặt người con đầu của nhà vua quen biết đã lâu và tin dùng ngài so với Mông Diêm ai hơn (14)?

Lý Tư nói:

- Ở năm mặt ấy tôi đều không bằng Mông Diêm. Nhưng sao ông lại đòi hỏi ở tôi nhiều như thế?

Triệu Cao nói:

- Cao vốn chỉ là bọn tôi tớ phục dịch trong cung mà thôi; may mắn nhờ quen việc giấy tờ, văn án nên được đưa vào cung vua Tần, coi sóc công việc hơn hai mươi năm, chưa hề thấy nhà Tần cho thừa tướng thôi việc(15), chưa hề thấy công thần được phong đất đến hai đời. Người nào rốt cục cũng bị giết chết. Hoàng đế có hơn hai mươi người con, đều là những người ngài quen biết cả. Người con đầu cương nghị lại có vũ dũng, tin người và cất nhắc kẻ sĩ, một khi lên ngôi thế nào cũng dùng Mông Diêm làm thừa tướng, ngài quyết không thể nào mang ấn thông hầu mà về làng, cái đó thì rõ lắm. Cao nhận chiếu dạy dỗ Hồ Hợi, giúp ông ta học pháp luật đã mấy năm, chưa hề thấy ông ta có sai sót gì. Người nhân từ, trọng hậu, khinh của cải, quý trọng kẻ sĩ, lòng rất sáng suốt, tuy ăn nói vụng về, nhưng rất mực lễ phép. Các con vua Tần không ai bằng ông ta. Có thể lập ông ta làm vua! ông hãy tìm kế lập ông ta đi!

Lý Tư nói:

- Ông nên trở lại chức vụ của mình(16). Tư này phụng chiếu nhà vua, vâng theo mệnh trời, còn có điều gì phải quyết định nữa?

Triệu Cao nói:

- An có thể thành nguy, nguy có thể thành an(17). Làm người không nắm được vận mệnh an nguy của mình, làm sao có thể gọi là người thánh hiền lỗi lạc?

Lý Tư nói:

- Tư này là kẻ áo vải nơi làng xóm đất Thượng Sái. Nhà vua yêu cho làm thừa tướng, phong tước thông hầu, con cháu đều được chức vị cao, có bổng lộc hậu, cho nên đem việc nước còn hay mất, an

hay nguy phó thác cho tôi? Tôi há phụ bạc hay sao Kê trung thần không trợn cái chết mà cầu may; người con hiếu không nên làm thân thể khó nhọc quá để nguy đến tính mạng, kẻ bấy tôi chỉ lo giữ tròn chức vụ của mình mà thôi. ông đừng nói nữa, kéo khiến Tư mang tội(18).

Triệu Cao nói:

-Tôi nghe thánh nhân biến đổi luôn luôn chứ không cố chấp. Nắm lấy sự biến đổi, theo thời cơ, thấy ngọn mà biết được gốc, thấy sự vật phát triển mà biết kết cục nó sẽ ra sao. Tình hình sự vật nó biến đổi như thế đấy, sao có thể giữ một phép tắc nhất định được! Hiện nay uy quyền và vận mệnh của thiên hạ là treo ở trong tay Hồ Hối. Cao có thể nhờ đấy mà làm được điều mình muốn. Và chẳng từ ngoài mà khống chế trong thì gọi là làm loạn, ở dưới mà khống chế kẻ trên thì gọi là giặc(19). cho nên mùa thu sương xuống thì cỏ hoa rụng; mùa xuân nước dâng thì vạn vật sinh trưởng: đó là cái kết quả tất nhiên. Tại sao ngài thấy muộn thế (20)?

Lý Tư nói:

- Tôi nghe nói vua Tấn thay thái tử mà ba đời không yên; Tề Hoàn Công anh em tranh giành nhau, thân bị giết chết. Vua Trụ giết người thân thích, không nghe lời can ngăn nên nước thành gò đống, nguy đến quốc gia: ba người này trái với trời nên tôn miếu không còn ai tế tự(21). Tư vẫn còn là người, sao lại mưu việc như vậy?

Triệu Cao nói:

- Trên, dưới một lòng thì sự nghiệp mới có thể lâu dài. Trong ngoài nhất trí thì việc xong xuôi. Nếu ngài theo kế của tôi thì mãi mãi được phong hầu, đời đời xưng “cô”, sẽ sống lâu như Vương Tử Kiên, Xích Tùng Tử, có cái trí khôn của Khổng Khâu, Mễ Dịch. Nếu ngài bỏ điều ấy mà không theo, thì tai họa đến cả con cháu, đủ làm người ta lạnh gáy(22). Người khéo xử sự nhân lúc họa mà được phúc, ngài định xử thế nào?

Tư bèn ngửa đầu lên trời than, chảy nước mắt thở dài mà nói:

- Than ôi! Một mình gặp phải thời loạn, đã không thể chết, còn biết gửi tính mệnh vào ai?

Tư bèn nghe lời Triệu Cao.

Cao báo với Hồ Hối:

-Thần đem mệnh lệnh của thái tử báo cho thừa tướng, thừa tướng Tư đâu dám trái lệnh.

Bấy giờ mấy người bèn bàn mưu với nhau, giả làm thừa tướng đã nhận di chiếu của Thủy Hoàng, lập con là Hồ Hối làm thái tử. Lại lập một bức thư gửi cho con đầu Phù Tô nói:

- Trẫm đi tuần thiên hạ, tế lễ các thần ở các danh sơn để kéo dài tuổi thọ. Nay Phù Tô cùng tướng quân Mông Diêm cầm quân mấy mươi vạn đồn trú ở biên giới đã hơn mười năm. Không thể tiến quân về phía trước, quân sĩ tổn thất nhiều, không lập được chút công cán gì. Thế mà lại mấy lần dâng thư nói bướng, phỉ báng việc ta làm. Vì có không Nhị Thế cho là phải, bèn thay đổi pháp luật. Các quan và các công tử có tội, Nhị Thế liền giao cho Cao, bảo Cao tra tấn xét hỏi. Giết bọn đại thần Mông Nghị, mười hai công tử bị giết chết phơi thây ở chợ Hàm Dương; mười công chúa bị xé xác ở đất Đỗ; của cải của họ bị đưa vào kho vua, những người liên can bị tội không kể xiết. Công tử Cao muốn bỏ trốn, sợ cả họ bị tội, bèn dâng thư nói: “Khi tiên đế còn sống, thần vào thì được cho ăn, thần ra thì được đi xe, thần được cho áo quần trong kho của hoàng đế, được cho ngựa quý trong chuồng của hoàng đế. Thần đáng lý phải chết theo mà không làm được. Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung. Kẻ bất trung thì không còn danh tiếng, không đáng trên đời. Thần xin được chết theo và được chôn ở chân núi Ly Sơn. Chỉ xin bệ hạ đoái thương?”.

Thư dâng lên, Hồ Hối cả mừng cho gọi Triệu Cao và đưa thư cho Cao xem, nói:

- Làm bấy tôi lo giữ tính mạng còn chưa được quyết không dám nghĩ đến việc làm phản.

Hồ Hối chấp nhận lời thỉnh cầu trong thư. Cho tiền mười vạn để chôn cất. Pháp lệnh trừng phạt, giết thóc ngày càng thâm khắc, các quan ai cũng thấy mình nguy đến nơi, nhiều người muốn làm phản. Nhà vua lại sai làm cung A Phòng, đắp các đường lớn và đường nhỏ cho vua đi, thuế má đóng góp ngày càng nặng, việc đi đôn thú làm xấu không lúc nào ngớt. Do đó, bọn lính thú nước Sở là Trần Thắng, Ngô Quảng làm loạn nổi lên ở Sơn Đông, những người anh hùng hào kiệt nổi dậy, tự lập làm vương làm hầu để chống lại Tần đánh đến Hồng Môn rồi rút lui(2) ý Tư mấy lần muốn can ngăn nhưng Nhị Thế không nghe.

Nhị Thế trách Lý Tư, nói: Ta có cách nhìn riêng của ta. Ta lại nghe Hàn Phi nói:

- Vua Nghiêu có được thiên hạ, nhà cao ba thước, kèo nhà bằng gỗ thái, kèo mà không bào, tranh

lộp mái nhà không cất Tuy con người lữ khách ở tại quán trọ cũng không phải khó nhọc đến thế. Mùa đông mặc áo cầu, mùa hạ mặc áo cát, ăn cơm đồ, canh rau, để cơm trong cái liễn bằng sành, uống nước ở cái chum bằng đất, tuy người canh cửa cũng không đến nỗi ăn kém như vậy. Vua Hạ Vũ đục núi Long Môn để cho nước thông với Đại Hạ, khơi dòng cho chín con sông, đắp đê ở nơi chín khúc sông Hà bẻ quặt, tháo nước đọng ra đến biển, đến nỗi vé và đùi không có lông, tay chân đầy chai, mặt mày đen dũi, rốt cuộc chết ở ngoài, chôn ở Cối Kê. Nay đến bọn tôi mọi cũng không khó nhọc đến thế. Cái đáng quý của người làm chủ thiên hạ, đâu phải ở chỗ muốn làm cho thể xác và tinh thần đều cực khổ, nhọc nhằn sống trong cảnh của người lữ khách ở trọ, miệng ăn thức ăn của người canh cửa, tay làm công việc của bọn tôi mọi? Đó là việc những người hèn mọn phải gắng gượng làm, chứ không phải việc người hiền lo đến. Người hiền mà làm chủ thiên hạ thì chỉ dùng thiên hạ để làm cho sung sướng mình mà thôi, sở dĩ làm chủ thiên hạ đáng quý là ở đây. Phàm gọi là người hiền tức là người có thể làm cho thiên hạ yên ổn, cai trị được muôn dân. Nay chưa làm cho bản thân mình được sung sướng thì làm sao mà trị thiên hạ được? Cho nên ta muốn thích gì làm nấy, cho thỏa thích điều ham muốn của ta, hưởng thiên hạ mãi mãi mà không gặp tai họa gì. Muốn thế thì phải làm thế nào? Con của Lý Tư là Do làm thái thú Tam Xuyên, bọn giặc Ngô Quảng ở phía Tây cướp đất, đi lại, nhưng Do cứng không cầm được. Chương Hàm đánh đuổi quân của bọn Ngô Quảng, các sứ giả liên tiếp nhau đến Tam Xuyên tra xét, trách Tư ở địa vị tam công làm thế nào đến nỗi trộm cướp nhiều đến thế, Lý Tư lo sợ nhưng lại luyến tiếc tước lộc, không biết làm thế nào(29).

5. Tư bèn a dua theo ý của Nhị Thế, muốn được lòng nhà vua, viết thư dâng lên nói:

“Vị vua hiền là người biết giữ đạo trọn vẹn và thực hành thuật “độc trách”(30). Nếu độc trách thì bầy tôi không thể không đem hết năng lực để phục dịch nhà vua. Nhờ thế địa vị giữa vua và tôi được quy định rõ rệt, cái nghĩa giữa người trên kẻ dưới sáng rõ. Do đó, tất cả những người hay kẻ dở trong thiên hạ không ai không hết lòng làm trọn nhiệm vụ để phục dịch nhà vua. Kết quả nhà vua một mình chế ngự cả thiên hạ mà không bị

Cho nên Thương Quân làm pháp luật khắc vào mặt người bỏ gio ngoài đường(32). Bỏ gio là tội nhỏ mà bị hình phạt nặng. Chỉ có vị vua sáng mới có thể phạt nặng những tội nhẹ. Tội nhẹ còn phạt nặng huống nữa kẻ bị tội nặng thì phạt đến thế nào? Vì thế dân không dám phạm tội.

Hàn Phi nói: “Lụa, vải một thước, người thường không bỏ; vàng ròng trăm cân, Đạo Chích(33) không lấy”. Đó không phải vì lòng người thường xem trọng cái lợi một thước một tấc còn Đạo Chích thì ít tham muốn đâu. Đó cũng không phải vì Đạo Chích coi thường một trăm cân vàng, nhưng vì nếu lấy thì bị trị tội ngay cho nên Đạo Chích không dám. Trái lại lấy một thước vải chưa chắc đã bị phạt, cho nên người thường không buông tha. Vì thế thành cao năm trượng mà Lâu Tử không dám phạm một cách khinh suất, trái lại núi Thái Sơn cao một trăm nhận mà con dê cái què ăn ở trên. Lâu Tử còn cho năm trượng cao cản trở là khó vượt, con dê cái què đâu dám cho trăm nhận cao là dễ trèo. Chỉ vì cái thế dốc thẳng khó lên, bằng phẳng dễ đi khác nhau đó thôi.

Vị chúa sáng, vị vua thánh sở dĩ có thể ở lâu ở địa vị tôn quý, mãi mãi giữ uy quyền to lớn, một mình nắm lấy tất cả cái lợi của thiên hạ cũng chẳng vì có con đường nào khác, ngoài con đường biết một mình quyết định và xét đoán, khi độc trách thì phạt nặng, cho nên thiên hạ không ai dám phạm. Nay nếu không chú ý đến cái người ta không phạm mà lại theo cái cách người mẹ hiền để làm hư con thì tức là không xét đến lời bàn của thánh nhân vậy. Không thi hành được cái thuật của thánh nhân làm tôi tớ thiên hạ để làm gì? Chẳng phải tội nghiệp lắm sao? Và lại, người kiếm ước, nhân nghĩa đứng ở triều đình, thì việc vui chơi bữa bãi phóng túng chấm dứt. Bầy tôi biết can ngăn, bàn bạc được nói ở bên cạnh, thì cái chí buông thả hết. Hành động kẻ liệt sĩ chịu chết để giữ khí tiết được đề cao ở trên đời thì cái vui dâm dật bị bỏ. Cho nên vị vua sáng có thể không dùng ba cái đó mà chỉ dùng cái thuật của người chủ để bắt bầy tôi phải nghe theo và trau dồi cái pháp luật sáng rõ của mình. Cho nên thân mình được tôn quý và cái thế của mình được trọng. Phàm vị vua hiền thì thế nào cũng có thể làm trái thế tình, sửa đổi phong tục bắt phải theo mình, bỏ những cái mình ghét và lập những cái mình muốn.

Cho nên khi sống thì được tôn trọng, khi chết thì được tên thụy là tài giỏi sáng suốt. Vị vua sáng một mình định đoạt cho nên uy quyền không ở bầy tôi. Sau đó, mới có thể tiêu diệt con đường nhân nghĩa, bịt cái miệng du thuyết, làm khốn hành vi kẻ liệt sĩ, chặn sự khôn ngoan che sự sáng suốt chỉ một mình ở trong nhìn và nghe. Cho nên ở ngoài không thể lấy hành vi nhân, nghĩa, liệt sĩ để lẫn át;

ở trong không thể lấy lời can gián, du thuyết, tranh cãi để thắng. Nhờ vậy nhà vua có thể một mình tha hồ làm theo sở thích của mình chẳng ai dám trái. Có như thế mới có thể làm sáng rõ được cái thuật của Thân Bất Hại, Hàn Phi(34) và sửa sang cái phép tắc của Thương Quân. Chưa bao giờ pháp luật được trau dồi, thuật đốc trách được sáng rõ mà thiên hạ loạn. Cho nên nói “Vương đạo gọn và dễ làm, nhưng chỉ có vị vua sáng mới làm được.

Như vậy đủ biết nếu thành tâm lo việc đốc trách thì bầy tôi không thể gian tà; bầy tôi không thể gian tà thì thiên hạ được yên; thiên hạ yên thì nhà vua uy nghiêm và được tôn quý; nhà vua uy nghiêm và được tôn quý thì đốc trách kiên quyết; đốc trách kiên quyết thì cầu gì được nấy; cầu gì được nấy thì nước nhà giàu; nước nhà giàu thì sung sướng phồn thịnh(35). Cho nên nếu đặt ra thuật đốc trách thì muốn gì cũng được. Quần thần trăm họ lo bỏ cứu những sai lầm của mình còn chưa kịp dám đâu nghĩ đến việc làm loạn. Như vậy là làm trọn đạo đế vương. Có thể nói là cái thuật làm sáng rõ địa vị vua tôi vậy. Tuy nhiên Thân Bất Hại, Hàn Phi sống lại cũng không thể làm hơn được”. Thư tâu lên, Nhị Thế vui lòng. Từ đó càng thi hành việc “dốc trách” nghiêm hơn trước. Ai đánh thuế dân nặng thì được xem là quan lại sáng suốt. Nhị thế nói:

- Như thế có thể gọi là biết “dốc trách” vậy? Ở ngoài đường số người bị hình phạt chiếm một nửa, ở ngoài chợ người chết ngày càng chồng chất. Ai giết nhiều người là tôi trung.

Nhị Thế nói:

- Như thế có thể gọi là biết “dốc trách” vậy(36).

6. Lúc đầu Triệu Cao làm lang trung lệnh, giết và báo oán riêng rất nhiều, sợ cáo quan đại thần vào châu, tâu, gièm pha, chê bai mình, bèn nói với Nhị Thế.

- Người ta quý thiên tử vì chỉ được nghe tiếng thôi, chứ bầy tôi không ai được thấy mặt. Cho nên nhà vua mới gọi là “trẫm”. Vả lại, bệ hạ tuổi còn trẻ, chưa chắc đã thông thạo các việc. Nay nếu bệ hạ ngồi ở triều đình, thưởng phạt có điều gì không đúng thì sẽ bị cáo quan đại thần coi thường. Đó không phải là cách biểu thị sự thần minh với thiên hạ. Nếu bệ hạ chấp tay ngồi trong cung cấm, cùng thần và những người châu chực thào pháp lệnh, chờ có việc gì đưa đến sẽ cân nhắc xét đi xét lại, như vậy thì các quan đại thần không dám tâu việc nghi ngờ, thiên hạ sẽ ca ngợi là vị vua thánh.

Nhị Thế dùng kế của Cao, không ngồi ở triều đình tiếp kiến đại thần mà ở trong cung cấm. Triệu Cao thường châu chực, được tin dùng, việc gì cũng do Triệu Cao quyết định(37).

Triệu Cao nghe nói thừa tướng muốn can điều đó bèn đến gặp thừa tướng nói:

- Ở Quan Đông bọn trộm cướp nhiều, nay nhà vua càng xúc tiến việc sai người lao dịch làm cung A Phòng, tụ tập chó, ngựa, những vật vô dụng, tôi muốn can nhưng ở địa vị hèn. Đó chính là việc của ngài, sao ngài không can?

Lý Tư nói:

- Phải đấy, tôi cũng muốn nói điều đó đã lâu. Nhưng hiện nay nhà vua không ngồi ở triều đình mà ở trong cung cấm. Tôi có điều muốn nói cũng không thể nói đến tai nhà vua, muốn yết kiến cũng không có cơ hội nào.

Triệu Cao bảo:

- Nếu ngài quả thực muốn can ngăn, tôi xin rình xem có lúc nào nhà vua rảnh để báo cho ngài biết. Triệu Cao bèn đợi khi Nhị Thế đang an nhàn vui chơi ở trước mặt là con gái, mới sai người nói với thừa tướng:

- Nhà vua hiện nay đang rảnh, ngài có thể tâu việc.

Thừa tướng đến cửa cung xin yết kiến. Như thế ba lần.

Nhị Thế giận, nói:

- Ta thường có nhiều ngày rảnh, thừa tướng lại không đến. Nay ta đã an nhàn vui chơi một mình ở đây thì thừa tướng đến ngay xin yết kiến, có phải thừa tướng chê và khinh ta không?

Triệu Cao nhân cơ hội này nói:

- Như thế thì nguy? Thừa tướng có dự vào vụ âm mưu ở Sa Khâu. Nay bệ hạ đã được lập làm đế còn thừa tướng vẫn không được quý hơn, ý ông ta cũng muốn cất đất làm vương. Vả lại bệ hạ không hỏi nên thần không dám nói đấy thôi. Chứ con trai đầu của thừa tướng là Lý Do làm thái thú Tam Xuyên, bọn trộm cướp Trần Thắng đều là những dân ở huyện bên cạnh của thừa tướng. Vì vậy cho nên bọn trộm cướp đất Sở hoành hành công khai. Chúng đi qua Tam Xuyên, quan thú Tam Xuyên không chịu đánh. Thần nghe họ thư từ qua lại nhưng không biết rõ ràng nên thưa dám tâu. Không

những thế, thừa tướng ở ngoài, uy quyền lớn hơn bệ hạ. Nhị Thế cho là phải, muốn trị tội thừa tướng nhưng sợ không xác thực. Bèn sai người xét tình hình thái thú Tam Xuyên tư thông với bọn trộm cướp. Lý Tư nghe tin ấy. Bấy giờ Nhị Thế đang ở Cam Tuyền xem hát xướng, xem trò đấu sừng(38). Lý Tư không còn ý kiến được, bèn dâng thư nói về những khuyết điểm của Triệu Cao. Thư như sau:

“Thần nghe: Tôi mà sánh ngang vua thì không thể nào không làm cho nước nguy; thiếp mà sánh ngang chồng không thể nào không làm cho nhà nguy. Nay có vị đại thần ở cạnh bệ hạ nắm tất cả việc lợi và việc hại, chẳng khác gì bệ hạ.

Điều đó thực là bất tiện! Ngày xưa, Tư Thành Tử Hân làm tướng quốc nước Tống, chuyên quyền hình phạt lấy uy lực của mình mà thi hành, được một năm thì cướp ngôi vua.

Điền Thường làm tể tướng, tước vị cao nhất trong nước, nhà riêng giàu ngang nhà vua, làm điều ân đức riêng, ở dưới được lòng trăm họ, ở trên được lòng các quan lấy nước Tề một cánh kín đáo(39), giết Tề Dư ở Sân giết Giản Công ở Triều, kết quả lấy nước Tề điều đó thiên hạ đều rõ hết. Nay Cao có chí gian tà, có cái hành động phản nghịch như Tử Hân làm tướng quốc ở Tống. Nhà riêng của y giàu có như họ Điền ở nước Tề. Y kiêm cả cái lỗi phản nghịch của Điền Thường, Tử Hân mà cướp lấy uy tín của bệ hạ. Chí của y như Hàn Khởi làm tướng quốc của vua Hàn là An vậy. Nếu bệ hạ không lo đến thì sợ y sẽ sinh biến”.

Nhị Thế nói:

- Sao thế Cao vốn là hoạn quan, không vì cơ mình được ở nơi yên ổn mà ngông nghênh, không vì cơ mình ở nơi nguy hiểm mà thay đổi lòng trung. Ông ta phẩm hạnh liêm khiết, khéo trau dồi cái hay nên mới lên đến địa vị ấy. Ông ta nhờ trung mà được cất nhắc, nhờ tin mà được giữ địa vị, trăm thực cho ông ta là người hiền, sao ông lại nghi? Vả chăng, khi tiên đế mất, trăm còn ít tuổi, không biết gì, không quen cách trị dân, ông lại già, nếu không có ông ta sợ sẽ cùng thiên hạ tiêu diệt. Trăm nếu không nhờ cậy Triệu Cao thì biết dùng ai? Triệu Cao là người sáng suốt, liêm khiết, có sức làm việc, ở dưới biết dân tình, ở trên biết làm vừa ý trăm. Ông đừng có nghi.

Lý Tư nói:

- Không phải thế Cao vốn là người hèn, không hiểu đạo lý, tham lam, đòi hỏi không biết chán, cầu lợi không thôi. Địa vị và quyền thế gần ngang với nhà vua; đòi hỏi, tham muốn không cùng. Cho nên thần mới nói là “nguy”. Nhị Thế trước đây vốn đã tin Triệu Cao, sợ Lý Tư giết y bèn nói riêng với Triệu Cao. Triệu Cao nói:

- Thừa tướng chỉ lo ngại một mình Cao mà thôi. Sau khi Cao đã chết, thừa tướng sẽ làm ngay việc Điền Thường đã làm đấy.

Nhị Thế bèn nói:

- Giao Lý Tư cho lang trung lệnh(40).

Triệu Cao tra xét Lý Tư. Lý Tư bị giam, bị trói ở trong nhà tù, ngẩng đầu lên trời nói:

- Than ôi! Thương thay? Làm sao có thể bàn mưu với ông vua vô đạo. Ngày xưa Kiệt giết quan Long Bàng, Trụ giết Tử Can, vua Ngô là Phù Sai giết Ngũ Tử Tư, ba người kia đâu phải không trung? Nhưng họ đều không khỏi chết. Thân chết, nhưng kẻ mà mình trung với họ lại vô đạo. Nay trí khôn của ta không bằng ba người kia mà Nhị Thế còn vô đạo hơn cả Kiệt, Trụ, Phù Sai. Ta vì trung mà chết là đáng lắm. Vả chăng cách cai trị của Nhị Thế há chẳng gây loạn lạc sao? Gần đây ông ta giết sạch các anh em mà tự lập, giết tôi trung mà tôn quý bọn hèn hạ, làm cung A Phòng bắt thiên hạ phải nộp thuế nặng. Ta không phải không can ngăn, nhưng ông ta không nghe. Phàm các vua thánh ngày xưa ăn uống có chừng mực, xe cộ, đồ dùng có số nhất định, cung thất có hạn độ, ra mệnh lệnh làm việc gì không ích lợi cho dân lại tổn kém nhiều thì đều cấm. Cho nên có thể trị an lâu dài(41). Nay Nhị Thế làm việc trái đạo lý với anh em, không đoái nghĩ gì đến mối lo về sau, giết oan trung thần, không nghĩ đến tai họa, ra sức làm cung thất cho lớn, vơ vét thiên hạ, không tiếc tổn phí. Một khi đã làm ba điều ấy(42) thì thiên hạ không nghe theo. Nay những người làm phản đã lấy được một nửa thiên hạ rồi. Thế mà vẫn còn chưa tỉnh ngộ, vẫn lấy Triệu Cao làm người giúp việc. Nhất định ta sẽ thấy giặc đến Hàm Dương, hươu nai chơi ở triều!

Nhị Thế bèn sai Cao xét án thừa tướng, trị tội, kết tội Tư và con là Do làm phản. Bắt tất cả họ hàng tân khách.

Triệu Cao trị tội Tư, dùng roi đánh hơn một nghìn cái, Tư đau đớn vô cùng nghĩ mình chịu tội oan

ức. Tư không tự vẫn vì tự phụ mình có tài biện luận, có công lao, thực tình không có lòng làm phản, nên hy vọng có dịp dâng thư để bày tỏ, mong Nhị Thế sẽ tỉnh ngộ mà tha cho. Lý Tư bèn ở trong ngục dâng thư lên. Thư như sau:

“Thần làm thừa tướng trị dân đã ba mươi năm. Lúc thần đến, đất Tần chật hẹp. Trong thời tiên vương, đất Tần chẳng quá nghìn dặm, quân vài mươi vạn. Thần đem hết tài mọn, cẩn thận chấp hành pháp luật, mệnh lệnh. Ngầm sai các mưu thần đưa cho vàng bạc, châu báu, để họ đi du thuyết chư hầu. Ngầm chuẩn bị vũ lực, quân đội, trau dồi chính giáo, cho những người chiến đấu dũng cảm làm quan, tôn trọng những bầy tôi có công, cho họ tước lộc dồi dào. Cho nên rốt cục uy hiếp nước Hàn, làm yên nước Ngụy, phá tan các nước Yên, Triệu, san phẳng các nước Tề, Sở, cuối cùng lấy tất cả sáu nước, cầm tù vua họ, lập Tần làm thiên tử, đó là một tội? Đất không phải rộng thế mà phía Bắc lại đuổi các rợ Hồ, Mịch, phía Nam bình định Bách Việt(43) để nêu rõ cái mạnh của Tần, đó là hai tội! Tôn trọng các quan đại thần cho họ tước vị cao làm cho sự thân thiết với nhà vua càng thêm bền vững; đó là ba tội! Lập xã tắc, sửa sang tôn miếu, để làm sáng tỏ cái hiền của nhà vua, đó là bốn tội? Thay đổi các hoa văn khắc vẽ trên các đồ vật, thống nhất các đấu, các học, đo lường, quy định các văn chương, ban bố với thiên hạ, để lập nên danh tiếng của nhà Tần, đó là năm tội? Làm đường vua đi, xây dựng ở những nơi danh thắng để nhà vua đi xem chơi, để nêu rõ điều đặc ý của nhà vua, đó là sáu tội: Nối hình phạt, giảm nhẹ đóng góp để làm thỏa mãn mong muốn của nhà vua đã thu được lòng dân chúng, vạn dân tôn quý nhà vua, đến chết cũng không quên, đó là bảy tội? Tư này làm tôi, tội đáng chết đã từ lâu. May được trên cho thần đem hết tài hết sức ra làm nên mới được sống đến nay. Xin bệ hạ xét cho”(44).

Thư dâng lên, Triệu Cao sai viên lại vút đi, không tâu lên, nói:

- Đã bị tù còn dâng thư sao được?

Triệu Cao sai hơn mười người khách của mình giả làm ngự sử, yết giả, thị trung(45) thay nhau đến xét hỏi Tư, Tư lại đem thực tình ra nói với họ, Cao lại sai người đánh Tư. Về sau Nhị Thế sai người đến hỏi Lý Tư, Tư cho rằng lần xét hỏi này cũng như mấy lần xét hỏi trước, rốt cục không dám thay đổi lời khai, nhận là mình đã phạm tội. Triệu Cao tâu lên rằng Tư đã nhận tội.

Nhị Thế mừng nói:

- Nếu không có Triệu Cao thì suýt nữa ta bị thừa tướng làm hại rồi!

Khi Nhị Thế phái người đến xét tội trạng của thái thú Tam Xuyên thì Hạng Lương đã giết chết Lý Do. Sứ giả về thì Lý Tư đã bị bắt giao quan coi ngục, Triệu Cao đòi tất cả những lời của sứ giả, nói rằng Lý Do làm phản. Tháng 7 năm thứ hai đời Nhị Thế. Tư bị đủ ngũ hình, bị xử chém ngang lưng ở chợ Hàm Dương. Tư ở trong ngục đưa cũng bị áp giải với đứa con giữa. Tư quay lại bảo con:

- Ta muốn cùng người lại đất con chôn vàng, ra khỏi cửa Đông ở ấp Thượng Sái đuổi con thỏ khôn, nhưng làm sao được nữa?

Cha con khóc với nhau. Tư bị giết cả ba họ(46).

7. Sau khi Lý Tư chết, Nhị Thế cho Triệu Cao làm trung thừa tướng(47), mọi việc bất kỳ lớn nhỏ đều do Cao quyết định.

Cao tự biết quyền mình to lớn, bèn dâng vua con nai lại nói là con ngựa. Nhị Thế hỏi những người chung quanh:

- Đó là con nai chứ?

Những người chung quanh nói:

- Con ngựa đấy ạ.

Nhị Thế cả kinh, tự cho mình loạn óc, bèn gọi quan thái bộc sai bói xem(48). Quan thái bộc nói:

- Bệ hạ mùa xuân mùa thu làm lễ tế giao, thờ phụng tôn miếu, quỷ thần, trai giới không nghiêm, cho nên đến thế. Nên theo đức lớn của các vị vua hiền ngày xưa và cẩn thận trong việc trai giới.

Nhị Thế bèn vào vườn Thượng Lâm trai giới, ban ngày đi chơi, săn bắn. Có người vào vườn Thượng Lâm, Nhị Thế tự tay bắn chết. Triệu Cao bày cho con rết là Diêm Nhạc không biết có người nào giết người, đem xác đến vớt ở Thượng Lâm. Triệu Cao bèn nói với Nhị Thế.

- Nhà vua vô cớ giết người vô tội, đó là điều trời cấm, quỷ thần không nhận đồ tế lễ, trời sinh tai họa. Nên đi xa cung nhà vua để giải trừ tai họa.

Nhị Thế bèn dời đến Vọng di cung.

Nhị Thế ở đấy ba ngày, Triệu Cao làm chiếu nhà vua gọi vệ binh đến, sai họ đều mặc đồ trắng cầm

binh khí quay mặt vào trong. Triệu Cao vào cung nói với Nhị Thế:

- Quân trộm cắp ở Sơn Đông đến rất đông.

Nhị Thế lên lầu xem thấy thế hoảng sợ: Cao bèn nhân đây bắt ép Nhị Thế phải tự sát(49). Triệu Cao mang ấn nhà vua, tả hữu, trăm quan không ai theo Cao. Cao lên điện, điện ba lần muốn sụp. Cao tự biết trời không cho mình làm vua, quần thần không chịu, bèn cho mời người em của Thủy Hoàng trao ấn cho ông ta.

Tử Anh lên ngôi, lo sợ bèn cáo ốm không ra triều nghe quần thần tâu bày các công việc. Tử Anh cùng viên hoạn quan Hàn Đàm và con mưu giết Cao. Cao đến yết kiến Tử Anh để hỏi thăm bệnh. Tử Anh nhân đây gọi vào, Hàn Đàm đâm chết rồi giết cả ba họ của Cao. Tử Anh làm vua được ba tháng, Bái Công đem quân từ Vũ Quan vào, đến Hàm Dương, các quan đều làm phản không đến. Tử Anh tự buộc dây ấn ở cổ cùng vợ con đầu hàng ở Chi Đạo. Bái Công nhân đây giao Tử Anh cho quan đương sự Hạng Vương đến và chém Tử Anh. Nhà Tần rốt cuộc mất thiên hạ(50).

8. Thái sử công nói: Lý Tư xuất thân là kẻ áo vải nơi làng xóm, đi khắp các nước chư hầu, vào thờ Tần, nhân cơ hội các nước có chỗ hở có thể lợi dụng, nên giúp Thủy Hoàng làm nên nghiệp đế. Tư làm tam công, có thể gọi là địa vị cao và được trọng dụng. Tư biết đạo của lục kinh nhưng không lo làm cho chính sự được sáng suốt để bổ cứu những thiếu sót của nhà vua; trái lại lo giữ tước cao, lộc hậu, a dua cầu hợp, làm cho uy thêm nghiêm, hình phạt thêm tàn khốc, nghe theo lời tà thuyết của Cao, bỏ con trưởng lập con thứ. Đến khi chư hầu đã làm phản rồi Tư mới muốn ngăn cản thì chẳng phải muộn rồi sao? Người ta đều cho Tư tận trung mà bị ngũ hình chết, nhưng xét cho cùng thì không phải như lời thế tục thường bàn. Nếu không thế hoá ra công của Tư có thể sánh ngang với Chu Công, Thiệu Công vậy(51).

Chú thích:

(1). Thuật làm đế vương tức là chủ trương chính trị của Nho giáo.

(2). Tâm lý trắng trợn của một kẻ muốn thành đạt bất kể thủ đoạn, ý nói con người ta bỏ lỡ cơ hội thì cũng như con vật mang cái mặt người mà thôi.

(3). Đoạn 1: Lý Tư sang Tần bắt đầu được tin dùng.

(4). Nói rằng việc làm tốn kém. Kỳ thực việc đó rất có lợi cho Tần.

(5). Tùy hầu đi gặp con rắn bị chém gần đứt. Tùy hầu cứu nó sống, nó cho hòn ngọc gọi là Tùy châu. Biện Hoà xem chú thích ở Liêm Pha, Lạn Tương Như liệt truyện.

(6). Ý nói: đất nào cũng là đất của vua, người nào cũng là tôi của vua.

(7). Xem chú thích ở Tần Thủy Hoàng bản kỷ.

(8). Đoạn 3: Những việc của Tư khi làm thừa tướng của Tần Thủy Hoàng. Câu cuối chuẩn bị cho độc giả đón trước những điều bất hạnh mà Lý Tư sẽ gặp.

(9). Nhân vật Triệu Cao được miêu tả thành một hạng người tàn nhẫn nhưng quý quyết, khôn ngoan.

(10). Ý nói phải làm ngay.

(11). Đoạn đối thoại giữa Triệu Cao và Lý Tư sinh động như một vở bi kịch.

(12). Dò la ý của Tư.

(13). Tư biết ý Cao nên chẹn ngay. Việc quyết định ai làm vua là ở vua, bọn bầy tôi nói thế là bậy, việc này xảy ra khi nước sắp mất ý muốn dọa Cao.

(14). Biết không thể đem chuyện đạo lý ra mà thuyết Lý Tư như là thuyết Hồ Hợi. Cao bắt Lý Tư phải nghe theo mình vì lợi của bản thân Lý Tư.

(15). Dọa Lý Tư, muốn nói thế nào Lý Tư cũng chết.

(16). Lý Tư dọa lại. ý nói anh đừng có lo việc lập vua này bỏ vua kia. Ta nhất định không theo.

(17). Cao đe dọa: hiện nay còn an đấy nhưng tôi có thể làm cho an nguy, vận mệnh của anh là nằm trong tay tôi. Việc tôi làm tuy nguy hiểm, nhưng rồi sẽ an.

(18). Cao dọa giết Tư. Tư nói mình sẵn sàng chết để báo lại.

(19). Ý nói Hồ Hợi ở trong, Phù Tô ở ngoài, Thủy Hoàng ở trên, Phù Tô ở dưới, cho nên bây giờ tôn Hồ Hợi lên ngôi mà giết Phù Tô là việc hợp đạo.

(20). Ý nói Tư phải biết theo thời mà làm.

(21). Tư muốn đưa những việc xưa để chống lại: Tần Hiến Công bỏ thái tử Thân Sinh, lập Hề Tề

làm thái tử. Khi Hề Tề lên ngôi bị Lý Khắc giết Tuân Tức lập em Hề Tề là công tử Trác lên ngôi, Trác cũng bị Lý Khắc giết. Di Ngô từ nước Tần về giết Lý Khắc, lên ngôi vua. Loạn như vậy kéo dài ba đời.

(22). Đề doạ.

(23). Câu này nhằm chỉ trích Lý Tư.

(24). Đoạn 3: Triệu Cao, Lý Tư mưu lập Hồ Hợi làm vua.

(25). Hồ Hợi biết muốn hưởng lạc lại muốn nước yên, dân sướng là hai điều mâu thuẫn nhau. Vậy có cách nào làm được cả hai điều ấy không?

(26). Hồ Hợi là con thứ mười tám của Thủy Hoàng.

(27). ý nói công tử Cao muốn làm phản nhưng gặp tình cảnh nguy cấp quá đành phải làm thế.

(28). Quân khởi nghĩa của Trần Thắng đến gần Hồng Môn bị quân của Tần do Chương Hàm cầm đầu đánh thua to.

(29). Đoạn 4: Triệu Cao xúi giục Nhị Thế thi hành chính sách bạo ngược độc tài.

(30). Đốc là tra xét tội, trách là dùng hình phạt. Thuật đốc trách là cách dùng hình phạt nghiêm bắt người ta sợ pháp luật.

(31). Tức Thân Bất Hại.

(32). Xem Thương Quân liệt truyện.

(33). Chích là tên người ăn trộm thời cổ.

(34). Lý Tư là bạn đọc của Hàn Phi, biết Hàn Phi giỏi hơn mình, nên gièm với vua Tần giết chết Hàn Phi. Nhưng ở đây lại cực lực tán dương Hàn Phi một cách trơ trẽn quả thực không biết thẹn.

(35). Hình thức lý luận gần giống như hình thức lý luận trong đại học.

(36). Đoạn 5: Luận đốc trách” của Lý Tư. Thực ra Tư chẳng nói gì mới. Nhà Tần từ thời Thương Ương đã theo thuyết pháp gia, đến đời Thủy Hoàng, Nhị Thế pháp luật lại càng nghiêm khắc. Đây chỉ là một cách Ngụy biện để làm vừa lòng nhà vua.

(37). Kết quả uy quyền của Nhị Thế chuyển sang (triệu cao).

(38). Giác lực: trò chơi thời cổ, từng cặp hai ba người, đầu mang sừng húc nhau.

(39). Vì được lòng mọi người nên trong thực tế đã trộm được nước.

(40). Tức giao cho Triệu Cao.

(41). Lúc này Tư đã bỏ hẳn cái thuyết “dốc trách”.

(42). Làm trái đạo anh em, giết tôi trung, xây cung thất.

(43). Hồ và Mạch chỉ Hung Nô ở phương Bắc Trung Quốc. Bách Việt là tên chung chỉ các dân tộc miền Lưỡng Quảng phía Nam đến Giao Chỉ (Việt Nam) phía Bắc đến bờ biển Chiết Giang, phía Đông đến bờ biển Phúc Kiến, phía Tây đến Quảng Tây. Những bộ lạc nổi tiếng là: Đông Việt, âu Việt, Tây Việt, Tường Kha, Lạc Việt.

(44). Tất cả đoạn này đều dùng hình thức phản ngữ nên có sức thuyết phục mạnh.

(45). Ngự sử coi giấy tờ trong cung, kiêm việc can ngăn nhà vua. Yết giả làm chức tiếp khách khứa. Thị trung coi việc giấy tờ tâu lên nhà vua.

(46). Đoạn 7: Mâu thuẫn gay gắt trong tập đoàn thống trị Triệu Cao giết Lý Tư.

(47). Thừa tướng ở trong cung cấm.

(48). Xem Tần Thủy Hoàng bản kỷ đoạn 7. ở hai nơi có những chi tiết không giống nhau.

(49). Việc chép ở đây và ở đoạn 7 của Tần Thủy Hoàng bản kỷ có chỗ không giống nhau.

(50). Đoạn 8: Triệu Cao giết Nhị Thế, nhà Tần bị diệt vong.

(51). Đoạn 9: Lời bàn của Tư Mã Thiên. ý tác giả nói Tư không phải là người trung mà là người có tội. Nếu như lời nói của người thường mà đúng chẳng hoá ra công của Tư sánh ngang với Chu Công, Thiệu Công sao? Câu này nhiều người giải thích sai cho là Tư Mã Thiên ca ngợi Lý Tư quá đáng, nhưng thực ra thì tác giả trách Lý Tư chứ không khen.

Phần 33

Trương Nhĩ, Trần Dư liệt truyện

Trương Nhĩ, người thành Đại Lương, lúc nhỏ làm tân khách ở nhà công tử nước Ngụy là Vô Kỵ. Trương Nhĩ có lần trốn đi chơi Ngoại Hoàng. Ở Ngoại Hoàng có người con gái nhà giàu rất đẹp, lấy một người chồng đầy tớ tầm thường. Liền trốn chồng về nhà người khách của cha. Người khách của cha cô vốn biết Trương Nhĩ, bèn nói với người con gái:

- Nếu cô muốn tìm người chồng tài giỏi thì hãy theo Trương Nhĩ!

Người con gái nghe theo. Sau đó người khách của chácô ta bèn giúp cô ta bỏ đứt chồng và lấy Trương Nhĩ. Trương Nhĩ bây giờ thoát khỏi cảnh nghèo, đi chơi. Nhà người con gái đổi đãi chu cấp cho Trương Nhĩ rất hậu. Trương Nhĩ nhờ thế có thể làm cho khách ở xa ngàn dặm đến nhà. Ông bèn làm quan lệnh ở Ngoại Hoàng danh tiếng từ đó càng nổi.

Trần Dư cũng là người Đại Lương, thích Nho thuật, hay đi chơi đất Khổ Hình ở Triệu. Có người giàu là họ Công Thừa gả con gái cho. ông ta cũng biết Trần Dư không phải là con người tầm thường. Dư ít tuổi, xem Trương Nhĩ như cha, hai người làm bạn sống chết có nhau.

Khi nhà Tần diệt Đại Lương thì nhà Trương Nhĩ ở Ngoại Hoàng. Cao Tổ lúc còn là kẻ áo vải thường hay đến làm du khách ở nhà Trương Nhĩ, ở đây mấy tháng. Khi nhà Tần đã diệt được nước Ngụy mấy năm, nghe tin hai người này là hai danh sĩ ở Ngụy, bèn trao giải thưởng người nào bắt được Trương Nhĩ thì thưởng ngàn lạng vàng, bắt được Trần Dư thì thưởng năm trăm lạng. Trương Nhĩ, Trần Dư đổi tên họ cùng đến Trần làm người giữ cổng làng để kiếm ăn. Hai người cãi nhau, viên lại trong làng đi qua, liền lấy roi đánh Trần Dư. Trần Dư muốn đứng dậy. Trương Nhĩ dầm vào gót chân bảo Dư cứ chịu đòn đi. Viên lại ra đi, Trương Nhĩ bèn kéo Trần Dư xuống gốc cây dâu mà trách, nói:

- Lúc đầu tôi nói với anh như thế nào? Nay mới bị một cái nhục mà muốn giết viên lại sao?

Trần Dư cho là phải.

Tần ban chiếu tìm hai người. Hai người trái lại dùng chức giữ cổng để ra lệnh trong làng.

Trần Thiệp nổi lên ở đất Kỳ, khi vào đất Tần thì số quân đã vài vạn. Trương Nhĩ, Trần Dư đến yết kiến Trần Thiệp. Trần Thiệp và các quan hầu ngày thường đã nhiều lần nghe nói Trương Nhĩ, Trần Dư là người hiền nhưng chưa gặp mặt. Nay được gặp, họ rất mừng. Các bậc hào kiệt và những người già cả ở đất Trần bảo với Trần Thiệp:

- Tướng quân thân hành mang áo giáp, cầm binh khí, dẫn đầu binh sĩ để đánh nhà Tần bạo ngược, dựng lại xã tắc nước Sở, dựng lại cái nước đã mất, nối lại dòng dõi đã bị đứt, công đức đáng làm vua. Vả chăng, cai quản các tướng trong thiên hạ, nếu không làm vua thì không được. Xin tướng quân tự lập làm vua nước Sở.

Trần Thiệp hỏi hai người. Hai người đáp:

- Nhà Tần làm việc vô đạo, phá nước nhà người ta, diệt xã tắc của người ta, cắt đứt dòng dõi người ta, làm cho trăm họ mệt sức hết của. Tướng quân trọn mắt, cả gan xông vào nơi muôn chết không để ý đến một sống, vì thiên hạ trừ bọn tàn bạo. Nay tướng quân mới đến đất Trần mà đã tự xưng làm vua, tức là nêu rõ với thiên hạ rằng mình nghĩ đến điều riêng. Xin tướng quân chớ có làm vua, mau mau đem binh đi về hướng Tây sai người lập con cháu sáu nước để dựng bè đảng cho mình. Như thế nhà Tần càng thêm nhiều kẻ địch. Quân địch của Tần đông thì sức của nó bị chia. Cùng mưu với nhiều người thì binh lực mạnh. Như vậy ở ngoài đồng không gặp cảnh binh sĩ đánh nhau, trong các huyện thì không ai giữ thành, tướng quân diệt nhà Tần bạo ngược, chiếm lấy Hàm Dương và ra lệnh cho chư hầu. Chư hầu trước đây đã mất nay lại được lập lên. Tướng quân dùng đức để làm cho họ phục, như thế có thể làm nên cơ nghiệp đế vương. Nay tướng quân một mình xưng vương ở Trần, tôi sợ thiên hạ tan rã mất.

Trần Thiệp không nghe theo bèn tự lập làm vua. Trần Dư lại thuyết phục Trần Vương nói:

- Đại vương đem binh của Lương Sở đi về hướng Tây, cốt vào Quan Trung nhưng chưa kịp lấy Hà Bắc. Tôi thường đi chơi ở đất Triệu, biết những người hào kiệt và địa thế ở đây Xin nhà vua cho tôi một đạo kỳ binh(1), đi về phía Bắc lấy đất Triệu.

Trần Vương bèn cho người bạn thân của mình là Vũ Thần, người đất Trần, làm tướng quân, Thiệu Tao làm hộ quân, Trương Nhĩ và Trần Dư là tả hiệu úy và hữu hiệu úy cùng ba nghìn quân để đi về

phía Bắc lấy đất Triệu. Bọn Vũ thần đi từ bến Bạch Mã, vượt qua sông Hà, đến các huyện thuyết phục những người hào kiệt ở đây, nói:

- Nhà Tần theo lối chính sự bạo ngược, hình phạt tàn khốc để giết hại thiên hạ đã mấy mươi năm nay; phía Bắc phải đi Trường thành, phía Nam phải đi đồn thú ở Ngũ Lĩnh, trong ngoài nháo nhác, trăm họ mỗi một rã rời, cứ theo đầu người mà nộp thóc, vợ vết để cung cấp quân phí. Tiền của hết, sức dân kiệt không sống nổi. Đã thế lại còn thêm pháp luật hà khắc, hình phạt nặng, làm cho cha con trong thiên hạ không thể sống yên. Trần Vương hăng hái nổi lên vì thiên hạ mở đầu, làm vương đất Sở, đất vương hai ngàn dặm, không ai không hưởng ứng. Nhà nào cũng vì mình mà nổi dậy, người nào cũng vì mình mà đánh, báo oán cho mình, và tấn công quân thù của mình. Các huyện giết quan lệnh, các quận giết quan thú và quan úy. Nay đã nên danh hiệu “Đại Sở”, làm vương ở Trần(2), sai Ngô Quảng, Chu Văn cầm trăm vạn quân đi về hướng Tây đánh Tần. Gặp thời cơ này mà không làm nên sự nghiệp phong hầu thì không phải là con người hào kiệt. Xin các vị thử bàn tính xem: thiên hạ đồng tâm và khổ sở vì nhà Tần đã lâu rồi. Dùng sức mạnh của thiên hạ mà đánh ông vua vô đạo, trả thù cho cha anh để lập nên cái sự nghiệp được cất đất phong hầu, đó chính là thời cơ của kẻ sĩ ngày nay.

Các hào kiệt đều cho là phải. Bọn Vũ Thần bèn tập hợp binh sĩ được vài vạn người, gọi Vũ Thần là vũ Tín Quân lấy được hơn mười thành của đất Triệu. Những thành còn lại đều cố giữ không chịu đầu hàng. Bọn Vũ Thần bèn đem quân đi về phía Đông Bắc đánh Phạm Dương. Khoái Thông người đất Phạm Dương đến dụ thuyết viên lệnh ở Phạm Dương như sau:

- Tôi trộm nghe ngài sắp chết cho nên đến điều. Tuy vậy tôi mừng ngài gặp được Thông nên sống. Viên lệnh ở Phạm Dương hỏi:

- Tại sao lại điều?

Khoái Thông đáp: .

- Pháp luật nhà Tần rất nặng, tước hạ làm quan lệnh ở Phạm Dương đã mười năm nay, ngài giết cha người ta, làm cho con người ta thành mồ côi, chặt chân người ta, khắc chữ vào mặt người ta không kẻ xiết. Những người cha nhân từ, những người con hiếu vẫn không ai dám đâm mũi nhọn vào giữa bụng ngài, chỉ vì họ sợ pháp luật nhà Tần mà thôi. Nay thiên hạ gặp loạn lớn, pháp luật nhà Tần không được thi hành. Như vậy thì những người cha nhân từ, những người con có hiếu sẽ đâm mũi nhọn vào bụng ngài để lập nên cái danh tiếng của mình, vì thế cho nên tôi đến điều ngài. Nay chư hầu phản lại nhà Tần, binh của Vũ Tín Quân sắp đến mà ngài lại cố giữ thành Phạm Dương, những người trai tráng đều tranh nhau giết ngài để đầu hàng Vũ Tín Quân.

Ngài hãy mau mau sai tôi đến gặp Vũ Tín Quân thì dịp này có thể chuyển vạ thành phúc đấy.

Viên lệnh ở Phạm Dương bèn sai Khoái Thông đến yết kiến Vũ Tín Quân. Khoái Thông nói:

- Nếu tước hạ đòi phải đánh cho thắng rồi sau đó mới cướp đất, phải phá được thành rồi sau đó mới lấy thành thì tôi cho là sai. Nếu ngài biết nghe mưu kế của tôi thì có thể không tấn công mà làm cho thành phải đầu hàng, không đánh mà cướp được đất, chỉ truyền hịch cũng sẽ bình định được ngàn dặm. Như thế được không?

Vũ Tín Quân nói:

- Như thế nghĩa là thế nào?

Khoái Thông nói:

- Hiện nay viên lệnh ở Phạm Dương thế nào cũng phải chinh đốn binh sĩ để giữ thành và chiến đấu. ông ta nhút nhát sợ chết, nhưng lại xem trọng việc giàu sang, cho nên muốn đầu hàng trước mọi người nhưng lại sợ ngài cho ông ta là viên quan lại do nhà Tần đặt ra nên sẽ giết ông ta như ngài đã giết quan lại mười thành trước đây. Ngày nay, những người trai ở Phạm Dương cũng đang muốn giết viên lệnh của mình để lấy thành mà chống lại ngài. Tại sao ngài lại không trao cho tôi ấn tước hầu để phong cho viên lệnh ở Phạm Dương? Nếu làm thế thì viên lệnh ở Phạm Dương sẽ đem thành đầu hàng ngài, những người trai tráng cũng không dám giết viên lệnh của mình. Thế rồi ngài ra lệnh cho viên lệnh ở Phạm Dương đi cái xe bánh đỏ có trục xe phạm, bảo ông ta ruổi ngựa ở ngoài thành đất Yên, đất Triệu. Những người ở ngoài thành đất Yên, đất Triệu thấy ông ta đều sẽ nói: “Đó là viên huyện lệnh ở Phạm Dương đầu hàng trước đây”. Thế thì họ sẽ mừng, ngài có thể không đánh mà khiến các thành ở Yên và Triệu đầu hàng. Tôi nói truyền hịch mà bình định được ngàn dặm là như thế đấy.

Vũ Tín Quân nghe theo kế của Khoái Thông, bèn sai Khoái Thông đưa cho viên lệnh ở Phạm Dương ấn tước hầu. Đất Triệu nghe vậy có hơn ba mươi thành không đánh mà đầu hàng.

Khi quân đến Hàm Đan, Trương Nhĩ, Trần Dư nghe tin quân của Chu Chương đã vào cửa ải, nên đến đất Hi rồi rút lui, lại nghe nhiều viên tướng đã giúp Trần Vương lấy đất bị gièm pha mà phải tội chết, oán Trần Vương không dùng mưu kế của mình, không cho mình làm tướng lại cho làm hiệu úy, bèn nói với Vũ Thần:

- Trần Vương nổi lên ở đất Kỳ, đến đất Trần thì xưng vương; không muốn lập con cháu sáu nước. Nay tướng quân với ba nghìn quân đã hạ được hơn mấy chục thành của nước Triệu, lại chỉ cần lần lút ở phía Bắc sông Hà, nếu tướng quân không xưng vương thì còn ai làm. Và chẳng Trần Vương nghe những lời gièm pha, nếu tướng quân quay về báo, tôi sợ tướng quân sẽ không thoát khỏi họa, không bằng lập một nước anh em với Sở, nhưng không lập ngay con cháu nước Triệu. Tướng quân chớ có bỏ thời cơ, thời cơ qua nhanh không chờ đợi được.

Vũ Thần bèn nghe theo, tự xưng là Triệu Vương, cho Trần Dư làm đại tướng quân. Trương Nhĩ làm hữu thừa tướng, Thiệu Tào làm tả thừa tướng và sai người báo với Trần Vương. Trần Vương cả giận, muốn giết tất cả nhà của bọn Vũ Thần và đem binh đánh Triệu. Tướng quốc của Trần Vương là Phòng Quân can:

- Nhà Tần chưa mất mà nhà vua lại giết cả nhà bọn Vũ Thần, như thế tức là gây ra một nước Tần thứ hai. Không bằng nhân đây mà chúc mừng ông ta, sai ông ta mau mau đem binh về hướng Tây đánh Tần.

Trần Vương cho là phải, theo kế của Phòng Quân, dời gia đình của bọn Vũ Thần vào trong cung, phong cho con Trương Nhĩ là Ngao làm Thành Đô Quân. Trần Vương sai sứ giả đến chúc mừng Triệu, giục Triệu mau mau đem binh đi về hướng Tây vào Quan Trung. Trương Nhĩ, Trần Dư nói với Vũ Thần:

- Nhà vua làm vua ở Triệu không phải là ý nước Sở muốn thế, mà chỉ dùng mưu kế để chúc mừng nhà vua đây thôi. Một khi Sở đã diệt xong nhà Tần thì thế nào nó cũng đem binh đến đánh nước Triệu. Xin nhà vua chớ đem binh đi về hướng Tây. Hãy đem binh đi về hướng Bắc lấy các nước Yên, Đại; đi về hướng Nam lấy Hà Nội để mở rộng đất đai của mình. Nước Triệu phía Nam có sông Hà rộng, phía Bắc có đất Yên, đất Đại, thì nước Sở dù có thắng được nước Tần đi nữa cũng không dám không chế nước Triệu.

Triệu Vương cho là phải bèn không đem binh sĩ về hướng Tây, mà sai Hàn Quảng cướp lấy đất Yên, Lý Lương cướp lấy đất Thượng Đảng. Hàn Quảng đến đất Yên, người Yên nhân đây lập Quảng làm Yên Vương. Triệu Vương bèn cùng Trương Nhĩ, Trần Dư đi về phía Bắc cướp đất ở biên giới nước Yên. Triệu Vương bắt ngờ đi ra bị quân Yên bắt được. Tướng Yên bỏ tù Triệu Vương, muốn cùng Triệu Vương chia đôi đất Triệu mới trả Triệu Vương về. Sứ giả Triệu đến, viên tướng quốc nước Yên liền giết chết để đòi dết.

Trương Nhĩ, Trần Dư lo lắng. Có người lính làm việc nấu ăn nói với những người trong nhà:

- Tôi xin vì nhà vua thuyết phục tướng Yên rồi sẽ cùng Triệu Vương lên xe về nhà.

Những người trong nhà đều cười nói:

- Sứ giả đến hơn mười người đều bị giết. Mày làm thế nào có thể đưa nhà vua về được?

Anh ta liền bỏ chạy sang thành nước Yên. Viên tướng nước Yên tiếp anh ta. Anh ta hỏi viên tướng:

- Ông có biết tôi muốn điều gì không?

Viên tướng nước Yên nói:

- Mày muốn đưa vua Triệu về mà thôi.

- Ông cho Trương Nhĩ, Trần Dư là người như thế nào?

- Là người hiền.

- Ông biết chí họ muốn điều gì không?

- Họ muốn nhà vua về chứ gì?

Người lính làm bếp bèn cười mà rằng:

- Thế thì ông vẫn chưa biết hai người ấy muốn gì? Vũ Thần, Trương Nhĩ, Trần Dư vẫy roi ngựa lấy được mấy mươi thành của Triệu. Họ người nào cũng muốn ngoảnh mặt về hướng Nam mà làm vua, há chỉ muốn làm khanh, tướng cho trọn đời mình đâu! Phàm việc làm tôi người ta với làm vua người ta là khác nhau một vực một trời. Chẳng qua vì tình thế mới ổn định nên chưa dám chia ba

làm vương, cho nên theo thứ tự lớn nhỏ trước tiên lập Vũ Thần làm vương để giữ lòng dân Triệu. Bây giờ đất Triệu đã theo, hai người này cũng muốn chia đất Triệu để làm vương, nhưng thời cơ chưa làm được đây thôi. Nay ngài lại bỏ tù Triệu Vương, hai người kia về mặt danh nghĩa thì xin Triệu vương, nhưng thực ra muốn nước Yên giết ông ta đi. Hai người này sẽ do đó chia nước Triệu, tự lập làm vua. Mới chỉ có một nước Triệu mà nó đã coi thường nước Yên, lương gì có hai vị vua hiền, giúp nhau lại bắt tội ngài về cái tội giết vua thì việc tiêu diệt nước Yên là rất dễ.

Viên tướng nước Yên cho là phải, bèn thả Triệu Vương.

Người lính làm bếp đánh xe cho vua Triệu trở về.

Sau khi Lý Lương đã bình định được Thường Sơn trở về báo tin, Triệu Vương lại sai Lương đi lấy Thái Nguyên, Lương đến Thạch áp, quân Tần chặn ở Tỉnh Hình, Lương chưa tiến lên được. Tướng Tần giả vờ nói Nhị Thế sai người đưa cho Lý Lương bức thư không dán, nói Lương trước kia đã từng thờ ta rất được yêu quý, nếu Lương có thể phản lại nước Triệu, theo Tần, thì sẽ tha tội và tôn quý Lương. Lương nhận được thư nghi ngờ không tin, bèn quay về Hàm Đan xin thêm binh sĩ. Lương chưa đến Hàm Đan, đi giữa đường, gặp người chị của Triệu Vương đi ra uống rượu, có hơn một trăm quân y đi theo. Lý Lương đằng xa nhìn thấy, cho đó là Triệu Vương, bèn nằm rạp bên đường để yết kiến. Người chị của Triệu Vương say không biết đó là viên tướng của Triệu Vương, bèn sai quân kỵ từ tạ Lý Lương. Lý Lương vốn là người sang, đứng dậy, mắng những viên quan theo hầu.

Trong số này có một người nói:

- Thiên hạ làm phản nhà Tần, ai có tài thì được lập trước. Và lại, Triệu Vương vốn là người ở dưới quyền tuồng quân, nay một người đàn bà mà lại không xuống xe chào tướng quân. Xin tướng quân đuổi theo giết đi.

Lý Lương đã nhận được thư của Tần, muốn phản lại nước Triệu nhưng chưa quyết định. Nhân việc đó, Lý Lương nổi giận sai người đuổi theo giết người chị của Triệu Vương ở giữa đường, rồi cầm quân đánh úp, Hàm Đan không kịp phòng bị. Lý Lương giết Vũ Thần, Thiệu Tao. Nhiều người nước Triệu là tai mắt của Trương Nhĩ, Trần Dư, cho nên hai người trốn thoát, tập hợp binh sĩ được vài vạn người. Có người khách nói với Trương Nhĩ:

- Hai ông là những người lữ khách muốn giúp Triệu thì khó mà đứng một mình được. Các ông hãy tập hợp con cháu vua Triệu, lấy nghĩa để phò họ thì có thể thành công.

Hai người bèn tìm được Triệu Yết, lập làm Triệu Vương đóng ở Tín Đô. Lý Lương tiến quân đánh Trần Dư. Trần Dư đánh Lý Lương thua to. Lý Lương bỏ chạy về với Chương Hàm. Chương Hàm đem binh đến Hàm Đan. Hai người sai dời dân ở đây đi Hà Nội, san phẳng thành quách. Trương Nhĩ và Triệu Vương Yết chạy vào thành Cự Lộc. Vương Ly vây thành, Trần Dư đi về phía Bắc tập hợp binh sĩ ở Thường Sơn được vài vạn người, đóng quân ở phía Bắc Cự Lộc.

Chương Hàm đóng quân ở phía Nam Cự Lộc, trên cánh đồng Nam Cự, xây đường ống đến sông Hà để vận chuyển lương thực cho Vương Ly. Vương Ly binh sĩ và lương thực đều nhiều, đánh Cự Lộc rất gấp. ở trong thành Cự Lộc binh ít, lương hết, Trương Nhĩ mấy lần sai người đến bảo Trần Dư tiến quân. Trần Dư tự nghĩ quân của mình ít, không đánh lại được quân Tần nên không dám tiến. Tình hình kéo dài mấy tháng. Trương Nhĩ cả giận oán Trần Dư, sai Trương Yêm, Trần Thích đến trách Trần Dư:

- Trước kia ta cùng ông làm bạn sống chết cùng có nhau. Nay nhà vua và Nhĩ sớm chiều sẽ chết, thế mà ông cầm quân mấy vạn mà không chịu cứu. Như thế làm sao có thể tin rằng cùng chết với nhau được? Tại sao ông không xông vào quân Tần, cùng nhau chịu chết, như thế ngộ hầu còn có hy vọng cùng sống trong muôn một.

Trần Dư nói:

- Tôi tính tiên quân thì cũng không thể cứu được Triệu, mà chỉ mất hết quân. Và lại; sở dĩ Dư này không cùng chết là vì muốn báo thù cho Triệu Vương và Trương Quân. Nay nếu chúng ta cùng chết thì cũng như ném thịt cho hổ đói, phỏng có ích gì?

Trương Yêm, Trần Thích nói:

- Tình hình đã gấp lắm rồi, xin lấy việc cùng chết để nêu rõ tín nghĩa, còn biết việc tính toán sau này ra sao nữa!

Trần Dư nói:

- Tôi chết thì chỉ vô ích mà thôi, nhưng cũng xin theo như lời ông.

Bèn cho năm nghìn quân, sai Trương Yên, Trần Thích thử quân Tần trước. Những người này đều bị diệt. Lúc bấy giờ các nước Yên, Tề, Sở nghe tin Triệu nguy cấp đều đến cứu. Trương Ngao cũng tập hợp binh sĩ đất Đại ở phía Bắc được hơn vạn người đến. Tất cả đều xây lũy ở cạnh Trần Dư nhưng vẫn chưa dám đánh Tần. Quân của Hạng Vũ mấy lần cắt đứt đường ống của Chương Hàm. Quân của Vương Ly thiếu ăn. Hạng Vũ đem tất cả binh sĩ vượt Hoàng Hà và phá tan quân Chương Hàm. Chương Hàm bèn đem binh chạy. Quân các nước chư hầu mới dám đánh quân Tần đang vây Cự Lộc, rốt cục cầm tù được Vương Ly. Thiệp Nhàn tự sát, cuối cùng bảo tồn được Cự Lộc là do sức của nước Sở. Nhờ vậy Triệu Vương Yết và Trương Nhĩ mới ra khỏi thành Cự Lộc, cảm tạ chư hầu. Trương Nhĩ gặp Trần Dư, trách Trần Dư không chịu cứu Triệu. Đến khi hỏi Trương Yên, Trần Thích ở đâu, Trần Dư nổi giận nói:

- Trương Yên, Trần Thích bảo tôi thế nào cũng phải chết, nên tôi sai họ cầm năm nghìn quân để thử sức quân Tần trước. Họ đều chết không thể ra được.

Trương Nhĩ không tin cho là Trần Dư đã giết họ. Hỏi Trần Dư mấy lần. Trần Dư nổi giận nói:

- Tôi không ngờ ông oán giận tôi sâu sắc đến thế. Có phải vì tôi tiếc không dám bỏ chức tướng quân đâu?

Trần Dư bèn cởi ấn trao cho Trương Nhĩ. Trương Nhĩ cũng kinh ngạc không dám nhận. Trần Dư đứng dậy đi ra nhà xí, có người khách nói với Trương Nhĩ:

- Tôi nghe nói: “Trời cho mà không nhận thì sẽ mang vạ” nay Trần tướng quân đã trao ấn cho ngài mà ngài không nhận thì trời sẽ bắt mang vạ đấy. Xin ngài nhận ngay đi.

Trương Nhĩ bèn mang ấn, thu bộ hạ của Dư, nhưng Trần Dư vẫn oán Trương Nhĩ không chịu nhường. Sau đó Trần Dư rảo bước đi ra. Trương Nhĩ bèn thu quân của Trần Dư. Trần Dư một mình cùng với vài trăm người trước đây ở dưới cờ vẫn quen thân, đi săn và đánh cá trong cái đầm trên sông Hoàng Hà. Từ đó giữa Trần Dư và Trương Nhĩ có sự hiềm khích.

Triệu Vương Yết lại ở Tín Đô, Trương Nhĩ theo Hạng Vũ và chư hầu vào Quan Trung.

Năm thứ nhất, tháng hai nhà Hán, Hạng Vũ lập chư hầu, Trương Nhĩ vốn giao du rộng, nhiều người nói Trương Nhĩ với Hạng Vũ. Hạng Vũ cũng nhiều lần nghe Trương Nhĩ là người tài giỏi bèn chia đất Triệu, phong Trương Nhĩ làm Thường Sơn Vương, cai trị ở Tín Đô, đổi tên Tín Đô là Trương Quốc. Nhiều người khách của Trương Nhĩ nói với Hạng Vũ:

- Trần Dư và Trương Nhĩ hai người như một, đều có công ở đất Triệu.

Hạng Vũ thấy Trần Dư không theo Hạng Vũ vào Quan Trung, nghe tin Trần Dư ở huyện Nam Bì, liền phong cho Trần Dư ba huyện ở gần Nam Bì và đưa Triệu Vương là Yết đi làm Vua ở đất Đại. : Trương Nhĩ về nước của mình, Trần Dư càng nổi giận nói:

- Trương Nhĩ và ta công lao như nhau, nay Trương Nhĩ làm vua, mà một mình ta làm hầu, như thế là Hạng Vũ không công bình! Đến khi vua Tề là Điền Vinh phản lại nước Sở, Trần Dư bèn sai Hạ Duyệt đến nói với Điền Vinh:

- Hạng Vũ là người cầm đầu thiên hạ nhưng không công bình, phong các tướng của mình ở những nơi tốt, còn dời vua cũ thì đi làm vua ở nơi đất xấu. Nay vua Triệu lại ở đất Đại, xin nhà vua cho tôi quân, tôi xin lấy huyện Nam Bì để làm hàng rào che chở cho nhà vua.

Điền Vinh muốn lập bê đảng ở Triệu để phản lại Sở bèn sai đem binh cho Trần Dư. Trần Dư nhân đây đem tất cả quân ba huyện đánh úp Thường Sơn Vương Trương Nhĩ.

Trương Nhĩ bị thua bỏ chạy nhận thấy trong số chư hầu không thể theo ai, nói:

- Hán Vương và ta là chỗ quen biết cũ, còn Hạng Vũ thì mạnh và lập ta(3), ta muốn theo Sở.

Cam Công nói:

- Hán Vương vào Quan Trung, nắm ngôi sao tụ tập ở Đông Tinh, Đông Tinh là phần của Tần(4) ai đến trước thì làm bá. Sở tuy mạnh nhưng đến sau thì thế nào cũng phải thuộc về Hán!

Vì vậy Trương Nhĩ chạy về với Hán Vương, Hán Vương cũng quay về bình định Tam Tần, đang vây Chương Hàm ở Phế Khâu. Trương Nhĩ yết kiến Hán Vương, Hán Vương hậu đãi Trương Nhĩ.

Sau khi đã đánh bại Trương Nhĩ, Trần Dư bèn thu lại đất Triệu, đón Triệu Vương ở Đại về làm Triệu Vương như cũ. Để tỏ lòng biết ơn Trần Dư, Triệu Vương lập Dư làm vương đất Đại. Trần Dư cho Triệu Vương yếu, nước Triệu lại mới bình định nên không về nước của mình ở lại giúp Triệu Vương, và sai Hạ Duyệt làm tướng quốc giữ đất Đại. Năm thứ hai nhà Hán, Hán Vương đi về hướng

Đông đánh Sở, sai sứ giả nói với Triệu, muốn cùng Triệu đi về Đông, Trần Dư nói:

- Hán Vương có giết Trương Nhĩ thì tôi mới theo.

Hán Vương bèn tìm người giống Trương Nhĩ, chém và mang đầu đưa đến cho Trần Dư. Trần Dư bèn đem binh giúp Hán. Quân Hán bị thua to ở phía Tây Bành Thành, Trần Dư lại biết tin Trương Nhĩ chưa chết nên phản lại nhà Hán.

Năm thứ ba, sau khi Hàn Tín đã bình định đất Ngụy, Hán Vương sai Trương Nhĩ và Hàn Tín đánh phá đất Tĩnh Hình của Triệu, chém Trần Dư ở trên sông Chi Thủy, đuổi giết Triệu Vương Yết ở Tương Quốc. Hán Vương lập Trương Nhĩ làm Triệu Vương.

Năm thứ năm nhà Hán, Trương Nhĩ chết, được tặng tên thụy là Cảnh Vương. Con là Trương Ngao nổi nghiệp, được lập làm Triệu Vương. Người con gái đầu của Cao Tổ là công chúa Lỗ Nguyên làm hoàng hậu của Triệu Vương Trương Ngao.

Năm thứ bảy nhà Hán, Cao Tổ từ Bành Thành đi qua Triệu. Triệu Vương sáng chiều cuốn bao tay lên, tự đưa đồ ăn cho nhà vua, rất cung kính, theo lễ của hàng con rể. Cao Tổ ngồi xồm máng nhiech, hết sức ngạo mạn khinh thường

Triệu Vương. Bọn tướng quốc nước Triệu là Quán Cao, Triệu Ngộ, hơn sáu mươi người là khách của Trương Nhĩ, vốn bình sinh là người chuộng khí tiết bèn nổi giận, nói:

- Vua chúng ta là ông vua nhu nhược!

Họ nói với nhà vua:

- Những kẻ hào kiệt trong thiên hạ đều cùng nổi lên, ai có tài thì được lập trước, nay nhà vua thờ Cao Tổ rất cung kính mà Cao Tổ lại rất vô lễ, chúng tôi xin vì nhà vua mà giết Cao Tổ? Trương Ngao cắn ngón tay chảy máu, nói:

- Tại sao các ông lại nói điều càn rỡ như vậy? Cha tôi trước mắt nước, nhờ Cao Tổ nên được trở về nước của mình; ơn đức còn lại đến con cháu, tất cả chân tơ kẽ tóc đều nhờ sức của Cao Tổ. Xin các ông đừng có mở miệng nữa.

Bọn Quán Cao, Triệu Ngộ hơn mười người đều bảo nhau:

- Thế là chúng ta trái! Vua chúng ta là người trung hậu không phản bội ơn đức. Nhưng bọn chúng ta nghĩa không chịu nhục, nay chúng ta giận Cao Tổ làm nhục vua chúng ta, cho nên mới giết ông ta, tại sao chúng ta lại làm như bán đến nhà vua? Nếu như việc thành, chúng ta sẽ về với nhà vua, còn việc bại thì sẽ một mình chúng ta chịu mà thôi.

Năm thứ năm nhà Hán, Cao Tổ đi từ Đông Viên về, ghé qua nước Triệu. Bọn Quán Cao đặt người ở huyện Bách Nhân ở tường nhà xí muốn đề rình giết. Cao Tổ đi qua muốn nghỉ lại, nhưng chợt dạ hỏi:

- Huyện này tên gì? .

- Huyện Bách Nhân.

Cao Tổ nói:

- Bách Nhân tức là bị người ta bức bách.

Vì vậy Cao Tổ không ở lại mà đi ngay.

Năm thứ chín, một nhà có thù oán với Quán Cao biết mưu ấy bèn tâu lên. Nhà vua bắt tất cả bọn Triệu Vương, Quán Cao.

Hơn mười người đều tranh nhau tự đâm cổ chết. Quán Cao một mình nổi giận mắng họ:

- Ai bảo các ông làm điều đó? Nay nhà vua thật không có liên quan gì, nhưng vẫn bị bắt; nếu các ông đều chết thì lấy ai để nói rằng nhà vua không làm phản. Bèn lên xe có ván che kín bốn phía cùng nhà vua đến Trường An. Cao Tổ trị tội Trương Ngao. Chiếu của nhà vua đưa ra nói:

- Bầy tôi tân khách nước Triệu, ai dám theo nhà vua đều bị giết cả họ.

Bọn Quán Cao cùng người khách Mạnh Thư hơn mười người đều tự gọt đầu, xiềng cổ, làm nô lệ của nhà Triệu Vương, đi theo đến kinh đô. Quán Cao đến, khai rằng:

- Chỉ một mình tôi làm điều đó, nhà vua thực không biết gì.

Viên lại quát mấy nghìn roi, nung sắt dùi vào thịt, thân hình Quán Cao không có chỗ nào lành, nhưng Quán Cao vẫn không nói khác. Lữ Hậu mấy lần nói Trương Vương lấy Lỗ Nguyên công chúa chắc không làm việc đó.

Nhà vua nổi giận nói:

- Nếu Trương Ngao lấy được thiên hạ thì nó chê con gái của bà sao?

Nhà vua không nghe. Quan đình úy đem việc Quán Cao tâu lên. Nhà vua nói:

- Đó là tráng sĩ? Có ai biết hắn thì lấy tình riêng mà hỏi xem.

Tiết Công làm trung đại phu nói:

- Nó là người cùng ấp với tôi, tôi vốn biết nó, đó là người trọng danh tiếng và tiết nghĩa của nước Triệu, không làm trái điều đã hứa.

Nhà vua sai Tiết Công cầm cờ tiết đến hỏi Quán Cao ở trước cái xe bằng tre. Quán Cao ngẩng đầu lên nói:

- Tiết Công đây à?

Tiết Công an ủi Quán Cao vui vẻ như lúc bình sinh. Tiết Công nói chuyện với Quán Cao, hỏi Trương Vương quả thực có dự vào vụ ấy không. Quán Cao nói:

- Nhân tình ai lại không yêu cha mẹ vợ con của mình? Nay ba họ của tôi đều bị khép vào tội chết, tôi há vì nhà vua mà coi thường cha mẹ của tôi sao! Nhưng nhà vua thật không làm phản, chỉ có một mình bọn chúng tôi làm mà thôi.

Quán Cao kể lại đầu đuôi đó là ý của mình, nhà vua không biết gì về việc ấy. Tiết Công vào báo lại tất cả. Cao Tổ bèn tha Triệu Vương, Cao Tổ khen Quán Cao là người hiền biết trọng lời mình đã hứa, sai Tiết Công nói đầu đuôi với

Quán Cao:

- Trương Vương được thả ra, nhân đây tha cho Quán Cao.

Quán Cao mừng rỡ nói:

- Vua tôi được ra à?

Tiết Công nói:

- Phải.

Tiết Công nói:

- Hoàng đế khen túc hạ cho nên tha túc hạ!

Quán Cao nói:

- Tôi sợ dĩ không liệu chết cái thân tàn này là chỉ vì muốn chứng tỏ Trương Vương không làm phản. Nay nhà vua được ra, chức trách của tôi đã trọn, tôi chết không oán hận. Vả chăng, làm tôi mà mang lấy cái tiếng giết vua thì còn mặt mũi nào mà thờ hoàng đế nữa. Dù cho hoàng đế không giết tôi thì tôi chẳng thẹn trong lòng mình hay sao?

Bèn ngẩng đầu lên thắt cổ mà chết. Trong thời bấy giờ, danh tiếng Quán Cao vang dội khắp thiên hạ.

Trương Ngao sau khi được ra, nhờ lấy Lỗ Nguyên nên được phong làm Tuyên Bình Hầu. Cao Tổ khen những người khách tự xiềng cổ làm nô lệ theo Trương Vương vào Quan Trung là những người hiền, nên đều cho làm tướng quốc của chư hầu, hay quan thú ở các quận. Đến thời Hiếu Huệ, Cao Hậu, Văn Đế, Hiếu Cảnh con cháu những người khách của Trương Vương đều được làm quan lương hai nghìn thạch. Trương Ngao chết năm thứ sáu thời Cao Hậu. Người con là Yên nhờ mẹ là con gái Lữ Hậu cho nên được Lữ Hậu phong làm Lỗ Nguyên Vương. Nguyên Vương yếu đuối, anh em ít. Lữ Hậu lại phong hai người anh em cùng cha khác mẹ của Trương Ngao là Trương Thọ làm Nhạc Xương Hầu. Trương Xi làm Tín Đô Hầu. Khi Cao Hậu mất, họ Lữ vô đạo, các quan đại thần giết họ Lữ, phế truất Lỗ Nguyên Vương, cùng Nhạc Xương Hầu và Tín Đô Hầu. Khi Hiếu Văn Đế lên ngôi lại phong Trương Yên trước là Lỗ Nguyên Vương, làm Nam Cung Hầu để nối dõi họ Trương.

Thái sử công nói:

- Người đời khen Trương Nhĩ, Trần Dư là người hiền.

Tân khách tôi tớ của họ đều là những bậc tuân kiệt trong thiên hạ, đến ở nước nào cũng đều làm khanh tướng. Tuy vậy, Trương Nhĩ, Trần Dư khi còn nghèo hèn thì tin nhau, không coi cái chết vào đâu. Đến khi giữ nước tranh quyền, rốt cục lại giết lẫn nhau. Tại sao trước kia yêu nhau thành thật mà sau đây lại phản nhau ác liệt như vậy? Há chẳng phải vì lợi sao? Danh dự quý cao, tân khách tuy đông, nhưng con đường họ đi thì sai, so với Thái Bá và Quý Tử ở Diên Lăng(5) thì khác hẳn.

Chú thích: (1). Đạo binh đánh quân địch lúc họ không đề phòng.

(2). Xem Trần Thiệp thêgia.

(3). Trương Nhĩ lưỡng lự không biết nên theo Hán Vương là nơi quan biết cũ, hay theo Hạng Vũ.

(4). Theo chiêm tinh cổ, bầu trời chia ra những khu vực khác nhau, mỗi khu ứng với một nước.

(5). Thái Bá và Ngưu Trọng là con vua Thái Vương. Thái Vương muốn lập Quý Lịch làm vua. Thái Bá biết ý sang Kinh Man để nhường ngôi cho em, Ngưu Trọng cũng theo anh đến đấy. Thái Vương lập người con thứ ba là Quý Lịch làm vua. Người Kinh Man lập Thái Bá làm vua tức Ngô Thái Bá. Quý Lịch là cha của Văn Vương nhà Chu. Quý Tử tức Quý Trát thời Xuân Thu. Quý Trát là con út của vua Ngô Thọ Mộng. Thọ Mộng thấy Quý Trát là người hiền, muốn lập làm thái tử. Quý Trát không nghe.

Phần 34

Kinh Bồ liệt truyện

1. Kinh Bồ (1) người huyện Lục, họ Anh. Thời Tần, Bồ làm người áo vải. Lúc còn nhỏ, có người khách xem tướng Bồ, nói:

- Anh sẽ bị hình phạt rồi làm vương.

Đến khi lớn bị tội. Kinh Bồ hớn hờ cười và nói:

- Có người xem tướng tôi bảo tôi bị hình phạt, rồi làm vương, có lẽ thế chăng ?

Những người nghe nói vậy đều cười Bồ.

Bồ bị tội đầy đi Ly Sơn. Những người đi đầy ở Ly Sơn có mấy chục vạn. Bồ giao kết với những người cầm đầu trong đám tù bị đầy và những người hào kiệt. Sau đó Bồ cầm đầu bè lũ trốn trên sông Dương Tử làm thành một toán cướp.

2. Khi Trần Thắng nổi lên, Bồ yết kiến Phiên Quân (2) cùng đồ đảng của mình phân lại nhà Tần, số binh sĩ tụ tập lên đến mấy nghìn. Phiên Quân bèn gả con gái cho Bồ. Khi Chương Hàm diệt Trần Thắng, phá tan quân của Lữ Thần thì Bồ đem binh về phía Bắc quấy rối hai cánh quân tả và hữu của quân Tần, phá quân Tần ở Thanh Ba rồi đem quân đi về hướng Đông.

Nghe nói Hạng Lương đã bình định được Giang Đông, Cối Kê, Bồ bèn vượt qua Trường Giang đi về hướng Tây. Trần Anh cho họ Hạng dời dời làm tướng nước Sở, liền đem binh của mình thuộc vào Hạng Lương, đem quân vượt phía Nam sông Hoài. Anh Bồ, Bồ tướng quân cũng đem quân của mình theo Hạng Lương. Hạng Lương vượt qua sông Hoài đi về hướng Tây, đánh bọn Cảnh Câu, Tần Gia. Bồ thường cầm những toán quân đi trước.

Hạng Lương đến đất Tiệt nghe tin Trần Vương đã chết, bèn lập Sở Hoài Vương. Hạng Lương hiệu là Vũ Tín Quân, Anh Bồ làm Đương Dương Quân. Hạng Lương bại trận chết ở Định Đào, Hoài Vương dời đô đến Bành Thành. Anh Bồ và các tướng đều giữ Bành Thành. Lúc bấy giờ, Tần vây Triệu rất gấp. Triệu mấy lần sai người đến xin cứu viện. Hoài Vương sai Tống Nghĩa làm thượng tướng quân, Phạm Tăng làm mặt tướng, Hạng Tịch làm thứ tướng, Anh Bồ và Bồ tướng quân đều làm tướng quân, tất cả đều ở dưới quyền Tống Nghĩa, đem quân về hướng Bắc để cứu Triệu. Đến khi Hạng Tịch giết Tống Nghĩa trên sông Hoàng Hà, Hoài Vương nhân đây cho Tịch làm thượng tướng quân. Các tướng đều ở dưới quyền Hạng Tịch. Hạng Tịch sai Bồ vượt Hoàng Hà để đánh quân Tần. Bồ đánh thắng mấy lần, Tịch bèn đem tất cả binh sĩ qua Hoàng Hà. Sau đó Tịch phá quân Tần, bắt bọn Chương Hàm phải đầu hàng. Binh Sở đánh thắng luôn, công cao nhất trong chư hầu. Quân của chư hầu đều phục và theo Sở, đó là nhờ Bồ mấy lần với một số quân ít đánh bại một kẻ địch đông. Hạng Tịch đem binh về hướng Tây, đến Tây An, lại sai bọn Bồ đang đêm đánh và chôn sống hai mươi vạn binh của Chương Hàm. Tịch đến cửa Hàm Cốc không vào được, lại sai bọn Bồ đi trước theo con đường tắt đánh phá quân ở cửa ải. Tịch bèn vào ải đi đến Hàm Dương. Bồ thường làm tiên phong.

3. Hạng Vương phong các tướng, cho Bồ làm Cửu Giang Vương, đóng đô ở Lục. Năm thứ nhất nhà Hán thắng tư, chư hầu đều bãi binh, ai nấy về nước của mình. Họ Hạng lập Hoài Vương làm Nghĩa Đế, dời đô đến Trường Sa, lại ngầm ra lệnh cho Cửu Giang Vương là Bồ đánh Nghĩa Đế trên đường đi. Tháng tám năm ấy, Bồ sai tướng đánh Nghĩa Đế, đuổi theo Nghĩa Đế và giết ở Sâm Huyện. Năm thứ hai nhà Hán, vua Tề là Điền Vinh làm phản, Sở Hạng Vương đến đánh nước Tề, đòi Cửu Giang Vương đem binh đến giúp. Cửu Giang Vương Bồ cáo bệnh không đến, sai viên tướng đem mấy ngàn quân đi. Khi quân Hán bị thua ở Bành Thành, Bồ lại cáo bệnh không giúp Sở. Vì vậy Hạng Vương giận Bồ. Mấy lần sai sứ giả trách Bồ, mời Bồ đến, Bồ càng sợ không dám đến.

Hạng Vương bấy giờ phía Bắc đang lo về các nước Tề, Triệu; phía Tây lo về Hán, người theo chỉ có một mình Cửu Giang Vương. Hạng Vương lại quý cái tài của Bồ, nên muốn hậu đãi Bồ, vì vậy chưa đánh. Năm thứ ba nhà Hán, Hán Vương đánh Sở, đại chiến ở Bành Thành. Đánh thua, Hán Vương ra khỏi đất Lương, đến thành Ngưu nói với các quan hầu:

- Không thể bàn kế thiên hạ với bọn bay được.

Tùy Hà làm yết giả tiến lên nói:

- Không hiểu bệ hạ muốn nói gì ?

Hán Vương nói:

- Ai có thể vì ta đi sứ Hoài Nam khiến cho Hoài Nam đem binh phản lại Sở, giữ Hạng Vương ở Tề vài tháng, thì chắc chắn thế nào ta cũng lấy được thiên hạ.

Tùy Hà nói:

- Tôi xin đi.

Tùy Hà bèn cùng hai mươi người đi sứ Hoài Nam. Khi đến đấy, quan thái tử cho ở trong nhà, nhưng đợi ba ngày vẫn không được yết kiến. Tùy Hà nhân nói với quan thái tử:

- Nhà vua không tiếp tôi, chắc hẳn vì cho Sở mạnh mà Hán yếu. Tôi sợ dĩ phải đi sứ chính là vì việc ấy đấy. Ông hãy cho Hà này được yết kiến. Nếu lời nói mà phải, thì đó là điều đại vương muốn nghe, còn lời nói không phải thì cứ bắt bọn Hà hai mươi người chịu tội búa rìu ở chợ Hoài Nam để chứng tỏ đại vương chống lại Hán mà theo Sở.

Thái tử bèn nói với Hoài Nam Vương. Vương tiếp Tùy Hà.

Tùy Hà nói:

- Hán Vương sai tôi kính dâng thư cho đại vương. Tôi trộm lấy làm lạ tại sao đại vương vẫn thân thiết với Sở như thế

Hoài Nam Vương nói:

- Quả nhân quay mặt về hướng Bắc thờ Hạng Vương như tôi thờ vua.

Tùy Hà nói:

- Đại vương với Hạng Vương địa vị đều là chư hầu như nhau. Đại vương quay mặt về hướng Bắc thờ ông ta thì chắc hẳn vì cho rằng nước Sở mạnh có thể giữ nước của mình. Hạng Vương đánh Tề, thân hành mang vác mang chày để làm gương cho binh sĩ, đáng lý đại vương phải đem tất cả dân chúng Hoài Nam, thân hành làm tướng cầm đầu họ để làm đội tiên phong cho quân Sở, thế mà đại vương lại chỉ phái bốn ngàn người giúp Sở. Ngoảnh mặt về hướng Bắc thờ người ta mà lại làm như thế à ? Khi Hán Vương đánh ở Bành Thành, Hạng Vương chưa ra khỏi nước Tề, đáng lý đại vương phải vét tất cả binh Hoài Nam vượt qua sông Hoài, ngày đêm cùng chiến đấu ở gần Bành Thành mới phải, thế mà đại vương lại giữ đạo quân một vạn người không cho một người nào vượt qua sông Hoài, ngồi yên khoan tay đợi xem ai thắng. Gửi nước mình vào người ta mà lại làm như thế à ? Đại vương chỉ có cái tiếng suông là theo Sở mà lại muốn được hậu đãi. Tôi trộm cho làm như thế là không phải. Nhưng sợ dĩ đại vương không phản lại Sở là vì đại vương cho rằng Hán yếu. Kể ra binh Sở mạnh đấy, nhưng bị thiên hạ đổ cho cái tiếng là bất nghĩa, vì Sở đã phản lại điều giao ước và giết Nghĩa Đế. Sở Vương cậy mình đánh thắng cho là mình mạnh. Hán Vương tập hợp chư hầu, quay về giữ Thành Cao, Huỳnh Dương, đem thóc lúa từ đất Thục, đất Hán xuống, đào hào sâu, đắp thành chắc, chia binh sĩ giữ các nơi, canh phòng ở biên giới. Quân Sở muốn về thì phải đi qua đất Lương, đi sâu vào nước địch tám, chín trăm dặm, muốn đánh không được, muốn lấy thành thì không đủ sức. Người già, kẻ yếu phải lo chuyên chở lương thực ở ngoài ngàn dặm. Quân Sở đến Huỳnh Dương, Thành Cao, quân Hán giữ vững thành không làm gì. Quân Sở tiến không được, rút lui thì không thể ra khỏi. Cho nên nói quân Sở không đáng sợ. Nếu như Sở thắng Hán thì chư hầu sẽ cảm thấy nguy đến mình, họ đều sợ mà cứu nhau. Cái mạnh của Sở chỉ tổ làm cho quân của thiên hạ đến đánh mà thôi; cho nên Sở không bằng Hán, cái thế rất dễ thấy. Nay đại vương lại không theo Hán vạn toàn mà tự gửi thân vào Sở trong cảnh bị nguy vong, tôi trộm cho đại vương làm như vậy là lầm. Không phải tôi nói quân của Hoài Nam có thể tiêu diệt được Sở đâu ! Nếu đại vương cử quân đánh lại Sở thì Hán Vương có thể lấy thiên hạ một cách chắc chắn. Tôi xin cùng đại vương cầm kiếm về với Hán. Hán Vương thế nào cũng cắt đất phong cho đại vương, chứ không phải chỉ có đất Hoài Nam. Đất Hoài Nam dĩ nhiên là của đại vương rồi. Hán Vương kính sai tôi đem ngu kẻ đại nói với đại vương, xin đại vương lưu ý.

Hoài Nam Vương nói:

- Xin vâng mệnh.

Hoài Nam Vương ngầm theo Hán, phản lại Sở nhưng chưa dám tiết lộ. Bấy giờ sứ giả của Sở ở đây giục Anh Bố đem binh giúp Sở, còn nghỉ ở tại trạm xá. Tùy Hà đi thẳng vào ngồi ở trên ghế sứ giả nước Sở và nói:

- Cừu Giang Vương đã theo Hán ? Sở còn muốn bảo ông ta đem quân đi thế nào được?

Bố hoảng sợ, sứ giả nước Sở đứng dậy. Hà nhân nói với Bố:

- Việc đã đến thế này, nên giết sứ giả nước Sở chớ để cho về, và phải mau mau hợp lực với Hán.

Bố nói:

- Xin vâng theo lời dạy của sứ giả đem binh đánh Sở.

Bố bèn giết sứ giả rồi đem binh đánh Sở. Sở sai Hạng Thanh, Long Thu đánh Hoài Nam. Hạng Vương ở lại Tề đánh Hạ Ấp. Sau mấy tháng, Long Thu đánh Hoài Nam, đánh bại quân của Bố. Bố muốn đem quân bỏ chạy về với Hán Vương, nhưng sợ vua Sở giết, nên lên đi cùng với Tùỳ Hà về Hán. Hoài Nam Vương đến, nhà vua đang ngồi xồm trên giường rửa chân, gọi Bố vào yết kiến. Bố cả giận, hồi hận, muốn tự sát. Bố đi ra, về đến nhà mình thì màn trướng, đồ ăn uống, các quan hầu đến như chỗ Hán Vương ở. Bố lại cả mừng vì được quá điều mình mong ước.

4. Bố bèn sai người vào Cửu Giang. Bấy giờ Sở đã sai Hạng Bá thu binh sĩ Cửu Giang, giết tất cả vợ con Bố. Tuy vậy sứ giả của Bố vẫn thu thập được những người quen biết cũ và những bầy tôi trước kia được yêu quý, đem mấy nghìn người quay về với Hán. Hán Vương cho Bố thêm quân và cùng Bố đi về hướng Bắc đến Thành Cao. Tháng bảy, năm thứ tư, Hán Vương lập Bố làm Hoài Nam Vương cùng Bố đánh Hạng Tịch. Năm thứ năm, Bố sai người vào Cửu Giang lấy được mấy huyện. Năm thứ sáu, Bố và Lưu Giả vào Cửu Giang dụ đại tư mã của Sở là Chu Ân. Chu Ân phản lại Sở, đem quân của Cửu Giang cùng Hán đánh quân Sở thua to ở Cai Hạ.

Hạng Tịch chết, thiên hạ bình định xong, nhà vua đặt tiệc rượu, coi thưởng công lao của Tùỳ Hà, gọi Tùỳ Hà là hủ nho “bọn hủ nho không có ích gì cho thiên hạ”. Tùỳ Hà quỳ xuống nói:

- Khi bệ hạ đem quân đánh Bành Thành, vua Sở chưa rời khỏi Tề, bệ hạ đem năm vạn bộ binh, năm nghìn quân kỵ đi có lấy được Hoài Nam không ?

Nhà vua nói:

- Không lấy được.

Tùỳ Hà nói:

- Bệ hạ sai Hà cùng hai mươi người đi sứ Hoài Nam, đến làm được đúng ý muốn của bệ hạ, như thế tức là công của Hà hơn năm vạn bộ binh, năm nghìn quân kỵ. Tại sao bệ hạ lại bảo Hà là “hủ nho không có ích lợi gì cho thiên hạ”.

Nhà vua nói:

- Ta đang tính đến công lao của nhà ngươi đây.

Bèn cho Tùỳ Hà làm hộ quân trung úy và Bố được cấp phù làm Hoài Nam Vương, đóng đô ở Lục. Các quận Cửu Giang, Lư Giang, Hành Sơn, Dự Chương đều thuộc Bố.

Năm thứ bảy, Bố vào châu vua Hán. Năm thứ tám châu ở Lạc Dương. Năm thứ chín châu ở Trường An. Năm thứ mười một, Cao Hậu giết Hoài Âm Hầu. Bố do đó trong lòng lo sợ. Mùa hạ, nhà Hán giết Lương Vương là Bành Việt, muối thịt ông ta rồi phân phát cho tất cả chư hầu. Khi người đem thịt muốn đến Hoài Nam thì Hoài Nam Vương đang đi săn. Hoài Nam Vương thấy thịt muối thì sợ quá, sai bộ hạ tập hợp binh sĩ chờ khi các quận bên cạnh có việc nguy cấp.

Người thiếp Bố yêu quý mắc bệnh, xin đến nhà thầy thuốc điều trị. Nhà thầy thuốc đối diện với nhà quan trung đại phu Bồn Hách. Người thiếp mấy lần đến nhà thầy thuốc, Bồn Hách thân hành theo hầu. Bồn Hách tặng nhiều lễ vật và cùng người thiếp ăn uống ở nhà thầy thuốc. Khi về nhà, người thiếp nhân lúc nhàn rỗi thường cứ khen ngợi Bồn Hách là người trung hậu. Vương giận nói:

- Mày làm sao mà biết được?

Người thiếp kể lại tất cả tình hình. Vương nghi ngờ người thiếp của mình tư thông với Hách. Hách sợ cáo bệnh. Vương càng giận, muốn bắt Hách. Hách nói có việc biến cố lên xe trạm đi Trường An. Bố sai người đuổi theo nhưng không kịp. Hách đến Trường An báo với nhà vua rằng Bố đã có mầm móng mưu phản và phải giết trước khi Bố khởi sự.

Nhà vua đọc thư của Hách, bàn với tướng quốc Tiêu Hà. Tướng quốc nói:

- Bố chưa chắc đã làm điều đó. Tôi sợ đó là do thù oán vu càn, xin trối Hách lại và sai sứ giả dò xét Hoài Nam Vương.

Hoài Nam Vương Kinh Bố thấy Hách có tội bỏ trốn đi báo có việc nguy biến, cho nên đã ngờ sẵn sàng Hách báo những việc bí mật quốc gia. Lại thấy sứ giả của Hán đến có vẻ dò xét mình, bèn giết cả nhà Hách, đem binh làm phản. Khi thư báo có tin Bố làm phản đưa lên, nhà vua bèn tha Bồn Hách, cho làm tướng quân. Nhà vua triệu các tướng nói:

- Bố làm phản, bây giờ nên làm như thế nào?

Mọi người đều nói:

- Chỉ có cách đem binh đánh hán, chôn sống thẳng nhãi ấy đi mà thôi. Hán làm nên trò trống gì? Nhữ Âm Hầu là Đổng Công mời viên lệnh doãn trước kia của Sở đến hỏi. Viên lệnh doãn nói:

- Cổ nhiên là phải làm phản.

Đổng Công nói:

- Nhà vua cắt đất phong ông ta làm vương, chia tước làm cho ông ta sang, ông ta ngoảnh mặt về hướng Nam mà đứng, làm vị vua có vạ cổ xe, tại sao lại làm phản ?

Lệnh doãn nói:

- Năm vừa rồi giết Bành Việt, năm ngoái giết Hàn Tín. Ba người này là một, công lao như nhau, ông ta nghi tai họa sẽ đến thân, cho nên làm phản đấy thôi.

Đổng Công nói với nhà vua:

- Người khách của tôi là Tiết Công trước đây làm lệnh doãn nước Sở có nghĩ ra một kế. Xin bệ hạ hỏi ông ta.

Nhà vua bèn mời vào yết kiến, hỏi Tiết Công. Tiết Công đáp:

- Việc Bô làm phản không có gì đáng lạ, nhưng nếu Bô theo cái kế hay nhất thì đất Sơn Đông sẽ không phải là của nhà Hán; nếu hán theo cái kế vừa thì việc thắng hay bại chưa có thể biết; còn hán theo cái kế kém thì bệ hạ có thể gối đầu lên gối mà nằm.

Nhà vua hỏi:

- Thế nào gọi là kế hay nhất?

Tiết Công đáp:

- Phía Đông lấy đất Ngô, phía Tây lấy đất Sở, thôn tính đất Tề, lấy đất Lỗ, truyền hịch cho các nước Yên, Triệu, cô thủ ở chỗ của mình. Như thế thì đất Sơn Đông sẽ không phải là của nhà Hán.

- Thế nào là kế hay vừa?

- Phía Đông lấy Ngô, phía Tây lấy Sở, thôn tính Hán lấy Ngụy, giữ lúa ở Ngao Thương, chặn cửa Thành Cao, như thế thì ai thắng ai bại chưa có thể biết được.

- Thế nào gọi là kế kém?

- Phía Đông lấy Ngô, phía Tây lấy Hạ Thái, chú trọng về phía Việt, tự mình về Trường Sa. Như thế bệ hạ có thể gối đầu mà nằm. Nhà Hán vô sự !

Nhà vua nói:

- Hán sẽ theo kế nào?

Lệnh doãn đáp:

- Sẽ theo cái kế kém.

- Tại sao lại bảo hán bỏ cái kế hay nhất và kế vừa mà lại theo cái kế kém?

Lệnh doãn nói:

- Bô vốn là một người bị đày ở Ly Sơn, tự mình làm nên ông vua có vạ cổ xe. Điều đó đều do chỗ hán chỉ nghĩ đến thân hán mà không nghĩ đến trăm họ và vạ đời sau này. Vì vậy cho nên hán sẽ theo cái kế kém.

Nhà vua nói:

- Phải lắm?

Bèn cấp cho Tiết Công một ngàn hộ làm đất phong và lập hoàng tử Trường làm Hoài Nam Vương.

Nhà vua bèn đem quân, tự mình làm tướng đi về hướng Đông đánh Bô. Lúc đầu, Bô làm phản, nói với viên tướng của mình:

- Nhà vua già rồi, chán việc binh, thế nào cũng không thể đến mà sai các tướng. Trong các tướng ta chỉ ngại có Hoài Âm Hầu và Bành Việt mà thôi, nay hai người này đã chết, ngoài ra không ai đáng sợ.

Cho nên Bô làm phản. Đúng như Tiết Công đã trù tính. Bô phía Đông đánh Kinh. Kinh Vương Lưu Giả bỏ chạy, chết ở Phù Lăng. Bô cướp tất cả binh của đất Kinh, vượt qua sông Hoài đánh Sở, Sở đem binh đánh nhau với Bô, đánh ở giữa huyện Từ và huyện Đông, Sở chia làm ba đạo quân, muốn để cứu lẫn nhau, cho là hay. Có người nói với tướng Sở:

- Bô thạo về việc dùng binh, dân vốn sợ Bô. Vả lại, theo Binh pháp nói: “Khi nào chư hầu đánh ở đất mình thì có nguy cơ bị đánh tan”(3). Nay ông lại tách ra làm ba cánh quân, nếu nó đánh bại một cánh quân của ta, thì hai cánh quân kia đều bỏ chạy, làm sao có thể cứu nhau được ?

Viên tướng Sở không nghe. Quả nhiên thấy Bô đánh tan một cánh quân, hai cánh quân kia đều bỏ

chạy toán loạn. Bồ bèn đi về hướng Tây gặp quân của nhà vua ở Tụy phía Tây thành Kỳ. Quân Bồ rất tinh nhuệ. Nhà vua bèn xây thành lũy tại Dung Thành, trông thấy quân của Bồ dàn trận như quân của Hạng Tịch. Nhà vua căm ghét, nhà vua và Bồ nhìn thấy nhau, nhà vua từ xa gọi:

- Nhà ngươi khổ cực gì mà lại làm phản?

Bồ nói:

- Ta muốn làm hoàng đế đó thôi.

Nhà vua nổi giận mắng Bồ. Trận chiến đấu lớn diễn ra. Quân Bồ thua, bỏ chạy, vượt qua sông Hoài. Mấy lần quân Bồ dừng lại đánh nhưng không lợi. Bồ cùng hơn trăm người chạy đến Giang Nam. Bồ vốn là bà con bên vợ với Phiên Quân cho nên Ai Vương làm Trường Sa Vương sai người giả vờ cùng chạy trốn với Bồ và dụ Bồ chạy vào đất Việt. Bồ tin theo, vào Phiên Dương. Người Phiên Dương giết Bồ ở cái nhà trong đồng quê.

Nhà vua bèn diệt Kinh Bồ lập hoàng tử Trường làm Hoài Nam Vương, phong Bồn Hách làm Kỳ Tư Hầu, các tướng phần lớn được phong tước theo công lao của mình.

5. Thái sử công nói:

Tổ tiên của Anh Bồ phải chăng là người họ Anh ở nước Lự, con cháu của Cao Giao đã bị quân Sở diệt từ thời Xuân Thu ? Thân mình bị hình phạt nhưng tại sao lại nổi lên nhanh như vậy ? Họ Hạng chôn sống và giết người hàng ngàn, hàng vạn và Bồ thường là người bày đầu những việc bạo ngược ấy. Công Bồ cao nhất trong chư hầu. Nhờ cách đó, Bồ được làm vương, nhưng cũng không khỏi chết, bị đời mắng nhiếc. Tất cả tai họa sinh ra từ người thiếp yếu. Cái ghen gây nên tai họa, cuối cùng đưa đến chỗ nước bị tiêu diệt.

Chú thích:

(1). Tên là Anh Bồ, nhưng bị chạm (Kinh) vào mặt cho nên gọi là Kinh Bồ. Lời nói này ngụ ý chê bai.

(2). Xem Hạng Vũ bản kỷ

(3). Binh sĩ dễ tan vì nhớ nhà.

Phần 35

Hoài Âm Hầu liệt truyện

1. Hoài Âm Hầu Hàn Tín là người huyện Hoài Âm. Khi còn hàn vi, nhà nghèo, tài năng đức hạnh không có gì để được cử làm quan, lại không biết lo công việc làm ăn buôn bán. Thường theo người ta ăn bám, nhiều người chán ghét. Tín thường ăn bám ở nhà đình trưởng đình Nam Xương làng Hạ Hương. Được mấy tháng, người vợ của đình trưởng lo phiền, bèn nấu cơm từ sáng ngồi trên giường mà ăn. Đang lúc ăn thì Tín đến, họ không để Tín cùng ăn. Tín cũng biết ý họ, nổi giận tuyệt giao ra đi. Tín câu cá ở dưới thành, trong số những người đàn bà đập vải, có một bà thấy Tín đói, cho Tín ăn cơm suốt mấy mươi ngày, cho đến khi đập vải xong. Tín mừng nói với bà:

- Thế nào tôi cũng đền ơn bà xứng đáng.

Bà ta giận nói:

- Kẻ đại trượng phu không có thể nuôi nổi thân mình, tôi thương cậu nên mời ăn, chứ có phải mong cậu báo đáp đâu?

Trong số những người hàng thịt ở Hoài Âm, có một người trẻ tuổi trêu Tín nói:

- Mày tuy cao lớn lại thích mang đao kiếm, nhưng trong lòng thì nhát thôi.

Y làm nhục Tín trước mặt mọi người:

- Tín ? Mày dám chết thì hãy đâm tao, nếu không dám chết thì luồn dưới háng tao đây.

Thế là (1) Tín nhìn người kia dăm dăm, cúi xuống bò qua háng. Cả chợ đều cười Tín là nhát gan.

Đến khi Hạng Lương qua sông Hoài, Tín chống gươm đi theo, ở dưới cờ chẳng có tiếng tăm gì.

Hạng Vương bại trận, Tín lại theo Hạng Vũ. Hạng Vũ cho làm trung. Tín nhiều lần bày mưu cho

Hạng Vũ, nhưng Vũ không dùng. Khi Hán Vương vào đất Thục, Tín bỏ Sở theo về Hán. Cũng không có tiếng tăm gì (2), được làm chức liên ngao (3) ! Tín phạm tội bị xử chém, cả bè lũ mười ba người đều đã chém hết; đến lượt Tín, Tín ngẩng đầu lên nhìn, chợt thấy Đàng Công liền nói:

- Nhà vua không muốn lấy thiên hạ hay sao ? Tại sao chém tráng sĩ ?

Đàng Công thấy lời nói kỳ lạ, dung mạo hiên ngang nên tha mà không chém.

Đàng Công cùng nói chuyện, rất hài lòng. Đàng Công nói với nhà vua, được cho làm độ úy, coi về thóc, nhưng vẫn chưa thấy có tài gì lạ (4).

2. Tín thường nói chuyện với Tiêu Hà. Tiêu Hà rất phục. Khi vua Hán đến đất Nam Trịnh, trên đường đi, các tướng bỏ trốn đến mấy chục người. Tín xem chừng bọn Hà đã mấy lần tâu với nhà vua, nhưng nhà vua không dùng mình, cho nên bỏ trốn. Hà nghe tin Tín bỏ trốn liền thân hành theo tìm, không kịp báo cho vua biết. Có người nói với nhà vua:

- Thừa tướng Tiêu Hà bỏ trốn rồi !

Nhà vua cả giận như người mất tay phải, tay trái. Được hai ngày, Tiêu Hà đến ra mắt nhà vua. Nhà vua vui mừng vừa mừng vừa giận mắng (5) Hà:

- Tại sao nhà ngươi lại bỏ trốn?

Hà đáp:

- Thừa thần không dám bỏ trốn, thần theo bắt người bỏ trốn đấy ạ .

Nhà vua hỏi:

- Nhà ngươi theo bắt ai ?

Hà đáp:

- Theo Hàn Tín !

Nhà vua lại mắng:

- Các tướng bỏ trốn đến hàng chục, nhà ngươi không đuổi theo ai, lại đuổi theo Hàn Tín, nói láo !

Hà đáp:

- Các tướng đều dễ kiếm thôi, còn như Tín là kẻ quốc sĩ (6) có một không hai. Nhà vua nếu cứ muốn làm vương mãi ở Hán Trung, thì chẳng cần Tín làm gì chứ nếu muốn tranh lấy thiên hạ thì ngoài Tín ra chẳng có thể bàn công việc với ai (7). Chẳng hiểu nhà vua định đi theo đường nào ?

Vua nói:

- Ta cũng muốn sang Đông chứ lẽ nào lại bực bội ngồi ở đây mãi được ư ?

Hà nói:

- Nhà vua nhất định muốn sang Đông, dùng được Hàn Tín, Tín sẽ ở lại, nếu không dùng được thì

Tín thế nào cũng bỏ trốn đấy (8).

Nhà vua nói:

- Ta sẽ vì ông, cho hắn làm tướng.

Hà nói:

- Tuy được làm tướng, Tín cũng không ở lại đâu.

Nhà vua nói:

- Thì cho làm đại tướng.

Hà nói:

- May lắm ?

Vua bèn muốn mời Hàn Tín vào để phong. Tiêu Hà nói:

- Tính nhà vua vốn ngạo mạn, vô lễ, phong một đại tướng như gọi một đứa trẻ con đến, chính vì thế mà Tín bỏ đi đấy. Nếu nhà vua quả thật muốn phong cho ông ta thì phải chọn ngày tốt, trai giới, lập đàn, bày đủ lễ mới được.

Nhà vua bằng lòng. Các tướng đều mừng, ai cũng cho rằng mình sẽ được làm đại tướng. Đến khi phong đại tướng lại là Hàn Tín, cả ba quân đều ngơ nác (9).

Tín lạy xong, lên ngôi ở trên đàn, nhà vua nói:

- Thừa tướng nhiều lần nói đến tướng quân, tướng quân có kế gì để dạy bảo quả nhân ?

Tín từ tạ, nhân đấy hỏi nhà vua:

- Nay nhà vua sang Đông tranh quyền thiên hạ, có phải là tranh với Hạng Vương không ?

Hán Vương nói:

- Phải.

Hàn Tín nói:

- Đại vương thử xem mình với Hạng Vương, ai dũng cảm, dữ tợn, nhân từ và hùng mạnh hơn (10)?

Hán Vương im lặng hồi lâu, nói:

- Tôi không bằng.

Tín lạy hai lạy (11) và nói:

- Tín cũng nghĩ rằng đại vương không bằng, nhưng thần đã từng thờ y, vậy xin nói Hạng Vương là người như thế nào. Hạng Vương khi hò hét, quát tháo, nghìn người đều khiếp vía, nhưng ông ta không biết tin dùng tướng tài, thì đó chẳng qua là cái dũng của kẻ thất phu mà thôi. Hạng Vương tiếp người thì cung kính, thương yêu, nói năng dịu dàng; người ta đau ốm thì chảy nước mắt khóc, cùng chia thức ăn, thức uống. Nhưng khi người ta có công đáng được phong tước thì để cho ấn khắc bị hư mòn, tiếc mà không đem cho. Như thế thì gọi là lòng nhân của đàn bà vậy. Hạng Vương tuy làm bá trong thiên hạ, các chư hầu thần phục, nhưng không ở đất Quan Trung, lại đóng đô ở Bành Thành. Hạng Vương trái lời giao ước của Nghĩa Đế phong những người thân tín của mình làm vương. Chư hầu bất bình, thấy Hạng Vương dời đuổi Nghĩa Đế đến Giang Nam nên cũng trở về đuổi chủ của mình mà tự lập làm vương ở nơi địa thế tốt. Hễ đi qua đâu Hạng Vương cũng tàn sát người ta, thiên hạ đều oán, trăm họ không gần gũi chỉ sợ uy mà miễn cưỡng theo đấy thôi. Tiếng tuy là lớn nhưng thực ra thì mất lòng thiên hạ. Cho nên nói rằng cái mạnh của ông ta dễ làm yếu đi. Nay nếu như đại vương có thể làm trái hẳn điều ông ta đã làm, dùng những người vũ dũng trong thiên hạ thì đánh đâu mà chẳng được ? Lấy thành ấp trong thiên hạ, phong cho các công thần thì ai mà chẳng theo ? Lấy nghĩa binh đi theo những quan sĩ muốn về Đông thì phá chỗ nào mà chẳng tan (12)? Và chẳng những người làm vương ở Tam Tần (12) nguyên là các tướng Tần cai quản con em người Tần đã mấy năm, giết hại con em không kể xiết, lại lừa dối quân sĩ, đầu hàng chư hầu. Khi đến Tân An, Hạng Vương lừa chôn sống hai mươi vạn quân Tần đã đầu hàng, chỉ có Hàm, Hân và Ế là được thoát, bọn cha anh ở Tần oán ba người này đến tận xương tủy. Nay nước Sở dùng uy lực ép nhân dân đem ba người ấy làm vương, dân Tần chẳng ai ưa cả. Trái lại đại vương vào Quan Trung tơ hào không phạm đến, trừ bỏ những thứ luật pháp hà khắc của Tần, cùng với nhân dân Tần giao ước. Pháp luật theo ba khoản (14), dân Tần ai cũng muốn được đại vương làm vua đất Tần. Theo lời giao ước của chư hầu thì đại vương đáng làm vương ở Quan Trung, dân Quan Trung đều biết như thế. Đại vương mất chức vương ở Quan Trung phải vào Hán Trung, dân Tần ai cũng tiếc (15). Nay đại vương đem quân sang Đông, có thể truyền hịch mà bình dịch được Tam Tần.

Hán Vương cả mừng, tự cho là gặp Hàn Tín quá muộn, bèn nghe theo lời Hàn Tín, sắp đặt các

tướng để nhằm tấn công.

3. Tháng tám, Hán Vương đem binh sang Đông, đi ra khỏi huyện Trần Thương, bình định đất Tam Tần. Năm thứ hai nhà Hán (năm 205 trước Công nguyên), đem quân ra cửa ải thu đất Hà Nam của Ngụy. Hán Vương và Ân Vương đều đầu hàng. Hán Vương hợp với Tề và Triệu cùng đánh Sở. Tháng tư đến Bành Thành, quân của Hán bị đánh bại, tan tác trở về. Tín thu binh hợp với Hán Vương ở Huỳnh Dương, lại đánh phá quân Sở ở miền giữa đất Kinh và đất Sách. Quân Sở vì vậy vẫn không thể đi ra hướng Tây.

Sau khi quân Hán bị thua trận ở Bành Thành, Tắc Vương là Hàn và Địch Vương là É bỏ Hán đầu hàng Sở. Nước Tề, nước Triệu cũng phản lại Hán mà hòa với Sở. Tháng sáu Ngụy Vương là Báo xin nghỉ để về thăm cha bị bệnh. Về đến nước, Ngụy Vương liền cắt đường giao thông ở Hà Quan, phản lại Hán, giao hiếu với Sở. Vua Hán sai Lịch Sinh thuyết phục Báo, nhưng Báo không nghe. Tháng tám năm ấy nhà vua phong Tín làm tả thừa tướng để đánh Ngụy. Vua Ngụy đem nhiều binh đến Bồ Bản chặn cửa sông Lâm Tấn, Tín dàn thêm nghi binh, bày thuyền bè như muốn vượt qua sông Lâm Tấn; nhưng trái lại dùng phục binh đi đường đất Hạ Dương, lấy thùng gỗ để cho quân vượt qua sông, đánh úp đất An Ấp. Ngụy Vương Báo cả kinh, đem binh đến đánh Tín. Tín liền bắt Báo cầm tù, bình định đất Ngụy, làm thành quận Hà Đông, Hán Vương sai Trương Nhĩ cùng với Hàn Tín đem binh sang Đông đi về hướng Bắc, dành nước Triệu, nước Đại. Tháng chín nhuận năm ấy, Tín phá quân Đại, bắt được Hạ Duyệt ở đất Ứ Dục. Sau khi Tín lấy được nước Ngụy phá được nước Đại, Hán Vương liền sai người thu tinh binh của Tín đem đến Huỳnh Dương để chống Sở. Tín và Trương Nhĩ cầm quân mấy vạn, muốn đi về phía Đông xuống Tỉnh Hình để đánh Triệu. Vua Triệu và Thành An Quân là Trần Dư nghe tin quân Hán sắp đánh úp, bèn tụ tập quân đội ở Tỉnh Hình, phao là hai mươi vạn. Quảng Vũ Quân là Lý Tả Xa nói với Thành An Quân:

- Nghe nói tướng Hán là Hàn Tín vượt Tây Hà bắt Ngụy Vương, bắt sống Hạ Duyệt, vừa mới đổ máu ở Ứ Dục, nay lại thêm Trương Nhĩ giúp sức, ý muốn lấy nước Triệu. Đó là họ thừa thắng và đi xa nước mà đánh, tình thế khó đương đầu với nó. Tôi nghe nói: vận lương nghìn dặm, quân sĩ có đáng đối; đội hái củi cắt cỏ mà nấu ăn, lính tráng không được no. Nay đường ở Tỉnh Hình không thể cùng đi hai xe một lần. Quân kỵ không thể sắp thành hàng, đi vài trăm dặm thì thể nào lương thực cũng tụt lại sau. Xin túc hạ cho tôi ba vạn kỵ binh, đi theo đường tắt để chặn đường vận tải; còn túc hạ thì đào hào cho sâu, đắp thành cho cao, giữ chặt lấy thành, đừng đánh với họ. Quân của họ tiến lên trước không được đánh, mà rút lui lại không được về, tôi dùng kỵ binh chặn đằng sau, khiến cho họ không thể cướp được gì ở ngoài đồng. Như thế không đầy mười ngày, đầu hai tướng sẽ nộp ở dưới cờ. Xin ngài lưu ý đến kế của tôi. Nếu không thể nào cũng bị hai tên ấy bắt. Thành An Quân vốn là nhà nho, thường nói rằng: “Nghĩa binh thì không dùng mẹo lừa dối, mưu kỳ lạ”, nói:

- Tôi nghe nói theo binh pháp “mình gấp mười thì vây, gấp đôi thì đánh” (16). Nay Hàn Tín binh phao là mấy vạn người nhưng thực ra chẳng qua chỉ mấy nghìn. Họ vượt nghìn dặm đánh úp chúng ta thì cũng đã mệt mỏi lắm rồi. Nếu như chúng ta trốn tránh không đánh, về sau có quân địch đông hơn, ta làm sao thắng được? Như thế chớ hầu sẽ bảo ta là nhát và coi thường việc đánh ta.

Vì vậy không nghe mưu kế của Quảng Vũ Quân. Hàn Tín sai người sang thăm thính, biết mưu của Quảng Vũ Quân không được dùng, cả mừng, bèn đem quân thẳng xuống. Chưa đến cửa Tỉnh Hình, cách ba mươi dặm, dừng lại cắm trại. Nửa đêm truyền lệnh xuất phát. Chọn hai nghìn quân kỵ trang bị nhẹ, mỗi người cầm một lá cờ đỏ đi theo đường tắt lên lút sang nói theo dõi quân Triệu. Tín ra lệnh: “Triệu thấy ta chạy, thể nào cũng bỏ trống thành mà đuổi ra. Chúng mày tiến vào ngay trong thành, nhổ cờ của Triệu dựng cờ đỏ của Hán”. Khiến bọn ty tướng truyền bảo ăn cơm lót lòng thôi, và nói:

- Hôm nay phá quân Triệu xong sẽ họp nhau ăn tiệc.

Các tướng không ai tin, giả vờ đáp:

- Dạ.

Lại nói với tướng sĩ:

- Quân Triệu đã giữ địa thế tiện lợi trước để xây đồn lũy, chúng lại chưa thấy cờ trống, đại tướng của ta nên chưa chịu tiến lên đánh đội tiên phong vì chúng sợ ta đến nơi đường hẹp, hiểm trở thì quay lại.

Tín bèn sai một vạn người đi trước bày trận quay lưng ra sông.

Quân Triệu ở xa nhìn thấy, cười vang.

Lúc bình minh, Tín dựng cờ đại tướng, đánh trống lên, kéo quân ra cửa Tinh Hình. Quân Triệu mở cửa lũy, đánh nhau to một hồi lâu. Bấy giờ Hàn Tín, Trương Nhĩ vờ bỏ cờ trống chạy đến đạo quân gần sông. Đạo quân gần sông rẽ ra, đón lấy họ, rồi lại chiến đấu dữ dội. Quân Triệu quả nhiên bỏ thành ra tranh lấy cờ trống của Hán, đuổi theo Hàn Tín, Trương Nhĩ. Sau khi Hàn Tín, Trương Nhĩ đã nhập vào đạo quân ở gần sông thì quân đội đều liệu chết chiến đấu không thể nào đánh bại được. Hai nghìn quân kỵ mà Tín đã cho đi từ trước chờ đến khi quân Triệu bỏ lũy trống để đuổi theo để lấy cờ trống của Hán, liền ruổi nhanh vào trong thành, nhổ tất cả cờ xí của Triệu để dựng hai nghìn lá cờ đỏ của Hán. Quân Triệu đã không thắng không bắt được bọn Tín, muốn quay trở về đồn, nhưng trong thành toàn là cờ đỏ của Hán thì cả sợ, cho rằng quân Hán đã bắt được tướng của Triệu Vương rồi. Quân sĩ hỗn loạn bỏ chạy. Tướng Triệu chém cũng không ngăn được. Quân Hán hai bên áp lại, phá tan quân Triệu, chém Thành An Quân trên sông Chi Thủy, bắt Triệu Vương là Yết. Tín ra lệnh cho quân đội không được giết Quảng Vũ Quân, ai bắt sống được ông ta thì thưởng ngàn vàng. Có người trói Quảng Vũ Quân nộp dưới cờ, Tín bèn cởi trói cho ông ta và cho ngồi quay mặt về hướng Đông(17), còn mình ngồi quay mặt về hướng Tây, thờ làm thầy.

Các tướng đem thủ cấp và tù binh đến nộp đầu đầy và chúc mừng. Các tướng nhân dịp hỏi Tín:

- Binh pháp nói “Bên phải sau lưng thì núi gò, trước mặt bên trái thì sông đầm” (18) nay tướng quân lại sai bọn chúng tôi quay lưng ra sông mà bày trận, nói rằng phá xong quân Triệu sẽ ăn cơm. Bọn chúng tôi không phục nhưng kết quả lại thắng, không biết đó là thuật gì ?

Tín nói:

- Điều đó ở trong binh pháp, chỉ có điều các anh không xét đến nà thôi. Chẳng phải binh pháp có nói: “Hãm vào đất chết thì sau nó mới sống, dắt vào chỗ mất thì sau nó mới còn” (19) đó sao? Vả chẳng Tín không phải có những tướng sĩ đã từng được huấn luyện. Đây cũng như người ta nói là kéo những người ngoài chợ bắt họ đi đánh. Tình thế này nếu không đặt họ vào nơi đất chết khiến cho người nào cũng vì mình mà chiến đấu thì không được. Nếu như ta để cho họ vào nơi đất sống thì họ đều bỏ chạy, ta còn làm sao dùng họ được nữa.

Các tướng đều phục mà rằng:

-Hay lắm, quả chúng tôi không nghĩ đến được.

Tín bèn hỏi Quảng Vũ Quân:

- Tôi muốn phía Bắc đánh nước Yên, phía Đông đánh nước Tề, làm thế nào thì thành công ?

Quảng Vũ Quân từ tạ mà rằng:

- Tôi nghe nói “làm tướng mà quân đã thua trận thì không thể nói là dũng cảm, quan đại phu của nước đã mất thì không thể bàn đến việc bảo tồn nước” (20). Nay tôi là tên tù bại trận đâu có xứng đáng bàn đến việc đại sự.

Tín nói:

- Tôi nghe nói Bách Lý Hề ở nước Ngưu thì nước Ngưu mất, ở nước Tần thì nước Tần làm bá, không phải ông ta ở nước Ngưu thì ngu mà về nước Tần thì khôn, chỉ vì ông ta được dùng hay không, được nghe hay không đó thôi. Giả sử Thành An Quân nghe theo kế của túc hạ thì bọn Tín cũng đã bị bắt rồi. Chỉ vì ông ta không dùng mưu của túc hạ cho nên Tín mới được hầu chuyện đó thôi.

Tín bèn van nài mãi:

- Tôi hết lòng nguyện theo kế của túc hạ xin túc hạ chớ từ chối.

Quảng Vũ Quân nói:

- Tôi nghe nói “người khôn nghĩ một nghìn điều, thế nào cũng có một điều sai; người ngu nghĩ một nghìn điều, thế nào cũng có một điều đúng” (21), cho nên có câu “lời nói của người cuồng cũng được thánh nhận xét đến” chỉ sợ mưu kế của tôi chưa chắc đã dùng được, nhưng cũng xin bày chút trung thành đại đột. Thành An Quân có kế bách chiến bách thắng, không may phút chốc thất bại, quân đội bị thua ở gần đất Cảo Thành, thân chết trên sông Chi Thủy. Nay tướng quân vượt Tây Hà, cầm tù vua Ngụy, bắt sống Hạ Duyệt ở Ú Dục; đánh một trận lấy Tinh Hình; chưa trọn buổi sáng đã phá được hai mươi vạn quân Triệu, giết Thành An Quân. Danh tiếng nổi trong nước, uy thế rung động thiên hạ. Người nông phu không ai không nghỉ việc, buông cày, mặc áo đẹp, đem thức ăn ngon, nghiêng tai để chờ quyết định vận mệnh (22). Đó là cái sở trường của tướng quân. Nhưng nay

quân mệt, lính mỏi, đóng lâu ở dưới chân thành kiên cố của nước Yên. Muốn đánh thì sợ đánh lâu mà sức không thể lấy được. Thực tình sẽ lộ ra uy thế bị giảm, lâu ngày hết lương mà nước Yên yếu thế kia vẫn không phục, nước Tề thế nào cũng giữ biên giới để tự cường. Nước Yên, nước Tề đều chống cự không chịu đầu hàng, thì chưa biết họ Lưu hay họ Hạng sẽ nắm phần thắng lợi. Đó là sở đoán của tướng quân. Tôi là người ngu, trộm cho kế của ngài là sai. Vì vậy kẻ giỏi dùng binh không lấy cái sở đoán để đánh cái sở trường mà lấy cái sở trường để đánh cái sở đoán

Hàn Tín nói: .

- Như vậy thì làm thế nào ?

Quảng Vũ Quân đáp:

- Nay tính mưu kế cho tướng quân, không gì bằng xếp giáp cho quân nghỉ ngơi, bình định nước Triệu, vỗ về những người con mất cha, trong vòng trăm dặm, vò rượu ngày nào cũng đem đến để thết sĩ phu, khao quân lính, hướng về nước Yên ở phía Bắc mà đóng quân. Sau đó sai người biện sĩ mang một bức thư, nói rõ cái sở trường của mình với nước Yên, chắc chắn nước Yên không dám không nghe theo. Nước Yên đã nghe theo, sai người biện sĩ đi về hướng Đông nói với Tề, nước Tề thế nào cũng nghe theo như cỏ lướt trước ngọn gió đầu có người mưu trí cũng không biết bày cách gì cho Tề. Như thế thì có thể lấy được thiên hạ. Việc binh vốn có cái thuật “trước hư trương thanh thế rồi sau mới dùng thực lực”, tức là như thế (23).

Hàn Tín nói:

- Phải (24).

Tín theo theo mưu kế ấy, cho sứ sang nước Yên, nước Yên như ngọn cỏ lướt trước ngọn gió. Tín lại sai sứ báo với Hán, nhân tiện xin lập Trương Nhĩ làm Triệu Vương để cai trị và vỗ về nước này. Vua Hán ưng thuận, bèn lập Trương Nhĩ làm Triệu Vương (25).

4. Nước Sở mấy lần sai kỳ binh vượt qua sông Hà đánh Triệu. Triệu Vương là Nhĩ và Hàn Tín đi đi lại lại để cứu Triệu, nhân lúc đi lại bình định các thành ấp ở Triệu, đem binh đến giúp Hán Vương. Nước Sở đang bận vào việc vây Hán Vương ở Huỳnh Dương, Hán Vương đi ra về phía Nam, đến giữa miền Uyên và Diệp, gặp được Kinh Bồ, chạy vào Thành Cao. Quân Sở lại bao vây rất gấp. Tháng sáu, Hán Vương ra khỏi Thành Cao, đi về hướng Đông, vượt qua sông Hoàng Hà, chỉ có một mình Đổng Công cùng đi. Hán Vương theo quân của Trương Nhĩ đến Tu Vũ. Đến nơi, Hán Vương nghỉ ở ngoài quán trọ. Sáng sớm, Hán Vương tự xưng là sứ thần nhà Hán, phi ngựa vào trong thành Triệu. Trương Nhĩ, Hàn Tín chưa dậy, Hán Vương vào trong phòng ngủ (26), cướp ấn tín và binh phù, dùng cò mao (27) để triệu tập các tướng, thay đổi chức vị các tướng. Tín và Nhĩ thức dậy, mới biết là Hán Vương đã đến, cả sợ. Hán Vương sau khi đoạt quân của hai người liền ra lệnh cho Trương Nhĩ giữ lấy đất Triệu, phong Hàn Tín làm tướng quốc, thu quân đội của Triệu chưa phái đến Huỳnh Dương để đánh Tề (28).

Tín đem quân sang Đông, chưa vượt qua bến sông Bình Nguyên thì nghe tin sứ thần của Hán Vương là Lịch Tự Cơ đã thuyết phục được nước Tề đầu hàng. Hàn Tín muốn dừng lại. Người biện sĩ đất Phạm Dương là Khoái Thông (29) bàn với Hàn Tín:

- Tướng quân nhận chiếu đánh nước Tề, nay Hán Vương chỉ sai một người ly gián mà khiến nước Tề đầu hàng, nhưng đã có chiếu chỉ bảo tướng quân dừng lại đâu ? Tại sao tướng quân lại không đi ? Và chẳng Lịch Sinh là một kẻ sĩ kính cần mùa ba tác lược mà hạ được hơn bảy mươi thành của nước Tề, tướng quân cầm mấy vạn quân hơn một năm mới hạ được hơn năm mươi thành của Triệu. Làm tướng quân mấy năm mà công không bằng một anh nhà nho hay sao ?

Tín cho là phải, theo kế của Thông, vượt qua sông Hà, nước Tề đã nghe lời Lịch Sinh nên giữ Lịch Sinh ở lại uống rượu, triệt bỏ các quân đội để phòng ngự quân Hán.

Tín nhân đó đánh úp quân Tề ở Lịch Hạ, đi đến Lâm Tri. Vua Tề là Điền Quang cho rằng Lịch Sinh lừa mình nên nấu Lịch Sinh và trốn đến đất Cao Mật, sai sứ đến nước Sở để cầu cứu. Sau khi đã bình định Lâm Tri, Hàn Tín đi về hướng Đông, đuổi Quảng đến phía Tây đất Cao Mật. Sở cũng sai Long Thư làm tướng, phao là hai mươi vạn quân, đem quân đến cứu Tề.

Vua Tề là Quảng cùng Long Thư dôn quân để đánh nhau với Tín. Lúc chưa giao chiến, có người bàn với Long Thư:

- Quân Hán thừa thắng đi đánh xa, xuất toàn lực để chiến đấu ở đất mình thì quân dễ thua và rối loạn. Chi bằng đào hào sâu, đắp lũy cao, bảo vua Tề cho người tới tin cần kêu gọi vỗ về những

thành đã mất. Các thành đã mất, nghe tin vua mình vẫn còn, quân Sở lại đến cứu thì thế nào cũng phản lại quân Hán. Quân Hán ở nơi đất khách, cách quê nhà hai nghìn dặm, các thành của Tề lại làm phản, thì thế nào cũng không có gì ăn, có thể không đánh mà bắt họ đầu hàng.

Long Thư nói:

- Ta bình sinh biết Hàn Tín là người như thế nào rồi. Nó cũng xoàng thôi ! Và chẳng, cứu Tề mà không đánh nó, khiến nó hàng thì không có công cán gì ? Nay ta đánh thắng nó thì có thể được một nửa nước Tề, tại sao lại không đánh ?

Rồi bày trận hai bên sông Tuy Thủy. Hàn Tín đang đem sai người làm hơn một vạn cái dây đồ đầy cát chặn lấy thượng lưu dòng sông rồi đem quân qua nửa chừng đánh Long Thư, giả vờ không thắng, quay lưng bỏ chạy về. Long Thư quả nhiên mừng rỡ nói:

- Ta biết Hàn Tín nhất gan mà ?

Bèn đuổi theo, qua sông. Tín cho người phá các bao đựng cát, nước sông chảy ào ào, đại quân của Long Thư quá nửa không qua được, quân Tín liền đánh gấp, giết Long Thư. Bộ phận quân của Long Thư phía Đông dòng sông bỏ chạy toản loạn. Vua Tề là Quảng chạy trốn. Tín liền đuổi theo đến đất Thành Dương, bắt bỏ tù tất cả lính Sở.

Năm thứ tư nhà Hán (năm 203 trước Công nguyên) tất cả đều đầu hàng. Hàn Tín bình định nước Tề, sai người nói với vua Hán:

- Nước Tề là nước gian dối, hay gây biến, tráo trở. Biên giới phía Nam là nước Sở, nếu không lập giả vương (30) để giữ thì không thể bình định được. Xin cho làm giả vương.

Lúc bấy giờ quân Sở đang vây Hán Vương rất gấp ở thành Huỳnh Dương. Sứ giả của Hàn Tín đến, Hán Vương mở phong thư ra, cả giận mắng:

- Tao đang nguy khốn ở đây, sớm chiều trông mảy đến giúp thế mà mảy lại muốn tự lập làm vương à ?

Trương Lương, Trần Bình giẫm vào chân Hán Vương, nhân đấy ghé vào tai Hán Vương nói:

- Nhà Hán hiện nay bất lợi, có thể cấm không cho Tín làm vương được không? Chỉ bằng nhân đấy mà lập, đối xử với ông ta cho tử tế, khiến ông ta vì mình mà giữ. Nếu không sẽ sinh biến.

Hán vương tỉnh ngộ, nhân đấy lại mắng (31):

- Đại trượng phu đã bình định được chư hầu tức là vua “thật” rồi, chứ làm vua “giả” gì nữa?

Hán Vương liền sai Trương Lương đi lập Tín làm Tề Vương, trưng dụng binh của Tín đến đánh Sở (32).

5. Sau khi Sở mất Long Thư, Hạng Vương sợ sai Vũ Thiệp, người Vu Thai đến nói với Tề Vương Tín:

- Thiên hạ đều khổ vì nhà Tần đã lâu rồi, nên cùng nhau chung sức đánh Tần. Tần đã bị phá, định công, cắt đất làm vương, để cho sĩ tốt nghỉ ngơi. Nay Hán Vương lại dấy binh, đem quân sang Đông, lấy phần đất của người khác, cướp đất đai của người ta. Hán đã phá Tam Tần, đem binh ra cửa ải, thu quán đội của chư hầu để sang Đông đánh Sở. Ý của ông ta là chưa nuốt hết cả thiên hạ thì chưa chịu thôi, không biết thế nào là vừa, thực là quá đáng. Và chẳng, số mệnh của Hán Vương chưa có gì là chắc chắn. Đã mấy lần chính ông ta nằm trong tay Hạng Vương. Hạng Vương thương hại tha cho sống; nhưng vừa thoát ra đã bội ước ngay, lại đánh Hạng Vương. ông ta là người không thể thân tín như vậy, nay tức hạ tuy tự cho rằng Hán Vương đối đãi với mình rất hậu, nên đem hết sức ra cầm quân, nhưng rốt cục thế nào tức hạ cũng bị ông ta bắt mà thôi. Tức hạ sở dĩ còn được sống sót đến nay là vì Hạng Vương hãy còn. Hiện nay Hán Vương, Hạng Vương ai thắng, ai bại là ở tức hạ. Tức hạ theo về phía bên phải thì Hán Vương thắng, theo về phía bên trái thì Hạng Vương thắng. Hôm nay Hạng Vương mất thì hôm sau đến lượt tức hạ đấy. Tức hạ sao lại không phản lại Hán mà hòa với Sở, chia thiên hạ làm ba mà làm vương một phần ? Nay tức hạ có cơ hội này, đem hết tâm lực để theo Hán đánh Sở. Làm người mưu trí lại như thế ư.

Hàn Tín từ chối mà rằng:

- Tôi thờ Hạng Vương, quan chẳng qua là lang trung, địa vị chẳng qua là cầm kích đứng hầu ở điện, lời nói ra không được nghe, mưu kế đưa ra không được dùng, cho nên tôi bỏ Sở mà theo Hán. Hán Vương trao cho tôi ấn thượng tướng quân, giao cho tôi mấy vạn binh, cởi áo của mình để cho tôi được dùng. Cho nên tôi mới được như thế này. Phàm người ta hết sức tin cậy mình thành thực như thế mà mình phản lại là điều chẳng lành. Tôi dù chết cũng không thay lòng đổi dạ. Nhờ ông thừa lại

với Hạng Vương rằng Tín từ chối.

Sau khi Vũ Thiệp đi rồi, người nước Tề là Khoái Thông biết rằng thiên hạ ai thắng ai bại là ở Hàn Tín, muốn dùng kế lạ để làm Tín cảm động nên dùng thuật xem tướng để thuyết phục Hàn Tín.

Khoái Thông nói:

- Tôi đã từng học thuật xem tướng.

Hàn Tín nói:

- Phép xem tướng của tiên sinh như thế nào ?

Thông đáp:

- Sang hay hèn là ở cốt cách. Vui hay buồn là nét mặt, được hay thua là ở quyết đoán. Gộp cả ba điều ấy mà xem thì vạn người không sai một (33).

Hàn Tín nói:

- Hay đấy ? Tiên sinh xem quả nhân như thế nào ?

Thông đáp:

- Xin cho văn người chút đã.

Tín nói:

- Tả hữu lui ra rồi.

Thông nói:

- Mặt của tướng quân chẳng qua chỉ được phong hầu, lại còn nguy hiểm không yên. Lưng (34) của tướng quân thì sang không thể nói hết.

Hàn Tín nói:

- Tại sao lại nói như vậy?

Khoái Thông nói:

- Lúc thiên hạ mới khởi sự, các anh hùng hào kiệt đều xưng vương, hiệu triệu kẻ sĩ trong thiên hạ như mây họp, sương mù tụ lại, nhan nhản như vẩy cá, tấp nập như lửa bốc, như gió thổi... Lúc bấy giờ, họ chỉ lo nghĩ đến việc tiêu diệt nhà Tần đang suy vong mà thôi. Nay Sở và Hán tranh giành nhau khiến cho gan mật của những người trong thiên hạ phơi đầy đất, cha con bỏ xương ở ngoài đồng nội, kẻ không sao xiết. Người Sở nổi lên ở Bành Thành, vừa đánh vừa đuổi mãi đến thành Huỳnh Dương, thừa tình thế thuận lợi, cuốn như cuốn chiếu, uy thế vang lừng trong thiên hạ. Tuy vậy, quân của họ bị khốn ở giữa miền đất Kinh, đất Sách, bị núi Tây cản trở không sao tiến lên được (35), đã ba năm nay rồi. Vua Hán cầm mấy chục vạn quân, giữ đất Cung, đất Lạc, dựa vào núi sông hiểm trở, nhưng một ngày đánh mấy lần vẫn không được chút công lao gì, thua chạy không sao tự cứu, bị đánh bại ở Huỳnh Dương, bị thương ở Thành Cao, sau đó chạy sang giữa miền đất Uyển đất Diệp, có thể nói là người khôn hay người mạnh cũng đều bị khốn (36). Nay nhuệ khí bị nhụt ở trước cửa ải hiểm trở, lương thực ở trong kho lại hết, trăm họ mỗi một, hết sức oán giận, nháo nhác không nơi nương tựa. Theo tôi, tình thế này nếu không có kẻ hiền thánh trong thiên hạ thì không sao dẹp nổi tai họa trong thiên hạ. Hiện nay tính mạng của hai vua đều treo ở tay túc hạ. Túc hạ theo Hán thì Hán thắng, theo Sở thì Sở thắng. Tôi xin phơi bày gan ruột, nói rõ lòng thành, trình bày cái kế ngu muội của tôi, chỉ sợ túc hạ không biết dùng. Nếu quả túc hạ nghe theo mưu kế của tôi, thì không gì bằng làm lợi cho cả đôi bên khiến họ đều sống chia ba thiên hạ, đứng theo thế vạc ba chân. Trong tình thế ấy thì cả hai bên không ai dám động binh trước. Túc hạ là người hiền thánh, quân sĩ đông, giữ lấy nước Tề hùng mạnh, bắt nước Yên, nước Triệu theo mình, xuất quân ra miền đất trống ở đằng sau lưng họ mà kiềm chế hậu phương họ (37), thuận theo dân mong muốn quay đầu về hướng Tây để cho trăm họ được sống (38) thì thiên hạ thế nào cũng chạy theo như gió thổi, như tiếng vang, còn ai dám không nghe ! Túc hạ cắt đất nước lớn, làm yếu nước mạnh, để lập chư hầu. Sau khi chư hầu đã được lập, thiên hạ lại nghe theo mà cảm tạ ân đức của nước Tề. Túc hạ cứ giữ lấy nước Tề cũ, nắm lấy đất Giao, đất Tứ, lấy đức của mình để vỗ về chư hầu, kín đáo nhún nhường (39) thì các vua trong thiên hạ thế nào cũng kéo nhau đến châu vua Tề vậy. Tôi được nghe: “Trời cho mà không lấy, thì sẽ mang lấy tội, thời cơ đến mà không theo thì sẽ mang lấy họa, xin túc hạ suy nghĩ cho kỹ”.

Hàn Tín nói:

- Vua Hán đãi tôi rất hậu, lấy xe của mình để cho tôi đi, lấy áo của mình để cho tôi mặc, lấy cơm của mình để cho tôi ăn. Tôi nghe nói “đi xe người ta thì lo điều lo của người ta, mặc áo của

người ta thì mang điều lo nghĩ của người ta, ăn cơm người ta thì chết cho công việc của người ta” (40). Tôi lẽ nào lại chạy theo lợi mà quên nghĩa?

Khoái Thông nói:

- Túc hạ tự cho là mình thân với vua Hán, muốn xây dựng cái công nghiệp muôn đời. Tôi trộm cho thế là lắm (41). Xưa kia, lúc Thường Sơn Vương và Thành An Quân (42) còn là kẻ áo vải thì cùng kết nghĩa, làm bạn sòng chết có nhau. Sau đó, vì câu chuyện cãi nhau về Trương Yên, Trần Trạch mà hai người thù oán nhau. Thường Sơn Vương phản lại Hạng Vương, mang đầu Hạng Anh bỏ trốn về với Hán Vương. Hán Vương phái Thường Sơn Vương đem quân xuống miền Đông, giết Thành An Quân ở phía Nam sông Kỳ, đầu một nơi, chân một nẻo. Rốt cục làm trò cười cho thiên hạ. Hai người ấy chơi với nhau thân thiết nhất trong thiên hạ, rốt cục lại giết lẫn nhau. Tại sao thế? Đó là vì ham muốn nhiều thì sinh lo nghĩ và lòng người khó lường. Nay túc hạ muốn làm việc trung tín để kết giao với Hán Vương thì thế nào tình bạn cũng không vững chắc hơn tình bạn của hai người kia. Đã thế, công việc lại nhiều và lớn hơn việc Trương Yên, Trần Trạch, cho nên tôi cho rằng nếu túc hạ tin rằng Hán Vương thế nào cũng không làm hại mình là lắm to? Ngày xưa, Phạm Lãi, đại phu Chung làm cho nước Việt sắp mất được tồn tại, làm cho Câu Tiễn dựng lên nghiệp bá, lập nên công, thành được danh, thế mà người thì chết, kẻ thì bỏ trốn. Thú trong đồng nội đã hết thì chó săn bị nấu. Nói về mặt bạn bè thân thiết thì túc hạ với Hán Vương không bằng Trương Nhĩ đối với Thành An Quân. Nói về mặt trung tín thì chẳng qua như đại phu Chung, Phạm Lãi đối với Câu Tiễn là cùng, Túc hạ cứ xem hai người đó là đủ rồi. Xin túc hạ suy nghĩ cho sâu (43) và chẳng, tôi nghe nói (44) dùng cảm mưu lược át cả chủ thì nguy đến thân, công lớn bao trùm cả thiên hạ thì sẽ không được thưởng. Tôi xin nói về công lao và mưu lược của túc hạ. Túc hạ vượt Tây Hà, cầm tù Ngụy vương, bắt Hạ Duyệt, đem quân xuống Tĩnh Hình, giết Thành An Quân, chiêu hàng đất Triệu, uy hiếp đất Yên, bình định đất Tề, sang đất Nam đánh gãy hai mươi vạn quân Sở, sang Đông giết Long Thư, quay về Tây để báo công. Như thế có thể nói công ấy không có hai ở trong thiên hạ mà mưu lược ấy không phải đời nào cũng có. Bây giờ túc hạ mang cái uy lẫn át cả chủ, ôm cái công không có cách nào thưởng, theo Sở thì người Sở không tin, về Hán thì người Hán hoảng sợ. Túc hạ muốn mang cái công lao, cái mưu lược ấy về đâu? Mình ở địa vị bầy tôi mà có cái uy lẫn át cả chủ, có cái danh cao nhất trong thiên hạ, tôi trộm thấy làm nguy cho túc hạ.

Hàn Tín cảm ơn nói:

- Tiên sinh hãy về nghỉ, tôi sẽ nghĩ lại xem.

Vài ngày sau Khoái Thông lại đến, nói:

- Nghe là để chuẩn bị mà làm (45), kẻ là then chốt của việc. Nghe sai, kẻ hỏng mà vẫn ở yên được lâu là việc ít có vậy. Người nghe mà phân biệt được việc nên chẳng, thì không thể dùng lời nói để làm rối loạn. Bàn mưu mà không bỏ quên điều gốc và điều ngọn thì không thể lấy lời lẽ văn hoa để làm rối loạn. Cam tâm làm phận sự của bọn tôi tớ thì sẽ mất cái quyền của người muôn cổ xe; cứ bo bo lấy cái lộc ít ỏi thì bỏ lỡ địa vị khanh tướng. Cho nên kiên quyết là cái quyết định người khôn. Ngờ vực làm hại công việc; cứ xét cái kẻ nhỏ tụn mún thì sẽ bỏ sót việc lớn trong thiên hạ. Một khi trí đã biết rõ mà không dám làm thì đó là điều gây nên mọi thứ tai họa. Cho nên có câu nói “con mãnh hổ do dự không bằng con ong, con bọ cạp liều đốt. Ngựa ký dùng dằng không bằng ngựa hèn bước chắc chắn. Mạnh Bồn hồ nghi không bằng con người tầm thường kiên quyết đi đến mục đích. Khôn như Nghiêu, Thuấn mà ngậm miệng không nói thì không bằng kẻ câm người điếc lấy ngón tay chỉ trỏ”. Những điều trên đây, nói rằng cái quý là ở chỗ biết hành động. Đại phạm công lao thì khó thành mà dễ bại; thời cơ thì khó được mà dễ mất. Ôi! Thời cơ không trở lại. Xin túc hạ xét rõ cho.

Hàn Tín do dự không nổi phản lại nhà Hán. Lại tự cho rằng mình lập được nhiều chiến công, nhà Hán dẫu sao cũng không lấy mất nước Tề của mình. Bèn từ tạ Khoái Thông.

Khoái Thông nói không được, bèn giả điên, làm người thầy cúng.

Hán Vương bị nguy khốn ở Cổ Lăng, dùng kế của Trương Lương, triệu Tề Vương là Tín, rồi đem binh họp nhau ở Cai Hạ. Sau khi Hạng Vũ đã bị phá, Cao Tổ cướp mất (46) quân của Tề Vương. Năm thứ năm tháng giêng đời Hán (năm 202 trước Công nguyên) Cao Tổ dời Tề Vương Tín làm Sở Vương, đóng đô ở Hạ Bì (47).

6. Tín về nước, cho gọi bà giặt vải đã cho mình ăn để thưởng ngàn vàng. Lại gọi đình trưởng Nam

Xương ở Hạ Hương thưởng một trăm quan tiền nói:

- Ông là kẻ tiểu nhân, làm ơn không trót.

Sai gọi người thanh niên đã bắt Tín luôn qua háng cho làm trung úy nước Sở. Tín nói với các tướng văn võ:

- Hấn là tráng sĩ đây, lúc hấn làm nhục ta, ta có phải không giết được hấn đâu ? Nhưng giết hấn thì không có danh nghĩa gì (48).

Viên tướng bỏ trốn của Hạng Vương là Chung Ly Muội nhà ở núi Y Lô, Chung Ly Muội vốn chơi thân với Tín. Sau khi Hạng Vương chết, Ly Muội bỏ trốn về với Tín. Hán Vương giận Muội, nghe nói Muội ở Sở, ra chiếu cho Sở Vương bắt Muội. Tín mới về đến nước, đi tuần hành ở các huyện các ấp nơi ra vào đều dàn binh sĩ hộ vệ. Năm thứ sáu đời nhà Hán (năm 201 trước Công nguyên) có người đưa thư lên báo Sở Vương Tín làm phản. Cao Đế dùng mưu kế của Trần Bình, thiên tử đi tuần thú hội họp chư hầu. Ở phương Nam có đất Vân Mộng, Hán Vương sai sứ báo cho chư hầu sẽ họp ở đất Trần: “Ta sẽ đi chơi Vân Mộng”. Kỳ thực nhà vua muốn bắt Tín, nhưng Tín không biết. Cao Tổ sắp đến Sở, Tín muốn khởi binh làm phản, tự nghĩ mình vô tội (49), muốn yết kiến nhà vua, nhưng sợ bị bắt.

Có người nói với Tín:

- Chém Muội để ra mắt nhà vua, nhà vua thế nào cũng mừng, không có gì phải lo.

Tín đến, gặp Muội để bàn việc ấy, Muội nói:

- Nhà Hán sợ dĩ không dám đánh lấy Sở là vì Muội ở nhà ông. Nay ông muốn bắt ta để nịnh nhà Hán, thì ta hôm nay chết nhưng ông cũng chết theo như trở tay mà thôi.

Bèn mắng Tín:

- Nhà ngươi không phải bậc trưởng giả.

Sau đó đâm cổ chết.

Tín ôm đầu Muội ra mắt Cao Tổ ở đất Trần. Nhà vua sai võ sĩ trói Tín lại chở ở xe sau. Tín nói:

- Đúng như người ta nói: “Thỏ khôn hết thì chó giỏi bị nấu, chim cao hết thì cung tốt bị cắt, nước địch bị phá thì mưu thần hết đời”. Thiên hạ đã bình định rồi, ta bị nấu là đáng lắm.

Nhà vua nói:

- Người ta bảo nhà ngươi làm phản.

Bèn trói Tín. Đến Lạc Dương thì tha tội (50) cho Tín làm Hoài Âm Hầu. Tín biết Hán Vương sợ và ghét tài năng mình, cho nên thường cáo bệnh không đi châu. Tín vì vậy ngày đêm oán giận, vẫn thường bực bội, thẹn thùng vì thấy mình đứng ngang hàng bọn Giàng, Quán (51). Tín thường qua chơi nhà tướng quân Phan Khoái. Khoái quý lạ đón và tiễn ra cửa, xưng là “thần”, nói:

- Đại vương lại chịu quá bộ đến nhà “thần” sao ?

Tín bước ra cửa, cười mà rằng:

- Ta nay hóa ra ngang hàng với bọn Khoái.

Nhà vua có lúc thung dung nói chuyện với Tín về tài năng của các tướng, xem tài năng họ như thế nào. Nhà vua hỏi:

- Như ta thì có thể cầm được bao nhiêu quân ?

Tín nói:

- Bệ hạ chẳng qua chỉ cầm được mười vạn.

Nhà vua hỏi:

- Thế còn nhà ngươi thì cầm được bao nhiêu?

- Thần thì càng nhiều càng tốt?

Nhà vua cười nói:

- Càng nhiều càng tốt thì sao lại bị ta bắt.

Tín nói:

- Bệ hạ không thể cầm quân, nhưng giỏi chỉ huy các tướng, vì vậy cho nên Tín mới bị bệ hạ bắt. Và chẳng có thể nói là trời trao cho bệ hạ, chứ không phải sức người có thể làm được.

Trần Hy được bổ làm thái thú ở Cự Lộc. Hy từ già Hoài Âm Hầu. Hoài Âm Hầu nắm lấy tay Hy, đuổi những người xung quanh, cùng Hy dạo bước ở ngoài sân. Tín ngẩng đầu lên trời thở dài mà rằng:

- Ta có thể nói với nhà ngươi được không ? Ta muốn nói với nhà ngươi một lời.

Hy đáp:

- Xin tướng quân chỉ giáo.

Hoài Âm Hầu nói: .

- Chỗ nhà ngươi ở là nơi tinh binh trong thiên hạ ở đây. Nhà ngươi lại là người tôi được bệ hạ tin yêu. Nếu người ta nói nhà ngươi làm phản thì thế nào bệ hạ cũng không tin. Nói lần thứ hai thì bệ hạ sẽ nghi. Nói lần thứ ba thì thế nào bệ hạ cũng nổi giận, mà thân hành cầm quân. Ta vì nhà ngươi từ bên trong nổi dậy, thì có thể lấy được thiên hạ.

Trần Hy vốn biết tài năng Hàn Tín cho nên tin theo, nói:

- Xin vâng lời chỉ giáo (52).

Năm thứ mười một nhà Hán (năm 116 trước Công nguyên). Trần Hy quả nhiên làm phản. Nhà vua thân hành làm tướng, đem quân đi. Tín cáo bệnh không đi theo, ngầm sai người đến nói với Trần Hy:

- Ông cứ cử binh, tôi ở đây sẽ giúp ông.

Tín bèn bàn mưu với các gia thần đang đêm giả làm chiếu nhà vua tha những người phạm tội và làm nô lệ của nhà nước, muốn dùng họ để đánh úp Lữ Hậu và thái tử. Bố trí đã xong xuôi, đợi Hy báo tin. Người môn hạ có tội với Tín bị Tín bỏ tù, muốn giết đi. Em của người này ra đầu thú báo tin, tố cáo Tín muốn làm phản. Lữ Hậu muốn gọi Tín vào, nhưng sợ đảng của Tín đông, Tín không đến, nên bàn với tướng quốc Tiêu Hà, giả vờ sai người từ chỗ vua ở về nói rằng Hy đã chết, các chư hầu, các quan đều đến mừng. Tướng quốc lừa Tín:

- Tuy ngài ốm, cũng xin cố gắng vào mừng.

Tín vào, Lữ Hậu sai võ sĩ trói Tín, chém ở nhà treo chuông trong cung Trường Lạc. Lúc sắp bị chém, Tín nói:

- Ta hối hận không dùng mưu kế của Khoái Thông, cho nên mới bị bọn đàn bà con nít lừa dối. Há chẳng phải là vì trời muốn thế hay sao?

Lữ Hậu bèn giết cả ba họ nhà Tín. Sau khi Cao Tổ đã dẹp xong quân của Trần Hy trở về kinh đô, thấy Tín đã chết nhà vua vừa mừng vừa thương hỏi:

- Lúc chết, Tín có nói gì ?

Lữ Hậu nói:

- Tín nói tiếc không dùng mưu kế của Khoái Thông.

Cao Tổ nói:

- Khoái Thông là người biện sĩ của nước Tề.

Bèn ra chiếu cho nước Tề bắt Khoái Thông. Khoái Thông đến, nhà vua nói:

- Nhà ngươi dạy cho Hoài Âm Hầu làm phản phải không ?

- Vâng, tôi có dạy cho hắn, thẳng trẻ ranh kia không dùng kế của tôi cho nên đến nông nỗi này. Giá nó dùng kế của tôi thì bệ hạ làm sao diệt nó được.

Nhà vua nổi giận nói:

- Đem nấu nó đi.

Thông nói:

- Trời ơi ! Bị nấu thật là oan.

Nhà vua nói:

- Nhà ngươi dạy cho Hàn Tín làm phản còn oan uống nỗi gì nữa?

Thông nói:

- Kỷ cương nhà Tần bị đứt, miền Sơn Đông nổi loạn, các miền khác đều nổi lên. Các anh hùng tuấn kiệt họp lại nhiều như quạ. Nhà Tần mất con hươu, thiên hạ cùng nhau đuổi bắt (53). Lúc bấy giờ ai tài cao, chân nhanh thì bắt được trước. “Chó của Chích (54) cắn vua Nghiêu không phải vì vua Nghiêu bắt nhân, nhưng là chó thì bất kỳ ai không phải chủ của nó là nó cắn”. Lúc bấy giờ thần chỉ biết có Hàn Tín, không biết có bệ hạ. Vả chẳng những kẻ mài giáo, cầm mũi nhọn, muốn làm điều bệ hạ đã làm cũng rất nhiều, nhưng chỉ vì họ không đủ sức đẩy thôi. Bệ hạ có thể nấu tất cả được không ?

Cao Đế nói:

- Tha cho hắn?

Bèn tha tội cho Thông (55).

7. Thái sử công nói:

- Tôi sang đất Hoài Âm, người Hoài Âm nói với tôi: lúc Hàn Tín còn là kẻ áo vải, chí khí ông ta khác người thường. Mẹ ông mất, nhà nghèo không có gì chôn, nhưng ông vẫn sang sửa cất vào chỗ cao ráo để bên cạnh mộ có thể chứa nỗi vạ nhà.

Tôi xem mà người mẹ ông ta, quả có thể thực. Cứ gì Hàn Tín biết học đạo (56) nhún nhường, không khoe công lao của mình không tự phụ tài năng của mình, thì ngõ hầu công ông ta đối với nhà Hán có thể sánh ngang với Chu Công, Thái Công, Thiệu Công và đến đời sau vẫn được cúng tế. Nhưng ông không lo làm thế. Thiên hạ đã định rồi, lại mưu việc phản nghịch kia chứ ! Đồng họ bị giết, chẳng phải đáng đời sao ! (57).

Chú thích: (1). Ý nói vội vàng.

(2). Dùng phản phúc pháp, trong một trang nhắc năm lần “không có tiếng tăm gì”, khiến người đọc càng yên chí rằng Hàn bất tài.

(3). Liên ngao: chức coi việc tiếp tân.

(4). Đoạn 1: Thời hàn vi của Hàn Tín sống cực khổ, bị khinh rẻ, không có tiếng tăm.

(5). Một nét điển hình của tính cách Lưu Bang: hay mừng người, ăn nói suông sã.

(6). Quốc sĩ: người kiệt xuất nhất nước.

(7). Tất cả then chốt của bài là ở câu này.

(8). Câu nói kỳ lạ. Trong mắt Tiêu Hà phải là người có chí nguyện phi thường mới dùng được con người phi thường như Hàn Tín. Cái khó là ở Lưu Bang.

(9). Bài Hoài Âm Hầu liệt truyện là một bài rất thành công xét về mặt biến hóa của câu chuyện. Từ sự kiện này sang sự kiện kia thực là đột ngột, hấp dẫn, lạ thường, như ảo mà lại là sự thực nhưng tại khó tin. Người đời sau gọi vắn của Tử Trường trùng trùng như núi, luôn luôn mới, luôn luôn lạ là vì vậy.

(10). Tín dùng phương pháp thuyết phục của các thuyết khách đời Chiến Quốc, đặt câu hỏi để nhà vua tìm thấy sự thật.

(11). Ngày xưa các vua cầu hiền khi nghe lời nói hay thì phải lay. Tín lay là lay lời nói “Tôi không bằng”. Tín cho đó là lời nói của bậc đế vương. Hạng Vũ trong con mắt của Hàn Tín cũng như của Tư Mã Thiên hơn hẳn Lưu Bang về cái tài cũng như về đạo đức cá nhân, nhưng kém mặt nhận thức về tình thế và không biết dùng người.

(12). Trong mấy câu tóm tắt tất cả chỗ mạnh và chỗ yếu của Hạng Vũ. Tất cả đường lối của Hàn Tín giúp Lưu Bang là ở chỗ này.

(13). Xem Hạng Vũ bản kỷ: Đây nói Chương Hàm làm Ung Vương, Tư Mã Hân làm Tắc Vương. Đồng Ế làm Địch Vương. Ba nước Ung, Tắc, Địch nói gộp lại là Tam Tàn.

(14). Xem Cao Tổ bản kỷ.

(15). Đoạn 2: Hàn Tín được phong làm thượng tướng quân và trình bày đường lối của mình.

(16). Câu trích trong “Tôn Tử binh pháp”.

(17). Khi tiếp khách để khách quay mặt về hướng Đông là tỏ ý tôn kính.

(18). Trong thiên “Tôn Tử hành quân” nói: khi đóng quân thì trước mặt là sông đầm, sau lưng và bên phải gần núi gò. Ý nói như thế thì tránh được việc bất trắc.

(19). Thiên “Cửa địa” cũng của “Tôn Tử binh pháp”. Ý nói để cho quân đội ở vào địa thế bất lợi thì nó sẽ chiến đấu hăng.

(20). Một câu thành ngữ đương thời.

(21). Đó là những câu tục ngữ đương thời.

(22). Ý nói dân không biết sống chết thế nào nên đừng làm việc, đem đồ đẹp ra mặc, thức ăn ngon ra ăn, để chờ quyết định số phận của mình.

(23). Ý nói trước hết phải làm cho người ta sợ uy lực của mình, sau đó mới đánh.

(24). Đoạn này vẫn lại biến hóa một từng nữa. Sau khi kể những chiến công oanh liệt và tài dùng binh của Hàn Tín nói ngay đến việc Quảng Vũ Quân “dạy” binh pháp cho Hàn Tín.

(25). Đoạn 3: Hàn Tín đánh lấy các nước Ngụy, Triệu, Yên lập chiến công lừng lẫy và phương pháp dùng binh kỳ diệu của Tín.

(26). Lưu Bang phải “cướp ấn”, vì sợ các tướng thấy mình ở trong cảnh khốn đốn sẽ không nghe

theo. Tác giả nêu lên một cách kín đáo thái độ sợ Hàn Tín của Lưu Bang.

(27). Cờ dùng để triệu tập các tướng.

(28). Hán Vương sau khi thu quân đội của Triệu thì trao quân cho Hàn Tín đem đi đánh Tề.

(29). Khoái Thông tên là Triệt, nhưng vì sau này Vũ Đế tên là Triệt nên tác giả hủy chữ Triệt mà đổi là Thông.

(30). Giả vương: Người tạm làm vương.

(31). Chú ý: Cách ăn nói của Lưu Bang, Tư Mã Thiên không vì có Lưu Bang là vua của mình mà che giấu tình tình lỗ mãng của ông, thái độ can đảm ấy đã giúp ông điển hình hóa Lưu Bang một cách cao độ. Hễ Lưu Bang mở miệng là mắng.

(32). Đoạn 4: Hàn Tín đánh lấy Tề, đánh bại quân Sở làm Tề Vương. Mâu thuẫn giữa Hàn Tín và Lưu Bang dần dần hình thành.

(33). Theo phép du thuyết điều quan trọng là phải có kể lạ để bắt người nghe để ý đến mình ngay. Cách tả lời của Thông về thuật xem tướng có thể xem là kể lạ. Đoạn xem tướng này hết sức sinh động, quá khứ sống lại như hiện ra trước mắt.

(34). Lưng là “bối” có thể đọc là “bội”. Ý nói phản là Hán Vương đẩy dùng lối chơi chữ.

(35). Ý nói bị chặn ở ngọn núi phía Tây Thành Cao.

(36). Ý nói cả hai đều nguy khốn, người khôn là chỉ Lưu Bang, người mạnh chỉ Hạng Vũ.

(37). Đây là nói đem quân từ Yên, Triệu xuống phía Nam uy hiếp hậu phương của Lưu Bang và Hạng Vũ. Đó là nơi đất trống vì không có quân đội của hai bên.

(38). Ý nói đem binh về hướng Tây khiến cho quân Hán và quân Sở phải thôi không đánh nhau nữa do đó cứu sống được trăm họ.

(39). Bên ngoài tỏ vẻ khiêm nhường để bảo vệ thực lực bên trong.

(40). Lại dùng một thành ngữ để đáp lại thành ngữ của Khoái Thông.

(41). Vì Hàn Tín nói đến chuyện trung thành, nên Khoái Thông đem những thí dụ về sự trung thành và thân tín ra bẻ lại.

(42). Thường Sơn Vương tức là Trương Nhĩ, Thành An Quân là Trần Dư (xem Hạng Vũ bản kỷ và Trương Nhĩ, Trần Dư liệt truyện).

(43). Câu này nhắc đi nhắc lại nhiều lần có chủ ý.

(44). Một biện pháp khác của các thuyết khách không nói thẳng đó là ý của mình mà gói ghém nói dưới hình thức châm ngôn, tục ngữ cho nó có cái vẻ dễ tin.

(45). Tác giả lột tả hết sức công phu ngôn ngữ của hạng thuyết khách. Họ thường gói ghém ý của họ ở trong hình thức châm ngôn, nhìn bên ngoài cái vẻ khách quan vĩnh viễn bình thản như một quyển sách đạo lý, nhưng có sức thuyết phục rất mạnh. Chỉ thấy bàn là cách ngôn tục ngữ, so sánh vu vơ, không nhắc một chữ đến đối tượng. Mạnh Tử nhiều lúc cũng viết như thế. Chủ ý phần lớn là câu không chủ ngữ.

(46). Nguyên văn: “Tập đoạt Tề Vương quân” theo nghĩa đen là đánh úp cướp mất quân của Tề Vương. tức là nhân lúc Hàn Tín không phòng bị, Lưu Bang cướp mất binh quyền. Câu này ám chỉ Lưu Bang đã xem Tín là đối thủ của mình.

(47). Đoạn 5: Hàn Tín không chịu nghe theo lời Vũ Thiệp, Khoái Thông khuyên phản lại nhà Hán. Đoạn này gộp hai nước du thuyết, nội dung và ý nghĩa như nhau, nhưng cách trình bày khác hẳn nhau, một cái là khách, một cái là chủ.

(48). Cũng như nói không có lý do xác đáng.

(49). Hai câu này ở liền nhau, trái hẳn nhau, chứng tỏ Tín không những không có tội mà lại không có làm phản. Tất cả bài này đều có những câu biểu lộ tác giả không tin rằng Tín làm phản.

(50). Vì không có tội nên mới tha.

(51). Giáng tức là Giáng Hầu Chu Bột, Quán là Quán Anh.

(52). Về cái tội của Tín đó là một nghi án. Sách Sử ký chí nghi của Lương Ngọc Thắng nói: Tín chết oan vậy ! Những người hiền ngày trước đều thấy ông không có tội trạng gì tỏ ra làm phản chỉ có mấy lời tố giác vu vơ đấy thôi... Qua Sử ký, dựa vào giấy tờ làm án mà viết ra cũng thấy rõ là sai. Bữa cơm ngàn vàng, cởi áo nhường cơm, lễ nào phụ bạc Cao Đế. Không nghe Thiệp, Thông, không giữ quân làm vua đất Tề thì thế nào cũng không làm liều khi nhà ở Hoài Âm. Không nghĩ đến việc liên kết các vua lớn như Kinh Bô, Bành Việt thì ắt không giao ước dễ dàng với viên tướng

ở ngoài biên giới xa xôi... Ai nghe lời nói “khi nắm tay đuổi người xung quanh ra”, việc mưu phản chưa chắc lại sơ xuất như vậy ? Số người và năng lực bọn tôi tớ bao lắm, Tín tất không dùng họ một cách liều lĩnh. Mối hay Cao Tổ sợ Tín không phải một sớm một chiều, Trương Lương giẫm vào gót chân, ghé tai mà nói ở Vu Thai, Cao Tổ cướp binh phù, đoạt quân đội, bắt trời cũng chưa cho là vừa, giết cả họ mới mừng. Xét câu: “Đẹp xong quân Trần Hy trở về vừa mừng vừa thương”, đủ rõ Tín không có tội mà chết.

(53). Lộc: Con hươu chỉ địa vị đế vương, vì nó đồng âm với lộc là tước lộc lại có nghĩa là địa vị.

(54). Chích: Tên người ăn trộm hung ác trong truyền thuyết cổ.

(55). Đoạn 6: Hàn Tín hai lần bị vu làm phản, bị giáng chức rồi bị giết và Khoái Thông được tha.

(56). Đạo: Đây chỉ đạo của Lão Tử: Đạo đức kinh: “Không khoe nịnh nên có công, không tự phụ nên sống lâu”. Ý trách Hàn Tín sao không làm như Trương Lương.

(57). Đoạn 7: Ý kiến tác giả về Hàn Tín.

Văn của Tư Mã Thiên bắt chước văn Xuân Thu. Lời nói kín đáo, nếu đọc qua thì hiểu lệch ngay.

Đây là văn mỉa mai, cảm thương cho cái tài, cái công vô song của Hàn Tín và uất ức cho cảnh ngộ của vị anh hùng. Cho nên nói: “đã định rồi lại mưu phản nghịch kia chứ”, thực ra Hàn Tín đâu đến nỗi ngu như vậy. Vì vậy nói “đáng đời”. Đó là giọng nói uất ức trách Lưu Bang, tệ bạc không đối xử với Tín như Vũ Vương đối xử với Chu Công. Thái độ cho Hàn Tín ngang với Chu Công xứng đáng xếp Tư Mã Thiên vào hàng du hiệp !

Phần 36

Lịch Sinh, Lục Giả liệt truyện

1. Lịch Sinh tên là Tự Cơ người làng Cao Dương, huyện Trần Lưu. Thích đọc sách, nhà nghèo không có nghề gì kiếm ăn, làm người coi cổng ở làng. Nhưng những người tai mắt và hiền tài trong huyện không ai dám sai bảo như đầy tớ. Người trong huyện đều gọi là người cuồng.

2. Đến khi Trần Thắng, Hạng Lương nổi lên, các tướng đi cướp đất qua làng Cao Dương mấy chục người. Lịch Sinh hỏi các viên tướng thấy họ đều là những người câu nệ, thích cái lễ vụn vặt, tự phụ, tự đắc, không thể nghe những lời rộng lượng, Lịch Sinh bèn giấu mình thật kín. Về sau, nghe tin Bái Công cầm quân cướp đất ở ngoài thành Trần Lưu. Kỵ sĩ ở dưới cờ Bái Công trên là Thích là người ở trong làng Lịch Sinh. Bái Công thượng hỏi những người hào kiệt và kẻ sĩ hiền tài trong làng xóm. Kỵ sĩ về, Lịch Sinh gặp, nói:

- Tôi nghe nói Bái Công ngạo mạn, khinh người, có nhiều mưu lớn, đó chính là người tôi muốn theo, nhưng không có ai tiên cử cho. Khi ông về gặp Bái Công, nhờ ông nói giúp “Trong làng của tôi có Lịch Sinh, tuổi hơn sáu mươi, cao tám thước. Người đời ai cũng bảo ông ta là anh cuồng. Ông ta tự nói: “Ta không phải người cuồng”.

Kỵ sĩ nói:

- Bái Công không thích đạo Nho. Thấy những người khách nào đội mũ nhà Nho đến Bái Công liền giật mũ đai vào trong. Khi nói với người ta thường mắng nhiếc, không thể lấy tư cách nhà nho mà thuyết phục ông ta được.

Lịch Sinh nói:

- Ông cứ nói.

Kỵ sĩ lúc rồi rảnh nói lại đúng như lời Lịch Sinh đã dặn.

Bái Công đến Cao Dương dừng lại ở nhà trạm, sai người mời Lịch Sinh. Lịch Sinh đến, vào yết kiến. Lúc bấy giờ, Bái Công đang ngồi xỏm trên giường, sai hai người con gái rửa chân để tiếp Lịch Sinh. Lịch Sinh vào chỉ vái dài mà không lạy, nói:

- Túc hạ muốn giúp Tần đánh chư hầu sao? Hay là muốn cầm đầu chư hầu đánh bại Tần?

Bái Công mắng:

- Thằng khốn nạn! Thiên hạ đều khổ cực vì nhà Tần đã lâu rồi, cho nên chư hầu mới kéo nhau đi đánh Tần. Sao mày lại bảo tao giúp Tần đánh chư hầu?

Lịch Sinh nói:

- Nếu thật tình muốn hợp bè đảng, tập hợp nghĩa binh giết nhà Tần vô đạo thì không nên ngồi xỏm mà tiếp bậc trưởng giả.

Bái Công bèn thôi không rửa chân, đứng dậy, sửa áo, mời Lịch Sinh ngồi ghế trên, xin lỗi. Lịch Sinh nhân đấy nói thời liên hoành, hợp tung của sáu nước. Bái Công mừng rỡ, cho Lịch Sinh ăn, hỏi:

- Bấy giờ kẻ phải làm như thế nào?

Lịch Sinh nói:

- Túc hạ cầm toán quân ô hợp thu một đạo binh tán loạn không đầy một vạn người mà muốn đánh thẳng vào nước Tần mạnh, đó là cái người ta nói “Sờ vào miệng hổ” đấy. Trần Lưu là nơi then chốt của thiên hạ, giao thông với bốn phía, không có gì hiểm trở, trong lúc này trong thành lại chứa nhiều thóc. Thần quen quan lệnh ở đấy, xin được phép bảo ông ta đầu hàng túc hạ. Nếu ông ta không nghe, túc hạ đem binh đánh, thần sẽ làm nội ứng.

Bái Công bèn sai Lịch Sinh đi. Bái Công đem quân theo. Bèn lấy được Trần Lưu, phong Lịch Tự Cơ làm Quảng Dã Quân. Lịch Sinh nói với em là Lịch Thương sai cầm đầu mấy ngàn người theo Bái Công đi về hướng Tây Nam cướp đất. Lịch Sinh thường làm thuyết khách ruổi ngựa đi sứ các nước chư hầu.

3. Năm thứ ba nhà Hán, mùa thu, Hạng Vũ đánh Hán lấy Huỳnh Dương. Quân Hán bỏ chạy trốn, giữ đất Cung, đất Lạc. Quân Sở nghe tin Hoài Âm Hầu phá Triệu, Bành Việt mấy lần làm phản ở đất Lương, nên chia binh đến cứu. Hoài Âm Hầu lúc bấy giờ đang đi về hướng Đông đánh Tề, Hán Vương thường bị nguy khốn ở Huỳnh Dương, Thành Cao, ý muốn bỏ Thành Cao, đi về phía Đông, đóng ở đất Cung đất Lạc để chống quân Sở. Lịch Sinh bèn nói:

- Tôi nghe: “Biết cái trời của trời thì có thể làm nên cơ nghiệp vương, không biết cái trời của trời thì không thể làm nên cơ nghiệp vương”. Nhà vua lấy dân chúng làm trời, còn dân chúng thì lấy cái ăn làm trời. Ngao Thương là nơi lâu nay chuyên chở thóc của thiên hạ đến. Tôi nghe nói ở dưới đất cất giấu thóc lúa rất nhiều. Quân Sở lấy Huỳnh Dương, không lo giữ Ngao Thương mà lại đem quân đi về hướng Đông, sai những quân lính bị đẩy chia nhau giữ Thành Cao. Đó là trời cho nhà Hán vậy. Nay Sở dễ lấy mà Hán lại tự vứt cái chỗ tiện lợi của mình đi, tôi trộm cho là sai. Vả lại hai sức mạnh không thể cùng sống. Sở, Hán giằng co với nhau đã lâu chưa biết ai được ai thua, trăm họ nhốn nháo, thiên hạ rối loạn, kẻ đi cày bỏ cày, đàn bà dệt vải bỏ khung cửi, lòng thiên hạ chưa định về đâu, xin túc hạ mau mau tiến quân đánh Huỳnh Dương, giữ thóc lúa Ngao Thương, chặn lấy cái hiểm của Thành Cao, chặn con đường Thái Hàng, chiếm cửa ải Phỉ Hồ, giữ bến Bạch Mã để tỏ cho chư hầu thấy cái thế mạnh về địa hình thì thiên hạ biết họ về với ai. Trong lúc này các nước Yên và Triệu đã bình định rồi, chỉ còn nước Tề là chưa lấy được. Điền Quang chiếm cứ một nước Tề rộng ngàn dặm, Điền Gian cầm hai mươi vạn quân đóng ở Lịch Thành, dòng dõi họ Điền hùng mạnh, lại dựa vào biển, có các sông Hà, sông Tế che chở, phía Nam gần nước Sở. Người Tề hay thay đổi đối tráo, túc hạ tuy phái đạo quân mấy chục vạn, nhưng chưa thể trong vòng một năm vài tháng mà phá được. Tôi xin phụng chiếu, thuyết phục vua Tề, khiến nước Tề theo Hán làm cái rào giậu phía Đông của Hán.

Nhà vua nói:

- Hay lắm!

Bèn theo kế của Lịch Sinh, lại giữ Ngao Thương, sai Lịch Sinh du thuyết vua Tề. Lịch Sinh nói với vua Tề:

- Nhà vua có biết thiên hạ sẽ về đâu không?

- Không biết!

- Nếu nhà vua biết thiên hạ sẽ về đâu thì có thể có được nước Tề, nếu không biết thiên hạ sẽ về đâu thì sẽ không giữ được nước Tề.

Vua Tề hỏi:

- Thiên hạ sẽ về đâu?

- Về Hán.

- Tại sao ông lại nói thế?

- Hán Vương cùng Hạng Vương ra sức quay mặt về hướng Tây để đánh Tần. Theo giao ước, ai vào Hàm Dương trước thì người ấy được làm vương. Hán Vương vào Hàm Dương trước, Hạng Vương bội ước không cho Hán Vương làm vương ở đây mà cho làm vương ở Hán Trung. Hạng Vương dõng Nghĩá Đế đi rồi giết. Hán Vương nghe tin ấy, cử quân đất Thục và đất Hán, đánh Tam Tần, ra cửa quan trách tội Hạng Vũ về việc đối xử với Nghĩá Đế, thu binh thiên hạ, lập con cháu của chư hầu. Tướng nào đánh được thành bắt địch đầu hàng thì được phong hầu thành đó, được của là chia cho binh sĩ, cùng hưởng lợi chung với thiên hạ. Những người anh hùng hào kiệt, nhân tài từ bốn phía kéo đến, thóc của Thục Hán kết thuyền từ thượng lưu đưa xuống. Hạng Vương mang cái tiếng bội ước, giết Nghĩá Đế, người ta lập được công thì Hạng Vương không hề nhớ, người ta phạm tội thì Hạng Vương không hề quên. Các tướng đánh thắng nhưng vẫn không được thưởng, lấy được thành nhưng không được phong, nếu không phải là họ hàng thì không được tin dùng. Hạng Vương khắc ấn xong lại tiếc cứ mận mê sờ mó mà không cho người ta. Khi đánh thành được của cải cứ chất đống mà không thưởng cho binh sĩ. Thiên hạ làm phản. Những người hiền tài oán giận mà không ai theo. Cho nên kẻ sĩ trong thiên hạ sẽ theo về Hán Vương, cái đó, có thể ngồi mà tính được, Hán Vương đem quân tự đất Thục và đất Hán, bình định Tam Tần, vượt qua Tây Hà, cầm binh ở Thượng Đảng, xuống Tỉnh Hình giết Thành An Quân, phía Bắc Ngụy(1) lấy ba mươi hai thành. Đó là binh của Xuy Vu(2), không phải sức con người làm được mà là cái phúc của trời. Nay Hán Vương đã giữ được lúa của Ngao Thương, chặn lối Thành Cao hiểm trở, giữ bến Bạch Mã, chặn sườn núi Thái Hàng, nắm lấy cửa ải Phỉ Hồ. Thiên hạ ai theo sau thì sẽ bị mất trước. Nhà vua nên mau mau theo hàng Hán Vương trước đi! Như thế thì xã tắc nước Tề có thể giữ được, nếu không hàng Hán Vương thì cái cảnh nguy vong có thể đứng mà đợi nó đến.

Điền Quang cho là phải. Bèn nghe lời Lịch Sinh, rút quân phòng giữ ở Lịch Hạ, cùng Lịch Sinh suốt ngày đêm uống rượu say.

4. Hoài Âm Hầu nghe tin Lịch Sinh đã dùng cách thuyết phục mà lấy được hơn bảy mươi thành của Tề, bèn đang đêm đưa binh vào bình nguyên, đánh úp nước Tề. Vua Tề là Điền Quảng nghe tin quân Hán đã đến, cho rằng Lịch Sinh đã lừa mình bèn nói:

- Nếu nhà ngươi có thể làm cho quân Hán dừng lại thì ta sẽ cho nhà ngươi sống. Nếu ngươi làm không được thì ta sẽ nấu nhà ngươi.

Lịch Sinh nói:

- Làm việc lớn thì không xét việc nhỏ, gặp cái đức lớn thì không nhường và từ chối, sao ông không làm lại còn nói thế?(3).

Vua Tề bèn nấu Lịch Sinh, đem binh chạy về hướng Đông. Năm thứ mười hai nhà Hán, Khúc Chu Hầu Lịch Thương làm thừa tướng đem quân đánh Kinh Bồ có công. Khi phong các hầu và các công thần, Cao Tổ nghĩ đến Lịch Tự Cơ, cho nên con của Lịch Tự Cơ là Lịch Giới mấy lần cầm binh, tuy công chưa đáng phong hầu nhưng vì cha có công nên nhà vua phong Giới làm Cao Lương Hầu, về sau lại đổi làm Vũ Toại Hầu. Kế tiếp ba đời đến giữa năm đầu niên hiệu Nguyên Thú, Vũ Toại Hầu tên là Bình phạm tội giả làm chiếu của Hành Sơn Vương để lấy một trăm cân vàng, tội đáng chém ở chợ, Bình mắc bệnh mà chết, tên nước bị xóa bỏ.

5. Lục Giả là người nước Sở làm môn khách theo Cao Tổ, bình định thiên hạ nổi tiếng là người có tài biện luận. Giả ở gần nhà vua, thường đi sứ sang các chư hầu.

6. Trong thời Cao Tổ, Trung Quốc mới được bình định, viên úy Triệu Đà bình định được nước Nam Việt, nhân làm vua ở đây. Cao Tổ sai Lục Giả phong cho Triệu Đà làm Nam Việt Vương. Lục Giả đến. Viên úy Triệu Đà bôi tóc, ngồi xồm tiếp Lục Giả. Lục Giả nhân tiến lên nói với Đà:

- Túc hạ là người Trung Quốc, bà con thân thích, anh em, mồ mả ở Chân Định(4). Nay túc hạ làm trái thiên tính, bỏ đai mũ, muốn lấy cái nước Việt cô độc chống cự với thiên tử làm thành một nước địch thì tai họa sẽ đến thân đây. Vả lại, nhà Tần bỏ mất chính sự, chư hầu hào kiệt đều nổi lên, nhưng chỉ có Hán Vương đầu tiên vào cửa quan chiếm được Hàm Dương, Hạng Vũ bội ước tự lập làm Tây Sở Bá Vương, chư hầu đều theo ông ta, như thế có thể gọi là hùng mạnh vô cùng. Thế mà Hán Vương nổi lên từ đất Ba đất Thục, roi quát thiên hạ, cướp chư hầu rồi diệt được Hạng Vũ. Trong vòng năm năm đã bình định cả thiên hạ, đó không phải sức người làm được mà do ý trời.

Thiên tử nghe nói nhà vua làm vua ở Nam Việt, không giúp thiên tử giết bọn bạo nghịch; các quan văn vũ muốn đem binh đến trừng trị nhà vua. Nhưng thiên tử thương trăm họ mới khó nhọc khổ sở, cho nên hãy cho họ nghỉ ngơi, sai tôi trao ấn quân vương, chắt phù, cho sứ thần đi lại. Nhà vua nên ra đón từ xa(5), quay mặt về hướng Bắc xưng thần mới phải, thế mà lại muốn lấy nước Việt mới lập, chưa bình định xong, xưng hùng xưng bá ở đây. Nếu vua Hán quả biết điều đó thì sẽ sai đào nỏ đốt mả của cha ông nhà vua, diệt dòng họ, sai một viên tướng cầm mười vạn quân đến Việt. Thế thì nước Việt sẽ giết nhà vua mà đầu hàng Hán như trở bàn tay thôi.

Triệu Đà bèn hoảng hốt, ngồi thẳng, xin lỗi. Lục Sinh:

- Tôi ở Man Di đã lâu bỏ mất lễ nghĩa.

Nhân hỏi Lục Sinh:

: - Tôi so với Tiêu Hà, Tào Thản Hàn Tín ai giỏi hơn.

- Nhà vua có vẻ giỏi hơn?

Lại hỏi:

- Tôi so với Hoàng đế ai giỏi hơn?

Lục Sinh đáp:

- Hoàng đế nổi lên từ ấp Phong, quận Bái, trừ nhà Tần bạo ngược, giết nước Sở mạnh, vì thiên hạ hưng lợi trừ hại, nổi cơ nghiệp của Tam Hoàng, Ngũ Đế, thống trị Trung Quốc. Người Trung Quốc đông kẻ hàng ức, đất xuống vạn dặm, ở nơi giàu có nhất trong thiên hạ, người đông, xe cộ, vạn vật giàu có, phong phú quyền chính do một nhà cai quản, từ khi trời đất tách rời nhau cho đến nay chưa hề có ai được như vậy. Nay dân của nhà vua chẳng qua vài chục vạn, đều là man di, cô độc, ở giữa nơi núi non, biển cả, cũng ví như một quận của Hán, nhà vua làm sao lại so sánh mình với Hán được!

Úy Đà cười vang nói:

- Ta không nổi lên ở Trung Quốc cho nên làm vua ở đây thôi. Nếu ta ở Trung Quốc thì việc gì lại không được như Hán!

Bèn rất thích Lục Sinh, giữ lại uống rượu mấy tháng, nói:

- Trong nước Việt không có ai đáng nói chuyện với tôi, khi ông đến đây, tôi ngày ngày được nghe những điều chưa được nghe.

Triệu Đà cho Lục Sinh một cái túi ngọc đáng giá ngàn vàng, lại cho một món quà khác cũng đáng giá ngàn vàng. Lục Sinh cho Ủy Đà làm vua Việt, bảo ông ta xưng thần, thờ nhà Hán.

7. Giao ước xong, Lục Sinh về, Cao Tổ cả mừng, cho làm thái trung đại phu. Lục Sinh thường hay đến trước nhà vua nói chuyện Kinh Thi, Kinh Thư. Cao Đế mắng Lục Sinh:

- Ông mày ngồi trên mình ngựa mà lấy được thiên hạ, cần gì Kinh Thi với Kinh Thư ?

Lục Sinh nói:

- Nhà vua ngồi trên mình ngựa lấy được thiên hạ, nhưng có thể ngồi trên lưng ngựa mà cai trị thiên hạ không? Vả chăng, các vua Thành Thang, Vũ Vương lấy được thiên hạ một cách nghịch, nhưng lại giữ thiên hạ một cách thuận. Dùng cả văn lẫn vũ là cái thuận lâu dài. Ngày xưa, vua Ngô phù Sai, Trí Bá đều hết sức mạnh mà vẫn bị diệt vong, nhà Tần dùng hình pháp không thay đổi nên cuối cùng họ Triệu bị diệt(6). Giả sử trước đây sau khi nhà Tần đã thôn tính thiên hạ, lại thi hành nhân nghĩa, theo phép tắc của các vị thánh ngày xưa thì bệ hạ làm sao mà có được thiên hạ?

Cao Đế không vui, có vẻ hơi thẹn, bèn bảo Lục Sinh:

- Ông thử vì ta viết tại sao Tần mất thiên hạ, tại sao ta lại được thiên hạ và những nước xưa tại sao lại thành, tại sao lại bại?

Lục Giả bèn thuật qua những bằng chứng về sự tồn tại hay sự diệt vong của một nước, tất cả mười hai thiên. Mỗi khi một thiên đưa lên, bao giờ Cao Tổ cũng khen, các quan hầu đều kêu “Vạn tuế” Gọi sách là Tân Thư.

8. Trong thời Hiếu Huệ hoàng đế, Lữ thái hậu cầm quyền chính muốn phong họ Lữ làm vương, sợ các quan đại thần có tài biện luận. Lục Giả tự xét không thể nào can được, bèn cáo bệnh xin thôi, về nhà, cho là đất ruộng Hảo Chi tốt có thể làm nhà ở đấy. Giả có năm người con trai. Giả bèn đem số ngọc trong túi đã có được khi đi sứ ở Việt ra bán được nghìn cân vàng, chia cho mỗi người con trai ba trăm cân sai con lo làm ăn. Giả thường đi xe bốn ngựa, người đi theo ca múa gảy đàn cầm đàn sắt có đến mười người, cầm thanh bảo kiếm giá ngàn vàng bảo người con:

- Ta giao ước với mày, khi ghé qua nhà mày thì mày cung cấp cho người và ngựa của ta ăn uống tha hồ, muốn gì cũng được, sau mười ngày lại qua nhà khác. Ta chết ở nhà ai, nhà ấy sẽ được bảo kiếm, xe cộ và những người tùy tùng. Trong một năm ta đi lại các nhà chẳng qua hai ba lần. Thường thường ta đến nhà mày, đừng để có những thức ăn không tươi, đừng ngại ta ở lâu.

Trong thời kỳ Lữ thái hậu, thái hậu phong những người họ Lữ làm vương, bọn họ Lữ chuyên quyền muốn uy hiếp vị vua còn nhỏ tuổi, làm nguy họ Lưu. Hữu thừa tướng là Trần Bình sợ sức mình không thể can ngăn, bị nguy đến thân, thường ngồi một mình suy nghĩ sâu xa. Lục Giả đến thăm, vào thẳng chỗ ngồi. Bấy giờ Trần thừa tướng đang suy nghĩ đắm chiêu, ổng thấy Lục Sinh, Lục Sinh nói:

- Suy nghĩ gì mà đắm chiêu thế?

Trần Bình nói:

- Ông đoán thử tôi nghĩ gì?

Lục Sinh cười:

- Túc hủ làm hữu thừa tướng, là bậc hầu, đất phong ba vạn nhà, có thể gọi là giàu sang cùng cực không gì hơn nữa. Nhưng có điều lo nghĩ chẳng qua lo về họ Lữ và vị vua còn nhỏ mà thôi.

Trần Bình nói:

- Đúng! Nên làm thế nào?

Lục Sinh nói:

- Khi thiên hạ yên thì người ta chú ý đến ông thừa tướng, khi thiên hạ nguy thì người ta chú ý đến ông tướng quân. Thừa tướng và tướng quân hòa hợp với nhau thì các kẻ sĩ theo, các kẻ sĩ theo thì thiên hạ tuy có biến nhưng cái quyền vẫn không bị chia xẻ. Cho nên muốn lo việc xã tắc là ở trong tay hai vị mà thôi. Tôi thường nói với quan thái thú Giáng Hầu, nhưng Giáng Hầu với tôi là chỗ bạn chơi, xem thường lời nói của tôi. Tại sao ông không đi lại vui vẻ với thái úy và liên kết thân mật với nhau?

Lục Giả giúp Trần Bình bày mấy kế về việc họ Lữ. Trần Bình dùng kế của Giả, bèn đem năm trăm

cân vàng biểu Giáng Hầu làm lễ chúc thọ có đủ tiệc rượu và âm nhạc. Thái úy cũng đáp lại như vậy. Hai người này liên kết với nhau chặt chẽ, mưu của họ Lữ càng kém đi. Trần Bình bèn đem một trăm nô và tỳ, năm mươi cỗ xe, năm trăm vạn đồng tiền tặng cho Lục Sinh để làm phí tổn trong việc ăn uống. Lục Sinh lấy những thứ này đi chơi với các công khanh ở triều đình nhà Hán, tiếng tăm lừng lẫy.

Đến khi giết họ Lữ lập Hiếu Văn Đế, Lục Sinh cũng có công. Hiếu Văn Đế lên ngôi muốn sai người đi Nam Việt, bọn Trần thừa tướng bèn cử Lục Sinh làm thái trung đại phu qua đi sứ Triệu Đà, bảo Úy Đà bỏ xe hoàng ốc, đừng gọi mệnh lệnh của mình là “chế” cho ông ta theo đúng nghi lễ của chư hầu. Những việc ấy Lục Sinh đều làm được như ý muốn của nhà vua. Việc này chép trong phần về Nam Việt.

Lục Sinh rốt cục chết trọn tuổi trời.

9. Thái sử công nói:

Đời truyền sách của Lịch Sinh thường nói sau khi Hán Vương đã lấy Tam Tần, phía Đông đánh Hạng Tịch, đem quân vào miền đất giữa đất Cửng và đất Lạc, Lịch Sinh mặc áo nhà nho đến thuyết Hán Vương. Nói thế là không đúng. Ngay từ khi Bái Công chưa vào Quan Trung, chia tay với Hạng Vũ, đến Cao Dương đã gặp anh em Lịch Sinh. Tôi đọc sách Tân ngữ của Lục Sinh gồm mười hai thiên, thực là người có tài biện luận trong đời.

Chú thích:

(1) Đây chỉ Ngụy Báo vì Báo làm Ngụy Vương ở phía Bắc Hoàng Hà.

(2) Xuy Vu được xem là thần chiến tranh. Đoạn này kể những chiến công của Hàn Tín (Xem Hoài Âm Hầu liệt truyện).

(3) Ý nói Lịch Sinh sẵn sàng chịu chết, sao vua Tề lại không hàng Hán mà nói chuyện đánh Hán.

(4) Thuộc nước Triệu

(5) Nguyên văn: giao nghinh. Theo nghĩa đen là đón cách nước một trăm dặm.

(6) Vua Tần họ Triệu.

Phần 37

Quý Bô, Loan Bô liệt truyện

1. Quý Bô là người nước Sở, tính khí khái, thích làm việc nghĩa hiệp, nổi tiếng ở nước Sở. Hạng Tịch cho cầm quân, nhiều lần làm Hán Vương nguy khốn. Đến khi Hạng Vũ bị diệt, Cao Tổ thưởng ngàn vàng cho ai tìm được Bô, ai dám giấu trong nhà thì trị tội giết ba họ. Quý Bô trốn ở nhà họ Chu ở đất Bộc Dương. Họ Chu nói:

- Hán tìm tướng quân gấp, sắp tìm đến nhà tôi. Nếu tướng quân nghe lời thì tôi xin hiến kế, nếu không thì xin tướng quân tự sát trước.

Quý Bô bằng lòng. Họ Chu bèn cạo đầu, lấy vòng sắt buộc vào cổ, cho mặc áo ngắn đặt ở trong xe tang cùng vài mươi người đẩy tới trong nhà đem Quý Bô đến bán cho nhà Chu Gia(1). Chu Gia biết là Quý Bô, bèn mua, cho ra đồng cày và dặn con trai:

- Việc cày ruộng thì nghe lời tên nô này, phải cùng ăn với nó.

Chu Gia bèn lên xe một ngựa đi Lạc Dương, yết kiến Nhữ âm Hầu là Đằng Công. Đằng Công giữ Chu Gia ở lại uống rượu mấy ngày. Chu Gia nhân đây nói với Đằng Công.

- Quý Bô có tội gì lớn mà hoàng thượng tìm gấp như thế?

Đằng Công nói:

- Bô nhiều lần làm hoàng thượng nguy khốn, hoàng thượng oán ông ta cho nên nhất định muốn bắt ông ta cho kỳ được.

- Ông xem Quý Bô là người như thế nào?

Đằng Công nói:

- Là người hiền.

Chu Gia nói:

- Là tôi thì ai thờ chủ người ấy, Quý Bô theo Hạng Tịch đó chỉ là làm theo chức vụ mà thôi. Nhà vua có thể giết tất cả bầy tôi họ Hạng không? Nay hoàng thượng mới được thiên hạ, lại chỉ vì cái oán riêng của mình mà tìm bắt một người; sao lại tỏ lòng hẹp hòi với thiên hạ như thế? Vả chăng, Quý Bô hiền mà Hán lại tìm bắt ông ta gấp, thì ông ta không chạy về hướng Bắc theo Hồ cũng chạy về hướng Nam theo Việt mà thôi. Cái lối ghét người tráng sĩ để đến nỗi buộc họ phải giúp cho nước địch là điều đã khiến Ngũ Tử Tư quật roi trên mộ Bình Vương nước Sở đấy(2). Tại sao ông không nhân lúc rảnh nói với hoàng thượng?

Nhữ Âm Hầu Đằng Công vốn biết Chu Gia là người rất nghĩa hiệp, nghĩ chắc Quý Bô lánh ở nhà ông ta, bèn hứa:

- Vâng.

Nhân lúc rảnh, Đằng Công quả nhiên nói lại như ý của Chu Gia. Nhà vua bèn tha tội cho Quý Bô. Lúc bấy giờ mọi người khen Quý Bô biết bề cứng thành mềm(3), Chu Gia cung vì việc ấy mà nổi tiếng ở đời. Quý Bô được mời ra yết kiến, Bô tạ tội, nhà vua cho làm lang trung.

Trong thời Hiếu Văn, Bô làm lang trung tướng. Thiên Vu có lần đưa thư làm nhục Lữ Hậu, lời lẽ thô tục. Lữ Hậu cả giận, cho mời các tướng để bàn. Thượng tướng quân Phàn Khoái nói:

- Thần xin được mười vạn quân, tung hoành ở đất Hung Nô.

Các tướng đều phụ họa theo ý của Lữ Hậu, nói:

- Phải.

Quý Bô nói:

- Phàn Khoái đáng chém! Cao Đế cầm quân hơn bốn mươi vạn, còn bị nguy khốn ở Bình Hành; nay với mười vạn quân, Khoái làm sao có thể tung hoành ở đất Hung Nô được? Thế là nói dối trước mặt thái hậu. Vả chăng, Tần gây sự với quân Hồ thì bọn Trần Thắng nổi lên, đến nay vết thương vẫn chưa lành. Khoái lại xu nịnh trước mặt thái hậu muốn làm thiên hạ rung động.

Những người trên điện lúc bấy giờ đều sợ. Thái hậu bãi triều. Sau đó không bàn đến việc đánh Hung Nô nữa.

Quý Bô làm thái thú ở Hà Đông. Thời Hiếu Văn, có người nói ông là người hiền. Hiếu Văn cho mời vào muốn cho làm Ngự sử đại phu. Lại có người nói ông ta mạnh mẽ, khi đã say thì bướng bỉnh khó gần. Quý Bô đến, ở tại nhà khách xá một tháng, bị bãi chức. Quý Bô nhân đây tiến lên nói:

- Thần không có công lao. Trộm được bệ hạ thương đến, chớ tội ở Hà Đông, bệ hạ vô cớ gọi thần, chắc là có người lừa dối bệ hạ về thần. Nay thần đến, không được làm việc gì lại bãi miễn mà về. Điều này chắc là có người gian thần. Bệ hạ vì một người khe mà gọi thần đến, lại vì một người chê mà cho thần đi, thần sợ những người có kiến thức trong thiên hạ nghe thế có thể dò biết bệ hạ là người như thế nào.

Nhà vua im lặng, thẹn. Một hồi lâu, nói:

- Hà Đông là quận gần kinh đô của trẫm, cho nên riêng triệu nhà ngươi về đó thôi.

Bồ từ giã về nơi làm quan cũ.

Tào Khâu Sinh người nước Sở là biện sĩ, mấy lần mượn quyền thế của những người sang để kiếm tiền, thờ bọn quý nhân Triệu Đồng(4) chơi thân với Đậu Trường Quân. Quý Bồ nghe thấy thế gửi thư can Đậu Trường Quân:

- Tôi nghe nói Tào Khâu Sinh không phải là bậc trưởng giả, ông chớ chơi với hắn.

Đến khi Tào Khâu Sinh về, muốn được thư tiến cử của Đậu Trường Quân để ra mắt Quý Bồ. Đậu Trường Quân nói:

- Quý tướng quân không thích tức hạ, tức hạ chớ có đến!

Tào Khâu cứ một mực xin cho được thư rồi đi. Tào Khâu cho người mang thư đến trước. Quả nhiên Quý Bồ cả giận, đợi Tào Khâu. Tào Khâu đến liền vái chào Quý Bồ, nói:

- Ngạn ngữ nước Sở nói: “Được trăm cân vàng không bằng một lời ừ của Quý Bồ. Tức hạ làm sao được cái tiếng ấy ở giữa miền Lương, Sở? Và chẳng tôi là người Sở, tức hạ cũng là người Sở, tôi nêu cao cái danh của tức hạ ở trong thiên hạ, chẳng lẽ không có công lao gì sao? Tại sao tức hạ cự tuyệt tôi gay gắt đến thế?

Quý Bồ bèn vì vậy rất vui lòng, giữ lại mấy tháng làm thượng khách, dùng hậu lễ để tiễn. Sở dĩ danh tiếng Quý Bồ càng nổi là do Tào Khâu Sinh truyền bá vậy.

Em trai Quý Bồ là Quý Tâm nổi tiếng dũng cảm nhất Quan Trung, đối đãi với người ta rất cung kính, cẩn thận, tính nghĩa hiệp, trong vòng mấy ngàn dặm, kẻ sĩ đều tranh nhau chết cho ông ta. Có lần giết người, trốn đến đất Ngô ẩn náu tại nhà Viên Tư, xem Viên Tư như bậc anh, xem bọn Quán Phu, Tích Phúc(5) như em. Có lần làm trung tư mã, trung úy Chết Đỏ không dám không lấy lễ đối xử. Những người trẻ tuổi thường lợi dụng cái tên của Tâm để hành sự. Lúc bấy giờ Quý Tâm và Bồ nổi tiếng ở Quan Trung, một người về dũng cảm, một người về tin cẩn trong ngôn ngữ(6).

Cậu của Quý Bồ là Đình Công làm tướng Sở. Đình Công theo Hạng Vũ đuổi đánh và làm khốn khổ Cao Tổ ở phía Tây Bành Thành. Binh khí ngăn chận nhau, Cao Tổ nguy cấp quay lại nói với Đình Công:

- Hai người hiền sao lại làm khốn nhục nhau?

Đình Công bèn dẫn quân về. Hán Vương nhờ vậy được thoát. Đến khi Hạng Vương bị diệt, Đình Công yết kiến Cao Tổ. Cao Tổ đem Đình Công ra răn trong quân, nói:

- Đình Công làm tôi Hạng Vương mà bất trung, người làm cho Hạng Vương mất thiện hạ là Đình Công!

Bèn chém Đình Công, nói:

- Khiến chỗ kẻ làm tôi đời sau chớ bắt chước Đình Công.

2. Loạn Bồ là người Lương. Khi Lương Vương là Bành Việt còn làm người dân; thường chơi với Bồ cùng khốn qua Tề làm thuê ở nhà bán rượu. Được mấy năm, Bành Việt bỏ đi đến đầm Cự Dã làm cướp, còn Bồ thì bị người ta cướp bán làm nô ở đất Yên. Bồ trả thù cho chủ nhà mình, tướng Yên là Tang Đồ cho làm đô úy. Về sau, Tang Đồ làm Yên Vương, cho Bồ làm tướng. Đến khi Tang Đồ làm phản, Hán đánh Yên bắt Bồ làm tù binh. Lương Vương là Bành Việt nghe vậy, nói với nhà vua, xin chuộc Bồ làm đại phu ở Lương.

Bành Việt sai Bồ đi sứ ở Tề. Bồ chưa về thì Hán cho gọi Bành Việt buộc tội mưu phản giết ba họ. Sau đó bêu đầu Bành Việt ở dưới thành Lạc Dương: Lời chiếu nói: “Ai cả gan thu liệm hay xem thì bắt ngay”

Bồ ở Tề về báo công việc ở dưới đầu Bành Việt, cúng và khóc. Bọn thư lại bắt Bồ báo lên. Nhà vua gọi Bồ đến mắng:

- Mày theo Bành Việt làm phản phải không? Ta cảm không ai được khâm liệm, mày một mình cúng hắn mà khóc, rõ ràng là mày theo Việt làm phản.

Giục đem nấu. Lúc đang đưa Bô đến vạc nước sôi. Bô quay lại nói:

- Cho nói một lời rồi sẽ chết.

Nhà vua nói:

- Người nói gì?

Bô nói:

- Khi vua đang bị nguy khốn ở Bành Thành, bị bại trận ở giữa miền Huỳnh Dương, Thành Cao, nhưng Hạng Vương vẫn không sao đi về hướng Tây chỉ là có Bành Việt ở đất Lương cùng hợp tung với Hán làm khổ cho Sở. Trong lúc bấy giờ Bành Vương chỉ cần nghiêng về một bên theo Sở thì Hán bị diệt, theo Hán thì Sở bị diệt. Vả chăng khi gặp nhau ở Cai Hạ, nếu không có Bành Việt thì họ Hạng chưa đến nỗi mất. Thiên hạ đã định, Bành Vương được chặt phù, nhận đất phong cũng là muốn truyền đến vạn đời. Nay bệ hạ mới một lần bảo Lương đem binh đến, Bành Vương bị bệnh không đi được thế mà bệ hạ nghi cho là phản. Tội phản chưa thấy, lấy điều vụn vặt để giết, sợ công thần ai cũng tự cho mình sẽ nguy. Nay Bành Vương đã chết thần sống cũng không bằng chết, xin chịu nấu.

Nhà vua bèn tha tội cho Bô, cho làm đô úy.

Trong thời Hiếu Văn, Bô làm tướng quốc ở Yên, làm đến tướng quân. Bô bèn nói:

- Khốn cùng mà không nhục đến thân, nhục mất chí thì không phải là người; phú quý mà không làm được thỏa thích ý muốn thì không phải là hiền.

Do đó, ai có ân đức với mình thì Bô báo ơn hậu; ai có oán với mình thì Bô lấy luật pháp giết hại.

Khi quân Ngô làm phản. Bô có quân công nên được phong là Dư Hầu, sau lại làm tướng quốc nước Yên. Giữa đất Yên và Tề đều làm sinh tử thời Loạn Bô, gọi là “Đền Loạn Công”. Bô chết năm thứ năm đời Cảnh Đế (năm 145 trước Công nguyên). Con là Bồn tập tước cha làm thái thường. Vì lúc tế tự ở tôn miếu không dùng súc vật đúng nghi thức nên nước bị mất.

3. Thái sử công nói:

Trước cái khí khái anh hùng của Hạng Vũ mà Quý Bô vẫn nổi tiếng dũng mãnh ở Sở, thân đã nhiều lần diệt địch, giành lấy cờ địch, có thể gọi là tráng sĩ. Thế nhưng bị hình, chịu làm nô lệ cho người ta mà không chết. Sao mà hèn vậy? Người ấy chắc tự phụ tài mình cho nên chịu nhục mà không xấu hổ, muốn trở cái tài của mình chưa dùng hết vậy. Cho nên rốt cuộc làm danh tướng của Hán. Người hiền thực biết trọng cái chết(7). Hạng nàng hầu, vợ lẽ hèn hạ cảm khái tự sát không phải có can đảm đâu. Họ không nghĩ được kể gì khác đó thôi! Loạn Bô khóc Bành Việt, nhảy vào vạc nước sôi như về nhà. Người ấy thực biết chỗ phải chết không xem trọng cái chết. Dù người liệt sĩ thời xưa cũng làm sao hơn được.

Chú thích:

(1) Xem *Du hiệp liệt truyện*.

(2) Cha và anh Ngũ Tử Tư bị Sở Bình Vương giết. Tử Tư bỏ trốn sang Ngô đem quân đánh tan quân Sở lấy roi quất thây Bình Vương cho hả cơn giận. Đây nói quất trên mộ là nói bóng.

(3) Ý nói: chịu khuất phục, cạo trọc đầu làm nô lệ.

(4) Triệu Đồng là hoạn quan tên là Đàm; nhân vì tác giả kiêng tên cha nên tác giả viết Đồng.

(5) Xem *Ngụy Kỳ Hầu, Vũ An Hầu liệt truyện*.

(6) Nguyên văn: Một người về dũng, một người về “ừ”. Ý nói Quý Bô đã ừ là làm.

(7) Tác giả mượn Quý Bô mà bày tỏ tâm sự của mình: Quý Bô nổi tiếng tráng sĩ nhưng chịu làm nô lệ không tự sát, không phải là hèn nhất. Có nhiều cái chết khác nhau. Có cái chết của liệt sĩ như Loạn Bô nhảy vào vạc nước sôi như về nhà, có cái chết, vì không có đường thoát của bọn nàng hầu, vợ lẽ.

Phần 38

Trương Thích Chi, Phùng Đường liệt truyện

1. Đình Úy (1) Trương Thích Chi là người Đỗ Dương, tên tự là Quý. Thích Chi có người anh là Trọng cùng ở một nhà. Thích Chi nhờ giàu có được làm ky lang (2) thờ Hiếu Văn Đế. Mười năm không được thăng, không ai biết tiếng. Thích Chi nói:

- Làm quan lâu, giám bớt sự nghiệp của anh Trọng không thích.

Ý muốn xin từ quan về nhà. Trung lang tướng là Viên Áng biết ông hiền, tiếc ông bỏ quan, bèn xin đổi Thích Chi đi làm chức yết giả (3). Sau khi vào chầu xong, Thích Chi nhân đây trình bày những việc nên làm trước mặt nhà vua. Văn Đế nói:

- Nói thấp thôi chớ nói chuyện cao xa, nói việc ngày nay có thể làm được.

Thích Chi bèn nói việc giữa thời Tần, Hán tại sao Tần lại mất mà Hán lại nổi lên. Nói một hồi lâu, Văn Đế khen hay, bèn cho Thích Chi làm yết giả bậc xa (4).

Thích Chi theo vua đi đến nơi nuôi hổ trong vườn nhà vua. Nhà vua hỏi viên úy coi vườn Thượng Lâm về số chim chóc thú vật ghi vào sổ là bao nhiêu. Hỏi hơn mười câu, viên úy nhìn quanh nhìn quẩn không trả lời được. Người coi chuồng hổ ở bên cạnh thay viên úy trả lời nhà vua rất đầy đủ về số chim chóc, thú vật; nhà vua hỏi là trả lời ngay, thao thao bất tuyệt. Văn Đế nói:

- Làm quan há lại không nên như thế sao ! Viên úy không nhờ cậy được.

Bèn ra lệnh Thích Chi cho người giữ chuồng hổ làm quan coi vườn Thượng Lâm. Một hồi lâu sau Thích Chi tiến lên nói:

- Bệ hạ cho Giáng Hầu Chu Bật là người như thế nào?

Nhà vua nói:

- Ông ta là người trưởng giả.

Thích Chi lại hỏi:

- Đông Dương Hầu Trương Tương Như là người như thế nào?

Nhà vua lại nói:

- Là người trưởng giả.

Thích Chi nói:

- Giáng Hầu và Đông Dương Hầu được khen là trưởng giả, nhưng hai người này bàn công việc thì thường không nói ra lời, họ có phải học anh giữ chuồng hổ khua môi múa mép đâu ! Và chẳng, nhà Tần vì tin dùng bọn thư lại, bọn thư lại đua nhau về mặt nghiêm ngặt, gặt gao cho là giỏi. Nhưng cái tệ là ở chỗ chỉ lo đến câu văn suông chứ không có lòng thương xót thực sự của con người. Vì vậy, nhà Tần không nghe nói đến sai lầm của mình, dần dà cho đến đời Nhị Thế, thiên hạ suy sụp. Nay bệ hạ cho rằng người giữ chuồng hổ ăn nói lưu loát mà cho thăng vượt bậc, thần sợ thiên hạ đua nhau bắt chước, tranh nhau về chỗ ăn nói lưu loát mà không có thực chất. Và chẳng, ở dưới mà bị trên cảm hóa còn nhanh hơn bóng và tiếng vang, việc thưởng phạt không thể không cẩn thận.

Văn Đế nói:

- Phải.

Bèn thôi không cho người coi chuồng hổ làm quan. Nhà vua lên xe gọi Thích Chi cùng ngồi. Xe đi chậm rãi, nhà vua hỏi những việc tệ đời Tần. Thích Chi nói thực tất cả. Đến cung, nhà vua cho Thích Chi làm công xa lệnh (5).

Được ít lâu, thái tử và Lương Vương cùng đi xe vào triều, không xuống xe ở cửa Tư mã. Thích Chi bèn đuổi theo ngăn thái tử và Lương Vương không cho vào cửa điện. Sau đó, tâu lên hặc họ về tội bất kính, không xuống xe ở cửa công. Bạc thái hậu (6) nghe tin ấy, Văn Đế cắt mũ tạ lỗi, nói:

- Ta không cẩn thận trong việc dạy con.

Bạc thái hậu bèn sai sứ mang chiếu tha lỗi cho thái tử và Lương Vương, sau đó họ mới được vào.

Văn Đế vì vậy cho Thích Chi là người kỳ lạ, cho làm trung đại phu.

Ít lâu sau, Thích Chi làm đến trung lang tướng, theo vua đến Bá Lăng. Nhà vua lên mé sông phía Bắc.

Bấy giờ Thận phu nhân đi theo, nhà vua chỉ đường Tân Phong cho Thận phu nhân nói:

- Đường này đi Hàm Đan đây (7)!

Vua sai Thận phu nhân gảy đàn sắt, nhà vua hát theo tiếng đàn, ý sâu thâm khiến người buồn nhớ.

Nhà vua quay lại nói với các quan:

- Than ôi ! Lầy đá núi Bắc Sơn làm quách, lầy tơ lót ở trong, lầy sơn phết gắn lại thì còn ai động đến được (8)!

Các quan hầu đều nói:

- Phải.

Thích Chi tiến lên nói:

- Nếu ở trong ấy có cái mà người ta thích thì dù là linh cữu hân bằng cả hòn núi Nam Sơn cũng bị người ta soi; nếu ở trong không có gì người ta thích thì dù không có quách bằng đá cũng không có gì phải lo !

Văn Đế khen phải. Sau đó phong Thích Chi làm đình úy

Ít lâu sau, nhà vua đi ra khỏi cầu Trung Vị. Có một người ở dưới cầu chạy ra, ngựa, xe loan của nhà vua hoảng sợ. Vua liền sai quân kỵ bắt giao cho đình úy.

Thích Chi tra hỏi biết người kia ở huyện đến, nghe xe ngựa nhà vua lại nên nấp ở dưới cầu. Một hồi lâu cho rằng vua đã đi qua, người ấy liền ra thì thấy xe ngựa nhà vua, cho nên bỏ chạy đó thôi. Đình úy tâu lên: một người phạm vào lối đi nhà vua đánh phạt tiền. Văn Đế giận nói:

- Người này tự mình làm cho con ngựa của ta hoảng sợ. Cũng may ngựa ta hiền lành, chứ nếu gặp con ngựa khác thì chẳng đã làm đổ xe, khiến ta bị thương sao ấy thế mà đình úy lại xử phạt tiền à !

Thích Chi nói:

- Pháp luật là chung cho nhà vua cũng như mọi người. Nay pháp luật đã như vậy mà lại thay đổi làm cho nặng thì không được dân tin. Vả chẳng, lúc bấy giờ, nếu nhà vua giết ngay hân thì thôi. Chứ đã giao cho đình úy, đình úy là người cầm cân nảy mực cho thiên hạ. Nếu nghiêng về một bên thì những người thi hành pháp luật trong thiên hạ đều theo đó mà tùy ý thêm bớt, dân còn biết đặt tay chân vào đâu ? Cúi xin bệ hạ xét cho ?

Một hồi lâu, vua nói:

- Đình úy thì phải như thế.

Sau đó, có người ăn trộm cái vòng ngọc trước chỗ ngồi ở miếu Cao Đế, bị bắt. Văn Đế giận giao cho đình úy trị tội. Thích Chi căn cứ theo pháp luật tâu, người ăn trộm những vật dùng trong tông miếu của vua phải chém ở ngoài chợ.

Nhà vua cả giận, nói:

- Hân vô đạo, ăn trộm đồ ở miếu tiên đế, ta giao cho đình úy là muốn đình úy giết cả họ hân, nay nhà ngươi theo luật tâu thì không phải là cái ý muốn tôn kính nơi tông miếu của ta.

Thích Chi cất mũ, để đầu trần tạ lỗi nói:

- Pháp luật như thế là đủ. Vả lại, cùng là tội hết cả nhưng phải theo chỗ sự lẽ nghịch hay thuận để phân biệt nặng nhẹ. Nay hân ăn trộm đồ ở tông miếu mà giết cả họ hân đi thì nếu như trong muôn một có một tên ngu dân lấy một nắm đất ở Trường Lăng (9), lúc bấy giờ bệ hạ biết lấy gì mà trị tội thêm nữa ?

Một hồi lâu, Văn Đế nói với thái hậu và cho đình úy là phải. Lúc bấy giờ Điền Hầu Chu A Phu làm trung úy và Sơn Đô Hầu Vương Diêm Khai làm tướng quốc nước Lương thấy Thích Chi xét xử công bình nên kết làm bạn thân. Vì vậy Trương đình úy được thiên hạ khen ngợi.

Về sau Văn Đế mất, Cảnh Đế lên ngôi. Thích Chi sợ cáo bệnh, muốn từ quan về vì sợ bị giết đến nơi. Ý ông ta muốn yết kiến nhà vua để tạ lỗi nhưng chưa biết làm sao. Thích Chi dùng mưu kế của Vương Sinh, rốt cục yết kiến nhà vua, tạ tội. Cảnh Đế không bắt lỗi.

Vương Sinh là một người ăn sĩ thích nói về Hoàng Đế, Lão Tử. Có lần được triệu vào triều đình, các tam công và cửu khanh đều đứng ở đấy. Vương Sinh là người già, nói:

- Tôi tụt giày.

Quay lại bảo Trương đình úy:

- Buộc giày cho tôi.

Thích Chi quỳ xuống buộc giày. Sau đấy, có người bảo Vương Sinh:

- Tại sao riêng ông lại làm nhục Trương đình úy ở triều đình bắt ông ta buộc giày ?

Vương Sinh nói:

- Tôi già và hèn, tự nghĩ rằng suốt đời chẳng giúp được gì cho Trương đình úy. Trương đình úy hiện nay là vị quan có danh trong thiên hạ. Tôi cố ý nhân đây làm nhục đình úy, bắt ông ta quỳ xuống

buộc giầy là muốn đề cao ông ta.

Các quan nghe vậy, cho Vương Sinh là người hiền và kính trọng Trương đình úy. Trương đình úy thờ Cảnh Đế hơn một năm làm tướng quốc của Hoài Nam Vương, vì chỗ trước kia có lỗi lầm. Mãi về sau, Thích Chi chết, con là Trương Chi, tự là Trương Công làm quan đến đại phu xin thôi, cho rằng mình không thể a dua để sống theo thế tục nên suốt đời không làm quan.

2. Ông của Phùng Đường là người nước Triệu, đến đời cha dời đến đất Đại. Khi nhà Hán nổi lên, dời đến An Lăng. Đường nổi tiếng vì có hiếu, được cử làm người cầm đầu các trung lang thự.

Đường thờ Văn Đế, Văn Đế đi xe qua hỏi Đường:

- Tại sao cụ lại làm trung lang ? Nhà ở đâu ?

Đường cứ theo thực mà tâu. Văn Đế nói:

- Khi ở đất Đại, ta thường ăn cơm của người quan coi việc ăn uống là Cao Khư, ông ta mấy lần nói với ta rằng Lý Tề, tướng nước Triệu (10), là người hiền, đánh ở gần Cự Lộc. Nay mỗi khi ăn cơm ta vẫn thường nhớ đến Cự Lộc. Cụ có biết ông ta không ?

- Cũng không bằng Liêm Pha, Lý Mục làm tướng.

- Tại sao biết ?

- Ông của thần khi ở Triệu coi một đội quân, chơi thân với Lý Mục. Cha của thần vốn làm tướng quốc ở nước Đại chơi thân với tướng nước Triệu là Lý Tề nên biết ông ta là người như thế nào.

Nhà vua nghe nói đến Liêm Pha, Lý Mục lấy làm cao hứng vỗ đùi mà nói:

- Than ôi ! Ta không có Liêm Pha, Lý Mục để dùng làm tướng. Nếu có thì ta lo gì quân Hung Nô ?

Đường nói:

- Thần sợ bộ hạ tuy có Liêm Pha, Lý Mục cũng không dùng được.

Nhà vua nổi giận, đứng dậy đi vào cung cấm.

Một hồi lâu sau, nhà vua cho gọi Đường vào trách:

- Tại sao ông lại làm nhục ta trước mặt mọi người, ông không có dịp nào khác nữa à ?

Đường tâu:

- Kẻ hèn mọn này vốn không biết kiêng dè.

Lúc bấy giờ quân Hung Nô mới đem đại quân xâm nhập huyện Chiêu Na, giết đô úy đất Bắc Địa là Ngang. Nhà vua đang lo lắng về giặc Hồ nên cuối cùng lại hỏi Đường:

- Tại sao ông biết ta không thể dùng Liêm Pha, Lý Mục được ?

Đường tâu:

- Thần nghe nói các vua thời thượng cổ khi nào sai tướng thì quỳ xuống đẩy trục bánh xe nói: “Việc trong kinh đô thì quả nhân quyết định; việc ở ngoài kinh đô thì tướng quân quyết định”. Việc công quân, khen thưởng ban tước, đều do tướng quân quyết định ở ngoài, khi nào về mới tâu lại. Điều đó không phải lời nói suông (11). Người ông của thần nói Lý Mục khi làm tướng nước Triệu, ở biên giới, thuê ở chợ đều tự tiện dùng để nuôi quân sĩ; việc khen thưởng đều quyết định ở ngoài, trong triều không cản trở. Nhà vua chỉ giao việc chính cốt sao làm tròn trách nhiệm, cho nên Lý Mục mới có thể trở hết tài năng, trí tuệ của mình chọn một nghìn ba trăm cỗ xe, một vạn ba nghìn quân kỵ bắn tên, mười vạn dũng sĩ (12). Vì vậy cho nên phía Bắc đánh đuổi được Thiên Vu, phá được Đông Hồ, diệt được Đan Lãm (13); phía Tây chống lại nước Tần mạnh, phía Nam giúp đỡ nước Hàn, nước Ngụy. Trong thời bấy giờ, nước Triệu gần như xưng bá. Sau đó, gặp lúc vua Triệu là Thiên lên ngôi, người mẹ là con hát. Thiên nghe lời Quách Khai gièm pha, cuối cùng giết Lý Mục. Sai Nhậm Tụ thay thế. Vì vậy cho nên binh bị phá tan, quân sĩ bỏ chạy, vua nước Triệu bị nước Tần bắt và nước bị tiêu diệt. Nay thần trộm nghe Ngụy Thượng làm thái thú ở Vân Trung, tất cả thuế chợ đều dùng để đãi tân khách, thuộc hạ và tướng sĩ, cho nên quân Hung Nô tránh xa không đến gần biên giới Vân Trung. Quân địch có một lần vào, Thượng đem xe và quân kỵ đánh, giết rất nhiều địch (14). Sĩ tốt đều là con em của dân, dời bỏ việc cày cấy ra làm lính, làm sao biết được giấy tờ sổ sách ! Suốt ngày họ ra sức chiến đấu chém đầu hoặc bắt sống quân địch. Nhưng khi báo công lên cho quân doanh hề nói một lời không hợp thì bọn quan văn lại lấy luật pháp bắt bẻ nên không được thưởng. Còn bọn quan văn dùng phép tắc bắt bẻ người ta thì lại được tin dùng. Thần ngu dốt cho rằng luật pháp của bộ hạ quá sáng suốt, thưởng quá nhẹ, phạt quá nặng. Vả chăng, sở dĩ thái thú Vân Trung Ngụy Thượng phạm tội là vì số thủ cấp báo công lên so với sự thực thiếu sáu cái (15). Bộ hạ giao ông ta cho quan lại xét, truat quan tước bắt ông ta chịu khổ dịch một năm. Cứ thế mà xét

thì bệ hạ tuy có Liêm Pha, Lý Mục cũng không dùng được. Thần quả thật là ngu, xúc phạm đến điều phải kiêng phải tránh, tội đáng chết, tội đáng chết !

Văn Đế vui lòng. Hôm ấy sai Phùng Đường cầm cờ tiết tha Ngụy Thượng, lại cho làm quan thú Vân Trung. Nhà vua lại cho Đường làm xa kỵ đô úy coi các trung úy và quân lính đánh bằng xe ở các nơi.

Năm thứ bảy, Cảnh Đế lên ngôi, cho Đường làm tướng quốc nước Sở. Đường xin thôi, Vũ Đế lên ngôi cầu người hiền tài, người ta cử Phùng Đường. Lúc bấy giờ Đường hơn chín mươi tuổi, không thể làm quan được nữa, nhà vua bèn cho con của Đường là Phùng Toại làm quan lang.

Toại tên tự là Vương Tôn, cũng là một kẻ sĩ ít có chơi thân với tôi (16).

3. Thái sử công nói:

Trương Công nói về bậc trưởng giả, giữ pháp luật không a dua theo ý nhà vua (17). Phùng Công bàn về tướng sùy thật thú vị làm sao ! Thật thú vị làm sao (18)! Ngạn ngữ nói: “Không biết người ấy thì hãy nhìn bạn người ấy”. Việc hai người bàn luận tán tụng có thể ghi vào sổ sách triều đình. Kinh Thư nói: “Không thiên không đảng, đạo vua rộng rãi, công đảng không thiên, đạo vua công bình”(19).

Trương Công, Phùng Công cũng gần được như vậy (20).

Chú thích:

(1). Đình Ủy là chức quan cao nhất về tư pháp.

(2). Chức coi cổng.

(3). Chức quan lo việc tiếp khách.

(4). Cầm đầu các yết giả.

(5). Chức quan coi cửa Tư mã.

(6). Mẹ của Văn Đế.

(7). Thân phụ nhân người Hàm Đan.

(8). Ý nói động đến linh cữu.

(9). Mộ của Hán Cao Tổ.

(10). Vì Phùng Đường nói mình là người nước Triệu nên Văn Đế nói chuyện về tướng nước Triệu.

(11). Trở xuống giải thích tại sao không phải là lời nói suông.

(12). Nguyên văn: dùng sĩ đáng thưởng trăm cân vàng.

(13). Xem Liêm Pha, Lạn Tương Như liệt truyện.

(14). Việc làm giống như Lý Mục.

(15). Thưởng phạt khác vua Triệu xưa đối với Lý Mục.

(16). Với tác giả.

(17). Câu này nói về việc Trương Thích Chi bàn luận về bậc trưởng giả như Chu Bột.

(18). Nhắc hai lần vì tác giả rất tán thưởng.

(19). Kinh Thư, thiên Hồng Phạm. Ý nói nếu không thiên lệch và không bè phái thì đạo nhà vua rộng rãi khoan dung lại công bình. Tác giả ca ngợi Trương Thích Chi và Phùng Đường chính trực.

(20). Ghép Trương Thích Chi và Phùng Đường vào một truyện, tác giả muốn ca ngợi những con người muốn nói cho nhà vua biết sự thực dù sự thực ấy không làm nhà vua đẹp lòng. ở đây tác giả cũng có ý tự ngụ.

Phần 39

Ngụy Kỳ, Vũ An Hầu liệt truyện

1. Ngụy Kỳ Hầu Đậu Anh là con người anh chú bác của Hiếu Văn hoàng hậu. Cha ông đời đời ở đất Quan Âm, thích tân khách. Trong thời Hiếu Văn, Đậu Anh làm thừa tướng nước Ngô, bị bệnh nên thôi. Khi Hiếu Cảnh mới lên ngôi, Anh làm thêm sự (1), Lương Hiếu Vương là em của Hiếu Cảnh, được mẹ là Đậu thái hậu yêu. Lương Hiếu Vương vào châu, ăn tiệc uống rượu theo lễ anh em. Lúc bấy giờ nhà vua chưa lập thái tử. Uống rượu say, nhà vua ung dung nói:

- Sau khi mất, ta sẽ truyền ngôi cho Lương Vương.

Thái hậu mừng rỡ, Đậu Anh giờ chén rượu tiến về phía trước dâng lên nhà vua nói:

- Thiên hạ là thiên hạ của Cao Tổ, cha truyền con nối đó là điều nhà Hán đã giao ước. Tại sao bệ hạ lại có thể tự tiện truyền cho Lương Vương

Thái hậu vì vậy ghét Đậu Anh, Đậu Anh cũng cho chức quan của mình là nhỏ, nhân có bệnh xin thôi. Thái hậu gạch sổ tên Đậu Anh trong sổ ra vào cửa cung không cho vào triều yết.

Năm thứ ba đời Hiếu Cảnh (năm 154 trước Công nguyên), nước Ngô, nước Sở làm phản (2), nhà vua xét ở trong tôn thất và những người họ Đậu (3) không ai giỏi bằng Đậu Anh nên muốn mời Anh. Anh vào yết kiến, mượn cơ bệnh hoạn từ chối nói mình không đủ sức. Thái hậu cũng thẹn. Bấy giờ nhà vua nói:

- Ngày nay thiên hạ đang gặp chuyện nguy cấp, lẽ nào Vương Tôn (4) lại nhường chức ấy hay sao?

Bèn cho Anh làm đại tướng quân cho một ngàn cân vàng. Anh bèn nói:

- Viên Áng, Loan Bố (5) là những viên tướng có danh và những kẻ sĩ có tài hiện nay về nhà, nên dùng họ.

Được nhà vua cho bao nhiêu vàng, Anh đều bày ngoài hành lang, dưới mái cửa, thấy các tướng sĩ đi qua liền bảo họ lấy mà dùng, không cho vàng vào nhà.

Đậu Anh giữ đất Huỳnh Dương, cai quản quân Tề và Triệu. Sau khi quân bảy nước đã bị tiêu diệt, Anh được phong làm, Ngụy Kỳ Hầu. Bọn du sĩ, tân khách tranh nhau theo Ngụy Kỳ Hầu. Trong thời Hiếu Cảnh mỗi khi ra triều bàn việc lớn, những người được phong hầu không ai dám xem mình ngang hàng với Điều Hầu (6) và Ngụy Kỳ Hầu.

Năm thứ tư đời Hiếu Cảnh (153 trước Công nguyên) lập thái tử Lật, sai Ngụy Kỳ Hầu làm thái phó của thái tử.

Năm thứ bảy đời Hiếu Cảnh. Lật thái tử bị truất, Ngụy Kỳ mấy lần can ngăn không được. Ngụy Kỳ cáo bệnh rút lui về ở ẩn ở chân núi phía Nam Lam Điền mấy tháng. Các tân khách, biện sĩ khuyên ông, nhưng không ai làm cho ông trở về triều. Cao Toại người nước Lương bèn nói với Ngụy Kỳ:

- Người có thể làm cho tướng quân giàu sang là nhà vua, người có thể làm tướng quân thành người thân tín của triều đình là thái hậu. Nay tướng quân làm thái phó thái tử, thái tử bị phế truất, tướng quân không can ngăn được; can ngăn đã không được, lại không dám chết, rút lui cáo bệnh ôm gái nước Triệu lui về nơi nhàn dật không chịu vào triều. Nếu căn cứ vào sự việc mà xem thì đó là tướng quân muốn nêu lên cái sai lầm của nhà vua, nhờ cả hai cung đều giận tướng quân thì vợ con sẽ chẳng còn sống sót được đâu.

Ngụy Kỳ Hầu cho là phải, bèn đứng dậy vào triều như cũ.

Đào Hầu (7) thôi làm thừa tướng. Đậu thái hậu mấy lần tiến cử Ngụy Kỳ Hầu. Hiếu Cảnh Đế nói:

- Thái hậu cho tôi tiếc rẻ điều gì, mà không cho Ngụy Kỳ làm thừa tướng hay sao? Ngụy Kỳ là người tự phụ tự đắc, dễ khinh suất trong công việc, khó lòng làm thừa tướng, một chức vụ cần con người thận trọng.

Vì vậy nhà vua không dùng Đậu Anh, mà dùng Kiến Lăng Hầu là Vệ Uyển làm thừa tướng.

2. Vũ An Hầu Điền Phân là người em cùng mẹ với hoàng hậu vua Hiếu Cảnh, sinh ở Trường Lăng. Lúc Ngụy Kỳ Hầu đã làm đại tướng quân, thỉnh đặt thì Phân làm quan lang chưa được quý trọng, thường qua lại hầu rượu ở nhà Ngụy Kỳ, quỳ xuống đứng lên như bọn con cháu vậy.

Đến cuối đời Hiếu Cảnh, Phân càng được vua yêu quý, làm thái trung đại phu. Phân có tài nói năng, biện luận, học văn tự cổ. Vương thái hậu là người hiền. Khi Hiếu Cảnh mất, liền trong ngày ấy thái tử được lập lên nối ngôi. Hoàng thái hậu thay vua trị vì, thường dùng kế của bọn tân khách của Điền Phân để trấn áp và vỗ về dân chúng. Em của Phân là Điền Thắng, vì là em thái hậu, cho nên Hiếu

Cảnh làm vua được ba năm thì Phân được phong làm Vũ An Hầu, Thắng được phong làm Chu Dương Hầu.

Lúc đầu Vũ An Hầu tưởng rằng mình sẽ được làm thừa tướng nên khiêm tốn với các tân khách, tiễn cử các danh sĩ, người nào ở nhà thì mời ra làm quan muốn để áp đảo các quan văn võ theo Ngụy Kỳ. Năm thứ nhất niên hiệu Kiến Nguyên (năm 140 trước Công nguyên) (8) thừa tướng Uyển bị bệnh nên thôi không làm nữa, nhà vua bàn việc cử người làm thừa tướng và thái úy. Tịch Phúc nói với Vũ An Hầu:

- Ngụy Kỳ lâu nay được tôn quý, kẻ sĩ trong thiên hạ vốn theo ông ta. Nay tướng quân mới nổi lên chưa bằng Ngụy Kỳ. Nếu như hoàng thượng cho tướng quân làm thừa tướng thì cứ nhường cho Ngụy Kỳ. Ngụy Kỳ làm thừa tướng thì tướng quân thế nào cũng làm thái úy, Thái úy và thừa tướng cũng tôn quý như nhau thôi. Ngài lại được tiếng nhường cho người hiền.

Vũ An Hầu đem điều đó nói bóng nói gió với thái hậu để thái hậu nói lại với nhà vua. Kết quả Ngụy Kỳ vẫn được làm thừa tướng và Vũ An Hầu làm thái úy. Tịch Phúc mừng Ngụy Kỳ Hầu, nhân đây có lời khuyên:

- Ngài tính yêu người thiện, ghét người ác. Nay người thiện khen ngài cho nên ngài làm đến thừa tướng nhưng ngài lại ghét người ác mà người ác lại đông, thế nào họ cũng gièm pha ngài. Nếu có thể bao dung được cả hai hạng người thì ngài sẽ được làm lâu; nếu không ngài sẽ bị người ta gièm pha mà rời bỏ địa vị thừa tướng.

Ngụy Kỳ không nghe.

Ngụy Kỳ và Vũ An đều thích đạo Nho (9), tiễn cử Triệu Quán làm ngự sử đại phu, Vương Tang làm lang trung lệnh, đón Lễ Thần Công. Muốn đặt nhà mình đường (10), khiến chư hầu về nước của mình (11), bỏ việc cấm ra vào cửa ải, làm các lễ phục theo phép tắc, để nêu rõ thiên hạ thái bình. Ngụy Kỳ xét những người họ Đậu và họ Tôn thất, ai phẩm hạnh kém thì gạch tên ở trong sổ. Lúc bấy giờ những người họ ngoại đều làm tước hầu, các vị hầu đều lấy công chúa, không ai muốn về nước. Vì vậy người ta ngày ngày gièm pha với Đậu thái hậu. Thái hậu thích thuyết của Hoàng Đế, Lão Tử, trái lại bọn Ngụy Kỳ, Vũ An, Triệu Quán, Vương Tang lại muốn suy tôn Nho giáo đìm Đạo giáo. Vì vậy Đậu thái hậu càng không thích bọn Ngụy Kỳ.

Năm thứ hai niên hiệu Kiến Nguyên (năm 139 trước Công nguyên) ngự sử đại phu là Triệu Quán xin dừng tâu công việc với đông cung (12). Đậu thái hậu giận lắm, bèn phế truất bọn Triệu Quán, Vương Tang và bãi thừa tướng, thái úy cho Bách Chí Hầu là Hứa Xương làm thừa tướng. Vũ Cương Hầu là Trang Thanh Địch làm ngự sử đại phu. Ngụy Kỳ, Vũ An vì vậy vẫn giữ tước hầu mà về ở nhà.

Vũ An Hầu tuy không làm quan, nhưng nhờ Vương thái hậu (13) nên được tin yêu, mấy lần bàn công việc đều có kết quả.

Các quan lại và kẻ sĩ ham thế lợi đều bỏ Ngụy Kỳ theo Vũ An. Vũ An ngày càng kiêu căng.

Năm thứ sáu niên hiệu Kiến Nguyên (năm 135 trước Công nguyên). Đậu thái hậu chết, thừa tướng là Xương, ngự sử đại phu là Thanh Địch bị bãi vì không lo việc tang. Nhà vua cho Vũ An Hầu Điền Phân làm thừa tướng, cho quan đại tư nông Hàn An Quốc làm ngự sử đại phu. Kẻ sĩ trong thiên hạ, các quan ở các nước và chư hầu lại càng xu phụ Vũ An. Vũ An mặt mày xấu xí nhưng lại được tôn quý. Ông ta cho rằng chư hầu nhiều người lớn tuổi, nhà vua thì mới lên ngôi, tuổi còn nhỏ (14), mình nhờ là người thân thích nên được làm thừa tướng ở kinh, nếu không dùng nghi lễ để bắt họ phải nhất nhất phục tùng mình thì thiên hạ không sợ.

Lúc bấy giờ thừa tướng vào tâu, ngồi nói chuyện suốt buổi, nói gì cũng được nhà vua nghe theo. Có lần tiễn cử người ta từ chỗ chưa làm gì lên đến làm chức quan hai nghìn thạch, quyền lẫn át cả nhà vua. Nhà vua nói:

- Ông bổ nhiệm quan lại đã xong chưa? Tôi cũng muốn bổ nhiệm quan lại đây.

Có lần Phân xin đất của nha môn để mở rộng thêm nhà cửa của mình, nhà vua nổi giận nói: .

- Sao ông không lấy luôn cả kho vũ khí cho rồi.

Sau đó, ông ta mới bớt xin xỏ.

Có lần Điền Phân mời tân khách uống rượu để người anh là Cái Hầu ngồi ngoảnh mặt về hướng Nam còn mình ngồi ngoảnh mặt về hướng Đông (15). Ý ông ta cho rằng mình làm thừa tướng nhà Hán là giữ địa vị cao, không thể vì chỗ anh em mà giảm bớt sự tôn quý. Vì vậy An Vũ càng kiêu

ngạo, sửa sang nhà cửa đẹp hơn tất cả các chư hầu. Ruộng vườn đều hết sức màu mỡ còn những người đi các chợ ở các quận huyện để mua các sản vật về thì gặp nhau từng đoàn ở ngoài đường. Trước nhà bày chuông trống, đặt cờ khúc chiên (16). Ở phòng sau, đàn bà kẻ đến hàng trăm. Chư hầu mang vàng, ngọc, chó, ngựa đồ chơi đến biếu không kể xiết.

Ngụy Kỳ không còn Đậu thái hậu (17) nên càng không được dùng, không có thế lực. Tân khách dần dần đổi thái độ, tỏ ra kiêu ngạo. Chỉ có một mình Quán tướng quân vẫn đối xử như cũ. Ngụy Kỳ thường ngày lắm li không vui, chỉ chơi thân với một mình Quán tướng quân.

3. Quán tướng quân tên là Phu người ở huyện Dĩnh Âm. Cha Phu là Trương Mạnh có lần làm môn hạ của Dĩnh Âm Hầu Quán Anh. Mạnh được yêu quý, do đó được tiến cử làm đến chức quan hai nghìn thạch. Mạnh lấy họ Quán, gọi là Quán Mạnh.

Trong thời Ngô, Sở làm phản, Dĩnh Âm Hầu Quán Hà làm tướng quân ở dưới quyền của thái úy, mời Quán Mạnh làm hiệu úy. Phu đem một ngàn người theo cha. Quán Mạnh tuổi già, Dĩnh Âm Hầu cố nài mãi Mạnh mới được dùng. Vì thế Mạnh bức bối không bằng lòng. Lúc chiến đấu Mạnh thường xông vào nơi quân địch mạnh (18) và cuối cùng chết ở giữa quân Ngô.

Theo pháp lệnh trong quân, nếu cha con cùng tông quân có người chết thì người còn sống có thể mang hài cốt về. Quán Phu không chịu về lo việc chôn cất, khẳng khái nói:

- Xin lấy đầu của Ngô Vương hay đầu của tướng quân nước Ngô để trả thù cho cha.

Quán Phu bèn mang áo giáp, cầm giáo, chọn những tráng sĩ trong quân đội mà mình quen biết, người tình nguyện đi theo được mấy chục. Nhưng khi ra khỏi cửa thành không ai dám tiến lên. Chỉ có hai người và mười mấy người tông nô (19) phi ngựa vào trong quân của Ngô, đến dưới cờ đại tướng của Ngô, giết và làm bị thương mấy chục người, không tiến lên được nữa, họ lại phi ngựa về, khi vào thành của Hán thì những người tông nô đều chết hết chỉ còn một quân kỵ đi theo. Phu bị hơn mười vết thương nặng, may có thứ thuốc quý giá ngàn vàng mới khỏi chết.

Thương tích mới hơi bớt. Phu lại xin với tướng quân:

- Tôi đã biết thêm ngõ ngách ở trong thành của quân Ngô, xin cho tôi đi lần nữa.

Tướng quân khen ngợi lòng can đảm nghĩa khí của Phu, nhưng sợ Phu chết mất nên nói với thái úy.

Thái úy bèn cố sức can ngăn. Sau khi quân Ngô bị phá, Quán Phu vì vậy nổi tiếng trong thiên hạ.

Dĩnh Âm Hầu nói với nhà vua, nhà vua cho Phu làm trung lang tướng. Được mấy tháng, phạm sai lầm thôi không làm quan.

Sau đó nhà ở Trường An, những người giàu sang ở Trường An không ai không khen ngợi Phu.

Thời Hiếu Cảnh, Phu làm đến thừa tướng nước Đại. Khi Hiếu Cảnh mất, Kim thượng (20) mới lên ngôi cho rằng Hoài Dương là nơi then chốt trong thiên hạ; quân mạnh tụ tập ở đây nên cho Quán Phu đến làm thái thú Hoài Dương. Năm thứ nhất mền hiệu Kiến Nguyên, Phu về kinh làm thái bộc. Năm thứ hai Phu uống rượu ở cung Trường Lạc với vệ úy là Đậu Phủ, hai người cãi nhau không ai chịu ai. Phu say, đánh Phủ, Phủ là hàng em của Đậu thái hậu. Nhà vua sợ Đậu thái hậu giết Phu nên dời Phu đi làm thừa tướng nước Yên. Được mấy năm, phạm lỗi, bỏ quan về, nhà ở Trường An.

Quán Phu là người cương trực, uống rượu say thì hung hăng, không thích người ta nhìn ở trước mặt. Đối với những người bên ngoài nhà vua, có thế lực hơn mình, không muốn dùng lễ đối xử với mình thì thế nào Phu cũng tranh hơn với họ; trái lại đối với những kẻ sĩ kém mình thì càng nghèo hèn thì Phu càng kính trọng, coi ngang hàng. Ở nơi tụ tập đông người, Phu tiến cử những người hậu bối. Kẻ sĩ cũng vì vậy khen ngợi ông ta.

Tính Phu không thích văn học, thích nghĩa hiệp. Một khi đã ừ với ai thì nhất định làm. Những người Phu đi lại toàn là hạng hào kiệt hay những bọn đại gian, đại ác. Nhà Phu giàu có đến mấy ngàn lạng vàng, khách ăn mỗi ngày ngót trăm người. Họ hàng khách khứa cướp đoạt ruộng vườn, ao hồ, để đập tranh quyền giành lợi cho mình, hoành hành ở Dĩnh Xuyên. Trẻ con Dĩnh Xuyên có bài hát:

“Nước Dĩnh Xuyên trong họ Quán được vinh; nước Dĩnh Xuyên đục, họ Quán bị giết cả gia tộc”.

Tuy Quán Phu nhà giàu nhưng vì mất thế lực nên các quan khanh, tướng, thị trung, khách khứa ngày càng ít đến chơi. Đến khi thất thế, Ngụy Kỳ Hầu cũng muốn dựa vào Quán Phu để che chở cho nhau và gạt bỏ những người trước kia hãm mộ nhưng sau bỏ mình. Quán Phu cũng dựa vào Ngụy Kỳ để được đi lại với các liệt hầu, tôn thất, đặt đề cao danh tiếng của mình. Hai người nâng đỡ nhau, tôn trọng nhau, chơi với nhau như cha với con rất là vui vẻ, không lúc nào chán, chỉ tiếc biết nhau quá muộn.

Quán Phu có tang, qua nhà thừa tướng. Thừa tướng ung dung nói:

- Ta muốn cùng Trọng Nhụ (21) sang nhà Ngụy Kỳ Hầu nhưng Trọng Nhụ lại có tang.

Quán Phu nói:

- Tướng quân hạ cố đến thăm Ngụy Kỳ Hầu, thì Phu này đâu dám vì chuyện có tang mà từ chối. Tôi xin nói lại với Ngụy Kỳ Hầu chuẩn bị rượu thịt, tướng quân sáng mai sẽ đến.

Vũ An bằng lòng. Quán Phu nói lại với Ngụy Kỳ Hầu tất cả những điều Vũ An Hầu đã nói. Ngụy Kỳ cùng vợ mua thêm rượu thịt ban đêm quét tước, dậy sớm sắp đặt cho đến sáng. Từ tảng sáng đã sai đầy tớ đứng chực ở ngoài cửa. Mãi đến trưa thừa tướng vẫn không đến. Ngụy Kỳ nói với Quán Phu:

- Thừa tướng quên hay sao?

Quán Phu bực mình nói:

- Phu xin không ngại có tang phục đến mời, thế nào ông ta cũng đến.

Phu bèn lên xe ngựa, thân hành đi đón thừa tướng. Trước đây thừa tướng chỉ nói đùa với Quán Phu thôi chứ thực ra không có ý đến. Khi Quán Phu đến cửa, thừa tướng còn đang nằm trên giường.

Quán Phu bèn vào gặp mặt, nói:

- Hôm qua tướng quân có hứa đến nhà Ngụy Kỳ, vợ chuẩn bị thức ăn đợi từ sáng đến giờ chưa dám ăn.

Vũ An kinh ngạc xin lỗi:

- Hôm qua tôi say quên mất những điều đã nói với Trọng Nhụ.

Bèn lên xe đi, nhưng lại đi chậm rãi, Quán Phu lại càng nổi giận. Đến khi uống rượu say. Quán Phu đứng dậy múa, mời thừa tướng múa. Thừa tướng không đứng dậy, Quán Phu ngồi nói xúc phạm thừa tướng. Ngụy Kỳ bèn đỡ Quán Phu đưa đi nơi khác xin lỗi với thừa tướng. Thừa tướng uống mãi đến đêm rất vui rồi trở về (22).

Có lần thừa tướng sai Tịch Phúc xin Ngụy Kỳ ruộng, ở phía Nam thành, Ngụy Kỳ cả giận nói:

- Già này tuy bị bỏ rơi, tướng quân được tôn quý nhưng làm sao có thể lấy thể lực để cướp của tôi.

Ngụy Kỳ không cho. Quán Phu nghe nói nổi giận mắng Tịch Phúc. Tịch Phúc không muốn hai người sinh hiềm khích, nên dùng lời lẽ khôn khéo để xin lỗi thừa tướng, nói:

- Ngụy Kỳ già sắp chết xin chịu khó đợi một chút.

Sau đó Vũ An nghe nói Ngụy Kỳ và Quán Phu giận, không đưa ruộng cho mình, cũng nổi giận, nói:

- Con Ngụy Kỳ có lần giết người. Phân này cứu cho nó sống. Xưa Phân nhờ Ngụy Kỳ, Ngụy Kỳ muốn gì cũng được, ông ta còn tiếc mấy đám ruộng sao? Còn Quán Phu thì can dự gì vào việc này! Thôi ta chẳng dám xin ruộng nữa đâu (23).

Vì vậy Vũ An rất oán Ngụy Kỳ, Quán Phu.

Mùa xuân, năm thứ tư, niên hiệu Nguyên Quang (năm 131 trước Công nguyên) thừa tướng nói:

- Quán Phu nhà ở Dĩnh Xuyên hoành hành dữ quá, dân khổ vì ông ta, xin làm án.

Nhà vua nói:

- Đó là việc của thừa tướng, còn xin làm gì?

Quán Phu cũng lượm lặt những việc kín của thừa tướng dùng thủ đoạn gian xảo để mưu lợi, lấy vàng của Hoài Nam Vương (24) và những lời nói bí mật của ông ta. Tân khách hai nhà can ngăn hai người mới thôi, oán thù mới được cởi.

Mùa hạ, thừa tướng lấy con gái của Yên Vương làm phu nhân, có chiếu của thái hậu mời liệt hầu tôn thất đến mừng. Ngụy Kỳ Hầu ghé qua nhà Quán Phu, muốn rủ ông ta cùng đi mừng. Quán Phu từ chối nói:

- Phu mấy lần say rượu có lỗi với thừa tướng. Thừa tướng bây giờ lại có hiềm khích với Phu.

Ngụy Kỳ nói:

- Việc đó đã xong rồi.

Bèn ép Phu cùng đi. Đến khi uống rượu say, Vũ An đứng dậy làm lễ chúc thọ, tất cả cử tọa đều rời khỏi chiếu sụp xuống lạy. Đến khi Ngụy Kỳ chúc thọ thì chỉ có những người quen cũ rời khỏi chiếu mà thôi, còn thì chỉ quì một chân ở trên chiếu. Quán Phu không bằng lòng, đứng dậy mời rượu đến trước mặt Vũ An. Vũ An quì trên chiếu nói:

- Tôi không uống hết được chén rượu.

Phu nổi giận cười lạt mà rằng:

- - Tướng quân là bậc tôn quý, xin uống cạn chén.

Bây giờ Vũ An không chịu, Phu cầm rượu đến trước mặt Lâm Nhữ Hầu, lúc này Lâm Nhữ Hầu đang ghé tai nói chuyện với Trình Bất Thức, lại không rời khỏi chiếu, Phu không biết trút giận dữ của mình lên đầu ai, bèn mắng Lâm Nhữ Hầu:

- Ông thường ngày gièm Trình Bất Thức, cho ông ta không đáng một đồng tiền, thế mà hôm nay có người trưởng giả chúc thọ, ông lại bắt chúc bọn nhi nữ, nói thì thầm bên tai như vậy à?

Vũ An bảo Quán Phu:

- Ông Trình và ông Lý (25) người làm vệ úy của đông cung, người làm vệ úy của tây cung. Nay ông Trọng Nhụ làm nhục Trình tướng quân trước mặt mọi người, thế ông Trọng Nhụ không nể mặt Lý tướng quân hay sao?

Quán Phu nói:

- Hôm nay chém đầu, đâm vào bụng còn biết gì Trình với Lý nữa (26).

Khách khứa đứng dậy giả vờ đi đông dần dần đi ra. Ngụy Kỳ Hầu vẫy tay bảo Quán Phu ra. Vũ An nổi giận, nói:

- Đó là tội của ta làm cho Quán Phu càng kiêu ngạo.

Bèn ra lệnh cho quân kỵ giữ Quán Phu lại. Quán Phu muốn ra không được. Tịch Phúc đứng dậy xin lỗi, đề cổ Quán Phu, bảo tạ lỗi. Quán Phu càng nổi giận, không chịu xin lỗi. Vũ An bèn vẫy quân kỵ trói Phu để ở nhà khách xá, gọi người trưởng sử vào mà bảo:

- Hôm nay có chiếu triệu tập những người tôn thất đến, Quán Phu mắng nhiếc tân khách, phạm tội bất kính (27) trói ở nhà cự thất.

Vũ An bèn xét những việc làm từ trước, sai quan lại chia nhau đuổi bắt, họ hàng họ Quán, đều bị tội chém ở chợ. Ngụy Kỳ Hầu xấu hổ, xuất tiền cứu, nhờ tân khách xin hộ, nhưng không ai làm sao được. Các quan lại của Vũ An đều là tay chân của ông ta, họ Quán đều trốn tránh. Quán Phu đã bị trói cho nên không làm sao tổ giác những điều mờ ám của Vũ An.

Ngụy Kỳ liệu mình tìm cách cứu Quán Phu, vợ can Ngụy Kỳ:

- Quán tướng quân có tội với thừa tướng, chống lại gia đình của thái hậu còn cứu làm sao được.

Ngụy Kỳ Hầu nói:

- Tước hầu là do ta mà có được, nên tự ta bỏ nó đi thì cũng không tiếc gì. Và chẳng ta quyết không thể nào để cho Quán Trọng Nhụ chết một mình còn anh này sống sót.

Bèn giấu người nhà, ngầm viết thư dâng lên nhà vua. Nhà vua liền gọi vào, Ngụy Kỳ kể lại đầu đuôi việc Quán Phu say rượu có lỗi, tội không đáng chết. Nhà vua cho là phải, cho Ngụy Kỳ ăn và nói:

- Đến đông cung biện luận trước đình thần.

Ngụy Kỳ đến đông cung hết sức ca ngợi Quán Phu là người tốt, nói ông ta say rượu có lỗi, nhưng thừa tướng lại lấy những việc khác vu cáo bắt tội ông ta. Vũ An lại ra sức gièm pha Quán Phu làm những điều ngang ngược, phạm tội phản nghịch vô đạo, Ngụy Kỳ xem chừng không biết làm sao bèn nói những khuyết điểm của thừa tướng.

Vũ An nói:

- Thiên hạ may mắn được an ninh vô sự. Phần nhờ là chỗ thân thích làm thừa tướng, điều tôi thích chỉ là âm nhạc, chó ngựa, ruộng vườn, nhà cửa mà thôi. Điều tôi yêu chỉ là những người hát xướng và bọn thợ khéo, chứ không phải như Ngụy Kỳ, Quán Phu, ngày đêm chiêu tập bọn hào kiệt, tráng sĩ trong thiên hạ cùng nhau bàn bạc, trong lòng âm thầm phỉ báng triều đình, không nhìn lên trời mà cúi đầu vạch dưới đất, chỉ chờ hai cung có hiềm khích, mong mỗi thiên hạ có biến động để lập công lớn. Thần không hiểu bọn Ngụy Kỳ làm cái gì (28).

Nhà vua bèn hỏi triều thần:

- Trong hai người ai phải?

Ngự sử đại phu Hàn An Quốc, nói:

- Ngụy Kỳ nói: “Cha Quán Phu chết, Quán Phu thân mang giáp phi vào chỗ quân Ngô bắt tráp, mình bị mấy mươi vết thương, nổi tiếng trong ba quân là bậc tráng sĩ trong thiên hạ, không phạm điều gian ác lớn, việc tranh nhau chén rượu không đủ khiến người ta dẫn ra những sai lầm khác để giết”. Điều Ngụy Kỳ nói là đúng. Thừa tướng nói: “Quán Phu đi lại với bọn gian ác, xâm phạm dân lành, nhà giàu hàng trăm triệu, hoành hành ngang ngược ở Dĩnh Xuyên, lấn át tôn thất, xâm phạm

những người trong cốt nhục, tức như người ta nói “cành lớn hơn gốc; bắp chân lớn hơn vế, không chặt thì sẽ sinh họa”. Lời nói ấy của thừa tướng cũng đúng. Xin hoàng thượng xét.

Cấp Âm (29) làm chủ tước đô úy cho Ngụy Kỳ là phải, song không dám mạnh bạo nói điều mình chủ trương. Còn những người khác không ai dám nói. Nhà vua giận nội sử (30) nói:

- Nhà ngươi hàng ngày thường nói việc hay dở của Ngụy Kỳ, Vũ An, thế mà hôm nay triều đình bàn bạc thì cứ lúng ta lúng túng như con ngựa bị buộc vào cổ xe, ta chém luôn tất cả bọn người bấy giờ.

Nhà vua bèn bãi triều đứng dậy đi vào hầu cơm bên cạnh thái hậu. Thái hậu cũng sai người đi rình, rồi về kể lại tất cả cho thái hậu biết. Thái hậu nổi giận không ăn, nói:

- Nay ta còn sống thế mà người ta đều lần át em của ta, khi ta trăm tuổi rồi thì họ ăn thịt nó mất.

Nhà vua há phải là gỗ đá hay sao? Hiện nay nhà vua đang còn ở đây thì bọn kia chỉ biết phụ họa, nhưng một khi trăm tuổi rồi thì hỏi có nhờ được bọn họ không?

Nhà vua xin lỗi, nói:

- Họ đều là người bên ngoài cho nên mới bàn bạc ở triều đình. Nếu không thì đó là việc của một viên lại coi ngục quyết định thôi.

Bấy giờ Thạch Kiến làm lang trung lệnh trình bày cho nhà vua biết nguyên nhân sinh xích mích giữa hai người.

Sau khi bãi triều, Vũ An dừng lại ở cửa Chỉ Xa (31) gọi Hàn ngự sử đại phu lên cùng ngồi, giận dữ nói:

- Trường Nhụ đối phó với một thằng trọc già (32) làm gì mà phải rụt rè nhút nhát nói nước đôi như vậy?

Hàn ngự sử thở dài hồi lâu bảo thừa tướng.

- Sao ngài không tự trọng? Ngụy Kỳ chỉ trích ngài, thì đáng lý ngài phải cất mũ, cởi dải ấn, xin về nói: “Tôi là chỗ thân thích may được giữ chức vụ này, chứ thực ra không đủ năng lực. Điều Ngụy Kỳ nói đều đúng cả”. Như vậy thế nào nhà vua cũng khen ngài khiêm nhường, mà không truất ngài. Ngụy Kỳ trong lòng thế nào cũng xấu hổ về nhà đóng cửa căn lưới mà tự sát. Bấy giờ người ta chỉ trích ngài, ngài cũng chỉ trích người ta như bọn đàn bà con nít buôn bán cãi cọ nhau, sao mà ngài không biết đại thể đến thế

Vũ An xin lỗi nói:

- Lúc cãi nhau gấp quá không nghĩ đến điều đó.

Nhà vua bèn sai ngự sử căn cứ vào sổ sách chép tội trạng đối chiếu với những lời Ngụy Kỳ khen Quán Phu, thấy có nhiều chỗ không phù hợp, cho là Ngụy Kỳ lừa dối nhà vua nên bỏ tù ở trong ngục đô tư không. Thời Hiếu Cảnh, Ngụy Kỳ đã từng được di chiếu (33) nói: “Nếu có việc gì không lợi thì có thể tùy tiện tâu lên nhà vua”. Đến khi mắc vào vụ Quán Phu, tội đến bị giết cả họ, việc ngày càng gấp, các quan không ai dám nói với nhà vua nữa. Ngụy Kỳ bèn sai người cháu dâng thư nói may gì được yết kiến lần nữa. Thư tâu lên nhưng ở trong cung không có di chiếu, chiếu thư chỉ cất riêng ở nhà Ngụy Kỳ, lại niêm phong bằng ấn của Ngụy Kỳ là bậc gia thần. Các quan bèn khép Ngụy Kỳ vào tội giả mạo chiếu của tiên đế, tội này bị chém giữa chợ. Tháng mười, năm thứ năm (năm 132 trước Công nguyên) xét tất cả Quán Phu và người nhà. Ngụy Kỳ mãi về sau mới nghe tin. Khi nghe tin nổi giận. Mắc bệnh trúng phong không ăn, muốn chết. Nghe nói nhà vua không có ý muốn giết Ngụy Kỳ, Ngụy Kỳ lại ăn khỏi bệnh. Quả nhiên lệnh ban xuống không khép Ngụy Kỳ vào tội chết. Nhưng có lời đồn đại nói xấu đến tai nhà vua (34) cho nên ngày cuối tháng tháng mười hai bị khép vào tội chém giữa chợ Vị Thành.

Mùa xuân năm ấy Vũ An Hầu mắc bệnh cứ một mực gào xin tha tội. Sau thầy bói nhìn quẻ xem quẻ là ai thì thấy Ngụy Kỳ cùng Quán Phu giữ lấy ông ta muốn giết ông ta. Vũ An chết, con là Điền tập tước. Năm thứ ba niên hiệu Nguyên Sóc (năm 126 trước Công nguyên). Vũ An Hầu phạm tội mặc áo cụt vào cung bị khép vào tội bất kính.

Việc Hoài Nam Vương là An mưu phản tiết lộ bị trừng trị. Trong triều trước, Hoài Nam Vương vào chầu, Vũ An Hầu làm thái úy đón Hoài Nam Vương ở Bái Thương bảo Hoài Nam Vương:

- Nhà vua chưa có thái tử, đại vương là người hiền nhất lại là cháu của Cao Tổ; nếu như nhà vua băng hà, đại vương không được lập thì còn ai được lập nữa?

Hoài Nam Vương cả mừng đưa cho Vũ An Hầu vàng và lễ vật. Sau vụ Ngụy Kỳ, nhà vua không

cho Vũ An Hầu là phải, chỉ vì có thái hậu mà thôi. Đến khi nghe việc Hoài Nam Vương dát vàng, nhà vua nói:

- Nếu Vũ An Hầu còn sống thì giết cả họ.

4. Thái sử công nói:

Ngụy Kỳ, Vũ An đều là người bên ngoài nhà vua mà được trọng vọng, Quán Phu nhờ quyết tâm nhất thời mà được nổi danh. Ngụy Kỳ nhờ việc trấn áp Ngô, Sở mà được nổi lên. Vũ An được quý trọng trong phạm vi ngày tháng. Nhưng Ngụy Kỳ thực không biết thay đổi theo thời thế. Quán Phu vô học lại bước binh ngang ngược, hai người nâng đỡ cho nhau, gây nên tai họa. Vũ An ý thế, muốn cậy quyền chỉ vì chén rượu mà oán giận hãm hại hai người hiền. Ô hô! Thương thay! Làm hại người khác thì mạng của mình không được dài (35). Mọi người không yêu (36) kết quả mang tiếng ác. Ô hô! Thương thay!

Chú thích:

- (1). Chức quan coi việc trong cung hoàng hậu, thái tử.
- (2). Tất cả bảy nước làm phản, quan trọng nhất là Ngô Vương, Sở Vương.
- (3). Tất cả những người trong họ nội (họ Lưu) và họ ngoại bên mẹ (họ Đậu).
- (4). Vương Tôn là tên tự của Đậu Anh.
- (5). Xem Quý Bố, Loan Bố liệt truyện.
- (6). Điều Hầu là Chu á Phu - Xem Lý tướng quân liệt truyện.
- (7). Túc Lưu Xá. Lưu Xá được phong là Đào Hầu.
- (8). Trung Quốc bắt đầu có niên hiệu từ đây.
- (9). Vì thích đạo Nho nên tiến cử những người theo đạo Nho. Lỗ Thần Công tên Bôi nổi tiếng về Nho học ở Lỗ chuyên trị Kinh Thi, Lỗ Thi còn lại ngày nay là do ông ta soạn. Triệu Quán, Vương Tang là học trò của Bôi.
- (10). Nhà mình đường: nhà lập nên để triệu chư hầu, phát huy chính giáo của thiên tử.
- (11). Đời Hán những người được phong hầu tuy có đất phong nhưng cứ ở kinh đô không về đất phong của mình.
- (12). Bấy giờ Đậu thái hậu ở Trường Lạc cung ở phía Đông gọi là đông cung. ý nói đừng tâu với thái hậu mà tâu thẳng với nhà vua.
- (13). Vương thái hậu vợ Hiếu Cảnh, mẹ Vũ Đế ở trên đã nói là chị cùng mẹ khoe cha với Điền Phân.
- (14). Vũ Đế lên ngôi 16 tuổi.
- (15). Đời Hán hướng Đông là tôn quý hơn hướng Nam.
- (16). Cờ cán cong, cờ này chỉ vua dùng khi đón mời các ẩn sĩ. Điều đó chứng tỏ Điền Phân muốn lấn át nhà vua.
- (17). Bấy giờ Đậu thái hậu đã chết.
- (18). Để tỏ rằng mình chưa già.
- (19). Nô lệ làm bộ hạ Quán Phu.
- (20). Chỉ Vũ Đế. Khi tác giả viết Vũ Đế vẫn còn sống nên gọi là kim thượng.
- (21). Tên tự Quán Phu.
- (22). Kể lại một trường hợp hai người tâng bốc nhau.
- (23). Nói dối.
- (24). Hoài Nam Vương tên Lưu An, tác giả bộ Hoài Nam tử mưu phản bị lộ, tự sát.
- (25). Lý Quảng, xem Lý tướng quân liệt truyện.
- (26). Ý nói: hôm nay ai phạm vào ta thì ta liều chết đánh lại, cứ gì Trình với Lý. Câu này ám chỉ thừa tướng.
- (27). Có chiếu thái hậu triệu tập những người tôn thất. Quán Phu mừng khách tức là phạm tội bất kính. Phạm tội ấy là bị chém.
- (28). Ám chỉ lập phe đảng, coi thường thái hậu và hoàng đế chờ cơ hội làm phản.
- (29). Xem Cấp Âm liệt truyện.
- (30). Chỉ Trình Đương Thời.
- (31). Cửa ngoài cung cấm.

- (32). Trường Nhu là tên tự của Hàn An Quốc, thẳng trọc già chỉ Đậu Anh.
- (33). Chiếu của Cảnh Đế trao cho trước khi chết.
- (34). Điền Phân phao rằng Ngụy Kỳ phỉ báng nhà vua.
- (35). Chỉ Điền Phân.
- (36). Chỉ Quán Phu.

Phần 40

Lý Tương Quân liệt truyện

1. Tướng quân Lý Quảng là người huyện Thành Kỷ đất Lũng Tây. Tổ tiên là Lý Tín đời Tần làm tướng đuổi bắt được thái tử Đan nước Yên. Trước đây ở Hòe Lý, sau dời đến huyện Thành Kỷ. Nhà Quảng đời đời học bắn cung.

Năm thứ mười bốn đời Hiếu Văn Đế (năm 166 trước Công nguyên) người Hung Nô đem đại quân vào đánh Tiêu Quan, Quảng lấy tư cách con nhà lương thiện tòng quân đánh quân Hồ, nhờ giỏi cưỡi ngựa bắn cung, chém được nhiều đầu giặc, bắt được nhiều giặc nên được làm chức trung lang đời Hán (1). Em họ của Quảng là Lý Thái cung làm quan lang. Hai người đều được thăng từ chức trung lang lên làm võ kỵ thường thị (2), lương tám trăm斛. Quảng thường theo nhà vua đi chơi, đã nhiều lần xung phong hãm trận bẻ được cửa quan bắt được thú dụ. Vua Hiếu Văn nói:

- Tiếc thay, người không gặp thời! Nếu người sinh thời Cao Đế thì làm chức Vạn hộ hầu chẳng cần phải nói.

Đến khi Hiếu Cảnh mới lên ngôi, Quảng làm đô úy (3) quận Lũng Tây, dời làm kỵ lang tướng. Lúc Ngô, Sở (4) đem binh nổi dậy, Quảng làm phiêu kỵ đô úy, theo thái úy là Á Phu đánh quân Ngô, quân Sở, giết được cò, nổi danh ở gần Xương áp. Vì Lương Vương trao cho Quảng ấn (5) tướng quân, nên lúc Quảng trở về không được thưởng, đổi sang làm thái thú quận Thượng Cốc. Hàng ngày Hung Nô đến giao chiến, Công Tôn Hồn Đa làm đến thuộc quốc (6) khóc than lên vua:

- Tài năng và dũng khí của Lý Quảng, trong thiên hạ không có hai, nhưng tự phụ mình giỏi, đánh nhau nhiều lần với giặc sợ chết mất.

Vua bèn đổi Quảng làm thái thú Thượng Quận. Sau đó Quảng sang làm thái thú ở các quận thuộc biên giới rồi chuyển đến Thượng Quận. Quảng đã từng làm thái thú ở Lũng Tây, Bắc Địa, Nhạn Môn, Đại Quận, Vân Trung (7) đều nổi tiếng đánh hăng.

Hung Nô đem đại binh vào Thượng Quận, nhà vua sai trung quý nhân (8) theo Quảng tập dượt binh lính để đánh Hung Nô. Trung quý nhân đem mấy chục quân kỵ xông vào quân địch, thấy ba người Hung Nô, giao chiến. Ba người kia quay lại bắn trung quý nhân bị thương, giết gần hết các quân kỵ. Trung quý nhân chạy về gặp Quảng, Quảng nói:

- Đó chắc là bọn săn chim điêu.

Quảng bèn đem một trăm quân kỵ đuổi theo ba người. Ba người bỏ ngựa đi bộ, đi được mấy mươi dặm, Quảng sai quân kỵ của mình dàn ra hai cánh tả hữu còn Quảng thân hành bắn ba người kia, giết chết hai người, bắt sống một người thì đúng là bọn Hung Nô săn chim điêu. Sau khi đã trối ý đem lên ngựa, nhìn xa thấy có mấy nghìn quân Hung Nô. Họ thấy Quảng cho là quân kỵ ra để dụ quân địch đánh, nên lên núi bày trận (9). Một trăm quân kỵ của Quảng đều cả sợ muốn ruổi chạy về. Quảng nói:

- Chúng ta cách đại quân mấy mươi dặm, nay nếu một trăm quân kỵ này bỏ chạy, bọn Hung Nô đuổi theo bắn thì ta chết hết. Nếu ta ở lại, bọn Hung Nô thể nào cũng cho rằng ta ra dụ địch cho đại quân, chúng sẽ không dám đánh chúng ta.

Quảng ra lệnh cho quân kỵ:

- Tiến!

Tiến đến cách trận địa của Hung Nô hai dặm, bèn dừng lại, ra lệnh:

- Tất cả xuống ngựa cỡi yên!

Quân kỵ nói:

- Quân giặc đã đông lại gần, nếu có việc gấp thì làm thế nào?

Quảng nói:

- Giặc kia cho rằng chúng ta bỏ chạy. Nay chúng ta đều cỡi yên tỏ rằng không chạy để cho chúng càng tin chúng ta khiêu khích.

Vì thế quân Hồ không dám đánh.

Có viên tướng cưỡi ngựa trắng ra chỉ huy quân sĩ. Lý Quảng lên ngựa cùng hơn mười quân kỵ, xông ra bắn chết viên tướng Hồ cưỡi ngựa trắng rồi lại trở về, vào giữa đám quân kỵ. Quảng cỡi yên, ra lệnh cho quân lính đều thả ngựa mà nằm. Khi ấy trời chiều, quân Hồ vẫn lấy làm lạ không dám đánh. Lúc nửa đêm, quân Hồ cũng cho là Hán có phục binh ở bên cạnh, muốn đang đêm sang

đánh họ, nên tướng Hồ rút quân đi. Sáng rõ, Lý Quảng về với đại quân của mình vì đại quân không biết Quảng đi đâu nên không theo tiếp ứng (10).

2. Mãi về sau, Hiếu Cảnh mất, Vũ Đế lên ngôi. Những người xung quanh nhà vua cho Quảng là bậc danh tướng, nên Quảng được làm thái thú Thượng Quận, được cất làm vệ úy cung Vị Ương, còn Trình Bất Thức thì làm vệ úy cung Trường Lạc.

Trình Bất Thức cùng Lý Quảng đều là thái thú ở ngoài biên, kiêm việc cai quản quân đồn trú. Khi ra đánh quân Hồ, quân của Quảng không chia ra bộ, ngũ (11), không bày thành thế trận; đóng đồn gần những nơi sẵn nước, sẵn cỏ, ai nấy đều cho là tiện; đêm không đánh công để tự vệ; trong quân doanh giảm giấy tờ, sổ sách. Quảng có khi đi xa cách quân canh gác nhưng cũng chưa hề bị hại. Trình Bất Thức thì trong quân chia ra bộ, khoe, hàng ngũ; đóng dinh, bày trận phân minh; đêm đánh công; các viên lại coi sổ sách quân lính rất rõ ràng. Lính không được nghỉ ngơi. Thế nhưng cũng chưa hề bị hại. Bất Thức nói:

- Cách chỉ huy quân của Lý Quảng rất giản dị, nhưng nếu quân địch đột nhiên phạm vào, thì không lấy gì chống lại. Có điều quân lính họ sung sướng, thoải mái đều vui lòng chết cho tướng. Quân của ta tuy phiền nhiễu, nhưng quân địch không phạm nổi ta.

Bây giờ Lý Quảng, Trình Bất Thức đều là những danh tướng ở ngoài biên quận nhà Hán. Nhưng Hung Nô sợ mưu lược của Lý Quảng, quân lính cũng phần nhiều vui lòng theo ý Quảng mà khổ sở với Trình Bất Thức.

Trong thời vua Hiếu Cảnh, Trình Bất Thức hay đem lời thẳng can gián, được làm thái trung đại phu. Trình là người thanh liêm cẩn thận về mặt giấy tờ và pháp lệnh.

Về sau, Hán đem thành Mã áp dụ Thiệu Vu, sai đại quân nấp ở các hang bên huyện Mã áp còn Quảng thì làm Phiêu kỵ tướng quân dưới quyền Hộ quân tướng quân (12). Nhưng khi ấy Thiệu Vu biết mưu, bỏ đi, quân Hán đến, không lập nên công cán gì.

Sau đó bốn năm, Quảng từ chức vệ úy được phong làm tướng, ra ải Nhậm môn đánh Hung Nô. Quân Hung Nô nhiều quá đánh vỡ quân Quảng, bắt sống được Quảng, Thiệu Vu vốn nghe tiếng Quảng giỏi, ra lệnh rằng:

- Bất Lý Quảng phải bắt sống mà nộp!

Quân kỵ của Hồ bắt được Quảng. Quảng bấy giờ bị thương. Chúng đặt Quảng vào giữa hai con ngựa, ràng dây để đặt Quảng nằm. Đi hơn mười dặm, Quảng giả vờ chết, liếc coi bên cạnh có một tên Hồ cười con ngựa hay. Quảng liền nhảy tót lên ngựa của tên Hồ, đẩy nó xuống, lấy cung của nó, quát ngựa đóng về phương Nam vài mươi dặm, lại tìm được đám quân còn sót của mình, nhân đem quân vào trong cửa ải. Bọn quân kỵ Hung Nô bắt Quảng gồm có vài trăm cùng đuổi theo Quảng. Quảng vừa chạy vừa lấy cung của tên Hồ bắn các quân kỵ đuổi theo, vì thế được thoát.

Đến khi về kinh thành, nhà Hán giao Quảng cho các quan xét tội. Các quan cho rằng số người và ngựa của Quảng chết và lạc mất nhiều, Quảng đã bị giặc bắt sống (14) kết án chém. Nhờ đem tiền chuộc nên được làm dân thường.

Sau đó, Quảng ở nhà mấy năm. Nhà Quảng gần nhà cháu Đinh Âm Hầu (15) xưa. Hai người đều rút lui về ở nhà quê, trong núi Nam Sơn huyện Lam Điền, thường cùng nhau vào trong núi săn bắn.

Thường đêm đêm theo một người, cưỡi ngựa, uống rượu với người ta ở giữa đồng. Khi về đến đình Bá Lăng, viên úy Bá Lăng say, quát Quảng dừng lại. Người cưỡi ngựa theo Quảng nói:

- Lý tướng quân hỏi trước đây mà?

Viên úy nói:

- Tướng quân hỏi này cũng còn không được phép đi đêm nữa là tướng quân hỏi trước.

Y giữ Quảng ngủ lại dưới đình.

Được ít lâu, Hung Nô kéo vào giết quan thái thú Liêu Tây, đánh bại Hàn tướng quân. Hàn tướng quân dời đi Hữu Bắc Ninh. Vì thế nhà vua gọi Quảng cho làm thái thú Hữu Bắc Bình. Quảng liền xin cho viên úy Bá Lăng cùng đi, khi y tới quân Quảng sai chém chết?

Quảng ở Hữu Bắc Bình, Hung Nô nghe tin gọi là “viên tướng bay của Hán” lánh mặt mấy năm không dám đến. Quảng ra đi săn, thấy tảng đá ở trong cỏ, cho là con hổ, liền bắn trúng ngập hẳn mũi tên? Nhìn lại thì là tảng đá. Nhân lại bắn, nhưng không sao cắm vào đá được nữa?

Quận Quảng ở, nghe nói có hổ, Quảng thường thân hành săn hổ. Đến khi ở Hữu Bắc Bình bắn hổ, hổ vồ Quảng bị thương. Nhưng cuối cùng Quảng cũng bắn chết được hổ. Tính Quảng thanh liêm,

được tiền thưởng là chia ngay cho người dưới, ăn uống chung với quân lính. Trọn đời Quảng làm chức quan ăn hai nghìn hộc lương hơn bốn mươi năm nhưng nhà không có của cải thừa, Quảng cũng không nghĩ đến chuyện gia sản.

Quảng là người cao lớn, tay dài như tay vượn, khéo bắn cũng là tính trời. Con cháu của Quảng hay người khác tập bắn cũng không ai bằng Quảng.

Quảng nói năng vụng, ít nói. Ở với ai thì vẽ đất làm trận, thi bắn rộng, hẹp, phạt người thua uống rượu. Cho đến lúc chết, chỉ độc tiêu khiển bằng cách bắn cung.

Khi đem quân đi, đến những nơi thiếu thốn, trông thấy nước, quân lính chưa uống hết lượt thì Quảng không gần nước; quân lính chưa ăn hết lượt thì Quảng không bao giờ ăn. Quảng rộng rãi không hà khắc, vì thế quân lính đều yêu mến, vui lòng theo.

Lối bắn của Quảng như sau: thấy giặc đến gấp, nhưng nếu không ở trong tầm vài mươi bước, liệu không trúng thì không bắn. Đã bắn thì đích phải chết lả ngay dưới tiếng dây cung! Vì cách bắn ấy (16) nên khi đem quân thường bị bao vây, làm nguy khốn; khi bắn thú dữ cũng bị chúng vô bị thương (17).

3. Ít lâu sau, Thạch Kiến mất, nhà vua bèn triệu Quảng làm lang trung lệnh thay Kiến.

Năm thứ sáu niên hiệu Nguyên Sóc (năm 122 trước Công nguyên), Quảng lại làm hậu tướng quân theo đại tướng quân ra Định Tương đánh Hung Nô. Các tướng phần nhiều chém được đầu giặc đủ số quy định theo công lao được phong hầu, riêng quân của Quảng là không lập được công.

Sau đó bốn năm, Quảng lĩnh chức lang trung lệnh đem bốn nghìn quân kỵ ra Hữu Bắc Bình. Bác Vọng Hầu là Trương Khiên đem một vạn quân kỵ cùng đi với Quảng nhưng khác đường. Đi được độ vài trăm dặm, Tả hiền vương (18) của Hung Nô đem bốn vạn quân kỵ vây Quảng. Quân lính Quảng đều hoảng sợ. Quảng bèn sai con là Cẩm cưỡi ngựa xông ra đánh. Cẩm chỉ đem theo vài chục quân kỵ xông thẳng qua vòng quân kỵ của Hồ bao vây theo phía tả, phía hữu mà về, thưa với Quảng rằng:

- Giặc Hồ dễ đối phó thôi?

Quân sĩ mới yên lòng. Quảng bày trận thành vòng tròn quay ra phía ngoài. Quân Hồ đánh gấp, tên bắn như mưa, quân Hán chết quá nửa, mà tên bên Hán thì gần hết. Quảng bèn ra lệnh cho quân cứ giương cung chứ đừng bắn. Rồi Quảng thân cầm nỏ đại hoàng bắn các tỳ tướng của giặc, giết được vài người, quân Hồ càng nản. Gặp trời chiều tướng sĩ không còn máu mặt, mà Quảng ý khí vẫn như thường, đánh càng hăng. Trong quân từ đó phục Quảng là người can đảm.

Hôm sau, lại ra sức đánh, rồi quân của Bác Vọng Hầu cũng đến. Quân Hung Nô bèn giải vây rút lui. Quân Hán mệt không sao đuổi được. Khi ấy, quân của Quảng mất gần hết phải bãi binh trở về. Theo phép nhà Hán, Bác Vọng Hầu dùng dằng đến sau ngày hẹn, tội đáng chém, nhưng cho chuộc tội làm dân. Còn quân của Quảng công và tội ngang nhau cũng không được thưởng.

Trước đây, Quảng cùng em họ là Lý Thái thờ vua Hiếu Văn. Đời Cảnh Đế, Thái lập nhiều công, lương thực được đến hai nghìn hộc. Đời Hiếu Vũ Đế, Thái làm tướng quốc nước Đại. Năm thứ năm niên hiệu Nguyên Sóc (năm 124 trước Công nguyên), Thái làm Kinh xa tướng quân, theo đại tướng quân đánh Hữu hiền vương, có công (19) được phong làm Lạc An Hầu. Năm Nguyên Thú thứ hai, Thái thay Công Tôn Hoảng làm thừa tướng. Thái là người vào bậc kém (20), danh tiếng kém Quảng xa. Vậy mà Quảng không được tước, phong ấp, làm quan chẳng qua đến bậc cửu khanh. Còn Thái thì được phong hầu, địa vị lên đến tam công! Ngay đến các quan lại lính tráng dưới quyền Quảng, cũng có người được phong hầu. Một hôm Quảng nói đùa với người xem thiên văn là Vương Sóc (21) rằng:

- Từ khi Hán đánh Hung Nô, không lúc nào Quảng không ở trong quân ngũ. Trong các bộ, ngũ, bọn hiệu úy trở xuống tài năng không đến bậc trung nhưng nhờ quân công trong việc đánh Hồ được phong hầu có đến vài chục người. Quảng thì chẳng hề kém ai, vậy mà chẳng được lấy chút công lao gì để được phong ấp là có làm sao? Hay tướng tôi không đáng phong hầu? Hay đó là số mạng đấy? Sóc nói:

- Tướng quân thử tự nghĩ xem, hoặc giả có điều gì còn ân hận chăng?

Quảng nói:

- Tôi có lần làm thái thú Lũng Tây. Người không làm phản, tôi dụ họ hàng. Họ hàng hơn tám trăm người. Tôi lừa họ giết cả trong một ngày. Tới nay chỉ có việc đó là rất ân hận mà thôi!

Sóc nói:

- Tai họa không gì to bằng việc giết người đã hàng. Tướng quân sở dĩ không được phong hầu là vì thế.

Sau đó hai năm, đại tướng quân và Phiêu kỵ tướng quân đem đại quân đi đánh Hung Nô. Quảng mấy lần tự xin đi. Nhà vua thấy Quảng già không cho mãi sau mới bằng lòng cho làm tiền tướng quân. Năm ấy là năm thứ tư niên hiệu Nguyên Thú (năm 118 trước Công nguyên).

Quảng theo đại tướng quân là Vệ Thanh đi đánh Hung Nô. Khi đã ra ngoài ải, Thanh bắt được giặc, hỏi biết nơi Thiên Vu đóng, bèn thân hành đem tinh binh đi đánh, trái lại sai Quảng hiệp với hữu tướng quân đem quân đi đường phía Đông. Lối phía Đông hơi quanh co và xa mà trên đường đại quân đi lại thiếu cỏ và nước, nên không thể dừng lại được (22).

Quảng bèn thân hành xin:

- Chúc tôi là tiền tướng quân. Sao nay đại tướng quân lại đổi tôi đi đường phía Đông. Và chẳng tôi từ khi kết tóc đã đánh với Hung Nô nhưng đến trận này mới được đối địch với Thiên Vu. Tôi xin đi tiên phong quyết liều chết với Thiên Vu.

Đại tướng quân Vệ Thanh đã ngầm nghe lời vua căn dặn, cho Lý Quảng tuổi già, số xấu, chớ để đối địch với Thiên Vu, sợ không đạt được điều mình muốn. Đã thế bây giờ Công Tôn Ngao (23) lại vừa mất tước hầu, làm trung tướng quân, đi theo đại tướng quân. Đại tướng quân cũng muốn cùng Ngao sang đánh Thiên Vu cho nên mới đổi tiền tướng quân Quảng vào việc khác. Khi Quảng biết việc này, cố xin với đại tướng quân. Đại tướng quân không nghe, sai viên trưởng sử cầm phong thư đưa sang trưởng của Quảng nói: “Mau mau đem quân bản bộ đi, theo như lệnh trong thư”. Quảng không từ già đại tướng quân, lập tức đi ngay đến bộ, ngũ xem ý rất tức giận, đem quân hợp với hữu tướng quân là Tụ Cơ, kéo ra lối phía Đông. Quân Quảng không người dẫn đường có khi lạc cả lối, nên đến sau đại tướng quân. Đại tướng quân đánh nhau với Thiên Vu. Thiên Vu trốn chạy. Đại tướng quân không bắt được, trở về. Quay về phía Nam vượt qua sa mạc, gặp tiền tuồng quân và hữu tướng quân. Quảng trông thấy đại tướng quân vội lui vào trong quân. Đại tướng quân sai viên trưởng sử đem rượu và lương khô cho Quảng (24) nhân hỏi Quảng và Tụ Cơ về việc lạc lối - ý Thanh muốn dâng thư báo với nhà vua về việc quân phải đi đường vòng (25) - Quảng chưa kịp trình, đại tướng quân lại sai trưởng sử đòi ngay bọn dưới trướng của Quảng sang để lấy cung.

Quảng nói:

- Bọn hiệu úy không có tội. Lạc lối là tự ta? Ta sẽ sang cho mà lấy cung.

Quảng bảo những người dưới quyền mình:

- Quảng này từ khi kết tóc đánh nhau với Hung Nô, lớn, nhỏ hơn bảy mươi trận. Nay được may mắn theo đại tướng quân đi, giáp chiến với quân của Thiên Vu, mà đại tướng quân lại bắt Quảng phải đem quân đi lối vòng xa, rồi lạc mất đường? Đó há chẳng phải tại trời sao? Và chẳng Quảng ngoài sáu mươi rồi, dù sao cũng không thể mặt mũi nào nhìn bọn thư lại lần nữa!

Bèn rút dao tự đâm cổ! Tướng sĩ và toàn quân của Quảng đều khóc! Trăm họ nghe chuyện ấy, người quen hay không quen, già, trẻ, đều vì Quảng mà sa nước mắt. Còn hữu tướng quân thì giao cho các quan xét án, đáng tội chết, cho chuộc làm thường dân (26).

4. Con Quảng, ba người là Đương Hộ, Tiêu và Cầm đều làm quan lang.

Nhà vua đùa với Hàn Yên, Yên hơi hỗn (27). Đương Hộ đánh Yên, Yên chạy. Vì thế nhà vua cho là dừng cảm. Đương Hộ chết sớm, nên cho Tiêu làm thái thú Đại Quận. Hai người đều chết trước Quảng. Khi Đương Hộ chết có người con di phúc (28) tên là Lăng.

Khi Quảng chết ở trong quân, Cầm đang theo Phiêu kỵ tướng quân.

Quảng chết rồi, năm sau; Lý Thái đang làm thừa tướng mắc tội xâm lấn khu đất lăng của vua Hiếu Cảnh, bị giao thư lại xét xử. Thái cũng tự sát chẳng để cho người hỏi cung! Đất phong bị xóa!

Lý Cầm làm hiệu úy theo Phiêu kỵ tướng quân đánh Tả hiền vương của quân Hồ. Cầm cố sức đánh, cướp cờ trống của Tả hiền vương, chém nhiều đầu được phong tước là Quan nội hầu, đất phong là hai trăm hộ, thay Quảng làm lang trung lệnh. Được ít lâu, Cầm oán đại tướng quân Vệ Thanh đã làm cho cha mình tự sát, bèn đánh đại tướng quân bị thương, đại tướng quân giấu kín chuyện ấy. Không bao lâu, Cầm theo vua đem quân lên đất Ung, tới cung Cam Tuyền, đi săn. Phiêu kỵ tướng quân là Khứ Bệnh thân thích của nhà Thanh (29) bèn bắn chết Cầm. Khứ Bệnh khi ấy đương được vua yêu nên vua nói dối rằng Cầm bị nai húc chết!

Hơn năm sau Khứ Bệnh chết mà Cảm thì có con gái hầu thái tử được thái tử yêu. Con trai Cảm là Vũ cũng được lòng thái tử nhưng ham lợi. Họ Lý dần dần sa sút.

Lý Lăng đã lớn (30), được kén làm quan coi quân canh cung Kiến Chương, coi các quân kỵ; giỏi bắn cung, yêu quân sĩ. Nhà vua nghĩ họ Lý đời đời làm tướng, bèn cho coi tám trăm quân kỵ. Có lần Lăng vào sâu đất Hung Nô hơn hai nghìn dặm, qua đất Cư Duyên, trông địa thế chẳng thấy giặc, nên trở về, được thăng làm đô úy quân kỵ, đem hơn năm nghìn người ở Sở, ở Đan Dương, dạy bắn ở Tửu Tuyền, Trương Dịch để đóng đồn phòng bị giặc Hồ.

Vài năm sau, tới mùa thu năm thứ hai niên hiệu Thiên Hán (năm 99 trước Công nguyên). Nhị sư tướng quân là Lý Quảng Lợi (31) đem ba vạn quân kỵ đánh Hữu hiền vương của Hung Nô ở Kỳ Liên Sơn. Sai Lăng đem quân bộ cùng năm nghìn người thiện xạ qua phía Bắc Cư Duyên chừng hơn nghìn dặm. Ý nhà vua muốn chia sức quân Hung Nô, không để chúng tập trung vào đánh Nhị Sư.

Khi Lăng đã đến ngày trở về, thì Thiên Vu đem tám vạn quân vây đánh quân của Lăng. Quân Lăng có năm nghìn người, tên bắn đã hết, lính chết quá nửa, nhưng giết hại quân Hung Nô cũng hơn vạn người. Lăng vừa rút lui vừa đánh tám ngày liền. Khi về còn cách Cư Duyên chừng hơn trăm dặm, Hung Nô chặn đứt lối đường hẻm. Quân Lăng thiếu ăn mà cứu binh không tới. Giặc đánh gấp và dụ Lăng hàng. Lăng nói:

- Chả còn mặt mũi nào mà nhìn chúa thượng nữa.

Bèn đầu hàng Hung Nô. Đám quân ấy mất hết. Còn thừa tan tác hơn bốn trăm trốn được về Hán. Thiên Vu đã bắt được Lăng, vốn nghe danh tiếng gia đình Lăng, đến khi đánh trận giỏi, bèn đem con gái gả cho Lăng và cho ở địa vị cao. Vua Hán nghe tin, giết mẹ và vợ con Lăng.

Từ đó về sau, họ Lý mất tiếng. Những người ở Lũng Tây từng làm môn hạ họ Lý đều lấy thế làm xấu hổ (32).

5. Thái sử công nói:

Sách (33) dạy rằng: “Thân mình mà chính, không ra lệnh người ta cũng làm. Thân mình mà không chính, dù ra lệnh cũng không ai theo!”.

Đó phải chăng là chuyện Lý tướng quân! (34). Tôi xem Lý tướng quân chất phác như người nhà quê, miệng nói chẳng nên lời. Đến khi chết trong thiên hạ quen hay không quen, đều hết sức thương xót. Đó là vì lòng trung thực của ông làm cho tướng sĩ tin yêu. Tục ngữ có câu: “Đào mận không nói, dưới gốc tự nhiên thành đường!”. Câu ấy tuy nói việc nhỏ, có thể hiểu ra lẽ lớn vậy...(35).

Chú thích:

(1). Chức quan nhỏ lương 600 thạch lo việc canh phòng trong cung cấm.

(2). Chức quan đi theo nhà vua để hộ vệ.

(3). Chức quan lương 2000 thạch cai quản binh sĩ một quận.

(4). Ngô và Sở làm phản.

(5). Quảng là người tướng Hán vì có công khi đánh trận ở Lương nên Lương Hiếu Vương trao cho ấn tướng quân và thế là vi phạm pháp lệnh của Hán.

(6). Công Tôn là họ Hồn Da là tên, điển thuộc quốc là chức quan ngoại giao trông coi các bộ lạc đã đầu hàng nhà Hán.

(7). Giải thích câu: ở các quận biên giới. Những quận này đều ở biên giới.

(8). Trung quý nhân chức hoạn quan không rõ tên họ.

(9). Để phòng việc bất trắc.

(10). Đoạn I: Những chiến công của Lý Quảng khi còn trẻ.

(11). Các đơn vị từ lớn đến nhỏ.

(12). Năm 133 Nhịếp Nhất bày mưu cho Vũ Đế. Nhất trốn sang Hung Nô nói với Thiên Vu: “Tôi có thể khiến quan huyện, mã ấp, đem cả thành đầu hàng”. Vua Hung Nô đem mười vạn quân vào biên giới.

(13). Lúc bấy giờ Hàn An Quốc làm Hộ quốc tướng quân chỉ huy Quảng.

(14). Cách xét xử lạ đời.

(15). Đinh Âm Hầu là Quán Anh.

(16). Vì bắn ít.

- (17). Đoạn 2: Miêu tả tỉ mỉ tính cách, lối sống và cái tài bẩm sinh của Quảng.
- (18). Chức quan thống lĩnh quân đội Hung Nô.
- (19). Nguyên văn “trúng suất” tức là giết đủ số thủ cấp theo quy định. Đời Vũ Đế không có quân công thì không được phong hầu.
- (20). Nguyên văn “tại hạ trung” ở bậc hạ trung. Người chia theo giá trị làm 9 hạng từ thượng thượng đến hạ hạ. Hạ trung là ở bậc 8.
- (21). Vương Sóc làm chức vọng khí, xem thiên văn để đoán việc hay dở. Tư Mã Thiên có nói đến Sóc trong Thiên quan thư.
- (22). Đáng lý chức tiền tướng quân thì phải đi trước dẫn đường cho đại quân. Đường đại quân gần lại thiếu cỏ và nước nên bắt buộc phải đi nhanh và thế nào cũng đến trước.
- (28). Công Tôn Ngao trước là bạn Vệ Thanh. Vệ Thanh gặp nạn nhờ Ngao cứu cho khỏi chết. Sau có Công được phong hầu lại vì tội sợ Hung Nô bị xử trảm, chuộc làm thường dân.
- (24). Câu có vẻ thừa nhưng tỏ rõ Vệ Thanh không muốn giết Quảng.
- (25). Vệ Thanh và Lý Quảng đều có quân doanh. Trưởng sử lo việc giấy tờ trong quân doanh của đại tướng quân, hiệu úy lo việc giấy tờ trong quân doanh của Quảng.
- (26). Đoạn 8: Quảng suốt đời không đạt được ý muốn, cuối cùng phải tự sát.
- (27). Hàn Yển là con cháu Hàn Vương Tín, sủng thần của nhà vua.
- (28). Mồ côi cha khi chưa ra đời.
- (29). Hoắc Khứ Bệnh gọi Vệ Thanh là cậu.
- (30). Nguyên văn: ký tráng. Ngày xưa ba mươi tuổi gọi là tráng.
- (31). Lý Quảng Lợi là sủng thần của Vũ Đế. Nguyên văn Kỳ liên Thiên Sơn. Người Hồ gọi trời là kỳ liên, ở đây tức là Kỳ Liên Sơn hay Thiên Sơn.
- (32). Đoạn 4: Con cháu Lý Quảng.
- (33). Luận ngữ, thiên “Tử Lộ”.
- (34). Ý nói Lý Quảng chỉ huy quân sĩ, quân sĩ vui vẻ theo.
- (35). Đoạn 5: Tán dương Lý Quảng.

Phần 41

Nam Việt Ủy Đà liệt truyện

Vua Nam Việt họ Triệu tên là Đà người huyện Chân Định, trước làm quan úy. Bấy giờ nhà Tần đã chiếm cả thiên hạ, cướp lấy đất Dương Việt, đặt ra các quận Quế Lâm, Nam Hải và Tượng Quận để đưa những người bị đày đến ở lẫn với người Việt. Như thế đã mười ba năm. Thời Tần, Đà được làm lệnh ở huyện Long Xuyên, thuộc quận Nam Hải. Đến đời Nhị Thế, quan úy ở Nam Hải là Nhâm Ngao, ốm sắp chết, mời huyện lệnh Long Xuyên là Triệu Đà đến nói;

- Tôi nghe bọn Trần Thắng làm loạn. Nhà Tần làm điều vô đạo, thiên hạ khổ cực. Bọn Hạng Vũ, Lưu Quý, Trần Thắng, Ngô Quảng đều dấy binh tụ tập quân sĩ, tranh giành thiên hạ. Trung Quốc loạn lạc chưa biết lúc nào yên. Những người hào kiệt phản Tần đều đứng lên cả. Nam Hải ở nơi xa lánh, tôi sợ quân giặc xâm lấn đến đây, nên định dấy binh chặn đứt con đường mới (1) để tự phòng bị, đợi chờ hầu có sự thay đổi. Nay gặp lúc ốm nặng. Đất Phiên Ngung nhân thế núi hiểm trở, đất Nam Hải Đông Tây rộng vài ngàn dặm, lại có người Trung Quốc giúp, cũng là nơi chủ chốt của một châu có thể lập thành nước được. Các trưởng lại trong quận không ai có thể cùng bàn việc ấy nên tôi mời ông đến để nói.

Ngao liền làm chiếu giả cho Đà làm công việc của quan úy quận Nam Hải. Ngao chết, Đà lập tức truyền hịch bảo các cửa quan Hoàn Phò, Dương Sơn, Hoàn Khê rằng:

- Quân giặc sắp đến, phải chặn ngay đường, tụ tập quân sĩ để tự bảo vệ.

Rồi dần dần ông dùng hình pháp giết các trưởng lại do nhà Tần đặt ra, dùng những người đồng đảng để thay thế. Khi nhà Tần đã bị tiêu diệt, Đà lập tức đánh chiếm lấy cả Quế Lâm, Tượng Quận, tự lập làm Nam Việt Vũ Vương.

Sau khi Hán Cao Đế bình định được thiên hạ, thấy Trung Quốc mới khổ nhục, cực nhọc, nên tha Đà không trị tội. Năm thứ 11 (năm 196 trước Công nguyên), Hán sai Lục Giả sang, nhân tiện phong cho Đà làm Nam Việt Vương, chắt phù để làm tin, cho phép phái sứ giả đi lại với Trung Quốc, bảo phải hòa hợp với Bách Việt, không được gây việc lo ngại ở biên giới phía Nam.

Nam Việt giáp giới với quận Trường Sa. Thời Cao Hậu, quan đương sự xin cấm không cho người Nam Việt vào mua đồ sắt. Đà nói:

- Cao Đế lập ta làm vương, cho sứ giả cùng hàng hóa được đi lại. Nay Cao Hậu nghe lời bọn bày tôi gièm pha, cách biệt man di, cấm đứt khí vật. Đó chắc là mưu kế của Trường Sa Vương. Ông ta muốn tìm cách dựa vào Trung Quốc, tiêu diệt Nam Việt để làm vua cả đất của ta. Đà bèn tự tôn là “Nam Việt Vũ Đế”; đem quân đánh các ấp ở biên giới quận Trường Sa, đánh bại mấy huyện rồi đi. Cao Hậu sai tướng quân Lâm Hi Hầu tên là Táo đến đánh. Gặp lúc trời nắng khí ẩm, quân lính bị bệnh dịch rất nhiều, nên quân Hán không qua được núi Dương Sơn. Được hơn một năm, Cao Hậu mất, liền bãi binh.

Đà nhân đó, dùng uy lực uy hiếp nơi biên giới, đem đồ đặc của cải dứt lột các nước Mân Việt, Tây Âu Lạc để bắt họ lệ thuộc theo mình. Đất đai của Đà chiều ngang có hơn vạn dặm. Đà bèn đi xe muì lụa màu vàng cấm cờ tả đạo, mệnh gọi là “ché”(2), chẳng kém gì Trung Quốc.

Năm đầu thời Hiếu Văn Đế, thiên hạ mới yên. Nhà vua sai sứ đi bá cáo chư hầu, tứ di biết rằng nhà vua ở đất Đại (3) về lên ngôi, ý muốn nêu cao đạo đức của nhà vua. Nhân Đà có mồ mả cha mẹ ở huyện Chân Định, nhà vua bèn đặt người giữ ấp để hàng năm đến ngày giỗ thờ cúng. Đối với anh em họ của Đà, nhà vua ban ơn cho họ làm quan to và thưởng cho nhiều của. Nhà vua xuống chiếu cho bọn thừa tướng là Trần Bình cử người có thể đi sứ sang Nam Việt. Bình nói:

- Có Lục Giả người huyện Hảo Chỉ, thời tiên đế đã quen đi sứ Nam Việt.

Vua Hán bèn triệu Giả phong làm thái trung đại phu để đi sứ, nhân đây trách Đà đã tự lập làm “đế” mà không hề phái sứ giả sang báo tin.

Lục Giả đến nơi, Nam Việt Vương sợ hãi, làm giấy tạ tội rằng: “Thần tên là Đà, là một kẻ già ở man di. Ngày trước Cao Hậu gạt bỏ Nam Việt, thần trộm ngờ Trường Sa Vương đã gièm pha thần. Lại nghe đồn Cao Hậu giết hết họ hàng Đà, đào mồ mả, đốt hài cốt cha ông Đà. Vì thế nên liều mạng xâm phạm biên cảnh quận Trường Sa. Vả lại phương Nam đất thấp, ẩm, dân man di ở vào giữa. Ở phía Đông đất Mân Việt chỉ vẹn vẹn nghìn người, cũng xưng hiệu là “vương”; ở phía Tây, nước Âu Lạc là nước trần truồng, cũng xưng là “vương”. Lão thần trộm dùng bậy danh hiệu “đế” chỉ để tự

vui (4), chứ đâu dám đề nói đến tai vạ hạ ?”.

Đà bèn dập đầu xuống tạ tội, xin mãi mãi làm phiên thần dâng lễ cống. Rồi ra lệnh trong nước:

- Ta nghe nói “hai anh hùng không cùng sống, hai người hiền không cùng ở một đời”, Đức hoàng đế là bậc thiên tử hiền tài. Từ nay về sau mệnh lệnh không gọi là “chê”, bỏ xe mui lụa vàng và cờ tả đạo.

Lục Giả về báo tin, Hiếu Văn Đế bằng lòng lắm.

Đến thời Hiếu Cảnh, Đà vẫn xưng thần, sai người vào châu. Nhưng ở trong nước Nam Việt thì vẫn trộm dùng danh hiệu “đế” như cũ; còn khi sai sứ sang thiên tử, thì xưng “vương”, triều kiến thỉnh mệnh như các chư hầu.

Đến năm thứ tư niên hiệu Kiến Nguyên (năm 137 trước Công nguyên), Đà mất, cháu Đà là Hồ làm Nam Việt Vương. Lúc bấy giờ vua Mân Việt là Dĩnh đem binh đánh các ấp ngoài biên của nước Nam Việt. Hồ sai người dâng thư lên vua Hán, nói:

- Hai nước Việt đều là phiên thần, không được đem binh đánh nhau. Nay nước Mân Việt đem binh xâm lấn đất của thần, thần không dám đánh lại, xin đợi thiên tử chiếu truyền cho việc ấy.

Thiên tử bèn khen Nam Việt biết giữ chức phận mình, hứa sẽ đưa quân đến giúp, bèn sai hai tướng quân đi đánh Mân Việt (5). Quân của Hán chưa vượt núi Ngũ Lĩnh thì em của Mân Việt Vương là Dư Thiện đã giết Dĩnh để hàng. Vì thế bãi binh.

Thiên tử sai Trang Trợ sang Nam Việt hiểu dụ ý của nhà vua. Nam Việt Vương là Hồ dập đầu xuống, nói:

- Thiên tử vì thần mà đem quân đánh Mân Việt, thần chết không đủ để báo ơn đức ấy.

Bèn sai thái tử là Anh Tề vào túc trực ở nơi cung cấm. Hồ bảo Trợ rằng:

- Nước mới bị cướp, sứ giả đi thôi.

Hồ đang ngày đêm sửa sửa hành trang để vào triều kiến thiên tử. Sau khi Trợ đi rồi, đại thần can Hồ rằng:

- Nhà Hán dấy quân đánh Dĩnh cũng là làm cho Nam Việt hoảng sợ. Vả lại tiên vương trước có nói: “Phụng sự thiên tử cốt không thất lễ, không nên nghe lời dễ ngon dễ ngọt mà vào châu”. Nếu vào châu thì không được về, đó là cái thế mất nước đấy.

Vì vậy Hồ mượn cơ bị bệnh nặng, thái tử Anh Tề xin về nước. Hồ mất, thụy là Văn Vương, Anh Tề lên ngôi thay, lập tức giấu ngay ấn Vũ Đế của Triệu Đà.

Khi Anh Tề vào làm túc vệ ở Trường An, có lấy người con gái họ Cù, người huyện Ham Đan, sinh người con là Hưng. Đến lúc Anh Tề lên làm vua, bèn dâng thư lên vua Hán, xin lập Cù thị làm hậu, Hưng làm con nối nghiệp. Hán luôn luôn sai sứ giả sang dỗ dành Anh Tề. Anh Tề thính hưởng lạc, tự ý giết người, sợ vào châu phải theo pháp luật của nhà Hán cũng như chư hầu ở Trung Quốc. Anh Tề bèn cố ý xưng có bệnh, không vào triều, sai con là Thứ Công vào làm túc vệ.

Anh Tề mất, thụy là Minh Vương. Thái tử là Hưng lên thay, mẹ làm thái hậu.

Thái hậu từ khi chưa làm vợ của Anh Tề, đã dan díu với người huyện Bá Lăng là An Quốc Thiệu Quý. Sau khi Anh Tề mất, năm thứ tư niên hiệu Nguyên Đình (năm 113 trước Công nguyên), vua Hán sai An Quốc Thiệu Quý sang dụ vương và vương thái hậu vào châu như các nước chư hầu. Vua Hán lại sai bọn biện sĩ là Chung Quân làm giám đại phu đi theo để trình bày, bọn dũng sĩ là Ngụy Thần đi theo để giúp khi cần thiết, vệ úy là Lộ Bác Đức đem quân đóng đồn ở quận Quế Dương để đợi sứ giả.

Vương tuổi còn nhỏ, thái hậu trước đã dan díu với An Quốc Thiệu Quý. Thiệu Quý sang sứ, lại tư thông với thái hậu. Người trong nước biết, phần nhiều không theo thái hậu. Thái hậu sợ có loạn, cũng muốn dựa vào uy thế nhà Hán mấy lần khuyên vua cùng các quan xin nội thuộc. Nhân có sứ giả nhà vua dâng thư, xin được làm chư hầu ở Trung Quốc, cứ ba năm một lần vào châu, hủy bỏ các cửa ải nơi biên giới. Thiên tử ưng thuận. Thiên tử cấp cho thừa tướng của vương là Lữ Gia ấn bằng bạc cùng các ân nội sử, trung úy thái phó. Còn các chức khác thì tự đặt lấy. Bỏ hình phạt cũ chạm vào trán, cắt mũi, dùng pháp luật của nhà Hán, coi như chư hầu ở Trung Quốc. Các sứ giả đều ở lại để vỗ về nước Nam Việt. Vương và vương thái hậu sửa sửa hành lý, quả biếu, mang đồ vào triều cống.

Thừa tướng của vương là Lữ Gia tuổi đã nhiều, làm thừa tướng ba đời vua. Họ hàng làm quan trưởng lại đến hơn bảy mươi người. Con giai lấy con gái vua, con gái lấy con giai, anh em, tôn thất

của vua, lại thông gia với Tần Vương ở quận Thương Ngô. Ông ở trong nước rất được tôn trọng, người Việt tin ông, nhiều người làm tai mắt cho ông. Ông được lòng dân hơn vương. Khi vương dâng thư, Lữ Gia mấy lần can ngăn, nhưng vương không nghe. Ông có ý làm phản, luôn luôn nói là bị bệnh, không tiếp kiến sứ giả nhà Hán. Các sứ giả đều đề ý đến Gia, nhưng chưa thể giết được. Vương và vương thái hậu cũng sợ Lữ Gia gây việc trước, bèn đặt tiệc rượu, nhờ uy quyền các sứ giả đề mưu giết bọn Gia. Các sứ giả đều ngồi quay mặt về hướng Đông, thái hậu ngồi quay mặt về hướng Nam, vương ngồi quay mặt về hướng Bắc, thừa tướng Gia và các đại thần đều ngồi quay mặt về hướng Tây hầu, uống rượu. Em của Gia làm tướng võ, cai quản quân lính ở ngoài cung. Khi mời rượu, thái hậu bảo Gia:

- Nước Nam Việt nội thuộc là lợi cho nước, tại sao tướng quân lại cho là bất tiện?

Thái hậu muốn khích các sứ giả giận, nhưng các sứ giả do dự nhìn nhau, không ai dám ra oai. Gia thấy dáng mặt có khác, lập tức đứng dậy ra đi. Thái hậu giận muốn lấy giáo đâm Gia, vương ngăn thái hậu lại. Gia bèn đi ra, chia quân của em, đem quân về nhà. Đoạn Gia nội là có bệnh không chịu tiếp kiến vương và các sứ giả, ngầm bàn mưu cùng các quan đại thần nổi loạn.

Vương vẫn không có ý giết Gia. Gia biết thế nên mấy tháng việc không xảy ra. Thái hậu dâm ô, người trong nước không theo. Thái hậu muốn giết bọn Gia nhưng sức lại không làm nổi. Thiên tử nghe tin, biết Gia không chịu, vương và thái hậu thì cô đơn, nhu nhược không chế ngự được, các sứ giả lại nhút nhát không quả quyết. Thiên tử lại cho là vương và thái hậu đã theo Hán rồi, một mình Lữ Gia làm loạn, không đáng đem binh đánh, muốn sai Trang Sâm đem hai nghìn người đi sang sứ. Sâm nói:

- Nếu dùng hòa hoãn mà đi, thì vài người cũng đủ, muốn dùng vũ lực mà đi thì hai nghìn người không đủ để làm gì.

Trang Sâm từ chối là không thể được. Thiên tử bãi chức quan của Sâm. Hàn Thiên Thu, tráng sĩ ở huyện Giáp, nguyên là tướng quốc ở Tế Bắc, hăng hái nói:

- Lấy nước Việt còn con, lại có vương thái hậu làm nội ứng, chỉ có một mình thừa tướng Lữ Gia cản trở thì khó gì! Nhà vua cho tôi hai trăm người dũng sĩ, thế nào tôi cũng chém được Gia về báo.

Thiên tử bèn sai Thiên Thu cùng em của vương thái hậu là Cù Lại đem hai nghìn người đi vào nước Việt. Bọn Lữ Gia bèn làm phản, ra lệnh trong nước: “Vương tuổi còn trẻ, thái hậu là người Trung Quốc, lại dâm dục với sứ giả, chỉ muốn nội thuộc, đem hết đồ quý báu của tiên vương vào dâng thiên tử để được yên. Đem nhiều người đi theo, đến Trường An, bán cho người ta làm đồng bộc. Thái hậu chỉ nghĩ đến cái lợi thoát thân một thời, không nghĩ gì đến mưu kế lâu dài cho xã tắc họ Triệu cả”. Lữ Gia bèn cùng em đem quân đánh giết vương, thái hậu, cùng các sứ giả của nhà Hán. Lữ gia sai người báo với Tần Vương ở quận Thương Ngô và các quận huyện; lập Vệ Dương Hầu Kiến Đức người con trai đầu của Minh Vương, vợ là người Việt, làm vua.

Sau đó, quân của Hàn Thiên Thu vào phá mấy ấp nhỏ. Sau quân Việt mở thẳng đường, mang lương thực người Việt đem quân đánh bọn Thiên Thu, diệt được họ cách Phiên Ngung bốn mươi dặm, Gia sai người phong gói cờ tiết của sứ giả nhà Hán đem để ở cửa ải, khéo nói dối để tạ tội, rồi đem quân đóng giữ những nơi hiểm yếu. Thiên tử bèn nói:

- Hàn Thiên Thu tuy không thành công, cũng là người tiên phong giỏi nhất. Phong cho con là Diên Niên làm An Thành Hầu. Cù Lạc có chị là vương thái hậu xin phụ thuộc nhà Hán, phong cho con là Quảng Đức làm Long Cung Hầu.

Bèn hạ lệnh tha tội cho các tội nhân, nói:

- Thiên tử suy yếu, chư hầu đánh nhau, là chê nhân thần không đánh giặc. Nay bọn Lữ Gia, Kiến Đức, lại tự lập một cách yên ổn, trẫm hạ lệnh đem các tội nhân cùng mười vạn quân lâu thuyền ở miền Giang, Hoài trở về Nam để đi đánh

Năm thứ năm niên hiệu Nguyên Đĩnh (năm 112 trước Công nguyên), mùa thu, vệ úy là Lộ Bác Đức làm Phục Ba tướng quân đem quân từ quận Quế Dương xuống đường sông Hối Thủy, chủ tước đô úy là Dương Bộc làm Lâu thuyền tướng quân đem quân từ quận Dự Chương xuống đường Hoàng Phố, Quy Nghĩa. Kiệt Hầu là người Việt trước đã hàng làm quả thuyền, Hạ Lê tướng quân, đem quân từ huyện Linh Lăng, xuống đường sông Ly Thủy, hoặc để quân Thương Ngô; sai Trì Nghĩa Hầu, đem thêm tội nhân nước Ba Thục, đưa quân từ đất Dạ Lang xuống đường sông Tường Kha. Các quân ấy đều gặp nhau ở Phiên Ngung.

Năm thứ sáu niên hiệu Nguyễn Đinh (năm 111 trước Công nguyên), mùa đông. Lâu thuyền tướng quân đem quân tinh nhuệ đến trước đánh hãm Tâm Hiệp, phá được Thạch Môn, lấy được thuyền thóc của người Việt. Nhân đây, ông ta tiến lên, đánh gậy quân tiên phong của Việt, và đem vài vạn người đợi Phục Ba. Phục Ba tướng quân đem theo tội nhân, đi đường xa đến sau kỳ hội. Phục Ba cùng quân của Lâu thuyền hợp lại mới có được hơn nghìn người, bèn cùng tiến. Quân của Lâu thuyền đi trước đến Phiên Ngung, Kiến Đức cùng Gia đều giữ thành. Lâu thuyền tự chọn nơi tiện lợi đóng ở mặt Đông Nam. Phục Ba đóng ở mặt Tây Bắc. Gặp lúc chiều tối, Lâu thuyền đánh bại người Việt, tung lửa đốt thành. Người Việt vẫn nghe biết tiếng Phục Ba, nhưng trời tối quân không biết số quân nhiều ít thế nào. Phục Ba bèn lập doanh trại, sai sứ chiêu hàng, cho họ lấy ấn quan, lại thả cho về để chiêu dụ nhau. Lâu thuyền ra sức đánh và đốt, quân địch lại chạy vào trong trại của Phục Ba. Đến mờ sáng, người trong thành đều hàng Phục Ba. Lữ Gia và Kiến Đức từ đêm đã cùng gia thuộc vài trăm người, chạy trốn ra biển, lấy thuyền đi về phía Tây.

Phục Ba nhân tiện hỏi những người chức vị cao đã hàng để biết lối Lữ Gia chạy và cho người đuổi theo. Hiệu úy Tư Mã Tô Hoàng là người Việt hàng Hán bắt được Kiến Đức, được phong làm Hải Thường Hầu, quan lang người Việt là Đô Kê bắt được Gia, được phong làm Lâm Thái Hầu. Thương Ngô Vương là Triệu Quang là người cùng họ với Việt Vương, nghe quân nhà Hán đến, cùng quan huyện lệnh Kê Dương của Việt tên là Định tự quyết định đi theo nhà Hán; quan giám quận Quế Lâm của Việt tên là Cư Ông dụ dân Âu Lạc đi theo nhà Hán. Những người này đều được phong tước hầu.

Quân của qua thuyền, Hạ Lệ tướng quân cùng quân Dạ Lang mà Tri Nghĩa Hầu đem đi, chưa xuống đến nơi, thì Nam Việt đã dẹp yên rồi. Bèn lấy đất đặt làm chín quận. Phục Ba tướng quân phong thêm cho Lâu thuyền tướng quân làm Trương Lương Hầu vì đã hạ được nơi kiên cố.

Từ lúc úy Đà mới làm vương đến sau là năm đời, cộng chín mươi ba năm rồi mất nước.

Thái sử công nói:

Úy Đà làm vương vốn do ở Ngâm Ngao, gặp lúc nhà Hán mới bình định thiên hạ, ông được liệt vào hàng chư hầu. Lâm Lư Hầu ngại khí thấp, bệnh dịch, không đi đánh, Đà càng được thể kiêu căng. Âu Lạc đánh nhau làm rung động nước Nam Việt. Quân nhà Hán tới cõi. Anh Tề vào châu, sau đó mất nước, nguồn gốc đều do Cù thị. Lữ Gia giữ lòng trung nhỏ mọn, khiến cho Đà không có người nổi dậy. Lâu thuyền tướng quân làm theo ý muốn không biết tiết chế, lười biếng, kiêu ngạo, thành bị nhảm nhỡ. Phục Ba tướng quân gặp khốn cùng, càng nẩy trí mưu, nhân họa thành ra phúc. Sự việc xoay vần thành và bại, ví như cái thùng, cái sợi, xoắn xuýt lấy nhau.

Chú thích:

- (1). Đường Tàn làm để đi thông đến Việt.
- (2). Xem Tàn Thủy Hoàng bản kỷ chú thích.
- (3). Văn Đế trước đây là vua ở đất Đại.
- (4). Lời nói rất xược.
- (5). Vương Khôi và Hàn An Quốc.

Phần 42

Cấp Âm liệt truyện

Cấp Âm tự là Trường Nhu, người đất Bốc Dương. Tổ tiên ngày xưa được vua nước Vệ yêu quý. Đến Âm là đời thứ bảy, đời đời vẫn làm khanh, đài phu. Âm nhờ cha được làm quan (1). Thời vua Hiếu Cảnh, Âm làm thái tử tể mã (2). Âm người trang trọng được mọi người kính sợ. Vua Hiếu Cảnh mất, thái tử lên ngôi, Âm làm chức yết giả. Các nước ở Đông Việt đánh lẫn nhau, nhà vua sai Âm đến xem. Âm không đi đến nơi chỉ đi đến đất Ngô rồi trở về báo:

- Người Việt đánh nhau, đó là cái tục của họ xưa nay vẫn thế, không đáng làm nhục đến sứ thần của thiên tử.

Hà Nội phát hỏa, cháy lan hơn một ngàn nóc nhà, vua sai Âm đến xem. Âm trở về báo:

- Người nhà để lửa cháy, nhà ở liền nhau nên cùng cháy. Điều đó không đáng lo. Thần qua Hà Nam, Hà Nam người nghèo, hơn một vạn người bị lụt lội hạn hán, có người cha con ăn thịt nhau. Thần nhân tùy tiện lấy cờ tiết (3), bảo mở kho lúa Hà Nam để phát chẩn cho dân nghèo. Thần xin đem cờ tiết về chịu tội đã giả chiếu chỉ của hoàng thượng.

Nhà vua cho Âm là người hiền, tha tội, đổi làm huyện lệnh ở Huỳnh Dương. Âm xấu hổ về việc đi làm huyện lệnh, cáo bệnh xin về vườn. Nhà vua nghe vậy mời vào cho làm trung đài phu. Vì Âm hay can thẳng nên không được ở lâu trong triều, bị đổi đi làm thái thú ở Đông Hải.

Âm theo đạo Hoàng Đế, Lão Tử; lúc làm quan trị dân thích thanh tĩnh, chọn những người thừa, sử, rồi giao cho họ làm. Trong việc cai trị chỉ xem xét đại thể mà thôi không chú ý đến những chi tiết vụn vặt. Âm lắm bệnh, nằm ở trong nhà không ra. Được hơn một năm quận Đông Hải rất yên. Mọi người khen ngợi. Nhà vua nghe tin, gọi vào cho làm chủ tước đô úy, đứng vào hàng cửu khanh. Âm cai trị chỉ muốn “bớt việc” mà thôi cốt đại thể, không câu nệ về văn từ pháp lệnh. Âm tính kiêu ngạo, ít lễ độ, chỉ trích trước mặt, không chịu tha thứ những sai lầm của người ta. Ai hợp với mình thì chơi, ai không hợp thì không buồn nhìn. Kẻ sĩ cũng vì vậy mà không theo. Nhưng Âm thích chơi với người nghĩa hiệp, chú trọng về khí tiết, tự mình cư xử liêm khiết, thích can thẳng, nhiều lần xúc phạm đến sắc mặt nhà vua. Âm thường khen Phó Bách, Viên Áng (4), chơi thân với Quán Phụ (5), Trịnh Dương Thời và Lưu Khí làm chức tông chính (6). Những người này cũng vì hay can thẳng nên không ở chức vị được lâu.

Lúc bấy giờ em trai thái hậu là Vũ An Hầu tên là Điền Phân làm thừa tướng. Các quan từ hai ngàn thạch lương trở lên đều đến bái yết. Phân không đáp lễ. Nhưng Âm thấy Điền Phân, thường không lạy mà chỉ vái. Nhà vua mới nhóm họp các nhà văn, nhà nho. Nhà vua nói:

- Ta muốn thế này, thế này...

Âm tâu:

- Bệ hạ trong lòng có nhiều ham muốn, bên ngoài lại làm ra vẻ nhân nghĩa muốn bắt chước cách cai trị đời Đường, đời Ngu làm sao được ?

Nhà vua im lặng, nổi giận, biến sắc mặt và bãi triều. Các công khanh đều lo hộ cho Cấp Âm. Nhà vua lui vào cung bảo các quan hầu:

- Thật là quá lắm Cấp Âm thật là bướng !

Các quan có người trách Âm. Âm nói:

- Nhà vua đặt ra các quan công khanh đâu phải bảo họ a dua nịnh hót, dòn vua đến chỗ bất nghĩa ? Vả chẳng đã ở địa vị công khanh mà còn luyện tiết thân mình làm nhục triều đình sao ?

Âm lắm bệnh, đau ba tháng liền. Nhà vua mấy lần cho ông ta cứ làm quan nhưng ở nhà chữa bệnh, tuy vậy cuối cùng cũng không bớt. Sau cùng mắc bệnh nặng. Trang Trọ xin cho Âm được thôi làm quan.

Nhà vua hỏi:

- Cấp Âm là người như thế nào?

Trọ nói:

- Nếu cho Âm giữ chức làm quan thì cũng chẳng có gì hơn người. Nhưng để ông ta giúp ấu chúa thì ông ta giữ vững ý định: gọi không đến, đuổi không đi, dù có người tự chomình là Mạnh Bôn, Hạ Dục cũng không thể thắng được.

Nhà vua nói:

- Phải đấy ? Ngày xưa có bấy tôi cùng chung hoạn nạn với quốc gia. Ắm cũng gần được như vậy. Đại tướng quân Vệ Thanh vào chầu trong cung, nhà vua ngồi xôm bên cạnh giường mà tiếp. Thừa tướng Hoǎng nhân việc vào yết kiến, nhà vua có khi không đội mũ. Còn Ắm vào yết kiến nhà vua không đội mũ thì không tiếp. Nhà vua thường ngồi ở trong trướng võ, Ắm tiến tâu công việc nhà vua không đội mũ, nhìn đằng xa thấy Ắm thì tránh vào trong trướng, sai người chuẩn y lời tâu. Ông được nhà vua kính nể như vậy.

Trương Thang vừa mới được làm đình úy vì đã thay đổi hình luật, pháp lệnh. Cấp Ắm mấy lần chất vấn, trách ông ta trước mặt nhà vua, nói:

- Ông làm cửu khanh nhưng ở trên không thể nêu cao công nghiệp của tiên đế, ở dưới không thể ngăn cản lòng tà của thiên hạ, khiến cho nước yên, dân giàu, tù ngục không có người. Cả hai điều đó ông không được lấy một. Không kể việc sai trái, làm khổ người khác, cứ việc làm; không kể việc hồng chỉ cốt được việc cho mình. Tại sao ông lại thay đổi pháp luật Cao Hoàng đế đã định để làm cho rối loạn ? Ông làm thế sẽ mất nòi đấy !

Ắm có lúc tranh cãi với Thang. Khi tranh luận Thang thường chú ý đến lời văn cho sâu và bới lông tìm vết còn Ắm thì ngay thẳng, nghiêm túc, giữ đúng khuôn phép không chịu thua. Ắm giận mắng:

- Thiên hạ nói bọn thư lại không thể làm công khanh, điều đó quả thật là đúng ? Cứ theo Thang thì sẽ khiến thiên hạ chông chênh lên nhau mà đứng liếc mắt nhìn trộm vậy (7).

Lúc bấy giờ, nhà Hán đang đánh Hung Nô, kêu gọi võ về tứ di (8). Ắm cốt sao ít sinh sự, nhân lúc nhà vua rảnh thường nói nên hòa thân với Hồ chứ đừng gây binh. Nhà vua đang thiên về đạo Nho, tôn quý Công Tôn Hoǎng (9). Đến khi công việc càng nhiều, quan lại lo dùng pháp luật để ràng buộc, dân lo tìm cách trốn tránh. Nhà vua dùng pháp luật để xét xử, bọn Thang thường gây những ngục lớn, đem tội trạng tâu lên để được lòng nhà vua. Trái lại Ắm thường chê bai nhà Nho, trước mặt bọn Hoǎng, trách họ trong lòng giả dối, bên ngoài khéo léo khôn ngoan hùa theo nhà vua để giữ địa vị, bọn thư lại (10) chỉ lo bề cong pháp luật khéo tìm cách làm hại người ta, hãm người ta vào tội khiến không được thân oan, lấy việc thắng được dân làm công lao. Nhà vua càng quý bọn Hoǎng, Thang. Hoǎng và Thang trong lòng rất ghét Ắm. Tuy thiên tử không thích nhưng họ muốn tìm việc để giết Ắm. Hoǎng làm thừa tướng nói với nhà vua:

- Ở trong hữu nội sử có nhiều quý nhân, tôn thất, khó trị. Nếu không có một vị quan đã từng nổi danh thì không làm được trách nhiệm ấy. Xin cho đổi Ắm làm hữu nội sử.

Ắm làm hữu nội sử mấy năm, việc quan không bỏ trễ.

Đại tướng quân Vệ Thanh càng được tôn trọng, chị là hoàng hậu, nhưng Ắm vẫn đối xử ngang hàng. Có người nói với Ắm :

- Thiên tử muốn quần thần kính trọng đại tướng quân. Đại tướng quân được tôn trọng lại càng quý, ông nên lạy là phải.

Ắm nói:

- Đại tướng quân có người khách vái dài, thế là không được tôn trọng hay sao ?

Đại tướng quân nghe vậy lại càng cho Ắm là người hiền, thường mời hỏi những việc quốc gia triều đình chưa quyết định, đối xử với Ắm hơn hẳn ngày trước.

Hoài Nam Vương mưu phản, sợ Ắm, nói:

- Ắm thích can thẳng, giữ khí tiết, chịu chết theo chính nghĩa, khó lấy điều phản bội mà dụ dỗ ông ta được. Còn như thuyết phục thừa tướng Hoǎng thì cũng dễ như mở đồ đạc, chọc lá sắp rụng mà thôi.

Sau khi nhà vua nhiều lần đánh Hung Nô thành công, lời nói của Ắm lại càng không được nghe.

Trước kia Ắm ở vào hàng cửu khanh, trái lại Công Tôn Hoǎng, Trương Thang là quan lại nhỏ. Đến khi Hoǎng và Thang càng ngày được thăng lên ngang hàng với Ắm. Ắm lại mắng nhiếc chê trách Hoǎng và Thang. Ít lâu sau, Hoǎng làm đến thừa tướng được phong làm hầu, Trương Thang làm đến ngự sử đại phu. Vì vậy trong thời của Ắm, thừa tướng, ngự sử đều cùng ngang hàng với Ắm lại có phần được tôn trọng, tin dùng hơn. Ắm là người hẹp hòi không khỏi oán thán. Khi yết kiến nhà vua, Ắm nói:

- Bệ hạ dùng bày tôi như chất củi mà thôi, ai đến sau thì ở trên.

Nhà vua im lặng. Một lúc sau Ắm rút lui. Nhà vua nói:

- Người ta quả là không thể không có học, xem Ắm nói thì ngày càng quá lắm.

Được ít lâu, vua Hồn Gia của Hung Nô đem dân chúng đến hàng. Nhà Hán đưa ra hai vạn cỗ xe. Nhà vua không có tiền, mua chịu ngựa của dân. Dân có người giấu ngựa đi, số ngựa không đủ. Nhà vua giận, muốn chém quan huyện lệnh Trường An. Âm nói:

- Quan huyện lệnh Trường An không có tội, xin chém một mình Âm, thì dân sẽ chịu đưa ngựa ra. Vả chăng Hung Nô phần lại chủ của họ, đầu hàng nhà Hán; Hán cứ thùng thẳng đặt các trạm ở các huyện để đưa đến, sao lại làm cho thiên hạ náo động, Trung Quốc mệt mỏi để hầu hạ Di, Địch. Nhà vua im lặng. Đến khi Hồn Gia đến, những người buôn bán và những người ở ngoài chợ phạm tội chết đến hơn năm trăm người. Âm xin được dịp yết kiến nhà vua ở điện Cao Môn. Âm nói:

- Hung Nô vào xâm lấn đường sá biên giới, cắt đứt hòa thân. Trung Quốc đem binh trừng phạt, người chết và bị thương không kể xiết, hao phí tiền của hàng vạn triệu. Thần ngu dốt cho rằng bệ hạ được người Hồ thì đều cho làm nô tỳ cấp cho những gia đình có người tòng quân mà chết. Tài sản cướp được thì đều cấp cho họ để đỡ cái khổ cho thiên hạ, an ủi lòng trăm họ. Nay lại không làm như vậy, Hồn Gia đem mấy vạn người đến hàng, bệ hạ sai vét rỗng kho để thưởng, bắt dân lành hầu hạ nuôi nấng, như nuôi đứa con cưng? Dân ngu biết đâu rằng đó là lệnh cấm, nên tùy tiện đến mua những đồ vật ở chợ Trường An. Thế mà quan lại theo pháp luật buộc tội họ là đã đem của cải vật phẩm đưa ra biên giới! Nếu như bệ hạ không thể có được của cải của Hung Nô để tạ lỗi với thiên hạ, thì lẽ nào dùng lời lẽ khó hiểu mà giết hơn năm trăm người đại đột. Làm như vậy tức là như người ta nói: “Che chở cho lá làm thương tổn đến cành cây vậy”. Thần trộm cho bệ hạ làm như thế là không phải.

Nhà vua im lặng, không nghe theo, nói:

- Ta đã lâu không nghe Cáp Âm nói, đến nay ông ta lại nói vậy.

Mấy tháng sau, Cáp Âm phạm sai lầm nhỏ, bị tội. Gặp lúc đại xá bị bãi chức, Âm bèn ở ẩn chốn điền viên.

Cáp Âm ở nhà được mấy năm, gặp lúc nhà vua thay bằng thứ tiền năm thù, dân nhiều người đúc tiền trộm, ở nước Sở lại càng nhiều nhất (11). Nhà vua cho rằng Hoài Dương là nơi giáp giới nước Sở, bèn gọi Cáp Âm vào cho làm thái thú Hoài Dương: Âm lấy từ tạ không nhận ấn. Chiếu mấy lần ép giao ấn, sau đó Âm mới vâng lời. Chiếu cho Âm đến yết kiến, Âm khóc và nói với nhà vua:

- Thần tự cho rằng mình chết ở nơi ngòi rãnh không còn có lúc thấy lại bệ hạ, không ngờ bệ hạ lại dùng. Thần thường có cái tật của loài chó ngựa, không đủ sức làm việc ở các quận. Thần xin nguyện làm trung lang (12) ra vào nơi cung cấm, vá những điều sai, lật những điều sót, đó là nguyện ước của thần.

Nhà vua nói:

- Nhà ngươi coi thường Hoài Dương hay sao ít lâu nữa ta sẽ gọi nhà ngươi về. Hiện nay ở Hoài Dương dân và quan không tương đắc, ta chỉ nhờ cái uy sẵn có của nhà ngươi, nhà ngươi cứ nằm mà cai trị (13).

Sau khi Âm từ giả ra đi. Âm qua nhà Lý Túc làm đại hành (14), nói:

- Âm bị vớt ra ngoài quận không thể bàn việc triều đình được nữa. Nhưng Trương Thang làm ngự sử đại phu là người có cái trí khôn đủ để chống lại những lời can ngăn, có cái tài gian trá đủ để tô vẽ cho điều sai trái, chỉ cốt khéo ton hót bề trên, bắt bẻ người dưới, không chịu theo điều chính nghĩa để lo việc thiên hạ. Ông ta chỉ lo a dua theo ý vua. Nhà vua không ưa ai thì ông ta nhân đó gièm pha thêm, nhà vua ưa ai thì ông ta nhân đó khen ngợi thêm. Thích sinh sự, múa may trong văn án, trong lòng nghĩ đến việc dối trá để chiều theo ý vua. Bên ngoài dựa vào bọn tặc lại (15) để làm cho uy mình thêm lớn. Ông ở hàng cửu khanh mà không sớm nói điều đó thì ông và hẳn đều sẽ bị tội cả đấy.

Tức sớ Thang, cuối cùng không dám nói. Âm ở quận vẫn cai trị như trước, chính trị Hoài Dương được sáng suốt. Sau đó quả nhiên Trương Thang bị thất bại. Nhà vua nghe lời Âm nói với Túc, trị tội Túc, cho Âm ở Hoài Dương được hưởng lương bổng của tướng quốc chư hầu (16). Được bảy năm thì mất.

Sau khi mất, nhà vua vì Âm nên cho người em là Cáp Nhân làm đến cửu khanh. Con Âm là Cáp Yến làm đến tướng quốc của chư hầu. Người em con cô là Tư Mã An lúc nhỏ cùng làm thái tử tầy mã với Âm. An lời văn sâu sắc, khéo làm quan, bốn lần đến chức cửu khanh, khi chết làm thái thú Hà Nam. Bọn anh em nhờ An nên đồng thời có đến mười người lương hai nghìn hộ. Đoạn Hoảng

người Bộc Dương lúc đầu thờ Hạ Hầu tên là Tín. Tín dùng Hoǎng. Hoǎng cũng hai lần làm đến cửu khanh. Những người nước Vệ làm quan ai cũng kính sợ Ǻm, coi Ǻm là ở trên mình.

1. Trịnh Đương Thời tự là Trang, người ở đất Trần. Cha là Trịnh Quân đã từng làm tướng của Hạng Tịch. Tịch chết, ít lâu sau theo về Hán. Cao Tổ sai các quan cũ của Hạng Tịch gọi tên Tịch (17). Riêng một mình Trịnh Quân không nghe theo lời chiếu. Chiếu cho tất cả những người gọi tên Tịch làm đại phu mà đuổi Trịnh Quân. Trịnh Quân chết thời Hiếu Văn Đế.

Trịnh Trang thích làm nghĩa hiệp. Khi đã cứu Trương Vũ khỏi ách thì nổi tiếng ở miền Lương, Sở. Thời Hiếu Cảnh Đế, Trang làm thái tử xá nhân (18). Cứ năm ngày lại tắm rửa, thường đặt ngựa trạm ở ngoại thành Trường An, thăm hỏi những người bạn cũ, đến chơi nhà các tân khách, suốt đêm cho đến sáng hôm sau, thường vẫn sợ không chu đáo, Trang thích học theo lối Hoàng Đế, Lão Tử, hâm mộ những người trưởng giả như là sợ không được gặp mặt (19). Tuy tuổi trẻ, quan thấp, nhưng các bạn bè giao du, đều là hạng cùng lứa với hàng cha, ông, là những kẻ sĩ có danh tiếng trong thiên hạ. Vũ Đế lên ngôi, Trang dần dần làm trung úy ở đất Lỗ, làm thái thú ở Tế Nam, làm tướng quốc ở Giang Tô, làm đến hữu nội sử thuộc hàng cửu khanh. Vì việc Vũ An Hầu và Ngụy Kỳ tranh cãi nhau, An bị giáng chức làm thêm sự, đổi làm đại nông lệnh (20).

Khi làm thái sử, Trang căn dặn những người môn hạ như sau:

- Có khách đến thì không kể cao quý hay hèn mọn đều không được giữ ở ngoài cửa.

Trang giữ lễ đối với khách, mặc dầu mình cao quý nhưng đối với người thì khiêm tốn. Trang thanh liêm lại không lo đến sản nghiệp đem tất cả lương bổng cho tân khách, những thức ăn đưa cho khách đều đặt trong những cái quả bằng tre (21). Mỗi lúc đi chầu, có dịp tâu lên, Trang luôn luôn nói lên những người trưởng giả trong thiên hạ. Khi tiến cử các kẻ sĩ và những người thuộc lại thì trình bày thân thiết thú vị thường đề cao tài đức của họ, cho họ hơn mình, không bao giờ gọi họ bằng tên. Khi nói với những quan dưới quyền mình thì cẩn thận như sợ làm tổn thương đến họ. Nghe người ta có lời nói hay thì vội vàng lo tiến lên nhà vua. Kẻ sĩ và những người trưởng giả ở Sơn Đông vì vậy đều khen ngợi Trịnh Trang.

Vua sai Trịnh Trang đi xem cửa sông Hoàng Hà. Trang xin năm ngày để chuẩn bị hành lý, Nhà vua nói:

- Ta nghe nói Trịnh Trang đi nghìn dặm không mang lương, tại sao lại xin chuẩn bị hành lý ?

Nhưng Trịnh Trang ở trong triều thường a dua phụ họa theo ý muốn nhà vua không dám trình bày rõ ràng là đúng hay sai. Đến khi già, nhà Hán đánh Hung Nô, chiêu hàng tứ di, thiên hạ hao phí nhiều, của cải dùng càng thiếu. Trang tiến cử người và tân khách làm việc vận chuyển dưới quyền đại nông lệnh, nhiều người ăn bớt của công. Tư Mã An làm thái thú Hoài Dương tố giác việc ấy. Trang vì vậy bị tội, chuộc tội làm thường dân. Ít lâu sau tạm quyền chức trưởng sử của thừa tướng. Nhà vua thấy Trang già nên cho làm thái thú Như Nam. Được mấy năm thì chết trong lúc làm quan. Trịnh Trang, Cấp Ǻm lúc đầu vào hàng cửu khanh, người thanh liêm bản thân lo gìn giữ trong sạch. Hai người này giữa chừng bị bỏ, nhà nghèo khách khứa càng ít. Khi làm việc ở quận chết đi nhà không có của thừa. Anh em con cháu Trang nhờ có Trang nên sáu bảy người lương đến hai nghìn thạch.

2. Thái sử công nói:

Người hiền như Ǻm và Trang thế mà khi có thể lực thì khách khứa đông gấp mười lần, khi không có thể lực thì chẳng có một ai, nữa là người thương ! Địch Công ở Hạ Quê nói: Lúc đầu Địch Công làm đình úy thì khách khứa chật cửa. Đến khi bãi quan thì ngoài cửa có thể đặt lưới bắt chim sẻ. Khi Địch Công lại làm đình úy, khách khứa muốn đến. Địch Công viết mấy chữ lớn ở ngoài cửa: “Một sống một chết, tình bạn mới biết; một nghèo một giàu, mới rõ lòng nhau; một hèn một sang, tình bạn rõ ràng”. Câu đó cũng đúng với Cấp Ǻm, Trịnh Trang. Thương thay !

Chú thích:

(1). Theo quan chế nhà Hán nếu ở địa vị từ 2.000 thạch trở lên thì sau ba năm được cử một người trong số anh em ruột hay còn làm lang.

(2). Chức quan lương 600 thạch, khi nào thái tử đi ra thì cưỡi ngựa đi trước.

(3). Nhà vua sai người đi thay mình làm việc gì thì cảm cờ tiết.

(4). Xem Quý Bó, Loan Bó liệt truyện.

- (5). Xem Ngụy Kỳ, *Vũ An Hầu liệt truyện*.
- (6). Chức ở địa vị cứu khanh.
- (7). Đứng hai chân đặt lên nhau, ý nói không còn lối nào mà đi, liếc mắt nhìn trộm ý nói không dám nhìn thẳng. Nếu theo pháp luật hà khắc thì thấy cái gì cũng sợ phạm pháp, có chân không dám đi, có mắt không dám nhìn.
- (8). Hán Vũ Đế tham lam muốn đánh Hung Nô, bình định Đông Việt Nam Việt, Tây Nam Di v.v... gây nên chiến tranh, nhân dân điêu đứng.
- (9). Bảy giờ Hoảng làm thừa tướng. Hoảng theo đạo Nho, người giả dối, tàn nhẫn.
- (10). Chỉ Trương Trang.
- (11). Xem Bình chuẩn thư.
- (12). Chức quan thấp lo việc canh phòng. Ý Ắm muốn ở cung để được can ngăn nhà vua dù là chức quan thấp chứ không muốn đi ra các quận.
- (13). Vũ Đế rất biết tài của Ắm cho nên nói “nằm mà cai trị”, nhưng rất ghét Ắm nên cho đi ra các quận để khỏi can gián lời thôi.
- (14). Chức quan ngoại giao cấp cứu khanh coi việc đối xử với các nước ngoài.
- (15). Quan lại ăn cướp.
- (16). Nhưng vẫn không cho về kinh đô. Vũ Đế ghét Ắm nhưng không giết được vì sợ dư luận dù biết Ắm là trung thần cũng không dùng. Đúng như nhận xét “trong lòng nhiều ham muốn, bên ngoài ra vẻ nhân nghĩa”.
- (17). Gọi vua bằng tên là phạm tội bất kính.
- (18). Chức rất thấp ở dưới chức thái tử tể tướng.
- (19). Ý nói vội vàng.
- (20). Thêm sự coi công việc trong cung Hoàng Đế và cung thái tử. Đại nông lệnh thuộc hàng cứu khanh coi thóc lúa và hàng hóa cả nước.
- (21). Ý nói không sấm sửa gì.

Phần 43

Du Hiệp liệt truyện

1. Hàn Phi(1) nói: “Bọn nho lấy lời văn làm rồi pháp luật, bọn du hiệp lấy võ lực phạm vào việc ngăn cấm”. Hai hạng này đều bị chê bai. Tuy vậy các nho sĩ thường vẫn được đời khen(2). Còn đối với những kẻ dùng thuật(3) để chiếm lấy chức tể tướng, công khanh, đại phu, giúp đỡ chúa đương thời thì công danh ghi chép ở sử sách, điều đó chẳng phải nói. Kìa xem Quý Thử, Nguyên Hiến là những người ở nơi quê mùa, đọc sách, muốn một mình giữ lấy đạo đức của người quân tử, vì nghĩa lý không chịu đua theo thời, thế mà người đương thời cũng cười họ. Cho nên Quý Thử, Nguyên Hiến trọn đời để nhà trống, lấy dây buộc cửa, mặc áo vải, ăn rau không biết chán. Họ chết đã hơn bốn trăm năm mà học trò còn nhớ mãi không quên. Nay bọn du hiệp, tuy nét không hợp với chính nghĩa nhưng lời họ nói ra thì chắc chắn, việc họ làm thì quả quyết, đã hứa thì nhất định làm, không tiếc tính mạng để cứu người ta khỏi nơi nguy khốn. Sau khi đã xông pha vào nơi nguy hiểm để cứu người, họ lại không khoe tài, lấy việc kẻ ơn làm then, như vậy thì xem ra cũng có nhiều điều đáng khen. Và chẳng, việc hoạn nạn người ta thường khi vẫn gặp.

Thái sử công nói:

Ngày xưa vua Thuần bị khốn ở kho, ở giếng(4), Y Doãn mang vạc thót(5), Phó Duyệt ẩn nấu ở đất phò Nham(6), Lã Thượng bị khốn khổ ở Cức Tân(7), Di Ngô, mang gông(8), Bách Lý Hề chặn trâu(9), Trọng Ni sợ hãi ở đất Khuông, đói, mặt xanh như lá rau ở đất Tần, đất Thái(10). Những người ấy đều là người mà kẻ học giả gọi là đạo đức nhân nghĩa, vậy còn gặp những tai nạn ấy; huống gì những kẻ tài năng bậc trung mà ở về cuối thời loạn lạc thì việc gặp tai họa còn nói làm sao cho hết. Tục ngữ có câu: “Chẳng cần nhân nghĩa, hay không nhân nghĩa, cái gì có lợi cho ta là tốt”. Vì vậy Bá Di(11) cho nhà Chu là xấu, chịu chết đói ở núi Thù Dương, nhưng vua Văn Vương, Vũ Vương không phải vì thế mà bỏ ngôi vua. Chích, Cự(12) hung bạo dữ tợn, nhưng đồ đáng của họ là ca ngợi mãi mãi nghĩa khí của họ. Do đó mà xem “ăn trộm lưỡi câu thì bị chém, ăn trộm nước được phong hầu. Nhà công hầu ở đâu, nhân nghĩa ở đấy”(13), điều đó không phải lời nói suông. Nay bọn học giả câu nệ, chỉ khư khư lo ôm lấy cái nghĩa chật hẹp thì sẽ cô độc mãi ở đời(14), sao bằng hạ thấp cái đạo của mình để theo thế tục, trôi nổi với đời để được công danh(15). Tuy vậy bọn áo vải cần thận trong việc lấy và cho, xem trọng tiếng ừ và lời hứa, tuy cách nghìn dặm cũng nghĩ đến nghĩa, chịu chết chẳng tiếc đời, họ làm thế nào cũng có chỗ hay, chứ không phải chỉ có điều xằng bậy. Có thể kẻ sĩ lúc cùng quần mới có nơi phò thác số phận. Những người ấy chẳng phải hiền tài, hào kiệt đó sao? Nếu như để bọn nghĩa hiệp ở nơi hàng xóm đo tài đua sức với Quý Thử, Nguyên Hiến, lập công với đương thời thì hẳn khác nhau xa. Nếu xét về mặt công lao thấy ngay lời nói được giữ, thì nghĩa khí của bọn hiệp khách có thể xem thường được đâu!

Hạng nghĩa hiệp áo vải đời xưa, ta không còn được nghe nữa. Thời gần đây bọn Duyên Lăng, Mạnh Thường, Xuân Thân, Bình Nguyên, Tín Lăng(16) đều nhờ ở chỗ thân thích của nhà vua, dựa vào sự giàu có vì có đất phong, lại được địa vị khanh tướng, chiêu tập những người hiền trong thiên hạ, nổi danh với chư hầu, không thể gọi là không giỏi. Họ cũng như thuận theo chiều gió mà gọi, không phải tiếng vì đó nhanh thêm, nhưng vì thế gió đưa tiếng đi xa đó thôi. Còn đến bọn nghĩa hiệp ở nơi làng xóm, giữ gìn tính nết, trau dồi thanh danh, tiếng tăm vang trong thiên hạ, ai cũng khen là hiền, điều đó mới thật là khó. Nhưng các nhà Nho, nhà Mặc đều gạt ra mà không chép(17). Từ nhà Tần trở về trước những người tầm thường mà nghĩa hiệp đều mai một, tôi rất lấy làm giận(18). Theo những điều tôi được nghe từ khi nhà Hán lên có bọn Chu Gia, Điền Trọng, Vương Công, Kịch Mạnh, Quách Giải, tuy đôi khi có phạm vào cái lưới pháp luật của đương thời, nhưng đời sống riêng của họ liêm khiết, nhũn nhặn cũng đáng khen. Danh tiếng của họ không phải là danh tiếng hão, kẻ sĩ không phải vô cơ mà theo họ. Còn đối với những kẻ cậy gia thế họ hàng, kéo bè kéo đảng, lợi dụng tiền tài để sai khiến người nghèo, bắt nạt người sức yếu thế cô, khoe khoang thế lực của mình, lấy việc thỏa mãn điều ham muốn của mình làm sướng, thì những người du hiệp cũng lấy làm xấu hổ. Tôi đau xót về nỗi thói đời không xét điều đó, cứ gộp bọn Chu Gia, Quách Giải với bọn cường hào và chê cười tất cả.

2. Chu Gia là người Lỗ sống cùng thời với Cao Tổ. Người nước Lỗ đều học theo đạo Nho, riêng Chu Gia học theo lối du hiệp mà nổi danh. Những người có danh tiếng được ông nuôi nấng che chở

có hàng trăm, còn người tầm thường thì không kể xiết. Nhưng trước sau ông vẫn không khoe tài, tự phụ ân đức của mình; trái lại chỉ sợ những người chịu ơn cảm tạ mình. Ông cứu giúp những người thiếu thốn bắt đầu từ chỗ nghèo khó và thấp hèn. Trong nhà không có cửa thừa, áo quần cũ kỹ không lành lặn, ăn không có hai món, đi thì ngồi trên chiếc xe bò nhỏ. Ông lo cứu giúp người ta trong lúc gấp hơn cả việc riêng của mình. Sau khi đã bày mưu cứu được tướng quân Quý Bồ thoát nạn đến khi Bồ được tôn quý, suốt đời ông không gặp lại Bồ(19). Từ cửa Hàm Cốc về phía Đông không ai không dướn cổ(20) muốn chơi với ông ta.

3. Điền Trọng người nước Sở, nổi tiếng về nghĩa hiệp, thích đánh kiếm, thờ Chu Gia như cha, tự cho rằng hành vi của mình không bằng Chu Gia. Điền Trọng chết rồi, ở đất Lạc Dương có Kịch Mạnh. Người đất Chu lo nghề buôn bán, trái lại Kịch Mạnh lại nổi tiếng ở chợ hầu về nghĩa hiệp. Khi nước Ngô, nước Sở làm phản, Điền hầu(21) làm thái úy, đi xe trạm, sắp đến Hà Nam bắt được Kịch Mạnh, mừng rỡ nói:

- Nước Ngô, nước Sở làm việc lớn mà không mời đến Mạnh, thì ta biết họ không làm được gì rồi! Trong khi thiên hạ rối loạn, tể tướng bắt được ông ta cũng như chiêu hàng được một nước địch vậy(22). Việc làm của Kịch Mạnh cũng như việc làm của Chu Gia, nhưng ông ta thích đánh bạc, hay chơi những trò chơi của những người trẻ tuổi. Khi người mẹ của Kịch Mạnh chết, có gần một nghìn cỗ xe ở phương xa đến đưa tang. Đến khi Kịch Mạnh chết, của cải trong nhà còn lại không quá mười lạng vàng.

Vương Mạnh người đất Phù Ly cũng nổi tiếng nghĩa hiệp ở miền sông Giang, sông Hoài. Lúc bấy giờ họ Nhân ở đất Tế Nam, Chu Dung ở đất Trần, cũng nổi tiếng hào hiệp. Vua Cảnh Đế nghe vậy sai người giết cả bọn này.

Về sau ở đất Đại có bọn họ Bạch, ở đất Lương có Hàn Vô Ty, ở huyện Dương Địch có Tiết Huống, ở huyện Thiểm có Hàn Nhụ nổi lên rất đông(23).

4. Quách Giải là người đất Chỉ tự là Ông Bá, là cháu ngoại của Hứa Phụ người có tài xem tướng. Cha Giải bị giết thời Hiếu Văn Đế vì du hiệp. Giải người thấp bé, tinh ranh, hung hãn, không uống rượu. Lúc nhỏ tính nham hiểm, tàn nhẫn, những kẻ không làm Giải vừa lòng bị Giải giết rất nhiều. Giải liều thân báo thù cho bạn, chứa những người trốn tránh, phạm pháp, còn việc cướp bóc là việc thường làm, cũng như việc đúc tiền đào mã người thì không kể hết. Ông ta gặp may, lúc nguy khốn cấp bách thường nhờ dịp đại xá mà được thoát.

Đến khi Giải lớn thì thay đổi tính nết, biết tự kiềm chế, biết lấy đức để báo oán, cho người thì nhiều mà trông mong người thì ít. Giải lại càng thích làm việc nghĩa hiệp hơn trước. Sau khi đã cứu tính mạng người ta, Giải không khoe công, tuy cái lòng nham hiểm tàn ác ngày xưa đôi khi vẫn lộ ra như cũ nếu gặp kẻ trợn mắt với mình. Những người tuổi trẻ hâm mộ việc làm của Giải, liền báo thù ngay, không cho Giải biết(24).

Người con của chị Giải cậy thế Giải, uống rượu với người khách, cưỡng ép người khách phải cạn chén mặc dù uống không nổi. Người kia giận, tuốt gươm, đâm chết cháu Giải rồi bỏ trốn. Chị Giải giận nói:

- Người nghĩa hiệp như Ông Bá, mà để người ta giết con tôi không bắt được thằng giặc sao?

Bèn vứt xác ở ngoài đường không chịu chôn, ý muốn làm nhục Giải. Giải sai người dò biết nơi hung thủ ở. Hung thủ thế bí đành quay về trình bày tất cả sự thực với Giải. Giải nói:

- Ông giết nó là đúng lắm, cháu của tôi làm vậy.

Bèn tha hung thủ, bắt tội người cháu, khâm liệm nó rồi chôn. Mọi người nghe vậy đều khen Quách Giải là người nghĩa khí, lại càng theo Giải.

Khi Giải đi ra, ai cũng tránh. Riêng có một người cứ ngồi xổm mà nhìn. Giải sai người hỏi họ tên anh ta. Những người khách muốn giết anh ta. Giải nói:

- Ta ở trong làng xóm đến nỗi không được người ta kính trọng, đó là vì ta không trau dồi đức hạnh, anh ta có tội gì đâu?

Bèn bảo ngầm với viên quan coi việc công dịch trong huyện:

- Người ấy là người chí thân của tôi, khi nào đến lượt anh ta phải phục dịch thì miễn cho anh ta.

Vì vậy mấy lần đều được miễn, quan không đòi đến. Anh kia ấy làm lạ, hỏi tại sao, mới biết Giải bảo miễn cho mình. Anh ta bèn cời trần đến tạ tội. Những người trẻ tuổi nghe vậy lại càng hâm mộ việc làm của Giải.

Ở Lạc Dương có người thù hằn nhau, những người tài giỏi ở trong làng xóm đến dần xếp có hàng chục, nhưng vẫn không xong. Người khách bèn đến nói với Quách Giải, Giải đang đêm đến nhà người có thù hằn, người kia miễn cưỡng nghe theo lời Giải. Giải bèn nói với người này:

- Tôi nghe nói các vị ở Lạc Dương đã hòa giải việc này, nhưng ông không chịu nghe. Nay may sao ông nghe theo lời Giải, vậy có lẽ nào Giải lại ở huyện khác đến tranh giành mất cái công của các vị hiền đại phu trong xóm này!

Bèn đang đêm ra đi, không để cho ai biết, nói:

- Hãy khoan theo cách hòa giải của tôi. Đợi tôi đi rồi sau để cho những người tai mắt ở Lạc Dương làm việc giải hòa và sẽ nghe theo họ.

Giải giữ mình cung kính không dám lên xe đi vào sân công đường huyện. Khi đi các quận ở lân cận cầu xin việc cho người khác, gặp việc có thể giúp được thì giúp, không giúp được thì cũng làm cho người ta vừa lòng. Sau đó mới dám ăn cơm rượu người ta. Mọi người vì vậy hết sức kính trọng Giải, tranh nhau giúp đỡ Giải. Thanh niên trong làng xóm và những người tài giỏi, tai mắt trong các huyện lân cận nửa đêm qua cửa nhà Giải thường hơn một chục cỗ xe, xin đưa những người khác Giải giấu giếm đem về nuôi(25).

Đến khi nhà vua sai dời những người giàu đi Mậu Lăng(26). Giải nhà nghèo không thuộc vào hạng đủ tư cách. Quan lại sợ nên bắt Giải dời nhà(27). Vệ tướng quân tâu lên nói “Quách Giải nhà nghèo không thuộc vào hạng dời nhà”.

Nhà vua nói:

- Một người áo vải mà có quyền thế khiến cho tướng quân phải nói giúp, điều đó chứng tỏ nhà hắn không nghèo.

Kết quả Giải phải dời nhà. Các vị tiền Giải đưa ra hơn ngàn vạn quan tiền. Con Dương Quý Chủ người đất Chỉ làm thư lại trong huyện, báo tên Giải lên, khiến cho Giải phải dời nhà. Người con của anh Giải chặt đầu Dương. Vì vậy họ Dương có thù hằn với họ Giải.

Giải vào Quan Trung. Những người hào kiệt ở Quan Trung quen biết hoặc chưa quen biết Giải, nghe tiếng Giải đều tranh nhau đến vui chơi bạn bè với Giải. Giải người thấp bé, không uống rượu, lúc ra đi không bao giờ đi ngựa. Sau khi Dương Quý Chủ bị giết, người nhà Dương Quý Chủ dâng thư lên, nhưng lại bị người ta giết ở dưới cửa cung đình. Nhà vua nghe tin bèn giao quan lại bắt Giải. Giải bỏ trốn, đến mẹ đến ở Lạc Dương, còn mình thì trốn sang Lâm Tấn. Tịch Thiệu Công ở Lâm Tấn vốn không biết Giải. Giải giả mạo tên, nhân đây xin ra khỏi cửa quan. Tịch Thiệu Công bèn cho Giải đi ra. Giải trốn đến Thái Nguyên, đến nhà ai, Giải đều nói trước(28). Quan đuổi bắt, dò tung tích đến Tịch Thiệu Công, Tịch Thiệu Công tự sát, tung tích mất đứt. Mãi về sau mới bắt được Giải.

Quan lại xét những điều Giải đã phạm và những người Giải đã giết thì sự việc đều xảy ra trước khi có ân xá. Ở huyện Chỉ có người nho sinh giúp quan trên trong việc xét Giải. Có người khách khen Giải, người nho sinh nói:

- Quách Giải chỉ chuyên làm việc gian, phạm pháp công, tại sao lại gọi là người hiền?

Người khách nghe thế giết người nho sinh, cắt lưỡi y. Quan vì việc đó bắt tội Giải. Thực ra, Giải không biết kẻ giết người. Người giết kia cũng mất tích chẳng ai biết anh ta là ai. Quan tâu Quách Giải vô tội. Công Tôn Hoảng làm ngự sử đại phu phê: “Giải là người áo vải làm trò nghĩa hiệp, tác uy tác phúc. Việc kẻ hung hăng giết người, Giải tuy không biết nhưng tội này nặng hơn tội chính Giải giết(29), đáng khép vào tội đại nghịch vô đạo.

Bèn giết cả họ Quách Giải ông Bá.

Từ đó về sau, rất nhiều người làm du hiệp nhưng đều kiêu ngạo không đáng kể, ở Quan Trung, Trường An có Phàn Trọng Tử, ở Hòe Lý có Triệu Vương Tôn, ở Trường Lăng có Cao Công Tử, ở Tây Hà có Quách Công Trọng, ở Thái Nguyên có Lỗ Công Nhụ, ở Lâm Hoài có Nhị Trường Khanh, ở Đông Dương có Điền Quân Nhụ tuy làm du hiệp nhưng đều có cái thái độ nhã nhặn khiêm nhường của người quân tử. Đến như họ Diêu ở phương Bắc, bọn Đỗ ở phương Tây. Cừu Cảnh ở phương Nam, Triệu Tha Vũ công tử ở phương Đông, Triệu Điện ở Nam Dương thì đó đều là bọn trộm cướp ở trong dân gian thôi, đáng kể làm gì! Bọn họ làm xấu hổ cho Chu Gia vậy.

5. Thái sử công nói:

Tôi xem Quách Giải tướng mạo không bằng người bình thường, nói năng không có gì đáng chú ý,

thể mà tất cả những người hay kẻ dở trong thiên hạ, biết hay không đều hâm mộ danh tiếng của ông ta. Khi nói đến những người nghĩa hiệp, ai cũng nhắc đến tên. Tục ngữ có câu: “người ta lấy danh thơm làm dung mạo, há có khi nào hết”. Ô hô, tiếc thay!

Chú thích:

- (1) Hàn Phi Tử, thiên Ngũ đồ mục đích chê trách cả bọn Nho và bọn du hiệp.
- (2) Ý Thiên bênh du hiệp: Hàn Phi chê trách cả hai; thế nhưng trong thực tế thì chỉ bọn du hiệp bị chê bai còn bọn Nho vẫn được trọng vọng.
- (3) Âm chỉ Công Tôn Hoảng, Trương Thang. Thuật đây là Nho thuật tác giả mặt sát bọn Ngụy Nho.

Nguyên Hiến người nước Lỗ, học trò Khổng Tử. Khổng Tử chết, Nguyên Hiến trốn vào nơi ao đầm. Tử Cống làm tướng quốc nước Vệ đi xe đến tìm Nguyên Hiến. Tử Cống nói: “Ngài có bệnh hay sao?” Nguyên Hiến đáp: “Tôi nghe nói không có của gọi là nghèo, học đạo không làm được gọi là bệnh. Như Hiến đây là nghèo chứ không phải là bệnh”. Tử Cống then bỏ đi. Công Tích Ai tự Quý Thứ. Khổng Tử nói: “Thiên hạ vô hạnh nhiều người làm gia thân, làm quan ở kinh đô, chỉ có Quý Thứ chưa hề làm quan”.

Đây là tác giả đưa ra những chân Nho đối lập với bọn ngụy Nho.

- (4) Thuần lúc còn hàn vi bị cha ghét, muốn giết đi, sai trèo lên bụi lúa rồi châm lửa đốt, lại sai đào giếng, rồi lấp giếng.
- (5) Y Doãn cày ở cánh đồng Hữu Sấn mang vạc có hòa ngũ vị đến cho vua Thang ăn.
- (6) Phó Duyệt trước khi làm tể tướng vua Vũ Đinh nhà Ân thì làm nghề thổ mộc ở Phó Nham.
- (7) Lã Thượng tức là Lã Vọng giúp Vũ Vương đánh Trụ.
- (8) Di Ngô tức Quản Trọng, vì theo công tử Củ khi Tể Hoàn Công giết công tử Củ, Quản Trọng bị tù.
- (9) Bách Lý Hề khi chưa làm thừa tướng Tần làm nghề chăn trâu.
- (10) Trọng Ni tức Khổng Tử (Xem Khổng Tử thế gia).
- (11) Bá Di phản đối việc Vũ Vương đánh Trụ, trốn lên núi Thù Dương chết đói ở đấy.
- (12) Chích, Cự: tên những người ăn trộm thời xưa.
- (13) Câu này của Trang Tử.
- (14) Chỉ Nguyên Hiến, Quý Thứ.
- (15) Chỉ Công Tôn Hoảng. Câu này theo lối phản ngữ, ý nói mỉa.
- (16) Duyên Lăng tức Quý Trát người thời Xuân Thu, không thấy nói đến việc tiếp tân khách. Mạnh Thường Quân, Tín Lăng Quân, Xuân Thân Quân đều là những người thời Chiến quốc, số tân khách trong nhà họ đến hai, ba ngàn.
- (17) Trách hai phái Nho và Mặc đều hẹp hòi đối với bọn du hiệp.
- (18) Tỏ rõ thái độ bênh vực những người du hiệp.
- (19) Xem Quý Bố, Loan Bô liệt truyện.
- (20) Ý nói khao khát.
- (21) Tức Chu Á Phu.
- (22) Ca ngợi tài và uy tín của Kịch Mạnh.
- (23) Không phải vì triều đình nghiêm trị mà bọn du hiệp hết.
- (24) Ý nói Quách Giải không trừng trị kẻ trợn mắt với mình, nhưng những người tuổi trẻ liền trả thù cho Giải mà không nói cho Giải biết.
- (25) Vì Giải giấu giếm những người phạm pháp nên họ không sợ mang tội xin đem những người khách này về nhà nuôi. Trở lên kể những hành động đạo đức của Giải khi lớn lên.
- (26) Năm 127 trước Công nguyên vua Vũ Đế sai dời những nhà giàu từ ba trăm vạn trở lên đến đất Mậu Lăng.
- (27) Vì Giải có tiếng hào phóng nên quan lại sợ mang tiếng che chở.
- (28) Để tỏ hành động của mình quang minh và cho người ta khỏi liên lụy.
- (29) Rõ ràng lối dùng văn chương làm rối pháp luật.

Phần 44

Hoạt Kê liệt truyện

1. Khổng Tử nói:

- Sáu kinh đối với việc trị dân đều thống nhất làm một(l). Kinh Lễ dùng để giữ gìn người ta. Kinh Nhạc dùng để gây vui. Kinh Thư dùng để kể việc. Kinh Thi để bày tỏ tình ý. Kinh Dịch để nêu sự thay đổi. Kinh Xuân Thu để dạy chính nghĩa.

Thái Sử Công nói:

- Đạo trời lồng lộng, to biết bao nhiêu! Lời nói bông đùa nếu hơi hợp chính đạo cũng đủ giải được những điều rắc rối(2).

2. Thuần Vu Khôn là người gửi rêu ở nước Tề. Minh cao không đầy bảy thước, giỏi bông lơn, có tài biện luận, mấy lần sang sứ chư hầu, chưa hề chịu thua, chịu nhục. Thời vua Tề Uy Vương, thích nói bóng gió, thích thứ nhạc đậm đặc, suốt đêm say sưa li bì, không lo chính sự mà giao tất cả cho bọn khanh, đại phu. Trăm quan biếng nhác rối loạn. Chư hầu kéo nhau đến xâm lấn. Thế nước nguy vong chỉ trong sớm tối. Các quan không ai dám can.

Thuần Vu Khôn dùng cách nói bóng gió để thuyết phục nhà vua.

- Trong nước có con chim lớn đậu ở giữa sân nhà vua. Ba năm nay nó không bay cũng không kêu. Nhà vua có biết con chim ấy là chim gì không?

Nhà vua nói:

- Con chim ấy không bay thì thôi, chứ đã bay thì tung trời! Không kêu thì thôi, chứ đã kêu thì làm cho người ta khiếp oai?

Nói thế rồi đòi các quan cầm đầu các huyện vào châu tất cả có 72 người. Thường một người, giết một người...Cắt quân ra đánh. Chư hầu hoảng sợ đều trả lại các đất đã lấy của Tề. Oai vua lừng lẫy ba mươi sáu năm. Việc này chép trong Điền, Hoàn thế gia(3). Năm thứ tám thời Uy Vương (371 trước Công nguyên) nước Sở đem đại quân đánh Tề. Vua Tề sai Thuần Vu Khôn sang Triệu xin quân cứu viện, vua sai đem đi một trăm cân vàng, mười cỗ xe bốn ngựa. Khôn ngửa mặt lên trời cả cười đứt cả dải mũ. Vua hỏi:

- Tiên sinh chê ít sao?

Khôn nói:

Đâu dám thế !

Vua nói:

- Thế cười là muốn nói gì?

- Sáng nay thần từ phương Đông lại đây. Thấy bên đường có kẻ cầu thần ruộng, đem bày một chén rượu, một chân giò mà khấn: “Ruộng cao đầy thúng ruộng thấp đầy xe! Ngũ cốc được lớn, đầy nhà ê hề!”. Thần thấy nó đưa lễ thì ít mà lòng mong thì quá nhiều cho nên cười.

Tề Uy Vương liền cho đem thêm một nghìn cân vàng, mười đôi ngọc bích trắng, trăm cỗ xe bốn ngựa. Khôn từ biệt ra đi. Sang Triệu, vua Triệu cho sang một nghìn cỗ xe bọc da, mười vạn quân tinh nhuệ. Vua Sở nghe tin đang đêm rút quân về. Uy Vương cả mừng, đặt tiệc ở hậu cung, mời Khôn, cho uống rượu, hỏi:

- Tiên sinh uống được bao nhiêu rượu thì say?

Khôn đáp:

- Thần uống một đấu cũng say, một hộc(4) cũng say.

Uy vương nói:

- Tiên sinh uống một đấu đã say thì uống thế nào được một hộc? Tiên sinh có thể cho biết tại sao lại nói như vậy không?

Khôn nói:

- Nếu cho rượu uống trước mặt đại vương, có quan chấp pháp đứng bên cạnh, quan ngự sử(5) nấp sau lưng thì Khôn sợ hãi cúi đầu mà uống, chỉ mới một đấu đã say. Nếu cha mẹ có khách Quý, Khôn vén áo khom lưng hầu rượu ở trước mặt, thỉnh thoảng ban cho mấy giọt rượu thừa, lại phải bưng chén chúc thọ, phải đứng lên hầu rượu luôn, như thế chỉ mới hai đấu đã say. Còn nếu bạn bè chơi bởi lâu ngày không gặp nhau, bỗng nhiên gặp gỡ, mừng rỡ kể chuyện cũ, đem chuyện riêng ra nói cùng nhau, như thế có thể uống được năm sáu đấu là say. Nhưng đến như ngày hội ở nhà quê,

trai gái ngồi lẫn lộn, mời rượu dâng dai, đánh bạc, ném hồ, kéo nhau tùm năm tùm ba, nắm tay cũng không ai phạt, mắt nhìn nhau cũng không ai cấm. Đứng trước có cái hoa tai đánh rơi, đằng sau có cái trâm bị bỏ sót, Khôn trộm lấy thế làm vui, có thể uống tám đấu cũng chỉ say hai phần. Khi trời chiều tiệc vẫn, dòn chén ngồi kê, gái trai cùng chiếu, giày dép lẫn lộn, chén bàn bừa bãi, trên thềm tắt đuốc, chủ nhân giữ Khôn ở lại mà tiễn khách ra, áo là cởi bỏ, thoáng thấy mùi hương phùng phức. Trong lúc bấy giờ lòng Khôn rất vui, có thể uống được một hộc. Vì vậy nói rượu quá hóa loạn, vui quá hóa buồn, muôn việc đều thế. Mọi việc đều không thể quá. Hết quá thì hỏng, nên dùng lời nói bóng mà can ngăn.

Vua Tề nói:

- Hay.

Bèn bãi bỏ việc uống rượu suốt đêm, cho Khôn coi việc tiếp khách chư hầu. Khi các tôn thất đặt tiệc rượu. Khôn thường ngồi một bên.

3. Sau đó, hơn một trăm năm, ở nước Sở có Ưu Mạnh. Ưu Mạnh là người nhạc công ở nước Sở. Minh cao tám thước, giỏi biện bác; thường dùng lời nói bông đùa để tỏ ý can ngăn. Thời Sở Trang Vương có con ngựa yêu, cho mặc áo gấm, đặt dưới mái nhà có chạm trổ, đứng trên cái giường không có màn, cho ăn táo khô. Con ngựa mắc bệnh béo mà chết. Nhà vua sai quần thần để tang, muốn dùng quan khách khâm liệm chôn theo lễ đại phu. Những người xung quanh can ngăn là không nên. Nhà vua ra lệnh:

- Ai dám can ngăn về việc ngựa thì chịu tội chết.

Ưu Mạnh nghe vậy, vào cửa điện ngẩng đầu lên trời, khóc rống. Nhà vua kinh ngạc hỏi vì sao.

Ưu Mạnh nói:

- Con ngựa là vật nhà vua yêu. Một nước đường đường như nước Sở làm cái gì chẳng được mà lại phải chôn theo lễ đại phu, như thế thì quá bạc. Xin chôn theo lễ nhà vua.

Nhà vua nói:

- Chôn như thế nào?

Ưu Mạnh nói:

- Thần xin đeo ngọc để làm áo quan, lấy gỗ tử có vân để làm quách, lấy gỗ biền, gỗ phong, gỗ dự chương để ở ngoài áo quan, sai quân sĩ mang áo giáp đào huyệt ở ngoài, những người già yếu mang đất, nước Tề, nước Triệu đứng tề ở trước, nước Hàn, nước Ngụy hộ vệ mặt sau, lập miếu thờ, dùng cỗ thái lao để tế, phong ấp vạn nhà(6). Chư hầu nghe vậy đều biết nhà vua coi rẻ người mà Quý ngựa(7).

Nhà vua nói:

- Quả nhân sai lầm đến thế à? Bây giờ nên làm thế nào?

Mạnh nói:

- Xin đại vương chôn như chôn súc vật. Lấy bếp để làm quách, lấy vạc đồng để làm quan tài, thêm vào gừng để làm gia vị, đặt trên mâm cỗ mộc lan, lấy gạo nếp để tế, cho mặc áo lụa để chôn vào trong bụng người ta.

Nhà vua bèn sai người giao ngựa cho viên quan lại coi việc bếp núc, không khiến thiên hạ nói đến việc chôn ngựa nữa.

Tướng quốc nước Sở là Tôn Thúc Ngao biết Ưu Mạnh là người hiền nên chơi thân với Mạnh. Đến khi mắc bệnh sắp chết, Ngao trời lại với con rằng:

- Ta chết, mày thế nào cũng nghèo khổ. Mày đến gặp Ưu Mạnh nói rằng mày là con ông Tôn Thúc Ngao.

Được mấy năm, người con nghèo khổ đi gánh củi, gặp Ưu Mạnh bèn nói:

- Tôi là con ông Tôn Thúc Ngao. Khi cha tôi sắp chết có trời lại rằng nếu tôi nghèo khổ thì sẽ tìm đến ông.

Ưu Mạnh nói:

- Ông chớ có đi đâu xa.

Bèn làm áo mũ của Tôn Thúc Ngao bắt chước cử chỉ lời nói. Được hơn một năm ròng thì y như Tôn Thúc Ngao. Vua Sở và người xung quanh không ai phản biện được. Sở Trang Vương đặt tiệc rượu, Ưu Mạnh tiến ra chúc thọ, Trang Vương kinh hãi, cho là Thúc Ngao sống lại, muốn cho làm tướng quốc. Ưu Mạnh nói:

- Xin cho thần về bàn với vợ, ba hôm nữa sẽ làm tướng quốc.

Trang Vương bằng lòng. Ba bốn hôm sau Ưu Mạnh lại đến. Nhà vua nói:

- Vợ nhà người nói thế nào?

Ưu Mạnh đáp:

- Vợ thần bảo chó có làm, không nên làm tể tướng nước Sở! Đấy Tôn Thúc Ngao làm tể tướng nước Sở, cai trị nước Sở hết sức trung thành và liêm khiết, nhờ vậy vua nước Sở được làm bá. Nhưng nay chết rồi, người con không có đất cắm dùi, nghèo khổ, gánh củi để kiếm ăn. Nếu làm như Tôn Thúc Ngao thì không bằng tự sát cho rồi.

Nhân đó hát rằng:

- Ở trong núi cày ruộng khổ, kiếm ăn khó: Ra làm quan, thấy bọn tham lam bỉ ổi có nhiều của, không nghĩ đến sĩ nhục, khi chết nhà giàu có. Nhưng lại sợ lấy của hối lộ, phạm pháp, làm niệc gian, mắc tội nặng thân bị giết, nhà cũng bị diệt vong. Làm tham quan làm gì! Làm quan thanh liêm giữ phép tắc, giữ chức vụ đến chết không dám làm điều trái. Làm quan thanh liêm làm gì? Tể tướng nước Sở là Tôn Thúc Ngao, giữ gìn thanh liêm cho đến chết; nhưng nay vợ con nghèo khổ gánh củi để kiếm ăn, không nên làm!

Trang Vương bên cảm tạ Ưu Mạnh và gọi con của Tôn Thúc Ngao ra phong cho đất Tầm Khâu có bốn trăm hộ để lo việc tế tự. Đến mười đời sau, đất phong cũng không mất. Trí khôn ấy có thể nói việc thời ghi vậy(8).

4. Hơn hai trăm năm sau, nước Tần có Ưu Chiên, Ưu Chiên là con hát Tần, người lùn, giỏi cách nói bông đùa, nhưng lại hợp đạo lớn. Thời Tần Thủy Hoàng đặt tiệc rượu, bỗng gặp trời mưa to. Những người đứng hầu ngoài thềm đều bị ướt và lạnh. Ưu Chiên thấy thế thương họ, bảo họ rằng:

- Các anh có muốn nghỉ hay không?

Những người đứng hầu ngoài thềm đều nói:

- Được thế thì may lắm.

Ưu Chiên nói:

- Khi nào ta gọi các người thì các người phải “dạ” ngay.

Được một lát, ở trên diện chúc thọ hô “vạn tuế”. Ưu Chiên đến lan can hô lớn:

- Các quan đang ở dưới thềm!

Các quan lang nói:

- Dạ!

Ưu Chiên nói:

- Các người cao lớn có ích gì! Lại đứng ngoài trời bị mắc mưa. Ta đây tuy lùn thấp nhưng được ở trong nhà nghỉ ngơi.

Tần Thủy Hoàng bèn cho những người hầu ở thềm được chia đôi thay phiên nhau chầu chực.

Thủy Hoàng thường bàn mở rộng vườn của nhà vua phía Đông đến cửa ải Hàm Cốc, phía Tây đến đất Ung, đất Trần Thương.

Ưu Chiên nói:

- Hay lắm! Cứ thả nhiều cầm thú vào đấy. Nếu kẻ cướp từ phương Đông đến thì chỉ sai hươu nai húc chúng cũng đủ.

Tần Thủy Hoàng vì vậy thôi không làm nữa. Đến khi Tần Nhị Thế lên ngôi lại muốn sơn thành. Ưu Chiên nói:

- Hay lắm? Chúa thượng tuy không nói, nhưng thần cũng đã muốn xin điều đó. Sơn thành tuy làm trăm họ khổ sở và tốn kém, nhưng đẹp làm sao! Thành xây láng bóng, giặc đến không sao trèo lên được. Nếu như muốn trèo lên thì dễ bị sơn lâm vào người. Chỉ khổ một điều bị sơn lâm vào người, không làm được nhà che.

Tần Nhị Thế cười. Vì vậy bỏ việc đó. Chẳng bao lâu Nhị Thế bị giết chết. Ưu Chiên về nhà Hán được mấy năm thì mất.

5. Thái sử công nói:

- Thuần Vu Khôn ngẩng mặt lên trời cả cười, Tề Uy Vương đắc chí? Ưu Mạnh lắc đầu mà ca, người gánh củi được đất phong. Ưu Chiên đến lan can hô lớn, những người ở dưới thềm lần lượt được thay thế nhau một nửa chẳng phải là việc lớn đáng khen hay sao?

Chữ tiên sinh(9) nói:

- Tôi may mắn nhờ được nho thuật mà làm quan lang lại thích đọc những lời lưu truyền của các sách ngoài, xin mạo muội chép thêm tất cả những chuyện bông đùa gồm sáu chương vào đây. Như thế có thể mở rộng kiến văn để người sau ai tò mò xem cũng sướng lòng hả dạ, đừng giúp thêm vào ba chương của Thái sử công.

6. Trong thời Vũ Đế, có người con hát nhà vua yêu tên là Quách Xá Nhân. Khi nói năng trình bày tuy không hợp đạo lớn, nhưng khiến nhà vua vui lòng. Khi Vũ Đế còn nhỏ, mẹ của Đông Vũ Hầu thường nuôi nấng nhà vua. Đến khi lớn lên, nhà vua gọi bà ta là “vú nuôi lớn”, cứ một tháng cho vào chầu hai lần. Khi vào chầu có chiếu chỉ sai người tới yêu là Mã Du Khanh cho nhũ mẫu năm mươi tấm lụa, lại cho cơm khô, rượu để nuôi nhũ mẫu. Nhũ mẫu làm đơn dâng lên, nói: “Xin nhà vua cho tôi sử dụng những công điền ở...”. Nhà vua nói: “Nhũ mẫu muốn được công điền à? Thôi thì cho nhũ mẫu”. Những điều mà nhũ mẫu muốn đều được nhà vua ưng thuận. Có chiếu chỉ cho nhũ mẫu được ngồi xe đi vào giữa công đường của nhà vua. Lúc bấy giờ các công khanh và đại thần đều kính trọng nhũ mẫu. Con cháu tôi tớ của nhũ mẫu hoành hành ngang dọc đất Trường An. Giữa đường chặn đón xe ngựa người ta, cướp giật áo quần người ta. Trong cung biết chuyện ấy nhưng không nỡ bắt trị tội. Quan coi việc pháp luật xin nhà vua dời nhà của nhũ mẫu ra ngoài biên giới. Lờn tâu được chuẩn ý. Trước khi vào từ biệt nhà vua nhũ mẫu đến gặp Quách Xá Nhân khóc lóc về việc đó. Xá Nhân nói:

- Khi vào từ biệt nhà vua rồi trở ra cứ đi nhanh, nhưng quay lại nhìn mấy lần.

Nhũ mẫu cứ làm theo lời nói, từ biệt ra đi, quay lại nhìn mấy lần, Quách Xá Nhân lớn tiếng mắng:

- Ô kìa! Cái mẹ già này! Sao không đi nhanh cho rồi. Bệ hạ lớn rồi có cần bú mớm mà nữa đâu, quay lại nhìn làm cái gì?

Nhà vua thương hại bà ta, bèn ra lệnh đình chỉ; không rời nhà nhũ mẫu ra biên giới nữa, phạt đầy người gièm pha.

7. Thời Vũ Đế có người nước Tề, họ Đông Phương tên là Sóc thích đọc sách truyện xưa, yêu đạo Nho, xem nhiều sách các nhà. Lúc đầu Sóc vào Trường An. Đến công xa dâng thơ, vào khoảng ba nghìn thẻ tre(10). Công xa(11) sai hai người ôm thẻ tre đưa lên mới nổi. Nhà vua ở trong cung đọc ngừng lại chỗ nào thì dành dấu chỗ đó, đọc hai tháng mới hết. Chiếu cho Sóc làm quan lang, thường hầu ở bên cạnh nhà vua, nhà vua mấy lần gọi đến trước mặt để nói chuyện, không lần nào nhà vua không vui lòng, có khi cho thức ăn trước mặt vua. Sóc ăn xong còn bao nhiêu thịt thì mang đi làm bữa hết cả áo. Mấy lần nhà vua thưởng lụa là, Sóc vác lên vai mà đi. Dùng tất cả lụa tiền vua cho để lấy những người con gái đẹp và trẻ ở Trường An. Cứ lấy được một năm lại bỏ, lấy người vợ khác. Nhà vua cho được bao nhiêu tiền của đều tiêu hết vào việc lấy vợ. Các quan lang xung quanh nhà vua, phân nửa gọi Sóc là anh cuồng.

Nhà vua nghe vậy nói:

- Nếu Sóc làm quan mà không có điều này thì các người làm sao kịp nó được.

Sóc cử con làm quan lang, lại làm người yết giả để chầu chực, thường cầm cờ tiết đi sứ. Sóc đi trong điện có quan lang bảo:

- Người ta đều bảo tiên sinh là người cuồng.

Sóc nói:

- Như bọn Sóc đây có thể gọi là trốn đời ở giữa triều đình vậy. Người đời xưa thì mới trốn đời ở trong núi sâu.

Sóc thường ngồi trên chiếu uống rượu, say bò trên đất mà hát:

- “Luân lạc cùng với bọn thế tục, ở ẩn cửa Kim mã. Trong cung điện, có thể trốn đời, bảo toàn thân mình, cần gì phải vào nơi núi sâu ngồi dưới lều cỏ!”.

Cửa Kim mã là cửa quan. Hai bên có hai con ngựa lồng nên gọi là “cửa Kim mã”. Sóc trường cùng với các bác sĩ họp nhau ở trong cung bàn luận. Những người kia hỏi vặn Sóc(12):

- Tô Tần, Trương Nghi một khi gặp các vị vua có vạ cỗ xe đều lên địa vị khanh tướng, ơn đức lưu lại đến đời sau. Nay ông trau dồi đạo tiên vương; hâm mộ cái nghĩa của thánh nhân, đọc thuộc ngâm nga lời của Kinh Thi, Kinh Thư, bách gia, kể không thể hết. Viết ở trên tre lụa, cho rằng trong thiên hạ không ai bằng mình. Như thế có thể gọi là kẻ biết nhiều, có tài biện luận vậy. Nhưng ông đem hết sức hết lòng để thờ thánh đế, đến nay, ngày qua tháng lại đã được mấy chục năm ròng mà chức quan chẳng qua chỉ thị lang(18), địa vị thực ra chỉ cảm kích để hầu, như thế có phải còn điều

gì thiếu sót chăng? Thế là tại làm sao?

Đông Phương Sóc nói:

- Đó không phải là điều các ông biết được! Thời xưa khác, thời nay khác, có phải giống nhau đâu? Thời Trương Nghi, Tô Tần ngày xưa là lúc nhà Chu tan rã, chư hầu không vào châu. Về chính trị thì dùng võ lực tranh nhau quyền thế, đem binh giữ nhau, thôn tính nhau còn lại mười hai nước(14) không ai hơn ai. Nước nào được kẻ sĩ thì mạnh, nước nào mất kẻ sĩ thì mất nước. Vì thế cho nên kẻ sĩ nói được nghe, đi được lọt, thân mình ở địa vị tôn quý, ơn đức để lại đời sau, con cháu mãi mãi vinh hiển. Ngày nay không phải thế nữa! Thánh đế ở trên, ơn đức tưới khắp thiên hạ, chư hầu theo phục, uy thế vang đến tứ di, cả ngoài bốn biển cũng đều liên như chiếu thế yên ổn như cái chậu úp sập, tất cả thiên hạ đều cân bằng, thu vào một nhà, có việc gì muốn làm thì dễ như trở bàn tay. Bấy giờ người hiền người dốt có khác gì nữa đâu! Trong lúc này thiên hạ to lớn, kẻ sĩ và dân chúng đông đúc những người đem hết tâm lực, học thuyết, kéo nhau tụ tập không thể kể hết. Những kẻ hết sức theo nghĩa, ăn mặc còn thiếu thốn, có kẻ mất cả thể diện, gia thế. Giả sử Trương Nghi, Tô Tần cùng tôi đều sinh ra đời này thì họ sẽ không được chức quan chường cổ, chứ làm gì mong đến chức thường thị thị lang. Truyện có câu: “Trong thiên hạ nếu không có điều nguy hại, tai họa, thì tuy thành nhân cũng không có chỗ để thi thố tài năng. Trên dưới hòa hợp thì tuy người hiền cũng không có cách gì lập công”. Cho nên nói rằng thời đổi khác thì việc đổi khác. Tuy nhiên điều đó đâu phải là để ta không lo tu thân? Kinh Thi nói: “Chuông đánh ở cung tiếng vang ra ngoài. Hạc kêu nơi ao đầm xa xôi, tiếng nghe trên trời”. Nếu mình tu thân thì lo gì không được hiển vinh! Xưa Thái công lo làm việc nhân đức, năm bảy mươi hai tuổi gặp Văn Vương được thực hành cái thuyết của mình, được phong đất ở Tề bảy trăm năm mà không dứt. Chính vì vậy cho nên kẻ sĩ ngày đêm lo lắng, trau dồi việc học, thực hành đạo nghĩa, không dám thôi. Nay những người xử sĩ(15), trên đời tuy chưa được gặp thời, vẫn đứng nghiêm nhiên ở một nơi, một mình sừng sững trên xem Hứa Do dưới nhìn Tiệp Du(16), theo sách lược của Phạm Lãi, trung thành hợp với Tử Tư thiên hạ hòa bình tu thân để giữ gìn mình. Nếu mình cô độc ít có bạn bè thì đó là lẽ thường. Các ông sao lại nghi ngờ ta? Các vị bác sĩ đều im lặng không biết lấy gì đáp lại.

Ở lan can nhà gác sau cung Kiến Chương, có con vật xuất hiện, hình nó giống như con nai. Người ta tâu lên, Vũ Đế đến xem, hỏi các quan chung quanh và những người am hiểu đạo nho, nhưng không ai biết là con gì! Sai Đông Phương Sóc đến xem. Sóc nói:

- Thần biết. Xin nhà vua cho rượu ngon cơm ngọt đãi thần một bữa tiệc sang thì thần mới nói.

Chiều nói:

- Được.

Sóc lại nói:

- Ở nơi nọ có mấy sớ công điền, ao cá, mấy khoảnh đất lau lách, bệ hạ cho thần thì thần Sóc này mới nói.

Bấy giờ Sóc mới chịu nói:

- Con ấy là con Sô nha. Nơi xa xôi sắp theo về thần phục cho nên con Sô nha xuất hiện trước. Răng cửa răng hàm nó như nhau, bằng nhau như không có răng vậy, cho nên gọi nó là Sô nha.

Sau đó một năm, quả nhiên vua Hồn Gia của Hung Nô đem mười vạn người đến đầu hàng Hán.

Nhà vua bèn thưởng cho Sóc rất nhiều tiền bạc. Sóc sắp mất, can nhà vua:

- Kinh Thi có câu: “Làng xanh nhưng nhúc, đậu ở rào giậu. Người quân tử chớ nghe lời gièm pha. Lời gièm pha vô cùng làm rối loạn các nước bốn phương”. Xin bệ hạ đuổi xa bọn xu nịnh, gạt bỏ lời gièm pha.

Nhà vua nói:

- Ngày nay Đông Phương Sóc cũng nói những lời hay thế sao?

Và lấy làm lạ. Được ít lâu, quả nhiên Sóc mắc bệnh chết. Truyện có câu: “Con chim sắp chết thì tiếng kêu thảm thương, con người sắp chết thì lời nói hay(17) là ý nghĩa như vậy.

8. Trong thời Vũ Đế, đại tướng quân Vệ Thanh là anh của Vệ Hậu được phong làm Trường Bình Hầu. Vệ Thanh đem quân đi đánh Hung Nô, đến Dư Ngô Thủy(18) chém thủ cấp bắt giặc, có công trở về, vua ban chiếu thưởng một ngàn cân vàng. Khi tướng quân ra khỏi cửa cung, có người nước Tề là Đông Quách tiên sinh về làm phương sĩ cho nên châu chực ở nha môn công xa, giữa đường ngăn xe của Vệ tướng quân lại mà nói:

- Xin cho trình bày sự việc.

Tướng quân dừng xe lại cho Đông Quách tiên sinh đến trước mặt. Đông Quách đến bên xe nói:

- Vương phu nhân mới được nhà vua yêu, nhà phu nhân nghèo. Nay tướng quân mới được ngàn cân vàng, nếu đem một nửa cho người bà con của Vương phu nhân, nhà vua biết thế nào cũng vui lòng. Điều đó có thể gọi là kế lạ và nhanh vậy:

Vệ tướng quân cảm tạ và nói:

- Tiên sinh bày cho tôi cái kế hay, tôi xin vâng lời.

Đoạn Vệ tướng quân đem năm trăm cân vàng làm lễ chúc thọ thân nhân của Vương phu nhân.

Vương phu nhân đem việc ấy nói với Vũ Đế. Vũ Đế nói:

- Đại tướng quân không biết điều đó đâu?

Hỏi Vệ Thanh:

- Ông nghe theo kế của ai?

Vệ Thanh đáp:

- Nghe theo lời người chờ chiếu là Đông Quách tiên sinh.

Nhà vua gọi Đông Quách tiên sinh vào và cho làm đô úy ở quận. Đông Quách tiên sinh đã lâu ngồi chờ chiếu ở công xa, nghèo khổ, đói rét, quần áo rách rưới, giày không còn nguyên. Khi đi giữa tuyết, giày chỉ còn mu ở trên mà không còn đế, chân giẫm đất. Người trên đường cười chế nhạo.

Đông Quách tiên sinh trả lời ngay:

- Ai có thể đi trên tuyết mà khiến cho người ta thấy ở trên là giày, ở dưới vẫn là chân được đâu?

Đến khi được bổ làm quan hai nghìn hộ lương, Đông Quách tiên sinh mang dải ấn xanh ra khỏi cửa cung(19) đến tạ người chủ trọ. Thì ra người này trước đây cũng là người chờ chiếu làm quan như mình, đứng tiền mình ở ngoài đô thành. Đông Quách tiên sinh lên đường vinh hoa lập danh trong đời. Có thể nói là người mặc áo ngắn mà mang đồ quý vậy. Khi ông ta nghèo khổ, không ai nhìn ngó, đến khi giàu có, người ta lại tranh nhau xu phụ. Ngạn ngữ có câu: “Xem ngựa thấy nó gầy nên không biết là ngựa hay, xem kẻ sĩ thấy họ nghèo nên không biết họ giỏi”, phải chăng là ý nghĩa như vậy?

Vương phu nhân ốm nặng, nhà vua thân hành đến hỏi:

- Con nàng sẽ làm vương. Nàng muốn con nàng làm vương ở đâu.

Vương phu nhân đáp:

- Muốn làm vương ở Lạc Dương.

Nhà vua nói:

- Không được, Lạc Dương có kho vũ khí, kho lúa, giữ cửa quan, là yết hầu của thiên hạ. Từ tiên đế đến nay, không hề đặt vương ở đây. Nhưng các nước ở quan đông không có nước nào lớn bằng nước Tề, có thể cho làm Tề vương.

Vương phu nhân lấy tay đập vào đầu kêu:

- Thế thì may lắm.

Vương phu nhân chết, hiệu là “Tề vương thái hậu chết”(20).

9. Ngày xưa Tề Vương sai Thuần Vu Khôn dâng chim học cho nước Sở. Đi khỏi cửa ải, giữa đường chim bay mất, chỉ còn lại cái lồng không. Thuần Vu Khôn đặt lời nói dối, đến gặp Sở Vương:

- Tề Vương sai thần đem chim hoàng học đến biếu. Khi đi qua trên mặt nước, thần khôngỡ để cho chim khát nên đem ra cho uống. Chim bỏ thần bay mất. Thần muốn đâm bụng thắt cổ mà chết.

Nhưng sợ người ta nói rằng nhà vua vì việc chim muông mà bắt kẻ sĩ phải tự sát. Học là một thứ chim có nhiều con giống, thần muốn mua chim khác thay vào nhưng sợ làm thế là không tin và lừa dối nhà vua. Thần muốn chạy trốn sang nước khác, nhưng đau lòng về việc sứ thần qua lại giữa hai vị vua bị đoạn tuyệt, cho nên thần đến đây dập đầu xin chịu tội với đại vương.

Vua Sở nói:

- Tốt lắm! Tề Vương có kẻ sĩ trung tín như thế sao?

Bèn thưởng rất hậu, tiền bạc gấp đôi so với việc hiến chim học.

10. Trong thời Vũ Đế nhà vua mời thái thú Bắc Hải đến nơi nhà vua ở. Người lo việc giấy tờ là ông Vương xin được cùng đi với thái thú, nói:

- Tôi sẽ giúp ích được cho ông.

Thái thú bằng lòng. Các viên thư lại trong phủ đều nói:

- Ông Vương là người thích rượu, lắm lời nhưng trống rỗng, sợ không thể cùng đi.

Thái thú nói:

- Ý ông ta muốn đi, ta không thể trái.

Bèn cùng ông ta đi. Đến chờ chiếu nhà vua ở cửa cung. Ông Vương chỉ mang tiền mua rượu cùng viên quan coi vệ binh uống say cả ngày không gặp thái thú. Thái thú vào quỹ bách kiến. Ông Vương nói với viên quan coi cửa:

- Nhờ ông ngoảnh vào cửa quan, gọi vọng ông chủ tôi giúp.

Quan coi cửa cung gọi thái thú. Thái thú đến thấy ông Vương ở đằng xa. Ông Vương nói:

- Nếu thiên tử hỏi ngài cai trị đất Bắc Hải như thế nào mà không có trộm cướp thì ngài trả lời như thế nào?

Thái thú đáp:

- Chọn và cất nhắc đúng người tài, ai cũng dùng đúng năng lực của họ, thưởng những người giỏi, phạt những người kém.

Ông Vương nói:

- Đáp như thế là tự đề cao, tự khoe công. Không nên. Ngài cứ đáp: “Đó không phải là sức của thần. Đó là nhờ thần linh uy vũ của bệ hạ đã cảm hoá được lòng dân”.

- Được! Phải đấy.

Khi thái thú được triệu vào, đến dưới điện có chiếu hỏi:

- Nhà ngươi cai trị đất Bắc Hải như thế nào mà trộm cướp không nổi lên?

Thái thú dập đầu đáp:

- Đó không phải công của thần. Đó là nhờ thần linh uy vũ của bệ hạ cảm hóa được lòng dân.

Vũ Đế cả cười nói:

- Ủa, ông làm sao có được lời nói của bậc trưởng giả mà trình bày như vậy? Ai bày cho ông đấy?

Thái thú đáp:

- Tôi học của người coi việc văn thư.

Nhà vua hỏi:

- Ông ta nay ở đâu?

- Ở ngoài cửa cung.

Nhà vua cho chiếu gọi vào, cho ông Vương làm thủy hành thừa(21), cho thái thú Bắc Hải làm thủy hành đô úy(22). Truyện có câu: “Lời nói đẹp có thể đem ra mà mức được, phẩm hạnh cao quý có thể làm cho cao hơn người được. Người quân tử lấy lời nói để tiến nhau, kẻ tiểu nhân lấy tiền của để tiến nhau”.

11. Thời Ngụy Văn Hầu, Tây Môn Báo làm huyện lệnh ở ấp Nghiệp. Báo đến ấp Nghiệp gặp các trưởng lão hỏi dân tình khổ sở vì điều gì? Các vị trưởng lão nói:

- Khổ vì chuyện Hà Bá lấy vợ nên dân nghèo.

Báo hỏi tại sao, họ đáp:

- Quan tam lão(23) và những người thuộc lại mỗi năm thu thuế trăm hộ được mấy trăm vạn, lấy ra hai ba mươi vạn để cưới vợ cho Hà Bá. Còn bao nhiêu thì giao cho ông đồng bà cốt chia nhau mang về. Đến lúc ấy, bọn bà cốt đi thấy nhà nào có con gái đẹp thì nói nên gả cho Hà Bá và đem đồ sính lễ đến cưới. Họ tắm rửa cho cô ta xong, lấy the lụa mặc cho cô ta, cho ở một mình, ăn chay, dựng nhà trai cung ở trên bờ sông Hoàng Hà, bày cờ đồ màn the, cho người con gái sống ở trong cung. Cô ta có đủ thịt bò, rượu, cơm. Làm như thế hơn mười ngày. Sau đó lại đánh phấn tô điểm cho cô ta, chuẩn bị giường chiếu như cô dâu thật, để cô gái trên giường cho trôi ở trên sông Hoàng Hà. Lúc đầu còn trôi ở trên mặt nước, đi đến mấy dặm rồi mới chìm. Nhà nào có con gái đẹp cũng rất sợ ông đồng bà cốt bắt gả cho Hà Bá. Cho nên nhiều người mang con gái trốn đi nơi xa. Vì thế trong thành vắng tanh không người, lại càng đói kém. Tục này đã có từ lâu. Dân gian có câu tục ngữ tương truyền: “Nếu không lấy vợ cho Hà Bá thì nước dâng lên chết hết dân”.

Tây Môn Báo nói:

- Khi nào Hà Bá lấy vợ, xin cụ tam lão, các ông đồng bà cốt, các phụ lão tiền người con gái trên sông Hoàng Hà đến nói với tôi; tôi cũng muốn tiền cô ta.

Họ đều nói:

- Dạ.

Đến hôm ấy, Tây Môn Báo đến họp trên sông Hoàng Hà. Cụ tam lão, các thuộc lại, những người tai mắt, các bộ lão trong làng nhân dân đến xem hai ba nghìn người. Bà cốt là nhột bà già, tuổi đã bảy mươi. Bọn con gái làm đệ tử theo bà đến mười người. Tất cả đều mặc áo the mỏng đứng đằng sau bà cốt chính. Tây Môn Báo nói:

- Gọi người vợ Hà Bá đến đây xem xấu đẹp thế nào?

Người ta hèn dẫn người con gái ở trong màn ra trước mặt Báo. Báo nhìn người ấy, đoạn quay lại bảo tam lão, ông đồng bà cốt:

- Người con gái này không đẹp. Phiền bà cốt xuống sông báo với Hà Bá khi nào tìm được người đẹp để thay sẽ đưa dâu.

Liên sai thuộc hạ và quân lính ôm bà cốt già ném xuống sông Hoàng Hà. Một lát sau, Báo lại nói:

- Bà cốt già sao đi lâu thế? Các đệ tử phải giục bà ấy đi!

Lại sai ném một người đệ tử xuống sông. Một lúc sau, Báo lại nói:

- Đệ tử sao lâu về thế? Phải sai một người nữa đi giục họ về.

Lại ném một đệ tử xuống sông nữa. Tây Môn Báo lại nói:

- Bà cốt già và đệ tử đều là đàn bà con gái không thể trình bày công việc được. Xin phiền vị tam lão xuống trình bày đầu đuôi.

Lại sai ném tam lão xuống sông Hoàng Hà. Tây Môn Báo cấm bút lên đầu làm ra vẻ cung kính quay về phía sông một hồi lâu. Các vị trưởng lão và thuộc lại đứng bên cạnh đều sợ hãi. Tây Môn Báo quay lại nói:

- Bà cốt già, tam lão không về! Bây giờ làm thế nào?

Muốn sai một người thuộc lại và một người trưởng lão xuống giục.

Hai người này đập đầu van xin, đầu muốn vỡ, máu chảy lênh láng trên đất, sắc mặt xám như tro ngụi. Tây Môn Báo nói:

- Được ta hãy đợi một chút.

Một lát sau, Tây Môn Báo bảo:

Ông lại đứng đây, Hà Bá giữ khách như thế lâu rồi. Cho tất cả về nhà.

Thuộc lại và dân chúng ấp Nghiệp đều hoảng sợ. Từ đó về sau không ai dám nói đến việc Hà Bá lấy vợ nữa. Tây Môn Báo sai dân đào mười hai con ngòi để đem nước sông Hà vào tưới ruộng của dân, ruộng đều đầy nước. Lúc bấy giờ dân chúng đào ngòi rất khổ cực, không muốn làm, Báo nói:

- Dân chúng có thể vui thích khi việc đã thành, nhưng không thể cùng họ lo toan khi bắt đầu làm.

Nay các cụ và con em tuy lo lắng, khổ sở vì ta, nhưng một trăm năm sau thế nào con cháu của các cụ cũng sẽ nhớ đến lời ta.

Đến nay, nhờ được thủy lợi, nhân dân đều được no đủ, giàu có. Mười hai con ngòi chạy thẳng, cắt mất đường của xe. Đến khi nhà Hán lên, quan lại cho rằng cầu của mười hai cái ngòi chắn mất đường đi, các ngòi lại gần nhau không tiện, muốn hợp các ngòi lại, ở trên đường cái, gộp ba ngòi làm một cầu. Nhân dân và các phụ lão đất Nghiệp không chịu nghe quan lại, cho rằng đó là điều Tây Môn Báo đã làm. Phép tắc của người hiền không thể thay đổi được. Rút cục quan lại phải nghe theo, gác việc ấy lại. Tây Môn Báo làm huyện lệnh đất Nghiệp nổi tiếng trong thiên hạ, ơn đức lưu lại đời sau không khi nào hết. Chẳng phải là một vị đại hiền sao?

Truyện nói: “Từ Sản cai trị đất Trịnh, dân không thể dối. Từ Tiễn cai trị đất Đan Phụ, dân không nỡ dối. Tây Môn Báo cai trị đất Nghiệp, dân không dám dối”. Tài năng của ba người này ai giỏi hơn? Người nào biết phân tích đạo trị người thì mới biết điều đó(24).

Chú thích:

(1) Văn lục kinh tuy khác nhau nhưng đều thống nhất ở chỗ có tác dụng chính trị.

(2) Tác giả cho những lời bông đùa cũng xếp vào loại Lục Kinh. Đó là một ý kiến táo bạo.

(3) Một thiên trong Sử ký, tức là thiên Điền Kinh, Trọng Hoàn thế gia (không dịch).

(4) Một học bằng mười đầu.

(5) Cháp pháp và ngự sử đều là những quan coi về nghi lễ.

(6) Dùng lối phản ngữ làm cho việc chôn ngựa thành ra lộ bịch.

(7) Then chốt là ở câu này.

(8) Việc hợp thời nên làm.

- (9) Chữ Thiệu Tôn người đời Hán, làm bác sĩ thời Thành đế, Nguyên đế có bổ sung vào Sử ký của Tư Mã Thiên. Từ đoạn này trở đi là của Chữ Thiệu tôn.
- (10) Bây giờ chưa có giấy, ghi chép dùng dao khắc vào gỗ, tre.
- (11) Chức quan coi việc giấy tờ các nơi đưa đến nhà vua hoặc nhà vua đi các nơi.
- (12) Từ “Những người kia...” đến “không biết lấy gì đáp lại” là bài “Giải trào” của Đông Phương Sóc, Sóc cũng sinh một thời với Tư Mã Thiên, cái nhìn của Sóc về thời đại của mình rất là tiêu biểu.
- (13) Chức thị lang đời Hán chỉ có nhiệm vụ cầm kích canh phòng trong cung khác chức thị lang triều Nguyễn là một chức quan to.
- (14) Thời Tô Tần, Trương Nghi.
- (15) Kẻ sĩ ở nhà chưa ra làm quan.
- (16) Hứa Do là ẩn sĩ. Nghiêu nhường ngôi cho Hứa Do. Hứa Do không nhận. Tiếp Dư là ẩn sĩ ở nước Sở cùng thời với Khổng Tử.
- (17) Luận ngữ, thiên “Thái bá”.
- (18) Hiện nay là biên giới phía Bắc nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ.
- (19) Đô úy mang dải ấn màu xanh.
- (20) Điều đó chứng tỏ con sẽ làm Tề Vương.
- (21) Người giúp việc cho thủy hành đô úy.
- (22) Cõi vườn Thượng Lâm của nhà vua. .
- (23) Chức quan ngày xưa coi việc giáo huấn trong làng.
- (24) Ý nói: Tử Sản thông minh không ai dối được; Tử Tiễn được dân yêu không ai nỡ dối; dân sợ Tây Môn Báo không ai dám dối.